

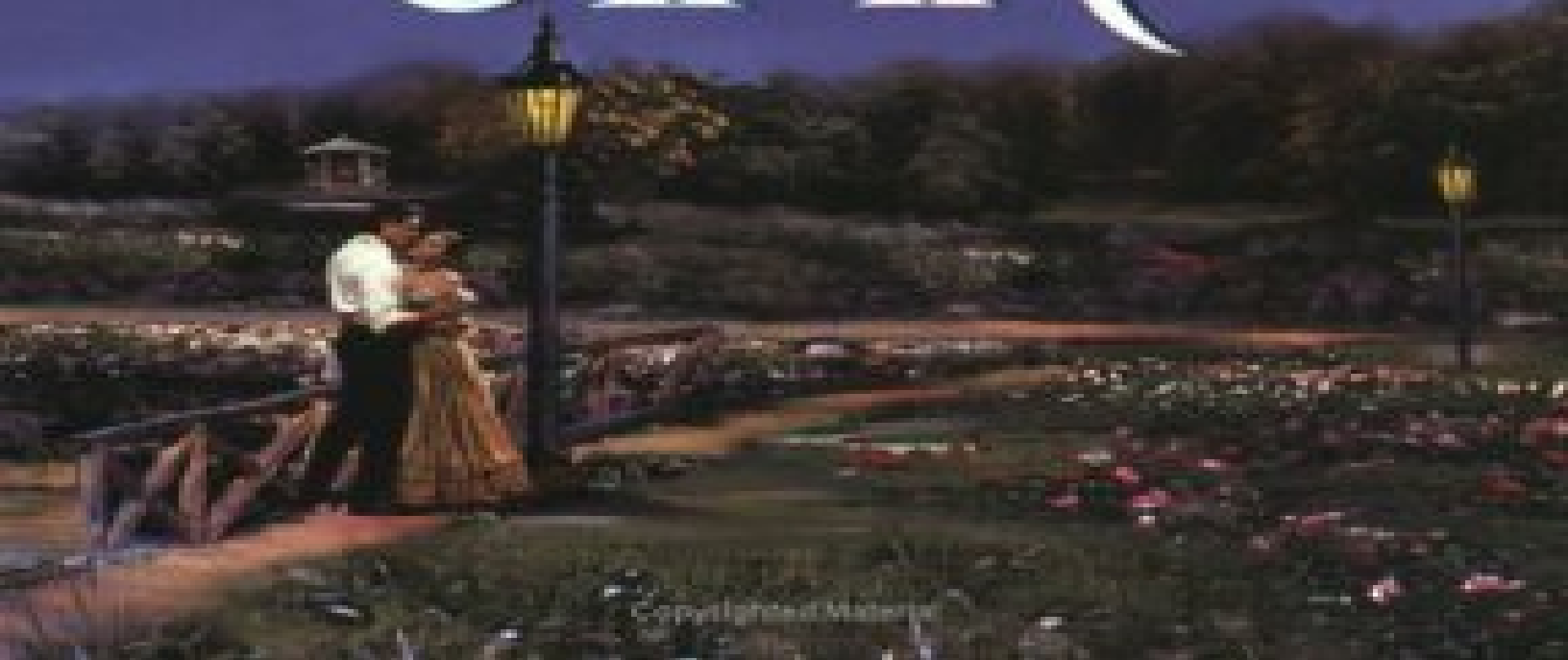
Copyrighted Material

NEW YORK TIMES BESTSELLER

LAURA KINSALE

"Pure magic from beginning to end." Nora Roberts

THE
SHADOW
AND THE
STAR



Copyrighted Material

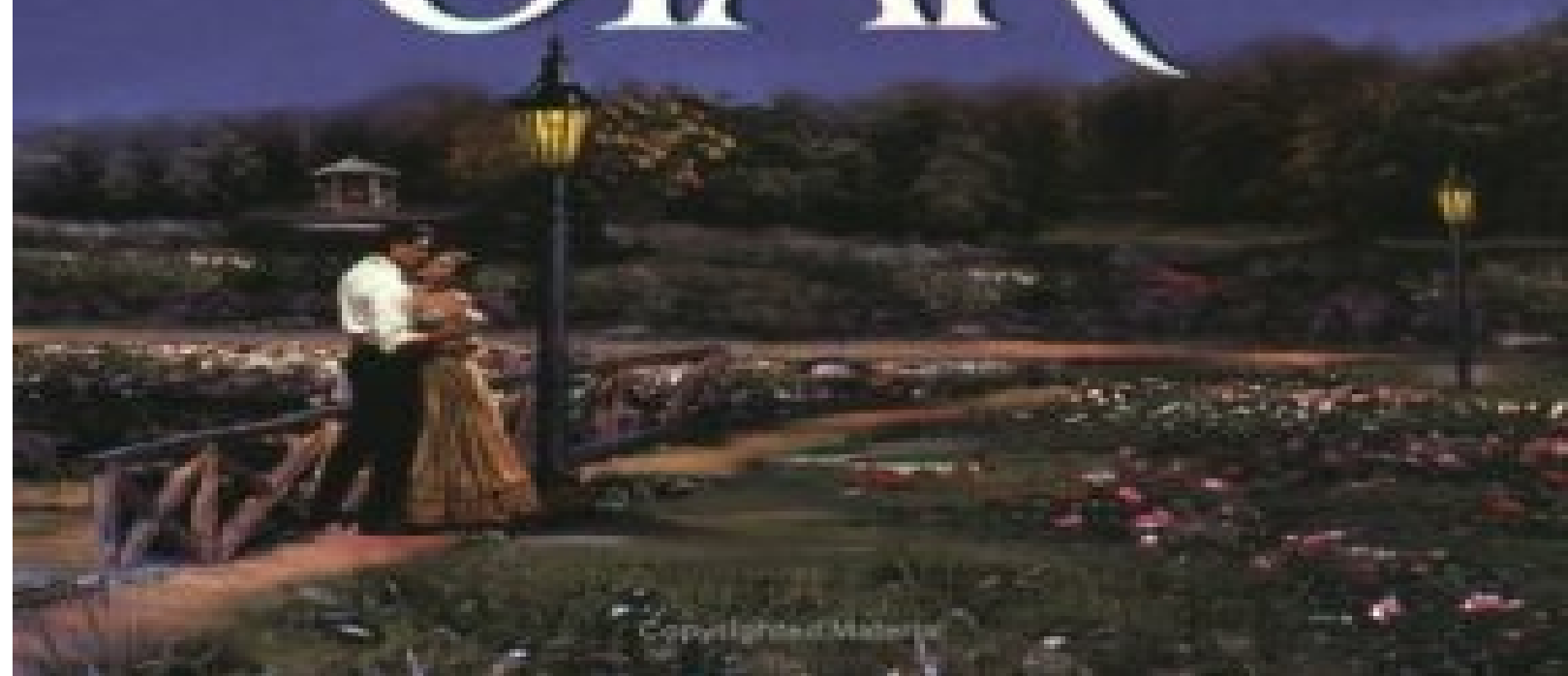
Copyrighted Material

NEW YORK TIMES BESTSELLER

LAURA KINSALE

"Pure magic from beginning to end." Nora Roberts

THE
SHADOW
AND THE
STAR



Copyrighted Material

MÀN ĐÊM VÀ ÁNH SAO

LAURA KINSALE

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[Bình luận của tác giả](#)

[Võ sĩ trong bóng tối](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

Bình luận của tác giả

Khi được hỏi cuốn truyện nào mà tôi yêu thích nhất, tôi luôn trả lời đó là *The Shadow and the Star*. Tôi viết cuốn truyện này vì không thể gạt bỏ được hình ảnh một cậu bé bị bỏ lại một mình trong cảnh tàn bạo trong cuốn sách trước đó của tôi, *The Hidden Heart*. Thế là tôi bắt tay vào viết truyện để trao cho Samuel một tương lai tươi sáng hơn, và trả lại cho anh quyền được trở thành một người hùng. Hoàn toàn không nhận ra, tôi đã tìm đến với những gì tôi được truyền lại như phương cách chân chính nhất để chữa lành nỗi đau của anh, sáng tạo ra một nữ chính ở Leda là hiện thân của những phụ nữ kiên cường, nhân hậu và dũng cảm đã có ảnh hưởng đến cuộc đời tôi trong suốt quá trình tôi trưởng thành—bà ngoại, dì và bạn bè của họ ở thành phố nhỏ Texas. Đoan trang, hào phóng, đầy tự hào; vững tin vào điều gì là đúng và điều gì là sai, họ đã trao cho tôi một nền tảng, một vị trí trong cuộc đời. Có thể họ sống bởi một cái gấu vấy nhặn cũng nhiều như một giám đốc ngân hàng thiếu thật thà, nhưng luôn có một chiếc bánh nướng hay bánh sữa đông được đem sang cho người hàng xóm ngã bệnh.

Họ là hiện thân của một cộng đồng phụ nữ và một chuẩn mực đã thầm lặng duy trì nền văn minh qua hàng thế kỷ, không được ghi nhận cũng như ghi chép trong báo hay sách sử. Không phải sức mạnh nào cũng được bộc lộ. Đôi khi những cử chỉ quan trọng nhất không phải được thực hiện trên một sân khấu hoành tráng. Trong những hành vi nho nhỏ hàng ngày như sự quả cảm, lòng tự trọng, và biết quan tâm đến người khác, những người phụ nữ đó chỉ cho tôi thấy gấu vấy trắng thóm mang một ý nghĩa—đó là bạn biết để tâm chăm chút cho nó, để bạn có thể tự hào về bản thân cho dù không có ai khác nhận thấy.

The Shadow and the Star một phần nào đó là lời ca ngợi của tôi dành cho nét văn hóa ít được bộc lộ này ở phụ nữ và sức mạnh thầm lặng của nó để vá những nứt vỡ trong cuộc đời chúng ta. Cuốn truyện sẽ luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong trái tim tôi.

Võ sĩ trong bóng tối

1887

Nơi của bóng tối và sự tĩnh lặng anh thả trôi dòng suy nghĩ. Anh để tiếng trò chuyện của người đời lắng đi, để âm thanh của cơn gió nhẹ len giữa những bức màn lấp đầy trí óc. Anh chăm chăm nhìn ảnh phản chiếu mờ tỏ của mình trong gương cho đến khi khuôn mặt trong đó trở thành một kẻ xa lạ, những đường nét không mang một cảm xúc nào trong đôi mắt màu xám bạc và cái miệng bình thản... và rồi còn không hẳn là một kẻ xa lạ, chỉ một cái mặt nạ mộc mạc... rồi còn hơn cả thế nữa: không còn dáng dấp con người, chỉ là những hình thù cơ bản. Chỉ một bức tranh tối và sáng, vật thể hữu hình và vô hình.

Với thực tại ngay trước mắt, anh bắt đầu biến đổi nó theo ý định. Để nguy trang màu vàng của mái tóc, anh mượn dụng cụ của kịch *kabuki*, mũ trùm đen mà *kuroko* mặc khi họ lên vào giữa một phân đoạn để chuyển cảnh. Để che khuất gương mặt, anh thấy màu sơn và nhọ nôi không thích hợp: quá khó tẩy trang cho nhanh, quá rõ ràng là phường bá đạo nếu bị phát hiện. Thay vào đó anh thắt một mặt nạ lên mặt, che hết tất cả trừ đôi mắt bằng mảnh vải màu chì tối, một loại vải mềm, dễ thắt như áo choàng màu xám đêm rộng mà anh buột lại quanh eo. Bên trong bộ y phục tối anh mang theo những dụng cụ để trèo tường, để ném ám khí, để thoát thân hoặc để đả thương; để hạ sát. Anh chọn đôi *tabi* vải mềm thay cho giày, để bước đi thật khẽ và sát mặt đất.

Đất...nước...gió...lửa...và hư vô. Anh ngồi xếp bằng trên sàn. Với đôi tai, anh lắng nghe tiếng gió nhẹ mà không ai đủ mạnh để ngăn. Bằng xương, anh cảm nhận sức mạnh bao la của đất bên dưới mình. Bằng tâm trí, anh chấp nhận trạng thái trống rỗng. Bất động, anh hòa vào đêm tối: vô ảnh trong gương, mất dạng trong gió.

Với những ngón tay chấp ngọặc vào nhau, anh gọi lên tâm năng để thay đổi thế giới như nó vốn có.

Anh đứng dậy và tan biến.

Chương 1

London, 1887

Leda đột ngột tỉnh giấc giữa đêm. Trước đó cô đang mơ thấy những quả anh đào. Cơ thể cô thực hiện cú giật bắn chuyển tiếp, một hành động cựa mình khó chịu hút không khí và xoắn những múi cơ và khiến tim cô nện thành thịch khi cô nhìn chằm chằm qua đêm tối và cố gắng điều hòa hơi thở—để nhận biết sự khác biệt giữa giấc ngủ và thực tại.

Những quả anh đào... và mận, phải không nhỉ? Bánh nhân quả? Bánh pudding? Một công

thức chế rượu ư? Không... à—không phải... là cái mũ kia. Cô nhắm mắt. Đầu óc mơ màng lướt qua câu hỏi sẽ viên quả anh đào hay quả mận cho mũ Olivia chớp trụi đã được làm sẵn mà cô có thể mua ngay vào cuối tuần này, khi Bà Elise trả ngày công.

Theo cảm tính cô thấy cái mũ là một chủ đề suy ngẫm an toàn và thích hợp hơn việc mà cô biết mình nên xem xét—đó là căn phòng tối và vô vãn góc ngách còn tối hơn nữa, và xáo trộn nào đã có thể xảy ra đến mức đánh thức cô khỏi một giấc ngủ sâu và cần thiết.

Đêm gần như tĩnh lặng, ngoại trừ tiếng tích tắc của đồng hồ treo tường và cơn gió nhẹ thổi vào cửa sổ tầng gác mái, đêm nay gió mang theo hương của sông Thames thay vì mùi giấm chua và chất chùng cất. Họ gọi tiết trời đầu hè này là thời tiết của Nữ hoàng. Leda cảm nhận được nó trên má cô. Những hoạt động nhân dịp lễ Jubilee khiến những con đường buổi tối ồn ào hơn thường lệ, nào là đám đông và sự nhốn nháo của những buổi biểu diễn lưu động, những người ngoại quốc thật lạ lùng đến từ mọi phương trên mặt đất của Chúa diễu qua diễu lại khắp nơi, đội khăn xếp và đeo trang sức và trông cứ như họ vừa bước xuống từ lưng voi.

Nhưng lúc này màn đêm thật yên ắng. Trong khung cửa sổ mở, cô có thể thấy dáng cây phong lữ mình trồng, và nhúm lụa dùng đục màu hồng mà cô đã làm xong lúc hai giờ sáng và trải lên bàn. Chiếc đầm dạ hội phải được gửi cho khách lúc tám giờ, sau khi đã được viên và gấp nếp cùng với hình thêu trang trí ở đuôi váy đã hoàn tất. Về phần Leda phải ăn mặc chỉnh tề và có mặt ở cửa sau của tiệm Bà Elise trước lúc đó, vào sáu giờ rưỡi, với bộ đầm cất trong giỏ bằng liễu gai để một trong các cô thợ may có thể mặc thử và rà lỗi trước khi người giao hàng đem đi.

Cô cố gắng lấy lại giấc ngủ quý giá. Nhưng cơ thể cô nằm cứng đờ và tim vẫn đập mạnh. Có phải đó là một tiếng động? Cô không chắc đó có phải là một âm thanh có thật mà mình đã nghe hay chỉ là tiếng tim cô nện liên hồi. Thế là, theo lẽ tự nhiên, tim cô càng đập mạnh, và cái ý nghĩ khi này còn trôi lờn vờn bên rìa của nhận thức, cuối cùng cũng chiếm lĩnh toàn bộ não cô rằng đang có ai đó trong phòng cùng với cô.

Cơn hốt hoảng mà Leda trải qua khi đối mặt với ý niệm đó sẽ khiến Cô Myrtle khịt mũi. Cô Myrtle từng là một người đầy can đảm. Cô Myrtle sẽ không nằm bất động trên giường, tim nện thành thịch. Cô Myrtle sẽ bật dậy và nắm lấy thanh cời lửa, nó sẽ được đặt ở một vị trí tiện lợi và thuận tay là ngay bên cạnh gối, vì Cô Myrtle rất chú trọng đến thói quen lo xa để phòng một trường hợp nguy cấp có thể xảy ra, như khi thấy mình không phải là người duy nhất trong căn phòng tối.

Leda thì không được như vậy. Cô biết mình là nỗi thất vọng đối với Cô Myrtle ở khía cạnh đó. Cô cũng có một thanh cời lửa, nhưng đã quên đặt nó gần bên trước khi đi nằm, vì cô lúc nào cũng mệt mỏi, và vì cô là con gái của một phụ nữ Pháp hời hợt.

Không có khí giới, cô không còn lựa chọn nào ngoài thực hiện bước hợp lý tiếp theo và tự thuyết phục rằng hiển nhiên chẳng có ai trong phòng cô cả. Nhất định là không. Cô có thể thấy

phần lớn căn phòng từ nơi cô nằm, và cái bóng trên tường chỉ là áo choàng và cây dù cô treo trên cây máng đồ từ một tháng trước, sau mùa lạnh cuối cùng vào giữa tháng Năm. Cô có một cái ghế và một cái bàn cùng chiếc máy may thuê; một bồn rửa mặt cùng một cái tô và bình đựng nước. Bóng dáng hình nộm của bà chủ tiệm may bên bệ lò sưởi khiến cô giật thót trong chốc lát, nhưng khi cô căng mắt nhìn kỹ hơn, cô có thể nhìn xuyên qua chỗ dệt để mở trên thân áo và váy để thấy hình vuông của vĩ lò trong lò sưởi. Cô có thể thấy tất cả những thứ đó, kể cả trong bóng tối; giường cô được đẩy sát vào tường của tầng gác mái nhỏ, nên trừ khi kẻ đột nhập này đang treo mình trên xà nhà như một con dơi, cô nhất định đang ở một mình.

Cô nhắm mắt.

Rồi lại mở chúng ra. Có phải cái bóng kia đã chuyển động? Có phải cái bóng hơi dài so với áo choàng của cô vì nó phủ bóng xuống tận khoảng tối gần sàn nhà? Chẳng phải chỗ tối đậm hơn kia là bóng dáng bàn chân của một người đàn ông ư?

Vô lý. Hai mắt cô xốn vì kiệt lực. Cô nhắm chúng lần nữa, và hít một hơi thở sâu.

Cô mở mắt.

Cô nhìn chăm chăm vào bóng của áo choàng. Rồi cô đẩy chần ra, lồm cồm ngồi dậy, và la to, “Ai đó?”

Chẳng có gì ngoài sự im lặng đáp lại câu hỏi sáng dạ. Cô đứng chân trần trên mặt gỗ lạnh, nhám nhám, cảm thấy thật ngu ngốc.

Xoạt chân theo vòng cung, cô rà ngón chân qua cái bóng đen kịt dưới áo choàng. Cô lùi bốn bước về phía lò sưởi, và mò tìm thanh còi lửa. Với dụng cụ đó trong tay, cô cảm thấy khá giống người làm chủ tình hình. Cô đưa thanh còi về hướng áo choàng, chọt đầu thép quanh cái áo, rồi vung nó vào từng góc ngách heo hút trong phòng, kể cả dưới giường.

Những chỗ tối hoàn toàn trống không. Không có kẻ đột nhập ẩn nấp nào cả. Chẳng có gì ngoài không gian trống.

Những cơ bắp trên người cô chùng xuống vì nhẹ nhõm. Cô đặt bàn tay lên ngực, đọc một câu cầu nguyện tạ ơn, và kiểm tra thấy cửa vẫn khóa trước khi trở lại giường. Cửa sổ để mở nhưng vẫn an toàn, được trổ trên con kênh đặc quánh bùn, và chỉ có thể đi vào từ xà ngang dốc đứng, nhưng cô vẫn cứ giữ thanh còi trên sàn gần mình.

Kéo tấm chăn chấp vá nhiều chỗ lên tận mũi, cô chìm vào một giấc mơ dễ chịu trong đó một con chim sẻ nhồi bông, rất xinh xắn và cầu kỳ, hợp thời trang đến nỗi người ta có thể tưởng nó còn đẹp hơn cả những quả mận và quả đào khi làm viền cho một chiếc mũ Olivia, đóng một vai trò trọng đại.

Lễ Jubilee đưa mọi thứ và mọi người vào một guồng quay dữ dội. Trời vừa sáng hẳn khi Leda bước vội lên bậc thềm sau ở Phố Regent, nhưng những cô gái trong phòng may đều đã

nghe mình trên những mũi kim dưới ánh sáng đèn. Phần lớn họ trông như đã ở đó cả đêm—mà có vẻ đúng như thế thật. Năm nay, sự hối hả hàng năm của Mùa hội đã tăng lên; những buổi tiệc, dã ngoại, tất cả những cô gái xinh xắn và những mệnh phụ kiêu cách đều bị cuốn theo những cuộc gặp gỡ và tiêu khiển cho lễ Jubilee. Leda chớp đôi mí mắt mỗi và chớp lần nữa khi cô và cô thợ trưởng bung cái váy rộng từ giỏ của cô. Cô đã kiệt sức; tất cả họ đều kiệt sức, nhưng sự hào hứng và háo hức thật dễ lây lan.Ồ, được mặc một bộ váy đáng yêu như thế mới thích làm sao! Cô nhắm mắt lại và lùi bước khỏi bộ đầm dạ hội, thoáng chóng mặt vì đói và lo.

“Đi ăn một cái bánh đi,” thợ trưởng bảo cô. “Tôi dám chắc cô đã không kết thúc nó trước hai giờ sáng phải không? Dùng trà nếu cô muốn, nhưng nhanh lên đấy. Sẽ có một cuộc hẹn sớm. Họ có một phái đoàn người nước ngoài đến đây lúc tám giờ—cô phải chuẩn bị sẵn những súc lụa nhuộm.”

“Nước ngoài à?”

“Tôi tin là người phương đông. Tóc họ đều một màu đen tuyền. Hãy nhớ cho kỹ, cô làm thế nào mà để nước da họ trông tái nhợt là không được đâu.”

Leda vội bước qua phòng bên, nuốt ực một tách trà hòa đường cùng với bánh nướng, rồi chạy lên lầu, chào những cô thợ ở đó khi cô bước qua. Trên tầng ba, cô khom người vào một căn phòng nhỏ và cởi bộ váy màu xanh hải quân giản dị và áo khoác bông, tắm bằng nước ấm trong xô thiếc và rửa bồn rửa bằng sứ, rồi đi thoăn thoắt dọc theo hành lang trong áo lót và quần trong.

Một trong những cô học việc gặp cô giữa hàng lang. “Họ đã chọn đồ rồi,” cô gái nói. “Lụa sọc vuông—để tỏ lòng tôn kính tình yêu mến của Nữ Hoàng dành cho Balmoral.”

Leda khẽ kêu lên bực dọc. “Ồ! Nhưng tôi—” Cô ngăn bản thân trước khi phát biểu một câu thừa nhận khiếm nhã rằng cô không đủ điều kiện chi trả bộ cánh mới. Nhưng đó sẽ là đồng phục của cả tiệm trong suốt thời gian còn lại của mùa Jubilee; cô sẽ phải trả chi phí bộ đồng phục bằng lương của mình.

Kể từ khi Cô Myrtle qua đời, mọi thứ thật sự rất khó khăn. Nhưng Leda sẽ không ca cẩm về điều đó, không đâu, cô sẽ không làm thế, không nhất thiết đời sống đi xuống đến mức nào. Chỉ là cô đã ngủ quá ít, ngủ không an giấc, thức dậy muộn và cáu gắt. Cô cảm thấy muốn đá hơn muốn khóc, vì Cô Myrtle đã vẽ ra kế hoạch tương lai rất chu đáo, và để lại một bản chúc thư hợp thức, trong đó hợp đồng cho thuê ngôi nhà nhỏ ở Mayfair của bà, nơi Leda được nuôi dạy khôn lớn, được để lại cho cháu trai bà, một người đàn ông góa vợ xấp xỉ tám mươi, với điều kiện Leda phải được ở lại và quản lý nó cho ông, căn phòng ngủ vẫn là của cô nếu cô muốn, điều mà cô rất rất muốn.

Người đàn ông góa đã đồng ý, và thậm chí tại văn phòng luật sư ông còn bảo thật vinh hạnh khi có quý cô trẻ của Cô Myrtle trông nom nhà cửa cho ông, và chính vào lúc mọi thứ đều đã được sắp xếp thỏa lòng cả đôi bên thì thật cực kỳ xúi quẩy khi ông bước trúng làn đường của một xe buýt hai tầng, không để lại di chúc hay người thừa tự hay thậm chí một ý kiến nào về

vấn đề đó.

Nhưng vậy đấy, thế mới là một người đàn ông. Bàn luận rất ráo thì đó là một giới khá ngu ngốc.

Ngôi nhà ở Mayfair khi đó đã về tay một người họ hàng xa của cháu họ Cô Myrtle, bà ta đã không muốn sống ở đó. Cũng không giữ Leda lại để quản những người thuê mới. Leda còn quá trẻ để có thể làm một quản gia hợp tình hợp lý; như thế không xong. Không, cho dù Cô Myrtle, một người họ Balfour, đã nuôi nấng Leda ở Phố South. Sẽ là một phi vụ không hay khi mang một cô gái ra khỏi máng nước và đặt cô ta lên cao hơn địa vị tự nhiên của cô ta. Người họ hàng xa đã bắn khoả về chuyện đó, bà thật sự bắn khoả. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, cô họ Myrtle của bà ta lúc nào cũng là một người kỳ dị—toàn thể gia tộc đều biết chuyện đó—dẫu cho bà đã từng đính hôn với một tử tước; bà lại thoát ly gia đình với *kẻ tồi tệ kia* thay vào đó, và tự đặt mình vào tình thế vượt quá giới hạn, và chẳng phải thậm chí bà còn có cuộc hôn nhân luôn đem đến rắc rối cho bà đó sao?

Người họ hàng xa cũng không tìm ra cách khả dĩ nào để giữ Leda lại, cô không phù hợp cho công việc lao động hay nghề may vá chất phác và rắc rối, bà cũng không thể nhắm mắt viết giấy giới thiệu cho Leda làm một chân đánh máy. Người họ hàng xa rất lấy làm tiếc, bà ta thật sự lấy làm tiếc, nhưng bà ta không hề biết gì về Cô Leda Etoile ngoại trừ chuyện mẹ cô là người Pháp, và có ích gì khi viết một điều như thế trong giấy giới thiệu?

Quả vậy, cũng như Leda đã nhanh chóng học được sau đó, dường như chỉ có hai chốn một quý cô trẻ gia giáo với gốc gác Pháp thiếu minh bạch sẽ được chào đón, và trong số đó phòng trưng bày của một tiệm may vá thời trang mới là nơi có thể đề cập được.

Leda hít sâu. “Chà, tất cả chúng ta sẽ trông như một nhóm múa Cao nguyên trong áo choàng sọc vuông đấy nhỉ?” Cô nói với cô học việc. “Bộ của tôi đã xong chưa?”

Cô gái gật đầu. “Tôi chỉ còn phải lược gấu váy nữa thôi. Cô có một cuộc hẹn lúc tám giờ đấy. Với người ngoại quốc.”

“Người phương đông,” Leda nói trong lúc đi theo cô gái mang tạp dề trắng vào một căn phòng với những mẫu vải hoa văn đủ màu sắc rải rác khắp thảm trải sàn và trên một cái bàn dài. Trong lúc Leda thắt áo cóóc-xê và chỉnh trang vòng kềm độn sau hông, cô gái giữ thẳng áo choàng màu xanh lá và xanh dương. Leda nhấc hai cánh tay để trông bộ váy qua đầu.

“Người phương đông à?” cô gái lẩm bẩm với những kẹp tăm ngậm trong miệng. Cô rút chúng ra và đính vào váy một cách thành thạo. “Họ là những người đã bẻ cổ gà trong Khách sạn Langham phải không?”

“Không đâu,” Leda nói. “Tôi tin đó là một vị sultan đã—à—góp phần vào sự cố không may của đàn gia cầm.” Bẻ cổ gà không phải là một chủ đề phù hợp cho một quý cô. Tận tình, cô nỗ lực mở mang đầu óc cho cô gái. “Những người phương Đông đến từ nước Nhật. Hay Nippon, như họ gọi nó một cách chính thức.”

“Thế đó là ở đâu?”

Leda nhíu mày, thiếu chắc chắn về kiến thức địa lý của mình. Cô Myrtle từng là một đề xướng viên mạnh mẽ trong việc giáo dục phụ nữ, nhưng lại thiếu phương tiện thực hiện cần thiết—như một quả địa cầu chẳng hạn—một vài bài học của bà chỉ để lại ấn tượng mơ hồ.

“Khó mô tả lắm,” cô trì hoãn. “Tôi sẽ chỉ cho cô trên bản đồ.”

Cây kim của cô gái chớp lên xuống trên mặt lụa. Leda nhăn mũi khi nhìn hình ảnh phản chiếu của bộ váy sọc vuông trong tấm gương đá nứt. Cô không chuộng những hoa văn lộ lộ này, và tệ hơn nữa, vải lụa cứng không phủ vừa vặn lên khung nâng. “Nhìn xem nó nhô ra phía sau này.” Cô chán chường bút bút lớp vải đồ sộ đổ xuống sau hông. “Trông tôi cứ như một con gà mái Scot ấy.”

“Ồ, nó đâu có quá tệ, Cô Etoile. Màu xanh hợp với mắt cô đấy chứ. Làm nổi chúng lên. Trên bàn kia là nơ cài cô phải gắn lên tóc đấy.”

Leda vói tay và cầm lấy vật trang trí, gắn nó lên mái tóc màu gụ tối ở nhiều góc trước khi cuối cùng cô cũng thấy hài lòng. Trâm cài đi kèm với áo choàng sọc vuông màu xanh lá gần như mất hút trong màu đỏ đậm của tóc cô, nên cô chỉnh cho thứ trang sức đó có một góc nghiêng ngổ ngáo. Nếu là Cô Myrtle thì sẽ liếc nhìn một lần và tuyên bố góc độ đó trông quá đỗi đáng không phù hợp với vẻ đẹp thanh lịch. Bà sẽ tìm ra dịp để thuật lại chuyện bà đã từng từ hôn một tử tước—một hành động cực kỳ thiếu thận trọng, bà sẽ thừa nhận như thế—nhưng những cô gái ở tuổi mười bảy thường được trông mong sẽ cư xử ngu ngốc. (Đến đây thường sẽ đi kèm một ánh mắt đầy diễn cảm về phía Leda mỗi lần câu chuyện được kể lại, dù Leda lúc ấy có mười hai hay hai mươi tuổi cũng thế.) Bản thân Cô Myrtle thiên về lối nói giảm đoan chính. Việc độ nghiêng tinh tế này hòa hợp một cách tiện lợi với khoản ngân quỹ rất khiêm tốn để dành mua những đồ trang sức kém thẩm mỹ dư thừa và những thứ thời trang lông bông, là một điều được những người quen thân Cô Myrtle tốt bụng mà bỏ sót: họ là những quý bà quý cô dòng dõi ở hoàn cảnh tương tự thấy mình hoàn toàn đồng ý với lý lẽ đó. Nhưng Cô Myrtle đã ra đi, và dù bà có được trân trọng trong ký ức của Leda đến bao nhiêu đi nữa, khiếu thẩm mỹ giản dị như thế lại không được tán thưởng ở một phụ nữ làm trong phòng trưng bày theo suy nghĩ của Bà Elise, thợ chuyên may váy được Đặc cách cho Công chúa xứ Wales. Phải là bộ váy may đo thôi, và số tiền dành cho chiếc mũ Olivia thanh lịch, trang nhã (được làm sẵn, với phần điểm trang là chú chim sẻ nhồi không cầu kỳ) mà Leda đã mơ mãi, nhất định đã vơi đi một nửa vì chi phí của hình trái tim màu vàng trên trâm cài.

Bà Isaacson, người đảm nhiệm hiện tại sau khi biệt hiệu Bà Elise đã mất từ lâu, bước nhanh vào phòng cắt vải. Bà ta đưa Leda một xấp danh thiếp, nhìn cô từ đầu tới chân mà không nói tiếng nào, rồi gạt đầu cụt ngắn. “Được lắm. Tôi ưng cái trang sức tóc—khéo đặt đấy. Cô giúp Cô Clark cài tóc cho vui mắt giống thế nhé. Cô gái đấy đang ủ rũ quá.” Bà ta huơ ngón tay về phía những tấm thiếp. “Sẽ có vài quý cô người Anh với người ngoại quốc. Tôi tin cả Phu nhân Ashland và con gái bà ta đều có tóc sậm màu. Đây đủ y phục mặc dưới ánh sáng mặt trời và

ánh sáng đèn. Tập trung vào màu trang sức và có thể cả màu hồng—không một chút màu vàng trong bất cứ thứ gì, nhớ cho kỹ đấy—mặc dù màu ngà thì có thể chấp nhận; cứ để xem sao. Đến lúc họ tới sẽ đông—cùng lúc sáu hay bảy người gì đấy. Tôi được biết có thể họ sẽ muốn được tư vấn cùng lúc. Cô sẽ được yêu cầu bước ra nếu tôi cần cô.”

“Tất nhiên, thưa bà,” Leda nói. Cô ngập ngừng, và rồi buộc mình nói thêm, “Thưa bà—nếu bà rảnh, tôi có thể nói chuyện riêng với bà được không?”

Bà Isaacson đưa sang cô một cái nhìn sắc lẹm. “Lúc này tôi không có thời gian riêng cho cô đâu. Có phải là về bộ váy mới để mặc trong phòng trưng bày?”

“Tôi sống tự lập, thưa bà. Vào lúc này—tình hình...” Ôi, thật kinh khủng khi bị buộc phải nói ra. “Tôi đang trong hoàn cảnh khó khăn, thưa bà.”

“Thông thường giá tiền có thể được trừ vào lương của cô. Sáu si-linh một tuần là khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.”

Leda giữ ánh mắt nhìn xuống. “Tôi không thể sống nổi với phần còn lại, thưa bà.”

Bà Isaacson đứng im lặng một lúc. “Cô buộc phải ăn mặc cho phù hợp với vị trí của mình. Tôi không thể cho phép sửa đổi hợp đồng, cô hiểu cho. Những điều khoản đã được nói rõ cho cô khi cô đến chỗ chúng tôi. Nó sẽ đặt ra một tiền lệ vượt ngoài khả năng cho phép của tôi.”

“Vâng, thưa bà,” Leda uể oải nói.

Một khoảng lặng ngắn nữa trôi qua, gần như không thể chịu đựng nổi. “Tôi sẽ xem có thể sắp xếp ra sao,” Cuối cùng Bà Isaacson nói.

Sự nhẹ nhõm đổ tràn qua Leda.

“Cám ơn, thưa bà. Cám ơn bà.” Cô nhún gối chào trong khi Bà Isaacson nâng váy và quày quả bỏ đi.

Leda nhìn xuống những tấm thiệp. Như đã trở thành thông lệ trong năm dành cho những vị khách phương xa này, một ai đó từ Bộ Ngoại Giao đã gửi kèm những tờ giấy nghi thức rất có ích. Bên dưới ngày tháng là lịch hẹn.

Đoàn Nhật—8.00 a.m.

Vương tôn Công chúa Terute-No-Miya của nước Nhật. Trân trọng gọi là *Công nương*. Không nói tiếng Anh.

Phu Quân Okubo Otsu của nước Nhật. Trân trọng gọi là *Quận công*. Không nói tiếng Anh.

Phu nhân Inouye của nước Nhật. Ái nữ và đại diện của Công hầu Inouye, Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Nhật, được trân trọng gọi theo nghi thức ngoại giao là *Phu nhân*. Thông thạo tiếng

Anh, được giáo dục tại Anh, giao thiệp không chút khó khăn.

Đoàn Hawaii (Đảo quốc Sandwich)—10.00 a.m.

N. H. Kapiolani của Đảo Hawaii. Trân trọng gọi là *Nữ hoàng*. Nói rất ít tiếng Anh, sẽ cần phiên dịch.

C. N. Liliyewokalani, Công chúa của Đảo Hawaii. Trân trọng gọi là *Công nương*. Thông thạo tiếng Anh, giao thiệp không chút khó khăn.

Phu nhân Ashland, Nữ hầu tước Ashland và con gái Tiểu thư Catherine. Hiện cư ngụ tại Đảo Hawaii. Thân thiết với nữ hoàng và công chúa Hawaii.

Leda xem tới xem lui các tấm thiệp, ghi nhớ tước hiệu trong khi cô học việc hoàn tất gấu váy cho cô. Đây là môi trường của Leda. Cô Myrtle Balfour đã rất hăng hái trong nhiệm vụ giáo dục khuôn phép lễ nghi cho Leda để cô được kiểm định bởi những người đã được xã hội thượng lưu thừa nhận. Và đích thực, Leda đã được nhìn nhận một cách thân ái bởi những góa phụ và phụ nữ luống tuổi mà chưa chồng ở Phố South. Bầu không khí tai tiếng thú vị mà Cô Myrtle vẫn giữ được từ những ngày cùng *kẻ tồi tệ kia*, mặc cho gần bốn mươi năm sống âm thầm trong căn nhà của cha mẹ bà, là một giấy thông hành cho bất cứ cơn bốc đồng kỳ lạ nào. Một người họ Balfour được phép, thậm chí được khuyến khích, nuôi tính lập dị—nó đem một nét phiêu lưu và táo bạo đầy ngọt ngào vào cái xã hội nhỏ kín đáo ở Phố South. Thế là những quý bà quý cô ở Phố South đã lên mặt và tỏ vẻ lạnh nhạt với bất cứ ai dám nghi vấn sự khôn ngoan của Cô Myrtle khi bà nảy ra ý tưởng đem con gái của một phụ nữ Pháp về nhà, và trùm bọc Leda trong vòng tay gia giáo của họ, nên cô đã trưởng thành giữa những bông hoa tàn phai của giới quý tộc Mayfair, xem con gái lớn của các bá tước và chị em gái xuất sắc của những tông nam tước là mối quen biết tâm giao.

Tuy nhiên, những vị Vương tôn và Công nương này vượt ngoài phạm vi quen thuộc của cô đôi chút, và Bộ Ngoại Giao đã rất tử tế và tận tình khi nêu rõ những mối quan hệ đa dạng, để tránh bất cứ nhầm lẫn bất tiện nào. Mọi chuyện sẽ diễn ra tốt đẹp cả, như cái lần các phu nhân Maharani và Siamese cùng người phụ nữ Trung Quốc đến vào tuần trước.

Gấu váy đã xong, cô đến chọn vải, mang lần lượt những súc gấm thêu, nhung và lụa đến chất sau quầy hàng của phòng trưng bày, nơi những ô cửa kính cao phản chiếu hoạ tiết sắc sảo của tấm thảm trải sàn màu tím và hổ phách trong căn phòng lớn. Những cô gái khác ở phòng trưng bày cũng làm như thế, chuẩn bị cho đám đông những khách hàng thường lui tới, hầu hết họ đều hẹn lịch trễ hơn và giờ giấc vắng mình hơn. Cô chỉ vừa đặt súc lụa sọc cuối cùng lên trên chồng vải khi người giữ cửa đưa đoàn Vương tôn Nhật bản vào phòng trưng bày.

Bà Elise giờ là Isaacson vội tới rê chân nhún gối trước bốn phu nhân mảnh dẻ phương đông đang đứng như những con nai hoang sợ bên trong khung cửa. Họ đều nhìn dăm dăm vào mũi giày phong cách phương đông của mình, giữ hai bàn tay ép sát vào váy. Đường ngôi trong mái tóc đen như mun của họ nổi bật lên thành những đường thẳng tắp, trắng màu sứ như mặt họ. Bà Elise gửi họ một lời chào theo nghi thức trong chất giọng Pháp trong trẻo nhất của mình, và

yêu cầu họ vui lòng đi theo bà ta.

Bà ta đi lùi. Sau ba bước, bà ta thấy rõ chẳng có vị phu nhân người Nhật nào đi theo. Họ đứng đó yên lặng, căng mắt nhìn xuống sàn.

Bà Elise liếc sang người giữ cửa, và nặn môi, *Phu nhân Inouye?* Với hai hàng lông mày nhướn cao. Người giữ cửa nhún vai gần như khó nhận thấy. Bà ta bị buộc vào tình thế phải nói thành tiếng, bằng tiếng Anh không nhấn giọng, “Phu nhân Inouye—tôi có thể mạo muội được nhận vinh hạnh này không, thưa phu nhân?”

Không ai lên tiếng. Một trong số hai phu nhân người Nhật đang đứng khuất nửa sau những người khác yếu ớt đưa bàn tay ra hiệu về phía người đứng trước mặt mình. Bà Elise bước một bước về phía vị phu nhân. “Thưa phu nhân?”

Cô gái Nhật đặt những ngón tay lên môi. Cô ta mỉm cười sau bàn tay, và rồi bật ra một tiếng khúc khích e thẹn. Bằng một giọng trong trẻo, đáng yêu, chỉ to hơn một tiếng thì thầm, cô gái nói điều gì đó không rõ, nghe khá giống như cô đang cố hát trong khi đang ngậm nước. Cô gái hơi cúi mình, chỉ ra ngoài cửa, và lại cúi mình.

“Ôi thôi,” Bà Elise nói, “Tôi cứ ngỡ Phu nhân nói tiếng Anh.”

Cô gái lặp lại tín hiệu ra phía cửa. Rồi đặt những ngón tay lên cổ, nghiêng thấp người, và ho một tiếng cường điệu. Cô lại ra hiệu về phía cửa.

Mọi người đứng im ngơ ngác.

“Bà Elise?” Leda đánh bạo nói. “Có thể nào Phu Nhân Inouye không tới không?”

“Không tới?” giọng Bà Elise kèm một tông kinh hãi.

Leda bước lên trước. “Phu... nhân,” cô nói, chậm và dõng dạc, rồi đặt bàn tay lên cổ, ho như cô gái khi nãy, và làm dấu về phía cửa.

Cả bốn phu nhân người Nhật cúi mình, nghi thức chào hỏi của họ đa dạng ở các góc độ từ nghiêng thấp ngang eo đến một cái gật đầu khẽ.

“Ôi thôi,” Bà Elise nói.

Thêm một khoảng im lặng trôi qua.

“Cô Etoile,” Bà Elise đột ngột nói với Leda, “cô có thể tiếp các vị khách được rồi.” Bà ta nắm khuỷu tay Leda và kéo cô lên trước, trưng cô ra như một tặng phẩm, rồi nhún gối lùi lại, rời khỏi hàng.

Leda hít một hơi. Cô không biết những ai là công chúa và vợ quận công, nhưng cô đoán chắc họ là hai người đứng trước, người chỉ hơi gật đầu thay vì cúi chào. Với một cái khoác tay,

cô thử ra hiệu cho họ đi về phía vị trí ngồi đã được chuẩn bị quanh quầy hàng lớn nhất.

Như một đàn ngỗng nhỏ dễ bảo, họ đi những bước nhìn nhín về phía ghế ngồi. Hai người tự ngồi vào ghế, và hai người khác lả lướt hạ mình xuống sàn, mắt nhìn xuống.

Xem nào, nhất định hai người ngồi ghế kia là hoàng tộc, và hai người còn lại chắc là tùy tùng. Leda lấy một cuốn sách thời trang từ quầy hàng. Không chắc vị phu nhân nào, giữa một công chúa và vợ quận công, có thứ bậc ưu tiên, cô đưa nó cho người có vẻ lớn tuổi nhất trong hai người.

Vị phu nhân bật lùi với một cử chỉ từ chối, phẩy lòng bàn tay trước mặt như một cái quạt. Leda tạ lỗi và nhún gối sâu chào người kia, đưa sách sang.

Người này cũng không chịu nhận cuốn sách dày. Trong khi Leda đứng với cuốn sách cầm giữa hai bàn tay, cô tuyệt vọng nhìn hai người đang ngồi trên sàn. Nhất định không thể...có thể nào ở nước họ vị trí thấp hơn lại dành cho người có địa vị cao hơn không? Cô thấy mình không còn lựa chọn nào khác: cô đưa cuốn sách cho vị phu nhân đang quỳ gần cô nhất.

Đó là người đã ra hiệu việc khó ở của Phu Nhân Inouye khi nãy. Giờ, cô giương một bàn tay, từ chối nhận sách. Cô quay sang nói nhỏ nhẹ với vị phu nhân trẻ hơn đang ngồi trên ghế, người này thì thầm đáp lại. Leda đứng ngơ ngác trong khi họ lăm lăm trao đổi. Cô gái quỳ trên gối quay lại, chạm trán lên sàn, và nói, “San-weesh.”

Leda cắn môi, rồi nhanh chóng trấn tĩnh nét mặt. “San-weesh,” cô nhắc lại. “Thời trang?” cô nói thêm, đưa cuốn sách ra lần nữa.

Cuốn sách bị dứt khoát từ chối. Leda nhún gối chào và đi vòng ra sau quầy hàng. Cô nhắc hai súc vải nhung và đem ra. Có thể họ muốn bắt đầu chọn vải trước.

Cố gắng đó là một thất bại. Những vị phu nhân người Nhật nhìn trân trân vào những súc vải nhung mà không tỏ vẻ muốn chạm vào chúng. Họ bắt đầu nói chuyện rì rầm.

“San-weesh,” người tùy tùng đang quỳ lặp lại với Leda. “San-weesh aye-ran.”

“Tôi xin thứ lỗi,” Leda bất lực nói. “Tôi không hiểu.” Cô thử một tấm lụa màu xanh lá chanh. Có thể họ đang tìm loại vải nhẹ hơn.

“San-weesh aye-ran,” là câu trả lời khẳng khẳng. “San-weesh aye-ran.”

“Ồ!” đột ngột Leda nói. “Có phải cô muốn nói Đảo quốc Sandwich?”

Cô gái đang quỳ vỗ tay và cúi mình. “San-weesh!” cô vui vẻ lặp lại. Tất cả quý phu nhân người Nhật cười khúc khích. Người phụ nữ lớn tuổi hơn có hàm răng đen khiến miệng bà trông như một khoảng trống khi bà mở miệng—gây một tác động rất kỳ lạ và khá bối rối.

“Cô muốn chờ Nữ hoàng của Đảo quốc Sandwich?” Leda hỏi.

Cô gái tùy tùng trả lời bằng một tràng tiếng Nhật. Leda nhún gối và đứng đó bất quyết. Các vị phu nhân đặt những bàn tay trắng nhờ nhỏ nhắn vào lòng và cụp mắt xuống.

Trong hai tiếng đồng hồ, cho đến lúc có cuộc hẹn lúc mười giờ của Nữ hoàng đảo quốc Sandwich, họ vẫn giữ nguyên tư thế, với Leda đứng hộ tống nhóm nhỏ trong lúc họ kiên nhẫn ngồi chờ, không nhìn sang trái hay phải, chỉ thỉnh thoảng thì thầm to nhỏ với nhau. Ngắt quãng duy nhất của cuộc tra tấn thẩm thía là khi Bà Elise đã có nhã ý cho người đem một khay trà và bánh Savoy vào, những quý cô thưởng thức với sự nhiệt tình duyên dáng và những tiếng khúc khích. Họ cứ như những con búp bê luôn tươi cười, nhỏ nhắn và e lệ.

Căn phòng trung bày to lớn thật yên ắng đến mức ai cũng có thể nghe thấy tiếng xe ngựa khi nó dừng ngay bên ngoài tiệm, và những giọng nói tiếng Anh vang lên ở cửa trước. Leda cảm thấy nhẹ nhõm đến mức cô quên mất cái lưng mỗi nhừ và nhún gối thật sâu. “Đảo quốc Sandwich,” cô phẩn khởi nói, chỉ ra cửa sổ.

Tất cả các vị phu nhân người Nhật nhìn lên và mỉm cười và thực hiện những cái cúi mình ở các mức độ khác nhau.

Chỉ trong một thoáng đoàn người Hawaii đã đến trước cửa. Một phụ nữ trang nghiêm, từ tốn bước vào phòng trưng bày trước nhất, khoác một bộ váy lụa tím vừa khít mà vòng một phong phú của bà lấp đầy ngực áo một cách tuyệt hảo. Sau bà là một vị phu nhân cũng đậm người và duyên dáng không kém, trẻ hơn và xinh xắn hơn, tóc nâu, gò má rộng và có sự điềm tĩnh mang nét vương giả.

Bà Elise bước tới và nhún gối chào thật sâu. Người thứ hai trong số hai người nói, “Chào buổi sáng,” bằng giọng tiếng Anh dịu dàng, hoàn toàn dễ hiểu. Bà gật đầu về phía người phụ nữ trong bộ váy lụa tím. “Đây là chị gái ta, Nữ hoàng Kapiolani.”

Với một tiếng thở nhẹ nhõm rõ to, Bà Elise trở lại với giọng Pháp đặc trưng. “Cửa tiệm hèn mọn của Bà Elise rất lấy làm vinh hạnh khi có sự hiện diện của Nữ hoàng,” bà ta đơn đả, dẫn hai vị phu nhân vào trong.

Sau hai người Hawaii, những người còn lại của nhóm đã ngừng trước ngưỡng cửa. Leda nhìn lên, và trong một tích tắc quên mất phép lịch sự vì cô cứ mãi mê nhìn đầy thán phục.

Cùng đứng trong khung cửa là hai phụ nữ xinh đẹp nhất mà Leda từng có dịp chiêm ngưỡng tại cùng một nơi cùng một lúc. Với những gò má cao và làn da thanh tú như nhau, cùng mái tóc đen nhánh óng ả và cặp mắt đẹp kỳ diệu, người mẹ và con gái tạo nên một khung cảnh làm say lòng người. Họ ăn mặc đơn giản, Phu nhân Ashland trong bộ cánh màu xanh dương sậm khiêm tốn, phủ lên một khung độn váy ít nhận thấy, tránh xa hiệu ứng đáng nhìn nghiêng như gà mái mà áo choàng Leda gây ra. Cô con gái—Tiểu thư Catherine, tấm thiệp gọi cô như thế—mặc một bộ váy hồng nhạt cho thiếu nữ lần đầu ra mắt, thân váy phồng của cô nhỉnh hơn độ rộng

đang là một đôi chút.

Bà Elise vẫn còn bận bịu cố gắng tạo sự giao tiếp giữa Nữ hoàng của đảo quốc Sandwich và những vị phu nhân người Nhật, nên Leda bước tới đón chào Phu nhân Ashland và con gái bà.

Phu nhân Ashland mỉm cười thân thiện, làm lộ những nếp nhăn quanh mắt không có ở con gái. “Cô chắc phải bận rộn lắm,” bà hòa nhã nói. “Hai người chúng tôi sẽ không làm phiền cô lâu đâu—nữ hoàng muốn một bộ váy ban ngày được làm đặc biệt từ Bà Elise. Người đã yêu cầu chúng tôi nói với cô không cần phải vội.”

Leda lập tức muốn ưu tiên cho người bạn của vị phu nhân để chịu này trước những người khác. “Thật là vinh hạnh khi được phục vụ Nữ hoàng, thưa phu nhân. Và chúng tôi sẽ rất vui lòng được giúp phu nhân bằng bất cứ hình thức nào phu nhân muốn. Sẽ không hề phiền hà gì cho tiệm chúng tôi.”

Phu nhân Ashland cười và nhún vai. “Chà, ta không phải một người hay lo chuyện thời trang vớ vẩn, nhưng có thể—” Bà nhìn con gái một cách dò hỏi. Leda có thể thấy những sợi tóc bạc rải rác trên mái tóc đen nhánh của bà. “Con có xem gì không, Kai?”

“Mẹ gốc nghềch tội nghiệp à,” Tiểu thư Catherine nói trong một chất giọng Mĩ sôi nổi. “Mẹ biết con thích áo cooc-xê cũng nhiều như mẹ mà.” Cô nghiêng đầu và mỉm cười đầy tin tưởng với Leda. “Tôi không thể *chịu nổi* những thứ khủng khiếp đó.”

Không cooc-xê? Tiểu thư Catherine được trời phú cho dáng người sẽ vẫn trông thanh lịch trong một bao tải bột mì, nhưng không mặc áo cooc-xê ư? Leda có thể nghe tiếng Cô Myrtle trần trọc trong mộ bà. “Chúng tôi có áo cánh màu hồng phấn,” cô nói. “Nó sẽ phù hợp cho một bộ áo dài buổi sáng. Rất thoải mái và nhẹ, nhưng cũng rất sang trọng.”

Người phụ nữ trẻ hơn nhìn lên từ dưới hai hàng mi, một ánh mắt thích thú khó nhận thấy mà Leda để ý ngay tức khắc. Cô mỉm cười và phất tay và phía quầy hàng.

“Phu nhân Tess?” Giọng nói ngọt ngào, trầm của vị công chúa người Hawaii làm ngắt quãng họ. “Có vẻ họ gặp khó khăn với đoàn vương tôn đấy.”

Mọi hy vọng Nữ hoàng đảo quốc Sandwich có thể giao tiếp với những phu nhân người Nhật dường như đã tan theo mây khói. Bà Elise trông lo lắng khi đứng giữa nhóm người xa lạ, nơi một số người của đoàn Nhật vẽ những hình thù mơ hồ trong không khí mà dường như không tạo ra chút ấn tượng nào đối với nữ hoàng hay em gái bà.

“Chúng tôi không có người phiên dịch,” Leda giải thích với Phu nhân Ashland, “nhưng họ dường như rất quả quyết với một ý tưởng nào đó mà không ai trong chúng tôi có thể đoán ra.”

“Samuel!” Phu nhân Ashland và con gái đồng thanh nói.

“Anh ấy đã đi chưa nhỉ?” Tiểu thư Catherine bật ra, chạy đến cửa sổ. Cô nâng khung cửa lên và nghiêng người ra ngoài. “Samuel!” cô gọi to, với một giọng rất thiếu đoan trang. “Mano

Kane, anh chờ đã! Đến đây đi!” Giọng cô hạ xuống thành tiếng lẩm bẩm triu mến. “Bọn em cần anh, Mano, đến giải vây cho bọn em lần nữa.”

Phu nhân Ashland chỉ đứng bên cạnh, không làm một cử chỉ nào để kiềm chế màn trình diễn bừa bãi của con gái. Tiểu thư Catherine quay lại. “Khều được anh ấy rồi!”

“Ông Gerard có thể phiên dịch,” Phu nhân Ashland nói.

“Ồ, đúng đấy, anh ấy nói tiếng Nhật thông thạo.” Tiểu thư Catherine gật đầu khích lệ với đoàn người phương đông. “Thật may vì anh ấy đưa chúng tôi đi sáng nay.”

Thật vậy, Leda nghĩ đây đúng là tính huống may mắn đặc biệt, vì cô cho rằng không thể có nhiều người với tài năng khác thường như thông thạo tiếng Nhật mà lại tình cờ thấp tùng quý bà quý cô quanh những tiệm may váy Luân Đôn vào thời gian này. Nhưng Phu nhân Ashland và con gái bà đã sống gần nước Nhật hơn, tất nhiên.

Ít nhất thì Leda cũng phỏng đoán như thế. Chính cô cũng không dám chắc về vị trí của đảo quốc Sandwich.

Cô quay mặt về phía hành lang, tưởng sẽ trông thấy một trong những doanh nhân Yankee với bộ ria mép rong ruổi khắp nơi trong áo gi-lê quá khổ cùng giọng nói ồm ồm. Người giữ cửa bước vào phòng, và trong âm sắc phô trương mà Bà Elise đã quả quyết sẽ đem lại ấn tượng đầy trang trọng, xướng: “Ông Samuel Gerard!”

Căn phòng chật kín phụ nữ im lặng như tờ khi Ông Gerard xuất hiện nơi ngưỡng cửa... tiếng phụ nữ đồng thanh hít vào khi bắt gặp cảnh tượng là anh ta—một thiên thần Gabriel giáng trần tóc vàng hơi rối, chẳng thiếu thứ gì ngoại trừ đôi cánh.

Chương 2

Cậu bé

Hawaii, 1869

Ở đầu này của ván cầu kêu đồm độp và răng rắc dưới chân những lữ khách qua lại, cậu ngồi trên vũng tàu đậu, lặng thinh. Mọi người vượt qua cậu và chạy đến với những người khác và quây quần trong tiếng cười và những cuộc hội ngộ đầy nước mắt. Cậu nhóm dậy, đau đớn trong đôi giày mới đã được để dành từ Luân Đôn nhân dịp này. Cậu rất muốn cắn tay. Cậu phải giữ hai bàn tay nắm chặt lại thành quả banh sau lưng để phòng chuyện đó xảy ra.

Cậu thấy những phụ nữ trong bộ váy dày sáng màu đỏ và vàng, với những vòng lá sẫm đeo

quanh cổ, và những người đàn ông chỉ mặc độc những chiếc quần với một chiếc áo lót và mũ rơm. Giữa đám đông, nhưng bé gái cười trên lưng ngựa: da sẫm, những cô gái tươi cười với mái tóc đen dài phủ quanh vai và những vòng hoa tết trên đầu, hai cẳng chân nâu đung đưa, gọi í ới và vẫy tay chào những quý ông trong các cỗ xe và những quý bà cầm dù. Và sau tất cả là những ngọn núi xanh vươn đến màn sương mù và một cây cầu vòng đôi kéo dài khắp bầu trời.

Trên con tàu cậu đã sợ phải rời phòng. Trong suốt cuộc hành trình, cậu ở trong không gian chật hẹp của mình nơi đầu máy hơi nước kêu hồng hộc và nồng mùi than và người phục vụ đem đến cho cậu tất cả thức ăn cậu có thể ăn. Cậu nấp mình ở đó đến tận sáng nay, khi họ đến và bảo cậu nên mặc bộ quần áo đẹp nhất, bởi vì con thuyền đã vòng qua Vịnh Kim Cương và đậu ở Cảng Honolulu.

Ở đây không khí có vẻ trong lành, với một mùi hương lạ, tươi mới, sạch trong như bầu trời và những cái cây. Chúng là những giống cây kỳ lạ, chẳng giống gì với những cái cây cậu từng thấy, với ngọn màu mận chín sáng lấp lánh và đung đưa trên những tán cây cao, trần trụi. Trong cả cuộc đời, cậu chưa từng nghĩ thấy không khí sạch sẽ đến thế, cũng chưa từng cảm nhận ánh mặt trời sáng lóa và ấm đến thế trên vai.

Cậu đứng đó đơn độc, cố gắng ra vẻ vừa kín đáo vừa dễ gây chú ý, và lo sợ mình đã bị bỏ quên.

“Sammy?”

Đó là một tiếng nói dịu nhẹ, như cơn gió lẩn tẩn trong tóc cậu và thổi những món tóc vàng vào mắt. Cậu quay lại, nhanh nhẹn làm ướt bàn tay và đẩy lộn tóc khó ưa về vị trí.

Bà đứng chỉ cách đó một vài thước, ôm một cuộn hoa sặc sỡ lộn xộn quanh cánh tay. Cậu nhìn lên gương mặt bà. Những tiếng la ó không rõ nghĩa và tiếng trò chuyện của những đứa trẻ địa phương vang trong không trung. Ai đó lướt qua cậu từ sau lưng, đẩy cậu nửa bước về phía bà.

Bà quỳ xuống trong chiếc váy xòe màu oải hương, giang rộng hai bàn tay. “Cháu nhớ ra ta không, Sammy?”

Cậu nhìn bà ngơ ngác. Nhớ ra bà ư? Trong suốt những ngày cô đơn và những đêm đầy uất hận, trong những căn phòng tối nơi họ trối tay cậu và làm những gì họ thích, trong tất cả những ngày và những tuần và những năm của sự thống khổ lặng thinh, cậu nhớ bà. Gương mặt rạng rỡ duy nhất trong cuộc đời cậu. Lời nói ấm lòng duy nhất. Bàn tay duy nhất đã vươn ra che chở cậu.

“Có thưa bà,” cậu thì thầm. “Cháu nhớ.”

“Ta là Tess,” bà nói, như thể cậu không nhớ rõ. “Phu nhân Ashland.”

Cậu gật đầu, và thấy nắm tay mình ấn vào miệng. Với một cử động chóng vánh, vụng về, cậu

bắt mình phải hạ bàn tay bắt tuân xuống. Cậu khóa nó sau lưng bằng bàn tay kia.

“Ta mừng được gặp lại cháu, Sammy.” Vòng tay rộng mở của bà vẫn mời gọi một cái ôm. Bà nhìn cậu với đôi mắt xanh lơ đáng yêu. Một nấc nghẹn to tướng mắc trong cổ họng cậu khiến cậu khó thở. “Cháu sẽ để ta ôm cháu chứ?”

Không biết bằng cách nào cặp chân trong đôi giày chật đưa cậu tới trước, một bước đi, và rồi một bước chạy, và cậu ngã vào vòng tay bà với một lực mạnh lóng ngóng khiến cậu cảm thấy ngu ngốc và đỏ mặt vì xấu hổ. Nhưng bà đang kéo cậu lại gần với một tiếng kêu mừng rỡ, quăng vòng hoa rộng qua đầu cậu, áp gò má mịn màng vào má cậu. Có vệt ươn ướt trên má bà. Cậu cảm thấy nó khi bà ôm ghì cậu, và cổ họng sưng vù của cậu đau và nhoi nhói như thể có thứ gì đó đang cố gắng xổ tung ra nhưng không thể.

“Ôi, Sammy,” bà nói. “Ôi, Sammy. Chúng ta phải mất rất lâu mới tìm được cháu.”

“Cháu xin lỗi, thưa bà.” Cậu nói bị bung bít bởi những bông hoa và vải lụa mềm mại của cổ áo bà.

Bà kéo cậu ra. “Không phải lỗi của cháu!” Giọng bà vừa cười vừa khóc. Bà khẽ lay cậu. “Cháu xứng đáng với từng phút tìm kiếm đó. Ta chỉ ước gì những ông thám tử đáng ghét kia có thể tìm ra cháu sớm hơn. Khi ta nghĩ đến nơi cháu từng ở--”

Cậu chỉ nhìn bà, lòng thầm biết không vị thám tử hay cuộc tìm kiếm hay ước nguyện nào của bà có được ý niệm về nơi cậu từng ở. Cậu cúi đầu. “Cháu xin lỗi,” cậu lặp lại. “Cháu đã không biết—Cháu không có nơi nào khác để đi.”

Bà nhắm mắt. Trong một khoảnh khắc thống khổ cậu đã tưởng đó là sự ghê tởm, và cậu xứng đáng được nhận nó. Cậu biết mình hẳn đáng bị như thế. Lẽ ra cậu không nên để những chuyện đó xảy ra với mình; lẽ ra cậu đã phải làm gì đó; cậu không được để cho bản thân lâm vào cảnh vô vọng và sợ hãi.

Nhưng bà không ngoảnh mặt đi. Thay vào đó bà lại kéo cậu đến gần, một cái ôm chặt ấm áp có mùi của gió và hoa. “Không bao giờ nữa,” bà nói một cách mãnh liệt. Giọng bà nghẹn ngào, và cậu biết bà đang khóc. “Hãy quên tất cả đi, Sammy. Quên tất cả mọi thứ trước ngày hôm nay đi. Giờ cháu đã về nhà rồi.”

Nhà. Cậu để bà ôm cậu và giấu mặt vào những bông hoa tươi mát và nghe thấy những âm thanh nhỏ ngổ ngẩn thoát khỏi cổ họng mình, những tiếng rền rĩ nho nhỏ sẽ khiến ngay cả một đứa bé cũng phải mất mặt. Cậu cố ghì chúng lại, và thử nói điều gì đó như một người khôn lớn, như cậu nên làm--tám tuổi đầu, hay thậm chí là chín, có lẽ thế, và cậu lẽ ra nên nói được điều gì đó chín chắn. Những giọt nước mắt của bà làm ướt má cả hai người và cậu muốn mình cũng khóc, nhưng đôi mắt cậu khô khốc và cổ họng chỉ tiếp tục làm những tiếng động nhỏ ngu ngốc đó... *Nhà, cậu muốn thốt ra, cùng với... Cảm ơn bà, ôi, cảm ơn bà. Ôi, nhà...*

Chương 3

Leda đang nhìn chồng chọc.

Cô sực tỉnh ngay giữa hành động ấy, nhưng không sớm hơn lúc Samuel Gerard nhìn thẳng vào cô, một sự gắn kết giữa hai ánh nhìn trong thoáng chốc: ánh mắt cô ngơ ngẩn, ánh mắt anh ta màu bạc và đẹp thiêu đốt, trông tuyệt đối đáng kinh ngạc trên một khuôn mặt nam tính không tì vết khác người...hoàn hảo...hoàn hảo còn hơn cả sự toàn mỹ của một tác phẩm nghệ thuật bằng đá, vượt trên tất cả trừ những giấc mơ.

Đó là khoảnh khắc lạ lùng nhất. Anh nhìn Leda như thể anh biết cô và đã không nghĩ sẽ thấy cô ở đó. Nhưng cô không biết anh. Cô chưa từng nhìn thấy anh.

Không phải anh. Chưa từng thấy lần nào.

Ánh mắt anh lướt qua cô. Tiểu thư Catherine đang tiến tới, nói chuyện với anh trong một giọng êm ái, thân thuộc, như thể đó là điều bình dị nhất khi trò chuyện với vị thiên sứ hạ phàm sống giữa những con người trần tục. Miệng anh hơi cong lên, không hẳn là một nụ cười với Tiểu thư Catherine, nhưng bất chợt Leda nghĩ: *Anh yêu cô gái ấy.*

Hiển nhiên rồi. Họ làm thành một cặp gần như sẽ thách thức số phận, thật xứng đôi vừa lứa. Một mái tóc đen và một vị thần rạng rỡ tóc vàng. Được sinh ra giành cho nhau.

À, ái chà.

“Giờ nói cho bọn em biết—những phu nhân đáng thương này đang cố nói gì?” Tiểu thư Catherine bảo, kéo anh đi với cô.

Anh thả tay cô gái và cúi mình lịch thiệp lần lượt với từng phu nhân người Nhật. Mặt trời buổi sớm tìm anh qua những khung cửa sổ cao như để ban một đặc ân, tô bóng màu vàng sậm của tóc anh, trượt ánh sáng vào những nếp tóc. Khi anh thẳng người lên, lướt cao ánh mắt—và thật sự, anh có đôi hàng mi đẹp làm sao, dày và dài, sậm hơn màu tóc—anh nói với những âm tiết lạ, cô đọng trong ngôn ngữ của họ, lại cúi mình chào với sự tôn kính nhã nhặn trước khi anh kết thúc bài nói ngắn.

Vị phu nhân trẻ đáp lời bằng một chuỗi những từ ngữ và cử chỉ, nghiêng đầu một lần, rất khẽ, về phía Nữ hoàng Kapiolani với một nụ cười e lệ.

Anh lại hỏi vị phu nhân. Cô cười khúc khích và vẽ một hình thù lượn trong không khí, vòng hai bàn tay thật rộng quanh thân người mình và rồi xuống phía chân.

Ông Gerard lặp lại cái cúi mình khi cô kết thúc. Anh nhìn về hướng nữ hoàng và em gái. “Đó là một câu hỏi về thời trang, thưa lệnh bà. Một bộ váy đặc biệt.” Như Tiểu thư Catherine, trọng âm của anh mang hơi hướng Mỹ hơn là Anh, và anh nói thật nghiêm trang như thể vận mệnh

các quốc gia đang ngàn cân treo sợi tóc. “Nữ hoàng Kapiolani đã mặc một bộ váy trắng hầu triều phải không, thưa lệnh bà? Được thêu rất sít?” Anh làm một biểu hiện sơ sài bằng một bàn tay: một sự sao chép mơ hồ, vụng về, bản sao theo phong cách đàn ông của cử động miêu tả của vị công chúa người Nhật. Màu đỏ dâng nhẹ lên cổ anh. “Cổ trễ? Không có—à—”

“Không áo cooc-xê,” Tiểu thư Catherine thông thái nói.

Ông Gerard chuyển sang màu đỏ đậm bên dưới làn da rám nắng. Anh chuyển ánh mắt đi. Tất cả các vị phu nhân, đến từ các quốc gia khác nhau, bắt đầu mỉm cười. Thật đấy, đàn ông vô lý đến đáng yêu lên được.

“Đúng vậy,” vị công chúa xướng. “Bộ *mu’umu’u* làm bằng lụa Nhật.” Bà nói với chị gái bằng một ngôn ngữ khác, còn êm ả và dễ thương hơn cả tiếng Nhật.

Ông Gerard mỉm cười. “Lụa Nhật phải không?” Anh trò chuyện với những mệnh phụ phương Đông lần nữa, và nhận được những cái gật đầu hài lòng và lời trò chuyện hăng hái. Anh nhìn lại những người khác và dịch. “Họ muốn cảm ơn Nữ hoàng vì đã vinh danh đất nước họ.”

Đến lúc đó một chuỗi những cử chỉ lịch sự được trao đổi qua lại, mọi người đều cực kỳ hài lòng với nhau. Bà Elise vỗ tay, trở lại với cung cách Pháp khoa trương của mình.

“Tất nhiên, bộ váy xòe với đường thêu màu trắng, cắt theo phong cách Hawaii. Tôi thấy nó được miêu tả trong một trang của tạp chí định kỳ của Nữ hoàng.” Bà ta khúm núm. “Có lẽ Các lệnh bà muốn một bộ như thế, nếu Nữ hoàng rất vui lòng cho phép?”

Có vẻ như đây là mấu chốt của sự việc. Nữ hoàng tuyên bố mình hoàn toàn vui lòng ban ân cho hai chị em hoàng tộc đáng kính đến từ Nhật. Một người giữ cửa được phái đi thắp từng bộ váy từ khách sạn đến; trong khi chờ đợi, chất liệu vải được chọn; nó phải là một loại vải được thêu kim tuyến sáng màu, và Ông Gerard tội nghiệp, với tư cách người phiên dịch, bị mắc kẹt hoàn toàn giữa mạng lưới ngoại giao thời trang quốc tế.

Leda vội đến xem phòng kho có trữ những loại vải. Cô quay lại mang theo năm súc vải lụa trắng và vàng chất cao đến tận mũi. Khi cô bước vào phòng trưng bày, Ông Gerard bước đến bên cô, nhắc đồng lụa nặng khỏi tay cô ngay lập tức.

“Ôi, không, xin đừng,”—cô hơi hỗn hển—“đừng bận tâm, thưa ngài.”

“Không hề hấn gì.” Anh nói nhẹ nhàng khi anh đặt những súc lụa lên quầy hàng. Leda cup mắt xuống, vờ như bận bịu với vải lụa. Cô liếc nhìn lên dưới hai hàng mi. Anh vẫn đang nhìn cô.

Cô không thể đoán được vẻ mặt anh. Vào khoảnh khắc cô bắt gặp anh, anh quay đi, và cô không thể xác định sự quan tâm của anh có vượt ngoài trí tưởng tượng đầy hy vọng của cô. Dù cô không muốn anh có hứng thú: không phải ở đây—không bao giờ ở đây; cô không thể chịu đựng điều đó—không phải kiểu đánh giá một người đàn ông sẽ dành cho một phụ nữ ở tiệm trưng bày. Đó chỉ là một phút thất thường, chỉ là một người đàn ông đẹp đến kinh ngạc—một

cảnh tượng lộng lẫy mà cô không thể không ngưỡng mộ.

Nhưng dù vậy...theo một cách hiểu kỳ, anh dường như thân thuộc đối với cô. Vậy mà gương mặt nam tính hoàn hảo đó không thể lãng quên được; thậm chí cách anh di chuyển cũng thật đáng nhớ. Với một sự duyên dáng đầy tự chủ và chăm chú trong áo khoác sẫm màu, cắt may vừa vặn và cổ áo xếp nếp. Bờ vai rộng, dáng cao, đôi hàng mi đen khác thường và đôi mắt xám: anh đã khắc sâu đến không thể xóa được trong tâm trí cô. Cô chỉ có thể cho rằng mình đã từng thấy bức tranh minh họa về một vị anh hùng huy hoàng một lần, trong một cuốn sách, là Hoàng tử Quyển rũ trên con ngựa trắng—và giờ anh đang trong phòng trưng bày của Bà Elise, đứng với sự điềm tĩnh trầm ngâm, vây quanh bởi lụa là đủ màu sắc và những phụ nữ đang tán gẫu.

Những cô gái làm ở phòng trưng bày đang tìm bất cứ cơ nào có thể để vào phòng. Tin về Ông Gerard đã lan ra. Khi Leda trải một tấm vải thêu màu sứ lên quầy hàng, cô bắt gặp một nụ cười ngạo nghễ từ Cô Clark, người đang khiến mình bận bịu quá đáng khi chỉnh trang một quầy hàng không cần phải chỉnh trang.

Leda cố hãm cô gái bằng cách không ngó ngang đến nụ cười đó. Cô Myrtle đã từng cảm thấy đàn ông là một cuộc áp đặt lên thế gian, không dễ chấp nhận làm những chủ đề trò chuyện lễ độ, với chỉ duy nhất một ngoại lệ là *kẻ tồi tệ kia*, người rõ ràng đã tự chứa đựng cả một kho những hiện thân muôn hình vạn trạng của sự truy lạc mà linh hồn con người có thể lún vào. Và vì thế *kẻ tồi tệ kia* hoàn toàn là một mẫu trò chuyện phù hợp, và trên thực tế đã bị lạm dụng để phục vụ vì lợi ích của Leda và là sự chỉ dẫn tuy hùng hồn nhưng đúng mực trong phòng khách của Cô Myrtle những năm qua.

Leda có chút đề phòng với đàn ông nói chung. Nhưng cuối cùng cô cũng không thể không đáp lại một nụ cười toét nhỏ với Cô Clark.

Anh thật quá khác thường. Thật sự là thế.

Mỗi lần Leda trải một súc vải để giới thiệu, anh kéo lấy súc vải trước đang trong tay cô khi cô bắt đầu cuộn nó lại, và anh tự tay cuộn nó, nhắc đồ vật kèn càng đó thật dễ dàng. Và anh cũng không hề âm ỉ về chuyện đó; anh chỉ tiếp tục phiên dịch tiếng Nhật sang tiếng Anh và ngược lại trong lúc anh làm việc song song với cô, trong khi Madame Elise nâng từng sớ vải lên cửa sổ và giải thích những đặc tính của nó và sự nổi bật của nó như thế nào dưới ánh nến và ánh sáng đèn.

Khi Leda làm rơi chiếc kéo bạc, anh nhặt nó cho cô. Cô nhận lấy với một tiếng cảm ơn lí nhí, cảm thấy bên lên đến cùng cực vì đang trí như một bà lão phiền hà khi bàn tay trần của anh chạm vào tay cô.

Leda quá tập trung để bí mật quan sát anh đến mức cô giật mình khi người giữ cửa thì thầm vào tai cô từ sau lưng. Cô nhìn xuống và thấy trong bàn tay đi găng của anh ta một bì thư dán kín bởi hình một vòng hoa.

“Gửi cho cô Etoile.” Người giữ cửa đưa nó cho cô.

Mọi người đều nhìn về phía cô, ngoại trừ Bà Elise, bà ta đang nói mãi không ngừng. Leda cảm thấy mặt mình chuyển sang màu như bị bỏng. Cô giật bức thư từ người giữ cửa và giấu ra sau lưng, thầm ước có một cái túi váy.

Giọng nói với âm vực Pháp của Madame Elise cứ ra rả, nhưng đột nhiên bà ta cất mắt và nhìn trực diện vào Leda một lúc. Leda thả bức thư xuống nền nhà sau lưng cô, đứng lui để váy cô che lấp nó. Cô nuốt nghẹn và nhìn xuống, quờ quạng với tấm vải trên quầy.

Cô không cần phải mở bức thư. Cũng không cần phải nhìn kỹ hình vòng hoa kia. Dấu niêm phong ấy có thuộc về quý tộc nào cũng chẳng có gì khác biệt—một bức điện như thế chỉ có thể mang một ý nghĩa, và chỉ có một kết cuộc.

Đây là cách Bà Isaacson “sắp xếp vài chuyện”. Leda phát hoảng và cảm thấy bẽ mặt, tức giận Bà Isaacson, và rồi cô thấy tủi nhục khi nghĩ đó có lẽ là điều bà chủ nghĩ cô đang yêu cầu. Rất nhiều cô gái ở đây đi lại với đàn ông...nhưng không...không—nó không nhất thiết phải được dàn xếp như thế này, trong phòng trưng bày, trước mặt những cô gái và khách hàng.

Cô đã bị gán cho vết nhơ một cách công khai—địa vị của cô đã được làm rõ. Bị bán vì số tiền mua một áo choàng lụa cho váy và phù hiệu mặc ở phòng trưng bày.

Chuyện thương lượng cứ diễn ra quanh cô. Khi cô tìm thấy dũng cảm để nhìn lên, những vị phu nhân Nhật bản đang mải hẹn lịch với cô thợ trưởng đến khách sạn lấy số đo của họ. Giữa khung cảnh đó, Ông Gerard phiên dịch. Anh hẳn cũng đã thấy bức thư. Tất cả họ đều đã thấy, nhưng tất nhiên không ai để ý đến chuyện tình ái của một phụ nữ làm ở phòng trưng bày.

Những vị phu nhân người Nhật đứng lên để ra về. Leda không còn cách nào khác; cô bị buộc phải bước khỏi nơi cô đã quả quyết thả rơi bức thư và tiếp đoàn người Hawaii trong khi Madame Elise đưa những người khác ra cửa. Ông Gerard đi theo họ ra đến xe ngựa. Trước khi Leda có thể kín đáo nhặt bức thư lên, Tiểu thư Catherine đã gọi tên cô, háo hức bắt tay vào việc chọn vải. Leda chỉ vừa bày ra màu hồng thụy sĩ cho cô và một súc lụa xanh màu ngọc lục bảo mờ cho Nữ hoàng Kapiolani thì anh trở vào.

“Giờ nói cho bọn em biết đi, Mano.” Tiểu thư Catherine trải tấm vải ngang cổ mình và chọn một kiểu đứng làm duyên. “Nó tác dụng thế nào đến con mắt đàn ông của anh?”

Khi anh bước qua phòng, anh phải bước qua tấm thảm nơi có bì thư. Anh không nhìn xuống nó, hay nhìn Leda.

Nhưng lúc đó Tiểu thư Catherine nhận thấy, và chỉ ra điểm thiếu sót của anh. “Em tin Cô Etoile đã để thất lạc thư của cô ấy kìa.” Nụ cười Mĩ chan hòa của cô dành cho Leda chẳng biểu lộ gì ngoài sự ngây thơ. “Anh sẽ nhặt nó giùm cô ấy chứ?”

Anh xoay lại và cúi xuống. Leda nhận lấy tấm thư trong khốn khổ. Anh đưa bức thư mặt địa

chỉ cho cô, mặc dù hình vòng hoa đã bị phơi ra rất rõ ở nơi nó rơi xuống.

Cô thậm chí còn không thể cảm ơn anh. Cô không thể nhìn lên. Khi Tiểu thư Catherine vui vẻ kéo sự chú ý của anh trở lại màu hồng thụy sĩ, Leda ước mình chết đi để không còn cảm thấy bẽ bàng, ước được nấp bên dưới một tấm bia vô danh trong một khu mộ tăm tối cách đây hàng dặm.

Nhưng cô quyết tâm sẽ không làm điều gì lỗ mãng như phơi bày nỗi hổ thẹn trước mặt người khác. Cô gục đầu và điềm nhiên trợ giúp Nữ hoàng Kapiolani chọn màu xanh lục bảo mờ. Cô giúp Tiểu thư Catherine và mẹ cô chọn một mẫu hoa văn phù hợp cho bộ váy buổi sáng. Cô lắng nghe cuộc trò chuyện thân tình giữa Ông Gerard và tất cả những vị phu nhân đến từ Hawaii, họ sẽ không để anh đi khi anh đã ở trong vòng kiểm soát của họ. Rõ ràng họ hiểu nhau rõ như một gia đình: kể cả hai mệnh phụ Hawaii cao lớn và thanh lịch cũng đối xử với anh bằng tình mẫu tử, mỉm cười thương yêu khi những người khác la rầy anh vì đã tỏ thái độ áp úng của đàn ông khi phải cho ý kiến về thời trang. Và trong một cung cách đáng yêu, gần như trêu đùa, Tiểu thư Catherine xem nhận định của anh như luật, bỏ bất cứ mẫu hoa văn nào anh không tán thưởng.

Yêu nhau, Leda nghĩ. Tất nhiên. Tại sao lại không chứ?

Leda đứng một bên, cung cấp những cuốn sách thời trang, thay đổi váy trên người mẫu vải, chỉ phòng thử đồ cho Tiểu thư Catherine khi cô gái tuyên bố rất quả quyết theo kiểu Mĩ rằng thật vô lý khi bắt một thợ trưởng đến tận khách sạn chỉ để “tiện cho cô,” trong khi cô ở ngay tại đó. Và rồi đột ngột tất cả xong xuôi, và Leda nhún gối chào khi Ông Gerard nâng cánh tay Nữ hoàng và tháp tùng bà ra hành lang. Vị công chúa và Phu nhân Ashland theo sau.

Tiểu Catherine ngừng một chốc, đặt một bàn tay lên cánh tay Leda, và nói, “Cảm ơn cô. Thật đấy—Tôi lúc nào cũng nói mình ghét đi đến tiệm may váy, nhưng lần này thì rất vui!”

Leda gật đầu và nặn ra một nụ cười, kinh hãi cô gái ngây ngô này sẽ dúm tiền quà vào tay cô, cứ như cô là một người canh rừng hoặc một cô hầu gái. Nhưng Tiểu thư Catherine chỉ thân thiện bóp tay cô rồi thả ra, bước vội theo mẹ cô.

Leda quay trở lại quầy hàng, chop lấy bức thư có hình vòng hoa, và xồng xộc lên lầu đến hành lang trống trước khi cô dừng chân, thở hào hển, và xé bì thư.

Cô Etoile thân mến:

Tôi đã ngưỡng mộ cô từ xa ở vũ hội Thứ ba tuần rồi, trong khi cô làm việc cật lực cùng Madame Elise để bận bịu chỉnh sửa váy áo cho các quý cô. Nhưng tôi nghĩ một người như cô lẽ ra phải có phục trang xinh xắn cho riêng mình, và tôi sẽ rất lấy làm vinh hạnh nếu cô cho phép tôi đáp ứng cho cô, bằng một bộ váy xứng với cô.

Tận tình chịu sự sai bảo của cô,

Leda vò nhàu và xé lá thư. Cô sẽ không chịu đựng chuyện này; cô sẽ không bị xúc phạm như thế—“ngưỡng mộ từ xa”—ôi, thật khiếm nhã! Cô thậm chí còn không biết người xưng “Herringmore” này là ai, và nhất định cũng không có mong muốn được giới thiệu với ông ta. Thật là một kiểu thô tục phổ biến, tồi tệ khi bị xăm soi như thể cô là một cô hầu gái lẳng lơ!

Lẽ ra cô nên trở thành một nhân viên đánh máy. Tất cả những quý cô ở Phố South đều phản đối chuyện đó, vì đó là một công việc hăng hái và xông xáo, không phù hợp với một phụ nữ được nuôi dạy dòng dõi. Nhưng những nhân viên đánh máy nhất định không bị buộc phải chịu *cảnh này*!

Ngưỡng mộ từ xa, thật đấy! Khiếm nhã!

Cô đi thỉnh thịch xuống lầu, vớt những mẫu vụn ra cửa sổ ở đầu cầu thang. Trong phòng tắm, cô rút phù hiệu trên tóc và suýt nữa đã làm trượt lưng trong lúc vội tháo nút và giải thoát bản thân khỏi cái váy đáng căm phẫn.

Mặc váy và áo khoác của mình, cô trở lại phòng trung bày để giáp mặt với Bà Isaacson-Elise, kẻ giả dối đáng ghê tởm—và phá hủy tất cả nấc thang bắt lên trời cao sau lưng.

Cuộc cuộc bộ từ Phố Regent đến Bermondsey dài đến mức Leda luôn phải đi xe buýt hai tầng hay xe lửa lúc cô còn dư dả. Khu vực nơi cô sống rất đáng sợ, nằm ở vùng ngoài của nơi mà cô sợ mình có thể tìm thấy một khu ổ chuột lụp xụp nếu cô thu được can đảm đi vào những con đường xa hơn. Nhưng cô tự nhủ mình may mắn khi tìm ra một căn phòng đơn ở đó sau khi khám phá ra với hai bảng mười mỗi tháng, lúc đầu có vẻ là một khoản tiền công rất khá, lại quá nghèo để thuê dãy phòng cô từng thuê ở Kensington. Phải mất một thời gian nhất định cô mới nhận thức hết sự cấp bách của tình thế.

Vào lúc này căn phòng áp mái trong một chuỗi những ngôi nhà cũ treo lơ lửng trên một con kênh nhỏ, với mái hiên xuôi và những cửa chớp bể nứt, là của cô—ít ra cũng là thế cho đến cuối tháng này. Cô đã thanh toán mọi chi phí cho những phần phụ đắp thêm, nên bà chủ nhà ưa cô và ngay lập tức sửa cửa sổ và ổ khóa, nhưng Leda có dự cảm mình sẽ không còn được ưa thích nếu bà ta khám phá ra cô đã mất việc.

Tất nhiên tình trạng này sẽ không kéo dài. Leda sẽ đến thăm các quý cô ở Phố South. Họ sẽ cho cô giấy giới thiệu mà Madame Elise đã từ chối, và Leda sẽ bắt đầu lại—lần này với tư cách là một nhân viên đánh máy, việc mà lẽ ra cô nên làm ngay từ đầu.

Giờ cô chọn cách đi bộ, cho đến khi cô có thể lấy cuốn sổ thu chi của mình từ cái hộp thiếc nhỏ và tính toán một cách chính xác tình thế hiện nay. Không muốn đến nơi quá sớm và khơi dậy sự ngờ vực của bà chủ nhà, cô ghé vào tiệm Strand ở A.B.C. Tiệm trà dành cho các Quý bà Quý cô, tại đó cô uống một tách và ăn một bánh mì kẹp dưa chuột. Rồi cô mua thêm một cái bánh nướng, nấn ná tại bàn bên dưới bức màn đăng ten tươi thắm lâu nhất có thể nhờ khoản tiền ba penny phải trả. Hôm nay chẳng có giỏ đồ bằng liễu gai để đem về, nên cô nhét cái bánh

vào bóp tay khi cô đi dọc theo con đê ngăn sông và tham gia cùng đoàn khách bộ hành, những cỗ xe phủ bạt, và xe ngựa thuê qua Cầu Luân Đôn và tiến vào khu công nghiệp hôi hám phía nam con sông.

Cô không muốn cuộc bộ thong thả ở đây, mà rảo bước giữa đám đông và những xe tải đưa thư. Thật bất tiện khi đi bộ mà không có ai hộ tống; cô không muốn bị nhận lầm là một người có nhân phẩm bất minh. Nhưng Cô Myrtle đã từng nói bản chất sẽ bộc lộ giá trị con người, nên Leda giữ cầm ngang lên và nhịp bước khoan thai, không ngó ngang, hầu hết, đến những con người rách rưới rúc trong những khung cửa tối và lảng vảng ở quầy bán cà phê.

Làn sóng mùi hương đầu tiên bên này cầu thật dễ chịu và gợi cảm hứng: rễ cây irrit thơm, trà, dầu hồng sắc và dầu thông từ tiệm Hay's Wharf, đó là hỗn hợp những thứ mùi của cả thế giới rộng lớn ngoài kia đã mang hơi thở đến một căn gác trọ Luân Đôn. Một ông lão với sắc diện không khỏe, ngơ ngẩn ngồi co rúm bên một trụ đèn. Bên cạnh ông, một chú chó con đang độ lớn ốm gơ xương nằm thở hồng hộc, nhìn chăm chăm với sự cảnh giác thông minh của loài chó vào dòng chảy những đôi giày và quần ống ngang qua trước mặt. Leda bước qua. Đi được hai thước, cô đột ngột quay lại, lần tìm trong bóp tay. Cô bước lại, dúm cái bánh vào bàn tay ông lão, rồi tiếp tục lên đường khi ông lão lẩm nhẩm gì đó sau lưng cô. Cô có thể nghe tiếng con chó rên ư ử vì háo hức.

Một con tàu chạy rầm rập qua đường ray vào Ga Luân Đôn, cũng là tiếng xình xịch đã đánh thức cô vào năm giờ mỗi sáng, đều đặn như một cái còi báo động. Ở đây mùi dấm chua bao trùm lên khu dân cư, nhưng cô cho rằng còn có những thứ mùi có thể khó chịu hơn tại một khu công nghiệp—thì thoảng cô bắt được mùi của những xưởng thuộc da khi cơn gió thổi từ hướng đông, và những làn hơi phảng phất khó ở của chất clo đôi lúc phát ra từ bệnh viện. Những đứa trẻ hò reo thiếu hăng hái khi cô đi qua, nhưng cô lờ chúng đi, và chúng ngừng lại để gãi những bàn chân trần và nhìn chòng chọc.

Trong con phố nơi cô ở, những đứa trẻ được chăm sóc tốt hơn. Đúng thế thật, cặp vợ chồng độc tài trong căn nhà đối diện vận hành đại loại một kiểu trại trẻ mồ côi, và có lúc nhận một vài đứa trẻ từ những nhà tế bần, và giữ cho chúng sạch đến tàn bạo, ưa nhìn và lễ phép, chưa từng cho phép chúng ra ngoài những nơi bụi đất, và cố gắng tìm những nhà bảo trợ và sắp xếp nơi nhận nuôi chúng. Một cậu bé xinh xắn đã được một quý ông nhân từ nhận nuôi tháng trước, như Oliver Twist trong câu chuyện của Dickens.

Cho đến tận lúc chuyện đó diễn ra, Leda đã thật sự tưởng tượng có lẽ đó thật sự là một ngôi nhà như trong cuốn sách ấy, nơi những đứa trẻ được huấn luyện để móc túi. Cô đã cân nhắc đến việc đề cập những nghi vấn của mình với sở cảnh sát, nhưng có chút lo sợ họ sẽ cười cô. Hoặc tệ hơn nữa, bà chủ nhà sẽ không tán đồng mối bận tâm mang bản chất công dân của cô. Cô Myrtle sẽ không đòi nào nao núng trước một sự dè dặt như thế, tất nhiên, nhưng Leda đã hiểu ra những điều tưởng như là nguyên tắc và hiển nhiên ở Phố South lại không phải lúc nào cũng thích hợp tại Khu Crucifix hay Xưởng Bột Yến Mạch hay Mê Cung.

Khi cô đi ngang cánh cửa bằng thép của sở cảnh sát ở góc cua, cô ngừng lại để chào vị tuần

tra đêm. Nhưng bây giờ lại sớm hơn khoảng thời gian thường lệ của cô, do đó Thanh Tra Ruby chưa đến sở. Cô gửi lời thăm hỏi cho một viên cảnh sát trẻ, anh ta chạm bàn tay to lớn vào chiếc mũ cối một cách kính cẩn và hứa sẽ chuyển lời.

Cô rẽ vào một con đường chỉ rộng bằng một con hẻm, với những ngôi nhà trát vữa cổ như hình Nữ hoàng Elizabeth treo trên con đường lát đá vấy bùn. Cô không ngó ngang đến điều đó và bận rộn với những suy nghĩ về một máy đánh chữ đẹp mới tinh, vừa bước được lên chân cầu thang của ngôi nhà thuê trước Bà Dawkins lóng ngóng chạy ra khỏi phòng khách tí hon của mình. Bà chủ nhà đứng trong luồng sáng vàng vọt đổ lên thành cầu thang và ba bậc đầu tiên, nguồn sáng duy nhất trong bóng tối âm u của hành lang.

“Giờ thì chuyện gì thế này?” Bà ta gác một khuỷu tay núng nính lên khung cửa phòng khách và nhìn Leda bằng đôi mắt lơ lửng xanh nhợt nhạt, cái chớp mắt chậm chạp, máy móc của một con búp bê. “Về sớm sao cô?” Bà ta gục gật đầu tóc xoắn trong khi nói, hai má lắc lắc. Bà Dawkins lúc nào cũng tỏ vẻ tôn trọng Leda, nhưng khi cụp mắt bà ta có kiểu nhìn bằng khoe mắt rất khó chịu.

“Vâng,” Leda nói. “Khá sớm.” Cô bắt đầu lên cầu thang.

“Cô đã bỏ lại giỏ rồi sao?” Bà Dawkins hỏi. “Cái giỏ đựng những bộ váy đẹp ấy? Jem Smollett có thể giúp cô xách nó lên không, thưa cô?”

Leda ngừng chân và quay lại. “Tôi chắc cậu ấy có thể, trong trường hợp tôi mang giỏ về. Nhưng hôm nay tôi không đem nó về. Chào buổi tối.”

“Không đem giỏ!” Giọng bà chủ nhà mang âm thờ ơ mà chói tai. “Họ sẽ không đuổi việc cô chứ hả?”

Leda đặt chân lên bậc tiếp theo và xoay mặt về phía đầu cầu thang. “Đương nhiên là không rồi, Bà Dawkins. Một vài người trong chúng tôi đã được cho một buổi chiều để nghỉ ngơi, trước khi khoảng thời gian dồn dập sắp tới. Chào bà buổi tối,” cô lặp lại, và rảo bước lên cầu thang với tiếng bà chủ nhà lầm bầm theo sau.

Không ổn rồi. Bà Dawkins biết thói quen thường ngày của cô—hẳn là bất cứ thay đổi thói quen nhỏ nào cũng sẽ gây ra nghi ngờ về một sự thay đổi tình hình. Leda nhấc chân váy và cắn môi, quẹo ở đầu cầu thang lên một tầng cầu thang hẹp. Ở đầu cầu thang, cô mở khóa cửa phòng và vào trong, đóng cửa lại sau lưng.

Căn gác xép nhỏ được quét vôi trắng trông gần như ấm cúng khi cô nghĩ đến điều gì sẽ xảy ra đến với cô nếu Bà Dawkins bắt cô trả phòng. Không việc làm, mái che trên đầu duy nhất cô có thể kiếm được là một trong những căn nhà thuê dễ sợ, nơi những người thuê bị dồn lại trong những căn phòng tập thể và những đồ đạc dành nho nhỏ của cô sẽ biến mất với cái giá bốn penny một đêm có giường, và ba penny nếu không giường.

Cô có một suy nghĩ tuyệt vọng về chuyện trình bày tình cảnh của mình trước các quý cô

Phố South, nhưng Cô Myrtle sẽ không bao giờ hạ mình đến mức cầu xin sự giúp đỡ, dù bằng lời hay bằng hành động. Phải làm một chuyến viếng thăm lịch sự vào buổi sáng và đề cập rằng cô thấy giờ là lúc thuận lợi để tìm một công việc phù hợp hơn—một công việc chấp nhận được. Thú nhận rằng cô đã gần đến mức phải sống ngoài đường—không, cô không thể làm được. Cô không thể.

Cô mở cửa sổ lợp kính để bỏ đi chút không khí tù túng. Mùi giấm chua đậm đặc trong khu dân cư, trộn lẫn với mùi ẩm mốc bốc lên từ con kênh. Trời thậm chí còn chưa tối, nhưng cô đã thay áo ngủ và nằm nghỉ, làm nger cái ê ẩm đang bắt đầu tăng dần ở thắt lưng. Một bánh mì kẹp dưa chuột không bám lâu vào xương sườn, nhưng cô đã quá mệt và thấy kiệt quệ một cách khác thường, và một cảm giác sợ hãi dần thấm thía về việc cô đã làm. Giấc ngủ dường như đơn giản đến sung sướng đi được.

Khi cô nhắm cặp mắt, cô nghĩ về Tiểu Thư Catherine và mẹ, và họ nên luôn mang những trang sức làm tôn lên nước da của họ. Thiếp đi giữa những giấc mơ quay cuồng và mơ hồ của những tấm lụa và giọng nói ngoại quốc, cô giật mình tỉnh giấc thì căn phòng đã chìm vào bóng tối. Cô bối rối một thoáng, vì cô cảm giác như mình chỉ mới chợp mắt được một phút, thay vì hàng tiếng đồng hồ.

Tim cô lại đập mạnh, rộn vang trong tai cô giữa sự tĩnh lặng như tờ. Xa xa, tiếng rít chói tai của một đoàn tàu vang lên trong đêm.

Mắt cô nhắm lại, vì không thể giữ chúng mở ra được. Tiểu thư Catherine dường như đang mỉm cười, nụ cười chân thật, đáng yêu, đặt bàn tay cô lên cánh tay Leda. Cô Myrtle giục cô tỉnh lại. Có người đang ở trong phòng cô. Cô phải tỉnh lại. *Tỉnh dậy; tỉnh dậy; tỉnh dậy*—nhưng cô không thể banh mắt ra được. Cô mệt mỏi quá đến mức sẽ ngủ cả trên phố. Không quan trọng nữa. Một cái kéo bạc chớp sáng trong máng nước. Cô đưa tay xuống để nhắc nó lên...và bị một bàn tay nam giới chặn lại. Anh ở đây, thật sự ở đây, ngay trong phòng cô. Cô phải thức dậy...cô phải...phải...

Trong giấc mơ anh nắm lấy cổ tay cô và kéo cô lại gần, ôm cô vào bên ngực anh. Cô không hề sợ. Cô không thể thấy anh vì cô chỉ đơn giản không thể mở được đôi mắt nặng trĩu. Nhưng cô cảm thấy thật an toàn khi được ấp ủ trong vòng ôm của anh. Thật an toàn và dễ chịu...an toàn...

Chương 4

Mano Kane

Hawaii, 1871

Đó là một căn nhà rộng lớn, nhưng cậu đang quen dần với những căn nhà như thế. Cậu thích tất cả, những căn phòng trống thoáng đãng với thảm dệt *lauhala* dưới đôi chân trần của cậu, những cột trụ màu trắng và cổng vòm to bản được gọi là *lanai*, cái cách những giọng nói vọng lại từ trần nhà cao và âm thanh của biển suốt ngày rót vào tai cậu.

Hôm nay cậu mang giày vì sẽ ra ngoài cùng Phu nhân Tess, với một bộ đồ thủy thủ màu trắng cùng dải viền đỏ và xanh hải quân. Nó quá sạch đến mức cậu miễn cưỡng không muốn cử động. Cậu không muốn làm bẩn nó. Cậu có rất nhiều quần áo, nhưng cậu thích chúng cứ yên vị và hoàn hảo trong tủ treo đồ hoặc rương. Thật tuyệt khi nhìn vào bên trong và thấy chúng được gấp tươm tất, trắng tinh và thẳng thớm.

Cậu ngồi trong một cái ghế với cặp mắt dán vào đường dệt chéo rực rỡ của tấm thảm sàn trong khi Phu nhân Tess nói chuyện với Bà Dominis, vị phu nhân người Hawaii. Câu chuyện của họ không lọt vào tai cậu, chuyện của người lớn, chẳng có gì thú vị. Phu nhân Tess đã hỏi cậu có muốn ở lại nhà chơi hay không, nhưng cậu không muốn. Cậu muốn đi với bà. Đó luôn là điều cậu muốn. Tuyệt vời nhất là khi bà kéo cậu vào vòng tay và ôm cậu, nhưng cậu cũng thích lúc bà cầm tay cậu, hay lúc cậu có thể theo túm một nếp váy của bà trong tay.

Hôm nay bà còn đem theo Cậu Robert và bé Kai. Samuel dám nói vị phu nhân người Hawaii thích gặp hai đứa bé. Cậu thắc mắc liệu Bà Dominis có một tên khác, bằng tiếng của bà, thay vì tên mà những người ngoại quốc hay gọi—cái tên bà đã có được từ người chồng Ý với hàm râu quai nón. Khi cậu hỏi Phu nhân Tess, bà đã nói tên thánh của Bà Dominis là Lydia. Thế cũng ổn thôi, nhưng cậu vẫn muốn nghe tên thật của bà. Tất cả những người Hawaii đều có những cái tên lạ và dễ thương. Bà cũng là một người hiền hậu, với một giọng nói trầm, mượt và làn da nâu vàng của người xứ đảo. Khi bà cúi xuống để kéo Robert và Kai vào vòng tay to rộng của bà, hai đứa bé đều có vẻ trắng hồng và nhỏ xíu.

Bản thân Samuel đứng nán sau lưng Phu nhân Tess khi Bà Dominis muốn ôm cậu. Cậu không biết tại sao mình làm thế, bởi vì cậu rất chắc chắn mình sẽ thích được bà ôm. Nhưng Robert và Kai là con ruột của Phu nhân Tess. Samuel không có đến một cái họ cho đàn ông. Cậu cảm thấy như một kẻ trà trộn trong bộ quần áo đẹp đẽ.

Bé Kai rúc vào lòng Bà Dominis và đặt má lên vòm ngực rộng của bà. Robert làm ầm lên vì bị cho ra rìa cho đến khi bà cho cậu bé một cái kukui-nut *lei*. Cậu bé bốn tuổi ngồi bên chân bà và tự cắt đặt làm người gỡ các nút thắt giữa những quả hạch đen được bôi dầu bóng.

“Cháu đã đi câu đấy à, Samuel?” Bà Dominis hỏi.

Cậu gật đầu. Những quý bà người Mĩ và Anh không bao giờ nói chuyện với trẻ con trong phòng khách, nhưng những quý bà người Hawaii lại luôn muốn biết cậu làm gì, thích thú cứ như họ cũng là những đứa trẻ. Cậu nói, “Cháu đã bắt được một con *mano*, thưa bà.”

“Cá mập à! Nó to chứ?”

Cậu dùng đưa người từ bên này sang bên kia trong ghế. “Kha khá ạ.”

“Dài bằng cánh tay ta không?”

Cậu nhìn lên khi bà giơ những ngón tay ra. Cánh tay bà tròn trĩnh và mềm mại, không thanh mảnh như của Phu nhân Tess. “Dài hơn chút ạ.”

“Cháu có giết và ăn nó không?”

“Có thưa bà. Cháu đập nó bằng cái mái chèo. Kuke-wahine giúp cháu xẻ nó ra.”

“Chúng tôi đã ướp nó cho bữa tối nay,” Phu nhân Tess nói.

“Tốt.” Bà Dominis mỉm cười với Samuel. “Giết rồi ăn nó sẽ giúp cháu trở nên dũng mãnh.”

Cậu nhìn bà đầy hứng thú. “Thế ạ?”

“Chắc chắn đấy. *Mano kane*. Một người-cá mập, không e sợ bất cứ thứ gì trong lòng biển.”

Samuel khẽ nhồm dậy, ý tưởng đó bám rễ trong đầu cậu. Cậu xem xét nó, tưởng tượng mình là một con cá mập, lướt đi trong những tầng nước sâu tối của đại dương. Dũng mãnh. Cẩn bất cứ thứ gì đe dọa đến mình bằng hàm răng sắc đáng sợ.

“Ta sẽ hát cháu nghe một bài ca về cá mập,” Bà Dominis nói, và bắt đầu cất tiếng hát bằng thứ ngôn ngữ phong phú của bà. Nó thậm chí không hẳn là một bài ca; nó không có giai điệu, nhưng bà gõ ngón tay trong lòng để tạo nhịp. Cậu lắng nghe những âm sắc tuôn trào, mê mẩn.

Khi bà đã hát xong, Phu nhân Tess yêu cầu bà hát một bài khác. Bà Dominis đứng lên, vẫn bế Kai, và ngồi xuống bên đàn piano. Suốt chuyến thăm hôm đó bà chơi những bài hát tiếng Anh thông thường, có Phu nhân Tess và Robert nhỏ hát cùng, và Kai vỗ hai bàn tay bụ bẫm nhưng lạc nhịp.

Samuel ngồi yên trong ghế. Cậu không tham gia với họ. Mặc cho những giai điệu du dương hơn, chỉ riêng cậu thầm lắng nghe bài ca trầm bổng và nhịp nhàng về loài cá mập.

Chương 5

“Cháu nên kết hôn đi mới phải, cháu à,” Bà Wrotham nói với Leda. Không may là người phụ nữ luống tuổi không bàn thêm làm thế nào mục tiêu đáng mong muốn này có thể thành công, mà chỉ ngồi sát mép ghế quay sợi của mình. “Ta không thích trò đánh máy.” Bà nhẹ nhàng gõ những ngón tay nổi gân xanh vào nhau. “Cứ nghĩ đến găng tay sẽ bẩn đến mức nào mà xem.”

“Cháu không nghĩ mình sẽ mang găng đâu, Bà Wrotham,” Leda nói. “Ít nhất, có lẽ cháu sẽ tháo chúng ra khi làm việc trên máy.”

“Nhưng cháu sẽ đặt chúng ở đâu? Chúng sẽ dính bụi, cháu yêu—cháu biết găng tay thường như thế mà.” Bà chậm chậm gật đầu, và những cuộn tóc bạc ở hai bên thái dương bà đung đưa theo bên dưới cái mũ nhỏ, đỏm dáng như cô gái ngày xưa.

“Có thể chỗ cháu làm sẽ có một cái tủ ngăn kéo. Cháu sẽ gói chúng vào giấy báo và cất chúng vào đó.”

Bà Wrotham không đáp lại, nhưng vẫn gật đầu theo phong cách chậm rãi của mình. Giữa những bức tường màu hồng sáng và những tấm màn màu táo xanh đã phai, bà trông thật yếu ớt, mong manh và cổ kính như những vòng hoa bằng vôi kiểu Georgian trang hoàng cho trần nhà và bệ lò sưởi.

“Nó khiến ta rất không vui,” bà đột ngột nói, “nghĩ đến cháu ngồi sau một cái bàn. Ta ước gì cháu cân nhắc lại, Leda thân mến. Cô Myrtle có thể sẽ không thích việc đó, cháu có nghĩ vậy không?”

Câu ám chỉ bằng một giọng quở trách dịu dàng tác động đến Leda một cách sâu sắc. Chắc hẳn Cô Myrtle sẽ không thích chuyện đó chút nào. Leda cúi đầu và nói một cách tuyệt vọng, “Nhưng chỉ cần tưởng tượng công việc đó sẽ thú vị như thế nào đi ạ! Biết đâu cháu có thể được sao lại bản viết tay của một tác giả ngang tầm Ngài Walter Scott.”

“Khó mà được lắm, cháu yêu,” Bà Wrotham nói, gật đầu mạnh mẽ hơn. “Rất khó có khả năng đấy. Ta không nghĩ chúng ta sẽ thấy ai đó như Ngài Walter trong suốt cuộc đời chúng ta nữa. Cháu có vui lòng rót trà không?”

Leda đứng dậy, biết rằng lời thỉnh cầu là một vinh hạnh dành cho cô. Bà Wrotham đã rất tử tế khi yêu cầu điều đó, vì Leda có thể thấy vị chủ nhà của cô hơi méch lòng khi có người nghĩ một ngày kia sẽ có một tác giả có thể sánh được với tác giả yêu thích nhất của bà.

Trong khi họ ăn bánh mì thái mỏng và bơ, cô hầu gái nói tiếng khu đông Luân Đôn thông báo Phu nhân Cove và chị gái bà, Cô Lovatt, đã đến. Sự rắc rối thường lệ diễn ra ở cửa trong một chốc, khi Cô Lovatt gắng lùi lại và ưu tiên cho em gái là phu nhân nam tước, còn Phu nhân Cove thì lưỡng lự và khua tay bối rối và mời chị gái của bà tiến lên trước. Chuyện được giải quyết như thường lệ: phu nhân cuối cùng cũng ngoan ngoãn vào trước chị gái và nhìn Leda bằng ánh mắt cảm kích khi cô sắp ghế cho họ gần khay trà.

Cũng như mọi lần, Cô Lovatt hạ khung người dẻo dai của bà vào một cái ghế bọc vải hoa và hỏi Leda đã nghĩ mình đang làm gì mà lại xa cách bạn bè cô lâu đến thế. Trong lúc Leda chật vật giải thích mà không khiến những quý bà quý cô lo lắng một cách không cần thiết bằng một lời tường trình quá chi tiết về những gì xảy ra khi được thuê làm công; Phu nhân Cove trở thành cứu cánh của cô khi bằng giọng nói nhỏ nhẹ, bà nói thật tốt vì Leda có thể đến mỗi khi cô

có thể. Leda mỉm cười với bà, cảm kích vì sự giúp đỡ.

Với sự gia tăng số lượng trong nhóm, câu chuyện lái theo những hướng khác, bao gồm cả những người thuê đất trong nhà Cô Myrtle. “Nét mặt thô lỗ,” Cô Wrotham tả khái quát về vị chủ nhà mới. “Các bạn có thể thấy mũi cô ta bên dưới mũi. Hai chị em tôi chưa ghé qua thăm.”

“Hắn ta là một người bán súc vật,” Cô Lovatt nói.

“Một người bán súc vật ạ?” Leda lặp lại.

“Hắn xử lý việc liên quan đến thú vật,” Cô Lovatt làm rõ, với một cái phất ngón tay khó hiểu. “khi chúng đã chết. Trên một khu vực rộng.”

Không có gì được nói rõ hơn về chuyện đó. Bất cứ điều gì quý ông này đã làm với những con thú chết trên một khu vực rộng tốt hơn nên được để dành cho trí tưởng tượng. Một thoáng yên lặng kính cẩn, u sầu trôi qua, khi mọi người cùng ngẫm nghĩ về số phận đáng buồn của ngôi nhà Cô Myrtle, Leda nghĩ đến căn phòng ngủ chật hẹp với tấm thảm trải sàn của Brussels và giấy dán tường hoa văn màu xanh dương đậm điểm thêm màu hồng và đỏ.

“Cháu đã cải thiện gì cho căn hộ mới của cháu chưa, cháu thân mến?” Phu nhân Cove hỏi Leda.

“Ồ! Cải thiện ấy ạ?” Cô xoay sở tìm một câu trả lời phù hợp, một câu trả lời sẽ làm chệch hướng câu hỏi kỹ hơn về căn hộ mà cô đã không có khả năng chi trả. “Cháu chưa quyết định sẽ nâng cấp gì cả. Cháu không muốn quá vội vàng.”

“Rất khôn ngoan,” Cô Lovatt nói, gật đầu. “Cháu lúc nào cũng là một cô gái vững vàng, Leda. Chúng ta đã lo lắng cho cháu, nhưng ta tin cháu sẽ làm tốt thôi.”

“Ồ, vâng ạ.”

“Leda nói với tôi nó muốn trở thành nhân viên đánh máy,” Bà Wrotham thông báo. “Tôi phải nói mình không ưa chuyện đó.”

“Hiển nhiên là không!” Cô Lovatt đặt tách trà của mình xuống. “Không, chúng ta đều đồng ý nghề đánh máy không thích hợp. Nghề may y phục là lựa chọn tốt hơn.”

“Cháu đã—chuyện là—các cô thấy đó—cháu thấy mình không thỏa mái ở tiệm của Madame Elise,” Leda nói.

“Vậy thì cháu phải thay đổi tình thế của mình,” Phu nhân Cove nói bằng một giọng thờ ơ và nhân từ. “Chúng ta có thể làm gì để giúp cháu nào?”

Leda nhìn bà đầy biết ơn. “Ồ, Phu nhân Cove—cháu sẽ có lợi thế hơn nhiều nếu có một lời phê thiện chí—” Cô ngắt lời, nhận ra sự bất thành linh thiếu lịch sự của lời yêu cầu, “—chỉ một câu thôi ạ--thật đấy, cháu e là Madame Elise sẽ không—nếu cháu không quá lạm dụng—lòng

tốt của các cô—“ Cô cần mỗi khi những lời nói tuôn ra một cách rối rắm.

“Chúng ta sẽ cân nhắc,” Cô Lovatt nói. “Không phải chúng ta không vui lòng ủng hộ cháu, Leda thân mến, cháu hiểu mà. Nhưng có thể cháu không nên quá hấp tấp trong chuyện rời tiệm Madame Elise để trở thành một nhân viên đánh máy.”

“Nhưng, thưa cô—“

“Cháu phải lắng nghe lời khuyên sáng suốt hơn, Leda ạ. Một người đánh máy không thích hợp đâu. Đó là một công việc dành cho những phụ nữ cứng cỏi.”

“Cháu sẽ làm bần găng tay,” Bà Wrotham nói thêm.

“Nhưng con bé đâu cần mang găng phải không?” Phu nhân Cove rụt rè hỏi.

“Tất nhiên nó phải mang găng chứ, Clarimond. Sẽ có rất nhiều người ở tầng lớp bình dân dính líu đến công việc đó. Cảnh sát. Chủ hàng.” Mũi Cô Lovatt phình ra. “Có lẽ còn cả diễn viên nam nữa.”

“Diễn viên!” Phu nhân Cove kêu lên the thé.

“Có thể nó sẽ bị yêu cầu đánh máy phần thoại của họ. Tôi thì đã từng thấy tờ yết thị của Văn phòng Sao lưu và Đánh máy cho phụ nữ, nhận đánh máy phần thoại cho diễn viên nam và tài liệu cho luật sư.”

Cả ba người đều nhìn Leda đầy quở trách. Cô cụp mắt hổ thẹn và nhấp một chút trà, chẳng có lời bào chữa nào. Cô sẽ rất muốn được ăn thêm vài lát bánh mì với bơ nữa, nhưng như thế sẽ rất thô thiển.

“Chúng ta sẽ cân nhắc,” Cô Lovatt nói—tất nhiên có nghĩa là bà sẽ cân nhắc và hai phu nhân còn lại sẽ khiêm nhường lắng nghe bài diễn thuyết và kết luận của bà. “Chúng ta muốn điều tốt nhất cho cháu, Leda thân mến. Cô Myrtle cũng sẽ muốn chúng ta chăm lo cho tương lai của cháu. Thứ Sáu tới cháu hãy quay lại đây, và lúc đó chúng ta sẽ quyết định.”

Leda dành cả ngày còn lại để ngồi trong phòng chờ của Sở Môi giới việc làm của Cô Gernsheim. Cuộc phỏng vấn của cô và Cô Gernsheim không suôn sẻ kể từ lúc cô này biết Leda sẽ không có giấy bảo lãnh từ chủ thuê trước. Nhân viên đánh máy, Leda được bảo, là một vị trí được nhiều người tìm kiếm nhất, thường được trao cho những người đã qua đào tạo và có kinh nghiệm. Không có lấy một giấy bảo lãnh...Cô Gernsheim gõ cây bút vào thân lọ mực và làm vẻ mặt nghiêm trọng.

Leda nhắc đến những mối quen biết của cô ở Phố South.

“Tôi chưa nghe tới Phu nhân Cove,” Cô Gernsheim bàn lùi. “Gia đình này có được liệt kê trong danh sách Burke không?”

“Đương nhiên rồi,” Leda nói, chạm tự ái. “Họ đã giữ danh nam tước từ năm 1630. Và Phu nhân Cove là một người mang họ Lovatt từ bên phía nhà ngoại.”

“Vâng. Vậy cô có họ hàng?”

Leda nhìn xuống đôi găng tay của mình. “Không, thưa cô,” cô thì thầm.

“A. Tôi cứ tưởng có thể một liên hệ gốc rễ sẽ có lợi cho phần xuất thân gia đình của cô.”

“Không ạ,” Leda nói lần nữa, và im lặng.

“Tôi tin ‘Etoile’ cũng là một cái họ xa lạ với mình. Gia đình cô ngụ ở quận nào?”

“Gia đình tôi đã mất rồi, thưa cô.”

“Tôi rất lấy làm tiếc,” Cô Gernsheim nói trong một giọng sòng phẳng. “Nhưng gốc gác của cô là thế nào? Trong một trường hợp như của cô, ít kinh nghiệm và có tiền sử phải chịu điều tiếng, những chủ thuê tương lai sẽ muốn biết cô là ai. Dạo gần đây có rất nhiều loại rắc rối; nói chung có rất nhiều kiểu người không phù hợp. Người theo đảng xã hội. Hầu gái giết chủ. Những giai cấp nguy hiểm. Cô đã nghe tiếng Kate Webster rồi, tất nhiên.”

“Chưa, thưa cô,” Leda nói.

“Chưa à?” Cô Gernsheim nhướn hai hàng lông mày thưa và trông ngạc nhiên thật sự. “Tất cả các báo đều đăng vụ đó. Richmond. Cách đây vài năm. Cô hầu làm tất cả mọi việc—người đã cắt cổ một góa phụ tội nghiệp và nấu xác ngay trong chảo đồng của bà chủ. Và rồi còn có Bà Riel—bị đánh đập bởi người hầu gái ngay trong chính ngôi nhà của bà ở Park Lane. Loại chuyện này khiến những người đi thuê rất đa nghi. Tôi hy vọng cô không phải người Ai len chứ?”

“Tôi có gốc Pháp, thưa cô,” Leda điềm tĩnh nói.

“Cô có thể nói rõ thêm không, Cô Etoile? Gia đình cô đến Anh bao lâu rồi?”

Leda bắt đầu thấy căn phòng trở nên ngột ngạt. “Tôi không chắc, tôi e là thế.”

“Cô có vẽ rành lịch sử của gia đình Lovatt hơn là gia đình cô nhỉ.”

“Mẹ tôi mất khi tôi được ba tuổi. Cô Myrtle Balfour ở Phố South đã nhận nuôi tôi từ lúc đó.”

“Còn Ông Etoile? Cha cô thì sao?”

Leda không biết làm sao chỉ ngồi yên lặng.

“Cô có quan hệ họ hàng với Cô Balfour này chẳng? Bà ấy không thể cung cấp một giấy bảo lãnh à?”

“Không, thưa cô,” Leda nói, và thất kinh khi nghe thấy giọng mình run run. “Cô Balfour đã qua đời một năm trước.”

“Và cô thì không phải họ hàng của gia đình Balfour?”

“Không, thưa cô.”

“Cô được nhận nuôi?”

“Cô Balfour đem tôi về nhà bà ấy.”

Người phụ nữ trông đã mất kiên nhẫn. “Tôi không thể gọi đây là lai lịch có triển vọng, Cô Etoile. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu chúng ta tìm cho cô những việc không đòi hỏi nghiêm ngặt về năng lực. Cô đã cân nhắc đến các cửa tiệm chưa?”

Leda xòe hai bàn tay đi găng áp vào nhau. “Tôi không muốn làm trong ngành buôn bán, thưa cô, nếu cô vui lòng.”

“Nào, nào—nó quá tốt đi mà. Cô không cho rằng dòng dõi của cô quá cao so với việc đó chứ?”

“Tôi muốn một công việc đáng kính trọng hơn ở một cửa tiệm, thưa cô,” Leda cố chấp. “Tôi thật sự muốn trở thành một nhân viên đánh máy.”

“Nếu như thế, cô sẽ phải trình cho tôi một giấy bảo lãnh tốt từ một nguồn có địa vị cao hơn. Ít nhất cũng phải từ Phu nhân Cove.”

“Vâng, thưa cô.”

Cô Gernsheim ghi chú lại. “Tôi hiểu Etoile là họ của mẹ cô?”

“Vâng, thưa cô.” Giọng Leda đã chuyển thành một tiếng thì thầm.

“Bà ấy đã không kết hôn?”

Leda khẽ lắc đầu mà không biết nói gì. Cô Gernsheim ngược mắt lên khỏi tờ giấy, quan sát Leda với một cái cau mày, rồi ghi lại. “Nơi ở hiện nay của cô?”

“Bà Dawkins ở Đảo Jacob, thưa cô. Khu Bermondsey.”

“Đảo Jacob!” Bà ta đóng sổ lại và đặt bút xuống. “Cô đúng là một thử thách đấy, Cô Etoile. Ít khi nào những cô gái biết điều lại đòi trèo cao. Khi cô trở lại với giấy bảo lãnh, chúng ta sẽ xem xét việc này. Thứ Hai tuần sau có tiện cho cô không?”

“Tôi tin mình có thể đem giấy đến trước lúc đó,” Leda đề nghị.

“Cô có thể đem nó đến càng sớm càng tốt, Cô Etoile, nhưng phải tới Thứ Hai tôi mới tổ

chức phỏng vấn để tìm công việc phù hợp với hoàn cảnh của cô được. Cô vui lòng thì đóng nhẹ cửa giùm. Đầu tôi tra tấn tôi suốt hôm nay.”

Leda cũng lên cơn nhức đầu. Cô rời văn phòng trong một tâm trạng ảm đạm. Cô sẽ phải thu xếp để đến nhà Phu nhân Cove trong lúc chị gái bà Cô Lovatt không có nhà, một việc khó nhằn, và rồi vỗ về nữ nam tước rụt rè viết cho cô một giấy bảo lãnh mà Cô Lovatt đã ngụ ý rõ ràng là không được viết, kèm theo một câu ghi rõ Leda không có khí chất của một kẻ giết người...loại chuyện sẽ khơi mào một cuộc trò chuyện về chủ đề những người hầu tàn ác, và kết cuộc sẽ khiến Phu nhân Cove run sợ trước nguy cơ những mưu đồ xấu xa của quản gia nhà bà, một người đàn ông vai sụm nói giọng run run đã được thuê vào làm tại nhà bà được ba mươi lăm năm.

Và phải chờ hơn một tuần chỉ để nghe được kết quả buổi phỏng vấn! Leda nhắm tính tiền thu chi của mình và quả quyết lê bước tiến về phía trước.

Trời đã nhá nhem tối khi cô đến khu dân cư. Viên tuần tra đêm chỉ vừa bước lên bậc thềm đồn gác. Ông ngừng chân khi thấy Leda trên con đường sau lưng ông và giữ cửa cổng cho cô. “Cô lại về sớm à! Tôi có nghe hôm qua cô ghé qua sớm.”

“Ông khỏe chứ, Thanh tra Ruby? Họ có giữ nguyên hiện trạng cho ông không?”

“Có chứ, thưa cô. Có chứ.” Phần trò chuyện này là một nghi thức giữa họ. Leda hỏi thăm vợ và con ông và bữa tối của ông có gì, và đề nghị chuyển cho ông công thức làm lưỡi bò của Cô Myrtle.

“Rất cảm ơn cô, thưa cô. Lên đi và tôi sẽ ghi nó vào cuốn sổ ghi nhớ của tôi, nếu cô không bận.”

Leda leo cầu thang và bước qua cánh cửa thép ông đã giữ cho cô. Bên trong căn phòng trụ sở kín bưng, bức cửa viên Thanh tra đơn độc giữa một vũng sáng đèn, như một bức gương kính trong bóng tối tù mù. Một phụ nữ nằm sóng soài trên sàn bên trong căn xà lim đơn, một khối đen đen lấm lấm và rên rĩ một mình trong bóng tối, trong khi viên cảnh sát bật dậy khỏi băng ghế bên ngoài và chào cấp trên.

Leda cảm thấy quan sát quá kỹ người phụ nữ trong xà lim sẽ thể hiện một sự tò mò thiếu tế nhị, nên cô ngồi lên băng ghế và dựa vào bức tường quét vôi trắng, đặt cuốn sổ của viên thanh tra vào lòng để viết. Bất chấp bầu không khí ngột ngạt, viên cảnh sát dự phòng bắt đầu cời than bên dưới một ấm đồng đặt trên vĩ lò sưởi, xin lỗi viên thanh tra vì chưa chuẩn bị sẵn trà cho ông.

Viên thanh tra nhăn mặt. “Không cần phải bận tâm; cậu đun tách trà đắng nhất tôi từng uống đấy, Mac-Donald.”

“Xin lỗi, thưa ngài,” MacDonald nói. Anh ta thẳng lưng lên, trông như thể anh ta không nghĩ ra được phải làm gì với hai bàn tay to lớn đầy tàn nhang của mình. Anh ta móc chúng vào thắt

lưng trắng và làm bật cái khóa bằng kim loại sáng, đưa cho Leda một cái nhìn rụt rè. “Tôi chưa từng biết phải làm thế nào. Ở nhà chị tôi luôn nhận lấy vinh hạnh đó.”

Leda đặt cuốn sổ sang bên. “Để tôi pha trà cho ngài, Ngài Thanh tra. Tôi khá thành thạo.”

“Sao chứ, cô thật tuyệt vời, thưa cô.” Thanh tra Ruby vuốt hàm râu mép và mỉm cười. “Tôi rất biết ơn cô. KHÔNG có gì bằng bàn tay của người phụ nữ.”

Leda băng qua căn phòng tối và bận bịu với cái ấm và ngọn lửa. Từ khoe mắt, cô thấy thân thể người phụ nữ trong xà lim lẩn sắp và quằn quại trên sàn, như thể cố gắng tìm tư thế thoải mái hơn. Người phụ nữ bật ra một tiếng rên nhỏ. Khi cô ta lăn ngửa lại, cái bụng phình to chứng tỏ cô ta đang...à... trong tình trạng sắp lâm bồn, như Cô Myrtle sẽ gọi, thì thềm sau bàn tay bà.

“Ôi, thôi,” Leda nói, nhóm dậy từ bếp lò nhỏ, “Cô có ổn không?”

Người phụ nữ không trả lời. Cô ta đang thở khó nhọc, uốn cong lưng. Sau lưng Leda, Thanh tra Ruby âm ừ dò hỏi. “Mac? Chúng ta có vụ gì ở đây vậy?”

“Book nói vì tội gây náo loạn, thưa ngài.” Hạ sĩ MacDonald hắng giọng. “Họ bắt cô ta trong phiên gác chiều. Cô ta bị đuổi khỏi Oxslip trong khu Đảo. Cô ta làm loạn lên. Cào vào mặt Sally Chảo Rán.”

Leda quay lại vì ngạc nhiên; đúng lúc bắt gặp hai người đàn ông trao đổi ánh mắt. “Oxslip?” cô hỏi. “Trong phố của tôi? Đó là nơi họ nhận trẻ mồ côi.”

Thanh tra Ruby đưa sang cô một cái cau mày kỳ quặc. Ông nhay nhay môi trên, kéo giãn bộ ria. Hạ sĩ MacDonald trông lúng túng.

“Trại trẻ mồ côi,” Thanh Tra Ruby nói một cách sống sượng. “Đúng đấy, thưa cô.”

Cô nhìn người tù nắm lấy lưng mình và rên rỉ. Khi Leda nhìn kỹ hơn, thật dễ nhận thấy người phụ nữ chỉ nhỉnh hơn một cô gái da trắng vừa qua ngưỡng thiếu niên. “Có thể--Thanh tra Ruby—tôi tin là—” Leda do dự phải đưa ra ý kiến trong khi chẳng biết gì về hộ sinh, nhưng cô gái giờ đang phát ra những tiếng rất rõ ràng. “Có nên gọi một bác sĩ không?”

“Một bác sĩ sao, thưa cô?” viên thanh tra ngó cô gái. “Cô không định nói—Thượng đế cứu giúp chúng ta—cô ta không sắp sửa—”

Dáng người nằm úp trên sàn xà lim ngắt lời ông bằng một tiếng rên rỉ to, rồi đột ngột chuyển sang một tràng những lời bang bố thì thào.

“MacDonald,” viên thanh tra quát, “cho người đi tìm xem viên y sĩ còn ở nước ngoài không. Cô gái sẽ không có đủ tiền để trả cho một bác sĩ.”

“Vâng thưa ngài. Tôi sẽ lo liệu ngay lập tức.” MacDonald vội đứng nghiêm chào và biến mất

bên ngoài cánh cửa với một tốc độ nhanh đáng kể.

“MacDonald!” viên thanh tra oang oang gọi với theo. “*Cho người đi*—cậu thì không! Thế đấy, anh chàng ngốc nghếch đần độn; nguyên rửa cậu ta đi, cậu ta đã nghe tôi nói rõ như ban ngày. Cậu ta khiếp sợ những chuyện của phụ nữ ấy mà.” Thanh tra Ruby cười toe với cô. “Cậu ta để ý cô đấy, thưa cô. Hỏi thăm cô hằng ngày. Không thể kiềm chế nổi sự vui mừng vì cô đã nói chuyện với cậu ta chiều qua.” Ông cởi chiếc áo vét với hàng nút sáng màu và bắt đầu xắn tay áo. “Và cô nghĩ gì về cô gái đáng thương này nào? Tôi cho là chúng ta phải vào trong xem cô ta thế nào.”

Leda lùi lại dựa vào tường, ngập ngừng khi ông mở cửa xà lim và ra hiệu bảo cô vào. “Tôi e mình không biết nhiều về chuyện này,” cô thừa nhận. “Cô ấy có vẻ đang bị đau đớn, và tôi nghĩ có thể một người có chuyên môn nên được đưa tới.”

“Chúa ban phúc cho cô, chúng tôi không đưa người có chuyên môn xuống đây, cô biết đấy. Không phải cho loại người này. Có thể viên y sĩ sẽ cho người gọi một bà đỡ...hoặc có thể không.” Ông bước vào và quỳ bên cạnh cô gái. “Nào, giờ phải làm gì đây, cô nương? Cô đang trong cơn đau đẻ phải không? Cô đã đau trong bao lâu?”

Leda không thể nghe thấy câu trả lời lẩm bẩm của cô gái, nhưng viên thanh tra lắc đầu. “Cả ngày phải không? Đứa trẻ ngốc nghếch—sao cô không nói?”

“Tôi không muốn nó,” cô gái thở dốc. “Tôi chưa muốn nó ra.”

“Chà, nó đang ra đấy. Con đầu lòng à?”

Cô gái phát ra một tiếng rên rỉ đồng ý.

“Sao cô lại đến Oxslip? Không phải cô hy vọng sẽ được cho một cái giường ở đó chứ?”

“Bạn tôi...cô ấy hỏi thăm giùm tôi—bảo tôi họ sẽ nhận đứa bé.” Cô gái nuốt xuống và lăn đầu sang bên. “Tôi sẽ trả tiền nuôi nó. Tôi thề.”

Viên thanh tra lắc đầu. “Cô phải che chở con mình, cô gái ạ,” ông nói. “Cô đem nó cho những kẻ trông trẻ thì cũng như cô đã giết nó đấy, tin tôi đi. Cô là người hầu phải không? Có một anh chàng trong thành phố chứ?”

“Tôi...không thể tìm ra anh ta.”

“Không may rồi. Nhưng họ không muốn một đứa trẻ mồ côi trong Oxslip đâu, cô hiểu ý tôi không? Bạn cô đã sai khi cô ta gửi cô đến đây.”

Cô gái bắt đầu thở gấp. Gương mặt nhăn nhó.

Viên thanh tra cầm lấy tay cô. Leda di chuyển đến gần, cắn môi. “Tôi có thể làm được gì không?” cô thì thầm.

Tiếng cánh cửa ken két làm họ cùng ngoái nhìn ra sau. Leda tưởng sẽ thấy Hạ sĩ MacDonald, nhưng đó là một viên sĩ quan lạ lao qua cửa, má đỏ dừ và cổ áo thít lại vì vận động. Thanh tra Ruby bật dậy.

“Đừng bỏ tôi lại,” cô gái hét lên. “Đau quá!”

Leda bước vào xà lim. “Tôi sẽ ở lại với cô ấy,” cô nói, quỳ xuống trên mặt sàn cứng. Cô nắm bàn tay cô gái và vỗ vỗ lên đó khi những ngón tay hoảng loạn bấu chặt tay cô.

“Cám ơn cô.” Viên thanh tra đã bước ra và trao đổi với người mới đến. “Chào anh, Sĩ quan. Có chuyện gì không ổn sao?”

Người đàn ông bật ra một tiếng cười gay gắt. “Không ổn! Ừ đấy! Sao chúng ta không có một cái máy điện báo trong văn phòng này chứ, tôi hỏi ngài đấy? Tôi có một đám phóng viên đeo sát sau tôi mười bước và Sở ngoại vụ thét xuống đầu tôi, nếu ngài gọi đó là không ổn! Đi theo tôi ngay, Ruby, và trông năng nổ vào.”

“Quân dự phòng của tôi—”

“MacDonald phải không? Tôi vừa gặp cậu ta ngoài phố. Đã lệnh cho cậu ta đi trước. Báo chí, anh ạ, báo chí! Nếu anh nghĩ tôi muốn bị bắt quả tang ngay trước mũi một đám phóng viên chết tiệt thì anh hãy nghĩ lại đi.” Người mới đến thậm chí còn không nhìn về phía Leda hay người phụ nữ trong xà lim lấy một lần, mà chỉ giữ bàn tay trên cánh cửa mở khi Thanh tra Ruby nhanh chóng lấy áo choàng và mũ. “Đây là một kiểu bịp bợm, tôi sẽ bị cầm chân, nhưng gã này đã công khai bài của hắn từ tờ *Whitehall* đến *Thời báo* và ngược lại, và chúng ta phải ra vẻ như chúng ta có góp phần vào đó. Tôi tính chúng ta có mười lăm phút trước khi báo giới có mặt.” Ông ta chùi trán bằng khăn tay. “Có một vụ trộm đã xảy ra ở Khách sạn Alexandra, của một hoàng tử phương Đông khốn kiếp gì đấy, Siamese thì phải, nhưng đó không phải việc của chúng ta—thứ chúng ta nhận được là một lời nhắn chết tiệt từ một gã chết tiệt đã cuỗm nó, bảo cái vương miện khỉ gió bằng đá quý không thể thay thế của Siamese đã bị đánh cắp—cái vương miện sẽ được trình lên Nữ hoàng đấy anh ạ—kẻ cắp này còn dám cả gan nói rõ nó có thể được thu hồi tại Oxslip ở Jacob Island!”

“*Oxslip!*” Thanh tra Ruby phun ra.

“Cho anh há hốc miệng ra đấy! Anh chỉ mới nghe nửa câu chuyện thôi. Anh có biết tên diên này đã để lại khách sạn cái chết tiệt gì thế chỗ vương miện không? Một bức tượng tục tĩu từ một nhà chứa, Ruby! Một nhà chứa *thật sự*--và không phải tôi đang nói đến một tiệm rượu Haymarket đầy gái đầu đấy. Anh có đoán được không? Sở ngoại vụ lên cơn kích động; Bộ Ngoại giao thì phát diên—đó là một sự xúc phạm nặng nề tới tính đa cảm của những kẻ phương Đông chết tiệt này—rắc rối quốc tế--điều đình thương mại—những nhà ngoại giao—tôi bảo cho anh biết, Ruby, tôi sẽ không bị bắt gặp trông như thằng khờ trước mặt một lũ ngoại giao chết dẫm—”

Câu nói của ông ta mất hút khi cánh cửa đóng lại sau lưng họ. Leda ngẩng ra nhìn theo họ đầy hoang mang, và rồi nhìn xuống đôi mắt hoảng sợ của cô gái.

“Sẽ ổn cả thôi,” cô nói, cố gắng nghe có vẻ can đảm. “Bà đỡ đang đến.”

“Có chuyện gì đó đang xảy ra,” cô gái thốt lên, đầu cô làm một cử chỉ hoảng loạn. “Tôi ướt nhẹp hết—tôi chảy máu!”

Leda nhìn xuống, và đúng vậy, có một vùng sẫm màu đang loang lên váy cô gái. Nó có vẻ là một vũng to, chảy tràn ra sàn phòng. “Không—đó không phải máu đâu,” cô nói. “Nó không màu. Nước ối của cô đấy.” Leda đã từng nghe thấy điều đó—rằng nước ối vỡ, dù việc đó có ý nghĩa gì đi nữa. Cô rất lo cuộc lâm bồn sắp xảy ra. “Chỉ cần bình tĩnh. Bà đỡ đang trên đường đến.”

Cô gái thét lên, cả cơ thể căng ra. Những ngón tay cô gái bấu vào lòng bàn tay Leda.

Leda vuốt trán cô gái. Da cô mềm và ẩm, với một màu sắc khỏe mạnh không giống màu da xanh tái của đói nghèo đã dần trở nên quen thuộc với Leda. Ất hẳn cô gái cũng đã được ăn uống đàng hoàng và có chỗ nương thân. Cơ thể cô gái dường như đầy đặn và cường tráng, không mảnh dẻ, nhưng đó là niềm an ủi nhỏ nhoi trong khi Leda phải lắng nghe những âm thanh đáng sợ của sự gắng gượng và cơn đau của cô gái.

“Nó ra đấy,” cô gái thở hổn hển. “Ôi, không—nó sắp ra đấy!”

“Không sao đâu,” Leda nói, cô chỉ muốn vỗ về nỗi sợ của cô gái. “Mọi thứ đều ổn cả. Cô tên gì?”

“Pammy—Hodgkins. Ôi, thưa cô—cô là bà đỡ?”

“Không. Nhưng tôi sẽ ở lại với cô.”

“Bà đỡ có tới không?”

“Có. Họa sĩ MacDonald sẽ đi tìm người giúp rồi.”

“Nhưng ông ta nói—người đàn ông kia nói—ông ta đã lệnh cho ngài họa sĩ đi nơi khác.”

“Bà đỡ đang trên đường tới,” Leda nói quả quyết, từ chối tin vào bất cứ điều gì khác. “Cô chỉ cần nghĩ đến sẽ tuyệt vời biết bao khi được ôm con của mình trong vòng tay.”

Cổ họng Pammy nghẹn cong. Cô gái nhấc đầu gối lên và lăn qua lăn lại. “Đau quá, đau quá!” Cô gái hít sâu và thở hồng hộc. “Ôi, tôi sẽ giết tên Jamie đó nếu tôi có thể bắt được hắn. Tôi muốn chết!”

Cửa bật mở. Leda nhìn lên và thì thầm, “Tạ ơn trời.”

Hai phụ nữ lao tới chỗ họ. “Tôi là Bà Layton, y tá hộ sinh. Đây là Bà Fullerton-Smith từ Hiệp hội Bảo vệ Sức khỏe Phụ nữ. Con đau xảy ra liền kề nhau không?”

Câu hỏi được đặt cho Leda với sự đột ngột lạnh lùng. Cô mở miệng, đóng lại, rồi hốt hải nói, “Tôi thật sự không biết. Một lượng nước đáng kể đã chảy ra.”

“Đến xem ấm đun đi,” bà y tá nói với Leda. “Bà Fullerton-Smith, bà vui lòng trải tấm khăn vệ sinh này lên sàn giùm tôi nhé?”

Hai người phụ nữ bắt tay vào làm việc với sự nhanh nhẩu và hiệu quả đã cắt đi một gánh nặng to lớn khỏi vai Leda. Bà y tá, hoạt bát và sốt sắng, không có lòng kiên nhẫn dành cho những tiếng rên rĩ của Pammy, và bắt đầu khẳng khẳng đòi cô gái “Rặn đi—và chú tâm vào” trong khi Bà Fullerton-Smith đẩy một bó sách mỏng vào tay Leda. “Cô vui lòng nghiên cứu chúng. Không nên gửi cô gái lại làm việc ít nhất sau bốn tuần. Chúng tôi xin cô hãy khuyến khích cô gái nuôi con bằng sữa của cô ấy. Cô có thể tham khảo ở phần có tiêu đề *Tác hại xấu của bú sữa bình*. Ngoài ra, phải kiêng những chất có thuốc phiện như Rượu bồ (thuốc kích thích tim) Godfrey, trà lá anh túc, hay thuốc giảm đau. Sự sạch sẽ là tối ưu—tất cả thức ăn đều phải được đập kỹ, sữa bò phải được đun, rửa tay sau mỗi lần đi vệ sinh, chất thải phải được đem đi đổ ngay lập tức. Cô sống ở đâu?”

“Tôi sống ở nhà Bà Dawkins, thưa bà, nhưng Pammy—”

“Chúng tôi sẽ thu xếp những chuyến thăm sau khi sinh. Cô ấy tên gì?”

“Pammy Hodgkins, nhưng—”

“Cứ để tôi ghi lại đã. Hiệp hội Bảo vệ Sức khỏe phụ nữ ở đây để giúp đỡ và giáo dục.”

Pammy hét lên, và Bà Fullerton-Smith quay lại, bước vào xà lim. Leda ngồi xuống băng ghế bên ngoài, những hướng dẫn về *Làm thế nào để Chăm sóc Em bé, Sức khỏe của Bà mẹ, Bệnh sỏi, và Làm sao để Tắm có lợi cho sức khỏe của bé* nắm chặt trong tay.

Nó hẳn kéo dài hàng tiếng đồng hồ, nhưng dường như cả ngàn thu đã trôi qua trong khi Pammy la hét và rên rĩ và làm những tiếng thở động vật vì gắng sức. Ánh sáng đèn rọi xuống thành hình tròn trên bức trống, trong khi căn xà lim nằm khuất trong bóng tối, nơi vọng lại những tiếng thở hào hển và những lời hướng dẫn dứt khoát. Pammy thét lên một tiếng chói tai và lắng xuống. Trong một phút sự yên lặng dường như lớn lên và lớn mãi khi Leda căng mắt nhìn những bóng người túm tụm, và rồi bất chợt bà y tá ngồi lên và nói, “Bé trai,” trong một giọng thần nhiên khi bà bế lên một hình hài tái nhợt và lác.

Một âm thanh the thé, như tiếng kêu kéo dài của một con chuột cống, dội đến từ xà lim.

“Cô vui lòng chiếu ánh sáng thẳng vào đây,” bà y tá ra lệnh.

Leda nháy dựng lên và thắp cây đèn dầu của viên cảnh sát, mở cửa và rọi vào xà lim. Bà y tá đang lau chùi một hình hài nhỏ bé mềm oặt một cách đáng sợ, tạp dề trắng của bà đẫm máu.

Pammy lấm nhấm và rặn lần nữa. Bà Fullerton-Smith nói, “Được rồi đấy,” và chăm lo cho Pammy, dọn tấm khăn đã bẩn và thay một tấm lót sạch bên dưới cô gái yếu ớt.

Tiếng ọ ẹ bắt đầu nổi lên thành một tràng những tiếng trẻ khóc, dội quanh những bức tường. Bên ngoài, giọng đàn ông văng vẳng trên phố, và cánh cửa mở bung ra. Thanh tra giữ cửa cho viên giám sát của ông, ông này bước vào theo sau bởi Hạ sĩ MacDonald đem theo một vật kích cỡ ấm trà bọc trong một khăn len họa tiết cánh hoa, rồi những người khác tràn vào; đột nhiên sở cảnh sát đầy ắp đàn ông, tất cả đều bàn luận, tất cả đều cố gắng hô to những câu hỏi trên tiếng thét của đứa trẻ. Leda bị dồn vào bức tường cho đến khi Hạ sĩ MacDonald chen vào bên cạnh cô và đưa tay cho cô, làm đệm cho cô bật lên đứng trên băng ghế.

“Các vị!” tiếng viên thanh tra rống. “Vui lòng trật tự!”

Đám đông rơi vào yên lặng, chỉ để lại tiếng khóc của đứa trẻ. Thanh tra Ruby không ngó ngang gì đến đứa bé, trao đổi ngắn với cấp trên rồi bước lên bục của mình.

“Chúng tôi sẽ ra một tuyên bố,” ông nói trong một giọng trầm bổng to át cả tiếng đứa bé. “Đúng tám giờ mười lăm phút tối, những viên chức ở đơn vị này đã tiến vào ngôi nhà được biết đến với cái tên Oxslip ở Đảo Jacob. Ở đó chúng tôi đã tìm thấy thứ chúng tôi muốn tìm, một vương miện được tạo tác tại nước ngoài, được cho là Siamese và bị trộm từ cơ ngơi là Khách sạn Alexandra. Vương miện đã được canh phòng nghiêm ngặt và không bị hư hại và sẽ được trực tiếp gửi lại cho phía sở hữu. Đến đây là hết, thưa các vị.”

“Có bắt giữ gì không?”

“Ông Ellis Oxslip và một phụ nữ được biết dưới cái tên Sally Chảo Rán đã được đưa đi thẩm vấn.”

“Ở đâu?”

“Tại Headquarters ở Quảng trường Scotland.”

Một tiếng rên rỉ đồng thanh bật ra. “Sao lại đưa đến đó? Sao các ông không đưa bọn họ đến đây?”

“Như các vị có thể thấy, tối nay chúng tôi có một sự xáo động trong sở.”

“Tin nhắn!” ai đó rống lên trên tiếng cằn nhằn và tiếng khóc. “Đọc cho chúng tôi nghe tin nhắn đi, ngài Thanh tra! Tin nhắn đó nói gì?”

“Tôi không được quyền đọc bất cứ tin nhắn nào.”

“Nó có nói Oxslip là nơi hay lui tới của những kẻ đồi bại?”

“Tôi không được quyền tiết lộ bất cứ thông tin nào về vấn đề đó.”

Một người đàn ông khác chen lên trước. “Có thật là bức tượng xuất phát từ Oxslip—bức tượng đã được để lại khách sạn?”

Thanh tra Ruby nhìn sang sĩ quan của ông. Viên cảnh sát này khẽ gật đầu. “Chúng tôi tin như vậy.”

Những tập giấy và bút chì sột soạt loang loáng. “Vậy đó là một nơi hành xác! Có phải vậy không, Thanh tra Ruby?”

“Tôi không được quyền—”

“Xin ngắt lời, Thanh tra!” Một người đàn ông ở phía sau, đứng trước mặt Leda, cất cao giọng vẻ ghê tởm. “Đây là lãnh địa của ngài, có phải không? Ngài không biết có chuyện gì đang diễn ra ở đây?”

“Còn những đứa bé trai chúng tôi đã thấy?” ai đó hét to. “Ngài có bắt chúng như người bị tình nghi?”

“Những người vị thành niên cư trú trong ngôi nhà không bị tình nghi lấy cắp. Họ sẽ bị thẩm vấn về những gì họ biết có thể liên quan đến vụ việc.”

“Vậy ngài sẽ làm gì với chúng? Trả chúng lại cho Oxslip và Sal?”

Quai hàm viên thanh tra nghiêng lại. Ông cau mày dữ dội và không trả lời câu hỏi.

“Mục đích của tất cả việc đó là gì?” người đàn ông đứng trước Leda gặng hỏi. “Đó là đe dọa tổng tiền, hay một cố gắng để xóa sổ Oxslip? Có phải cảnh sát đã giàn xếp chuyện đó?”

Thanh tra Ruby do dự; rồi nói. “Tôi không thể tự kết luận về khía cạnh đó.”

“Sẽ là một việc tốt nếu họ đã dàn dựng nó,” người đàn ông nói, và nhận được một tràng tán thưởng trong khi đứa bé khóc rống. “Nếu ngài không thể bắt quả tang chúng tại trận thì tôi nói các ngài hãy búng chúng đi! Những đứa bé đó—thật bẩn thỉu, lạy Chúa!”

Viên thanh tra dường như sực nhớ ra Leda lần đầu tiên. Ông nhìn thẳng vào cô, rồi giơ hai bàn tay, phẩy đi những câu hỏi tới tấp. “Thế thôi, các vị! Có các quý cô hiện diện ở đây. Các vị hãy đến Quảng trường và hỏi những gì các vị muốn. Ở đây chúng tôi còn việc phải lo.”

“Thế thôi!” một người đàn ông trẻ la lên, giơ một ngón tay cái về phía xà lim nơi đứa bé vẫn đang la khóc, giờ đã lắng bớt khi bà y tá hộ sinh cuộn nó trong vải lạnh. Nhưng viên thanh tra và Hạ sĩ MacDonald đã bắt đầu đẩy các phóng viên ra cửa. Một vài người bỏ đi, theo sau là những người hăm hở đi cho theo kịp với đối thủ, nhưng vẫn có một số nán lại, cố gắng đặt các câu hỏi.

Bà Fullerton-Smith đem đứa bé ra khỏi xà lim.

Trong lúc Leda trèo xuống khỏi chỗ đứng trên băng ghế, cô thấy cái bọc nhỏ được đẩy vào tay cô. “Tấm vải được Ủy ban phụ nữ tại Công viên Marylebone tặng,” Bà Fullerton-Smith bảo cô. “Cô có thể giữ nó, nhưng chúng tôi yêu cầu cô khử trùng nó và trao lại cho người nào cần khi nó không còn có ích cho em bé. Người mẹ đang ngủ yên lành, như cô thấy đấy. Trong một hoặc hai giờ nữa, khi thấy khỏe cô ấy có thể bế con. Bà Layton và tôi phải trở lại sở khám sức khỏe, vì còn những bệnh nhân khác cần được chăm lo tối nay. Nếu có tình trạng tràn huyết thì hãy gọi chúng tôi ngay.”

Leda đang sắp sửa chỉnh lại nhằm lẫn của Bà Fullerton-Smith về việc Leda có liên hệ cá nhân với Pammy, thì cô nghe được bà y tá báo lại chi tiết cho Hạ sĩ MacDonald, người cần mẫn viết lại trong sổ hồ sơ. “Bà Dawkins ở Đảo Jacob,” y tá nói về chỗ ở của Pammy.

“Ôi, không—” Leda cố gắng đi vòng qua Bà Fullerton-Smith và bài độc thoại về các chỉ dẫn của bà ta. “Hạ sĩ MacDonald—cô ấy không sống ở đây!”

Tiếng phản đối của cô mất hút giữa những câu hỏi dai dẳng của hai phóng viên, họ vẫn cứ hỏi Hạ sĩ MacDonald liệu anh ta có thể mở bọc vương miện. Trong khi đó, Bà Fullerton-Smith và y tá gói ghém đồ dùng. Bà y tá kéo tạp dề dính máu qua đầu và nhét nó chỗ khác. Đứa bé bắt đầu khóc trở lại, và Leda nhìn xuống đôi mắt nhắm nghiền và cái miệng há to.

“Yên nào, yên nào,” cô thì thầm một cách vô ích, vỗ vỗ vào lưng của cái bọc. Đứa bé chỉ càng gồng mình và rống to hơn, tạo nên một gương mặt kinh khủng, đỏ bầm và trắng nhợt. Leda nắm lấy cánh tay bà y tá khi bà đi qua sau Bà Fullerton-Smith, nhưng cả hai người đều đi khỏi trước khi cô có thể thốt ra một lời phản đối rõ nghĩa.

Thanh tra Ruby và sếp của ông bước ra, cản cánh phóng viên. Trong lúc Hạ sĩ MacDonald mài miết với một nhà báo cực kỳ dai dẳng, một người còn lại lén đến bên Leda, nơi tấm khăn len bọc đồ được đặt trên ghế. Anh ta kéo mép tấm khăn, mở nó ra.

Vương miện theo kiểu phương Đông bằng vàng và sứ trắng men được đặt ngược đầu trên ghế, một mũ miện có chóp nhọn như một ngôi đền nhỏ, khảm dày đặc kim cương tụ lại tại một viên ruby to khổng lồ khảm vào một khung trắng.

Người phóng viên bắt đầu nhanh chóng phác họa vào sổ anh ta, đến khi Hạ sĩ MacDonald tức giận hô to và đẩy dúi anh ta ra. “Anh đang làm gì thế? Đi ngay; ra khỏi đây, cả hai người!” Anh ta đẩy người phóng viên qua cửa, lôi người kia theo sau. Họ vừa đi vừa phản đối âm ỉ. Leda có thể nghe thấy tiếng họ oang oang trên phố khi họ cầm chân Hạ sĩ MacDonald trên bậc thềm.

Không biết làm gì khác, cô bước vào xà lim và quỳ bên cạnh Pammy. “Cô cảm thấy sao?” cô hỏi. “Cô muốn nhìn bé không?”

Cô gái nhắm nghiền mắt như đứa bé khi nãy. “Tôi không muốn nó!” cô gái càu nhàu. “Đem nó đến đâu đó đi.”

“Bà y tá nói cô có thể bế con trong một hay hai giờ nữa.”

“Tôi không bế đâu.”

Leda nhìn xuống gương mặt sưng sả của cô gái. Pammy mở mắt và nhấc một bàn tay, yếu ớt đẩy vào cánh tay Leda.

“Tôi không nhận nó đâu,” cô gái nói. “Tôi ghét nó. Đi đi!”

Leda nhóm dậy và quay lại băng ghế. Tiếng khóc của trẻ sơ sinh cứ tiếp tục vang lên. Cô ngồi xuống bên cạnh vương miện và nhìn gương mặt đứa bé. Nó thật xấu xí, cái miệng nhem nhẹp nước và da nhăn nheo, và mẹ nó không muốn nó.

Leda ôm nhẹ cái bọc khó thương, chỉ càng khiến nó khóc to hơn. Cô nhìn đắm đắm vào vương miện bằng vàng và đá ruby đẹp tuyệt—và bắt đầu khóc mà chẳng có lí do.

Chương 6

Bài ca

Hawaii, 1871

Bé Kai thích đi bơi. Cô bé hét lên khi những con sóng lớn tạt vào rặng đá ngầm ở Waikiki, và đập hai bàn tay bé nhỏ lên vai Samuel.

“Xa! Đi xa!” cô bé đòi. “To!”

Nên cậu ôm cánh tay quanh người cô bé và ngụp vào con sóng êm ả, cách hơi xa so với hầu hết những đám trẻ Hawaii khác. Tầng váy dài trên bộ đồ bơi của cô bé đập dềnh và trôi vào ngực trần của cậu với mỗi con sóng khi cậu nhấc cô bé lên trên ngọn sóng. Cô bé cười giòn và kêu ré lên và đôi lúc cậu nhận cô xuống dưới con sóng, để họ cùng trôi lên với những giọt nước lăn dài xuống mặt còn miệng thì đầy vị muối mặn.

“Đi xuống!” cô bé la lên. “Đi xuống!”

Họ hít vào lấy hơi, Kai phồng má và chúm miệng lại rất buồn cười. Samuel chìm xuống dưới làn nước trong vó cô bé ôm chặt trong tay. Lực sóng cuốn lấy họ, đưa họ đi một vài mét về gần bờ, và cát dưới chân cậu trượt đi. Cậu ghì cơ thể mũm mĩm của Kai để ám hiệu “đi lên,” và cô bé quấy đạp dữ dội. Cậu bật khỏi lớp cát, vùng ra khỏi mặt nước, đem theo Kai lên cao trên hai cánh tay cậu.

Cô bé thét lên sung sướng. Một đợt sóng khác ủa vào, xô vào họ trong tiếng ầm ầm và

những bọt sóng trắng xóa. Samuel giữ nước khỏi tóc cậu. Khi tai đã hết ù, cậu nghe thấy những tiếng la hét khác ngoài tiếng Kai. Cậu nhìn về phía bờ biển và thấy những dáng người quạt nước tung tóe để lên bờ.

“*He mano!*” Tiếng hét vang đến chỗ cậu giữa tiếng ầm ì của sóng. “*He mano! He mano nui loa!*”

Cậu thấy nó, một cái vây đen mỏng trời lên khỏi mặt sóng, một cái bóng u ám, di chuyển rất nhanh, dài như một tấm ván mà người Hawaii dùng để lướt sóng. Con cá mập ngăn cách cậu và Kai với bờ. Samuel thoáng thoáng nhận biết đám đông đang tụ tập lại, những người vừa la hét vừa chạy dọc bờ cát.

Sau này, cậu nhớ nhất là sự bình tĩnh hoàn toàn đến với cậu khi con cá mập quay lại và bơi nhanh về phía họ.

Cậu nhắc Kai khỏi mặt nước, lên vai cậu. Cô bé nắm tóc cậu, vẫn đang cười, đập chân lên ngực cậu. Cậu quắp chặt hai bàn tay quanh cổ chân cô bé và giữ yên. Cô bé đang hét gì đó, nhưng cậu không để tâm. Trên tiếng sóng, trên tiếng rít sợ hãi từ bờ biển và tiếng la của những người đàn ông khi họ mang xuồng ra, cậu nghe thấy một thứ khác nữa.

Cậu nghe thấy bài hát của cậu, bài hát u ám của người anh em cá mập.

Cậu đứng yên và lắng nghe.

Cuộn sóng đập vào cái vây trong một lúc, nhắc chân cậu khỏi lớp cát và nhẹ nhàng mang cậu xuống. Cậu nhìn bóng dáng khổng lồ bơi vụt qua cách đó một thước. Tiếng ré gọi mẹ của Kai vang trong tai cậu, xa xa, như tiếng còi tàu vắng lại, nhưng tâm trí cậu chỉ chú tâm vào bài hát.

Bài hát giữ cậu yên tĩnh, cảm lặng; như một tảng san hô cố định, một mảnh gỗ vô tri vô giác trôi dạt—một vật thể bị động, không sợ hãi. Con cá mập lướt qua, quay lại và bơi tới, to như cơn ác mộng. Cậu lắng nghe bài ca. Cậu cảm nhận được sự hiếu kỳ thờ ơ của con cá mập—cái đói cồn cào và không màng đến lí lẽ trong sự hiếu kỳ ấy, nhưng bên trong cậu thật yên lành và cậu là một phần của con sóng, không phải thứ nó muốn.

Kai đã ngừng la gọi. Cô bé cũng ngồi yên trên vai cậu, những ngón tay giật mạnh trong tóc cậu. Trong không trung cậu nghe thấy những tiếng la hét và tiếng rào rào—những người đàn ông trong xuồng đang đập nước bằng mái chèo, tiến băng băng.

Con cá mập thực hiện một cú lướt xoay mình, đi ngang trong tầm với. Samuel quan sát nó bơi ngang, thấy lớp da màu xám tối, cái vây lưng, đuôi, và rồi đột nhiên nó đổi hướng ra biển, cách xa con xuồng đang tiến lại.

Chiếc xuồng trông thật khổng lồ, lao tới chỗ họ trên lưng một con sóng nhồi. Những mái chèo khua nước thật mạnh. Samuel cảm thấy nhận thức đầu tiên của nỗi sợ--không phải sợ cá

mập, mà từ mối đe dọa của những vũ khí bằng gỗ và sự tàn bạo của những tiếng hét. Con xuống dường như sẵn sàng đâm mạnh vào bên người cậu, nhưng với kỹ thuật thành thạo những người Hawaii ở phía đuôi xoay đầu xuống trên con sóng và nó vượt ra sau cậu. Ai đó kéo cô bé Kai đang la hét khỏi vai cậu.

Hai cánh tay mạnh mẽ thô bạo chộp lấy cậu. Cậu xoay người và vùng đi, đâm sầm vào mặt gỗ bóng cứng, đập mạnh hai đùi và đầu gối. Trong một thoáng nguy cấp mạn xuống bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước và cả con xuống có nguy cơ bị lật, nhưng rồi cậu được lôi lên xuống, gục vào một lồng ngực phủ sơ-mi trắng, nhận thấy những câu tiếng Anh hét vào tai cậu.

Những từ cảm tạ Chúa và cảm tạ cậu; Ngài Gryphon ghì chặt Samuel cứ như ông không thể buông. Đối diện với họ trong xuống, Kai ngọ nguậy trong cánh tay nâu bóng của một người Hawaii, hét lên, “Cha, cha!” và cố gắng vùng ra.

Giọng nói chửi thề gần bên tai cậu, cánh tay ôm quanh cậu chặt đến nỗi gây đau. “Samuel, cảm ơn cháu, cảm ơn Thượng đế vì nhờ có cháu, Chúa yêu cháu, cậu bé, cháu là một anh hùng giáng thế—” Giọng nói cứ tiếp diễn, lăm bắm không dứt, và cuối cùng Kai thoát được và loạng choạng đến ngã vào lòng Samuel, cha cô bé ôm lấy cả hai, và khi con xuống cập bờ ông nhấc hai đứa ra mà tay vẫn không buông.

Phu nhân Tess đang đợi, đứng trong nước biển với gấu váy xổ ra, bị kéo dạt theo con sóng đổ vào bờ. gương mặt bà có vệt nước mắt, mái tóc đen tung bay khỏi những kẹp tăm. Bà giằng lấy Kai vào vòng tay, quỳ xuống và vùi mặt vào vai và tóc ướt của Samuel. Nước biển rút bên dưới họ, hút cát khỏi chân cậu. Cậu hơi lập cập để giữ thăng bằng.

“Đứng vững nào, con trai.” Bàn tay vững chãi vẫn đang nắm lấy vai cậu. Samuel nhìn lên khuôn mặt Ngài Gryphon. Ánh mắt trời phản chiếu trên mái tóc vàng của ông; ông cao và thân thiện và cao thượng và chưa từng gọi Samuel là “con trai” trước đây. Ông đang toét miệng cười. Samuel cảm thấy gương mặt mình thay đổi, cảm thấy nụ cười run rẩy, ngập ngừng nở trên môi. Mọi người vây quanh, nào là những người Hawaii ở trần vẫn đang rỏ giọt vì sóng, những người *haoles* đáng kính, da trắng và mặc kín đến tận cảm trong những bộ đồ sẫm màu và mũ, kể cả ông quản gia phương Đông của Phu nhân Tess đi cùng họ để phục vụ cho buổi dã ngoại ngày Chủ nhật ở Waikiki cũng có mặt.

Ai đó khởi đầu cuộc reo hò. Ngài Gryphon nhấc bổng Samuel lên thật dễ dàng như cậu bé Kai. Vô số những bàn tay nắm lấy cánh tay và chân cậu và quăng cậu lên cao theo nhịp. *Hip-hip-hooray! Hip-hip-hooray!*

Họ quăng cậu lên ba lần, rồi chỉnh cậu thẳng lại và nhấc cậu lên vai Ngài Gryphon, mặc cho chiếc quần ống ướt sũng của cậu. Kai cựa quậy và hét lên trong vòng ôm của Phu nhân Tess, cũng muốn được nâng lên, khiến Cậu Robert cũng khóc nhè cho đến khi viên quản gia Dojun nhấc bổng cậu ta lên và bước về phía bãi dứa nhô ra bờ biển.

Khoảng nửa đám đông bắt đầu di chuyển theo hướng đó; nửa còn lại nán chân ở bờ biển và reo hò tán thưởng những người Hawaii đã lấy xuống đi tiếp để tìm con cá mập. Chẳng biết từ

đầu có tin báo vua Hawaii đang nghỉ ngơi trong nhà ông ở Waikiki. Đến lúc họ tới chỗ những cây cọ cao, những cô gái đang chờ với những vòng hoa. Ngài Gryphon nhắc Samuel xuống. Khi mọi người bước lùi lại và yên lặng, những cô gái bước tới và đặt những vòng hoa quanh cổ Samuel, bao phủ cậu trong mùi hương ngọt ngào và những chiếc lá mát lạnh.

“Đức vua vinh danh lòng quả cảm của cậu.” Cô gái đầu tiên hôn lên hai má cậu, và khi người thứ hai bắt đầu làm tương tự, cậu ngo nguẩy lùi lại, khiến cô và cả đám người cười ồ, và cô nắm lấy vai cậu rồi hôn.

Cậu lùi lại và va phải Ngài Gryphon, ông cúi xuống và thì thầm, “Hãy nói gì đó với họ để họ truyền lại cho Đức vua.”

Samuel liếm môi. Cậu hít một hơi. “Xin nói với ngài—Đức vua—rằng—thật sự, chẳng có gì nghiêm trọng. Xin nói với ngài—những bông hoa rất thơm.”

Câu đó dường như khiến ai nấy đều bật cười, nhưng Ngài Gryphon choàng cánh tay quanh Samuel và kéo cậu lại gần, nên mọi chuyện ổn cả. Cảm giác đó thật tuyệt vời. Samuel hơi run một chút. Cậu nhìn lại làn nước màu ngọc lam sáng lấp lánh bên trong rặng đá ngầm, đến những ngọn sóng cuộn cuộn, nơi con cá mập lớn đã trượt vào bóng tối trở lại với những tầng nước xanh thẳm của đại dương.

Chương 7

“Hắn ta lại chuồn cùng tài sản ăn cắp lần nữa!” Bà Dawkins hồng đượm lên vì thích chí, đi theo Leda trên cầu thang tối với tin tức mới nhất về những vụ trộm kỳ dị đã bắt đầu từ tuần trước. “Lần thứ ba trong một tuần. Tờ báo đây này cô! Cô đọc đi. Lần này là một hoàng tử nước Nhật nhá. Ô hắn ta đúng là một kẻ nạy cửa tinh khôn. Lấy một thanh kiếm linh thiêng ngay trước mũi ông người Nhật này, với dàn cảnh vệ đứng canh phòng chặt kín.” Bà ta gần như ré lên vì sung sướng trước thất bại của sở cảnh sát. “Tin hay ho đấy cô. Và hắn ta cũng để một vật thô thiển lại, nhưng báo chí không nói là vật gì, tất nhiên. Bọn họ có bao giờ nói thẳng ra đâu, nhưng người ta có thể đoán mà, cô nhỉ? Nó phải là một thứ từ một ngôi nhà khiếm nhã nào đấy nơi hắn bảo cảnh sát đến tìm thanh gươm đó.”

Leda biết rõ tin tức về vụ trộm thứ ba này, và thủ đoạn quái lạ của những vụ trộm, một vật vô giá sẽ bị lấy cắp từ những đoàn đại diện ngoại giao đến mừng lễ Jubilee, và một thứ khủng khiếp đến không thể tả được để lại thế chỗ. Chuyện đó đã đủ lạ lùng, nhưng điều còn cá biệt hơn là kẻ trộm này dường như không có hứng thú với của trộm cắp, hắn đã gửi một tin nhắn cho cảnh sát chỉ cho họ chỗ để thu hồi từng vật báu—mỗi lần đều ở trong một “ngôi nhà trái luân thường đạo lý”, như báo chí đã đề cập một cách lịch sự.

“Cũng thú vị đấy,” cô nói để làm Bà Dawkins nản chí, quay đi để leo lồng cầu thang tối. Thật ra, Leda biết về những vụ trộm không chính thống này rõ hơn bà chủ nhà, vì cô đã hình thành thói quen pha trà cho Thanh tra Ruby và nán lại sở cảnh sát sau nửa đêm, nhờ đó khiến mọi người tưởng cô vẫn còn làm việc tại tiệm may váy. “Chúc ngủ ngon, thưa bà.”

Một bàn tay nhanh nhẹn chộp lấy váy cô, giữ cô lại. “Thứ sáu rồi đấy cô. Mười bốn si-ling một tuần.”

“Mới chỉ sang ngày Thứ sáu được nửa giờ thôi mà, Bà Dawkins,” Leda nói. “Tôi mong bà không cảm thấy mình phải thức chờ tôi. Tôi sẽ rất vui lòng được gửi tiền cho bà vào sáng mai.”

Bà Dawkins toét miệng cười không chút ngập ngừng. “Tôi chỉ muốn nhắc cô thôi. Nhắc cô nhớ ấy mà. Cái nhà Hoggins dưới tầng cô ở ấy, hôm nay tôi đã đuổi bọn họ. Đây người muốn ở phòng trọ của tôi nên thiếu gì người trả tiền đằng hoàng, như cô vậy. Họ không trả tiền thì không thể trông chờ tôi cho họ nương thân được, phải không nào? Tôi đâu phải người làm từ thiện. Mười bốn si-ling một tuần, và không kèm bữa ăn. Chỗ chúng tôi thông với hệ thống ống nước—nhiều đó cũng đã có giá nửa đồng curon, nên tôi bảo họ thế đấy.”

Và bà ta cũng đã bảo với Leda, một cách thường xuyên. Cuối cùng cũng tách được khỏi bà chủ nhà, Leda tiếp tục lên lầu. Vào phòng, cô rửa mặt và tưới nước cho cây phong lữ trên gờ cửa sổ dưới ánh đèn. Cái nóng buổi tối làm tăng thêm mùi của khu dân cư, nhưng một cái lá phong lữ bị gãy, hòa một hương gắt tươi mát vào những mùi hôi nồng nặc. Cô ngắt cái lá bằng móng tay và vò nhàu trong bàn tay, để lên mũi để xua đi mùi của nhà máy chưng cất.

Cô nhìn đăm đăm ra cửa sổ trong màn đêm ẩm ướt. Khu ổ chuột rộng bắt nguồn từ con phố sau lưng phố cô ở—một nơi cô không muốn nhìn, từ chối nhìn, không thể nhìn—cô cảm thấy nó níu cô lại, cố gắng lôi cô xuống như một cái dạ dày há miệng toang hoác. Cô nghĩ về Pammy, cô gái đã từ chối nhận nuôi con của mình cho đến khi Thanh tra Ruby gay gắt báo rằng ông sẽ cáo buộc cô tội giết trẻ nhỏ nếu cô không chịu tòng phạm. Leda có một cảm giác buồn bã rằng cuộc đời của cô có thể cũng bắt đầu tương tự như thế, xấu xí và không được chào đón, và không phải bằng một thái độ thăm lặng đáng kính mà cô mong muốn.

Trò đánh đố này phải tiến hành đến bao giờ, Leda không dám nghĩ. Trong số bốn bộ váy của mình, cô đã quyết định chỉ có cái váy in hoa và bộ đầm phòng trưng bày bằng lụa đen là thật sự cần thiết, một bộ để mặc hàng ngày và bộ kia để đi thăm hỏi. Với chút nuối tiếc, cô đã đem hai bộ váy còn lại đến cửa hàng phúc thiện và bán đi. Thật khá lỗ mãng khi phải tranh cãi với người mua y phục về chuyện giá cả, và Leda biết rất rõ cô đã không nhận được đủ số tiền bằng với giá trị của bộ váy vải gabardine và bộ bằng vải thun màu xám bạc. Cô giữ lại cái mũ còn tốt và rời nhà trọ vào đúng giờ thường nhật mỗi buổi sáng, khoác trên người bộ đầm in hoa, dành những buổi sáng để đi bộ và đọc lướt qua những tờ báo và cửa sổ các văn phòng để tìm việc, dường như lúc nào cô cũng đến chỉ sau khi sở môi giới việc làm vừa gửi đi một ứng cử viên lí tưởng, hay tham gia vào hai mươi hàng dài những người tìm việc khác trong một hành lang, hay được bảo rằng vị trí còn khuyết không phù hợp với phụ nữ; cô ngồi nghỉ trong những tiệm trà hay công viên khi chân cô đã mỏi nhừ đến mức không thể đứng nổi.

Cô phải trả tiền thuê máy may và trả lại nó vào thứ Bảy, và nghĩ ra một cái cớ để nói với Bà Dawkins lí do cô không đem việc về nhà làm nữa. Nhưng cô còn tiền để sống đến tuần sau nếu cô biết giữ gìn, và ngày mai—hôm nay, như Bà Dawkins đã chỉ rõ—là thứ Sáu, đúng thời điểm đã hẹn để Leda đến Phố South lần nữa. Cô định sẽ tiêu 1 rúp vào sáng mai để đổi lấy hai giờ tại một vị trí ấm trong phòng tắm công cộng, và mặc bộ váy lụa đen sau khi cô đã sửa cổ áo tưa chỉ.

Giữa tình trạng không ổn định và những chuyện không vui, chỉ có sở cảnh sát dường như là một nơi trú ẩn thật sự, dù cho nơi đó mang nặng bầu không khí nam giới hơn mức cô quen. Thanh tra Ruby có vẻ chấp nhận sự nấn ná tùy tiện của Leda một cách phấn khởi, riêng Hạ sĩ MacDonald rất dễ chịu và ân cần, nhưng Leda khá lo nó có vẻ như cô đang cố gắng lấy lòng anh ta.

Anh ta đúng là có vẻ phải lòng cô. Cô Myrtle sẽ bỏ ngõ. Dù gì anh ta cũng là cảnh sát. Nghề nghiệp đó không thể được coi là một địa vị thích hợp, nhưng anh ta là một người tốt bụng. Thật ra, Leda nghĩ anh ta sẽ rất thích hợp. Anh ta ở chung với chị gái trong một căn nhà ở Lambeth, và Leda hoàn toàn sẵn lòng thích nghi với hoàn cảnh như thế, nếu anh ta nghĩ mình có đủ khả năng chu cấp cho cả vợ và chị gái. Và chị gái anh ta, Leda được biết, vẫn còn trong độ tuổi hai mươi—vẫn còn hy vọng, cô sáng suốt nghĩ.

Có thể Thanh tra Ruby và Hạ sĩ MacDonald sẽ là người tóm kẻ trộm tiếng tăm lầy lùng này, và được đền đáp xứng đáng với công sức mà họ bỏ ra. Có thể còn được thăng chức nữa. Cô tự hỏi chức vụ gì tiếp sau hạ sĩ.

Theo tờ *Thời báo*, không một điều tra nào được tiến hành để nhận dạng thủ phạm, hay thậm chí động cơ của hắn, và Bà Dawkins rất khoái chí khi gọi cảnh sát là một lũ ngu dốt. Mọi chuyện đang nung nấu thành một thảm họa ngoại giao trên diện rộng, tờ *Thời báo* miêu tả trong một bài xã luận, về mối quan hệ căng thẳng với những quốc gia có tầm cỡ. Những phái đoàn ngoại quốc hẳn sẽ nhìn nhận chính quyền nước Anh chịu bó tay trước tội phạm nằm trong lãnh thổ của họ, hoặc còn tệ hơn, họ sẽ tin rằng nước mình đã bị đem ra bêu rếu một cách có chủ đích.

Đó chỉ là chuyện âm ỉ của báo giới. Leda biết động cơ, tất nhiên. Kể cả sở cảnh sát. Và có thể cả tờ *Thời báo* nữa. Cô đã không trải qua những giờ phút trong sở cảnh sát với cái tai nghễnh ngãng. Thanh tra Ruby và Hạ sĩ MacDonald đã cố gắng hết sức để không nói về chuyện đó trước mặt cô, nhưng những quý ông đáng thương này, rõ ràng không có chút ý niệm đàn ông nào rằng cuộc trò chuyện nho nhỏ của họ vang khắp phòng. Leda biết về tất cả các vụ trộm. Tất cả đều là những ngôi nhà vắng lai, nơi những đồ vật quý giá được thu hồi. Và mặc dù Leda đã không hoàn toàn hiểu rõ, đó hiển nhiên là những ngôi nhà được sử dụng cho mục đích xấu xa, được tài trợ bởi những tầng lớp trên với sở thích tàn bạo và bệnh hoạn.

Cảnh sát đặt giả thiết đó là một vụ tổng tiền tập thể, mà một nhà đỡ đầu giàu có, quyền cao chức trọng được cảnh báo sẽ bị làm nhục trước bàng dân thiên hạ nếu ông ta không trả tiền

cho những đòi hỏi của kẻ tổng tiền. Một vụ huyền não bản thủ, Thanh tra Ruby gọi như thế, và Leda cũng đồng ý. Kẻ trộm này dường như đi xuyên tường, qua mặt cả cảnh sát và cận vệ năng lực nhất mà họ cử đến.

Cô lẩn lả phong lữ giữa những ngón tay. Cô thấy lo khi nghĩ những ngôi nhà kinh khủng đó—không nhất thiết điều gì xảy ra bên trong—đã ngự ở phố cô ở không xa hơn một dãy nhà; đó là nơi cô chỉ thấy những đứa trẻ mặt mũi sáng láng, ngoan ngoãn, thế mà lại diễn ra những việc làm mờ ám tồi tệ. Cô băn khoăn chuyện gì sẽ xảy đến cho những đứa trẻ sau khi cảnh sát xóa sổ những ngôi nhà đó. Cô thường nghĩ đến việc mình đã dẫn đo đến trình báo những nghi ngờ của cô cho chính quyền, và ngay cả chỉ như thế cô cũng đã sợ. Cô chẳng tốt đẹp hơn Bà Dawkins. Chỉ không thành thật bằng bà ta trong việc thừa nhận những mối quan tâm ích kỷ.

Dù đã thấm mệt, cô vẫn không ngủ được. Trước khi lên giường, cô sắp xếp lại đồ đạc trong phòng, thở hì hục khi cô đẩy chiếc máy may nặng và cái bàn ra giữa phòng rồi đưa bồn rửa mặt ra gần cửa, cố gắng quyết định xem xếp lại mọi thứ như thế nào để tận dụng việc cô không còn phải ngồi may dưới ánh đèn. Cô không chắc lắm, nhưng một nhân viên đánh máy không đem việc về nhà, cô tin như vậy.

Công việc thu dọn buộc cô phải xê dịch giường, và tiện thể cô quyết định sẽ chà sàn nhà, nên cô đẩy khung giường ra dưới cửa sổ, cởi váy và áo khoác và áo cooc-xê, và bắt tay vào làm việc mà chỉ mặc độc chiếc quần trong. Khi mọi thứ trong căn phòng ở góc mái chật nóng đã sạch sẽ và bóng loáng hết mức trong khả năng của một mảnh giẻ ướt và Xà phòng chiết xuất Hudson—“Dịu ngọt như hoa hồng, tươi mát như gió biển, dùng cho tất cả công việc lau dọn trong nhà, chùi và cọ sàn; Xà phòng Hudson KHÔNG để lại mùi”—cô để giường bên cửa sổ, vì ở đó không khí có vẻ mát mẻ hơn, thổi tắt ngọn nến để tiết kiệm sáp, rồi mặc váy trong bóng tối.

Cô nằm trần trọc, chẳng nhìn vào bất cứ thứ gì cụ thể, tâm trí cứ xoay vần với những viên cảnh sát và tiền và thư bảo lãnh. Tất cả rơi vào một giấc ngủ nông và những giấc mơ bồn chồn. Khi một thứ gì đó đụng phải chân cô, cô giật mình tỉnh giấc ngay lập tức với trái tim đập rộn trong cổ họng.

Cô bật ngồi dậy, máu chảy rần rạt đến mức không thể nghe thấy một âm thanh nào khác. Phòng cô khuất trong bóng tối đen đặc; thậm chí ánh trăng hay bóng mây cũng không tạo thành bất cứ hình thù nào. Từ đâu đó bên ngoài, một con mèo gào lên và tru tréo. Leda hít một hơi sâu làm dịu cổ họng. Một con mèo. Tất nhiên rồi, một con mèo đã nhảy vào qua đường cửa sổ. Đó là một cú va chạm khá mạnh—quá mạnh không thể là do sâu bọ, cô nghĩ, trong khi một câu chuyện xưa cũ về những con chuột cống to bằng con mèo vẫn run rẩy trong đầu cô.

“Scat!” cô rít lên, đập tay lên chăn. “Mày còn ở đây không, con quái vật đáng ghét? Scat, nào nào, mèo con!” Cô đứng lên và va phải cái bàn máy may ở chỗ cô đã đẩy tới, túm lấy ngón chân đau với một tiếng la bực dọc, và ngã lại lên giường—

Trên một hình thể to lớn, sống, di động.

Cô quá sững sốt để hét lên, và đột nhiên nó không còn ở đó nữa—nó—hắn—đó là một

người đàn ông—trong phòng cô—cô quay vụt lại và phóng khỏi giường trong cơn khiếp hãi. Cô không thể thấy một thứ gì—thanh cời lửa—một người đàn ông—trong phòng cô—Chúa cứu giúp cô—cô thử hét lên, nhưng cổ họng đã thít chặt lại và nỗi kinh hoàng đang tuôn dồn dập trong mạch đập. Cô lập cập lùi về phía cửa, đâm sầm vào bàn máy may lần nữa, và làm nó lộn nhào xuống sàn. Nó rơi với một tiếng rắc, và một âm thanh khác nữa, một tiếng gằng giọng nhỏ kỳ lạ.

Cô đứng chết lặng, lắng tai nghe.

Thoang thoáng có một thứ gì đó cạ trên mặt sàn, một tiếng động bất chợt dường như khiến mọi thứ có vẻ thật và thậm chí còn đáng sợ hơn. Hẳn thật sự đang ở đó; đây không phải mơ; cô đã làm cái máy may đổ lên người hẳn và hẳn đang đẩy nó ra. Tiếng gõ rít lại vang lên, nhẹ và không thể nhầm lẫn được. Những giọt nước mắt sợ hãi trào lên trong mắt cô.

“Đừng đụng vào tôi!” cô la lên trong một giọng run rẩy. “Tôi có một thanh cời lửa trong tay đây!”

Hắn không đáp lại. Một sự tĩnh lặng khủng khiếp dường như đặc quánh trong căn phòng. Nếu hẳn có di chuyển, đó cũng là trong sự im lặng hoàn toàn. Cô nghĩ hẳn đang ở giữa cô và cánh cửa, chặn mất đường thoát; cô đứng như trời trồng. với những tiếng nước nổ nhỏ nắc nghen trong cổ.

Sự yên lặng kéo dài. Leda nuốt xuống, và cô nghĩ mình nghe thấy hẳn—vô cùng khẽ—cô nghe một tiếng thì thầm, như một cái hít vào. Cô dám chắc hẳn vẫn còn ở đó, gần cửa—nếu hẳn có ý định bỏ đi mà không làm hại cô thì hẳn đã làm rồi. Cô sẽ nghe tiếng hẳn xoay ổ khóa, mở cửa. Hẳn vẫn còn đó; hẳn chưa xong việc—hắn muốn gì, *hắn muốn gì?*

Từ từ, cô cúi xuống, bàn tay tìm thanh cời đặt gần giường. Những ngón tay cô chạm phải kim loại trơn bị uốn cong—cô giật tay lại, rồi tiếp tục mò mẫm, sờ được một vật thể dài. Nó cứng, và nặng, đủ nặng để làm vật tự vệ. Cô nắm chặt nó trong hai tay và bắt đầu nhóm dậy.

Một khắc sau cô đổ xuống sàn. Cứ như đầu gối cô khuỵu xuống; dạ dày cô co thắt; cô cảm thấy trí óc lù lù bùng, mơ hồ về việc cô vừa làm. Cô băn khoăn nghĩ có lẽ mình đã bị tấn công, cô tưởng giờ đã là ban ngày, tưởng tiếng sấm gầm đang dội lại trên con phố ngoài kia. (*chắc mới bị điểm huyết*)

Những ngón tay cô khép lại quanh vũ khí. Cô nghe tiếng đập của một bước chân, và không thể bỏ tránh âm thanh đó, tứ chi cô run lẩy bẩy nhiều đến nỗi chúng không tuân lời cô nữa.

“Đưa nó cho tôi.”

Giọng nói trầm khiến cô hơi giật mình như một con rối bị giật dây. Tiếng nói đến từ một chỗ gần hơn cô tưởng; hẳn đang đứng; cách cô chưa đến hai mét.

“Tôi không định hại cô đâu,” hẳn nói trong bóng tối.

Dường như có điều gì đó xảy ra cho não cô trong khoảnh khắc đồ gục kỳ lạ đó. Trong sự mờ hồ của trạng thái mụ mị và run lập cập, tâm trí cô tập trung vào một điều duy nhất: với sức mạnh phi thường cô chú mục vào *hắn*, vào lời nói, thanh âm, sức nóng của *hắn*. *Hắn* không phải người Anh. Thậm chí trong tiếng thì thầm nhỏ nhỏ cô cũng có thể nghe được trọng âm; cách nhấn âm khác biệt, lạ mà quen, cách hòa lẫn những nguyên âm rất đặc trưng.

Tim cô bắt đầu đập rộn lên khi cô lờ mờ nhận ra. Cơ thể cô vẫn run lập cập như thể cô đang lạnh cóng. Cô choàng hai cánh tay quanh mình, choáng váng vì cảm giác buồn nôn.

“Ông Gerard!” cô thì thầm.

Lần đầu tiên trong đời, cô gọi tên Thượng đế mà chẳng có ý nghĩa gì, và ngắt xủ.

Cô tỉnh lại trong bóng tối, vẫn còn loạng choạng và ngơ ngác. Một khắc sau cô mở mắt, mùi chua gắt của một que diêm chui vào mũi cô. Ánh sáng bùng lên, hắt những cái bóng điên rồ lên những bức tường.

Cô không thể suy nghĩ mạch lạc. Một thứ gì đó tối tăm di chuyển phía trên cô: cô nhìn lên và thấy hình thù tối đen đang cầm một thanh kiếm, bịt mặt và trùm đầu như một con ác mộng; *hắn*—*nó*—chạm ngọn lửa vào cây nến và quay lại để nhìn xuống cô.

Cô bật ra một âm thanh nghèn nghẹt, không thể thốt nên lời. Hình thù mang dã tâm di chuyển, như thể để cúi người phía trên cô, và cô bắt đầu khóc, cuộn tròn lại trong nỗi kinh hoàng. Kẽ kia ngừng lại, rồi với tay lên và giật gì đó ở sau gáy. Tấm mặt nạ rời ra và đáp xuống giường. *Hắn* đẩy mũ trùm đầu ra sau.

Mái tóc vàng sáng lóng lánh trong ánh nến. *Hắn* đứng yên, quan sát cô bằng đôi mắt màu xám lạnh.

“Ông Gerard,” cô dờ dẩn thì thầm. Cô cố gắng ngồi lên và chỉ thu xếp được một cái co giật yếu ớt ở các cơ bắp. “Cứ nằm yên,” anh ta nói. “Nghỉ ngơi đi.”

Cô đặt đầu lại trên nền phòng cứng, không thể làm gì khác hơn là nghe theo lời anh ta. Yên lặng, cô quan sát anh ta đặt thanh kiếm lên sàn và cúi người phía trên cô, quỳ trên một đầu gối, nâng đỡ trọng lượng cơ thể bằng một bàn tay chống mạnh lên thân giường. Anh ta đặt lòng bàn tay lên má cô, đầu ngón tay gác lên thái dương cô. “Thở cùng với tôi,” anh ta nói.

Cô bật ra một tiếng, gần như một tiếng khúc khích hoảng loạn. Bụng cô nhộn nhạo một cách khó chịu và tiếng cười biến thành âm rên rĩ. Anh ta lắc đầu. “Chuyện này quan trọng. Xem này. Hít vào.” Cô hóp một hơi.

“Thở ra,” anh ta nói. “Từ từ thôi.” Ánh mắt anh ta giữ ánh mắt cô, xám thẫm. “Nghĩ về một thác nước. Đi theo dòng nước khi nó đổ xuống.”

Cô có cảm giác như mình đang trôi lơ lửng, trượt xuống một con dốc dài. Hơi thở trút khỏi cô, vô tận, trút mãi trút mãi đến khi cô lạc trong đôi mắt anh ta, nhận mệnh lệnh không lời của

anh ta, và hít vào lần nữa.

Sức lực bắt đầu trở lại với tứ chi cô. Nhưng anh ta vẫn cầm giữ cô trong ánh nhìn điềm tĩnh, và hơi thở cô lại chậm chậm trôi tuột ra lần nữa như con thác vô tận đó, đổ xuống và xuống nữa cho đến khi cô hoàn toàn trống không, thoát thân khỏi mặt đất. Và rồi nó tràn vào cô một lần nữa, đem theo sức mạnh và con tim. Cô dùng sinh lực của anh ta để tìm ra sinh lực của chính mình, càng lúc càng dễ dàng hơn với mỗi hơi thở, cho đến khi cuối cùng cô đủ tỉnh táo để nhận ra mọi chuyện kỳ dị đến mức nào.

“Ngài đang làm gì ở đây?” cô gắng hỏi một cách yếu ớt, đưa bàn tay lên để đẩy anh ta ra. “Chuyện gì đã xảy ra?”

Anh ta dùng cánh tay đặt trên giường để bật dậy, rồi chậm chậm ngồi lên mép giường, một chân duỗi thẳng, nhìn xuống cô. “Tôi suýt nữa đã giết cô,” anh ta nói cụt ngủn. Miệng anh ta có một vẻ căng thẳng khó chịu, gần như một cái nhăn mặt. “Tôi xin thứ lỗi vì điều đó.”

Anh ta không hề tỏ ra ăn năn. Thật ra mà nói, anh ta nghe có vẻ cộc cằn, cứ như anh ta còn có những chuyện quan trọng hơn trong đầu.

“Nhưng—*tại sao?*” cô nói đầy ai oán.

Trong một lúc lâu, anh ta quan sát cô. Rồi anh ta nói, “Đó là một phút đánh giá sai tình hình. Tôi tưởng mình cần phải tự vệ.”

Leda ngồi dậy, vẫn còn hoang mang. “Ngài đã đánh tôi?”

“Không, thưa cô.” Miệng anh ta cong lên một cách cứng nhắc. “Có thể đã tốt hơn nếu tôi làm thế.”

Đầu cô đau nhức. Cô để mình gục xuống, tựa trán lên hai bàn tay. “Chuyện này không thể xảy ra. Sao ngài lại ở trong phòng tôi? Ngài là một quý ông. Tôi không—”

Ánh mắt cô rơi xuống thanh kiếm. Cô nhìn vào bao kiếm cong tuyệt đẹp màu vàng đỏ khảm xà cừ hình những con sếu đang bay; kể cả cái cán vàng của nó cũng được tạo tác như đầu của một con chim có mào. Hai núm tua màu đồng được thắt con sam treo lơ lửng trên khay của bao kiếm. Đầu bao kiếm được mạ vàng với những bông hoa và lá nhỏ xịu, tô điểm bằng những lớp men nhiều màu sáng loáng trong ánh nến. Bàn tay cô chậm chậm trượt xuống, che lấy miệng.

“Ôi, trời ơi,” cô thì thầm. “Ôi, lạy Chúa lòng lành.”

Cô ngước lên. Anh ta đang nhìn cô mà không biểu lộ cảm xúc.

Tim Leda bắt đầu nện liên tục với cơn kinh hoàng còn dữ dội hơn trước. Cô không hề nghi ngờ chuyện anh ta có thể giết cô nếu muốn; không có một dấu vết nào của nhân tính hay lòng trắc ẩn trên gương mặt hoàn hảo của anh ta, không một bóng mờ của lòng khoan dung. Cô bắt

đầu cảm thấy muốn bệnh trở lại.

“Nghĩ đến dòng nước đang đổ xuống,” anh ta nhẹ nhàng ra lệnh.

Cô nuốt xuống và để không khí trôi khỏi hai buồng phổi, vẫn nhìn anh ta chăm chặp.

“Cố gắng trấn tĩnh lại,” anh ta nói. “Tôi sẽ không sát hại cô. Tối nay sự—điềm tĩnh của tôi—dường như đã vượt ngoài tầm kiểm soát. Tôi đã không có ý định làm hại cô.”

“Đây đúng là chuyện điên rồ hết sức,” cô yếu ớt nói. “Tại sao ngài lại ở trong phòng tôi?”

“Tôi hiện đang ở trong phòng cô là do cô đã làm gãy chân tôi, Cô Etoile.”

“Làm gãy chân...nhưng tôi...ôi, hãy rủ lòng thương!”

“Vâng, đúng là một chuyện phiền phức.”

“Làm gãy chân ngài,” cô tuyệt vọng lặp lại. “Không thể nào! Một lúc trước ngài còn đứng được cơ mà!”

“Nhờ chút tập trung,” anh ta nói. “Tác nhân đã đánh bại tôi có vẻ là một chiếc máy may.” Anh ta nhìn cái máy may rơi trên sàn và nói thêm một cách bí ẩn, “Có thể tôi nên thấy được khai sáng đôi chút nhờ chuyện đó.”

Cô quặp những ngón tay trong áo ngủ, cau mày nhìn cái chân duỗi thẳng của anh ta. Một loại vải màu tối cuộn quanh nó một cách lỏng lẻo, chỉ trừ nơi nó được buộc chặt quanh bắp chân anh ta bởi những sợi dây màu đen trên đôi giày xỏ ngón mềm lạ lùng. Mọi thứ anh ta mặc đều có màu tối, được cắt may theo những đường chỉ giản dị mà cô chưa từng thấy bao giờ.

“Tôi có thể đi, bằng cách tập trung cao độ,” anh ta nói bằng một giọng thản nhiên. “Nhưng tôi nghĩ làm thế là ngu ngốc. Nó sẽ làm thương tích trầm trọng thêm. Tôi không tin chuyện đó cần thiết hay đáng mong muốn. Và tôi không muốn rời khỏi đây cho đến khi cô đã hoàn hồn, Cô Etoile, và có thể nhớ ra cách thở mà không cần có tôi.” Anh ta gặp cái nhìn bối rối của cô, và bất chợt mỉm cười, một nụ cười lạnh lẽ, dễ gần đến vô lý. “Và không,” anh ta nói, “tôi không điên đâu, cô biết đấy.”

“Vậy tôi phải là người điên,” cô nói. “Tôi không thể—tôi chưa từng dám nghĩ—Ông Gerard! Ngài là một quý ông. Ngài—và Tiểu thư Catherine—tại sao à, chuyện này vô cùng quái lạ! Chuyện ngài là thủ phạm. Cảnh—” Cô ngừng ngay lúc sắp sửa nói *Cảnh sát sẽ không bao giờ tưởng tượng nổi một chuyện như thế*.

Nụ cười của anh ta biến mất. Bằng một giọng nhỏ, nhẹ, anh ta nói, “Tất nhiên Tiểu thư Catherine không liên quan gì đến chuyện này.”

Leda cụp mắt xuống. “Vâng, vâng! Tất nhiên là không rồi,” cô vội nói.

Một khoảng im lặng dài trôi qua. Leda cảm thấy chóng mặt và mệt mỏi vì thiếu chắc chắn. Một bên hông cô ê ẩm nơi cô đã đâm sầm vào bàn máy may. Căn phòng bắt đầu đổ dồn lên cô.

“Cô thật sự phải hít thở đi, Cô Etoile.” Giọng nói bình tĩnh của anh ta tìm thấy cô trong bóng tối đang vây lấy cô. “Tôi không muốn cô trút hơi thở cuối cùng vì tôi đâu.”

Cô tưởng tượng ra thác nước, theo một giọt nước rơi xuống, và bóng tối rút lui khỏi tầm nhìn của cô. “Ồ vâng,” cô run run nói. “Cám ơn ngài.” Cô giữ ánh mắt trên sàn, đầu óc nghĩ ngợi hoang mang.

“Cô nên nằm xuống lại.”

“Việc đó không—có vẻ hợp lẽ nghĩa,” cô nói. Cô không thể tin được mình đang ngồi trên sàn phòng với một tên tội phạm khét tiếng và nguy hiểm, một quý ông với cái chân gầy đang điềm tĩnh khuyên cô nằm xuống. Cô nghĩ mình nên lên tiếng báo động, nhưng cô không chắc mình có thể đến được cửa, huống hồ là sở cảnh sát. Bất cứ điều gì anh ta đã làm với cô, nó đã gần rút cạn năng lượng trong cô. Nếu anh ta lặp lại lần nữa—cô nghĩ có thể nó sẽ thật sự kết liễu cô.

Nhưng cô nên làm một điều gì đó; hét lên hay đập vào tường hay *một hành động nào đó*. Tại sao không có ai nghe thấy tiếng đổ sầm của cái bàn? Tại sao cô đã không nhặt lấy thanh còi và tấn công anh ta? Anh ta có thể di chuyển nhanh đến mức nào với một cái chân gầy?

Nhưng cô không làm gì cả. Cô nhìn anh ta đang ngồi bên mép giường mà chẳng có một biểu hiện đau đớn nào, chỉ duỗi thẳng một chân, và cô thấy sợ anh ta.

“Cô biết tôi là ai,” anh ta nói. “Nếu cô định tố giác tôi, cô có thể thông thả mà làm. Còn bây giờ, hãy nghỉ ngơi cho đến khi cô hồi phục hoàn toàn.”

Cô nhắm mắt. “Thế này thật phi lý.”

“Tôi sẽ không bỏ cô lại đâu.”

Cô mở mắt. “Ngài sẽ không bỏ tôi lại,” cô choáng váng lặp lại, và đặt đầu trở lại sàn, gác lên hai cánh tay. “An tâm làm sao!”

Chương 8

Hồ thầm lặng

Hawaii, 1871

Chuyện xảy ra trong khu vườn, một vài ngày sau vụ cá mập, Dojun đến gặp cậu. Kai trèo cây me còn Samuel đứng bên cạnh dõi theo cho đến khi một cơn mưa rào khiến bà vú chạy ào đến bế cô bé kêu gào phản đối vào nhà. Samuel dựa vào thân cây với những giọt mưa nặng hạt rơi lộp độp giữa những tán cây lên đầu và vai cậu. Cậu đắn đo giữa việc đi theo họ, điều cậu muốn làm, và đứng ngoài phạm vi công việc của bà vú khi mà Kai không còn được đặt dưới sự chăm sóc của cậu.

Cơn mưa mang lại một mùi đất ẩm, dễ chịu. Cậu lắng nghe tiếng mưa gõ lên những phiến lá to bản của cây gừng hoa trắng, nhắm mắt, và lại nghĩ về con cá mập cùng bài hát và cách họ tung cậu lên cao.

Hip-hip-hooray!

Cậu mỉm cười với đôi mắt nhắm lại, và mở mắt để thấy Dojun đang đứng trước mặt.

Viên quản gia phương Đông đã đến rất khế; đứng cũng khế. Ông ta chỉ cao hơn Samuel một chút, một hình dáng quen thuộc với gương mặt vuông dài và cái miệng u sầu, khoác trên người bộ đồng phục trắng, mái tóc đen bị cạo nhẵn một phần và túm lại thành một cái búi là lạ trên đỉnh đầu. Ông ta đứng quan sát Samuel một lúc, rồi hơi cúi mình. “Samua-san. Ngày tốt lành.”

Lời chào hỏi lịch sự khiến Samuel ngạc nhiên. Cậu ngập ngừng, rồi nói, “Xin chào.”

“Có câu hỏi này. Cậu thấy cá mập, không cử động. Ta hỏi, làm sao?”

Samuel chỉ nhìn ông ta. Dojun chưa từng nói chuyện với cậu, ngoại trừ một hai lần truyền lại lời nhắn của Phu nhân Tess hay Ngài Gryphon, hoặc bảo cậu bữa tối đã sẵn sàng.

Dojun chỉ ngón tay lên thái dương. “Samua-san nghĩ sao. Cá mập tới, cậu không cử động. Làm sao?”

Samuel lùi lại vào thân cây, không biết phải trả lời ra sao. Đôi mắt đen của người quản gia nhìn cậu chăm chú. Lần đầu tiên, Samuel nhận ra Dojun có những suy nghĩ về mọi người quanh mình; rằng ông ta không chỉ biết nhận lãnh trách nhiệm và chỉ biết đến vị trí của mình trong ngôi nhà. Cơn mưa đổ xuống rào rào mà Dojun vẫn đứng đó như Samuel, cũng cảm nhận nó, nhưng chọn không vào trong vì những lí do riêng khác.

Phát hiện đó hơi đáng hoang mang, như thể bụi cây gừng đột nhiên mọc ra một cái miệng và hai con mắt và bắt đầu trò chuyện.

“Cậu sợ không?” Dojun hỏi nhỏ. “Tôi sợ?”

Samuel xoay đầu, chùi một giọt nước đang chảy xuống má cậu, tránh ánh mắt Dojun. Cậu nhún vai.

Dojun vỗ lên ngực mình. “Ta kể bí mật này,” ông ta thì thầm. “Có thể cậu hiểu. Khi nguy

hiểm tới—Ta là con hổ đáng gờm. Hổ thầm lặng.” Khuôn miệng khắc khổ của ông ta khẽ cong lên, gần giống một nụ cười. “Cậu hiểu chứ, Samua-san?”

“Không, thưa ông,” Samuel thì thầm.

“Ta từ Nhật đến đây. Đến tận Hawaii này. Không phải ước nguyện của ta, lựa chọn của ta. Ở lại Nhật, Dojun sẽ chết. Bốn năm rồi. Dojun tìm một bé trai. Cậu này, cậu kia, thấy cả rồi. Người Nhật. Người Trung. Người Hawaii. Người *haole* da trắng. Tìm, tìm cả. Ta cần tìm hổ.” Ông ta hất đầu một cách quả quyết và phát ra một tiếng tỏ vẻ ghê tởm. “Không có cậu nào được. Không đấu thủ nào. Tất cả bé trai đều ngu ngốc, ẻo lả, nhát gan. Như con lợn còn hôi sữa, không hơn. Ta tức giận. Ta hổ thẹn. Ta có thể làm gì đây? Ta cần một con hổ.” Ánh mắt Dojun mãnh liệt, đen tối và xa lạ. “Ta đã thấy Samua-san, cá mập lớn nguy hiểm, mà cậu không cử động, không hoảng sợ. Cậu không phải một cậu bé ngu ngốc. Dojun hỏi—Samua-san khi thấy con cá mập này—Samua-san nghĩ thế nào?”

Samuel bấm móng tay vào lớp vỏ mềm trên thân cây.

“Cậu sợ không? Thấy cá mập, cậu không thể cử động phải không? Chỉ đứng đực ra ngu ngốc phải không?”

“Không,” Samuel tự ái nói. “Cháu không sợ.”

“A. Cậu bé dũng cảm. Đứng yên, cá mập tới gần, cho mọi người thấy lòng can đảm! Vậy cậu số một rồi!”

Cậu nhìn Dojun một cách ngần ngại. “Không hẳn. Cháu đã không nghĩ đến việc phải tỏ ra can đảm.”

“Được rồi. Không sợ. Không can đảm. Giờ thì tâm sự đi, Samua-san.” Giọng Dojun trở nên êm ái hơn, không còn quá khắt khe nữa. “Cá mập tới—cậu nghĩ gì.”

“À thì...Cháu nghĩ đến bài hát.”

Nụ cười nửa vầng của viên quản gia lại sáng lên. Ông ta hơi ngước đầu. “Bài ca cá mập?”

Samuel nhóm dậy. “Ông có biết bài hát đó không?”

Nụ cười của Dojun rộng hơn. “Ta biết bài ca về loài hổ. Biết rõ lắm.”

Samuel chăm chăm nhìn ông ta, cảm giác một sự phấn khích nhen nhóm. “Có một bài hát về loài hổ nữa sao?”

“Bài ca về hổ. Bài ca về lửa. Rừng, đất, không khí, cá mập. Tất cả các bài nếu cậu muốn nghe.”

Samuel hơi tách khỏi thân cây và nhón về phía Dojun. “Cháu có thể nghe những bài đó ở

đầu?”

Một nụ cười rộng miệng toát lên trên gương mặt khắc khổ và u sầu làm biến đổi nó. Ông ta chậm chậm gật đầu. “Cậu muốn nghe.”

“Cháu muốn nghe tất cả. Ông có thể hát được không?”

Dojun bật cười và lay vai cậu. “Từ lâu rồi, từ lâu ta tìm một cậu bé biết bài hát về hổ; tìm cậu bé biết bài hát về cá mập. Được rồi.” Ông ta nhắc bàn tay và đặt lên quai hàm Samuel, một vòng ôm nhẹ và ấp ủ, như thể đang chạm vào một thứ quý giá. “Được rồi, Samua-chan. May quá rồi. Được rồi.”

Chương 9

Con tàu đi qua lúc bình minh, làm rung những bức tường và khiến bình đựng nước kê lạnh canh. Leda nằm ngửa lại, người cô cứng còng, hông và vai ê ẩm do tựa vào mặt gỗ cứng. Cô mở mắt, thấy sàn phòng bên dưới giường của mình, và bật dậy.

Anh ta vẫn còn ở đây.

Anh ta ngồi bất động bên trên cô trong y phục mềm tối, lông mi khép hờ, những ngón tay hơi móc nghéo theo hình ngọn tháp xoắn như trò chơi của một đứa trẻ.

Cô còn nhớ đôi bàn tay anh ta khi ở phòng trưng bày: anh ta đã nhặt chiếc kéo bạc; cuộn những súc vải; đưa cho cô tấm thư cô đã thả rơi. Hai bàn tay của một quý ông, đầy sức mạnh và tao nhã.

Cô che tay lên mắt. Khi cô rút tay về, anh ta vẫn còn ở đó.

Trời đất thánh thần ơi.

Đó không phải một giấc mơ. Người đàn ông này đang ở trong phòng cô, trên giường cô, trong khi cô ngủ mê mết trên sàn bên cạnh một thanh kiếm bị đánh cắp cứ như cô chẳng có chút bận tâm.

Hai bàn tay anh ta thả lỏng khỏi tư thế xoắn. Anh ta nghiêng đầu và ném cho cô một ánh nhìn từ bên dưới hàng mi rậm, đẹp lạng lẽ trong ánh rạng đông tỏa sáng sau người anh ta.

“Chào buổi sáng, Cô Etoile.”

Cô sẽ không nói “Chào buổi sáng” với một kẻ trộm đột nhập vào phòng mình. Cô nhất quyết không chào; như thế thật quá thể. Ta phải luôn giữ tinh thần của mình tỉnh táo.

Mặt khác, cô lại không dám chắc người khác sẽ nói gì khi thức dậy trong một tình huống bất tiện với một kẻ phạm tội và tang vật của hắn quanh quẩn gần bên.

“Cô cảm thấy khỏe hơn chưa?” anh ta hỏi.

Hai bàn chân trần của cô lộ ra bên dưới váy. Leda lồm cồm đứng dậy, chộp lấy áo choàng từ cây móc đồ, và khoác quanh mình. Trong khi trùm áo choàng, cô nhận ra điều mình nên làm là xông ra ngoài ngay lúc đó và chạy xuống hồ hoán báo động cả tòa nhà. Cô kinh ngạc vì mình đã ngủ; làm sao mà cô có thể ngủ chứ? Anh ta thì ở ngay đó, có khả năng làm bất cứ thứ gì anh ta muốn, còn cô lại trôi vào một giấc ngủ không mộng mị trên sàn gỗ cứ như bị đánh thuốc.

Cô cảm thấy mình bắt đầu hoảng trở lại. Hình ảnh thác nước tự động hình thành trong óc cô, và cô thở ra một hơi dài.

“Làm tốt đấy,” anh ta nói.

“Tôi xin thứ lỗi?”

“Cô đã nhớ phải thở rồi, Cô Etoile.”

“Ngài ở yên đó!” cô nói bằng một giọng run bần. “Tôi sẽ—đi lấy nước!” Liền đó cô hất thanh chắn, mở cửa, và đóng sầm nó lại sau lưng. Cô khóa cửa từ bên ngoài và đứng đó thở dốc. Phải mất thêm một hình ảnh tưởng tượng khác của thác nước để đưa cơn hoảng loạn của cô vào tầm kiểm soát.

Ổn rồi. Giờ cô đã an toàn. Cô không còn chịu sự điều khiển anh ta nữa. Cô đang ở hành lang. Làm gì tiếp theo đây? Cảnh sát. Cô kéo áo choàng quanh mình và nhận ra cô đã quên mất đôi giày—thậm chí quên cả thay đồ—cô sẽ tạo nên một khung cảnh hoàn hảo, chạy chân trần trên con phố nhộp nháp trong bộ váy ngủ.

Leda đứng do dự trong hành lang mờ tối. Cô quặp những ngón chân trên mặt thảm xơ xác.

Nếu giờ cô đến sở cảnh sát, người tiến hành bắt giữ sẽ không phải là Hạ sĩ MacDonald hay Thanh tra Ruby. Họ sẽ không tới sở cho đến lúc trời sáng hẳn. Lúc đó mọi thứ đã xong xuôi và những nhân viên khác sẽ nhận lấy công lao.

Cô ấn hai bàn tay lên miệng, suy tính mông lung. Chân anh ta bị gãy. Anh ta không thể ra khỏi đây. Nếu cô có thể giữ anh ta trong phòng đến sáng...

Cô không nghĩ mình có can đảm làm việc đó.

Nhưng chân anh ta đã gãy. Anh ta vô hại rồi. Anh ta sẽ đi đâu với một cái chân gãy chứ?

Trước khi lý trí chiếm ưu thế, cô quay lại và mở khóa cửa. Cô mở cửa một cách cẩn trọng, chuẩn bị sẵn một cái cớ về việc quá lú lẫn đến mức quên đem theo xô và bình đựng.

Phòng cô không một bóng người.

Cô nắm lấy cánh cửa và ghé mắt nhìn từ đằng sau. Thanh kiếm đã biến mất. Anh ta đã biến mất. Cô nhìn khung cửa sổ mở và chạy lại, trèo lên giường và nhoài người ra ngoài xa đến mức suýt nữa xô cây phong lữ đổ nhào.

Từ cửa sổ gác xép cô có thể nhìn rõ những mái nhà bên bờ kênh, và chẳng có bóng dáng nào lẫn lút trên những ván ô hay khuất dạng sau một chóp mái. Tựa trên một chỗ chênh vênh, cô ngồi lên khung cửa sổ và rướn người, ngẩng cổ đến khi cô có thể xem liệu anh ta có đang trốn phía trên cửa sổ phòng cô, nhưng tấm đan phủ rêu vẫn không có dấu hiệu xâm phạm và trống không.

“Gãy chân chứ gì,” cô lẩm bẩm, thận trọng hạ người vào trong phòng. “Đúng là kẻ quanh co! Người đâu mà kinh khủng!” Cô ngồi lên giường và đặt hai tay lên ngực, thở dài. “Ôi, tạ ơn Thượng đế anh ta đã đi.”

Cô ngồi nghỉ trên giường một chốc, nghĩ về thác nước, nhớ phải điều hòa hơi thở. Cảm giác nhẹ nhõm vì anh ta đã rời khỏi đó và trách nhiệm báo ngay cho cảnh sát không còn đặt trên vai cô lớn hơn nhiều so với ý thức thoát khỏi nguy hiểm. Cô đã *không hẳn* khiếp sợ anh ta.

Nhưng cô vẫn quỳ gối để kéo hai cánh cửa sổ đóng lại, cài chốt, rồi khóa cửa phòng.

Cô có một suy nghĩ khó chịu trong thoáng chốc rằng cô thật sự nên thay đồ và đến sở cảnh sát, ít nhất cũng để báo cho nhân viên ở đó rằng tên trộm của họ đã xuất hiện trong khu dân cư này. Thậm chí trong lúc cân nhắc điều đó, cô nhận ra mọi chuyện nghe sẽ rất vô lý nếu cô đến trình báo. Ông Gerard! Một kẻ trộm! Bạn của Phu nhân Ashland và nữ hoàng Đảo Hawaii! Ồ phải rồi, cảnh sát đương nhiên sẽ tin lời cô. Cô sẽ gặp may nếu không bị đưa vào nhà thương điên ngay lập tức.

Chiều nay cô sẽ nói với Thanh tra Ruby và Hạ sĩ MacDonald. Họ sẽ tin cô, cô nghĩ thế. Ít ra họ có thể sẽ lắng nghe lời cô.

Bình thường vào giờ này cô rời nhà, nhưng sáng nay việc ra ngoài chỉ để qua mặt Bà Dawkins vượt quá sức cô. Nếu bà chủ nhà có hỏi, Leda quyết định cô sẽ bảo mình cảm thấy không khỏe và đã ngủ quên. Và thật ra mọi cơ bắp trên người cô dường như đều run lẩy bẩy. Rằng cô thật sự đã va lập cập trong lúc cô dừng lại cái bàn đồ và nhắc chiếc máy may lên bàn, lo lắng xem xét nó. Có một vết xước trên lớp tráng men, nhưng ngoài ra nó có vẻ nguyên vẹn. Một lúc nữa phòng tắm công cộng mới mở cửa, nên cô đốt vĩ lò và pha trà, kéo váy lên tận đầu gối và ngồi xếp chân trên giường để ăn những cái bánh nướng cũ cô đã để dành từ hôm qua.

Đầu óc cô cứ nghĩ mãi đến Ông Gerard. Thật không thể tin được. Hẳn là cô đã mơ. Cô duỗi đôi chân trần, xoay những ngón chân hết chiều này đến chiều kia. Cô nghĩ mình có hai cổ chân khá ưa nhìn, trắng như tuyết, thanh mảnh và tao nhã. Anh ta chắc đã thấy chúng rồi. Cô đặt tay lên môi, đỏ mặt, và cụp chân vào dưới váy với sự dè dặt của một thiếu nữ.

Hai bàn tay cô vẫn còn run, và bình đựng nước va lạnh canh. Cô kéo rèm lại trước khi gỡ kẹp tắm ra khỏi tóc. Căn phòng sáng lên đủ sắc màu khi ánh sáng chiếu qua tấm rèm sặc sỡ được may từ những mảnh vải chắp vá mà cô đem về từ phòng cắt vải.

Với những cử động nơm nớp, cô với tay lấy áo lót và quần trong, và thấy chúng vẫn còn ẩm vì cô đã cọ rửa tối qua. Sau khi xem kỹ vết bẩn ở phần đầu gối, cô cuộn chúng lại để giặt khi đi tắm và cởi thân váy trên mà cô đang mặc, mặc váy lót trước vì quá xáo động để mặc váy theo đúng thứ tự. Cô ngồi xuống với bộ váy nhàu lại quanh eo. Tóc cô đổ dài qua hai vai trần khi cô chải bằng cây lược của Cô Myrtle, mỗi bên một trăm lần, cố gắng tìm thấy sự bình lặng trong những việc hằng ngày.

Nhưng tâm trí cô lơ đãng một cách ngớ ngẩn, không hề tập trung vào những vấn đề trước mắt. Cô dang trí cuộn tóc lên và kẹp lại trước khi mặc áo, xỏ chân vào cái váy in hoa, và cài nút áo cánh, dùng gương cầm tay của Cô Myrtle để xem liệu có ai có thể biết cô không mặc một thứ gì khác bên dưới.

Cô búi tóc lên sau khi đã đánh rơi kẹp tắm bốn lần, và khi cô đã xong thì vẫn còn hai giờ nữa phòng tắm mới mở cửa. Thế là cô ngồi lại trên giường và lấy hộp đựng tiền ra nhẩm lại tiền nong, mặc dù cô đã biết rất rõ tình thế hiện nay của mình.

Cô đặt tiền giấy và tiền đồng thành chồng, xếp theo thứ tự giá trị, đến khi toàn bộ tiền dành dụm của cô phơi ra trên giường: một tờ một bảng, ba đồng si-linh, và hai mươi đồng pen-xơ, đó là chưa trừ tiền thuê phòng tuần này và tiền thuê máy may. Đúng tám đồng si-linh và đồng hai xu để ăn, tắm và giặt. Dù cho cô có tìm được một việc làm đi nữa, cô vẫn không đủ tiền để trang trải cho đến khi được trả công, và càng không thể nếu trung tâm môi giới việc làm thu phí ngay trong tháng lương đầu tiên của cô.

Vẫn còn cây lược và gương cán bạc của Cô Myrtle. Nhưng chưa đâu. Cô sẽ không chia tay với chúng vội. Cô âu yếm nhắc gương lên, xoay nó vòng vòng trong tay.

Cô ngừng tay, và hơi xoay nó lại, nhìn xuống hình ảnh phản chiếu trong đó.

Với một tiếng thét được kiềm nén, cô thả rơi cái gương và bật lùi trên giường dựa vào tường, nhìn chằm chằm lên trần nhà. Trên chóp mái nhà trong ánh chớp choạng của buổi sớm, anh ta nằm dọc theo thanh xà như một con báo, hoàn toàn bất động và đang quan sát cô.

Leda bắt đầu thở gấp một cách co giật. Anh ta di chuyển, hạ mình xuống khỏi thanh xà cứ như khối hợp thành vật chất. Với sự duyên dáng được rèn giũa, anh ta hạ thân mình xuống bằng hai cánh tay, nhẹ nhàng đáp trên sàn bằng một chân.

“Thác nước,” anh ta nhắc nhở cô—Leda nhắm mắt và điều hòa hơi thở.

Trong một tích tắc.

“Quân *bất lương*!” cô kêu thất thanh khi đã thở đều. “Đồ—đồ *nhìn lên*! Ông làm gì trên đó? Trong phòng *tôi*! Ông *quan sát* *tôi*! Còn *tôi* thì—ôi, *lạy Chúa*, *tôi* thì—”

Nhận thức kinh khủng về những gì anh ta đã thấy khiến cô lại khó thở; cô buộc phải ngừng nói để tự chủ nhịp thở khi nó có một xu hướng đáng lo là vượt ngoài khả năng hai buồng phổi của cô. Cô chụp lấy cây lược và quăng nó vào anh ta. Anh ta chỉ hơi nhích người là tránh được nó, và Leda lùa tay lấy thanh cời trên sàn.

“Quân *côn đồ*!” cô hét. “Quân *đê tiện*! Cút ra khỏi đây!” Cô điên cuồng hươ thanh cời lửa vào anh ta; nó phóng vụt qua mũi anh ta và cô vung lần nữa, nhưng anh ta chỉ chuyển thể đứng, không hề thối lui. “Cút ra!” cô hét lên. “Cút ra, cút ra, cút ra!” Giờ cô đã đến đủ gần để thanh cời đánh trúng anh ta; cô vung lên quá đầu và bổ thẳng xuống với tất cả sức lực.

Anh ta thậm chí không chớp mắt; chỉ nâng hai bàn tay lên cao với một cử động có vẻ chậm đến kỳ quái và bắt lấy thanh cời trong hai bàn tay chắp lại, ngăn nó khi nó đã ở ngay sát đầu anh ta. Trong một thoáng anh ta nhìn cô giữa hai cánh tay giương cao, như thể đang hỏi cô đã xong chưa.

“Cút ra khỏi đây!” Hấp tấp, Leda giăng thanh cời để gạt nó khỏi tay anh ta, dùng trọng lượng cơ thể mình đối đầu với sự kháng cự của anh ta. Anh ta giữ chặt thanh cời. Cô bật ra một tiếng kêu điên tiết, cố gắng lấy lại tự chủ, rút được một tấc và cố gắng hơn gấp bội.

Đột ngột, anh ta thả tay. Cô loạng choạng thụt lùi vì lực kéo, đáp với một tiếng bịch đau đớn trên hông bị bầm. Không hiểu sao thanh cời rốt cuộc lại nằm trong tay anh ta chứ không phải tay cô. Cô nhìn lên anh ta đang đứng yên lặng phía trên cô rồi ngồi bò gối như một quả banh trên sàn, khóc rấm rức vì tủi nhục và giận dữ.

“Sao ông có thể? Ôi, sao ông có thể? Ông là đồ quái vật—ông không xứng được gọi là một quý ông! Ông là quân *đê tiện* xấu xa, hèn hạ. Tôi sẽ gọi cảnh sát bắt ông dù ông có giết tôi đi nữa! Tôi sẽ làm đấy! Đừng có nghĩ tôi không dám! Đồ thú vật!” Cô vùi mặt vào hai đầu gối. “Cút đi! Đi đi.”

Giữa bài tố cáo, cô nghe thấy tiếng của Bà Dawkins ở bên ngoài. Cánh cửa bị gạt rầm rầm. Leda ngẩng mặt lên và sững người.

“Chuyện gì trong đó?” bà chủ nhà quát tháo qua cánh cửa. “Ai ở trong đó với cô?”

Ông Gerard chống một bàn tay lên bàn máy may và nhích người. Anh ta ngồi lên giường Leda, cởi bỏ áo choàng rộng màu đen để lộ ra một áo sơ-mi trắng bình thường của một quý ông. Chiếc áo choàng phủ lên hai chân anh ta thành một khối nhàu nhĩ một cách tình cờ, che đi đôi giày kỳ lạ.

“Mở cửa ra!” Ổ khóa rung lên. “Cô không được tiếp khách nam, Cô Etoile! Với mười bốn si-linh một tuần thì không! Mở cửa ra ngay!” Trước khi Leda có thể hoàn hồn, cô nghe tiếng chìa

khóa xoay trong ổ. Cửa mở bật ra.

Trong cái mũ và bộ váy ngủ màu đỏ lòe loẹt, Bà Dawkins ngừng bước và trừng mắt nhìn Ông Gerard, anh ta đặt một bàn tay lên cổ áo sơ-mi, cứ như vừa mới vội vàng cài chiếc khuy cuối cùng. Rồi bà ta quay sang Leda, đôi mắt búp bê lơ lửng chớp liên tục.

“Chậc, đẹp mặt chưa,” bà ta thốt lên. “Đồ làm điểm; bơ sẽ không tan trong miệng cô chứ gì? Đáng kính. Một quý cô. Không có người tình chứ gì, chính cô nói đấy. Tôi đã nghĩ có gì đó hèn hạ khi cô cứ lén lút đi đi về về mà không có giỏ đựng đồ! Bấy lâu nay cô đã bí mật tuồn bọn họ lên đây chứ gì? Tôi sẽ không chấp nhận!” Bà ta túm lấy chiếc áo lót nhàu nhĩ trên chậu rửa mặt và dùng đưa nó, cúi người về phía Leda. “Tôi sẽ không bị quỵ bởi một kẻ dĩ thỏa thiếu kinh nghiệm nghe chưa—nếu cô có đàn ông và đưa họ đến đây thì cô phải chia tiền cho tôi. Một công việc ngon lành đấy, thưa Quý Cô Gái Điểm—” Bà ta vứt cái áo lót về phía Leda và bước qua, hốt hết tiền Leda để trên giường vào tay. “Chúng ta sẽ bàn chuyện tôi có quãng cô ra đường vì cái tội qua mặt tôi không!”

“Ôi, không! Xin bà!” Leda nhặt áo lót, cuộn tròn lại và giữ nó ngang ngực. “Bà Dawkins, nó không phải—”

Nhưng bà chủ nhà không nhìn cô nữa, cũng không nhắm tính nhúm tiền nhỏ trong tay. Ánh mắt bà ta gắn chặt vào tay Ông Gerard khi anh ta lật úp nó và trượt ra một tờ tiền được gấp lại bên dưới ngón tay cái.

Bà Dawkins nhích về phía trước, giật lấy tờ tiền giữa những ngón tay khép lại của anh ta. Bà ta nhìn xuống, và hai gò má phính hồng lên. “Vâng, thưa ngài!” Toàn bộ thái độ của bà ta trở nên khúm núm. “Ngài thật tốt bụng. Vô cùng tốt bụng. Ngài có muốn cho gọi đồ uống không thưa ngài? Một món để ngài dùng bữa sáng chứ? Tôi có thể cho người đem thịt xông khói lên ngay—”

“Không,” anh ta nói.

“Trà? Bánh mì nướng cũng không ư?” Bà ta nhét tờ giấy bạc vào ngực áo ngủ. “Tốt rồi! Tôi ở ngay dưới lầu nếu ngài cần gì đó.” Bà ta khép nép bước ra cửa. “Cô đây chỉ cần phải yêu cầu là có ngay.”

“Chỉ cần trả cho Cô Etoile số tiền của cô ấy,” anh ta nói một cách lạnh nhạt.

“Ô, vâng đương nhiên rồi.” Bà Dawkins đặt những đồng tiền lên chậu rửa mặt. “Nhưng tiền thuê phòng của cô ấy là hai mươi si-linh, ngài biết đấy; hai mươi si-linh đối với cô nào mua vui cho người tình trong phòng, trả vào Thứ Sáu. Là hôm nay đấy, thưa ngài. Hôm nay.” Bà ta gập tờ tiền trong bàn tay, ngoan ngoãn gật đầu, và mở cửa.

Leda không lên tiếng, biết rằng sẽ chẳng có tác dụng gì cả; cô thậm chí cũng chẳng đề cập đến chuyện đi báo cảnh sát. Giờ Bà Dawkins sẽ không tin bất cứ lời nào cô nói. Khi cửa đã đóng lại, Leda ấn mặt vào hai đầu gối.

“Xem ngài đã làm gì,” cô rên rỉ. “Ôi, nhìn ngài đã làm gì kìa!”

“Tôi còn có thể làm tệ hơn nữa đấy,” anh ta nói. “Bà ta thật là khó ưa.”

Leda ngẩng mặt. Anh ta phát tay này lên tay kia, và cùng lúc đó một tiếng thụp to vang lên nơi cánh cửa. Cô ngoái nhìn, những tưởng Bà Dawkins trở lại, nhưng thay vào đó là một vật tròn dẹt bằng bạc cắm ngập vào lớp gỗ. Một cái khác xuất hiện với một tiếng phập buốt nhói, và một cái thứ ba và thứ tư. Chúng được tạo tác theo hình ngôi sao, nhiều đầu nhọn, hai cánh bén ngót của từng ngôi sao găm vào cánh cửa.

Phải mất một lúc cô mới nhận ra anh ta đã phóng chúng vào lớp gỗ bằng cái phẩy tay chóng vánh. Anh ta giơ lên một ngôi sao thứ năm kẹp giữa hai ngón tay, xoay nó để ánh sáng nhiều màu từ tấm rèm phản chiếu thành một vầng cầu vồng, và rồi khép nắm tay lại. Khi anh ta xòe tay ra, ngôi sao đã biến mất: không găm vào cửa như những cái khác—chỉ biến mất.

Những ngôi sao nhọn hoắt đó có thể móc mắt người ta. Leda đẩy mình đứng lên, tựa lưng vào tường với một cánh tay giấu sau người và áo sơ-mi túm chặt trên ngực. “Ngài muốn gì?” cô la lên. “Sao ngài không đi đi?”

“Cô có bao nhiêu tiền?” anh ta hỏi, điềm tĩnh như thể cô chưa hề lên tiếng.

“Ôi, ngài muốn cướp nó luôn chứ gì? Đây này!” Cô lùa đám tiền đồng trên chậu rửa mặt và ném chúng vào anh ta trong một cơn mưa rào rào. “Lấy hết đi—để ngài rút đi thì mất đến đồng cuối cùng cũng đáng!”

Anh ta bắt lấy một si-linh trong không khí; những đồng còn lại rớt lên giường và sàn nhà và một đồng lăn tròn trước khi dừng lại với một tiếng leng keng. Anh ta thả rơi đồng si-linh đã bắt được lên ra giường.

“Cô đã không đến sở cảnh sát,” anh ta nói. “Cám ơn cô.”

Leda quan sát anh ta, đột nhiên trở nên cảnh giác. Cô không đáp lại.

“Tôi không chắc cô định làm gì lúc cô ra khỏi đây khi này,” anh ta nói thêm. “Có vẻ cách tốt nhất là tôi ẩn mình.” Anh ta nhặt cái gương lên, xoay nó, giữ nó theo hướng như Leda đã làm khi cô thấy anh ta. Một nụ cười nhẹ nở trên môi anh ta khi anh ta ngắm hình ảnh phản chiếu của thanh xà.

Cô ghì chặt áo sơ-mi, chỉnh lại một phân áo đã bị xổ ra.

“Tôi không phải kẻ trộm,” anh ta nói, nhìn vào gương. Rồi anh ta đặt nó xuống và với tay lấy áo choàng của mình. “Có lẽ là một kẻ đột nhập bất hợp pháp. Một kẻ biến đổi những thứ không chịu thay đổi.” Anh ta nhìn trực diện cô. “Đó là lí do cảnh sát muốn bắt tôi đúng không? Không phải vì tôi làm hại bất cứ ai, hay lấy những thứ không phải của mình. Họ muốn bắt tôi vì tôi đã làm nhiều loạn cái khuôn khổ mà họ biết, và điều đó làm ai cũng hốt hoảng.”

“Nó làm *tôi* hốt hoảng,” cô thốt lên.

Anh ta xỏ tay vào chiếc áo choàng đen và thắt dây lưng. “Tôi mong cô tin tôi.”

“Tin ngài!” cô lặp lại. “Ngài hẳn phải điên rồi.”

“Cô Etoile, đêm nào tôi cũng vào phòng này trong suốt hơn một tuần qua. Tôi đã làm gì hại đến cô chưa? Tôi đã chạm đến bất cứ thứ gì của cô chưa?”

“Sao?” Giọng cô cao ré lên không hề trang nhã. “Ngài đã đến phòng tôi suốt một tuần?”

“Và cô không biết gì cả phải không? Cho đến khi cô dịch chuyển mọi thứ và lau rửa người và cả căn phòng bằng thứ xà phòng nồng nặc đó.”

“Ngài *điên* rồi! Xà phòng thì có liên quan gì ở đây?”

“Nó hôi. Nó cản trở tôi.”

“Nó không có hôi,” cô bất bình nói. “Xà phòng Hudson không có mùi.”

“Nó hôi,” anh ta nói. “Nhưng đó là trách nhiệm của tôi—lỗi tại tôi—tôi đã quá hấp tấp; tôi đã để cho tri giác của mình bị nhiễu loạn.”

“Nhất định đó là trách nhiệm của ngài. Nó không phải trách nhiệm của tôi! Tôi có quyền lau sàn và di chuyển đồ nội thất trong phòng tôi nếu tôi thích mà không cần một kẻ đột nhập nào phàn nàn về chuyện đó! Rồi còn—rồi lại còn đu người trên mái nhà như một con dơi hút máu!” Cô thấy mình đỏ bừng mặt. “Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ngài vì chuyện đó! Không bao giờ! Ngài đã có thể lên tiếng khi ngài thấy tôi đã không gọi cảnh sát! Ngài đã có thể ra mặt cơ mà!”

Ánh mắt anh ta dịch đến chỗ khác. Lần đầu tiên, anh ta trông như đã làm điều sai trái.

“Ngài đã suốt đời để mất quyền được gọi là một quý ông,” cô kiêu căng kết luận. “Sao ngài không đi theo cái cách mà ngài đã tới cho rồi?”

“Bởi vì chân tôi bị gãy.”

“Tôi không tin ngài. Ngài không thể đi ra bằng cửa sổ, nhưng vẫn có thể trèo lên xà nhà?”

Anh ta đưa tay xuống và tháo nút thắt trên chân. Lớp vải đen lỏng ra, rũ xuống như một cái váy.

“Được rồi mà,” Leda vội nói. “Ngài không cần phải chứng minh điều đó đâu.”

Anh ta cúi xuống, di di những ngón tay lên xuống trên bắp chân dưới lớp vải. “Nếu cô chịu giúp tôi, tôi có thể nắn nó lại. Rồi cô tìm cho tôi một thanh nẹp và tôi sẽ đi.”

“Nhưng—” Cô đặt những ngón tay lên miệng và nhìn chăm chăm vào chân anh ta. “—ngài không muốn nhờ một bác sĩ hơn sao?”

“Không,” anh ta nói đơn giản. “Cô có thể giúp tôi.”

“Tôi thật tình nghĩ mình không làm được,” cô nói.

“Cô có thể giữ bàn chân tôi được không?”

“Thật đấy, tôi nghĩ ngài nên gọi một bác sĩ,” cô nói, lùi lại một bước.

Anh ta nhìn lên cô. “Hãy thở đều, Cô Etoile. Chúng ta còn chưa bắt đầu mà.”

Leda nhận ra mình đang run rẩy hớp không khí. Cô hít sâu và thở ra.

“Những tờ báo kia thì sao?” anh ta hỏi, hất đầu về phía chồng báo trên ghế đầu mà Leda đã sưu tầm cả tuần nay về từng chi tiết của những vụ trộm. “Tôi nghĩ mình có thể sử dụng chúng làm một thanh nẹp, nếu cô có một thứ nào đó cột chúng lại.”

Cô ngơ vực nhìn bó sách báo dày. “Như thế có tác dụng không?”

“Nếu chúng ta xé vấy lót của cô để buộc nó lại. Tôi sẽ mua cho cô một cái mới.”

“Tuyệt đối không! Tôi sẽ không để cho những người đàn ông xa lạ mua cho mình—” Cô đằng hắng, từ chối bàn về một chuyện thiếu đứng đắn như thế. “Cái khăn thì có thể.”

“Được đấy.” Anh ta rướn người tới và kéo xấp báo về phía mình, gấp và sắp đặt chúng thành một cụm đồng đều dày hai phân. Ngập ngừng, Leda lấy khăn của mình và cắt mép khăn đi, xé nó thành những miếng dài. Rồi cô đứng ôm chặt những miếng khăn, lùi vào tường.

“Chuyện này thật ngớ ngẩn,” cô nói. “Ngài không thể nào tự nắn chân được. Ngài sẽ gãy.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Có, ngài sẽ gãy,” cô một mực khẳng định, giọng càng lúc càng to. “Không thì ngài sẽ phát ra một tiếng ồn rõ to. Và rồi lúc đó tôi sẽ làm gì? Bà Dawkins sẽ nghĩ gì chứ?”

Miệng anh ta mím lại trong một cái nhếch mép giấu cợt. “Nếu cô lo vì những gì Bà Dawkins nghĩ đến thế thì sao cô không dọn ra khỏi đây?”

“Tôi không có đủ tiền, cả hy vọng có việc cũng không nốt, mà chuyện đó cũng không phải chuyện ngài đáng bận tâm, Ông Gerard.”

Anh ta xoay đầu, rồi liếc nhìn ra sau qua hai hàng mi rử. “Có phần thưởng cho người báo tin kẻ đã thực hiện các vụ trộm,” anh ta nói.

“Có à?” cô hỏi, quá sốt sắng.

“Hai trăm năm mươi bảng.”

“Vâng, tôi...tôi nghĩ mình đã đọc thấy tin đó.”

“Cô có thể chuyển nhà và sống dư dả với khoản tiền đó.”

Leda uốn thẳng vai lên và ban cho anh ta một cái nhìn chăm chăm lạnh nhạt. “Tôi dám chắc một công dân không cần phần thưởng mới biết khi nào phải thực hiện trách nhiệm của mình. Tôi sẽ coi khinh chuyện làm giàu nhờ—nhờ tiền tố cáo.”

“Và cô không nghĩ tố cáo tôi là nghĩa vụ của mình?”

“Tôi vô cùng chắc chắn đó là nghĩa vụ của mình, thưa ngài.” Cô hít vào thật sâu. “Tôi cũng dám nói rằng nếu tôi có rời khỏi phòng này—if ngài để cho tôi ra ngoài mà không ném những ngôi sao khủng khiếp đó và móc mắt tôi ra—thì ngài sẽ không có ở đây khi tôi quay lại. Tôi cũng không thể trông cậy vào Bà Dawkins sẽ tin tôi, hay gọi cảnh sát, sau khi ngài đã làm bà ta tin chắc với tờ hai mươi bảng là tôi mua vui cho các quý ông trong phòng mình. Và ngài đã tổng khứ thanh kiểm Nhật rất gọn gàng; tôi cho rằng ngài đã quẳng nó xuống con kênh, đúng là đáng tiếc, và một sự phung phí vô tâm, man rợ, xấu xa một vật hản đã khiến một thợ thủ công lành nghề mất rất nhiều thời gian và công sức, nhưng thanh kiểm là bằng chứng duy nhất để tôi có thể khẳng định, và không có nó tôi sẽ trông như một kẻ khờ khạo nếu đến sở cảnh sát, phải không?”

“Tôi e đó có thể là sự thật.”

Leda sụm người vào bức tường. “Và mọi chuyện thật quá tệ,” cô ảm đạm nói thêm. “Tôi đã hy vọng Hạ sĩ MacDonald có thể được thăng chức nhờ việc này.”

“Một người bạn đặc biệt của cô ư?”

Cô trao cho anh ta một cái quắc mắt của Cô Myrtle. “Bạn bè tôi, dù có đặc biệt hay không đi nữa, cũng không phải việc của ngài, Ông Gerard.”

Anh ta mỉm cười. “Hạ sĩ MacDonald không trực ca sáng nay phải không?”

“Tôi không biết,” cô quả quyết nói.

“Thế còn anh chàng với dấu mộc hoa hòe trên mấy lá thư?”

“Tôi không có chút ý niệm nào về điều ngài đang nói.” Leda thấy mình đỏ mặt tía tai.

Nhẹ nhõm thay, anh ta không theo đuổi chủ đề đó nữa mà chỉ nhìn cô khá lâu, rồi cúi xuống chân mình. “Xin cô đem khăn lại đây.”

Leda vắn vẹo tấm khăn giữa những ngón tay, sức nhớ lại việc cần làm trước mắt. Bụng cô

cảm giác một chút nôn nao.

“Cô lại đây,” anh ta dịu dàng nói. “Chỉ cần giữ bàn chân tôi.” Cô nuốt xuống một nấc nghẹn lớn trong cổ họng và bước tới trước. Cô quỳ trước mặt anh ta. “Tôi sẽ làm đau ngài,” cô nói đầy ai oán.

“Tôi bảo đảm với cô tôi đã đau rồi đây. Đau dữ dội. Chỉ cần giữ cổ chân tôi—và khi tôi nhò thì cô kéo nó. Không giật nhé, chỉ một cử động kéo chậm, mạnh tay. Có thể cô sẽ phải dùng tất cả trọng lượng để kéo đấy.” Anh ta nhìn cô từ bên dưới hai hàng mi. “Và bất cứ điều gì cô làm, thưa Cô Etoile—đứng buông tay.”

“Nó sẽ đau đấy.”

“Chỉ khi nào cô thả tay thôi.”

“Ôi, thôi xong,” cô nói. “Tôi không nghĩ mình có thể làm được.”

“Đặt hai tay cô lên cổ chân tôi đi, Cô Etoile.” Cô cắn môi, hít một hơi thở sâu nữa, và đặt hai tay lên đôi giày màu đen mà anh ta mang. Thật cẩn thận, cô di hai lòng bàn tay lên cao dưới ống quần bằng cô-tông đen rộng. Lốp vải thật có ích; khiến điều cô đang làm có vẻ đứng đắn hơn. Cô tưởng tượng mình là một y tá, đã quen với việc chạm vào những người đàn ông mà cô chưa được giới thiệu. Những người đàn ông mà cô đã được làm quen. Đàn ông ở bất cứ giai cấp nào. Đôi giày phủ trên cổ chân anh ta, và cô có thể thấy cảm thấy da anh ta bên dưới những ngón tay mình, nóng và sừng sẩy. Cô nhìn lên, lần đầu tiên trong tối đó hiểu được độ nghiêm trọng của vết thương và cái đau mà anh ta phải chịu.

Anh ta không còn nhìn cô nữa. Hai mí mắt hạ thấp, khuôn mặt trầm lặng và xa cách như cẩm thạch được đục đẽo. Dần dần nhịp thở anh ta thay đổi, trở nên sâu hơn, chậm hơn, một thứ cô có thể cảm nhận chứ không thể nghe. Khi nó thay đổi, anh ta thay đổi: anh ta vẫn có vẻ tràn đầy sức mạnh và vững chãi, thế nhưng vẻ đẹp của sự thanh khiết trên gương mặt anh ta tạo cho anh ta một diện mạo siêu thực, như hiện thân từ giấc mơ sinh động và hoàn mỹ của một nghệ sĩ. Trong ánh sáng màu, tóc anh ta có màu vàng và đỏ và hàng ngàn gam màu huyền ảo; cơ thể bọc trong bộ y phục đen của anh ta chắt lọc từng giọt của màn đêm thành sự sống.

“Giờ,” anh ta thì thầm, mở hai hàng mi. “Kéo nào.” Leda nắm chắc cổ chân anh ta và bắt đầu từ từ ấn vào một lực nhẹ.

“Mạnh hơn nữa.” Anh ta gập ánh nhìn của cô, và cô cắn môi, nắm chắc hơn. Nét mặt anh ta không hề thay đổi, thế mà cô vẫn cảm nhận được sức mạnh của anh ta, sự chấp nhận một cách chủ động cơn đau buốt mà hẳn việc này đã gây ra. Cô cảm thấy anh ta bắt đầu dùng sức lực của mình để đối lại sức lực của cô, và cô phải chống lại anh ta, mạnh hơn và mạnh hơn nữa, cho đến khi toàn bộ sức nặng cơ thể cô dồn cả vào hai tay. Cô nghe thấy một tiếng động gai người.

“Đừng thả ra,” anh ta nói nhỏ nhẹ, cầm giữ cô trong khoảnh khắc của sự ngạc nhiên đầy ghê sợ trước khi sự can đảm tuột khỏi những ngón tay cô.

Cô gật đầu, cảm thấy hơi buồn nôn, nhả môi dưới, vẫn giữ chặt và chắc tay khi anh ta cúi người tới. Cô vội nhắm mắt trước khi nhìn thấy chân anh ta và giữ chúng nhắm nghiền lại.

“Được rồi,” anh nói bằng một giọng điềm tĩnh. “Thả lỏng thật từ từ. Thế đủ rồi—giữ lại một phần lực kéo.” Cô nghe tiếng sột soạt của tờ báo. Cô không thể cưỡng lại; cô mở mắt. Anh ta cử động với vẻ chắc chắn có phương pháp, bọc tấm nẹp bằng tờ báo dày hai phân quanh chân, buộc nó bằng những dải khăn trên đầu gối và quấn hai lần quanh bắp chân. Anh ta đưa dải khăn cuối cùng về phía cô. “Cô có thể cột nó ở cổ chân tôi được chứ?”

Thái độ điềm nhiên của anh ta cho cô thêm vững tin. Thận trọng không để chân anh ta chạm sàn, cô buột miếng nẹp khít lại. Phải cần đến sức, vì tờ báo trải ra sau gót chân anh ta một tấc, nó buộc nút thắt của cô phải chống được áp lực của miếng nẹp dày trên bàn chân anh ta. Nhưng cô kinh ngạc vì sự kiên cố và cứng của miếng đệm thay thế.

“Ngài là bác sĩ?” cô hỏi.

“Không.”

Vẻ gì đó trong giọng anh ta khiến cô nhìn lên. Giờ, sau khi chân anh ta đã được cố định và tai ách đã qua, anh ta ngồi yên; trong một khắc đáng sợ ánh mắt anh ta dường như mất đi sự tập trung và khép lại quá nửa. Cô chồm tới và nắm lấy cổ tay anh ta, định sẽ giữ anh ta lại trước khi anh ta đổ ập tới trước vì ngất, nhưng anh ta không cử động hay gục xuống trước lực đẩy của cô—anh ta dường như nhượng bộ nhưng cùng lúc đó lại điều khiển cô, để cô ngừng nửa chừng với cảm giác như đang ấn vào một bức tường, dù đó chỉ là bắp tay anh ta dưới những ngón tay cô.

Cô quỳnh quáng tìm thăng bằng và thấy ra thay vì đỡ anh ta, chính anh ta là người nâng đỡ và giữ cô không ngã nhào qua vai anh ta. “Thứ lỗi cho tôi,” cô thở gấp, đứng lên. Cô thả tay và lùi lại. “Tôi có làm ngài đau không?”

Anh ta nhìn lên cô. Nụ cười khó nhận thấy, cuốn hút một cách không thực, dường như dồn tất cả quyền năng của anh ta thành một luồng sáng chiếu rọi vào tim cô. “Cô đã không làm tôi đau. Cô làm tốt lắm. Tôi muốn hỏi cô một chuyện quan trọng.”

“Chuyện gì?” cô dè dặt hỏi, nhớ lại mình đang trò chuyện với một kẻ trộm.

“Cô có thể ghi?” anh ta hỏi.

“Đương nhiên tôi biết viết.”

“Đánh máy?”

Cô suýt nữa đã ngập ngừng. Cô gần như trả lời chậm mất một khắc. Anh ta đang chú tâm và tinh ý, nhưng câu nói dối bất chợt của cô phát ra trơn tru trong sự tuyệt vọng liều lĩnh. “Bốn mươi từ một phút,” cô nói, lặp lại điều cô đã đọc trong một yết thị tìm những nhân viên đánh

máy tinh thông. “Chính xác đến từng từ.”

Anh ta có vẻ chấp nhận sự phóng đại với một vẻ tin tưởng hoàn toàn. “Tôi đang rất cần một người như cô. Cô sẽ đến làm việc cho tôi chứ, Cô Etoile?”

“Làm một kẻ trộm ư?” cô khẽ kêu lên.

Anh ta ban cho cô một nụ cười toe yếu ớt và lắc đầu. “Tôi đã xong xuôi với nghiệp trộm đồ rồi. Chỉ ở bên người có tinh thần vì cộng đồng như cô đã cải hóa tôi khỏi con đường bá đạo.”

Leda bật ra một tiếng khịt mũi khó tin.

“Tôi thấy mình cần một thư ký. Một anh chàng Thứ Sáu, như cô có thể gọi. Có thể đây là một ngạc nhiên nhỏ đối với cô, nhưng tôi có những khoản lợi nhuận từ kinh doanh khá lớn—và hợp pháp.” Anh ta cúi xuống và bắt đầu cột ống quần đen trên bắp chân và thanh nẹp. “Có vẻ cái chân này sẽ giam hãm tôi trong thời gian tại Anh còn lại. Tôi sẽ cần một ai đó để trợ giúp trong công chuyện làm ăn. Ở Hawaii tôi trả một trăm năm mươi đô la Mỹ một tháng. Với mức quy đổi tiền hiện nay—” Anh ta thẳng người. “Xem nào—mười bảng một tuần được chứ?”

“Mười...bảng...một tuần?” Leda lặp lại.

“Như thế có thỏa đáng không?”

Cô thụt lùi dựa vào cái bàn. “Thỏa đáng,” cô nói, ngạc nhiên đến đờ đẫn. “Thỏa đáng!”

“Đối với bốn mươi từ một phút ấy.”

Cô đứng lên, sống lưng cứng lại. “Tôi không thể. Tôi hoàn toàn không thể. Ngài là tội phạm.”

“Tôi à?” Anh ta nhìn cô một cách bình thản. “Sự thật là điều cô phải tự nhận biết. Tôi không có đủ ngôn từ để thuyết phục cô.”

Cô áp hai bàn tay lên mặt. Anh ta là tội phạm. Làm sao mà khác được khi anh ta lén lút khắp nơi với cửa ăn trộm và đeo mặt nạ ngay giữa đêm? Mười bảng một tuần! Chỉ có một kẻ kiếm tiền bất chính mới có thể trả công cao đến vô lý như thế cho chức thư ký. Anh ta đã có thể giết cô trong bóng tối—anh ta gần như đã làm thế, chính anh ta cũng đã thừa nhận. Và ở lại với cô, giúp cô điều hòa hơi thở. Nấp mình trên xà nhà, không phải một quý ông, quân ác ôn xấu xa; rồi tỏ vẻ ăn năn hối lỗi vì đã làm điều đó.

Cô hạ hai bàn tay. “Nếu ngài không phải tội phạm, thì ngài trộm những thanh kiếm và đồ đạc để làm gì?”

Trong một lúc anh ta yên lặng. Rồi anh ta vuốt tay lên cằm và nói, “Trong tiếng Anh không có từ để mô tả.”

“Ồ, không ư? ‘Trộm cắp’ có vẻ đủ sức để mô tả đấy chứ.”

“*Kyojitsu*.” Anh ta điềm tĩnh nhìn vào mắt cô, không hề nao núng. “Chân-giả.”

“Chân-giả?” cô lặp lại đầy hoài nghi.

Anh ta thu bàn tay thành nắm đấm rồi xòe nó ra, cứ như một sự định nghĩa rõ ràng hơn sẽ phát ra từ đó. “Sự dối gạt và chân thật. Tài ứng biến. Thủ đoạn lẩn tránh. Yếu và mạnh. Tốt và xấu. Một mảnh lời. Nó bao gồm tất cả những điều đó.”

“Tôi không hiểu ngài đang nói về chuyện gì.”

Anh ta kiên nhẫn nhìn cô, cứ như cô là một đứa trẻ chậm hiểu. “Ý đồ của tôi. Cô hỏi tôi tại sao tôi lại lấy những đồ vật đó khỏi vị trí chính đáng của chúng.”

Chẳng trách Cô Myrtle lúc nào cũng cảnh báo cô về đàn ông. Đúng là những kẻ hay chọc giận người khác.

“Chà, tôi e mình không có khiếu với bí ẩn phương Đông,” cô gắt gỏng nói. “Có lẽ ngài sẽ nói cho tôi biết công chuyện làm ăn ‘hợp pháp’ này là gì?”

“Hầu hết là vận chuyển bằng đường thủy. Tôi quản lý Hãng tàu Arcturus cho Đức ngài và Phu nhân Ashland, và tôi có một hãng tàu của riêng mình—Hãng đóng tàu và Vận chuyển Kaiea. Tôi có một xưởng gỗ ở bờ biển vùng Bắc Mĩ. Một vài cổ phần trên thị trường bông và đường. Mấy ngân hàng, tổ chức bảo hiểm đường thủy.” Anh ta mỉm cười. “Cô tin tôi chứ?”

“Tôi không biết nữa.”

“Tôi có thể chỉ là dựng chuyện. *Kai ea* nghĩa là ‘biển nổi’ trong tiếng Hawaii. *Arcturus* là tên thuyền chở trà mà bác của Ngài Ashland đã đóng năm 1849. Ngài Ashland đổi tên nó thành *Arcanum*. Nhưng có thể chẳng có điều nào trong số đó là sự thật. Tôi có thể là một kẻ nhanh trí và nói dối tài tình.”

“Tôi tin có những người như ngài nói,” cô nghiêm trang nói.

“Vậy thì tôi có thể trả lời các câu hỏi của cô đến cả ngàn năm sau, và cô cũng không tài nào biết được tôi là ai.”

“Điều mà tôi biết, thưa Ông Gerard, ngài là người kỳ quặc nhất mà tôi xui rủi gặp phải!”

Anh ta quan sát cô, ánh mắt màu xám tối, như mặt trăng trong một đêm đầy mây và gió nổi. Chầm chậm, anh ta lắc đầu. “Điều mà cô biết ở đây,” anh ta nhẹ nhàng nói, đặt nắm tay lên trung tâm cơ thể mình, “chính là sự thật.”

Chương 10

Thế ngã

Hawaii, 1872

Dojun không bao giờ dạy cậu những bài hát. Dojun chưa từng dạy cậu điều gì khác ngoài tiếng Nhật, chưa từng hát bất cứ bài nào ngoại trừ lệnh phải làm việc, việc vật để chạy đi làm, gõ nặng phải đồn, và những xô cá chép phải gánh đến hồ cá của một người hàng xóm ở xa thậm chí còn không yêu cầu việc đó. Thường thường Dojun muốn những thứ kỳ lạ: một bông hoa trên cành cây cách xa tầm với của Samuel, một hòn đá từ vách núi cao nhất ở Mũi Kim Cương, một cọng lông vũ từ một con chim còn sống và làm tổ trong sân lanai.

Những bông hoa và hòn đá thì không có vấn đề: Samuel đã học được cách trèo cây và nhảy; cậu đi cùng Dojun đến Mũi Kim Cương vào các ngày Thứ Bảy, mười dặm cả đi và về, không ngừng nghỉ, và Dojun chỉ nhận những thành quả phải cực nhọc mới có được đó với một cái gặt đầu và thả nổi chúng trong một chén nước trên chỗ ngồi của Samuel ở bàn ăn tối. Khi bữa tối đã được dọn đi, Samuel mang chén nước đó về phòng và nằm trên giường, chăm chăm nhìn cái chén đặt trên sàn, ngắm nghía, thắc mắc có điều gì nổi bật ở cái chén đã khiến Dojun chọn nó.

Cọng lông chim vượt ngoài khả năng của cậu. Cậu quan sát con chim và cái tổ đến hàng giờ, xem nó ăn gì và nơi nó đậu. Cậu đã nói chuyện với một vài người Hawaii và biết được cách làm một cái bẫy dùng lưới và nhựa cây quét lên cành. Cậu bẫy được con chim sẻ, rút một cọng lông đuôi trước khi thả nó đi.

Dojun nhận lấy cọng lông vũ trong im lặng. Bằng tiếng Nhật vấp vấp, Samuel giải thích cái bẫy, chỉ ra mưu làm nhựa dính khôn ngoan và cách cậu chọn nơi giấu bẫy. Dojun lắng nghe mà không bình luận.

Ở bữa tối hôm đó không có bóng dáng của chiếc chén đen với cọng lông.

Samuel cảm thấy hổ thẹn, không biết vì sao mình thất bại hay thất bại như thế nào. Cậu trải qua những buổi chiều đằng đẳng trong sân lanai, nhìn chăm chú con chim sẻ nhảy dọc theo tán cây. Cậu trèo lên thân cây gần nhất và ngồi yên không chớp mắt, quan sát con chim tí hon bung đi giữa những tán cây khảng khiu ngoài tầm với của cậu.

Một ngày nọ cậu chủ Robert vào phòng Samuel và bắt gặp cậu đang luyện tập với một cái gối cắm kim. Cậu cố gắng di chuyển với tốc độ thật nhanh để bắt được con chim trong tay. Robert nghĩ đó là một trò chơi; cậu ta lúc đó sáu tuổi và đối với Samuel mà nói thì cậu ta khá ngu ngốc—thậm chí bé Kai mới ba tuổi, đôi khi cũng có thể im lặng và trầm ngâm, nhưng Robert thì không bao giờ ngừng ngọ nguậy, nói chuyện hay khóc lóc trừ những lúc cậu ta ngủ.

Samuel biến nó thành trò chơi cho cậu ta, cột một sợi dây vào cái gối, nhưng Robert hấp tấp và vụng về đến mức cậu ta không giật được cái gối lần nào trước khi Samuel bắt lấy nó trong tay cậu. Ngay cả khi Samuel nhắm mắt, cậu vẫn có thể thắng Robert, hết lần này tới lần khác, cho đến khi cậu bé kia bắt đầu khóc, những tiếng gào tức tối càng lúc càng to mỗi lần cậu ta thua.

Phu nhân Tess đến. Bà đứng trong ngưỡng cửa với một vẻ mặt bức mình. Robert chạy đến với bà, vùi mặt vào váy bà, khóc dữ dội đến mức không thể nói được vì những tiếng nấc nghẹn.

Samuel đứng lên khi bà ôm lấy con trai. “Cháu xin lỗi!” cậu vội nói. “Cháu chỉ đùa với cậu ấy thôi. Cháu xin lỗi.”

Cậu chờ trong khi bà dỗ dành Robert, một cảm giác bất an đến phát ốm cuộn lên trong dạ dày cậu, khiến hơi thở cậu dường như đặc quánh và mắc lại trong lồng ngực. Bà vỗ lưng cậu Robert và để cậu ta khóc cho bằng hết nỗi buồn bức của con nít trên vai bà. Khi bà nhìn lên, Samuel bước lùi lại, quan sát gương mặt bà, sợ sẽ thấy một vẻ cau mày chê trách. Nỗi sợ sâu kín của cậu là bà sẽ không muốn cậu nữa; bà sẽ phát hiện hóa ra bà không ưa cậu, và căn phòng và nơi ở và chỗ nương tựa của cậu sẽ không cánh mà bay. Cậu không biết mình sẽ đi đâu hay sẽ làm gì nếu bà buộc cậu ra đi, nhưng cậu chỉ mong bà muốn cậu ở lại.

“Đúng là hai thằng nhóc ngốc nghếch,” bà nói, và chìa tay cho Samuel. “Đến đây và nói cho ta biết trò chòng ghẹo khủng khiếp nào cháu đã gây ra cho thằng nhóc này nào.”

Một sự nhẹ nhõm khổng lồ đổ tràn lên cậu khi bà mỉm cười. Cậu bước tới trước, và khi bà đặt bàn tay lên vai cậu thì cậu đột nhiên làm điều cậu đã không làm trong suốt ba năm trời—cậu níu lấy váy bà trong nắm tay và dựa vào vòng tay bà, giữ chặt mối liên hệ trước sau không thay đổi duy nhất trong cuộc đời cậu. “Cháu xin lỗi,” cậu lặp lại. “Cháu xin lỗi.”

Bà vuốt tóc cậu. Bất chợt Robert ngọ nguậy vùng khỏi tay bà, đã hết sứt sịt và hướng vào một hứng thú khác. Phu nhân Tess để cậu bé đi và đứng ôm chặt Samuel. Tiếng chân trần của Robert trên sàn gỗ xa dần khi cậu ta lon ton đi dọc hành lang.

Sự im lặng trùm lên họ. Samuel giữ tay thật chặt. Bà chà tóc cậu giữa những ngón tay và ôm ghì cậu. “Ta yêu cháu, Sammy,” bà nhẹ nhàng nói. “Cháu được an toàn ở đây với ta.”

Bà là người duy nhất có thể gọi cậu bằng cái tên xưa cũ và đáng căm hận đó; là người duy nhất biết đến cái tên đó. Không ai, kể cả Dojun hay Ngài Gryphon, biết được cuộc sống mà Samuel từng trải qua như bà. Bà đã ở đó. Bà đã chứng kiến nó. Vậy mà bà vẫn nói rằng bà yêu cậu, và cậu ước gì mình có thể đứng tại nơi an toàn và đầy chở che này và níu lấy bà đến suốt phần đời còn lại.

Khi cậu nhìn lên mặt bà, bà đang chùi ngón tay lên mắt. “Nào nào,” bà nói, trong một giọng nghèn nghẹt. “Cháu thấy đấy Robert không hoàn toàn đau khổ lắm đâu. Nhưng ta không nghĩ cháu sẽ thấy hài lòng khi trêu chọc thằng bé thêm nữa, trừ khi cháu thích những cơn cáu giận

âm ỉ.”

“Không, thưa phu nhân,” cậu ngoan ngoãn nói mà không thả tay.

Bà rút khăn tay và xì mũi. “Cười với ta nào, Samuel. Cháu hầu như chẳng bao giờ cười.”

“Vâng, thưa phu nhân,” cậu nói, và cong môi.

Bà cầm khăn tay và lắc đầu. “Tốt!” bà vui vẻ nói.

Cậu rời khỏi bà và đi đến cái tủ ngăn kéo bằng gỗ *koa*. Cậu lần tìm bên dưới những chiếc áo sạch của mình và tìm thấy hòn đá nhon lồi lõm màu nâu với những mảnh đá lấp lánh nhỏ xíu màu xanh mà cậu đã đem về từ vách núi ở Mũi Kim Cương. “Cái này dành cho phu nhân,” cậu nói, và đưa nó ra.

Bà nhận lấy hòn đá và ngắm nó, lăn nó bằng những ngón tay, chạm vào nó thật nhẹ nhàng cứ như nó là một vật trân quý. “Cám ơn cháu,” bà nói. “Nó đẹp lắm.”

Lúc đó cậu thật sự mỉm cười. Nó không hẳn là đẹp, nhưng cậu vẫn cảm thấy ngượng ngùng và hài lòng, rồi ngồi xuống sàn, nghịch với sợi dây cột cái gối cắm kim, giật nó trên lớp gỗ trơn bóng. Cậu nghe bà xì mũi lần nữa.

“Cháu vẫn giúp Dojun làm việc nhà,” bà nói. “Cháu nhớ Gryf nói gì với cháu rồi đấy, Samuel—cháu không phải làm thế. Cháu không nên nghĩ mình phải làm việc.”

“Vâng, thưa phu nhân.” Cậu búng chiếc gối tới lui. “Cháu nhớ.”

“Miễn là cháu làm bài tập cho tốt như trước, tất cả những gì cháu phải làm là chơi.”

“Cháu thích làm việc,” cậu nói với sàn nhà giữa hai chân khoanh lại. “Cháu muốn làm.”

Bà đứng yên lặng sau lưng cậu. Cậu cảm thấy bà nhìn mình, cảm thấy nóng trong người và kích động, nhưng cậu chỉ ngồi yên, bất động như thể cậu đang ở trên cái cây cùng con chim, và căng mắt nhìn xuống sàn.

“Được rồi,” cuối cùng Phu nhân Tess nói với một giọng miễn cưỡng. “Nếu cháu thật sự thích.”

“Có, thưa phu nhân,” cậu nói. “Cháu thích mà.”

Bà đứng đó thêm một chốc, và rồi cậu nghe tiếng bà khẽ thở dài, và âm thanh của váy bà sột soạt khi bà rời đi.

Chiều hôm đó, cậu cố gắng bắt con chim sẻ. Cậu chờ trên cây, phóng tới chụp lấy con chim sẻ khi nó bay đến, và rơi khỏi những tán cây. Dojun tìm thấy cậu đang mê man và nằm bất động dưới gốc cây. Samuel mơ màng nhớ viên quản gia đã đặt bàn chân trần lên nách cậu rồi

kéo cánh tay cậu, và nó đau ghê gớm trong một khắc trước khi cậu bất tỉnh. Cậu tỉnh lại trên giường, và nằm đó suốt một tuần để hồi phục chấn thương trật khớp vai và chấn động.

Cậu lo sợ Dojun chán ghét cậu. Trong một khoảng thời gian dài sau đó, cậu không thể thu hết can đảm để nói chuyện với viên quản gia người Nhật. Khi Dojun đến gần, Samuel tự làm mình mờ nhạt, khó nhận thấy: im lặng và bất động và nhỏ bé như một con chuột trốn trong góc tối. Cho đến một ngày nọ Dojun bất ngờ bắt gặp cậu khi đi qua phòng ăn trống. Samuel nghe thấy tiếng bước chân của ông; cậu chỉ kịp lẩn ra sau cánh cửa và im thin thít để không ai có thể thấy mình. Viên quản gia sắp đặt bàn ăn, di chuyển quanh căn phòng với tiếng lanh canh leng keng của đồ bạc.

“Cậu giỏi làm thế phải không?” ông nói bằng tiếng Nhật khi nghiêng người để đặt một cái nĩa. “*Kyojitsu* rất khó học, vậy mà cậu đã biết cách làm rồi đấy.”

Samuel biết Dojun đang nói chuyện với cậu: chẳng có ai khác biết chút tiếng Nhật nào cả. Samuel không hiểu từ *kyojitsu* là thế nào, và cậu chắc chắn Dojun cũng biết điều đó.

“Những kẻ khờ khạo chỉ biết dùng một kiểu nguy trang.” Dojun tiếp tục sắp xếp bàn ăn. “*Shin* là bản thân cậu trong tư tưởng. Là cậu trong tâm cậu. *Itsuwaru* là hóa thân thành thứ không phải là cậu. Cả hai cái gộp lại có thể trở thành *kyojitsu*. Lúc nào cũng là con hổ thì quá dễ. Nếu cậu là một con hổ, cậu làm những việc một con hổ sẽ làm, cậu di chuyển như một con hổ, cậu chỉ dùng đến một hình thể, là *kata*, của con hổ. Cậu gặp một con hổ lớn hơn, rồi thì sao? Cậu gặp rắc rối. Tốt hơn là nên biết thêm *kata* của một con chuột. Tốt hơn nên biết cách giữ im lặng và thu nhỏ bản thân. Có lẽ lúc đó con hổ lớn sẽ không thấy cậu, và cậu sẽ tiếp tục sống để làm một con hổ.”

Samuel lắng nghe, và giật mình khi Dojun nói về con chuột như thể ông nhìn thấu vào trí óc Samuel. Nhưng ông không tỏ vẻ tức giận hay trách mắng; ông nói như thể đó là một chuyện tốt. Từ từ, Samuel hít một hơi và bước ra từ sau cánh cửa.

Dojun cứ tiếp tục đặt đồ bạc lên bàn.

Sau một lúc, Samuel nghiêm cẩn cúi mình theo cách Dojun đã dạy. “Cháu không thể lấy được cọng lông,” cậu nói bằng tiếng Nhật. “Cháu lấy làm hổ thẹn, Dojun-san.”

Dojun thẳng người lên và nhìn cậu. Nét phương Đông trên gương mặt ông khiến cậu thêm vững dạ. Samuel chưa từng biết ai như Dojun: ông không bao giờ trông tức giận hay dỗi hay hăng hái. Đôi mắt phương Đông bí ẩn giúp Samuel cảm thấy vừa an toàn vừa hiếu kỳ.

“Sao lại hổ thẹn?” Dojun ôn tồn nói. “Cậu đã lấy được chiếc lông, ngay lần đầu, với một cái bẫy kia mà.”

Samuel ngập ngừng. “Cháu tưởng—làm thế là sai. Ông đã không cho nó vào cái chén.”

“Cậu nghĩ quá nhiều. Làm sao cậu biết điều gì là đúng hay sai? Cậu còn quá trẻ để biết kia

mà. Cậu muốn quá nhiều. Cậu muốn một chiếc lông trong một cái chén. Thế cậu làm gì nào? Cậu té lộn cổ để có được điều đó. Tối nay ta sẽ bỏ một chiếc lông vào một cái chén cho cậu. Như thế có làm cậu vui không?”

Samuel cau mày nhìn xuống chân mình. “Không ạ, Dojun-san.”

“Khó mà làm cậu hài lòng.”

Cậu nhìn lên. “Cháu nghĩ khó mà làm *ông* hài lòng,” cậu nói tiếng Anh, và rồi lùi lại một bước và bám vào tay nắm cửa, thoái chí bởi sự táo tợn của mình.

Dojun phác một cử chỉ không để tâm. “Không ai có thể làm hài lòng mọi người,” ông lầm bầm, nói tiếng bồi, như thể coi khinh tiếng Nhật bập bẹ của Samuel. “Phải hiểu biết khi sử dụng *thể* của cạp, khi dùng *thể* của chuột, Samua-kun à. Phải hiểu biết.” Ông vỗ nắm đấm vào dưới rốn mình. “Điều Dojun muốn chẳng phải chuyện lớn làm cho Samua-kun té khỏi cái cây. Chuyện lớn là mặt đất cứng kia, *ne?*”

Samuel tựa vào cánh cửa, vuốt bàn tay lên xuống trên mặt gỗ.

“Nó đã cứng ra sao, Samua-chan?” Dojun hỏi.

“Rất cứng,” Samuel nói, giữ mặt cúi xuống đất.

Dojun bắt đầu xếp đĩa lên. Ông nói bằng tiếng Nhật. “Nếu ta dạy cậu cách lăn người và giảm tác động của cú ngã thì sao?” ông hỏi. “Thuật đó gọi là *taihenjutsu ukemi*. Ta có thể dạy cậu. Nhưng ta tự hỏi mình, điều đó thì có gì tốt đối với cậu bé muốn quá nhiều này? Ta không thể đặt một cú ngã vào một cái chén nước. Ta không thể cho cậu ta điều cậu ta muốn. Nếu cậu ta học được cách ngã, đó sẽ là tất cả những gì cậu ta nhận được. Cậu ta chỉ học được cách biến đất cứng thành mềm. Điều đó thì có nghĩa lý gì với một cậu bé muốn những chiếc lông trong chén nước?”

“Nó không chỉ là chiếc lông trong một chén nước,” Samuel phản đối đầy ai oán bằng tiếng Anh. “Ông không hiểu.”

“Ta ngu thật. Ngu quá.”

“Cháu không nghĩ như thế!”

“Cậu khôn hơn à?”

Samuel xoay nắm cửa, nản chí và bối rối. “Cháu không biết ông muốn gì!”

Dojun ngừng lời và nhìn cậu. Ông mỉm cười.

Hai vai Samuel rũ xuống. Cậu nhìn Dojun trở lại công việc với những cái đĩa, chờ đến khi chúng đã vào vị trí và viên quản gia gần như chuẩn bị rời khỏi phòng.

“Dojun-san,” cậu thì thầm bằng tiếng Nhật. “Ông sẽ dạy cháu cách ngã chứ?”

“Thứ Bảy này,” Dojun nói, “đi với ta lên núi kim cương lần nữa.”

Chương 11

Leda thấy mình cứ mãi nhìn cảnh giác từng người ăn mặc bẩn thỉu lảng vảng trong dòng người đi đường, những tưởng sẽ thấy đôi mắt màu xám biếc của Ông Gerard bên dưới chiếc mũ móp méo của một người phu khuân vác, vai khom, hai bàn tay và tóc đầy muối than. Sau khi cô từ chối lời đề nghị làm việc cho anh ta—làm thư ký cho một kẻ trộm, không thể nào!—dáng vẻ mà anh ta biến đổi sau đó thật khiến người ta bối rối: chỉnh áo choàng thành kiểu dị hợm và dùng một nắm muối than từ vỉ lò của cô để chà lên mặt và tay. Chỉ bấy nhiêu đó có vẻ không tạo ra sự khác biệt là mấy trong khi cô đứng trong phòng quan sát, nhưng sau khi cô trở lại từ một chuyến đi nhanh và bí mật xuống lầu để cuỗm cây gậy của Bà Dawkins, cô leo lên lồng cầu thang cuối cùng và bật ra một tiếng thở gấp khế vì kinh hãi khi bắt gặp một kẻ lạ mặt trên cầu thang, một nhân dạng rách rưới và èo uột đang dựa vào tay vịn như người say.

Cô phải mất một lúc mới nhận ra đó là ai, vì cảnh tượng khung người anh ta rũ xuống thành một kẻ lang thang phờ phạc như bước ra từ khu Casual Ward quá thuyết phục. Một cái mũ mềm, trùm xuống che đi khuôn mặt, chỉ để lộ quai hàm đầy cáu ghét; áo jacket để mở, phơi ra áo sơ mi đã mất hai nút và mới được lãnh một vết rách ở đường may cổ áo; anh ta đã xé phần bọc ngón chân của đôi giày kỳ lạ và nhét giấy báo vào những lỗ trống—cùng loại báo với thanh nẹp khác thường mà họ đã sáng chế, đó là chi tiết duy nhất giúp nhận diện anh ta.

Anh ta nhìn cô từ bên dưới chiếc mũ. Trong ánh sáng tù mù của hành lang và màu đen của muối than trên mặt anh ta, mắt anh ta phát ra màu xám trong, một tia sáng rực rỡ của sự thông minh trong dáng người u ám và khốn khổ.

Cô đưa cây gậy ra. “Ngài tốt nhất nên giữ mắt nhìn xuống,” cô khuyên, “nếu ngài muốn tránh bị nhòm ngó.”

Anh ta ậm ừ, chạm tay vào mũ trong một cử chỉ tán đồng ừ ừ. “Thưa cô.”

Nếu Leda không biết rõ hai bàn tay anh ta không có chút tì vết thì cô đã lầm tưởng anh ta không có ngón cái và ngón giữa. Cô lùi lại trên đầu cầu thang, dựa vào tường, mím môi. “Ngài có chắc mình có thể tự đi được không?”

Anh ta ngược nhìn cô lần nữa. Leda bất chợt nghĩ đây là thời khắc cuối cùng—cô sẽ không bao giờ còn nhìn thấy anh ta nữa.

“Cô có danh thiếp của tôi chứ?” anh ta hỏi nhẹ.

Thành thật mà nói, tấm danh thiếp của anh ta đang thiêu trụi một lỗ trong túi váy cô. Cô gật đầu.

“Có thể cô sẽ cân nhắc lại,” anh ta nói.

Chẳng có sự đe dọa nào trong giọng anh ta. Không một chút cảm xúc. Có thể khi anh ta đi rồi cô sẽ đến sở cảnh sát, nhưng chừng nào anh ta còn đứng trước mặt cô, quan sát cô thật chăm chú...

Cô đột ngột nhớ lại rằng Cô Myrtle chưa từng cho phép cô ngồi lên ghế đá trong công viên những ngày cô còn bé, vì có thể sau đó một quý ông xa lạ sẽ ngồi lên chỗ ấy. Và những đôi giày da thì không đứng đắn, vì một quý ông có thể thấy hình ảnh phản chiếu của váy lót trên mặt da bóng.

Anh ta tựa lên cây gậy, chuyển trọng lượng, và cô thấy một chỗ hõm tối hình thành quanh miệng anh ta.

“Ngài không nên đi bộ,” cô nói. “Tôi sẽ gọi một xe ngựa thuê.”

Anh ta bước ba bậc cuối cùng xuống đầu cầu thang bằng những bước đi chậm rãi và thoải mái, vẫn duyên dáng thậm chí với cây gậy, như thể sự vụng về thật xa lạ với anh ta đến mức trong tình trạng gãy chân nó vẫn là một chuyện không thể xảy ra. “Bà chủ nhà của cô có rảnh không?”

“Lúc tôi lên bà ấy đang ở trong phòng khách.”

“Cửa phòng bà ta đóng chưa?”

Leda gật đầu. “Nhưng bà ấy sẽ ra ngay nếu có sự kinh động dù nhỏ nhất. Tôi gần như đã không thể thu xếp...để...mượn cây gậy của bà ấy. Ngài muốn âm thầm ra về ư?”

“Tôi e là hy vọng đó đã tan tành. Nhưng tôi mong bà ấy đừng nhìn thấy tôi lần nữa. Cô sẽ tự tìm rắc rối cho mình nếu cô để bà ấy nghĩ cây gậy bị trộm.”

“Tôi tin nó sẽ bị trộm, theo định nghĩa của tôi,” Leda chua chát nói.

Anh ta nhếch một khóe môi. “Tôi đã trả đủ cho bà ấy. Nhắc bà ấy điều đó nếu bà ấy nghi tôi là thủ phạm. Ngày tốt lành nhé, Cô Etoile.” Anh ta dựa vào cây gậy và đưa bàn tay còn lại ra.

Leda nắm lấy nó theo phản xạ, rồi đứng đó để những ngón tay trần trong lòng bàn tay anh ta, lần đầu tiên trong đời cô bắt tay một người đàn ông mà không mang găng. Một quý ông luôn tháo găng của mình trước khi chìa tay ra, tất nhiên—một cách tự nhiên, Ông Gerard đã mắc phải sai sót vì quên rằng cô không ăn mặc chỉnh tề.

“Tôi mong mình đã không làm phiền cô quá mức cho phép,” anh ta thì thầm, nắm chặt tay cô trong tay anh ta, như thể anh ta chưa vội chỉnh lại hành động không thích hợp của mình.

“Ồ, không hề,” Leda nói trong một giọng e thẹn.

Nắm tay anh ta ấm và cực kỳ dễ chịu. Anh ta trao cho cô một trong những ánh nhìn đầy nỡ —như cái cách anh ta nhìn cô khi lần đầu tiên cô thấy anh ta, như thể cô nắm giữ đáp án của một câu hỏi mà anh ta cần phải biết.

Mà đúng như thế thật. Câu hỏi về việc có báo cảnh sát hay không.

Ánh mắt anh ta hạ xuống tránh ánh mắt cô. Anh ta buông tay cô và khẽ cúi mình.

Anh ta để cô lại đó trên đầu cầu thang, di chuyển một cách linh hoạt xuống lầu, tránh chỗ kêu kè kệt trên bậc thang thứ năm cứ như anh ta biết rõ nó vậy.

Lúc này, một ngày một đêm đã trôi qua kể từ khi anh ta rời Jacob’s Island, thế mà cô vẫn còn tìm kiếm anh ta, một cách ngớ ngẩn, khi cô để mình bị cuốn đi cùng dòng xe cộ ồ ạt ở Whitehall. Mọi người nghĩ Nữ hoàng sẽ đến Luân Đôn vào Thứ Hai, vậy mà cảnh ùn tắc dường như đã tăng lên gấp ba; huyên náo; nhao nhao lên rồi nấn ná trên các con phố. Leda vẫn tìm anh ta—cứ như anh ta vẫn còn quanh quẩn đâu đây, ngay tại khu này, với một cái chân gãy trong diện mạo nguy trang của một kẻ lang thang. Chuyện vớ vẩn. Anh ta giờ này đang nằm thoải mái trên giường. Trên giường và được chăm nom tử tế tại Nhà Morrow. Trong khu Park Lane.

Anh ta ngịch ngoạc địa chỉ nhà lên mặt sau tấm danh thiếp—cứ như cô có nguy cơ quên mất ấy.

Nhóm trang hoàng thực hiện những bước chuẩn bị vào phút chót để mừng Nữ hoàng giá lâm đến Luân Đôn đã thêm vào đám đông hỗn loạn với giàn giáo và hàng ngàn sớ vải đỏ vàng. Tất cả rộn ràng không khí ngày hội—bầu trời trong xanh, các biểu ngữ sắc sỡ, những toán người xô đẩy dài như vô tận. Leda bước theo trong tâm trạng u sầu lẫn lộn giữa khí thế của ngày Jubilee và nỗi lo chỉ còn hai si-linh dính túi.

Hôm qua cô đã dùng một phần tiền dành dụm để tắm và đến thăm các quý bà ở Phố South, cuối cùng họ cũng chịu viết cho cô một giấy giới thiệu, nhưng cứ ngoan cố buộc nó phải được chép đúng từng chữ như trong một cuốn sách. Cuốn sách ấy được xuất bản kín bởi chồng quá cố của Bà Wrotham, trong đó có thể tìm thấy mọi kiểu thư tín—cuốn sách, như Bà Wrotham rất tin tưởng cho biết, mới đây được dùng làm trụ chống sau cửa phòng ăn sáng. Nó không còn ở đó nữa, nhưng bà rất chắc chắn có thể tìm được nó trong những đồ dùng của mình, nếu có đủ thời gian. Viết giấy giới thiệu cho Leda mà không có mẫu là chuyện không được tính đến. Bà Wrotham quả quyết rằng Leda sẽ thấy bất cứ lá thư nào được chế từ đầu đến cuối cũng sẽ kém xa diễn cảm xuất sắc và văn phong tuyệt vời của Ông Wrotham quá cố. Một lá thư kém cạnh hơn thế sẽ trở thành một phi vụ tồi và nhất định sẽ làm cô mất đi bất cứ công việc nào mà cô có hy vọng tìm được.

Vì lo lắng, Leda đã nghĩ đến chuyện tự viết một lá thư khi cô rời Phố South. Chuyện đó cũng sẽ không tạo ra sự khác biệt nào, vì khi cô làm một chuyến viếng thăm trước hẹn đến Sở môi giới việc làm của Cô Gernsheim, cô thấy một tấm thiệp lớn dính trước cửa.

Nghỉ nhân ngày lễ Jubilee Kỷ Niệm năm mươi năm trị vì của Nữ Hoàng Victoria, Nữ hoàng nước Anh và xứ Ấn. Sẽ bắt đầu làm việc trở lại vào Thứ Hai, 27 tháng Sáu.

Cứ làm như mọi người không biết rõ lễ Jubilee kỷ niệm gì ấy, Leda ủ ê nghĩ.

Thứ Hai. Hôm nay là Thứ Bảy—đến ngày kia Nữ hoàng mới tới, và lễ kỷ niệm sẽ được tổ chức long trọng nhất vào Thứ Ba, theo sau là một tuần của các lễ hội. Ít nhất phải sau tám ngày nữa Leda mới có thể biết được mình có khả năng được nhận hay không. Tám ngày khốn khổ, và hai si-linh.

Cô nghĩ đến sở cảnh sát, và một phần thưởng hai trăm năm mươi bảng. Cô cảm thấy khuôn mặt mình chuyển sang một màu đỏ kích động giữa đám đông.

Dù thế nào thì họ cũng sẽ không tin cô. Cô dám chắc điều đó.

Cô đang rảo bước mà không có mục đích, để cho giao thông trên đường cuốn cô theo. Báo ra ngày hôm nay không có một thông báo mới nào về tuyển dụng; mọi thứ đều là lễ Jubilee, Jubilee. Thế nhưng mọi thứ thật sôi động và đẹp mắt—mọi người vô cùng háo hức, khao nhau rằng họ sẽ phải đến vào tối Chủ Nhật và đứng suốt đêm để được diện kiến Nữ Hoàng khi xe ngựa của người chạy vào thành phố hôm Thứ Hai. Cả thế giới đều ở đó để chào đón và tung hô nữ hoàng cùng nước Anh yêu thương, và tim Leda lâng lâng đến mức trong một cơn bốc đồng, cô thả tay tiêu hết hai si-linh vào một phù hiệu hoa hồng với hình của Nữ hoàng được gắn trên một ruy băng dài màu tím, xanh dương và vàng, cùng với một chiếc Cốc tưởng niệm Jubilee mà theo lời người bán hàng, là một bản sao y đúc của những cái cốc mà Hoàng tử đã đặt mua của Công ty Douulton để tặng cho ba mươi ngàn đứa trẻ Anh đang tuổi đến trường sẽ đón chào Nữ hoàng vào Thứ Tư tại Công viên Hyde.

Đó là một hành động ngu ngốc. Quá ngu ngốc đến nỗi khi cô bước khỏi gian hàng, mắt cô đầy nước mắt tuyệt vọng và cô phải vờ cực kỳ hứng thú với cửa sổ một tiệm bán hàng.

Giờ cô sẽ phải bán bộ váy nhung đen đang mặc, và hẳn là cả đôi găng tay, để có đủ tiền ăn hết tuần này. Và rồi cô sẽ mặc gì trong buổi phỏng vấn xin việc? Cô lúc nào trông cũng kỳ quặc trong bộ váy vải hoa. Cô trông như một cô gái bán hàng...và đó có vẻ là vị trí tương lai dành cho cô.

Cô vẫn còn cây lược và chiếc gương bạc của Cô Myrtle. Có thể đã đến lúc bán chúng đi. Hoặc là...một ý nghĩ ít u buồn hơn: có thể Hạ Sĩ MacDonald thật sự có ý với cô, và vượt qua được tính nhút nhát của anh ta. Anh ta chưa từng thấy cô trong bộ váy lụa đen và cái mũ mà cô đang đội; cô luôn thay váy ra trước khi rời cửa tiệm của Bà Elise. Phản chiếu trong cửa sổ cửa hàng, huy hiệu hoa hồng nhiều màu sắc trông rất đáng yêu khi được gắn lên ngực áo nền đen trang nhã

của cô. Cô quay đi khỏi cửa sổ. Những bước đi rong ruổi giờ hướng về một nơi có mục đích hơn.

Vào những ngày Thứ Bảy, Hạ sĩ MacDonald và Thanh tra Ruby đi làm vào buổi xế chiều thay vì tối. Khi Leda đến khu Bermondsey họ đều đã ở đó, nhấp những tách trà vừa được rót bởi một quý cô trẻ trong bộ váy gabardine hình đồng hồ cát với khung lót áo rộng, cô ta nhìn lên và đặt ấm trà sang bên khi Leda bước vào.

“Cô ta đây mà,” người phụ nữ trẻ nói trong một giọng thiếu thiện cảm, khi hai viên cảnh sát đứng bật dậy.

Gương mặt của Hạ sĩ MacDonald đỏ bừng bừng; anh ta bật khóa dây đai và cúi mình một cách cứng nhắc, mỉm cười không vui với Leda. “Vâng, đây là Cô Etoile,” anh ta nói. “Thưa cô—đây là em gái tôi.” Anh ta nhìn người phụ nữ kia và di chuyển bàn tay một cách ngượng ngịu. “Cô Mary MacDonald.”

Leda ngay lập tức hiểu rõ mọi chuyện. Cô MacDonald quét mắt nhìn cô với một phong thái hạ cổ của bậc trung lưu. “Cô Etoile,” cô ta nói, phát âm chữ “Etoile” với một âm điệu Pháp giả tạo quá mức. Cô ta không chìa tay ra. “Anh trai tôi rất thường nói về cô đến mức tôi cảm thấy mình nên đến và đích thân xem cô ra sao.”

Cách diễn đạt của câu nói rõ ràng là bất lịch sự đến mức Leda chỉ bỏ ngoài tai và dán một nụ cười ôn hòa lên mặt. “Tôi rất vui được làm quen với cô, Cô MacDonald. Hôm nay là một ngày đẹp trời để cô đến khu này.” Cô nói cứ như Bermondsey là một điểm đến hấp dẫn tương tự Mayfair. “Cô sẽ ngắm Nữ Hoàng đến ngày mai với tất cả chúng tôi chứ?”

“Anh trai tôi nói đó sẽ là một buổi chen chúc ghê tởm. Tất cả tầng lớp dưới và dân đen sẽ đổ xô ra đường. Tôi tin mình phải ở nhà trong những dịp như thế. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng cô không phiền, Cô Etoile. Tôi dám nói cô hoàn toàn quen thuộc với chuyện đó.”

“Cô dùng trà chứ, thưa cô?” Hạ sĩ MacDonald vội vàng hỏi, trong khi Thanh Tra Ruby trao cho cô một nụ cười nhạt.

“Cám ơn ngài,” Leda nói, và đưa cốc của cô ra. “Như ngài thấy đấy, tôi có đúng thứ để đựng trà đây. Tôi sẽ nâng ly chúc mừng Nữ Hoàng.”

Cái cốc đem lại cho Hạ sĩ MacDonald và Thanh tra Ruby một cái cớ để nghiền ngẫm và ca ngợi đầy chân thành, và viên thanh tra tuyên bố ông sẽ mua một cái cho vợ mình.

“Ồ,” Cô MacDonald nói, “ngài sẽ không muốn mang về nhà thứ đồ sứ rẻ tiền đó đâu. Tôi đã thấy một cái tách có giá trị được khắc những dòng chữ bài bản, nếu vợ ngài thích có một thứ gì đó để tưởng nhớ dịp này.”

“Đâu nào, tôi không đủ điều kiện để chi trả đồ có giá trị, Cô MacDonald ạ,” ông phản đối. Khi Leda rót xong trà vào cốc của mình, ông nâng ly của ông lên. “Uống mừng Nữ Hoàng!” ông

hồ hào.

“Vì sự trị vì vẻ vang và đáng kính của người,” Leda nói thêm, nâng cốc của cô lên.

“Ngớ ngẩn làm sao khi uống mừng với trà,” Cô MacDonald nói, và Hạ sĩ MacDonald hạ tách anh ta xuống và ngậm miệng lại giữa lúc sắp sửa tham gia.

Leda và viên thanh tra cùng tách vào nhau. Ông đưa sang cô một cái nháy mắt.

Leda mỉm cười đáp lại, nhưng sự hăng hái của cô đã rút xuống tận chân. Rõ ràng Cô MacDonald không có ý định cho một kẻ không danh phận từ Bermondsey cuỗm anh trai cô ta.

Sau một lúc im lặng trong khi họ nhấp trà, Hạ Sĩ MacDonald khinh suất nói, “Bộ y phục cừ đấy, thưa cô.”

“Cám ơn ngài,” Leda nói. Cô uống thêm một ngụm trà và hỏi với một vẻ hiếu kỳ tình cờ, “Cảnh sát có bước tiến nào với kẻ trộm tiếng tăm của chúng ta không?”

“Không, không một tấc nào,” Thanh Tra Ruby tự xúc một muỗng đầy đường. Nếu là Leda thì cô đã biết cách pha trà theo ý thích của ông, nhưng rõ ràng Cô MacDonald đã không có nhã ý mà hỏi. “Đúng là mất mặt khi thanh kiếm Nhật này biến mất, cũng như những thứ khác, với một tin nhắn và—à—một thứ khác thường được để lại...và khi họ đến nơi hẩn chỉ, thanh kiếm không có ở đó như những vật bị trộm khác. Đến giờ vẫn chưa tìm thấy nó. Có một vài người nghĩ đó là một vụ trộm ăn theo—không phải cùng một người gây ra.”

“Hoặc có lẽ—chuyện gì đó đã xảy ra ngăn người này hoàn thành kế hoạch,” Leda đánh liều nói.

Viên thanh tra nhún vai. “Có thể. Sếp trưởng cũng nghĩ thế—rằng những cận vệ chúng tôi đặt tại tất cả—” Ông đằng hắng và liếc nhìn Cô MacDonald. “À...những nơi chúng tôi nghĩ hẩn sẽ đem thanh kiếm đến—bọn họ đã khiến hẩn lủi mất.”

“Ngài vẫn không nghĩ ra kẻ đó có thể là ai?” Leda hỏi. Cô nghĩ câu nói hoàn toàn có vẻ bình thường, khi xét tới tim cô đang làm việc cật lực đến mức nào.

“Chẳng có ai chịu khai, và đó là sự thật. Không bao giờ biết được những chuyện mà người ở khu Yard muốn giữ kín đâu.”

“Hẩn đáng bị treo cổ,” Cô MacDonald tuyên bố. “Hẩn đáng bị phanh thây khi họ bắt được hẩn. Đúng là ghê tởm.”

“Chà, tôi không biết nữa,” Thanh Tra Ruby nói. “Tôi không chắc vụ này rốt cuộc lại là chuyện xấu. Cô không thể biết được điều đó, Cô MacDonald, nhưng theo một cách nhìn nào đó thì những vụ trộm này đã làm được vài chuyện tốt lành cho thành phố.”

“Chuyện đó thật hèn hạ và đê tiện. Nó không nên xuất hiện trên các mặt báo. Chỉ nội việc

nghĩ đến thôi đã khiến tôi phát ốm.”

“Có thể cô không nên nghĩ đến chuyện đó, Cô MacDonald,” thanh tra nói.

“Tôi không nghĩ. Tôi thắc mắc làm sao Cô Etoile có thể hứng thú với chuyện đáng tởm như thế.”

Hạ sĩ MacDonald chỉ ngồi nhìn xuống chân. Sự phẫn nộ dâng lên trong Leda. Chẳng có cơ may nào cho cô có được sự tán thành của Cô MacDonald. Một tính tai quái nào đó mà cô không biết mình có buộc cô nói, “Ồ, tôi vô cùng hứng thú với chuyện đó! Đó là sở thích của tôi đấy. Đó là lí do tôi rất thích được quen biết anh trai cô—ngài ấy có thể kể cho tôi tất cả chi tiết kinh dị của mọi *kiểu* tội ác đáng ghê tởm!”

Hạ sĩ MacDonald kinh ngạc nhìn cô.

“Chuyện đó không hề làm tôi ngạc nhiên, Cô Etoile,” em gái anh ta nói. “Tôi đã nói với anh ấy cô chẳng tốt đẹp gì hơn danh phận của cô; ngày nào cũng đến đây với cái kiểu quý quyết đó; mong bịp được một người tử tế tin cô là một quý cô.”

Hạ sĩ MacDonald đứng bật dậy, ngại ngùng lăm nhăm một lời phản đối nhỏ, nhưng cô ta giật khuỷu tay khỏi tay anh ta.

“Em sẽ không để anh bị bịt mắt đâu Michael. Em chắc chắn cô ta là một con điểm tinh ranh—nhưng em thấy chuyện còn tệ hơn em đoán.”

“Đúng vậy,” Leda nói, đứng lên. “Tôi chắc chuyện còn tệ hơn nhiều.” Cô chỉ liếc nhìn Hạ sĩ MacDonald một lần, nhưng anh ta tránh ánh mắt cô. Hành động đó đã nói cho cô biết tất cả mọi điều cần biết. “Chúc một ngày tốt lành, Thanh tra. Ngày tốt lành, Hạ sĩ. Cô MacDonald.” Cô cầm cốc của mình và xoay người trong tiếng sột soạt của lụa cứng, thậm chí không gật đầu với viên hạ sĩ khi anh ta luỳnh quỳnh giữ cửa mở.

“Thưa cô—” anh ta nói khi cô bước qua, nhưng cô không để tâm đến anh ta, bước xuống bậc thềm, nắm chặt cái cốc và dồn tất cả sức lực để kiềm giữ những giọt nước mắt tủi nhục và giận dữ.

Cô không có tâm trạng tiếp Bà Dawkins khi cô về đến dãy phố mình ở, nhưng cô còn chưa ở trong phòng được đến mười phút, thậm chí còn chưa điều hòa nhịp thở đủ để suy nghĩ, thì bà chủ nhà gõ rõ to lên cửa phòng cô.

“Có một quý ông đến gặp cô,” Bà Dawkins gọi.

Leda nhìn quanh căn phòng nhỏ bụi bặm, cổ họng cứng lại đầy thịnh nộ. Anh ta đến năn nỉ và cầu xin cô ư? Sau khi không nói một *lời* chống lại em gái anh ta, không một lời thì thầm rành mạch để bênh vực cho Leda...

Cô tung cửa và bước qua Bà Dawkins.

“Trong phòng khách của tôi,” bà chủ nhà nói, rảo bước theo cô.

Đến cuối cầu thang bà ta vượt qua Leda và mở cửa. “Cô ta đây, thưa ông, đẹp như đồng năm xu, như ông có thể thấy đấy. Một cô gái ngon lành, đủ tuổi để biết phục vụ ông, đủ trẻ để tươi tắn như hoa cúc.”

Leda ngừng bước trong hành lang. Cô đã tưởng là Hạ sĩ MacDonald. Thay vào đó là một người đàn ông lạ, khoảng độ năm mươi, dúi một miếng xì gà vào tách trà trên bàn Bà Dawkins. Ông ta nhìn lên Leda, rồi gật đầu và cười toét miệng. “Rất được,” ông ta nói một cách nhã nhặn.

Trong một khắc, cung cách lịch sự đó khiến cô phân vân. Cơn giận tan đi thành sự ngỡ ngàng—và rồi thấu hiểu.

Ông ta bước về phía cô trong hành lang. Leda ngửi được mùi xì gà và cảm thấy buồn nôn: buồn nôn và nhục nhã và kinh hãi và phát điên. Căn phòng là nơi nướng nấu cuối cùng của cô cho dù có tồi tàn; nó đã được chi trả đến hết tuần, với một ổ khóa ở cửa để ngăn thực tế ngoài kia.

Người đàn ông đưa tay nắm tay cô. Cô hất tay ông ta và phóng đến cửa, chạy ra đường trong khi Bà Dawkins quát tháo giận dữ và cáo lỗi sau lưng cô.

Leda đi bộ. Cô bước và bước, cho đến khi những đám đông bắt đầu thưa thớt vào giờ ăn tối, và những tiệm rượu và tiệm trà trở nên đông đúc và náo nhiệt. Cô nghĩ đến việc đến nương nhờ Bà Wrotham, bà có một phòng ngủ trống: đó là cách duy nhất còn lại. Cô phải thú nhận hết toàn bộ tình thế khốn khổ này—nhưng làm sao có thể giải thích với Bà Wrotham, người với hai bàn tay run lẩy bẩy và những lọn tóc bạc đung đưa nhẹ, rằng mình không thể về nhà vì bị bà chủ nhà bắt phải...phải mua vui cho một người xa lạ?

Leda thật sự đã bước đến Phố South, và ngừng lại dưới những cái bóng đổ dài trong ánh hoàng hôn, và nhìn ngôi nhà cũ của Bà Wrotham không một ánh sáng và ánh đèn hay thậm chí một ánh nến trên cửa sổ, bởi vì di sản mà Bà Wrotham được nhận không còn đủ để chu cấp cho bà những thứ xa xỉ nhỏ nhỏ đó dù chẳng ai nói ra. Hoàn cảnh đó cứ tiếp diễn như thế đó là một ví dụ cho phong cách cá nhân của một quý tộc kiểu mẫu buộc Bà Wrotham và Cô Lovatt và Phu nhân Cove phải chắt chiu từng đồng penny, kể cả phải dùng chung một người phụ nữ vừa làm người hầu vừa làm đầu bếp ở cả hai nhà. Leda nắm khá rõ tình hình tài chính của họ, dù chuyện đó không được đem ra bàn bạc. Cô biết việc nuôi ăn nuôi mặc cho một vị khách sẽ khiến Bà Wrotham cảm thấy lo lắng về việc phải trả đủ phần góp cho cô hầu-đầu bếp; Leda cũng biết một khi cô kể hết tình cảnh của mình cho các quý bà ở đấy, không gì có thể ngăn họ dùng nguồn tài chính ít ỏi để nuôi một miệng ăn thứ tư mà họ không đủ khả năng chu cấp, nhưng lại cảm thấy khổ sở và dằn vặt nếu làm khác đi.

Chân cô mỏi nhừ. Cô mệt và đói, cố gắng nặn óc để nghĩ ra một giải pháp đúng đắn và phù hợp: điều mà Cô Myrtle sẽ làm, nếu bà khinh suất đến mức rơi vào hoàn cảnh tương tự, Leda nghi ngờ chuyện đó. Cô bước theo góc cua—chỉ mất vài bước chân—gần đến mê hoặc cho đôi

chân rãi rời của cô, để rẽ qua khu Park Lane về hướng Công viên Hyde...

Trong bóng tối tờ mờ, căn nhà Morrow sáng bừng ánh đèn. Một hàng đèn treo màu hồng và vàng sáng lên từ sau mặt thủy tinh mỏng của nhà kính dài và hẹp trước mặt ngôi nhà, lấp lầu hết mặt tiền phong cách Georgia bằng một cấu trúc được chế tác bằng sắt và kính. Trên bao lơn dọc mái nhà treo cờ đủ màu sắc của lễ Jubilee, và ở mỗi khung cửa sổ tầng trên đều treo một lá cờ, xen kẽ nơi thì cờ Liên minh Jack nơi thì một biểu ngữ sọc đỏ, trắng và xanh dương với một bản sao nhỏ của cờ Liên minh Jack ở phía trên.

Leda đã biết Nhà Morrow từ tấm bé. Cô đã đi qua đó đến cả ngàn lần. Đó là một biệt thự trên một con phố toàn biệt thự hướng ra công viên. Cô và Cô Myrtle thậm chí còn đến đó một lần, khi Phu nhân Wynthrop quá cố còn sống và có thói quen đến ngụ trong mùa hội thay vì căn nhà nhỏ và kém thời thượng hơn ở Phố King.

Căn nhà không có vẻ khác nhiều như Leda tưởng. Cô chỉ không thể thấy được khả năng có sự kết nối giữa địa chỉ được nguệch ngoạc trong túi cô và bản gốc vững chãi ngay trước mặt cô đây.

Cô không thể nào bước lên bậc thềm đến cửa cổng, nhắc thanh gỗ, và hỏi thăm liệu Ông Gerard có ở nhà.

Không những việc mọi thứ xảy đến với cô trong bốn mươi tám tiếng qua là sự thật vô cùng khó tin—khó xảy ra—mà việc đến vào giờ muộn với thân phận là một phụ nữ đơn độc đến gõ cửa nhà một quý ông độc thân còn có vẻ sỗ sàng đến không thể biện bạch—nếu không muốn nói là cực kỳ thiếu phẩm cách.

Nhưng cô không thể về nhà, và cô sợ phải trở lại chỗ Bà Wrotham, nên cô đứng ngập ngừng tại bậc thềm, bàn tay đeo găng đặt trên thanh vịn bằng sắt. Những tiếng nói và tiếng cười không rõ ràng vọng tới, và đúng lúc cô vội rút tay để quay đi, thì cánh cửa mở và ánh đèn vàng hắt ra. Tiểu thư Catherine, mặc bộ váy mà Leda nhận ngay ra là bộ váy lụa hồng viền vải tuyen mà cô đã gợi ý ở tiệm Bà Elise, bước ra sân.

Cô quấn một khăn choàng len màu trắng trên vai, tác động hoàn toàn xấu đến phần vải tuyen, nhưng cô tôn bộ váy bằng một cây quạt xinh xắn với những chiếc lông vũ mềm mại mà cô vẩy lật phật bên dưới cằm, như thể cô thích cảm giác đó. Giữa lúc quay lại phía cửa, cô trông thấy Leda.

“Ôi này, cuối cùng cô cũng tới, Cô Etoile!” cô gọi to, khiến Leda hết mực ngạc nhiên. “Và vừa kịp lúc—chúng tôi đang sắp lo sốt vó đến nơi đây. Mẹ—ôi, xin mẹ chú ý vào con một chút!” Cô nghiêng người vào khung cửa, bật cười. “Ngừng chọc tay vào những bông hoa lan của mẹ đi—Cô Etoile đã đến với chúng ta rồi này.”

Một tiếng reo phát ra từ trong nhà. Phu nhân Ashland xuất hiện ở ngưỡng cửa. Khi thấy Leda, gương mặt bà sáng lên vì vui mừng. “Cô Etoile! Vào đây nào. Chúng tôi rất biết ơn cô.” Bà vội vã xuống thềm, kéo váy lụa tím thanh lịch sang bên để khỏi vướng víu, và nắm tay Leda.

“Aloha. Vào đây. Aloha *null*”.

“Câu đó nghĩa là ‘Chào mừng’ trong tiếng Hawaii.” Tiểu thư Catherine đến chào Leda bằng một cái ôm khi Phu nhân Ashland kéo cô lên bậc thềm. “Và ‘chúng tôi yêu cô.’ Cảm ơn cô rất nhiều!”

Leda lùi lại trong vòng ôm của cô gái, ngỡ ngàng. “Ồ—nhưng—tôi chắc hai người không có gì để phải cảm ơn tôi cả!”

Tiểu thư Catherine xiết tay cô. “Có thể đối với cô chỉ là chuyện thường, nhưng Samuel là tất cả thế giới đối với chúng tôi. Chúng tôi đã rất lo lắng cho anh ấy khi anh ấy không có mặt ở bữa sáng—chúng tôi biết hẳn đã có chuyện gì đó không hay xảy ra vì không ai nhớ có thấy anh ấy về nhà vào buổi tối hôm trước, và anh ấy đã hẹn trước sẽ đưa chúng tôi đi ăn sáng tại tiệm Roseberrys, và anh ấy không bao giờ, *không bao giờ* chậm trễ.”

Người giữ cửa vẫn còn giữ cửa mở, và Leda thấy mình được đưa vào bên trong giữa một nhóm người rõ ràng đang sửa soạn rời nhà đến một cuộc hẹn tối. Cô đột nhiên được giới thiệu trực tiếp với Ngài Ashland, một quý ông đường hoàng mà bộ lễ phục đen, cà vạt trắng, và găng tay trắng làm nổi bật lên mái tóc vàng và gương mặt quý tộc trang nghiêm, và tiếp đến là cậu chủ của ngôi nhà, Ngài Robert, lớn hơn Tiểu thư Catherine vài tuổi, có thể chỉ ở ngưỡng hai mươi, với một nụ cười toe toét như em gái, quyến rũ và cởi mở. Khi Leda nhìn lại Ngài Ashland, cô biết họ đã thừa hưởng nụ cười đó từ ai.

Ông ôm eo vợ trong khi bà với tay nắm lấy tay Leda lần nữa. “Bác sĩ đã đến chiều nay,” bà nói. “Ông ấy bảo chúng tôi vì chỗ gãy đã bớt sưng nên ông ấy có thể thấy nó đã được nẹp lại đúng cách. Ngày mai ông ấy sẽ bó bột. Ông ấy bảo phải khen cô vì tài xoay sở của cô, vì ông ấy chưa từng nhận ra báo cuộn có thể tạo ra lực đỡ đủ mạnh.”

“À, đó không hẳn là—”

“Anh ấy đã ngủ rồi,” Tiểu thư Catherine nói. “Tôi biết anh ấy đang đau, dù anh ấy sẽ không thú nhận điều đó, và tôi đã bảo bác bếp lén bỏ cồn thuốc phiện vào bữa tối của anh ấy.”

“Kai!” Phu nhân Ashland bực dọc nói. “Con không làm vậy chứ!”

“Anh ấy không phiền đâu ạ,” con gái bà nói. “Nếu là con làm thì không đâu.”

Phu nhân Ashland trông phật ý. “Có thể,” bà nói. “Nhưng nếu cậu ấy không muốn uống cồn thuốc phiện thì con không có quyền lừa cậu ấy uống.”

Tiểu thư Catherine cắn môi. “Chà—con đã lỡ làm rồi, và anh ấy đã ngủ, và có thể sáng mai anh ấy sẽ cảm ơn con.”

Chuyện đó không có vẻ làm mẹ cô hài lòng, bà quay mặt đi với một cái cau mày. Leda thấy Ngài Ashland nhìn vợ, nhưng ông không nói gì hơn là, “Có thể Cô Etoile sẽ muốn về phòng cô ấy.”

“Phòng tôi ạ?” Leda yếu ớt nhắc lại.

“Ồ, đúng rồi—con sẽ chỉ phòng cho cô ấy!” Tiểu thư Catherine nói. “Chúng ta chỉ phải đi bộ có nửa đường thôi—chúng ta sẽ đến bữa tối không muộn quá đâu.”

“Bữa tối ư!” Leda rút tay khỏi nắm tay mạnh mẽ của Tiểu thư Catherine. “Vậy mọi người không được muộn một phút nào, thưa tiểu thư. Được mời ăn tối thì không được muộn.”

“Ồ. Nhưng mới bữa nọ có người bảo với tôi ở đây sai lầm ngớ ngẩn nhất là đến đúng giờ đấy.”

“Ôi không—bữa tối thì không. Có thể họ đang nói về một vũ hội. Đối với một cuộc hẹn ăn tối, cô phải có mặt ở đó trong khoảng mười lăm phút trước giờ được ghi trong thiệp mời, Tiểu thư Catherine, và lý tưởng nhất là cô nên đến còn sớm hơn thế nữa.” Leda nghe tiếng vang mạnh mẽ của Cô Myrtle trong giọng mình, nhưng thật đấy, cô gái rạng rỡ đáng thương này vô cùng cần một vài hướng dẫn về nghi thức.

“Tôi đã không nhận ra,” Tiểu thư Catherine nói, tiếp nhận lời khuyên một cách vô cùng thân thiện. “Vậy tôi cho là chúng tôi nên đi nhanh thôi.”

Ngài Ashland nắm tay Leda mà không cời găng tay trắng của ông. “Sheppard sẽ chỉ phòng cho cô, Cô Etoile. Cô cứ tự nhiên như ở nhà.”

“Gặp cô sau vậy, thưa cô,” con trai ông nói, tặng cô nụ cười toe vui vẻ của anh ta và chìa bàn tay đeo găng như ông.

Khi họ đi đến cửa, Phu nhân Ashland quay về phía Leda, nắm tay cô và nói, “Cám ơn cô. Một lần nữa. Ta rất mừng vì cô đã quyết định đến đây.”

Leda mỉm cười, cô vẫn không hoàn toàn chắc chắn về mọi chuyện, và ngấm họ bước ra cửa. Ngài Ashland đứng lại, chờ mọi người ra trước ông. Khi con trai ông bước ra khỏi cửa, Leda bất chợt thấy mình nhanh nhẹn rón rén đến và nhón lên đến tai Ngài Ashland.

“Xin thứ lỗi, thưa ngài—nhưng—có thể ngài không biết...một quý ông cời găng tay của mình khi chìa tay cho phụ nữ.”

Ông giật mình nhìn cô, rồi đỏ mặt dưới nước da rám nắng khi ông cười toe với cô. “Lạy chúa tôi, họ nghĩ đâu ra những tiểu tiết này chứ?” Ông nhắc mũ lên chào. “Cám ơn cô. Tôi cũng sẽ rỉ tai Robert.”

Cô ngập ngừng, rồi nói, “Đến ăn tối ngài có thể tháo chúng trong hành lang và gửi lại cùng với mũ và gậy.”

“Cho viên quản gia.”

“Vâng, cho quản gia. Ông ấy sẽ đưa lại cho người giữ cửa.”

Ông lắc đầu, cười rục rịch, và bước ra khỏi cửa, một hình ảnh về một quý ông mặc lễ phục thanh lịch nhất mà Leda từng thấy. Ở ngưỡng cửa, ông ngừng chân nhìn lại. “Tôi nên biết thêm gì nữa không?”

“Không, thưa ngài,” Leda nói, đáp lại cái nháy mắt của ông với một nụ cười bền lên. “Ngài trông rất cừ.”

Leda đứng giữa căn phòng ngủ đẹp lộng lẫy, buộc bản thân không được nhìn lên trần nhà mạ vàng hay nhìn chăm chăm vào đồ nội thất, tất cả đều có màu xanh và trắng, với một tấm thảm trải sàn màu hồng xanh và những ghế nhồi bông trang nhã được bọc bằng vải hoa hình cây bìm bìm hoa tím. Và khắp nơi là hoa, những nhành lan trắng, vân hồng không bị cấm trong lộ mà trở ra từ những mắc da rộng của những chiếc lá sống.

“Không,” cô nói để trả lời câu hỏi của bà quản gia. “Tôi không có va-li.”

Cô biết rất rõ người phụ nữ đó thấy tình thế của cô kỳ lạ đến mức nào, nhưng bà quản gia chỉ nói, “Tốt rồi, thưa cô. Ngôi nhà chỉ vừa được thắp điện—cô sẽ thấy nếu cô nhấn nút này, cô sẽ có đủ ánh sáng cô cần. Tôi sẽ cho người đem bữa tối lên cho cô nếu cô muốn?”

“Vâng, như thế thì tuyệt quá.”

Leda nghi hoặc nhìn nút công tắc điện và quyết định cô không đủ can đảm để thử. Cô tháo găng tay và mũ, bước đến khung cửa sổ mở, và nhìn xuống con đường lớn đối diện phòng cô. Giao thông trên đường buổi tối thật sôi động: những cỗ xe được đánh bóng lọc cọc dọc ngang quanh góc cua ở Park Lane; những quý ông tản bộ theo cặp, những chiếc mũ lụa của họ bắt lấy ánh sáng của ngọn đèn đường; âm nhạc sớm tối dậy từ một dạ tiệc gần đó.

Những bông lan không có hương, nhưng khi cô đứng ở cửa sổ, những cánh hoa mềm mại trên một nhánh hoa nhẹ nhàng phớt lên má cô, sạch và mát. Sự bất tiện lạ lùng của tình thế dường như thật dễ quên. Rõ ràng Ông Gerard đã tuyên cô là một nữ anh hùng với các bạn của anh ta, hay gia đình anh ta, hay bất cứ liên hệ nào anh ta có với Đức ngài và Phu nhân Ashland. Và họ có vẻ còn hơn cả sẵn lòng tin những gì anh ta nói. Căn phòng này đã được dọn sẵn để chờ cô, cứ như anh ta biết trước cô sẽ cần nó. Và cần anh ta.

Tiệc nuôi duy nhất là khi cô nhận ra mình đã bỏ lại cây lược và chiếc gương bằng bạc của Cô Myrtle ở Bermondsey. Giờ thì chẳng có cách nào lấy lại chúng nữa, và hẳn Bà Dawkins sẽ bán chúng ngay khi bà ta có cơ hội.

Bà quản gia chứ không phải một cô hầu đích thân mang khay đồ ăn lên. Bà sắp xếp nó cho Leda và nói trong khi bà rời đi, “Tôi sẽ đem một bộ váy và váy ngủ đến cho cô cùng với nước nóng, thưa cô, sau khi cô ăn tối xong.”

“Ồ, vâng,” Leda nói, cứ như váy và áo ngủ là những đồ dùng thường được chu cấp cho một

vị khách. Cô thấy một mẫu tin nhỏ được gấp lại trên khay, và căn môi. “Hiện tại tôi không có thêm yêu cầu nào nữa.”

Bà quản gia gật đầu và ra khỏi phòng. Leda nhặt tin nhắn lên.

Tôi rất muốn được gặp cô vào tối nay. Bất cứ lúc nào cũng tiện cho tôi, như cô có thể đoán được, vì tôi sẽ không đi đâu được cả.

Kẻ bề tôi của cô,

Samuel Gerard

Dù đói ngấu, Leda chỉ có thể xoay xở nuốt trôi món cá hồi xông khói ngon lành và tôm hùm lạnh. Khi bà quản gia trở lại lấy khay, Leda buộc phải hỏi cô có thể tìm thấy Ông Gerard ở đâu, và vẩy mẫu tin một cách hời hợt, để chứng tỏ cô không chịu trách nhiệm cho việc trái lễ giáo này.

“Xin cô theo tôi, thưa cô,” bà quản gia nói, vẫn không bộc lộ cảm xúc. Bà dẫn Leda xuống cầu thang chính đến tầng một, dọc theo một hành lang sáng đèn với những tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ, và gõ lên một cánh cửa. Một giọng nam đáp lại, và Leda thấy dạ dày mình lộn nhào.

Không hiểu sao cô cứ tưởng đó sẽ là một phòng đọc sách, hay phòng khách, hay một khu vực vô hại nào đó. Việc đây là một căn phòng ngủ, với một cái giường, và Ông Gerard nằm gọn lớn trong đó, khiến cô nửa đông cứng tại ngưỡng cửa.

“Vào đi, Cô Etoile,” anh ta nói từ đồng gối sau lưng, mái tóc vàng xõa rối trên khăn trải giường.

Bà quản gia dợm đóng cửa sau lưng cô. Leda nắm lấy mép cửa.

“Không sao đâu,” anh ta nói. “Đóng cửa lại đi, Bà Martin. Cám ơn bà.”

“Ồ, tôi không nghĩ—đó là—chuyện nên làm,” Leda phản đối, giữ cửa mở. “Sáng mai—khi ngài đã thấy khá hơn, và cả gia đình đều ở nhà—có thể khi đó chúng ta sẽ nói chuyện!”

“Bây giờ tôi cũng cảm thấy khỏe như ngày mai vậy, tôi đảm bảo với cô.”

“Tiểu thư Catherine nói ngài đã ngủ rồi,” Leda cuống quýt nói.

“À. Thì tôi chưa ngủ, phải không nào?” Anh ta trao cho bà quản gia một ánh mắt đầy ẩn ý.

Bà đỏ bừng mặt và gật đầu. “Chuyện đó sẽ không xảy ra lần nữa, thưa Ông Gerard. Tôi có thể hứa với ông. Tôi đã có lời với bác bếp.”

“Cám ơn bà. Tiểu thư Catherine không nhất thiết phải biết chuyện đó.”

“Không, thưa ông,” bà quản gia nói.

“Và đóng cửa lại giùm.”

“Vâng thưa ông.” Với một cú giật dứt khoát, cánh cửa gỗ trượt khỏi tay Leda và đóng tách lại.

Cô dựa vào cửa, bó những ngón tay quanh tay nắm. Hoàn cảnh này gần như khiến cô lúng túng, vì gương mặt anh ta quá đẹp, vì cô quá khó khăn để không nhìn anh ta một cách mê mẩn. “Chuyện này thật không tiện chút nào. Tôi không nên ở đây.”

“Tôi đã mời cô đến.”

“Việc đó chỉ càng khiến chuyện tệ hơn!”

Anh ta cử động chân bên dưới tấm chăn, cong bên đầu gối không bị thương và ngồi thẳng lên. “Chúng tôi đã không chào đón cô ư?” anh ta hỏi.

Leda bật ra một tiếng cười nhỏ ngơ ngác. “Rất nhiệt liệt. Tôi rất cảm động!”

“Tốt.” Anh ta mỉm cười, vẫn vơ vuốt tay lên tấm chăn đắp trên chân anh ta, rồi chăm chú hơn, như để vuốt thẳng những chỗ nhăn là một việc thú vị và hấp dẫn. “Tôi hy vọng việc cô đến đây có nghĩa là cô tự nguyện nhận việc?”

“Tôi...nghĩ thế.”

Anh ta im lặng một lúc, vẫn chà tay lên chăn, không nhìn cô. “Tôi đã bảo họ một thùng rượu rơi khỏi xe hàng và đề lên tôi. Tôi ngất đi vì đau, và khi tỉnh lại, cô đã tình cờ đi ngang và lo liệu tất cả. Một sự trùng hợp. Tôi mô tả khá nhiều về sự nhiệt tình của cô và bỏ qua những chi tiết nhỏ. Chuyện có kết quả rất khả quan.” Anh ta nhìn lên từ dưới hai hàng mi. “Họ đã rất quý cô khi ở tiệm may vá, cô biết đấy.”

Leda bút rút đứng bên cửa. “Tôi tự hỏi sao mình lại không đưa ngài về nhà, nếu tôi là một người tốt bụng đến thế.”

“Cô từ chối được thưởng công. Cô đã gọi đem tới một cái cang và đưa tôi tới chỗ bác sĩ, rồi bỏ đi. Biến mất như một thiên thần chính nghĩa. Nhưng tôi đã đưa cô danh thiếp của tôi, và đề nghị một công việc ở hãng tàu.”

Cô thở phò ra hoài nghi. “Lạ làm sao vì tâm trí ngài tỉnh táo đến mức có thể nghĩ ra chuyện đó, trong khi đang đau đớn.”

“Ồ, đến lúc đó thì cô đã nắn chân cho tôi rất mát tay. Tôi không còn đau nhiều nữa.”

Leda hít một hơi. “Tôi e ngài hẳn đã sống với những người rất cả tin, Ông Gerard.”

“Họ là những người bạn tuyệt vời nhất trên đời.” Anh ta nhìn cô với một sự thách thức trực

diện, điềm tĩnh, cứ như đang mời cô bác bỏ lời anh ta.

Cô cup mắt. “Vậy thì ngài rất may mắn. Tôi thật sự phải đi đây.”

“Với tư cách là chủ mới của cô, Cô Etoile. Tôi thật sự phải yêu cầu cô ở lại.”

Lung cô trở nên thẳng đuột. “Ông Gerard, đây là thời gian và địa điểm rất không thích hợp để bàn chuyện công việc. Tôi phải yêu cầu ngài thứ lỗi cho.”

“Tôi có thể hiểu được lí do cô bị đuổi việc, Cô Etoile, nếu tranh cãi ngay từ chỉ thị đầu tiên là biểu lộ cho thấy cách cô muốn làm việc sau này.”

“Tôi không bị đuổi. Tôi nghỉ việc.”

“Tại sao?”

“Đó không phải chuyện của ngài.”

“Tôi vừa mới thuê cô. Tôi thấy rõ ràng đó là chuyện của tôi đấy chứ.”

“Được thôi. Bà Elise muốn tôi đảm trách những công việc mà—tôi không thể làm.”

“Những công việc gì thế?”

Leda chỉ nhìn anh ta trong im lặng.

Anh ta giữ ánh mắt ngoan cố của cô, nhưng sau một chốc một ý thức nhất định hiện rõ trên gương mặt anh ta; anh ta nhìn xuống và lại vuốt tay lên tấm chăn. Leda thấy mình đỏ bừng mặt.

“Tôi đi được chưa, Ông Gerard?”

Anh ta chà một nếp chăn giữa ngón cái và ngón trỏ. “Cô sợ tôi ư?” anh ta hỏi trong một giọng trầm.

Leda không biết cảm giác của mình ra sao. Những ngón tay cô dường như chẳng còn khả năng nào ngoài níu lấy tay nắm cửa. “Có lí do mà tôi phải sợ không?” cô run rẩy hỏi.

“Cô vô cùng tha thiết muốn rời đi.” Có một âm vực khô khan trong câu nói của anh ta, nhưng anh ta vẫn không nhìn lên.

“Đây là một hoàn cảnh rất không đứng đắn. Tôi không biết ở nơi ngài sống họ cư xử ra sao, nhưng ở đây, một quý cô mà ở trong phòng ngủ...của một quý ông...” cô thăm ướm môi. “Là khiếm nhã. Người hầu sẽ dị nghị.”

Anh ta bật ra một tiếng cười nhẹ ử rử. “Nhất định người hầu sẽ không nghĩ tôi có khả năng xâm phạm đến phẩm hạnh của cô trong tình trạng hiện nay.”

“Vậy rõ ràng họ không biết rõ ngài, phải không?” cô nói một cách cứng nhắc. “Tôi được thông tin tốt hơn họ.”

Bàn tay cô giữ chặt quanh tay nắm trong khi chờ một câu trả lời chế giễu, nhưng thay vào đó cô ngạc nhiên khi thấy một màu đỏ dâng lên mặt anh ta khi anh ta nhìn đắm đắm xuống nắm tay mình. “Tôi xin cô thứ lỗi vì chuyện đó,” anh ta nói. “Và vì đã giữ chân cô trong một tình thế bất lợi, nếu đây đúng là hoàn cảnh không đứng đắn. Cô có thể đi.”

Anh ta nhìn thẳng lên cô, và trong một khắc lơ lửng giữa họ là hình ảnh anh ta quan sát cô trong khi cô mặc váy. Leda cảm thấy da mình nóng lên vì ngượng. Miệng anh ta dường như rần rại với một cảm xúc không lời nào đó, và cô bất chợt có cảm giác mình đang đứng quá gần.

“Chúc ngủ ngon,” cô nói, mở cửa.

“Chúc ngủ ngon. Tôi sẽ gặp cô trong thư viện vào chín giờ sáng mai, Cô Etoile, nếu cô thấy chuyện đó hợp với cách ứng xử hợp lễ phải của cô.”

“Mai là ngày Chủ nhật,” Leda chỉ ra.

Miệng anh ta nhích lên. “Tất nhiên. Và tôi cho rằng cô yêu cầu một tuần nghỉ nhân dịp lễ hội phải không?”

“Tất nhiên là không,” cô nói. “Chín giờ sáng. Thứ Hai sẽ rất phù hợp. Chúc ngủ ngon, thưa ngài.” Không chờ câu trả lời, cô đóng chặt cửa lại.

Chương 12

Chikai

Hawaii, 1874

Samuel mơ về phụ nữ. Cậu mơ thấy họ gần như hằng đêm, một điều quá đáng hổ thẹn đối với cậu nên cậu chưa từng thổ lộ với bất cứ ai.

Cậu cố gắng ngừng mơ nhưng không thể. Vào ban ngày cậu có thể bắt trí óc mình học hỏi, hoặc khổ luyện theo những bài tập đòi hỏi cao của Dojun: buộc bản thân đi đến giới hạn của sức lực và sự cân bằng cho đến khi cậu đủ giỏi để phóng xuống từ những gờ đá cao của Mũi Kim Cương và đáp bằng chân giữa bụi cây và sườn dốc dưới đó gần 5 mét. Nhưng đến đêm cậu có thể ngủ nhờ nhắm các tiết trong thánh Kinh, hay luyện phương pháp hô hấp Dojun dạy, hay đọc *Tám mươi vòng quanh Thế giới*, nhưng cậu vẫn mơ về những thứ mà khi nghĩ đến lại

khiến cậu đỏ mặt, khiến cậu nóng bừng và khổ sở và kinh hãi vì thứ xấu xa bên trong cậu.

Ở trường cậu không có bạn. Cậu chẳng muốn có bạn; cậu thích về nhà để trông nom Kai, chơi đùa với cô bé cho đến khi xong bữa tối, khi Dojun đến gặp cậu ở khu vực bí mật của họ và bắt đầu những bài tập gian khổ, bài tập kéo giãn, những cú ngã bầm mình và lăn người và phóng của cậu dần dần trở nên thành thạo hơn; trở nên nhanh hơn và nhẹ hơn và dễ hơn; trở thành một thứ tự nhiên như trả lời một câu hỏi mà ta đã biết rõ đáp án.

Sau một năm, khi Samuel có thể ngã khỏi cây me trong vườn đến hai mươi lần mà vẫn đứng dậy sẵn sàng leo tiếp, Dojun nghỉ làm quản gia cho phu nhân Tess và ngài Gryphon. Ông đến sống tại một căn nhà nhỏ trên một chái núi của Đỉnh Tantalus, nơi những cây dương xỉ to như cây gỗ và sâu bướm bự bằng bàn tay Samuel. Từ sân *lanai* nhà Dojun, Samuel có thể thấy toàn bộ cảnh vật từ Mũi Kim Cương đến Cảng Trân Châu. Dải rừng kukui-nut màu xanh xám phủ lên thành phố bên dưới; Tantalus như một thiên đường trần thế nơi tấm màn sương bay là là đến rồi đi và những dải cầu vồng ba khúc hình thành phía trên bờ cát kéo dài đến đường chân trời trên biển.

Dojun trở thành một thợ mộc. Ông đeo đồ nội thất từ gỗ koa, vuốt hai bàn tay lên lớp gỗ nhẵn bóng, mướt sáng và tối, đường chạm khắc vô tận từ màu vàng đồng đến màu nâu sô-cô-la, từ những thớ gỗ thẳng đến loại mang hình thù—thứ tốt nhất là loại gỗ màu nâu đỏ uốn cong: cây gỗ koa “lượn” được đánh giá cao—và sau khi từ trường về nhà Samuel vác những bó củi nhiều không kể xiết lên núi để Dojun tạo tác.

Dojun dạy cậu cách sử dụng đôi bàn tay thật tinh tế, đeo đường lượn cong của những chân bàn như cách Samuel học *shuji*, vẽ những nhân vật trong truyện nhật và tàu một cách cầu kỳ, cách sử dụng tâm hồn và cơ thể cậu—cách đeo một cái mộng đẹp đơn giản vừa khít với cái giá bằng gỗ koa mà đối với Samuel thì trông như nghệ thuật thảo chữ. Dojun khịt mũi và nói rằng Samuel chẳng có thuật gì trong việc viết chữ—đó là *shodo*, một sự tinh thông mà những cố gắng vụng về của Samuel không bao giờ sánh được, đó là một thứ mà vì nó một người đàn ông có thể phải cống hiến trọn cuộc đời mình. Nhưng khi Dojun nhìn những tác phẩm bằng gỗ, ông phê bình và đưa ra những lời gợi ý ngắn gọn giúp tiến bộ hơn, nên Samuel nghĩ cậu đang làm rất khá, và cậu thấy yêu mùi gỗ xé và kim loại được tra dầu.

Samuel ghép những miếng gỗ rời thành khối, đeo thành hình chim muông và hoa lạ, đem về nhà tặng Kai. Lên năm tuổi—sắp sang sáu, như cô bé vẫn hay nằng nặc—cô thấy chúng thú vị trong vòng mười lăm phút, và rồi muốn cậu cho cô cưới con ngựa nhỏ và ngắm cô lặn trong hồ cá.

Khi cậu hoàn tất cái khung bằng gỗ koa, cậu cẩn thận gói nó bằng vải bao, đem xuống núi tặng cho phu nhân Tess. Bà đặt nó trong phòng ngủ của mình, ngay bên cạnh giường, cùng với hòn đá mà cậu đã đem về từ Mũi Kim Cương, những thứ giờ trông vừa ngớ ngẩn vừa thô kệch đối với con mắt người lớn của cậu.

Ở trường, cậu ở trong đội xanh. Cả hai đội đều muốn có cậu, vì cậu là một trong những cậu

bé to cao trong lớp, mạnh khỏe và nhanh nhẹn hơn thầy, và dai sức nhất. Trong một trận đấu, một cậu bé từ đội xanh vấp và ngã đè lên hai chân Samuel. Cậu dễ dàng lăn người và nhóm dậy giữa một nhóm của đội đỏ, bọn họ ngã đè lên cậu từ mọi phía. Cậu nằm úp mặt dưới nhóm nhỏ, thở hào hển trong khi từng người một đứng dậy.

Chuông reo, và mọi người bỏ chạy chỉ trừ cậu bé cuối cùng, cậu ta không nhấc mình khỏi lưng Samuel mà nằm luôn ở đó, thở vào tai cậu.

Samuel cứng đờ người.

Trong một khắc cậu cảm thấy như cả thế giới đã biến mất; tất cả chuyển thành màu đen; tất cả những gì cậu nghe là một âm thanh kinh khủng và rồi cậu thấy mình đang ngồi trên hai đầu gối trong đám cỏ cao, run lấy bầy, nhìn chằm chằm không chớp vào cậu bé kia và thở hồng hộc.

“Khốn kiếp—mày bị gì thế hả?” cậu bé áo đỏ rống, lập cập đứng dậy. “Mày đập tao ná thở đấy, thằng điên! Tao nên bắt mày ăn đờm cho biết lẽ độ.”

Samuel chỉ đờ ra nhìn cậu ta. Cậu sợ mình sẽ nôn mất, nên cậu chỉ nuốt xuống và không lên tiếng.

“Xin lỗi ngay!” Cậu bé kia ra lệnh, đứng phía trên đầu cậu.

Bàn tay Samuel run run khi cậu chống tay đứng dậy. Cậu cao hơn cậu bé áo đỏ, đồ con hơn, nhưng có một thứ gì đó gần giống như tiếng nức nở mắc kẹt trong cuống họng cậu. “Tôi xin lỗi,” cậu lầm bầm.

“Cái gì?” Cậu bé kia chống hai tay lên hông.

“Tôi xin lỗi!” Samuel gào.

Cậu bé kia cười toe. “Được đấy.” Cậu ta đưa tay ra cho cậu bắt. Samuel không cử động, và cậu bé kia khoác vai cậu, đi về phía trường. Samuel cam chịu vòng ôm nhể nhại mờ hời đó trong nửa bước, rồi đẩy ra, ngồi xuống và úp mặt vào hai cánh tay đan chéo.

Một giáo viên đang réo gọi họ. Samuel nghe thấy cậu bé kia do dự rồi chạy về phía trường.

Khi cậu ta trở lại, vị thầy giáo cũng đến theo, và hỏi Samuel cậu có cảm thấy khỏe không.

Cậu hít sâu, ngồi lên, và nói, “Có thưa thầy.”

Người thầy đặt tay lên trán Samuel. “Em có vẻ hơi lạnh. Hãy ngồi dưới bóng râm trong vài phút đi—Wilson, mang một gáo nước đến đây.”

Samuel lùi lại, không muốn ai chạm vào cậu. “Em không sao,” cậu nói. “Em muốn vào lớp.” Cậu quên mất phải nói “thưa thầy.” Cậu bước qua cả hai người và đi vào trường, ngồi vào bàn

mình. Mọi người đều nhìn cậu đầy tò mò, những cái áo sơ-mi trắng của họ như những con sâu bướm xám trong vẻ tối tăm như rừng dương xỉ của phòng học.

Khi cậu leo lên Tantalus chiều hôm đó, cậu vẫn còn run. Cậu không thể giữ tay vững vàng với thanh gỗ.

“Cậu bình?” Dojun gặng hỏi bằng tiếng bồi.

Samuel nhặt cái đục *nomi* mà cậu đã làm rơi. Cậu muốn kể cho Dojun nghe, nhưng cậu quá hổ thẹn. Cậu không muốn Dojun biết cuộc sống trước kia của cậu, và chẳng có lời nào để giải thích điều gì đã xảy đến với cậu ở sân trường.

“Không ạ, Dojun-san,” cậu nói. “Cháu ổn.”

Dojun đỡ lấy cây *nomi* từ tay cậu. “Cậu nói dối ta, Samua-chan,” ông nói. “Đâu phải chỉ cơ thể mới bình.”

Cái cách mà ông nói; từ *chan* mà ông nói cùng tên Samuel—như rất nhiều từ tiếng Nhật khác, một tiếng thôi nhưng chứa đựng muôn ngàn ý nghĩa—ta quý cậu; ta khỏe, khôn, lớn tuổi hơn cậu; ta sẽ chăm sóc cậu, Samua-chan.

“Cháu sợ,” Samuel nói, nhìn đăm đăm xuống bàn mộc. “Cháu không muốn quay lại trường.”

Dojun xoay cây *nomi* và ngồi xuống, bắt tay vào tạo ra một cái mộc gắn chân ghế. “Thế vì sao sợ?”

Samuel nắm chặt hai bàn tay không và hít vào một hơi thở sâu. “Cháu không thích mấy đứa con trai khác,” cậu nói, mạnh dạn hơn.

“Đánh cậu à?”

Cậu ước gì bọn họ đã đánh cậu. Cậu muốn giết tất cả bọn họ, nhất là cậu bé đội đỏ đã nằm lên người cậu và không chịu đứng lên, thở hơi vào tai cậu. Lần đầu tiên sau một khoảng thời gian rất, rất lâu, cậu nghĩ về con cá mập và bài ca, về làn nước tối tăm cuộn máu. Dojun không hề nhắc lại những bài ca, và Samuel đã từ bỏ việc chờ được nghe lại, và rồi cậu quên, nhưng giờ khi nghĩ lại, cậu biết Dojun đã dạy cậu bấy lâu nay, chỉ cho cậu cách hát những bài ca mà không dùng đến lời; bằng cơ thể, hai bàn tay và bằng đầu.

“Không ạ, Dojun-san,” cậu nói lí nhí. “Cháu không đánh nhau.”

“Lại đây.”

Samuel ngẩng đầu và đến đứng bên cạnh ghế đầu nơi Dojun ngồi. Dojun đặt cây *nomi* sang bên, cẩn thận gạt vài cuộn gỗ xoắn nhỏ vào hộp bảo. Ông đứng lên—và giáng lòng bàn tay vào mặt Samuel.

Samuel bay ra sau vì lực đánh. Cậu đập vào bàn mộc, chụp lấy nó bằng hai bàn tay rồi vịn người bỏ trốn khi Dojun lại di chuyển. Samuel lẩn ra sau bàn, ngơ ngác nhìn Dojun, cơ thể cậu ẩn sát vào góc giữa bức tường và cái tủ *tansu* đã hoàn thành được một nửa.

Qua màn nước mắt cậu không thể thấy Dojun trừ một cái bóng chập chờn giữa muôn vàn cái bóng khác. Mặt cậu bỏng rát. Nó không quá đau; còn có hàng trăm bài tập khác của Dojun còn đau hơn nhiều, nhưng cơ thể cậu vẫn run rẩy và cậu giật bắn người không kiềm được khi đáng người lu mờ trong tầm mắt cậu chuyển động.

Dojun. Dojun đã đánh cậu. Cảm giác bị bội bạc dường như quá lớn đến mức Samuel không thể suy nghĩ; chỉ có thể gắn mình vào bức tường như một con búp bê tịt nguyền, bám vào giá đỡ bằng gỗ.

Dojun bước một bước về phía cậu, và Samuel co rúm lần nữa. Cậu cảm giác như một thứ cốt yếu đã sụp đổ bên trong cậu, đổ sụm và tan thành nước và trôi đi, đem theo những gì là của cậu cùng với nó, để lại một cái xác rỗng đứng trong một xó tường, run lẩy bẩy.

Cậu thấy tất cả như thể cậu là người đứng ngoài nhìn vào, quan sát sự việc. Cậu thấy những giọt nước mắt bắt đầu trượt dọc xuống mặt mình, rơi lộp độp từ cằm xuống áo sơ-mi và tạo thành những mảng thâm màu.

Dojun đứng yên. Ông không đến gần hơn nữa. Cậu Samuel quan sát bên ngoài có cảm giác Dojun đang ngạc nhiên, mặc dù gương mặt ông chẳng thể hiện điều đó. Cái vỏ rỗng Samuel chỉ đứng đó mà khóc.

“Samua-san,” Dojun nói, và Samuel giật bắn người.

Dojun quan sát cậu thêm một lúc, rồi trở lại ngồi trên ghế đầu của ông. Ông chỉnh lại một tấm ván trong ê-tô, nhắc *azebiki-noko* lên, và bắt đầu cưa.

“Ta sẽ kể cho cậu nghe một câu chuyện,” ông nói tiếng Nhật. “Đây là câu chuyện mà tất cả các cậu bé người Nhật đều biết, nhưng có lẽ những cậu bé ngoại quốc như cậu thì không. Cậu nên nghe nó ngay bây giờ. Câu chuyện kể về một người học trò muốn học cách đánh kiếm, nên cậu ta đi tìm vị sư phụ tài ba nhất. Cậu đi theo lời người ta truyền miệng, và cất công đến những ngọn núi hoang vu, đến khi cậu tìm thấy một ngôi đền, và sâu hơn là túp lều xiêu vẹo của một ẩn sĩ. Ẩn sĩ này chính là một sư phụ, một đấu sĩ tài nghệ vô song.”

Dojun cưa xong và lấy tấm ván ra khỏi ê-tô, đặt nó ra ngoài và đo. Bàn tay ông vuốt lên lớp gỗ, vuốt ve nó, như một người đàn ông chạm vào cổ một con ngựa cưng.

Ông nói tiếp. “Tôi tới đây để học kiếm thuật!” Ông bắt chước thái độ long trọng của người học trò khi cậu ta tuyên bố ý định của mình với vị ẩn sĩ bằng một cái vung tay. “Phải mất bao lâu thì tôi mới thành thạo?” Vị ẩn sĩ tiếp tục lau sàn túp lều của ông ta. ‘Mười năm,’ vị ẩn sĩ nói. Người học trò trở nên ngần ngại. “Nhưng nếu tôi học hành chăm chỉ và rèn luyện gấp đôi thì thế nào?” “Hai mươi năm,’ vị sư phụ nói.”

Dojun trải một tấm vải lên lòng mình. Bằng cây *nomi*, ông bắt đầu bào thêm một cái mộng gắn chân ghế nữa. Ông không rời mắt khỏi hai bàn tay mình trong lúc nói.

“Người học trò quyết định không cãi lời, nhưng xin được nhận làm đồ đệ. Khi vị sư phụ cho cậu đệ tử mới luyện tập, cậu chỉ phải đốn gỗ, dọn dẹp và nấu ăn, nhiều việc đến mức nó tốn hết thời gian ban ngày và nửa buổi tối. Chẳng còn thời gian dành cho việc dạy đánh kiếm nữa. Người học trò chưa từng chạm vào một thanh kiếm nào, và sau một năm cậu ta trở nên sốt ruột. “Thưa sư phụ,’ cậu ta gặng hỏi, ‘khi nào chúng ta mới bắt đầu học kiếm thuật? Không lẽ con chẳng là gì ngoài một tên nô lệ cho người hay sao?’”

“Nhưng vị sư phụ chỉ bỏ ngoài tai lời cậu, và người học trò vẫn tiếp tục làm công việc của mình, mặc dù cậu ngày càng nản chí. Một chiều nọ cậu vừa giặt đồ vừa nghĩ đến chuyện rời xa người thầy già lẩn thẩn này, thì một cú đánh từ một cây gậy to khiến cậu lao đảo. Cậu nằm dưới đất mà choáng váng, nhìn lên vị sư phụ đang đứng phía trên cậu. “Thưa sư phụ,” cậu nói to. ‘Con chỉ đang giặt đồ! Con đang làm tốt. Sao người lại đánh con?’ Nhưng vị sư phụ chỉ bỏ đi. Người học trò không hiểu nổi mình đã làm gì mắc lỗi, nhưng cậu vẫn quyết tâm làm tốt hơn.”

“Ngày hôm sau cậu đang cần mẫn đốn củi thì người thầy lại tấn công, đánh cậu đo ván trên nền đất. ‘Có chuyện gì sao ạ?’ cậu học trò hét lên. ‘Sao người lại phạt con?’ Vị sư phụ chỉ im lặng nhìn cậu mà không tỏ vẻ tức giận. Người học trò lại nghĩ đến chuyện xuống núi. Ông già này mất trí rồi. Cậu học trò bắt đầu đề phòng thầy, và lần tiếp theo khi đòn tấn công tới, người học trò đã nhoài người tránh được. Mặc dù cậu ngã vào khe núi, nhưng cậu đã tránh được đòn.

“Về sau những cú đánh bắt đầu trở nên thường xuyên hơn, và cậu học trò tránh đòn càng giỏi, cuối cùng cậu dần hiểu chuyện gì đang diễn ra. Nhưng mọi chuyện không trở nên dễ dàng hơn. Cậu học trò càng tránh *bokken* của người thầy, ông lại càng tấn công thường xuyên và bất ngờ hơn. Ông theo cậu học trò khi cậu ngủ, và khi cậu tắm, và khi cậu sử dụng hố xí. Cậu học trò nghĩ mình sẽ phát điên, nhưng từ từ những giác quan của cậu trở nên nhanh nhạy đến mức người thầy gần như không thể đánh trúng cậu. Những cú đánh vẫn tiếp diễn, mười ngàn cú đánh, ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Cho đến một ngày, sau khi cậu học trò đã ở trong túp lều này được bốn năm, cậu đang khom lưng trên khóm lửa, gọt rau củ để bỏ vào nồi thì vị sư phụ tấn công từ sau lưng. Cậu học trò chỉ nắm lấy cái vung đỡ rồi tiếp tục gọt rau củ mà thậm chí không hề nhích khỏi chỗ đứng.”

Những vòng gỗ koa nhỏ từ cái bào của Dojun rơi lên miếng vải trắng vắt qua chân ông. Tiếng động quen thuộc của cây đục *nomi* gõ vào gỗ làm thành tiếng loẹt xoẹt nhỏ đều đặn trong căn phòng.

“Kể từ đó,” Dojun nói, “cậu học trò trở thành một vị sư phụ mà chưa từng một lần chạm vào kiếm.”

Samuel hiểu những gì Dojun đang nói với cậu. Cậu muốn là người học trò kiên trì, tận tụy, khiêm tốn đã trở thành một bậc thầy mà chưa hề chạm vào một thanh kiếm; cậu muốn điều đó như hơi thở, như trái tim cậu đang đập, như cuộc sống. Thế mà cậu co rúm trong góc, biết rằng

nếu Dojun đánh cậu lần nữa, cậu sẽ không học cách né tránh, mà sẽ đến nhấc cái lưới cửa bên ngót và tự sát.

Dojun nhìn lên gặp mắt Samuel. Samuel cảm thấy gương mặt cậu co rúm lại không kiểm soát được. Những giọt nước mắt cứ chảy ra, như thể thứ chất lỏng tuyệt vọng trong cậu không chịu để bị kiềm hãm mà rỉ ra qua những khe nứt.

“Làm ơn.” Cậu bật ra trong một tiếng thì thầm. “Dojun-san...”

Dojun sẽ đuổi cậu đi. Quá trình đào tạo của Dojun rất khắt khe, Samuel biết điều đó. Chẳng cố gắng nào có thể bù đắp cho một khuyết điểm nhất định, một giới hạn cá thể, một nỗi sợ đặc trưng trong công cuộc đó. Dojun đã ngỏ lời những gì ông sẽ dạy; hoặc là đồng ý, không thì cuốn gói.

Dojun đang quan sát cậu, hai bàn tay bất động đặt trong lòng, ánh mắt mãnh liệt và khó dò.

Ông bất chợt phá vỡ sự tĩnh lặng. “Ta hứa với cậu,” ông nói. “Không bao giờ đánh. Có thể những kẻ khác thì đánh. Nhưng ta thì không bao giờ.”

Trong một lúc Samuel không chắc mình hiểu. Cậu nuốt xuống sự ứ nghẹn trong cổ họng. “Sao ạ?” giọng cậu khản đặc.

Dojun phẩy bàn tay từ ngực mình về phía Samuel. “Ta. Cậu. Không đánh. Không bao giờ. Hứa đấy. Cậu hiểu chứ?” Ông không hề mỉm cười, không hề rời mắt khỏi Samuel. “Cậu tin Dojun cả người chứ? Đầu tin. Tay tin. Ngón chân tin.”

Samuel chỉ chăm chăm nhìn Dojun một cách cảnh giác. Cậu biết lúc nào mình nghe thấy một điều quá tốt đẹp để là sự thật.

Ông đứng lên và bước đến chỗ Samuel, đứng trước mặt cậu với hai chân dang ngang theo thế *shizen no kamae*, tư thế thả lỏng sẵn sàng sẽ cho phép ông dễ dàng di chuyển theo bất cứ hướng nào. Khi ông đột ngột nhấc bàn tay, Samuel rúm người.

Dojun ngừng đánh khi ở ngang tầm vai Samuel, cách nơi đó chỉ một tấc. “Không tin phải không?” Ông mỉm cười khô khan. “Được rồi. Ta cũng đã không tin cậu. Không ngốc phải không nào?”

Ông toan quay đi. Samuel bắt gặp một cử động nhỏ ở góc mắt. Trước khi cậu có thể bật lùi, bàn tay Dojun đã vung ra với một cái chớp sáng chết người. Samuel đứng dựa sát vào tường, tâm hồn cậu tan biến, đôi mắt nhắm chặt để nhận lấy cú tấn công.

Nó không tới đích. Cậu cảm thấy như có gió thổi lên má cậu, và khi cậu cuối cùng cũng chớp đôi mắt nhòe lệ, bàn tay Dojun vẫn còn ở đó, lòng bàn tay mở và trở lại bất động, chỉ cách mặt Samuel trong gang tấc.

Những ngón tay Dojun chạm vào da cậu, mềm như lông vũ. “Samua-chan. Cậu hãy tin

Dojun. Ta hứa. Ta không nói dối. Không bao giờ đánh cậu.”

Samuel cắn môi dưới. Đó là cách duy nhất cậu có thể làm nó ngừng run rẩy như một đứa trẻ. Cậu bặm môi thật mạnh để chống lại sự yếu đuối. “Nói cho cháu biết từ ‘hứa,’ ” Cậu khàn giọng nói.

“*Chikai.*”

“Hứa với cháu bằng tiếng Nhật,” Samuel nói.

Dojun lùi lại, chắp hai bàn tay vào nhau và nghiêm nghị cúi mình. “Ta long trọng thề với cậu, Samua-san,” ông nói bằng ngôn ngữ của mình, “ta sẽ không bao giờ cố ý đánh cậu vì bất cứ lý do gì.”

Chầm chậm, Samuel đẩy mình khỏi chỗ chui rúc trong góc và đứng thẳng. Cậu chắp hai bàn tay và cúi rạp mình như Dojun đã làm, chỉ khác là cậu cúi sâu hơn gấp đôi, để biểu thị cậu hổ thẹn vì bản thân, và xin thứ lỗi, và sẽ cố gắng làm tốt hơn, và tin vào lời hứa của Dojun với tất cả con người cậu.

Không hẳn tất cả, bởi vì khi đầu gối Dojun hất lên vào mặt Samuel giữa lúc cậu cúi mình, đôi mắt cậu tự động nhắm nghiền lại và cơ thể bắt đầu giật lùi tự vệ. Nhưng cậu ngừng ngay lại, cũng như Dojun ngừng nâng chân ông ngay trước khi va chạm. Samuel thẳng người lên và chờ, cố gắng làm như những giọt nước mắt vì nhẹ nhõm và được giải thoát đang chảy xuống mặt cậu không tồn tại.

Dojun cũng không màng đến chúng. Ông ngồi lại và tiếp tục làm chân ghế. “Không thích những cậu bé ở trường, *so*,” ông nói, cứ như toàn bộ cơn khủng hoảng vừa rồi chưa hề xảy ra.

Samuel nhắc một mẩu giấy nhám và nghịch nó, thử độ nhám trên ngón tay mình. “Chuyện không quá tệ đến thế, cháu đoán vậy,” cậu nói—và chuyện đó không hẳn là quá kinh khủng nếu đem so với việc cậu đã gần kề với sự hủy diệt.

“Thời học sinh, đánh nhau là thường. Hãy chống lại cái xấu, Samua-san. Dojun không thích đánh nhau. Đúng vậy, nhưng con trai không đánh thì chỉ có hai lý do. Một là sợ. Hai là quá giỏi đến mức không bao giờ thua. Cậu sợ phải không?”

“Cháu không sợ.”

“Cậu bảo sợ, không muốn trở lại trường kia mà.”

Samuel làm mình bận rộn bằng cách chà giấy nhám lên mặt phẳng bên hông tủ *tansu*. Má cậu vẫn còn nhức vì cái tát của Dojun.

“Cậu không sợ. Vậy cậu đánh giỏi à?”

Tờ giấy nhám nhíp nhàng kêu xoèn xoẹt nhanh hơn. Samuel lom khom làm việc. “Cháu

chưa từng đánh nhau.”

“Này, ta sẽ dạy cậu cách đánh nhau, được chứ? Dojun đánh giỏi cực. Bài ca của hổ, Samua-san. Cậu nhớ bài ca của hổ chứ?”

“Cháu nhớ.”

Cú đánh bất chợt loang loáng xông tới; Samuel thấy nó khi nắm đấm của Dojun tiến thẳng lên từ dưới cằm cậu. Cậu giật người, cứng đờ với bàn tay Dojun chạm vào cằm cậu. Cậu thậm chí còn không nghe thấy ông tiến đến từ sau lưng.

Dojun từ từ bước đến chỗ khác. “Lần này. Hãy nghe cho kĩ.” Ông nâng một bàn tay, và Samuel thấy nó nắm lại thành một nắm, chỉ có ngón út chìa ra. Dojun mở bàn tay và phe phẩy, như thể phui một con ruồi.

“Chỉ có một việc xấu, Samua-san. Đó là khi cậu đánh, sẽ có một người bị trúng đòn. Ta không đánh vì đã *chikai*, ta có danh dự, sẽ không đánh cậu. Dojun sẽ dạy cậu cả ngày để đánh cho giỏi, luyện, luyện, luyện. Samua-san học để trở thành người đánh giỏi nhất, *so*. Rồi cậu ra ngoài, một lần trúng đòn—*kotsun!*” Ông vỗ hai bàn tay vào nhau thành một tiếng động lạnh lạnh. “Cậu đau, cậu ngừng đánh, cậu sẽ thành con vẹt chết.”

Samuel không có câu trả lời. Cậu cúi đầu và lại chà tử *tansu*, và nghĩ đến hít thật sâu để lấy hơi vào cơ thể cậu, để trấn tĩnh.

“Được,” Dojun nói. “Được. Một lúc nào đó ta với cậu xuống phố tàu, tìm ai đó đánh cậu.”

Chương 13

Cô hầu mang trà và trái cây lên vào buổi sáng báo với Leda rằng phu nhân muốn Cô Etoile biết cả nhà sẽ tham dự buổi lễ phụ, và nếu cô thấy thuận tiện thì hãy đến tham gia với họ, xe ngựa sẽ sẵn sàng vào lúc chín rưỡi, nhưng nếu sáng nay cô muốn nghỉ ngơi thì cô cứ tự nhiên.

Cô hầu cùng khay trà nóng và lời nhắn đơn giản mà ân cần góp phần vào cảm giác như đi trên mây mà Leda có khi cô thức dậy dưới một tấm màn trướng màu vàng và xanh dương trong ánh sáng tươi mới cùng những bông hoa mượt mà. Nếu cô có nghĩ đến chuyện đi lễ, cô cũng tưởng mình sẽ đi một cách âm thầm, một mình ra khỏi nhà—hoặc có thể, chỉ một lần này thôi, bỏ đi lễ để nằm trên giường và hưởng thụ sự xa hoa tuyệt vời xung quanh. Nhưng không thể nào từ chối lời mời của Phu Nhân Ashland được: cô vội trấn an cô hầu rằng cô sẽ rất vinh hạnh được cùng cả nhà đi lễ.

Leda chưa từng ăn dưa, chuối và cam trong bữa sáng bao giờ. Cô Myrtle đôi lúc bóc một

trái cam để tráng miệng sau bữa tối, nhưng bà chưa từng để tâm đến bất cứ món ăn nào không dễ dàng bị khuất phục bởi dao và nĩa. Trái dứa từ trước đến nay không thuộc phạm vi trải nghiệm của Leda. Sau khi cô hầu chỉ cô cách loại bỏ mắt dứa và những phần đã được tách sẵn bên trong lớp vỏ cứng đầy gai, Leda không dám chắc trái dứa xứng đáng với công sức phải bỏ ra. Nó có một vị thơm chua gắt kém hấp dẫn. Dù vậy bánh mì nướng thì ngon lành, vẫn còn nóng và được phết đầy bơ, và trà có vị thật tuyệt vời khi cô ngồi nhăm nháp bên khung cửa sổ mở như trong phòng ngủ của cô tại nhà Cô Myrtle trước kia.

Bộ váy lụa của cô xuất hiện, đã được giặt là. Leda đã quen tự mình mặc váy và đảm bảo mình nhanh chóng đến gặp cả nhà ở đại sảnh. Họ vẫn thân thiện và bao dung như tối qua, và đến lúc xe ngựa đến Hanover Square, tiểu thư Catherine đã xoay sở thuật lại đầy đủ bữa ăn tối hôm trước. Cô đặc biệt muốn Leda nhắc xem liệu cô có làm đúng khi từ chối bình rượu mà vị chủ nhà đã chuyển cho cô vào lúc ăn tráng miệng, bởi vì ông đã trông khá bối rối khi cô từ chối.

Sau một hồi hỏi han cặn kẽ, Leda phỏng đoán vị chủ nhà định chuyển bình rượu sang cho quý ông ngồi sau tiểu thư Catherine, vì một tiểu thư không được yêu cầu ly rượu thứ hai lúc ăn tráng miệng, và dù cho nếu cô có yêu cầu, cô cũng không bao giờ được tự tay lấy, mà một quý ông ngồi cạnh sẽ rót thay.

“Nên cô đã làm đúng khi từ chối,” cô trấn an tiểu thư Catherine, “nhưng có thể ông ấy băn khoăn bình rượu đã không được chuyển quanh bàn. Lần sau cô có thể từ chối, và ngụ ý cho quý ông bên cạnh rằng anh ta nên tự rót rượu nếu muốn, và rồi mọi chuyện sẽ tiếp diễn như các quý ông mong đợi. Nhưng tôi dám nói họ cũng sẽ không cảm thấy tệ hơn vì không được uống ly rượu thứ hai cùng món tráng miệng trong một buổi tối.”

Ngài Ashland và con trai kịch liệt phản đối nghi thức giao tế đó cùng những lời chế nhạo vui vẻ. “Chúng ta cần tất cả thuốc tê cho não mới nuốt nổi những trò này,” Ngài Ashland nói.

“Sao chứ, ngài nói thế là ý gì, thưa ngài?” vợ ông hóm hỉnh hỏi, ngồi thẳng lên và cầm quạt phẩy. “Em chắc họ là tầng lớp thượng lưu quý phái nhất đấy, trò chuyện với họ giúp mở mang đầu óc, và khi người ta thấy mình ngủ gục càng nhanh thì sẽ thấy người bên cạnh mình càng khó tính.”

“Chà, con thì thích,” tiểu thư Catherine hào hứng nói. “Đúng là có một vài người hơi buồn tẻ, nhưng họ đã cố gắng tiếp đón chúng ta rất nồng nhiệt, họ còn trở nên phiền muộn khi có việc gì đó không ổn, nên con không thể không cảm thấy có chút thương cảm đối với họ.”

“Khi em phá hỏng buổi tiệc của họ vì không chuyển rượu đi đấy, vệt dần!” Anh cô đưa tay sang và vỗ lên đầu gối cô. “Cứ chờ đến lúc mẹ đem theo một trong những con báo cảnh của bà đến một dạ hội vì con vật tội nghiệp quá yếu không thể để lại nhà một mình mà xem. Họ sẽ chẳng còn nhớ đến rượu đâu.”

“Mẹ chưa từng đem Vicky đến một dạ hội bao giờ, Robert. Đó là một bữa tiệc trưa từ thiện. Và mẹ không thể hủy hẹn vì mẹ phải phát biểu.” Phu nhân Ashland nhìn Leda với một cái hạ cằm ngại ngùng, trông bà cứ như một cô gái non nớt bị bắt quả tang có một giọt mứt dính trên

mũi. “Không có ai phiền lòng cả, ta bảo đảm với cô. Nó không lúc nào rời khỏi dây buộc.”

Leda thấy mình gật đầu dù vô cùng ngạc nhiên; cô không thể làm khác đi được, cho dù cô có bắt gặp cái nháy mắt trêu chọc của ngài Ashland hay không.

“Tham gia buổi tiệc trưa là Victoria đệ ngũ,” ông nghiêm trang nói với Leda. “Nó hiện đã trở về thiết triều trên ngai vàng miền quê. Chúng tôi chăm sóc từ xa một giống báo rất lâu đời ở Sussex.”

“Những con quỷ ranh ma đó đã chiếm hết Westpark!” Ngài Robert than thở. “Cũng là một chuyện tốt, khi một gã cuối cùng được lần đầu tiên nhìn thấy cánh đồng trên đó tổ tiên của mình đã sinh sống, và không thể bước quanh vườn mà không bị một con báo nhảy khỏi bụi cây và dọa cho sợ chết khiếp.”

“Và chúng tôi thậm chí sẽ không nhắc đến con trăn Nam Mỹ,” Tiểu thư Catherine nói thêm.

“Để ngăn phường bắt hảo,” cha cô ôn tồn nói.

Mẹ họ đằng hắng, phanh quạt, và duy trì một sự im lặng danh giá cho đến khi họ đến nhà thờ.

Trong ánh sáng chiều muộn, phòng khách ở Nhà Morrow có vẻ rất thoáng đãng, mặc cho lò sưởi kích sù bằng đá hoa cương được chạm trổ và trần nhà trắng lợt. Trên nền những bức tường màu lụa vàng đã phai, đồ nội thất là một sự kết hợp kỳ lạ nhưng thích mắt của những ghế ngồi sơn son thiếp vàng, những ghế bốn chân bằng gỗ tre theo phong cách Nhật, một ghế xô-pha phòng bọc trong vải hoa sắc sỡ, và một vài chiếc bàn bằng gỗ sáng với thiết kế lạ vừa đơn giản vừa đáng yêu.

Khi Leda nhìn quanh, cô cuối cùng cũng nhận ra hiệu ứng của vẻ đẹp thanh thoát đến từ việc thay vì vô vàn những khung hình và tượng và tập ảnh và áo ghế khiến hầu hết những phòng khách cô biết trở thành những cái tổ ấm cúng và hỗn độn, những cái bàn và bệ lò sưởi ở Nhà Morrow để mộc không trang trí trừ hoa lan tươi. Bên ngoài nhà kính hướng phòng khách về phía Park Lane, những đóa hoa phương xa tạo thành những điểm màu hồng và tím sậm giữa những cây cọ kentia và tỏi rừng trồng trong chậu.

Phu nhân Ashland sẽ không cho phép thắp đèn hơi ga trong nhà kính vì sẽ làm chết hoa. Cả nhà đều rất kỹ tính đối với những yêu cầu của họ, như bà quản gia đã khuyên Leda bằng thái độ của một bề tôi giỏi: trò chuyện với phong thái cao quý đáng kính rằng họ cũng kỳ lạ như người Hoa. Nhằm mục đích giữ an toàn cho hoa lan và tránh phải trở lại thời đốt đuốc hay mỡ động vật, chính Ông Gerard là nguyên nhân căn nhà được thắp điện vào chuyển đi Luân Đôn sớm năm ngoái, cùng với những công tác chuẩn bị khác nhân dịp lần đầu cả gia đình trở lại Anh sau hai thập kỷ—kể cả việc xây một khu vực nấu ăn khép kín, tủ lạnh và máy làm kem trong bếp, nhà kính được xây thêm cùng với toàn bộ mặt tiền hướng ra Park Lane, trồng đầy những giống cây hiếm của miền nhiệt đới, và thuê người làm trong nhà kính để chăm sóc chúng cho đến khi cả nhà tới nơi.

Những vị chủ nhà của cô thật sự kỳ quặc một cách đáng yêu, Leda nghĩ. Tiểu thư Catherine, sau khi cùng mẹ về nhà sau một buổi tiệc trà trong vườn ngày Chủ nhật, đã đích thân gõ cửa phòng Leda, đưa cho cô một mẫu bánh nhân hạt mà cô đã mang về nhà trong một “khăn chùi tay” lụa, như cô gọi nó, và năn nỉ Leda xuống dùng bữa tối nguội cùng mọi người trong phòng khách. Cô gái giờ đang bận bịu vỗ cho gối xung quanh Ông Gerard phòng lên ngay chỗ anh ta ngồi đối diện cửa sổ. Leda không dám chắc chân anh ta đau đến mức nào khi bị vỗ và chỉnh sửa nhiệt tình như thế, nhưng anh ta chịu đựng với sự trầm tĩnh rất anh dũng. Hẳn là cái nẹp mới đã giúp bảo vệ anh ta, nhưng Leda thấy trong nụ cười của anh ta có sự gắng gượng.

Phu nhân Ashland hẳn cũng đã thấy điều đó, vì bà ngẩng đầu khỏi cuốn sổ bà đang viết và nói, “Thôi được rồi đấy, Kai, con thiếu điều giết cậu ấy thôi đấy.”

Con gái bà thẳng người lên, trông biến sắc. “Ôi không! Em có làm anh đau không, Mano? Anh nên nói cho em biết chứ!”

“Không đau,” anh nói.

Lead tự hỏi liệu anh ta có bao giờ thú nhận mình có bất kỳ cảm giác khó ở nào không.

Tiểu thư Catherine lại chỉ thở dài nhẹ nhõm. “Tốt. Em sẽ chỉ lấy cái gối này—”

“Kai!” mẹ cô nói giọng cảnh cáo.

Leda thấy Ông Gerard và Tiểu thư Catherine trao đổi ánh nhìn, một sự giao tiếp ngắn ngủi giữa hai người rất hiểu nhau. “Em có thể mang cho anh một cuốn sách,” anh ta nói.

“Chẳng có cuốn sách nào đáng đọc trong căn nhà này cả,” Tiểu thư Catherine tuyên bố, hạ người vào một cái ghế bên cạnh Leda. “Chúng ta kể chuyện cho nhau nghe đi nhé.”

“Con nhỏ bịp bợm, chuyện này chuyện nọ suốt ngày,” anh cô nói, thong thả vào phòng và vuốt tóc cô khi anh ta bước ngang. “Bumbye mất lười còn đâu.”

“Khép tai lại, nếu không thích,” cô mau lẹ ứng khẩu.

“Anh nên làm miệng em chết yếu, blala.”

“Nói tiếng bồi trong khi Cô Etoile không hiểu là không lịch sự đâu nhé,” Tiểu thư Catherine ngay thẳng nói, và quay sang Leda. “Cô có biết một lần Samuel đã cứu mạng tôi không, Cô Etoile?”

“Không, tôi không biết,” Leda lịch sự nói.

“Khỏi một con cá mập,” Tiểu thư Catherine nói, hạ giọng đầy kịch tính. “Một con cá mập trắng to vô cùng, dài từ đây tới...cái bàn kia cơ đấy.”

“Ba xạo,” anh trai cô nói, từ cái ghế anh ta ngồi với tờ báo.

“Đó là lí do chúng tôi gọi anh ấy là Mano,” cô nói tiếp mà không ngừng, “ ‘Mano’ là ‘cá mập,’ và ‘kane’ là từ chỉ ‘người.’ ” Cô đã phát âm thành ‘kay-nay.’

“Mano Kane. Người-cá mập. Bà công chúa đã đích thân đặt cho anh ấy cái tên đó. Đó là một vinh dự rất lớn—vì anh ấy chỉ độ mười hay mười một tuổi gì đó, và anh ấy nâng tôi lên khỏi mặt nước trên vai anh ấy trong khi con cá mập bơi ngang, như thế này này—” Cô nghiêng người tới trước và làm một động tác lượn tay vừa duyên dáng vừa hung hăng, sượt qua cánh tay Leda một tấc, và rồi quay lại với một tiếng ngoắc tay đột ngột khiến Leda giật mình. “Gần đến cỡ đó đấy. Nó đã có thể nuốt chửng tôi và anh ấy rồi. Chóp-chép.”

“Được thế thì hay,” giọng Ngài Robert cất lên từ sau tờ báo.

“Thật đấy, Robert!” Tiểu thư Catherine phịch ra lưng ghế.

“Chà, anh chỉ nghe em kể chuyện đó khoảng một trăm ngàn lần. Em cứ nghĩ mình đã chiến đấu với con cá trời đánh đó bằng tay không còn gì.”

“Đó là một câu chuyện hay!”

Anh ta giữ một góc tờ báo xuống và nhìn họ trên mép giấy. “Sao em không để Samuel kể chuyện một lần xem sao? Có thể sẽ có một góc nhìn hoàn toàn khác về câu chuyện đó đấy.”

“Ồ, phải rồi!” Tiểu thư Catherine nhồm dậy và cúi người qua tay vịn ghế về phía Ông Gerard. “Anh kể đi, Mano! Anh có sợ không? Lúc đó tôi còn quá nhỏ nên không biết chuyện gì đang diễn ra, Cô Etoile à, nên tôi không thật sự sợ. Nhưng tôi vẫn còn nhớ con cá mập đó. Nó khổng lồ, phải không anh?”

Ông Gerard có vẻ hứng thú với nắm tay mình đang đặt trên tay vịn hơn là kích thích của con cá mập. “Anh không nhớ nữa,” anh ta ôn tồn nói.

Leda có thể thấy lí do vì sao Tiểu thư Catherine thường là người nhận vinh dự thuật chuyện.

“Chà, nó khổng lồ. Phải không mẹ?”

Phu nhân Ashland hít sâu. “Khủng khiếp,” bà nói ngắn gọn. “Và khổng lồ.”

“Họ vẫn không bắt được nó,” Ông Gerard nói.

Đó có vẻ là một câu bình phẩm vô tình, nhưng một âm vực trong giọng anh ta khiến Leda nhìn sang. Anh ta vẫn đang nhìn xuống tay mình—cho đến khi anh ta ném một ánh nhìn màu xám lạnh về phía cô. Cô suýt nữa đã nói, “Thật đáng tiếc,” nhưng cô giữ im lặng khi cô bắt gặp ánh mắt của anh ta. Anh ta không lấy làm tiếc khi con cá mập không hề bị bắt. Anh ta hài lòng.

Làm sao mà cô biết được điều đó, cô không thể nắm bắt được. Nhưng cô biết.

Anh ta dường như sắp nói tiếp, và lần đầu tiên Leda cho phép mình nhìn thẳng anh ta lâu hơn vài khắc. Mặc dù anh ta kiệm lời, nhưng anh ta dường như hút chặt sự chú ý của cô đến mức cô phải nỗ lực lắm mới có thể tiếp tục cuộc trò chuyện lịch sự. Cô thật ra đã phải đấu tranh chống lại cảm dỗ ngồi đó và ngây người nhìn anh ta như một cô gái tỉnh lẻ thiếu lễ độ, vì đến tay nghề sắc sảo của Michelangelo cũng không thể tạo ra một tác phẩm ngợi ca hình thể con người đẹp hơn Ông Gerard bằng xương bằng thịt.

Anh ta thật sự vô cùng tuần tú, một vẻ đẹp mà Leda chưa từng biết đàn ông có thể đạt đến, ngoài những bức tranh nghệ thuật đã được lý tưởng hóa. Ta thỉnh thoảng cũng thấy những quý ông có thể được gọi là ‘phong độ,’ hay có thể ‘điển trai’; người ta không thường thấy thần Apollo và Mars và Mercury hóa thân vào hình dáng con người và trông như một thiên thần sa ngã với tóc như nắng mặt trời và mắt màu sương muối...không, trong bất cứ dịp nào, mặc áo khoác màu xám khói mà ngồi với một chân gác lên gối, theo phong thái của một người đàn ông gia đình.

Một nét cau mày hằn lên vẻ mặt anh ta trong khi cô giữ ánh nhìn. Bất chợt, như thể cô làm anh ta khó chịu, ánh mắt anh ta trở lại với Tiểu thư Catherine. Leda đã có vẻ hoàn toàn lịch sự khi trao anh ta toàn bộ sự chú ý, vì anh ta có vẻ sắp sửa nói thêm, nhưng cái cách anh ta cương quyết nhìn đi nơi khác khiến cô phát ngượng.

Ắt hẳn cô đã nhìn chăm chăm. Dám chắc những kẻ khiếm nhã đều nhìn anh ta chăm chăm. Anh ta hẳn phải mệt mỏi vì chuyện đó, và vui mừng vì được sống giữa những người đã biết anh ta đủ lâu để quen với diện mạo của anh ta. Gia đình Ashland không hề chú tâm đến vẻ đẹp hoàn hảo của anh ta chút nào. Kể cả Tiểu thư Catherine, mặc cho những quan tâm lo lắng của cô khi bật dậy đến lấy khay bữa tối của anh ta từ tay cô hầu và đích thân đặt nó trên bàn cạnh anh ta, chỉ ban cho anh ta một ánh nhìn triu mến và cái vồ lên tay khi cô đã sắp xếp xong—cứ như anh ta là một ông chú bị mắc bệnh gút.

Leda không quá quen thuộc với cách hành xử của những người yêu nhau, nhưng cách tương tác giữa cặp đôi này đối với cô có vẻ khác thường. Ánh mắt chăm chú của anh ta dõi theo Tiểu thư Catherine trong khi cô cứ huyên thuyên về cá mập, và tiệc trà, và hỏi Leda cặn kẽ về những nơi chốn đẹp nhất để tham quan ở Luân Đôn. Rõ ràng anh ta sùng bái cô gái. Leda không thể tưởng tượng nổi một người đàn ông nào yêu thật hiển nhiên như thế—hay một cô gái ít có ý niệm về tình cảm của anh ta đến vậy. Cô dành cho anh ta sự chăm chút, và một sự lo lắng hoàn toàn; cô chạy trước vào phòng ăn để lo anh ta có đủ các món từ tủ buýp-phê lạnh, mà không hề nhận thấy anh ta không thể với tới và ăn từ cái khay trên bàn mà không phải hướng chân vào một tư thế rõ ràng là gây đau.

Ngài Robert đang đứng bên cửa—chờ Leda đi vào phòng ăn trước, cô nhận ra. Tiểu thư Catherine đã sốt ruột kéo mẹ cô đi trước; giọng cô gái vọng lại trong hành lang, chào hỏi cha cô, ông vừa về từ cuộc hẹn chiều. Ngài Robert thốt lên một tiếng mừng rỡ và bước ra phòng khách cùng họ.

Leda ngừng lại bên cửa và nhìn lại Ông Gerard. Cô hít vào, bước lại bàn, và đặt cái khay vào lòng anh ta, quay đi mà không dám nhìn mặt anh ta. Cô không muốn ồn ào về chuyện đó, nhưng thật đấy, nếu quý ông này quá si tình mà giấu không cho người thương của anh ta biết về sự thoải mái thông thường của anh ta thì phải có người làm gì đó cho anh ta mới được.

Khi cô tiến về phía cửa, anh ta thì thầm cảm ơn, nhưng cô bước vội ra hành lang đá hoa và giả vờ không nghe thấy.

Cô hầu hôm qua lại đem tới một lời nhắn khác cùng trà vào buổi sáng hôm sau. Từ Ông Gerard. Anh ta muốn cô đến làm việc cho anh ta lúc chín giờ trong nhà kính, thay vì trong thư viện.

Leda biết cả nhà sẽ rời nhà trước chín giờ để tham gia cùng đoàn Hawaii ở Khách Sạn Alexandria, nơi Nữ hoàng Kapiolani và công chúa chờ được triệu kiến kín với Nữ hoàng Anh sau khi bà đến Luân Đôn. Leda không chắc Ông Gerard liệu có trở thành thành phần của đoàn nếu anh ta đủ khỏe—cô còn chưa xác định được cụ thể anh ta có quan hệ thế nào với gia đình này. Anh ta rõ ràng có nước da giống Ngài Ashland nhưng chẳng có điểm tương đồng nào khác. Ngài Ashland là một người đàn ông vô cùng tuấn tú, với một nét mặt nhìn nghiêng quý phái và một nụ cười thách thức ưa nhìn, nhưng thậm chí lúc còn trẻ ông cũng không thể sánh được với Ông Gerard. Leda đoán có thể chủ của cô có quan hệ họ hàng thế nào đó.

Bất kể anh ta có liên hệ thế nào thì hiển nhiên anh ta sẽ không tham dự các buổi lễ hội trong tình trạng hiện thời. Và rõ ràng không một nhân vật có vị thế nào sẽ bị bỏ lại ở nhà. Leda sẽ ở một mình với anh ta và gia nhân.

Trong tình huống này, cô muốn đi gặp Ông Gerard tại nhà kính với những cánh cửa thông với các phòng dọc suốt căn nhà hơn thư viện khuất. Nhưng nếu cô được hỏi ý kiến thì cô không muốn có cuộc gặp riêng nào với một người độc thân trong hoàn cảnh hiện tại. Hơn nữa, để xem những hoạt động mừng lễ, cô hoàn toàn tình nguyện đội mũ và đeo găng tay và tham gia với đám đông ở Park Lane đang chờ xem Nữ hoàng. Cô biết mình không được hỏi ý; nhưng dù sao đi nữa cô vẫn hoàn toàn có ý định đưa ý kiến.

Cô ngồi xuống và viết một tin nhắn ngắn cho Ông Gerard, liệt ra những lí do vì sao cuộc thảo luận của họ nên được dời lại một thời điểm khác thích hợp hơn. Sau khi đưa cô hầu tin nhắn, cô nhận được lời đáp ngay lập tức.

Cô tưởng ai sẽ quan sát chúng ta? Lời nhắn hỏi một cách ngắn gọn.

Nó thậm chí còn không được ký tên hay đóng mộc.

Leda lại nhẹ nhàng ngồi xuống sau bàn làm việc kiểu Pháp và rút một mẫu giấy nhắn từ ngăn kéo.

Gia nhân, cô viết. Cô gấp tờ giấy thành hình phong bì, niêm phong vô cùng cẩn thận, và nhờ

cô hầu gửi đến Ông Gerard.

Lời đáp đến rất nhanh. *Tôi cứ tưởng cô là một phụ nữ hiện đại, Cô Etoile.*

Leda cảm thấy cơn giận bắt đầu bốc lên. Chữ viết của cô lãnh hậu quả một chút từ nét nhấn ở cuối mỗi từ. *Tôi không muốn làm bề mặt những vị chủ nhà tử tế của mình với lối cư xử vô ý tứ.*

Câu trả lời đến hơi lâu. Lần này nó được niêm phong trong phong bì như tin nhắn của cô.

Tôi có phải hiểu ý cô là tôi phải thuê một người cùng giới mới có thể hợp bàn công việc thông thường với thư ký của tôi? Xin cô hãy vô cùng cân nhắc câu trả lời.

Tôi hy vọng sẽ gặp cô vào chín giờ, Cô Etoile.

Leda đọc lời nhắn trong vẻ cụp mắt một cách ngây thơ của cô hầu, đang đứng chờ với hai bàn tay chắp lại. Cảm thấy khá bối rối, Leda nhìn sang đồng hồ nhỏ bằng sứ trên bàn. Còn năm phút nữa đến giờ hẹn.

“Ông Gerard hiện đang ở đâu?” cô hỏi cô hầu.

“Trong nhà kính, thưa cô. Ông ấy dùng bữa sáng ở đó. Đó là nơi tốt nhất để quan sát. Tất cả gia nhân, chúng tôi đã được cho phép tập trung ở đó từ chín giờ cho đến khi Nữ hoàng đi qua, để chúng tôi có thể nhìn toàn cảnh con phố. Đám đông đang tụ tập lại rất náo nhiệt. Cô có thể nghe thấy tiếng nếu cô mở cửa sổ.”

Leda loay hoay với ngăn kéo bàn để giấu màu đỏ nóng bừng mà cô cảm thấy lan dần trên mặt. “Không có thư phúc đáp nào cả,” cô nói vội. “Cô cứ đi đi, để có thể thấy mọi thứ.”

Cô hầu nhún gối. “Cám ơn cô.” Cô gái quay lưng và đóng cửa.

Leda ắp hai bàn tay lên môi. Anh ta không định gặp riêng, tất nhiên. Cô khiến mình trông ngu ngốc làm sao, và đã gần như thí cả công việc của mình vì điều đó. Cô không có sự giải thích nào khác đối với câu cuối cùng trong tin nhắn của anh ta ngoài một lời nhắc nhở đánh thép về tình trạng của cô. Cô phải hành xử trong mọi khả năng như một quý ông sẽ làm trong cương vị là thư ký—như anh ta có quyền đòi hỏi ở cô, nếu cô muốn làm việc.

Thật khó mà lấy lại bình tĩnh và xuống lầu.

Cô chỉ có một lúc; trong hoàn cảnh này, cô không muốn trễ một khắc nào. Cô chắc chắn gương mặt mình vẫn còn đỏ dừ khi cô bước qua khung cửa hai cánh kiểu Pháp dẫn đến nhà kính. Cám dỗ đến nấp sau hai cô hầu đang khúc khích với nhau và thập thò cách xa Ông Gerard là vô cùng mạnh mẽ. Nhưng viên quản gia Sheppard đã lên tiếng ngăn gọn với hai cô gái trẻ đang cười đùa, kêu họ trật tự, và Leda không còn gì khác để làm ngoài trình diện với ông chủ.

Sáng nay anh ta trông điềm tĩnh hơn hẳn, ngả người trong góc xô-pha bằng liễu gai đối diện với những cửa kính mở ra phố, với cái chân nẹp duỗi dọc theo những miếng đệm dày,

chân kia đặt trên sàn và cánh tay gác lên lưng ghế. Một cặp nạng được đặt tựa lên giá để cây bên cạnh. Mặt kia của cửa mở ra sân hiên, trụ cờ có cắm cờ Liên minh Jack và cờ thứ hai mô phỏng Nhà Morrow, Leda đoán đó là cờ Hawaii.

Anh ta nhắc một bàn tay và gác má lên đó khi Leda bước vào tầm nhìn. “Cô Etoile,” anh ta thì thầm. “Tôi rất mừng vì cô có thể thấy rõ đường đến với chúng tôi.”

“Chào buổi sáng, Ông Gerard,” cô nói trong một giọng hoạt bát khá to. “Tôi có thể phục vụ gì cho ông?”

Anh ta nhìn cô một lúc lâu; đủ lâu để Leda chắc chắn gia nhân đang tụ tập ở đó hẳn phải nhận thấy cách anh ta như đang đánh giá cô từ trong ra ngoài.

“Sheppard,” cuối cùng anh ta nói, và gật đầu về phía một chiếc ghế được đặt ở một góc thoải mái với xô-pha của anh ta. “Đem tờ *Tin minh họa* lại cho Cô Etoile, rồi cô ấy có thể đọc cho chúng ta nghe về sự kiện này.”

Viên quản gia nghiêng mình và biến mất một chốc, trở lại với tờ *Tin minh họa Luân Đôn*. Leda cảm thấy vô cùng lúng túng, nhưng cô gấp tờ báo, chọn một bài miêu tả những lễ kỷ niệm sẽ được tổ chức, và bắt đầu đọc. Đến lúc cô đọc đoạn văn thứ ba, cô nhận thấy một cuộc di trú chậm chạp đến tụ họp quanh cô.

Cô tiếp tục đọc, chuyển xuống cuối trang đến câu chuyện tiếp theo, một bài giới thiệu về bộ váy mà Công Chúa xứ Wales sẽ mặc. Đến cuối bài, cô nhìn lên, và thấy mọi người trong nhà kính đều quan sát cô đầy trông đợi.

“Thứ lỗi, thưa cô,” một trong những cô hầu rụt rè nói. “Nếu cô vui lòng, cô có thể đọc lại phần về bộ váy không?”

Leda đồng ý. Cô thấy mình thả lỏng trong ghế. Chuyện này đâu có quá khó; cô thường đọc cho các quý bà ở Phố South nghe; cô biết điều gì sẽ gây hứng thú. Cô bỏ qua những cột báo về chính trị và tìm tất cả mẫu tin về lễ Jubilee vô cùng nhiều trong tờ báo.

Một tách trà xuất hiện trên bàn bên cạnh cô. Cô nhìn lên cảm ơn cô hầu phòng khách đội chiếc mũ trắng bằng vải cứng và tạp dề dùm ren. Trong khi Leda đọc, ở cuối nhà kính người hầu trong bếp đã đặt một cái bàn với những món ăn trưa nhẹ của ngày hội, nhưng mọi người vẫn tụ tập quanh cô với những gương mặt chăm chú. Cô trở nên táo bạo, và kết thúc bằng một mục quảng cáo khôi hài về Khung Áo Lót Được Thiết Kế cho Người Ái Quốc, được đảm bảo sẽ xướng “Nữ hoàng muôn năm” khi người mặc ngồi xuống.

Những cô hầu ở phòng rửa bát thấy chuyện đó buồn cười không thể tưởng được, nhất là sau khi Sheppard nghiêm trang chỉ ra đó là một sáng chế gây mệt mỏi, vì mỗi người Anh đúng nghĩa nào hẳn sẽ phải đứng lên ngay lập tức khi nghe giai điệu đó. Thậm chí cả đầu bếp người Pháp cũng cười.

Đám đông trên phố đã trở thành một tiếng gầm rì rầm suốt buổi sáng, nhưng một âm vực khác, thích thú hơn, nổi lên từ bên dưới. Lúc đó là mười một giờ rưỡi—khoảnh khắc tuyệt vời đang đến gần. Sheppard hỏi liệu Ông Gerard có muốn di chuyển ra sân hiên để quan sát rõ hơn, nhưng rõ ràng lời đề nghị giúp đỡ của viên quản gia chỉ mang tính hình thức; Ông Gerard chứng tỏ mình hoàn toàn đủ khả năng đứng dậy và lấy nạng.

Leda dám chắc mong muốn chính của anh ta là không bị ai đụng đến, thay vì được đẩy và kéo và những kiểu đối xử thô bạo khác bởi những người giúp đỡ quá hăng hái. Sheppard có vẻ cũng đã đoán được điều đó, nên chỉ đứng lùi lại và lệnh cho một người giữ cửa đặt ghế ra ngoài cho quý ông và quý cô.

Từ sân hiên nhỏ bên trên cửa chính, họ có một tầm nhìn khó tin suốt toàn bộ khu Park Lane. Lúc Leda và Ông Gerard xuất hiện, những người xem đứng dưới Nhà Morrow cùng hô vang, như thể họ là những nhân vật có tiếng tăm. Với một nụ cười châm biếm, Ông Gerard bỏ một cái nạng, vói tay ra sau, và nhắc cờ Liên minh Jack rồi đến cờ Hawaii từ cột cờ. Anh ta dúm lá cờ Anh vào tay Leda và cà nhắc trên một thanh nạng, dùng tay kia đẩy cô đi theo. Đám đông tản ra và sôi sục. Anh ta nhìn cô với hai hàng lông mày nhướng cao trông đợi.

Cảm thấy cực kỳ táo bạo, Leda nhắc cán cờ nặng trong một cái vẩy ngập ngừng. Anh ta nhắc cán cờ của mình; cánh tay anh ta đưa cán cờ lên cao hơn cờ của cô, và đột nhiên anh ta vói tay trùm lên những ngón tay cô, nâng cả hai lá cờ nặng lên cao. Cơn gió nhẹ trải rộng những lá cờ, căng ra màu hoàng tộc. Tiếng hò reo của đám người tăng lên thành một tiếng cổ vũ ồ ạt. Âm thanh lan ra khi tất cả người xem dọc con phố cùng hò reo, một cảm giác không giống với bất kỳ điều gì Leda từng trải qua. Tim cô đầy lòng tự hào và trung thành với đất nước—và thậm chí, theo một cách kỳ lạ nào đó, cho quần đảo xa xôi, không thể tưởng tượng nổi được đại diện bởi lá cờ của Ông Gerard.

Cô đứng với một nụ cười nở rộng, cánh tay nâng lên dọc theo cánh tay anh ta, những lá cờ phấp phới và phần phật trên vai cô và rồi tung bay dưới một cơn gió, ánh mặt trời của một ngày đẹp hoàn hảo rót xuống công viên và đám người. Tiếng ca nhạc từ xa văng lại lẩn át tiếng ồn; từ khóe mắt cô có thể thấy cờ trang trí và trang hoàng Nhà Morrow cũng được nâng lên và phất trong không trung.

Anh ta hạ những lá cờ xuống, tựa cán cờ lên sân mà không rời tay khỏi tay cô. Cô nhìn về phía anh ta, không thể giấu đi vẻ hồ hởi, và thấy anh ta đang quan sát cô qua những nếp cờ. Anh ta cười toe.

Leda thấy điều gì đó xảy ra trong dạ dày cô; điều gì đó hỗn hển và đầy cảm xúc—ôi thật đấy, cô nghĩ trong cơn hoảng hốt bất chợt, nếu cô không cẩn thận, cô sẽ thấy mình lâm vào cảnh khó xử cho mà xem.

Cô vội nhìn đi nơi khác, và cố gắng rút tay về. Trong một khắc anh ta không thả tay, rồi sau đó rời tay cô cùng với lá cờ Liên Minh Jack. Những lá cờ tung bay giữa họ khiến cô không thể thấy gương mặt anh ta nữa.

Đối với Leda, phần còn lại của buổi lễ dường như rơi vào thoái trào, mặc dù đám đông hò reo điên cuồng cho những Cận vệ và Nữ hoàng khi họ đến, đi ngang trong một đội hình tuyệt đẹp, Leda và Ông Gerard cầm cờ thay lời chào đến cỗ xe của Nữ hoàng—lần này tách biệt nhau—và vị Nữ hoàng đáng mến, đậm người với gương mặt bẽ thậm chí còn nhìn lên Nhà Morrow và ban cho họ một cái gật đầu tao nhã khi bà đi ngang...và Leda có một khám phá kinh khủng về bản thân: cô sẽ vô cùng hạnh phúc cho đi sự công nhận cá nhân của Nữ Hoàng Anh, Scotland, xứ Wales, Ireland, và Nữ hoàng xứ Ấn để đổi lấy một nụ cười thân thiết bất chợt của Ông Gerard.

Chương 14

Kai

Hawaii, 1876

Bằng đi một thời gian họ vẫn không đến phố Tàu. Dojun dạy Samuel các thế tấn công, cách dùng ngón cái, các ngón tay và ngón chân làm vũ khí. Cậu học được thủ thít cổ, luyện cho hai tay và chân cứng cáp bằng cách đánh vào lớp vỏ thô nhám của cây koa. Dojun treo một hòn đá nặng to trên một cái xà, và Samuel húc trán vào đó cho đến khi những giọt nước mắt cay xè lăn xuống mặt cậu.

Cậu cũng học được cách né đòn. Cậu hình thành thói quen đề phòng những cú đánh bí mật của Dojun—và khi cậu tránh quá chậm, chuyện thường xuyên xảy ra, Dojun ngừng hoàn thiện cú đánh trong gang tấc. Còn có những bài tập khác, như cách hít thở và thể lặn người *taihenjutsu*, và những bài học mới: cách giữ gìn một thanh kiếm, cách khảo kiếm, lịch sử và tên gọi những thanh kiếm lỗi lạc nhất; luyện cách đi trong yên lặng, tìm chỗ trốn ở bất cứ vị trí nào; học cách hít vào hơi nóng của một tách trà và xác định thành phần từ hai mươi loại trà khác nhau trên kệ của Dojun, cách ngồi thiền hàng tiếng đồng hồ và hấp thu tinh hoa của vũ trụ, nhận thấy những thứ cậu chưa từng để ý trước đây—bởi vì bất cứ yếu tố nào dù rất nhỏ cũng có thể có giá trị.

Thời gian cậu ở với Dojun dường như càng lúc càng dài hơn so với phần còn lại trong cuộc sống của cậu. Không có ai ở nhà từng tỏ vẻ thắc mắc về chuyện đó; họ biết cậu đến Tantalus để thực hành nghề mộc, và phần còn lại, bởi sự đồng thuận không lời, là một bí mật giữa cậu và thầy của cậu. Samuel đến trường, giữ khoảng cách với những đứa con trai khác, và đến chỗ Dojun, rồi về nhà và chơi với Kai. Tại bữa tối cậu kể lại những thứ cậu được học trong môn toán cho Ngài Gryphon, và nhìn Phu nhân Tess khi bà cười để lại cảm thấy được an toàn và may mắn.

Khi Kai lên bảy, cô bé lên xuống lầu và thấy một chiếc van-xơ trong vũ hội mà Phu nhân Tess tổ chức để tôn vinh ngày cưới của Ông và Bà Dominis. Đó là một sự kiện lớn vì Bà Dominis không còn đơn giản là Lydia nữa, bà là em gái mới của nhà vua, và giờ được gọi là Công chúa Lili'uokalani. Khi khám phá ra những bộ váy, ánh sáng và nhạc, Kai quyết định cô phải được học nhảy và được biết đến với cái tên Tiểu thư Catherine.

Tất nhiên Robert không chịu tham gia, và Kai từ chối chấp nhận ý tưởng một bạn nhảy nữ, nên Samuel trở thành bạn nhảy cặp của cô bé. Ở tuổi mười lăm, hay có thể là mười sáu—cậu chưa từng biết ngày sinh nhật của mình—cậu cao hơn cô bé rất nhiều đến mức cô chỉ đứng tới eo cậu, nhưng cậu không nề hà chuyện làm bạn nhảy của cô bé—cậu trêu cô để thấy cô cười khúc khích và làm dáng, giả vờ mình là một tiểu thư đã trưởng thành.

Cậu yêu Kai. Trước giờ vẫn thế. Cậu từ chối đề nghị chính thức nhận nuôi của Ngài Gryphon nhiều năm trước, khi cậu không hơn mười một tuổi, vì cậu chắc chắn mình sẽ cưới cô, mặc dù cậu chưa từng thổ lộ điều đó. Đến giờ cậu vẫn chắc chắn, sau khi đã nhận ra ý định được suy xét đó mang nhiều áp lực hơn cậu tưởng vào lúc bấy giờ.

Nhưng cậu có thể chờ Kai. Cậu đã quyết tâm rồi. Cậu giữ mình, cậu vứt bỏ những giấc mơ và suy nghĩ khiến cậu bẽ mặt, cậu kiểm chế cơ thể mình bằng việc lao động với Dojun. Được ở bên Kai thật khuây khỏa; cậu chưa bao giờ có cảm giác với cô như với những phụ nữ Hawaii ngồi dạng chân trên lưng một con ngựa gầy, với bàn chân trần và mái tóc không cột, để xoa lên lưng thành những gợn sóng ám ảnh cậu suốt ngày đêm.

Những hình ảnh dường như đến từ những bức tường và bầu trời và không khí; những giấc mơ về phụ nữ mở rộng vòng tay và chân, những thứ cậu thoáng nhớ, đường cong và làn da phụ nữ. Một lần nọ cậu đang đứng trong một quầy đồ ngũ kim tại Honolulu trong khi Ngài Gryphon đặt những hũ thủy tinh cho Phu nhân Tess thì một trong số những bà vợ người Mĩ bước vào. Bà ta ngừng lại một chốc để trò chuyện với Ngài Gryphon, một dáng người tươi vui trong bộ váy khiêm tốn, và Samuel bắt được mùi hương của bà ta: một mùi hương nồng kín đáo, bí mật nở rộ trong đầu cậu.

Cậu đứng tê liệt. Cậu biết mùi đó; cậu thấy đầu bà ta ngã ra một cái gối, gương mặt đỏ bừng và hai gò ngực ưỡn cong. Cơ thể cậu ngập trong hơi nóng và sự đói khát và ghê tởm. Cậu không thể đứng nhìn bà ta. Cậu quay đi và tưởng tượng mình áp mặt lên bụng bà ta và hít vào hương nồng mẫn mẫn đó, khao khát vị của nó cho đến khi bà ta lấp đầy trong cậu đến ngưỡng bùng phát.

Nhưng thứ cậu tưởng tượng khiến cậu phải sửng sốt. Cậu muốn hét bảo bà ta hãy về nhà và tắm đi; hãy để cậu yên.

Cậu rời quầy hàng và đứng trong phố, hít thở điều hòa. Không chờ Ngài Gryphon, cậu bắt đầu bước đi, rồi chạy. Cậu tìm thấy Kai trong phòng khách ở nhà, đang luyện tập thang âm của đàn piano, một vẻ cau có u ám trên gương mặt cô bé khi thầy dạy nhạc sửa lại những nốt cô thường đánh sai. Samuel ngồi vào một cái ghế trong góc căn phòng mát mẻ, đối diện một cửa

sổ nơi cơn gió trong lành, ngọt ngào thổi lên mặt cậu, lắng nghe những nốt nhạc trầm bổng, lên cao xuống thấp, lặp đi lặp lại.

Kai là của cậu. Cậu bảo vệ cô. Cậu sẽ bảo đảm cuộc sống của cô lúc nào cũng được như nó nên thế. Không có gì sẽ khiến cô bị tổn hại, khiến cô sợ hay làm cô khóc. Cậu yêu cô, và khi cô đã lớn, cô sẽ yêu cậu.

Khi kỳ nghỉ hè đến, Ngài Gryphon hỏi liệu Samuel có hứng thú với vị trí nào ở Hãng Arcturus để chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai. Samuel đến làm ở văn phòng tại cảng, vô cùng hài lòng vì việc đó ám chỉ Ngài Gryphon xem cậu là người được ông bảo trợ. Ngồi giữa những nhật ký hàng hải, ngâm cứu những bản kê khai và kiểm tra kho hàng, cậu biết được tài chính của hãng, và dần dần, cậu ngạc nhiên nhận ra hãng tàu thật sự chỉ là thú tiêu khiển của người cha đỡ đầu của cậu; rằng lí do không có đủ tàu hơi nước và quá nhiều lợi nhuận đổ vào việc bảo dưỡng đội tàu buồm là vì Ngài Gryphon thích những chiếc thuyền buồm của ông và có dư tiền để phung phí vào chúng.

Ngài Gryphon giàu. Giàu vô cùng. Samuel chưa từng có tí ý tưởng nào về mức độ giàu có của gia đình đỡ đầu cậu cho đến khi cậu thấy số tiền lưu thông qua những cuốn sổ của hãng. Họ sống tốt, nhưng không hoàng tráng bằng một nửa những doanh nhân người Mĩ ở Honolulu. Đội tàu Arcturus được cung cấp thủy thủ và được bảo dưỡng tốt hơn bất cứ đội tàu nào khác, và không bị thua lỗ thậm chí với tình hình cạnh tranh hiện nay. Đó là một cách giải trí của một người giàu có, với một chiếc thuyền luôn được neo ở cảng Honolulu sẵn sàng đợi lệnh của Ngài Gryphon khi ông muốn.

Những nhân viên tại văn phòng rất vui lòng chỉ dẫn cho Samuel về nguồn gốc thật sự của số tiền: đó là những cơ ngơi của dòng tộc Ngài Gryphon ở Anh, và phần ủy thác khổng lồ mà ông quản lý cho vợ. Khi Samuel lắng nghe chi tiết, trái tim cậu nguội lạnh vì lo lắng.

Cha mẹ Kai giàu đến không thể tưởng được. Cậu không thể cầu hôn với hai bàn tay trắng.

Cậu luyện tập cùng Dojun và làm việc tại văn phòng hãng tàu suốt mùa hè. Khi đến tháng Chín, cậu nói với Ngài Gryphon rằng cậu muốn tiếp tục làm việc hơn là trở lại trường. Phu nhân Tess có vẻ phiền muộn, bà bảo điểm số ở trường của cậu quá xuất sắc vì thế bà đã mong cậu sẽ nghĩ đến việc học đại học, nhưng điều đó sẽ có nghĩa là nước Mĩ hay nước Anh. Nghĩa là rời xa. Cậu cố gắng thuyết phục bà rằng cậu biết một vài cậu bé đã đi học Harvard, và những người đàn ông trẻ khi họ trở về. Bọn họ thanh lịch và rất thời thượng, và thích chứng tỏ điều đó nhưng họ đều ngu ngốc. Bà nói đến Oxford và nền giáo dục. Cậu nói rằng cậu thích công việc của hãng tàu, và hứa sẽ đọc tất cả những cuốn sách mà sinh viên đọc ở Oxford. Bà bảo cậu xứng đáng được nhận nền giáo dục tốt hơn Honolulu. Cuối cùng, cậu khóa hai bàn tay sau lưng và đứng xoay mặt khỏi bà, nhìn đắm đắm ra bóng râm lấp lánh của sân lanai, và năn nỉ bà đừng bắt cậu đi.

Khoan đã.

Xin Chúa, khoan đã.

Và bà đã không buộc cậu đi.

Samuel cho rằng bảo Ngài Gryphon cách kiểm soát công việc làm ăn của ông không phải là việc của cậu. Cậu làm việc và học hỏi. Khi những cuốn sổ ghi chép hé lộ một tên Ling Hoo nhất định đã bỏ túi mười phần trăm hàng trong kho mỗi lần qua tay hắn, Samuel không đề cập chuyện đó với bất cứ ai. Cậu chỉ lên Tantalus một ngày nọ và hỏi Dojun có phải đã đến lúc họ xuống phố Tàu.

Chương 15

Không hiểu sao Leda vẫn tưởng ngày thứ hai của lễ Jubilee cũng sẽ như hôm đầu. Cả gia đình lại ra ngoài, tất nhiên—phần tham dự của họ vào đám rước đến Tu viện Westminster cho lễ Tạ ơn buộc họ phải rời Điện Buckingham vào 10h45, và họ phải trình diện ở lối vào Pimlico vào mười lăm phút sau. Leda đã dành cả buổi tối lắng nghe một bài tường thuật tỉ mỉ về cuộc triệu kiến kín của họ với Nữ hoàng diễn ra ngay khi Nữ hoàng Kapiolani và công chúa lui gót.

Cuộc gặp có vẻ diễn ra tốt đẹp—không có nhiều thời gian để những chuyện kỳ quặc diễn ra trong vòng mười phút diện kiến Nữ hoàng, nhưng Phu nhân Ashland cứ lặp đi lặp lại, “Cám ơn trời nó đã kết thúc! Ta thật nhẹ nhõm vì chẳng có chuyện gì xảy ra!”—điều đó dẫn đến phỏng đoán rằng bà không hoàn toàn không ý thức được tiềm năng gây họa chốn đông người của gia đình bà, và khiến Leda muốn ôm bà để trấn an.

Thay vào đó, cô cố gắng hết sức giúp đỡ để chuẩn bị cho cam go sắp tới, hoặc có thể là chuyến phiêu lưu, hay mối phiền toái cũ rích, tùy thuộc vào cách nói của từng thành viên trong gia đình Ashland. Leda đích thân đến ngó qua Tiểu thư Catherine vào lúc năm giờ sáng để đảm bảo và bàn bạc về tóc cô, nó không chịu vào nếp và phải được cô hầu duỗi thẳng và vấn thành một cuộn tóc đen nặng trên đỉnh đầu, trong khi Leda chăm chút cách đặt trâm cài tóc để có hiệu quả thời thượng nhất. May mắn là cả Tiểu thư Catherine và Ngài Robert cùng thừa hưởng đôi mắt màu xanh lơ và hàng lông mi đen dày của mẹ—một sự kết hợp đẹp mắt được tôn lên bởi bất cứ màu nào từ đen tới màu tùng len, nên mặc dù Leda sẽ chọn màu xanh dương cho Tiểu thư Catherine, bộ váy màu vàng nhạt viền ruy băng màu xanh phai cũng rất bắt mắt.

Cô gái do dự khi được nhắc phải thắt dây cóoc-xê cho chặt, nhưng Leda rất quả quyết, chỉ ra những nếp nhăn thiếu thẩm mỹ mà việc thắt dây đàn ông sẽ tránh được. Tiểu thư Catherine sau đó đích thân đi tìm mẹ cô và quấy rầy bà liên tục cho đến khi bà cũng được đóng vào khung đồng hồ cát như mình. Vào một lúc nào đó trong khi hấp tấp đi từ phòng ngủ này đến phòng ngủ khác, Leda nhận được tin nhắn từ Ông Gerard, một lần nữa lấy nhà kính làm nơi gặp gỡ, nhưng cô chỉ liếc qua trước khi đến kiểm tra một nếp váy bị nhăn trên đuôi váy Phu nhân Ashland.

Đến chín rưỡi, tất cả họ tập hợp tại đại sảnh, trong khi Leda thực hiện một cuộc kiểm tra vào phút cuối, đảm bảo Ngài Ashland đã đem theo giấy thông hành của Viên Thị thần, hướng dẫn Ngài Robert giữ mũ vành cong của anh ta dưới cánh tay và không bao giờ được quên mình đang mang theo một thanh gươm cùng bộ đồ hầu triều nhưng màu xanh đậm, vì anh ta có khuynh hướng xoay người trước sau và đâm vào các quý bà quý cô mà không nhận ra. Phu nhân Ashland trông tái nhợt và lo lắng trong bộ váy lụa giản dị, thanh lịch khiến Leda chịu theo thôi thúc đến ôm bà, cô thì thầm, “Tất cả mọi thứ đều hoàn hảo, thưa phu nhân. Đừng lo gì cả!”

Phu nhân mỉm cười bất chợt, và xiết tay Leda. “Phải chi chúng ta đừng làm điều gì quá gây chú ý!”

Leda bước lùi lại. “Tôi phải nói, thưa phu nhân, rằng ở tiệm Bà Elise tôi đã phục trang cho những quý bà sẽ được trình diện, và không có ai trong số họ đẹp nhường này, mà cũng không có được những vị tháp tùng điển trai thế kia. Thậm chí công chúa xứ Wales cũng không. Nên nếu bà thấy mọi người nhìn chăm chăm, thì bà phải nhớ rằng đó là do họ ngưỡng mộ.”

“Mano!” Tiểu thư Catherine gọi to. “Xuống đây nhìn tụi em này! Cô Etoile nói bọn em sẽ là những quý bà quý ông đẹp nhất ở đó! Và cô ấy biết mình đang nói về điều gì đấy.”

Leda nhìn lên để thấy Ông Gerard trên cầu thang. Anh ta bước xuống trên hai cây nạng và ngừng ở bậc cuối cùng, dựa vào thanh vịn. “Rõ ràng là thế. Vẻ lộng lẫy của em làm cho người khác phải lóa mắt.”

“Ôi, em ước gì anh có thể đi cùng,” Tiểu thư Catherine nói. “Và cô nữa, Cô Etoile. Thật không công bằng chút nào!”

Trước khi hai người họ có thể đáp lời, Sheppard đã bước qua cổng và tuyên bố xe ngựa đã sẵn sàng. Ngài Ashland khoác tay vợ. “Hãy đừng phá hỏng hảo ý của Cô Etoile vì đến muộn. Kai—con có thể thu xếp để Robert dìu con ra cửa không?”

Với cung cách khoa trường của một nàng công chúa, Tiểu thư Catherine đưa bàn tay đeo găng cho anh trai, anh ta khẽ cúi mình và gập nó vào dưới cánh tay, xoay người trong một cử chỉ thận trọng để giữ thanh kiếm cách xa đuôi váy của cô. Leda hoan hô.

Cha mẹ họ theo sau, trông đúng như Hầu tước và Nữ hầu tước Ashland, Leda tự hào nghĩ. Cô ước gì có thể được thấy họ tỏa sáng giữa giới quý tộc sẽ giá đáo đến Westminster.

“Thương tích của ngài thật tệ,” cô nói, quay sang Ông Gerard khi ông quản gia và người giữ cửa đi theo đoàn người ra ngoài, đóng cửa lại sau lưng. “Thật đáng tiếc ngài không thể đi cùng họ.”

“Dù sao thì tôi cũng không đi được.” Anh ta đứng gác chân nẹp lên vành bậc thang, quần được ghép thêm vải dọc theo đường chỉ may bên ngoài để che đi cái nẹp, chân anh ta lờng trong một chiếc tất sậm màu. “Tôi không được mời.”

“Ồ,” Leda ngượng ngịu giữ váy. “Tôi cứ tưởng—tôi đã không nhận ra—là...Tôi cứ tưởng là do tình trạng khó ở của ngài,” cô kết thúc một cách vụng về.

“Không,” anh ta nói, với một nụ cười thoáng qua, “là do không có ai biết tôi là kẻ quái nào thôi.”

Cô nhìn anh ta đứng thẳng thật dễ dàng, cánh tay bọc quanh trụ tay vịn cầu thang được trang trí hoa văn. *Tôi biết ngài là ai*, cô nghĩ với một chấn động râm ran ở cuối cột sống. *Một kẻ trộm.*

Một kẻ trộm lành nghề, bí ẩn có thể đi trong đêm như một con mèo rừng. Người di chuyển thật khoan thai với nẹp và nạng chỉ bốn ngày sau khi xương bị gãy.

Cô đăng hăng. “Tôi hiểu rồi,” cô nói, cố gắng ra vẻ như đó là một tiết lộ tầm thường.

Anh ta thả trụ cầu thang và đặt đầu nạng lên sàn đá hoa cương của đại sảnh, hạ người xuống bậc thang cuối. “Tôi được nhận nuôi, đại loại thế. Được đỡ đầu. Ở Hawaii, họ gọi là *hanai*. Ở Anh họ dường như không biết phải gọi thế nào.”

“Ồ,” cô lại nói. Cô nghĩ đến việc nói thêm nữa, nhưng không thể lên tiếng thừa nhận mình cũng được—nhận nuôi, đại loại thế. Thay vào đó cô liếc nhìn đồng hồ treo trên một cái bàn viết. “Gần mười giờ. Tôi tin ngài muốn tham gia cùng mọi người ở nhà kính lần nữa, phải không Ông Gerard?”

“Được như thế thì tôi rất lấy làm mãn nguyện, thưa Cô Etoile,” anh ta nói.

Cô làm ngơ tông giọng chế nhạo của anh ta và đi đến nơi được ấn định, cứ nghĩ sẽ thấy những người hầu như hôm qua. Khi cô đến gian phòng trưng bày trống, nhìn ra một con phố gần như đông nghẹt như hôm trước, nhưng sáng nay đầy khách bộ hành và xe ngựa hướng về phía nam, lúc đó cô mới nhận ra hôm nay không như hôm qua—đám rước sẽ không đi ngang Nhà Morrow, tất nhiên; đến Westminster thì không. Chẳng có gì để ngắm từ nhà kính, và chẳng có gia nhân nào tụ tập ở đó.

Cô nhìn nhận tình huống này như một sự phản bội trắng trợn, và cố gắng nhớ lại bằng cách nào Ông Gerard đã khiến cô tin người hầu cũng sẽ tụ họp trong nhà kính vào hôm nay. Sự thật rằng cô không thể xác định chính xác bằng chứng anh ta đã nói như thế khiến cô càng cảm thấy bị bạc đãi; khi anh ta đến với hai cây nạng, cô từ chối ngồi xuống mà nhướn hai hàng lông mày và nói một cách lạnh lùng, “Tôi tin ngài sẽ thấy thoải mái hơn khi có Sheppard trong phòng.”

“Sheppard đã được cho nghỉ phép,” anh ta nói, ngồi xuống với cánh tay chống lên lưng trường kỷ dày bằng liễu gai. Anh ta nâng hai hàng mi. “Toàn bộ người hầu đều được nghỉ phép. Có thịt để ăn bánh mì kẹp trong tủ lạnh. Tôi hy vọng cô không phiền khi dọn chúng?”

Miệng Leda há ra, rồi đóng sập lại. “Có, tôi có phiền! Tôi rất phiền là đằng khác! Tôi biết địa vị của ngài và sự phân biệt giai cấp giữa mọi người trong ngôi nhà nếu ngài không biết. Cho phép tôi mạo muội hỏi, *ai* đã cho họ nghỉ phép?”

Anh ta trông hơi thất thần trước vẻ kịch liệt của cô. “Là tôi.”

“Và Đức ngài và Phu nhân Ashland đã đồng ý?”

“Gia nhân ở đây do tôi chịu trách nhiệm, Cô Etoile. Không có ai sẽ về nhà trước năm giờ; còn có lễ Tạ ơn và một bữa trưa lớn và một cuộc thao diễn tại Cung điện Buckingham—tôi ngờ họ sẽ trở lại đây trước buổi tối. Tại sao lại bắt người hầu ngồi đây, trong khi họ có thể đi nhìn

ngắm ngày hội?”

Leda không muốn thừa nhận bất cứ điểm hợp lý nào trong một câu bao biện hơi hợt như thế. “Họ không cần phải ngồi.” Cô bắt đầu đi tới đi lui trong nhà kính trong cơn kích động. “Còn phải nghĩ đến bữa tối khi cả nhà trở về. Phải chăm chút cho trang phục và trang sức của quý bà quý cô; cô hầu của Phu nhân Ashland đã không quan tâm đủ đến việc lau chùi trang sức cho phu nhân—tôi đã phải tu sửa lại vòng đá thạch anh tím sáng nay. Giày của Ngài Robert có thể được đánh bóng kỹ hơn hầu phòng của ngài ấy đã làm cho đến lúc này. Ngài cũng phải được quan tâm—và tôi được thuê để làm thư ký của ngài, Ông Gerard, không phải đầu bếp.”

“Mà cô chưa làm được gì đáng kể ở cả hai vị trí đó,” anh ta thì thầm.

Leda cảm thấy tốt nhất không thừa nhận câu mỉa mai đáng hổ thẹn như thế. Cô giữ thế đứng chiến đấu. “Tôi không ngờ Sheppard đã đồng ý. Việc này không nâng cao ý kiến của tôi về ông ta. Ít nhất ông ta cũng nên nhất quyết giữ lại một đội ngũ chính chủ.”

Ông Gerard nghiêng đầu. Miệng hơi giãn ra.

“Ông ấy đã làm thế!” Leda nói một cách đắc thắng.

“Ông ấy có hơi ngoan cố, phải.”

“Tôi hình dung giờ ngài đã thấy ý kiến của tôi hợp lý.”

“Tôi thấy mình như có tài trong việc thuê những người làm cứng đầu.”

“Đó đúng là điều mà một người đàn ông mới nói. Các quý ông không được tin tưởng trong việc cắt đặt gia nhân sao cho hợp lý. Họ một mực đòi lãnh đạo, rồi lại đổ lỗi cho gia nhân vì sự thiếu suy xét của họ. Cho phép tôi được biết rõ hơn ngài trong hoàn cảnh này, Ông Gerard. Sheppard là một quản gia xuất sắc. Ngài nên trao quyền cho ông ấy tự quyết định công việc của mình.” Một ý nghĩ bất chợt nảy ra trong đầu cô. Cô đột ngột xoay người và bước vào phòng khách để giật dây chuông. Sau một chốc bằng đúng khoảng thời gian cô tính để thông thả đi từ bếp đến đại sảnh, Sheppard xuất hiện ở cửa.

“Thưa cô?” ông ta hỏi, với một vẻ tôn trọng điềm tĩnh rất dễ thương, như cô là một thành viên của gia đình.

“Sheppard. Tôi muốn biết liệu ông sẽ ra ngoài sáng nay chứ?”

“Không, thưa cô.” Ông ta đưa cho cô một ánh mắt sắc sảo. “Tôi đã thấy xe ngựa của Nữ hoàng nhiều lần rồi. Tôi không có ý định sẽ chen vào đám đông Jubilee đó. Cô chỉ cần giật chuông nếu cô có cần. Cô có biết Ông Gerard muốn dùng bữa trưa lúc mấy giờ không?”

“Không, tôi e là mình không biết.” Leda giữ một thái độ nghiêm trọng. “Ông có thể ngắt quãng chúng tôi bất cứ lúc nào để hỏi ngài ấy. Bất cứ lúc nào cũng được. Cửa này sẽ được để mở.”

“Nhất định rồi, thưa cô.” Sheppard gật đầu nhận đã hiểu và rút lui. Leda trở lại nhà kính, hài lòng vì Sheppard đã hiểu được vấn đề chứ không như ông chủ của ông ta.

Cô an tọa trên cái ghế mà cô đã được bảo ngồi hôm qua, giữ lưng thẳng. “Giờ thì, Ông Gerard. Sheppard bảo đảm với tôi rằng ông ấy sẽ ở đây sẵn sàng nghe lệnh ngài, nên chúng ta sẽ tạm chấp nhận chuyện đó, vì hôm nay là một ngày có nhiều khía cạnh khác thường. Không chắc sẽ có người tới viếng thăm, nên chúng ta sẽ không phải lo về chuyện nan giải đó.”

Anh ta tựa má lên bàn tay như hôm trước. “Cám ơn cô, Cô Etoile,” anh ta nói, với một nụ cười khẽ kỳ lạ.

“Không có gì,” cô nói, một chút bối rối vì đã sợ anh ta sẽ tức giận, và không hiểu sao càng lúng túng hơn vì nụ cười của anh ta. “Đó chỉ là điều tôi nợ ngài khi làm công cho ngài. Tôi mong ngài được chăm sóc một cách thích đáng.”

“Cô có vẻ là một người trông nom nhà cửa khi vắng chủ xuất sắc.”

Leda đỏ mặt, và nghi hoặc nhìn sang anh ta để tìm dấu hiệu bốn cột. Giọng anh ta không tỏ vẻ châm biếm, và cái cách anh ta nhìn cô khiến cô cảm thấy khá ngốc nghếch và yếu đuối, tràn đầy niềm sung sướng phù phiếm bởi lời khen. Cô cong khóe môi trong một nụ cười e thẹn rồi nhìn xuống hai tay mình.

“Kai rất thích cô,” anh ta nói.

Leda cảm thấy niềm vui vì lời khen trước đó bị rút cạn ngay lập tức. “Tiểu thư Catherine ư?” Cô nở một nụ cười lịch sự trở lại. “Tôi rất hân hạnh vì ngài nghĩ thế.”

“Họ đều thích cô.”

“Tôi rất phấn khởi,” cô nói. “Gia đình Ashland là những người vô cùng tử tế.”

Anh ta chậm chậm gật đầu, như thể những suy nghĩ của anh ta không đặt ở câu trả lời của cô. Sau một lúc, anh ta nói, “Cô ấy mười tám.”

“Vậy ư?” Leda nói, vì anh ta có vẻ bỏ lại một khoảng lặng cho một câu trả lời. “Cô ấy nhất định là một cô gái đáng yêu. Rất tươi trẻ và trong sáng.”

Anh ta đánh mất vẻ mặt trầm tư; ánh mắt gặp mắt Leda với một biểu hiện bồn chồn.

Cô vội nói thêm, “Tôi dám chắc cô ấy hòa nhập rất tốt. Cô ấy hơi ngây thơ một chút, nhưng tôi biết đạo này giới thượng lưu rất niềm nở với những cô gái người Mỹ. À thì, Tiểu thư Catherine không phải người Mỹ, tất nhiên, nhưng những cô gái với, a—” Cô tế nhị đằng hắng. “—phong cách Mỹ. Họ không nhất thiết phải biết hết từng chi tiết nhỏ của nghi thức xã giao. Gia đình cô ấy rõ ràng là được hậu thuẫn; tôi chắc Nữ hoàng đã tiếp kiến rất ít vào hôm qua—đó là lời ngợi khen có giá trị nhất khi được diện kiến nữ hoàng nhanh đến thế.”

Cách tiếp cận vấn đề đó không có vẻ khiến anh ta an lòng. Anh ta cau có hơn nữa và vuốt một hàng lông mày. “Cô Etoile,” anh ta đột ngột nói. “Cô là một phụ nữ.”

Leda hơi cúi. Cô đặt hai bàn tay trong lòng, cố gắng nghĩ Cô Myrtle sẽ đáp lại một câu nhận định trắng trợn như thế ra sao, cô không chắc nên cảm thấy hả dạ hay lo ngại.

“Cô từng trải,” anh ta nói tiếp, trước khi cô có thể lên tiếng. “Cô sẽ...biết những điều...hiểu những điều—không dễ hiểu đối với một người đàn ông. Đối với một người như tôi.”

Với một cảm giác lạ lẫm của sự nhẹ nhõm, thất vọng và sung sướng vì ý nghĩ anh ta thấy cô am hiểu và điềm đậm, cô nói, “Vâng, có thể điều đó đúng.” Cô Myrtle đã luôn nói thế. Bà không đồng ý với khái niệm hiện đại về bình đẳng giới. Phụ nữ rõ ràng là xuất sắc hơn đàn ông.

“Cô có một cây bút và sổ đây chứ?” anh ta hỏi.

“Ồ!” Cô đứng bật dậy. “Tôi thật thiếu sót quá. Tôi rất lấy làm tiếc.”

Leda nhanh nhẹn đến thư viện, trở lại với một cây bút máy và cuốn sổ chưa dùng từ đồ dự trữ. Cô ngồi lại vào chỗ, cố gắng không tỏ vẻ quá hỗn hển, và nhìn lên anh ta trông đợi.

“Tôi muốn bắt đầu theo đuổi cô ấy,” anh ta nói, cứ như anh ta đang tuyên bố một cuộc dàn xếp công chuyện làm ăn. “Tôi mong có sự giúp đỡ của cô trong việc vạch ra kế hoạch tốt nhất để bắt tay vào việc đó.”

Leda chớp mắt. Cô đóng cuốn sổ đã mở trong lòng. “Xin ngài thứ lỗi. Tôi không nghĩ mình hiểu chính xác điều ngài vừa nói.”

Anh ta nhìn thẳng vào mắt cô. “Cô hiểu rồi đấy.”

“Nhưng nhất định...công cuộc theo đuổi của ngài...đó là một chuyện vô cùng riêng tư. Ngài sẽ không muốn tôi xem nó là việc của mình đâu.”

“Tôi sẽ cảm kích sâu sắc nếu cô xem nó là việc của mình. Tôi không biết nhiều về lĩnh vực các tiểu thư muốn được theo đuổi thế nào. Tôi không muốn mắc phải sai sót,” anh ta mỉm cười ở một khóe môi.

Cột sống Leda dựng đứng lên. “Tôi nghĩ ngài hẳn đang chế giễu tôi, thưa ngài.”

Nụ cười biến mất. Anh ta xoay đầu, nhìn qua những dải cây và hoa đến những ngọn cây bên kia đường. Khi anh ta quay lại, ánh mắt anh ta điềm tĩnh và mãnh liệt. “Tôi không chế giễu cô, tôi cam đoan với cô.”

Sự chú ý u ám của anh ta thật khiến cho người ta bất an. Giống như cảm giác bị dối theo bởi một bức tượng Hy Lạp mắt xám sống dậy giữa những cái bóng của hành lang cẩm thạch. Cô tựa lưng ra ghế. “Thật đấy, Ông Gerard,” cô cuống quýt nói. “Tôi không thể hình dung một quý ông

như ngài lại không thông thạo cách—tán tỉnh.”

Anh ta bật ra một âm thanh bực dọc, cào một bàn tay lên lưng chiếc xô-pha bọc vải. Anh ta đẩy tay vào ghế như để đứng lên, rồi lại từ bỏ cố gắng đó với một cái nhản mặt. “Chà, tôi không rành,” anh ta nói một cách kịch liệt. “Điều gì làm cô nghĩ tôi sẽ thông thạo chứ?”

Leda tựa sát hơn vào ghế. “Hẳn ngài không hình dung được—tôi nói thế không phải có ý xúc phạm. Chỉ là—ngài thật sự là một quý ông cực kỳ ưa nhìn...”

Anh ta nhìn cô với sự sôi sục trong ánh mắt dữ dội đến mức giọng cô lịm đi.

“Cô ấy không bận tâm diện mạo tôi ra sao, đội ơn Chúa,” anh ta lẩm nhẩm, như thể anh ta là thẳng gù của nhà thờ Đức Bà.

Leda ngờ nhiều quý cô khác cũng có sự mù quáng như Tiểu thư Catherine. Anh ta trông thật lộng lẫy ngay cả khi anh ta ngồi trong sự im lặng trầm mặc mà ngắm nhìn thanh nẹp, một thiên thần Gabriel đang suy tư được chạm nhẹ bởi đôi cánh đen vô hình.

“Chuyện này rất quan trọng đối với tôi,” anh ta bắt chọt nói mà không nhìn cô.

Cô vuốt ngón tay lên cuốn sổ.

“Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu,” anh ta nói qua những kẽ răng.

Cô mở sổ, mở nắp cây bút với một tiếng bực khẽ, chà bút lên mẫu giấy thấm mực được kẹp bên trong. Quan sát mực nhòe ra quanh đầu bút, cô mào muội nói, “Cô ấy không biết—ý định của ngài ư?”

“Tất nhiên là không. Cô ấy còn quá trẻ—tôi sẽ không ép buộc cô ấy phải chấp nhận tôi. Cô ấy xem tôi như một người anh trai.”

Leda cho phép mình nở một nụ cười hài hước trong khi đang nhìn xuống. “Có lẽ giống một người chú hơn.”

“Cô nghĩ tôi quá lớn tuổi so với cô ấy sao?” anh ta khản giọng hỏi.

Cây bút của Leda làm dư một chấm mực khi tay cô giật bắn vì câu hỏi đột ngột. “Không, thưa ngài,” cô nói. “Tất nhiên là không.”

“Tôi còn chưa đến ba mươi. Tôi không biết chắc. Hai bảy hay hai tám gì đó.”

Cô cắn môi, đầu vẫn cẩn thận cúi xuống cuốn sổ. “Tôi không nghĩ điều đó đáng bận tâm,” cô nói.

“Tôi sẽ chờ đến khi cô ấy lớn hơn, nhưng tôi sợ—” Anh ta ngừng bắt chọt và gõ những ngón tay lên tay vịn ghế xô-pha. “Cô ấy có thể đủ lớn để thu hút sự chú ý của những tên quý tộc Anh

chết tiệt này.”

Leda chum môi. “Tôi chắc ngài sẽ không muốn nhiễm thói quen sử dụng ngôn ngữ thô lỗ trước mặt cô ấy,” cô lặng lẽ nói.

“Tôi xin thứ lỗi!” Anh ta gặp mắt cô và ngay lập tức nhìn đi nơi khác, để lại một sự bứt rứt của cảm xúc được đè nén.

Cô lại cúi đầu. Leda thấy như anh ta phát cáu lên vì cô, thay vì mối nguy từ những quý tộc Anh. Đây không phải một cuộc trò chuyện bình thường chút nào—anh ta chỉ nhìn cô trong thoáng chốc; dường như không muốn phải nhìn cô, vì cứ mỗi lần anh ta nhìn, gương mặt anh ta trở nên rần rai với một cảm xúc mãnh liệt nào đó mà Leda không thể dò được. Ngượng ngịu, nhất định rồi—toàn bộ chủ đề này đã đủ bất tiện—nhưng còn điều gì đó khác trên vẻ mặt anh ta, một điều gì đó tuy khó nhận thấy nhưng vẫn khiến người khác xáo động. Cô cảm thấy vô cùng bối rối, những ngón tay táy máy. Vết mực loang dưới cây bút to hơn khi cô nhìn nó với mái đầu e thẹn cúi thấp.

Một sự im lặng căng thẳng căng ra giữa họ, một bí ẩn rực rỡ, đầy những ước mơ bắn khoả.

“Cô ấy sẽ được xem là một nữ thừa kế,” anh ta nói trong một giọng mập mờ, cái cách một người tiếp tục mạch trò chuyện đã bị xao lãng bởi sự trầm tư.

Tiểu thư Catherine. Họ đang nói về Tiểu thư Catherine, tất nhiên. Leda hắng giọng và nói, “Tôi e điều đó đúng.”

Cô lấy can đảm để nhìn lên. Anh ta đang quan sát hai tay cô, nhưng ngay khi cô ngẩng đầu anh ta liền nhìn đi nơi khác, chớp lấy tờ báo đang nằm trên sàn nhà bên cạnh, kéo nó lên lòng khi anh ta ngồi tựa ra sau. “Tôi muốn cô ghi chú vài điều,” anh ta nói, gấp tờ báo và đặt nó lên đùi, cau có nhìn như thể điều anh ta muốn biết được viết tại đó.

Leda ngồi với cây bút nghiêng nghiêng trên cuốn sổ. Cô hy vọng anh ta sẽ không nói quá nhanh.

“Cô đề nghị gì trước tiên?” anh ta hỏi.

“Với sự tôn trọng dành cho Tiểu thư Catherine chứ?” cô ngờ vực hỏi.

“Đương nhiên.” Anh ta giữ tờ báo. “Tôi còn có ý gì khác nữa?”

“À thì, tôi...thấy mình không biết phải nói sao, Ông Gerard.”

“Tôi cho rằng cô chưa biết cô ấy lâu,” anh ta nói, với một vẻ ủ rũ quanh khuôn miệng tinh tế. “Cô chưa thể biết những sở thích của cô ấy được.” Anh ta gấp tờ báo, vuốt thẳng nó, rồi cuộn nó giữa hai bàn tay. “Tôi đã biết cô ấy kể từ khi cô ấy là một đứa trẻ mà tôi còn không thể tự hình dung ra nổi.”

Leda không có câu trả lời cho điều đó. Cả chủ đề bàn luận này khiến cô vô cùng bối rối.

Anh ta kẹp tờ báo đã cuộn lại giữa hai nắm tay, cau mày nhìn xuống nó. “Cô muốn được theo đuổi như thế nào, Cô Etoile?”

Leda cảm thấy một sự rã rời bất chợt nhói ở cổ họng. Thất sắc, cô nhìn xuống cuốn sổ đang mờ dần, cố gắng tìm cách che giấu bản thân và sự ngu ngốc của mình. “Tôi không chắc,” cô nói rất vội, để anh ta không nhận thấy giọng cô có điều gì đó không ổn.

“Cô không có một gợi ý nào ư?” Anh ta gõ tờ báo lên lòng bàn tay và bật ra một tiếng cười ngắn không hề đùa cợt. “Thôi làm ngược lại đi vậy. Cô *không* muốn được theo đuổi thế nào?”

Cô chớp nhanh mắt. Gương mặt ngượng nghịu của Hạ sĩ MacDonald, đồ bưng và kém vui và bất lực, hiện lên trên trang giấy trắng. “Tôi sẽ không muốn bị bỏ rơi trong sự khinh miệt,” cô nói. “Tôi muốn...được kề vai sát cánh.”

Cô cảm thấy Ông Gerard nhìn cô. Cô cảm giác được, bởi vì cô không thể ngẩng đầu lên—sau khi phát biểu một điều lỗi bịch đến thế.

Cô nghĩ anh ta sẽ cười cô, hay nghĩ cô điên.

“Tôi hiểu rồi,” anh ta chậm rãi nói.

“Thứ lỗi cho tôi. Chuyện đó không phải điều đang nói phải không nào?” Cô thẳng lưng, cố gắng không tỏ vẻ cáu giận. Cô nắm chặt cây bút và viết ngày tháng và địa điểm ở đầu trang. “Tôi nghĩ—tôi tin rằng nghi thức đòi hỏi ngài bắt đầu xin sự cho phép của cha Tiểu thư Catherine đồng ý cho đề nghị của ngài, nếu ngài chưa làm điều đó. Tôi có nên ghi chú điều đó không?”

Anh ta nắm lấy nạng và đứng dậy, nhún tới một bước đến khi anh ta đứng xoay mặt ra cửa sổ lớn. “Tôi sẽ không bao giờ bỏ rơi cô ấy trong bất cứ hoàn cảnh nào—trong sự khinh miệt hay bất cứ điều gì khác. Không bao giờ. Tôi nghĩ cô ấy sẽ biết điều đó. Cô nghĩ tôi có nên nói với cô ấy không?”

Leda nhìn lưng anh ta, nhìn bề rộng khỏe mạnh của hai vai và sức mạnh trong đôi bàn tay. Cô nhớ gương mặt anh ta trong lúc cô nắn chân cho anh ta: tập trung và nghiêm nghị và đẹp đẽ trong sự mãnh liệt của cảm xúc.

Không, người đàn ông này sẽ không lui bước trước bất cứ điều gì. Anh ta có thể là bất cứ điều gì khác, nhưng không phải dễ bị khuất phục.

“Tôi dám chắc cô ấy biết,” Leda nói. *Sao mà không được cơ chứ?* Cô nghĩ.

Anh ta liếc sang cô. Cô không thể giữ ánh mắt anh ta dù chỉ trong một khắc. Một điều gì đó trong cô khiến cô không thể làm được.

Cô tránh ánh mắt anh ta, tìm đến tập trung ở một đóa hoa lan lơ lửng gần vai anh ta. “Cô ấy đã kể tôi nghe về con cá mập, ngài còn nhớ chứ. Cô ấy có vẻ rất quý câu chuyện, và phần đóng góp của ngài trong đó.”

“Vâng,” anh ta nói. “Tôi lúc nào cũng trông nom cô ấy.”

“Ngài làm việc đó rất giỏi,” Leda nói một cách máy móc. “Tôi dám chắc Tiểu thư Catherine mang ơn ngài rất nhiều.”

“Vậy là,” cuối cùng anh ta nói, “tôi phải ngỏ ý với Ngài Gryphon? Tôi cho rằng đó là điều nên làm.” Anh ta không tỏ vẻ trông đợi viễn cảnh đó.

“Tôi tin hầu hết những quý ông trẻ thấy việc ngỏ ý với các ông bố khá đáng ngại.” Cô cố gắng chen một nốt thương cảm vào giọng mình. “Trong trường hợp này, vì Ngài Ashland đã biết rất rõ gốc gác của ngài, đó chỉ còn là một sự lễ độ mang tính hình thức.”

Anh ta lại nắm chặt cây nạng. “Cô thật lạc quan.”

“Tôi không nghĩ ngài ấy sẽ phản đối—” Cô ngừng lại.

“Trừ khi ngài ấy biết tôi rõ như cô?”

Leda thấm ướt môi, tẩy máy cây bút.

“Tôi hy vọng mình không nhìn lầm cô, Cô Etoile. Tôi đã trao cô quyền lực có thể hủy hoại cuộc đời tôi. Cô có phải một kẻ đâm sau lưng người khác không?”

“Không,” cô thì thầm, không biết vì sao, hay vì sao lại không, nhưng cô chắc chắn, xin Chúa hãy tha thứ cho cô, rằng cô sẽ không đến gặp Ngài Ashland và nói với ông người muốn cưới con gái ông là một kẻ đi đêm và một kẻ trộm.

Lúc đó Ông Gerard nhìn thẳng vào mắt cô, với một tình thân ấm áp và sự kết nối mà Leda cảm nhận tận sâu trong cô với một niềm vui sướng đau đớn.

Phải chi, cô nghĩ, đó là tính nhu nhược mà cô đã can trọng không cho phép bản thân trong suốt cuộc đời.

Ôi, phải chi...

Chương 16

Tâm kiếm

“Võ sĩ khi cải trang sẽ tránh những món mặn, những món được nêm gia vị, thức ăn hăng mùi dầu, tỏi, hay những thứ tương tự,” Dojun nói. “Anh ta không làm lộ thân phận trước kẻ thù bởi những thứ anh ta đã chạm vào hay những nơi anh ta đã đến—những cảm xúc mạnh mẽ không để lộ hành tung của anh ta. *Shinobi* là làm một người ẩn. Một cách diễn tả khác là *nin*, là sự kiên nhẫn, khả năng chịu đựng, sự bền bỉ.”

Samuel lắng nghe từng từ, những lời chỉ dạy được nhắc lại cả mười ngàn lần. Những công việc ngầm của anh cũng dễ dàng như giảm căng thẳng một thỏa thuận làm ăn của hãng Arcturus bằng cách tặng một khoản tiền lớn cho người mua con tàu hơi nước đầu tiên ở Honolulu, và cũng mạo hiểm như dính líu vào một công ty Hoong Moon bí mật của Trung Quốc trong việc bảo quản tiền thanh toán, rồi cúi người để thắp bếp gas trong văn phòng ở cạnh một sáng nọ...và ngửi mùi thuốc súng một khắc trước khi anh quẹt diêm.

“Hãy xem,” Dojun nói, “chữ *nin* được tạo thành bởi chữ ‘kiếm’ viết trên chữ ‘tâm’. *Shinobideru* là mật vi; *shinobikomu* là đột nhập; *shinobiwarai* là vô động tiểu; *jiji no kokoru* là tâm nhân ái. Tất cả những điều đó là của cậu. Đừng cố phấn đấu. Đừng ham muốn. Hãy như lá tre bị uốn cong bởi giọt sương—chiếc lá đó không lay giọt sương, nhưng vẫn sẽ đến lúc giọt sương rơi và chiếc lá bật nảy lên, giải phóng sức mạnh.”

Samuel cân nhắc chiếc lá. Anh không nghĩ về nó theo nhận thức gò bó, mà cảm nhận theo cách không có sự tách bạch giữa bản thân, cây tre và giọt sương. Có một lay động ở góc tầm nhìn. Giọt sương rơi. Cơ thể Samuel lướt ra sau trước cú tấn công của Dojun, nương theo lực đánh và trượt khỏi quỹ đạo của nó.

Anh vẫn giữ thế quỳ. Hiện nay không một ai ở phố Tàu, *pake* phương Đông hay *kanaka* bản xứ dám động thủ với anh, Samuel biết điều đó. Anh có thể đứng trên một con đường của Phố Tàu và cảm giác được điều đó, cũng như anh có thể cảm nhận được mùi tanh nồng của thuốc phiện lớn vờn trên cuốn xoài và lưng cá cũng như mùi bùn. Không có ai đặc biệt chú ý đến anh; không ai tránh đường cho anh như thể anh xứng đáng nhận sự kính trọng tốt bậc; nhưng một tên Hawaii vạm vỡ đứng canh cửa tại một sòng bạc gần nhất sẽ quan sát anh với một nụ cười huynh đệ uể oải.

Với mái tóc vàng và chiều cao của mình, Samuel không phải là người *fan kwai* duy nhất làm kinh doanh ở phố Tàu, nhưng anh là người đứng đầu của những hung thần phương xa, cũng như Arcturus là sở thương mại ngoài-Trung-Quốc xuất sắc nhất trong vùng, bởi vì Samuel giao kết với bất cứ ai cũng đều công bằng và giữ lời, và ăn miếng trả miếng nếu cần.

Dojun vẫn yêu cầu giới hạn tận cùng trong khả năng của Samuel. Chuyện đó từ lâu đã trở thành một cuộc thi tài kỳ lạ của họ, không vô bổ như đi thơ thẩn vào một quán rượu và gây gổ với những thủy thủ say bet nhè để luyện tập. Samuel đã một hai lần đối đầu với những tên say rượu thích gây gổ, và thật dễ như trở bàn tay khi xoay người tránh đường và để bọn họ tự làm

mình thảm bại khi úp mặt xuống sàn. Không, chính Dojun mới là người thách thức anh, là người giật những sợi dây vô hình, tìm thấy những bất hòa và khuyết điểm tinh vi trong những mối làm ăn lẽ ra không có trở ngại của hãng Arcturus. Chính Dojun là người châm ngòi cho Samuel và hãng Arcturus đối đầu cùng tất cả bè đảng và phe cánh tại Phố Tàu, từng nhóm một, rồi để anh tự tìm lối thoát, dùng sức hoặc dùng mưu.

Giờ anh đã biết thế nào là chiến đấu thực sự. Họ sẽ bẻ gãy đầu *kotsun* của cậu, nếu cậu không tránh đường.

Thế là anh tránh đường, rồi quay trở lại—xoay thân, đánh thật khốc liệt, rồi chìm vào sự tĩnh lặng.

Gió. Lửa. Nước.

Và lúc nào Dojun cũng ở đó, bàn về sự yên tĩnh và dạy anh sự dữ dội, bảo anh phải nắm lấy cái tâm hung bạo mà anh khám phá bên trong mình và biến nó thành cái tĩnh tâm và bình lặng.

Dojun đã có thể đánh anh đến cả ngàn lần. Và ngàn lần đó, Dojun bao giờ cũng ngừng trước thời khắc hoàn thiện cú đánh, không bao giờ chạm vào Samuel; không bao giờ phá vỡ lời thề.

“Võ sĩ *shinobi* phải mang theo sự chân thật trong mình.” Giọng Dojun điềm đạm, không động tâm. “Anh ta không chiến đấu vì tiền hay vì ý thích tiêu diệt. Sức mạnh và quyền lực không là gì cả. Anh ta nuôi thâm ý. Anh ta là một ảo ảnh trong một thế giới thực; anh ta đã cho mình một lớp vỏ nguy trang, như con bộ ngựa giả làm nhánh cây. Nó không trở thành nhánh cây. Nó vẫn không quên mình là bộ ngựa. Cậu phải lưu ý chuyện này.”

Samuel cúi gập người tiếp nhận, hai bàn tay đặt úp trên đùi.

“Cậu hành xử thế nào với phụ nữ, Samua-san?”

Cậu hỏi đến thật nhẹ nhàng, một quả bom, nó bất ngờ như cú phục kích của Dojun. Samuel thấy mặt mình nóng bừng; cơ thể chìm trong nỗi hổ thẹn.

“A.” Giọng Dojun có vẻ hứng thú. “Họ khiến cậu mất sự hài hòa.”

Samuel không biết phải đáp lời ra sao. Sự lúng túng đã chiếm giữ tay chân anh; anh chỉ ngồi đó như một con thú xuẩn ngốc, chờ Dojun thâm nhập và xé cái phần đó trong anh thành những mảnh nhỏ.

“Cậu không qua lại với phụ nữ?” Câu này được đặt theo câu hỏi, nhưng Dojun nói cứ như ông đã biết rõ.

“Vâng,” Samuel thì thầm, nhìn thẳng trước mặt.

Trong một thoáng, Dojun không lên tiếng. Rồi ông nói bằng một giọng trầm tư, “Phụ nữ làm

tắc nghệ tri giác. Nhìn chung thì tốt nhất là hãy tránh họ. Tốt nhất là sống trên những ngọn núi và ăn lạt—bằng cách đó các giác quan sẽ tinh tường; một hiệp sĩ có thể nhận biết một phụ nữ từ khoảng cách xa, biết được cô ta làm gì mà không cần nhìn hay nghe thấy cô ta. Nhưng phụ nữ thật đáng thèm muốn, phải không? Một hiệp sĩ phải biết được điểm yếu của mình. Cơ thể phụ nữ đẹp thật đấy, họ di chuyển thật duyên dáng, ngực họ tròn, làn da ngọt ngào và mềm mại. Cậu có nghĩ về điều đó không?”

Samuel im lặng. Anh không có từ nào để diễn tả điều anh không muốn nghĩ đến. Anh chỉ có những hình ảnh bủa vây anh cực kỳ quẩn bách, và đột nhiên—một cách kinh khủng—anh không có cách nào để giấu Dojun những gì hình ảnh đó gây ra cho anh. Samuel kinh hãi. Máu đỏ nhọc nhã bao phủ anh trong khi anh để lộ mình như thời còn là một cậu học sinh.

“Cơ thể cậu đáp lại ham muốn thậm chí trong khi ta nói về nó, Samua-san.”

Samuel cảm thấy máu nặng trĩu trong mạch anh. Anh giữ mắt mở, nhìn trần trần vào khoảng không. Hít vào. Thở ra. Anh cảm giác như đang chết chìm.

Giọng Dojun trôi nhẹ trong không gian tĩnh lặng. “Đây là *shi-kijo*, là ham muốn, là đổi sắc vì một phụ nữ. Phụ nữ làm cậu phân tâm, nhưng nhờ đam mê của một người đàn ông dành cho một phụ nữ mà sự sống của vạn vật, *ki*, được hình thành, và sản sinh một đời sống mới. Đó là một câu hỏi tế nhị. Không có gì sai khi một hiệp sĩ ăn nằm với một phụ nữ, nhưng ở nhiều khía cạnh nếu cậu không làm vậy sẽ tốt hơn. Cậu không nên đầu hàng sự nhu nhược của bản thân. Cậu phải luôn mang theo những nguyên tắc cốt lõi bên mình: tính chính trực, sự quả cảm, lòng trắc ẩn, sự nhã nhặn, chân thật tuyệt đối, danh dự, lòng trung thành. Nhờ những điều đó mà cậu sẽ biết.”

Như mọi thứ Dojun đã dạy anh, nó thật đơn giản mà cũng cực kỳ phức tạp. Nhưng trong việc này Samuel che giấu bản thân, che đậy mức độ đói khát đáng sợ đó trước sự phụ của mình. Anh không có lòng chính trực nào có thể kiềm chế điều đó, không có sự nhã nhặn, không danh dự, không cả lòng trắc ẩn. Chỉ có nỗi sợ sâu tận xương tủy rằng anh sẽ đánh mất bản thân, sợ sẽ rơi, rơi mãi, rơi xuống một cái giếng tới nơi vô định.

“Thay vì vậy, lấy nguồn năng lượng của *shikijo* và sử dụng nó theo thuật mà ta đã dạy cậu,” Dojun khuyên. “Đó là sinh lực của người đàn ông trẻ. Hãy tập trung *ki* của cậu.”

Samuel cúi mình để thể hiện lòng biết ơn của anh vì bài học, như thể nó giống những bài giáo huấn khác.

“Đừng làm phân tán sức sống của cậu vào phụ nữ.”

“Vâng, Dojun-san,” Samuel nói.

“Hãy nhớ điều này như một sự yếu đuối trong cậu. Hãy rèn luyện kỷ luật đối với mọi việc.”

“Vâng, Dojun-san.”

“Cậu là một võ sĩ. Tim cậu là một thanh kiếm.”

Samuel lại cúi mình, và khép mắt.

Chương 17

Cô Myrtle chưa từng có mối bất hòa nào với tâm hồn hiếu kỳ; thật thế, bà đã thường nói sự hiếu kỳ với ý tốt bổ sung một lượng kích động rất cần thiết cho cuộc trò chuyện của các quý bà quý cô quen biết nhau, và họ cũng không có những thói quen xấu như khuynh hướng ngồi lê đôi mách có hại cho nhân cách của họ, điều này đã được các quý bà quý cô ở Phố South nhất trí rằng họ không có những thói quen đó.

Cô Lovatt có vẻ chưng hửng trong một chốc sau khi Leda thông báo công việc mới của cô. “Amanuensis!” bà thốt lên.

“Từ đây dài thật,” Phu nhân Cove thì thầm. “Em sẽ không thích được yêu cầu phát âm từ đó, dù em dám nói cụ thể thân sinh yêu quý của chúng ta sẽ đọc vanh vách trong chốc lát, và còn chính xác nữa.”

“Nó là từ tiếng La-tinh phải không?” Bà Wrotham trông e sợ. “Tôi chưa từng thấy thoải mái với tiếng La-tinh. Đó có vẻ là một ngôn ngữ hợp với đàn ông, và lại là một ngôn ngữ chết. Sao người ta lại muốn thốt ra những từ không còn sống nữa chứ?”

Phu nhân Cove rùng mình. “Như nuốt cá ấy.”

“Cá!” Cô Lovatt trao cho em gái một cái cau mày bức dọc. “Từ đó không có liên quan gì đến cá. Nó chỉ một người cầm bút ghi chép.”

“Vâng,” Leda vội nói, “và cháu có phòng ngủ riêng cùng bất cứ đồ dùng nào cháu cần cho việc thư từ, giấy trắng, bút và những thứ tương tự, và thay vì một cái bàn thông thường, Ông Gerard đã cho cháu sử dụng một cái bàn viết đẹp được để lại bởi cha của Phu nhân Ashland, Bá Tước Morrow quá cố, do chính ngài thiết kế và dựng đến từng chi tiết bằng thứ gỗ quý đem về từ vùng Biển Đông. Ngài Morrow từng là một nhà du hành và thám hiểm lỗi lạc, theo như lời Ông Gerard, và nhà ngài chứa đầy những đồ vật lạ đem về từ nước ngoài.”

“Đức ngài có nói tiếng La-tinh không?” Bà Wrotham hỏi, vẫn còn lo lắng.

Cô Lovatt không đồng ý với câu hỏi vì cho rằng nó không liên quan đến điều đang nói. Sau khi mạnh tay chỉnh Bà Wrotham bằng một lời gợi ý gay gắt rằng Ông Wrotham, không kể Ngài Cove, đã từng nói tiếng La-tinh, hay ít nhất cũng đã đọc thứ tiếng đó như bất cứ quý ông nào từng theo học tại Eton, bà quét một ánh mắt ngạo nghễ quanh nhóm người và nói, “Tất nhiên

mọi người nhận ra gia đình này là ai rồi chứ?”

Leda và những quý bà khiêm tốn thừa nhận mình thiếu kiến thức.

“Lúc đó cháu hẳn là còn quá nhỏ,” Cô Lovatt trấn an Leda. “Nhưng Phu nhân Cove và Bà Wrotham chắc còn nhớ. Thảm kịch Ashland—ồ, giờ thì chuyện đã qua bốn mươi năm rồi. Toàn bộ gia quyến, luôn cả những đứa trẻ, chết trong một trận hỏa hoạn trên con tàu mà họ đi trên đường trở về từ xứ Ấn. Một chuyện kinh khủng, kinh khủng—ngài hầu tước già đáng thương ở đây mất hết tất cả—ta tin người thừa tự của ông ấy không kết hôn, và gia đình của cậu con sau thì ở trên tàu. Họ đều bị chết cháy.”

“Có, em nhớ rồi!” Phu nhân Cove nói cùng một cái lắc đầu buồn bã. “Đúng là một bất hạnh đau lòng. Em còn nhớ rất rõ; đó là năm Ngài Cove đem con tàu kinh doanh của mình đến Paris, và kể cả tờ *tin St James* cũng viết về thảm kịch đó vì cả gia đình có dòng dõi cao, về những đứa trẻ tội nghiệp và chuyện những tên cướp biển đã giết bọn trẻ. Và rồi không lâu sau đó xảy ra cuộc nổi loạn ở Ấn, và ôi—những câu chuyện thất kinh! Em không thể tiếp thu được chuyện đó, không thể đọc về nó, nhưng mọi người cứ nói đi nói lại đến khi chuyện đó khiến người ta đau xé lòng.”

“Ừ, đúng vậy—dễ sợ,” Cô Lovatt nói, nhanh chóng bỏ qua cuộc nổi loạn. “Nhưng em còn nhớ kết cuộc câu chuyện của gia đình Ashland chứ—hóa ra người cháu trai không chết, mà rong ruổi khắp nơi cho đến khi trưởng thành, trên con tàu tưởng rằng đã cháy, và rồi anh ta trở về và trả thù người em họ—”

Bà ngừng đột ngột và cau mày, trông khá phật ý. “Tôi tin đó là người em họ; lúc này tôi không nhớ ra tên anh ta—Ellison—Elmore—”

“Eliot!” Phu nhân Cove nói, ngồi thẳng lưng với hai bàn tay phe phẩy đầy phấn khích. “Ồ, có, em nhớ chuyện đó như mới ngày hôm qua! Vụ án nổi tiếng!”

“Vụ án cuối cùng của một quý tộc trước Viện nguyên lão,” Cô Lovatt xướng, giữ giọng phù hợp với sự trang nghiêm của chủ đề bàn chuyện. “Theo yêu cầu của Nữ hoàng. Vậy đấy! Mọi người thấy gia đình ấy phải thế nào rồi chứ.”

Leda và Bà Wrotham chỉ chớp mắt bối rối trước kết luận đặc chí cho câu chuyện rối rắm. “Tôi chắc mình không hiểu những đứa trẻ bị thiêu rụi ở Viện nguyên lão thì có liên quan gì đến Leda hơn gì tiếng La-tinh,” Bà Wrotham nói trong một giọng mỉa mai.

“Tất nhiên là nó không liên quan gì đến tiếng La-tinh,” Cô Lovatt phát biểu đầy chắc chắn. “Công việc của Leda hiện nay là làm cho người đàn ông đó. Ngài Ashland. Ngài hầu tước ấy.”

“Không, không,” Leda nói. “Ngài ấy không phải ngài hầu tước. Tên ngài ấy là Ông Gerard.”

Cô Lovatt ban cho cô một ánh mắt thương hại. “Cháu là một cô gái rất ngoan, Leda, nhưng lại không quá sáng dạ. Ta chắc ta không biết cháu sẽ là kiểu amanuensis nào nếu cháu dễ bị

lúng túng như thế. Ta không nói về Ông Gerard, cháu thân mến. Ta đang nói về thân quyến của anh ta. Đức ngài và Phu nhân Ashland. Đó sẽ là cùng một người, cháu không hiểu ư? Chính là ngài hầu tước thất lạc ấy.”

“Ồ,” Leda khiêm nhường nói.

“Và ngài ấy đã lấy ai nhỉ?” Cô Lovatt tự hỏi. “Còn một vụ tai tiếng dính dáng đến chuyện đó nữa...Ta không thể lần ra—Cháu nói là Morrow à?”

Leda được cử đi lấy sách Hàng quý tộc của Bà Wrotham được để trong khuê phòng của bà. Khi cô trở lại, những quý bà quý cô lao vào cuốn sách như thể đó là tấm bài vị được thỉnh từ núi xuống, nhẹ nhàng tranh cãi nhau xem ai nên là người nghiên cứu. Phu nhân Cove nhanh chóng bị loại vì thiếu khả năng đánh vần, và Bà Wrotham, dù là người sở hữu cuốn sổ, không thể lật trang đủ mau lẹ cho Cô Lovatt, người cuối cùng giật lấy cuốn sổ và làm việc nhận dạng.

“Meridon,” bà đọc to, rà theo trang giấy bằng kính cầm tay. “Gryphon, Arthur. G-R-Y-P-H-O-N. Đúng là cách đánh vần từ Griffon một cách dốt nát! Ngài Ashland, Hầu tước đời thứ sáu, Bá tước Orford thứ mười và Tử tước Landley thứ mười bốn; sinh năm 1838; con trai của Ngài Arthur Meridon xứ Ashland Court và Calcutta với Phu nhân Mary Caroline Ardline; kết hôn với Phu nhân Terese Elizabeth Collier, con gái Ngài Morrow; có một con trai, một con gái; du lịch rộng khắp trong những cuộc thám hiểm khoa học và thực vật học; cố vấn hải quân cho Đức vua Ka—Kala—tôi không tin mình có đủ khả năng đánh vần cái tên đó—Vua của Đảo quốc Hawaii; là Chủ tịch Công ty Arcturus; người điều hành của—một cái tên nước ngoài—K-A-I-E-A—”

“Ồ, đúng rồi,” Leda hăng hái nói. “Đó là công ty của Ông Gerard.”

“Vui lòng đừng ngắt lời bẽ trên, Leda,” Cô Lovatt nói. “Ngài Ashland là người điều hành công ty này, giám đốc của một lượng đáng kể có vẻ là tổ chức từ thiện có liên quan đến thủy thủ, một thành viên của nhiều câu lạc bộ, và thích môn du thuyền để tiêu khiển. Cơ ngơi của ngài ấy ở Ashland Court, Hampshire. Những địa chỉ khác, Westpark, Sussex, và Ho-no-lu-lu, Hawaii.”

“Họ đến cùng đoàn Hawaii để dự lễ Jubilee,” Leda bày tỏ, “nhưng Ông Gerard nói họ chưa định ra ngày kết thúc chuyến thăm. Ngài ấy tin họ có thể sẽ chuyển đến nhà của Phu nhân Ashland ở Westpark và ngụ tại đó trong mùa thu.”

“Ashland,” Bà Wrotham thì thầm, nhắm nhắm ngón tay. “Ôi chao, tôi tin mình đã thấy cái tên đó rồi—mang cho cô thông cáo của Tòa đi nào, Leda yêu quý. Cô chắc nó ở trên bàn trang điểm của cô.”

Leda, đã biết rõ Bà Wrotham, nhìn nhận sự quả quyết của bà với chút nghi ngờ, và cuối cùng tìm thấy tờ giấy được yêu cầu trên tủ bát đĩa trong phòng ăn sáng. Sau một cuộc nghiên cứu tỉ mỉ khác, những cái tên Đức ngài và Phu nhân Ashland được ghi chú rằng đã tham dự vài buổi họp mặt dành riêng của lễ Jubilee, như Leda đã nói, và họ xác nhận con gái của hai người là Tiểu thư Catherine Meridon đã được vinh hạnh diện kiến Nữ hoàng. Khi tên Ông

Gerard được xác định, hoàn toàn tình cờ, trong dòng chữ nhỏ xíu trên danh sách dài những người được mời đến dự tiệc trong vườn của Nữ hoàng, vị trí của Leda đã được bảo đảm. Nếu văn phòng ngài Thị thần xem Ông Samuel Gerard từ Honolulu thích hợp để có mặt trong các buổi lễ tại triều—những buổi lễ không nghi thức—thì những quý bà quý cô ở Phố South cũng đương nhiên phải làm điều tương tự.

Những vụ tai tiếng xưa và còn nhớ mang máng được bỏ qua. Từ chỗ khá ngờ vực công việc mới của Leda, những quý bà quý cô bắt đầu nể phục cô và chỗ quen biết cao quý của cô, và Bà Wrotham cảm thấy mình lẽ ra phải đội chiếc mũ vải Paris tốt nhất thay vì chiếc mũ lụa hạng nhì, và nài nỉ Leda thứ lỗi cho biểu hiện thiếu tôn trọng đó. Leda đã cầu xin bà đừng bắn khoăn chuyện đó, nhưng quý bà lớn tuổi thật sự bất an, và nhiều lần tỏ ý mong muốn Leda đừng nghĩ bà thiếu lễ độ, và hy vọng Leda sẽ đến thăm vào tuần sau để mọi thứ có thể được chuẩn bị theo đúng nghi thức, Bà Wrotham sẽ có thời gian bảo Đầu bếp làm cho cô những cốc kem chanh đặc biệt nhân dịp cô ghé thăm.

Leda rời khỏi đó trong một bầu không khí ấm áp của những lời chúc mừng nổ ra thành tràng tán thưởng hợp thức khi họ nhận ra cỗ xe bốn bánh đang chờ trên phố được Ông Gerard phái tới. Trong một chốc, Cô Lovatt hơi cau mày và không chắc là thích hợp để người ngoài thấy Leda trong cỗ xe của một quý ông chưa kết hôn, nhưng khi nghĩ kỹ hơn bà tự thuyết phục rằng đó là cỗ xe mui trần, được trang trí rất giản dị với chỉ một viền đai vàng mỏng và ý nhị quanh những bánh xe, với một người giữ cửa ngồi cạnh người đánh xe, cả hai đều đội mũ sứ bóng và găng tay trắng, thì thật sự không ai có thể thấy sắp xếp này thiếu đứng đắn. Bà tin đó là một biểu thị của tình trân trọng, khi cho một cỗ xe đúng nghi thức phục vụ cho tiện nghi của thư ký của mình. Bà tin chắc Ông Gerard là một quý ông kiệt xuất.

Mặc dù Leda, với tư cách là mối quen biết thâm giao ở Phố South, đã kéo dài buổi thăm hỏi của cô lâu hơn giờ chuẩn một chút, nhưng cô vẫn trở lại Nhà Morrow vào chiều sớm. Sheppard báo cho cô biết Ông Gerard vẫn còn bận giải quyết công việc trong phòng riêng. Ít ngày qua, Leda đã biết chủ của cô dành nhiều thời gian làm việc trong phòng riêng, về bản chất công việc thì không ai biết, mặc dù rõ ràng cô là người duy nhất thấy dấy lên tò mò về trường hợp này. Nhưng mặt khác quá nhiều điều về Ông Gerard khiến cô hiếu kỳ, cô nghiêm khắc nhắc bản thân.

Anh ta đã nhắn Sheppard rằng anh ta muốn cô chờ anh ta trong thư viện. Leda vâng lời lui tới đó sau khi chấp nhận đề nghị dùng trà của Sheppard. Qua kinh nghiệm cô biết khay trà sẽ kèm theo đầy bánh hạnh nhân, bánh mì kẹp, bánh nướng và kem rất không đúng nghi thức, nhưng vì đã trải qua giờ ăn trưa trong sự khan hiếm ở Phố South, Leda sẵn sàng hành xử vô ý tứ.

Cô nghĩ rằng với tuần lương đầu tiên mà cô tin sẽ được trả vào Thứ Hai, cô có thể cho gửi một giỏ đầy các món ăn ngon từ cửa hàng Harrods đến Phố South—thậm chí còn có thể tổ chức một bữa ăn tối nhỏ trong một cửa hiệu kín đáo ở Claridges, nếu có thể thuyết phục các quý bà quý cô bước vào một khách sạn.

Trước khi khay trà đến nơi, Leda cân nhắc tình huống hợp mặt cùng Ông Gerard trong thư viện, và mở hết ba cửa phòng. Anh ta sẽ không thích; nhất định anh ta sẽ nhất mực đòi đóng cửa lại, nhưng Leda đã quyết tâm ít nhất cũng phải thử. Cô đứng một lát nhìn vào phòng vũ hội trống không, chiêm ngưỡng lớp vữa trát phẳng đẹp và những chùm đèn to lớn. Nơi đây nổi tiếng là căn phòng được trang hoàng lộng lẫy nhất khu Mayfair. Thêm vào những điểm nhấn mạ vàng và pha lê hạng nhất, giữa mỗi cửa sổ là những khung cao đầy hoa lan tươi, những đóa hoa sặc sỡ đủ các màu vàng nhạt và vàng thẫm nổi trên những bức tường phủ lụa màu đỏ tía. Leda tưởng tượng ra một điệu van-xơ, những chiếc váy xòe rộng trong những vòng xoay đủ màu sắc khi những quý cô nhấc đuôi váy trên cánh tay đeo găng; những quý ông tóc sậm và bảnh bao. Cô không có cơ hội học nhảy điệu van-xơ, nhưng cô đã từng thấy một lần, và mừng tượng đó phải là cảm giác tuyệt vời nhất khi xoay tròn trên sàn phòng trong tiếng nhạc du dương.

Một cách không cưỡng lại được, cô nghĩ đến chuyện khiêu vũ với Ông Gerard, và vừa xoay người lại vừa bực bội với chính mình. Trà đến, được một người giữ cửa đem vào, và Leda đến ngồi lại trong chiếc ghế lưng thẳng bằng vật liệu giả tre. Cô đã đem về nhà một tờ *Tin minh họa*. Nếu cô có thời gian rỗi và có gan thì cô đã đến văn phòng của tờ *Thời báo* và yêu cầu được xem những tờ báo được bảo quản từ bốn mươi năm trước, nhưng sự táo bạo của cô không sánh nổi với tính tọc mạch. Và rốt cuộc thì cô có một niềm vui dễ chịu mà không thể chê trách được khi vừa nhấp trà và trầm ngâm nhai bánh hạnh nhân vừa đọc tin mới nhất về lễ Jubilee. Đã qua nửa tuần lễ đầy sự kiện—có vài cuộc thao diễn được lên kế hoạch cho ngày mai, và bữa tiệc trong vườn của Nữ hoàng sẽ diễn ra vào ngày Thứ Sáu. Leda để ý đọc về những chi tiết được tiên liệu với sự thích thú, vì giờ cô đã biết rằng Ông Gerard được mời, dù cho anh ta không thể tham dự.

Tim cô đập bùm thật mạnh khi cô thấy dòng tít ở trang hai. Thanh kiếm Nhật đã được tìm thấy. Bên dưới, một đề phụ cho cô biết Kẻ Trộm Vãn Tự Do. Khi cô đọc với sự tập trung đến chau mày, cô thấy rõ việc nhận dạng tên tội phạm vẫn không có tiến triển—hoặc ít nhất thì không có thông tin vào về độ tiến triển được cung cấp cho cánh báo chí. Thanh kiếm được một viên coi sóc điền trang tìm thấy trong một lần đi thu tiền đão hạn ở một ngôi nhà không có đồ đạc ở Richmond—cách Bermondsey nhiều dặm. Giờ khi tất cả tài sản bị đánh cắp đã được thu hồi, một nguồn tin được giấu tên tại Scotland Yard bị nghe thấy khi thừa nhận cuộc điều tra có thể tạm thời bị đình trệ, vì rất nhiều cảnh sát đã được thuê đảm trách những nhiệm vụ khác trong giai đoạn lễ Jubilee. Tổng kết của vụ án kỳ dị này có vẻ không hơn việc đóng cửa một số cơ sở phục vụ những hoạt động bẩn thỉu không phải chịu điều tiếng gì hơn là bị điểm danh trên mặt báo. Những nhà ngoại giao bận rộn xoa dịu những cái tôi bị châm chích, và có vẻ loạt những vụ trộm kỳ lạ đang trên đường bị giới báo chí cho vào quên lãng.

Cô quá chú tâm vào bài báo đến mức cô chỉ nhận thấy những tiếng nói trong phòng vũ hội khi Phu nhân Ashland đã lướt qua cửa, cô ngẩng lên trong sự kinh hoảng.

“Cậu ấy đã làm gì?” Phu nhân thốt lên, cứ như bà không thể nghe rõ lời người báo tin.

Một thủ thuật nào đấy của căn phòng vũ hội rộng, vang dội đem tiếng bước chân của Ngài

Ashland và giọng nói trầm của ông vào thư viện rõ ràng như giọng vợ ông. “Cậu ấy xin phép được theo đuổi Kai. Đó là cách cậu ấy nói. Theo kiểu cổ hủ thú vị của cậu ấy. Em biết Samuel mà.”

Leda bất động với tách trà đang nửa đường tới môi. Cô bắn loạn nghĩ mình nên ra mặt, hay bí mật rút lui, hoặc chỉ đơn giản đứng lên và đóng cửa lại—nhưng cô không làm gì như thế. Cô ngồi yên và không gây tiếng động, lắng tai nghe...trong sự hiếu kỳ đầy hảo ý.

“Ôi, Chúa ơi—Em đã biết chuyện này rồi sẽ xảy ra,” Phu nhân Ashland nói. “Em đã biết chuyện đó từ nhiều năm trước.”

“Em không thích chuyện đó à?” Giọng của chồng bà nhẹ nhàng hơn, hơi ngạc nhiên.

“Anh đã nói gì với cậu ấy?” bà gặng hỏi.

“Anh đã nói cậu ấy cứ tự nhiên làm như cậu ấy mong muốn, tất nhiên, còn gì—” Ông bỏ lửng câu nói khi gặp phải lời bày tỏ bị kiềm nén của vợ. “Anh đã không biết em sẽ phản đối.”

Leda quay mặt đi. Qua mép gỗ mở của một bức bình phong Nhật, cô có thể thấy hình ảnh phản chiếu của Phu nhân Ashland trong chiếc gương lớn phía trên mặt lò sưởi. Bà đặt những ngón tay trên miệng, như để ghìm lại một lời phản đối. Khi chồng bà đưa tay và đặt lên vai bà, bà lắc đầu và bước vào vòng tay ông. Leda sững sốt nhận ra Phu nhân đang khóc.

Leda biết cô nên rời đi. Chuyện này không dành cho tai cô.

Nhưng cô giữ im lặng.

“Anh không biết em sẽ phản ứng như thế này,” Ngài Ashland thì thầm, vuốt tóc vợ ông, cài những ngón tay vào suối tóc đen, có vẻ không để tâm khi nó đổ xuống trong hai bàn tay ông. “Tess—có phải vì xuất thân của cậu ấy?”

Phu nhân Ashland đẩy ông ra, vẫn lắc đầu. “Không!” Bà lắc đầu dữ dội hơn. “*Không!* Anh nghĩ em có khi nào, *có khi nào* trách cậu ấy vì chuyện đó ư? Không phải em lo cho Kai. Con bé sẽ làm cậu ấy tổn thương. Con bé sẽ không cố ý, nhưng nó sẽ làm tan nát trái tim cậu ấy. Nó sẽ xé cậu ấy thành nhiều mảnh. Con bé còn quá trẻ; nó sẽ không bao giờ biết những gì nó đang làm—nó không bao giờ *có thể* hiểu được chuyện đó!”

Có sự hoảng sợ trong giọng bà, nhưng chồng bà không cãi lại những lời buộc tội con gái họ một cách bắn loạn. Ông lại ôm bà, dung đưa bà vào người ông, thì thầm, “Tess, Tess...Tess xinh đẹp của anh. Anh yêu em hơn cả mạng sống của mình.”

“Em muốn cậu ấy được hạnh phúc,” bà nức nở nói, đặt đầu lên vai ông, xiết chặt.

“Anh biết.” Ông vuốt tay lên xuống lưng bà. “Anh biết.”

“Nếu anh có thể thấy cậu ấy lúc đó.” Gương mặt bà co rúm, và bà lại khóc. “Ôi nếu anh có

thể thấy cậu ấy lúc đó...”

“Tess can đảm của anh—em nghĩ đến chuyện đó thường xuyên đến mức nào?”

“Đôi lúc,” bà nói nho nhỏ.

“Nghe anh này.” Ông hơi kéo bà ra, và vuốt tóc ở thái dương bà ra sau. “Bất cứ khi nào em nghĩ đến chuyện đó, hãy đến với anh. Bất kể anh ở đâu. Bất kể anh đang làm gì—không quan trọng. Hãy đến và níu lấy anh.”

Bà hít sâu và gật đầu.

“Hứa chứ?”

Bà nhìn lên ông. Bà đưa hai bàn tay lên khuôn mặt ông và dăm dăm nhìn ông như thể ông là một vật quý giá không thể tả. “Em luôn luôn tìm đến anh.”

“Tuân lệnh, thưa ngài,” Ông nghiêm trang nói.

Bà mỉm cười qua những giọt nước mắt. “Tuân lệnh, thuyền trưởng.”

Ông cầm hai bàn tay bà và kéo chúng xuống, nắm chúng trong hai bàn tay ông. “Chúng ta không thể bắt Samuel phải hạnh phúc, em yêu. Chúng ta đã làm những gì tốt nhất cho cậu ấy. Đây là cuộc đời cậu ấy.”

Bà cúi đầu. “Em ước gì anh đừng cho phép cậu ấy.”

“Tess...sao anh có thể? Dù cho anh có biết em cảm thấy thế nào đi nữa—anh cũng không thể nào nói với cậu ấy rằng anh sẽ không cho phép cậu ấy nghĩ đến chuyện kết hôn với Kai. Sẽ không nhất thiết anh nói thế nào, hay anh đưa ra lí do gì—em biết cậu ấy sẽ tin khác đi mà.”

“Rằng chúng ta nghĩ cậu ấy không đủ tư cách,” bà nói, giọng bà nghèn nghẹt khiến Leda gắng lắm mới hiểu được.

“Còn tệ hơn nữa. Chúa ơi, còn tệ hơn nhiều. Chúng ta là những người duy nhất biết chuyện. Chúng ta là những người có thể làm cậu ấy thương tổn chỉ với một từ hờ hênh—nhất là em. Nhất là em đó, Tess.”

Bà gật đầu, với một tiếng nuốt xuống nức nở.

“Em bảo cậu ấy đừng tơ tưởng đến con gái em thì em sẽ giết cậu ấy còn hơn Kai có thể.”

“Vâng...đó là lí do em chưa từng...” Bà bật ra một tiếng kêu nhỏ, vô vọng. “Em đã thấy chuyện này lâu lắm rồi; Em đã biết trước; nhưng em chưa từng có can đảm làm bất cứ điều gì. Em chỉ ước gì không có chuyện đó. Em ước một điều gì đó sẽ xảy ra; ước có một người khác yêu cậu ấy—cậu ấy xứng đáng có một người có thể cảm thông mà vẫn yêu cậu ấy, còn Kai...”

Bà xiết hai bàn tay vào nhau. “Em sẽ không thay đổi dù là một sợi tóc trên đầu nó, nhưng nó còn quá trẻ và vô tâm; nó đối xử với cậu ấy cứ như—nó thậm chí còn không thấy cái cách cậu ấy nhìn nó.”

“Nó sẽ già dặn hơn. Khôn ngoan hơn, hy vọng như thế.”

“Quá nhanh. Ôi, quá nhanh! Mà vẫn chưa đủ.” Bà xoay người khỏi chông. “Không đủ nhanh cho Samuel.”

“Cậu ấy là một người trưởng thành,” Ngài Ashland dịu dàng nói. “Nếu con bé trả lời không, em nghĩ cậu ấy sẽ không vượt qua được ư? Ít nhất Kai không biết gì về lai lịch của cậu ấy. Cậu ấy sẽ không phải thắc mắc liệu có phải con bé từ chối cậu ấy vì điều đó.”

“Anh nghĩ cậu ấy sẽ không bắn khoắn ư?” Vợ ông tỏ vẻ buồn bã. “Anh nghĩ trong tim cậu ấy không tin người ta có thể nhìn cậu ấy mà không thấy điều đó ư?”

“Tess...”

“Cậu ấy chưa bao giờ quên. Em đã không kịp tìm thấy cậu ấy. Em muốn cậu ấy quên.”

Ông nắm bàn tay bà và đứng nhìn xuống nó, áp nó giữa hai bàn tay ông. “Em còn chưa quên.”

“Chưa. Và những chuyện xảy đến cho em—với Stephen—ít tháng trong một căn phòng lạnh lẽo—chẳng là gì so với những chuyện Samuel đã phải trải qua trong nhiều năm. Chỉ là một cậu bé con...” Giọng bà vỡ òa. “Một cậu bé con...”

“Cậu ấy không còn là cậu bé con nữa, tình yêu của anh. Cậu ấy đã trở thành một người đàn ông đáng gờm.”

Bà quay về hướng cửa sổ và im lặng. Ông di chuyển đến sau lưng bà, bảo bọc bà trong vòng tay ông. Họ đứng cùng nhau với ánh nắng chiều muộn đổ xuống, một người phụ nữ nước mắt lấp lánh trên gương mặt, một người đàn ông thâm trầm và kiên định, không trao cho bà hy vọng hay lối thoát nào, mà chỉ đứng vững chãi sau lưng bà, ôm bà gần bên mình.

“Anh đã nói gì với Kai chưa?” bà hỏi ông.

“Chưa, anh chưa gặp nó.”

“Đừng nói với nó.”

“Chuyện đó cũng không thay đổi được gì cả, em yêu.”

“Xin anh,” bà nói.

Ông đưa tay lên và túm mái tóc xõa của bà lại, để nó len qua những ngón tay ông. “Anh sẽ

không nói với nó. Cậu ấy cũng không yêu cầu anh nói.”

Phu nhân Ashland dựa vào người ông, vẫn nhìn ra cửa sổ.

“Giao những cái cây của em cho người chăm sóc nhà kính ấy—anh ta có thể tưới nước cho chúng.” Ngài Ashland xoay bà đối diện với ông. “Đi dạo với anh nào.”

Bà chùi mắt. “Với bộ dạng thế này sao? Ở Luân Đôn ấy à?”

Ông chìa ra một cái khăn tay. “Vậy thì chúng ta hãy tự khóa mình trong phòng đi. Chúng ta sẽ bỏ bữa tối và gây ra một vụ tai tiếng. Anh nghĩ gia nhân đang dần thờ ơ với tính lập dị của chúng ta.”

Phu nhân Ashland bật ra một tiếng lạ; Lead bất chợt nhận ra đó là một tiếng cười khúc khích nghèn nghẹt đầy nước mắt.

“Anh cảm thấy một thôi thúc muốn làm chuyện kỳ quái,” chồng bà bảo. “Anh thích thấy em lột da một con gì đó gớm guốc. Có lẽ là một con thằn lằn. Một con rắn.”

Bà đẩy ông. “Anh đó.”

Ông ôm eo bà và cúi mặt xuống bờ vai bà. Mắt Leda mở to khi cô thấy hai tay ông đang làm gì.

Phu nhân Ashland không có vẻ sống sót một cách đúng mực. Bà khẽ nghiêng đầu ra sau, nổi thống khổ trên gương mặt bà bắt đầu tan thành một biểu hiện hoàn toàn khác.

“Quên cái giường đi,” Ngài Ashland lầm bầm. “Hãy cư xử man rợ trong phòng khiêu vũ nào.”

Ông chắc chắn đang thực hiện điều đó. Leda nhắm nghiền mắt và mở chúng sau đó, xác minh ông thật sự đang cởi nút vạt áo trước của bà.

“Gryf,” Phu nhân Ashland phản kháng, không thuyết phục cho lắm. “Cửa...”

Leda ngay lập tức chìm xuống ghế sau tấm bình phong vững chắc khi cô nghe thấy tiếng bước chân có chủ đích của ông đi đến cửa thư viện. Nó đóng sầm lại, và một khắc sau cô nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Cô đặt tay lên miệng. Từ cánh cửa mở ra đại sảnh vang lên tiếng sập cửa khác—cánh cửa còn lại dẫn vào phòng khiêu vũ đã được khóa.

Leda ngồi yên, hoàn toàn choáng ngợp và cồn cào vì hiếu kỳ.

Cô vẫn còn ngồi đó, gục trong ghế với bàn tay che trên miệng thì Ông Gerard đi vào. Cô đứng bật dậy, phóng khỏi ghế với vẻ chột dạ.

Anh ta tựa vào hai thanh nạng và trao cho cô một cái nhìn khác lạ. “Tôi làm cô giật mình

sao?”

“Ồ, không có! Tôi chỉ đang đọc báo thôi.”

Anh ta nhượng một hàng lông mày.

“Chà, tôi vừa đọc,” cô nói, phẩy tờ báo trong tay. “Ngài đã không đưa cho tôi chỉ thị nào khác.”

Có một tiếng động từ cửa thư viện. Ánh mắt cô bay vèo đến đó trong vẻ thất sắc. Ổ khóa kêu đánh tách nhưng cánh cửa vẫn đóng, thật nhẹ nhõm cho Leda, và chốc sau có những giọng nói nhỏ nhẹ và tiếng bước chân vắng lại từ đại sảnh.

Cô biết mình đang đở lưng. Cô chỉ đơn giản là không thể dừng được.

“Che giấu những người hâm mộ bí mật ư?” anh ta hỏi.

Leda không chịu nhượng bộ. “Tôi tin ngài muốn tôi đến gặp ngài ở đây khi ngài thấy phù hợp, Ông Gerard?”

Anh ta nhắc cây nạng đưa ra sau và đẩy cửa đóng lại. “Cô đóng cửa kia lại được chứ?”

Cô chum môi chê trách, nhưng anh ta chỉ đứng nhìn cô chờ đợi. Với một tiếng thở dài, Leda đứng lên và làm theo lời anh ta.

“Tôi đã nói chuyện với Ngài Gryphon,” anh ta nói, khi cô quay lại chỗ anh ta.

Cô cưỡng lại thôi thúc thốt ra, *Tôi biết*. Thay vào đó, cô bước đến bàn viết và cầm lấy cuốn sổ ghi chép. “VẬY là chúng ta có thể gạch bỏ nó khỏi danh sách.” Cô mở sổ và ngồi xuống. “Tôi đã cân nhắc những đề nghị cho bước tiếp theo, nhưng tôi e vết thương của ngài là một chương ngại. Ngài không thể mời Tiểu thư Catherine đi xem những bức tranh ở Viện hàn lâm Hoàng gia, hay cưới ngựa với ngài trong công viên.”

Anh ta dựa vào cánh cửa. “Tôi không phải một kẻ tàn phế.”

“Tôi dám chắc ngài nghĩ mình có thể lò cò trong gian trưng bày,” Leda chua chát nói. “Nhưng có lẽ ngài không có dáng vẻ hùng dũng với cặp nạng. Ít nhất là với tư cách người tháp tùng một quý cô trẻ trong mùa vụ hội đầu của cô ấy.”

“Việc đó không còn gì phải thắc mắc. Tôi sẽ phải đi khỏi đây.”

Leda lập tức nhìn lên.

“Tôi nhận được tin từ Hawaii. Tôi cần phải trở lại. Ngay lập tức.”

Sự sững sốt làm cổ họng cô nghẹn lại. Cô ngồi thất thần nhìn anh ta.

“Tôi sẽ cần một phòng trên tàu hơi nước đầu tiên sẵn sàng ra khơi. Cô hãy sử dụng điện thoại để thu xếp. Ở bến cảng nào không quan trọng—New York hay Washington đều như nhau cả. Và một cỗ xe riêng đến Liverpool.” Miệng anh ta cong lên. “Thở tiếp đi nào, Cô Etoile.”

Leda hóp vào không khí và nuốt xuống. Cô nhìn xuống cuốn sổ và viết với bàn tay run rẩy. *Phòng ở. Tàu hơi nước đầu tiên. Xe riêng.*

Rồi cô lựng khựng đứng lên. “Có phải cảnh sát đã phát hiện ra điều gì không? Có phải đó là lý do ngài phải ra nước ngoài?”

“Không liên quan đến chuyện đó.” Giọng anh ta ung dung và không có gì đáng chú ý. “Có một khủng hoảng chính trị ở Honolulu. Đức vua đã bị phe cải cách ép ký ước thoái quyền. Đến Thứ Sáu, Kapiolani và Công chúa Lydia sẽ được báo tin. Họ cũng sẽ trở về, tôi nghĩ vậy, và còn may mắn nếu ngôi vị của họ còn nguyên vẹn.”

“Ngài biết trước cả họ ư?”

“Đúng vậy.”

Cô không hỏi anh ta bằng cách nào; một vẻ gì đó trong ánh mắt không nao núng của anh ta không cho phép điều đó.

“Tôi không thể quản lý việc kinh doanh từ xa với một chính phủ bấp bênh,” anh ta nói thêm.

Leda nhìn xuống. Cô đã biết chuyện này không thể kéo dài mãi. Nó quá tuyệt vời để tồn tại lâu. “Chà,” cô nói trong một giọng bại trận, “tôi đã rất vinh hạnh và vui lòng được làm thư ký trợ giúp ngài, Ông Gerard.”

“Tôi hy vọng cô cũng sẽ cảm thấy như thế trong tương lai.”

Tim cô nháy vọt lên. “Ngài muốn tôi đi theo ư?”

“Không, không cần thiết. Cô có thể ở lại đây.”

Giữa sự rối bời của thất vọng và nhẹ nhõm, tất cả những gì cô có thể nghĩ ra là, “Ở đây ư? Trong nhà này?”

Anh ta nhún vai. “Bất cứ nơi nào cả nhà lưu lại. Tôi đã nói với cô, họ có thể sẽ xuống Westpark.”

“Họ sẽ không về Hawaii?”

“Tôi có thể lo liệu những chuyện cần làm. Tôi đã nói chuyện với Ngài Gryphon về chuyện đó.”

Leda nhớ lại những tiếng nói từ phòng vũ hội đã không thu hút sự chú ý của cô cho đến khi có liên quan đến anh ta. “Nhưng—họ không phiền thật sao? Họ muốn tôi ở lại với họ à?”

Anh ta hơi mỉm cười. “Tôi tin họ xem cô như một nơi bầu vịu giữa cơn bão thương lưu đấy.”

“Ồ,” cô nói.

“Cô chỉ phải tiếp tục như cô đã làm—chỉ trừ cô có thể tự do mở tất cả cửa trong nhà, một khi tôi đã đi.”

“Tôi không tin việc đó là cần thiết khi ngài đã đi,” cô chặn lời. Thêm vững tin với ý nghĩ mình là nơi bầu vịu giữa cơn bão.

Anh ta trông khá ngượng ngùng, cô nghĩ. Có thể cô đang dần có ảnh hưởng tốt lên anh ta. Cô bỏ không nhắc đến rằng Đức ngài và Phu nhân Ashland thích nhau hơi nhiều hơn thái độ đúng mực, và có vẻ cũng thích những cánh cửa đóng. Với một thói quen như thế, chẳng trách anh ta không có khái niệm nào về việc làm gương cho người hầu.

Anh ta ban cho cô một trong những ánh nhìn màu bạc đó. “Cô có ý kiến gì, Cô Etoile, về chuyện tôi ngỏ lời với Tiểu thư Catherine trước khi tôi đi?”

“Ồ, ngài không nên.” Leda chụp lấy cuốn sổ khi nó trượt khỏi lòng cô. “Chuyện đó sẽ—làm như thế sẽ là hấp tấp.”

Cô xoay xở bắt được cuốn sổ trước khi nó rơi. Không suy nghĩ, cô vội phủi bụi nó như thể nó đã chạm sàn.

“Cô ấy sẽ từ chối.” Anh ta nói một cách thản nhiên, không một dấu hiện cảm xúc, nhưng Leda bất chợt thấy những gì Phu nhân Ashland nhìn thấy—cách hai bàn tay anh ta xiết chặt thanh nạng, sự bất an sâu sắc sau vẻ bề ngoài thờ ơ.

“Về chuyện đó thì tôi không dám nói chắc.” Leda bắt chước giọng nói giảng dạy của Cô Myrtle, như thể đó chỉ là một câu hỏi về nghi thức. “Nhưng cân nhắc bản chất nhạy cảm của một quý cô, một quý ông không được làm cô ấy bối rối khi bỏ qua quy ước và quá vội vàng đưa ra đề nghị.”

Hai bàn tay anh ta thả lỏng trên cặp nạng. Bóng dáng của nụ cười đã trở lại. “Thậm chí trong một tình huống khẩn cấp cũng không được?”

“Ngài đâu có đi ra chiến trường, Ông Gerard,” Leda bảo anh ta. “Nhất định ngài sẽ được trả lại cho chúng tôi còn sống và không bị tổn hại. Tôi không nghĩ đi công tác bất ngờ có thể được xem là một trường hợp khẩn cấp.”

Anh ta nghiêng đầu. “Hiển nhiên là cô đúng. Như mọi khi.”

“Tôi cảm thấy mình đúng trong trường hợp này,” cô khiêm tốn nói. “Với tất cả lòng kính trọng.”

“Còn một việc nữa,” anh ta nói, “nếu cô đồng ý giúp tôi.”

“Tôi sẽ rất vui lòng được giúp đỡ trong mọi khả năng của mình.”

“Tốt.” Anh ta tựa đầu vào cửa và nhìn xuống cô, đôi mắt nửa khép lại trong cái nhìn lấp lánh như người tuyết khiến Leda đột ngột bắt đầu hồi tiếc vì đã nhanh nhẩu đồng ý. “Có một vật cần được lấy từ phòng cũ của cô trước khi tôi đi,” anh ta thì thầm. “Tối nay, Cô Etoile, cô và tôi sẽ đi lấy vật đó.”

Chương 18

Ngôi nhà Mặt Trời

Hawaii, 1882

Họ nói Haleakala cách mặt nước biển mười ngàn bộ. (1 bộ Anh = 30,48 cm)

Mười ngàn con sông hợp thành biển.

Một mục tiêu chân chính sẽ đánh bại mười ngàn người.

Chỉ có gió tới được nơi này; gió và mây cuộn lên qua một khe hở lớn toang hoác trên vách đá viền quanh miệng núi lửa. Sương mù lảng lảng dạt vào Ngôi nhà Mặt Trời, làm lu mờ màu đỏ của những lớp sỏi và bọt đá, những sườn núi bị đốt ra tro và khoảng không trơn trượt. Những đám mây sà xuống vương vãi và cuộn cuộn rồi biến mất. Samuel và Dojun đã cuộc bộ nửa ngày dưới bóng mây khổng lồ, vậy mà những vách đá trước mặt lại không gọn mây và trông thật xa xôi—như rất nhiều thứ khác: không gần hơn cũng không xa hơn lúc họ khởi hành.

Hãy xem mười dặm vừa qua là nửa đường của một chuyến hành trình trăm dặm.

Samuel không hỏi han. Anh chưa từng đến đây. Kể cả Dojun cũng thế, anh biết điều đó. Nơi này cách Honolulu hai ngày đường: một ngày đi trên tàu nội thủy đến Maui, một ngày nữa leo lên triền núi xuyên qua những cánh đồng lau và rừng mây và rồi đi theo hàng cây đến vành đai của miệng núi lửa lớn. Không khí ở đây loãng, tạo thành cơn nhức buốt trong buồng phổi. Một sự im lặng xa lạ khiến sự sống như đóng băng—thậm chí những cái cây rải rác quanh đó cũng mang những hình thù tua tủa màu xám băng giá, với tâm điểm chiếu sáng mờ tỏ, cứ như những phiến lá bên trong bắt lấy ánh nắng ngày và phản chiếu lại, gom góp ánh nắng thành một vầng hào quang chói lọi.

Nơi đây không có ai để ý, Dojun công nhiên mang theo một thanh kiếm trong một cái bao dài. Theo thói quen, Samuel ưa dùng một con dao ít gây chú ý hơn, mặc dù anh đã luyện tập với thanh kiếm kia để làm một thứ vũ khí, một vật dụng để rạch và cắt, kể cả một vật chống tiện dụng để leo núi. Anh biết những khoang bí mật trong cái bao kiếm tưởng như bình thường kia—vỏ dao của anh cũng có những khoang chứa bí mật như thế, đầy thuốc bột ngăn tầm nhìn và thuốc độc.

“Nghỉ đi,” Dojun nói, ngừng chân dưới con dốc dài dẫn lên chóp tròn của một đồi bọt đá. Họ đã đi theo con đường mòn dẫn lượn quanh khung cảnh tiu điều, nhưng Dojun bất chợt không theo nữa mà bước lên con đường sỏi chưa khai phá về phía ngọn đồi.

Samuel đứng yên tại chỗ quan sát. Nhiều phút trôi qua, bóng dáng Dojun trở nên bé xiu; khiến cột bọt đá trở nên to hơn cho đến khi nó trông khổng lồ và Dojun chỉ là một chấm đen di chuyển lên con dốc. Ông biến mất trên cái miệng hình lòng chảo.

Sự im lặng như một vật chất hiện hữu, một tiếng rền trong tai Samuel. Nếu anh xê dịch chân, con đường đá rộng vang lên một tiếng rắc rõ to. Nơi này chơi trò ảo giác, khiến những đồ vật nhỏ có vẻ to lớn và những thứ đồ sộ lại có kích thước không đáng kể.

Anh tận hưởng cảm giác hư vô. Không gian trống trải, sự tách biệt đáng sợ—anh cảm nhận nó trong tim như một quãng nghỉ cách xa những thứ mà anh đã không biết khiến tâm hồn mình bất ổn. Anh thậm chí còn cảm thấy mừng vì Dojun đã bỏ anh lại. Anh vô cùng an toàn; ở đây không có vũ khí nào có thể chạm được anh, không có nỗi hổ thẹn nào với được tới anh.

Anh quỳ xuống, chờ đợi. Khi những đám mây sà xuống, không khí lạnh đến đóng băng. Đã nhiều năm nay anh chưa cảm thấy cái lạnh cắt da đến thế. Anh còn nhớ, lần đầu tiên sau một thời gian dài, những căn phòng ẩm đạm và nước lạnh cóng, hai bàn tay anh sưng phồng vì tiếp xúc với chúng và hai dây đai buộc quanh cổ tay lạnh như lửa bỏng khi anh kéo giạt những sợi dây trói. Anh đã không kéo giạt để tìm lối thoát; anh chưa từng nghĩ đến việc chạy trốn; anh chỉ giạt bắn người mỗi lần bị đánh hay có người chạm vào anh, bởi vì anh không thể làm khác được, và đó là lí do hai cổ tay anh bị giạt đến xây xát.

Anh có thể nhớ đã có những cậu bé không thể sống sót; những cậu bé trở bệnh và tàn lụi, những cậu bé khóc cho đến khi một ai đó chán ngấy vì cứ phải nghe tiếng chúng. Anh đã mạnh mẽ hơn họ, nhưng không đủ mạnh hay đủ khôn để biết rằng cuộc đời có thể khác đi.

Phu nhân Tess đã đem lại tự do cho anh, và giờ anh ở đây, hít thở không khí trên cao, trong lành và loãng—thật trong lành và xoa dịu và không nhiễm bẩn; thậm chí bọt đá dưới chân anh cũng tinh khiết. Anh cầm một nắm bọt đá trong tay và lắng những hình thù màu đen giữa hai lòng bàn tay. Những mặt phẳng màu gỗ mun lấp lánh, vừa đẹp mà cũng vừa xấu, như miệng núi lửa đã phun trào ra chúng.

Anh tháo một góc miếng vải đã được gấp và hốt một nhúm sỏi lấp lánh vào giữa để đem về làm quà cho bà. Trong khi anh cột miếng vải lại, một cảm giác ám muội lướt qua anh.

Cả thế giới như sụp đổ; anh lăn nghiêng thoát thân cùng tiếng vù của thép bay vụt qua, tiếng rít oang oang vang lên ngay sát tai anh. Thanh kiếm bổ xuống ngay lúc anh né, giải phóng nguồn sức mạnh không nhân nhượng thành một vòng cung sát thương, mũi kiếm cắm vào lòng đất thành một vết dài ba bộ vùi trong bột đá đen.

Dojun thả hai tay khỏi chuôi kiếm, và thanh kiếm sừng sững đơn độc trên mặt đất.

Samuel đứng tấn, tấm trong mối đe dọa; khi Dojun bước về phía anh, một cái bóng như lướt qua—Samuel nhảy khỏi bàn tay đang lừa tới cổ anh, đưa hai cổ tay bắt chéo lên cao và hụp người tránh cú đá tiếp theo mà nếu tiếp xúc sẽ làm vỡ xương. Những đòn tấn công được tung ra liên tiếp; Samuel lướt phảng phất trong cái bóng, né tránh, bắt đòn, tâm trí anh trống rỗng, sẵn sàng trước sự thể đang diễn ra—Dojun đang tấn công anh bằng toàn lực, từng cử động mạnh mẽ và chí tử, phóng ra một cái bóng trước khi đòn đánh đến.

Samuel không đánh trả; cuối cùng anh chỉ vịn người và cúi mình tránh cái bóng, hạ vai xuống như khi Dojun đá vào chỗ hở của anh, ông tiếp xúc với mặt đất bằng một chân, và theo đà, cơ thể ông theo thế lao tiến đến nơi Samuel vừa đứng, bay qua bờ vai hạ thấp của Samuel như thể ông bị ném đi, mặc dù Samuel chưa hề đụng vào ông.

Dojun vỗ hai bàn tay lên đất và lộn người, bật dậy trong một mảng ánh sáng đầy bụi mù, cái bóng tan biến cùng với màn sương như thể nó chưa từng tồn tại.

Samuel đứng thở hổn hển, nhìn ông đăm đăm, cố gắng tin rằng mặt đất vừa sụp đổ, mặt trời vừa tan thành tro bụi và biển cả khô cạn: vì Dojun vừa phá vỡ lời thề.

“So,” Dojun lẩm bẩm, đặt hai tay lên hông. “Ta đã hứa với cậu. Sẽ không đánh Samua-san, phải không?”

Môi Samuel gợn cong lên. Anh có thể thấy thanh kiếm từ khóe mắt, mũi kiếm bị chôn sâu vào lòng đất nơi anh đã ngồi. *Đồ khốn*, anh muốn hét lên. *Tôi đã tin ông!*

Dojun nhún vai cứ như anh đã nói to lên. “Ta đã cố lắm rồi. Gắng gượng lắm rồi. Ta không làm được.”

Samuel hít sự trong lành mỏng manh của không khí vào phổi, nhìn xuống thanh kiếm. Anh nhớ lời thề của Dojun cứ như nó được khắc lên một bức tường trong tâm trí anh.

Ta thề với cậu, ta sẽ không bao giờ cố ý đánh cậu vì bất cứ lí do gì.

Dojun đã cố gắng đánh anh.

Đã cố. Đã cố lắm rồi. Gắng gượng lắm rồi.

Và đã không thành công.

Samuel ngược mắt lên, với sự ngỡ ngàng và sự thật lóe rạng. “Thầy không thể làm được,” anh nói từ từ. “Thầy đã biết trước mình không thể làm được.”

“Cậu trẻ hơn hử?” Dojun cũng đang thở hào hển. “Có chút năng lực đấy.”

Samuel cắn răng, kéo không khí lạnh qua những kẽ răng. Anh thấy mình bật cười. Anh ngửa mặt lên trời và cười không ra tiếng.

“Cậu điên rồi à?” Dojun cộc cằn hỏi. “Cậu nghĩ mình là số một rồi sao?”

Nhưng ông đang vừa nói vừa mỉm cười. Ông đến giật thanh kiếm khỏi mặt đất. Ông nhìn sang Samuel.

“Cậu lĩnh hội bài hát tốt đấy, Samua-san. May mắn cho ta nhỉ? Thanh kiếm này giết cậu thì ta làm sao đây?”

Nó đã có thể giết anh. Đã không có điểm dừng an toàn nào trong cú chém xuống chết người đó.

Dojun nói bằng ngôn ngữ của ông. “Ở những hội trường dạy võ sẽ có những bài sát hạch. Họ dạy cậu những thể thức và thể võ. Có *kyujutsu*, thuật dùng cung tên. Có *jiujutsu*, thuật nhân nhượng. Có *kenjutsu*, thuật dùng kiếm. Có *dan* đầu tiên, *dan* thứ hai, *dan* thứ ba, theo từng cấp.” Ông đút kiếm vào bao. “Thuật mà ta dạy cậu không có cấp nào cả. Không có hội trường dạy võ. Cậu sống. Hoặc cậu chết. Đó là bài sát hạch duy nhất.”

Chương 19

Ông Gerard thật sự có tài xoay xở để mọi việc theo ý mình. Trước mắt Leda, anh ta đột nhiên trở thành một người tàn phế cứng đầu nhất, cúi gắt quát Sheppard khi viên quản gia đến theo lời triệu của anh ta, than thở rằng chân anh ta đau, từ chối uống thuốc mà bác sĩ đã để lại, và cương quyết rằng mình cần không khí trong lành và đi cho giãn gân cốt.

Một cơn khủng hoảng theo sau, trong đó một khung cửa sổ mở, một cái ghế trong sân hướng về khu Park Lane, một băng ghế trong khu vườn sau nhà, và cuối cùng một chuyến đi xoa dịu quanh công viên trong cỗ xe bốn bánh bị cau có từ chối. Anh ta muốn đi để tập luyện. Anh ta không quen bị giam hãm và ngồi ì một chỗ. Nói ngắn gọn, anh ta muốn cuộc bộ.

Bởi vì anh ta đã đứng được và đi quanh nhà trong suốt ba ngày qua, không ai có thể thuyết phục anh ta rằng anh ta không thể đi ra ngoài. Anh ta muốn nhờ Tiểu thư Catherine tháp tùng mình. Sheppard thì thầm rằng Tiểu thư và anh trai đã ra ngoài đi xe đạp cùng một nhóm các quý cô và quý ông trẻ. Một giấy nhắn được gửi đến Phu nhân Ashland—hồi âm bảo rằng bà sẽ không dự phần vào chuyện vớ vẩn như Samuel đi bộ trong công viên. Ông Gerard khi đó đã cau có với Leda và nói hai người họ sẽ đi; và không, anh ta không muốn một người giữ cửa hay một cô hầu hay một cái xe lăn chết tiệt—công viên chỉ ở bên kia đường thôi, vì lòng kính Chúa.

Sự xuống cấp trong ngôn ngữ của anh ta dường như khiến Sheppard sửng sốt đến mức phải tuân lệnh. Leda cảm thấy không phù hợp khi sửa lưng chủ của mình trước mặt người hầu, nhưng cô trao cho anh ta một ánh mắt với hai hàng lông mày nhướng cao theo kiểu Cô Myrtle.

Ngoài chuyện thương tích của anh ta, cô không thể thấy phù hợp khi đi dạo với một người độc thân trong công viên mà không có người đi kèm. Tuy nhiên, khi cô mạo muội đề cập đến chuyện đó, cô đã nhận được từ anh ta một biểu hiện đầy đe dọa đến mức cả Sheppard cũng đồng ý rằng có lẽ Cô Etoile có thể chăm lo cho anh ta trong một cuộc dạo chơi ngắn.

Thế là Leda và Ông Gerard đi dạo trong công viên. Họ cuộc bộ qua một cánh cổng, Ông Gerard di chuyển nhanh nhẹn với hai cây nạng, và ra khỏi một cửa vào khác, nơi anh ta thuê một cỗ xe bốn bánh từ chỗ đậu xe trong góc.

Cô phải mất bấy nhiêu thời gian mới nhận ra tất cả chỉ là một màn kịch—rằng anh ta chẳng có tâm trạng cho một cuộc đi dạo. Với cảm giác tận số tới nơi, cô nghe anh ta đưa địa chỉ cho người đánh xe. Cỗ xe cũ sầm sầm và lạch cạch men theo đường Piccadilly, tránh những đám đông trên Quảng trường Buckingham, lắc lư giữa những xe cộ qua lại trên phố Strand. Khi họ

bằng qua cây cầu, mùi sông và mùi giấm quen thuộc ủa vào mũi Leda, còn nặng hơn mùi ám khói cũ và mồ hôi trong xe.

Ông Gerard đang quan sát cô. Cô có thể thấy khuôn mặt anh ta trong khi anh ta ngồi đối diện cô, nét mặt nhìn nghiêng nổi lên bởi ánh sáng yếu ớt từ khung cửa sổ đầy bụi, tia sáng mạnh lên thành một luồng sáng vàng tỏa trên mặt anh ta khi cỗ xe vượt qua một ngã tư nơi ánh trời chiều rọi xuống giữa các ngôi nhà.

“Cô không muốn trở lại đây,” anh ta nói, phá vỡ sự tĩnh lặng.

Leda ấn những đầu ngón tay đeo găng vào nhau. “Không hẳn.”

Anh ta quay nhìn ra cửa sổ. Ánh sáng chiếu hoàn toàn lên gương mặt, thắp lên ngọn lửa bằng giá siêu thực. “Tôi cần cô,” anh ta nói. “Tôi rất lấy làm tiếc.”

Cô không muốn anh ta xin lỗi. Cô khá muốn được anh ta cần đến.

Anh ta kéo dây thắng. Khi cỗ xe chầm chậm dừng lại, vẻ mặt anh ta dường như vừa có một sự thách thức và có một câu hỏi; Leda nhìn sang bên và nhận ra họ vừa ngừng trước sở cảnh sát. Cô nắm lấy mép ghế khi cỗ xe lắc mạnh rồi dừng lại.

“Sẵn sàng rồi chứ?” anh ta hỏi.

Những ngón tay cô nắm chặt quanh ghế. “Tôi phải làm gì?”

“Thở tiếp,” anh ta nói với một nụ cười nửa miệng, “và làm những gì có vẻ tốt nhất.”

“Ngài không có kế hoạch nào ư?”

“Sao tôi có được?” Câu hỏi tuôn ra nhẹ nhàng. “Tôi đâu biết chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Nhưng nhất định—” Cô xòe hai bàn tay rồi nắm chặt chúng lại một cách lo lắng.

“Hãy nghĩ chúng ta thuộc loài mèo,” anh ta nói. “Có thể chúng ta sẽ là một cặp hồ. Có thể sẽ chỉ là hai con mèo nhà. Không quan trọng. Khi thời điểm tới, chúng ta sẽ biết.”

“Ông Gerard,” cô thì thầm, “ông mất trí rồi.”

Cô ước gì anh ta chọn một nơi khác để cho ngừng cỗ xe. Nhưng rõ ràng ở khu vực này, nơi đậu xe an toàn nhất là đối diện sở cảnh sát. Ông Gerard không giải thích cũng không bao biện khi người đánh xe mở cửa. Anh ta chỉ ra lệnh chờ với sự chắc chắn của giai cấp thống trị—nếu anh ta đã chọn lưu lại tại một nơi như thế này, anh ta không để tâm người đánh xe nghĩ gì.

Nhưng cô thì kinh hãi, khi anh ta chuyển cho người đánh xe một tờ giấy bạc và bảo anh ta vào đồn gọi một cảnh sát đến. Cô nuôi chút hy vọng mong manh rằng cô có thể trượt ra ở đầu kia cỗ xe mà không bị ai thấy—nhưng Ông Gerard đã nghiêng người tới trước, giữ cửa mở và

ra hiệu cho cô bước ra. Cô bước xuống đường vừa đúng lúc để nhìn lên gương mặt kinh ngạc của Hạ sĩ MacDonald.

“Thưa cô!” Anh ta đưa tay giúp cô bước lên lề. “Ôi, thưa cô, tôi rất mừng được gặp cô! Chúng tôi đã sợ cô—” Anh ta ngừng lời, sự nhẹ nhõm đến một cách bất ngờ bất chợt biến thành một thái độ u ám. Anh ta thả cánh tay cô như thể bị bỏng.

“Chào buổi chiều, Hạ sĩ,” Ông Gerard nói, đặt bàn chân lạnh lặn lên bậc để chân và hạ người gọn gàng xuống cặp nạng. Người đánh xe bước tới trước như để đỡ anh ta, nhưng hành động đó không cần thiết; anh ta đã đứng vững vàng trên mặt đường và đưa tay cho viên cảnh sát.

“Đây là chủ mới của tôi,” Leda nhanh nhẹn nói.

“Samuel Gerard,” anh ta nói, không để mắt đến màu đỏ bầm lan trên khuôn mặt Hạ sĩ MacDonald. Anh ta bắt bàn tay miễn cưỡng của viên hạ sĩ. “Từ Honolulu. Đảo quốc Sandwich. Hiện tôi đang ngụ ở Park Lane.”

“Tôi là thư ký của Ông Gerard,” Leda nói thêm, lo ngại viên sĩ quan sẽ hiểu lầm.

Có vẻ như anh ta vẫn cứ hiểu lầm. Cô có thể thấy mặt anh ta biến sắc, những đốm tàn nhang trở nên nổi bật trên làn da. “Thư ký,” anh ta lặp lại bằng giọng lạnh lùng, không rời mắt khỏi Ông Gerard. “Cô kiếm được chỗ tốt đấy.”

Lời anh ta có thể dễ nghe—nhưng thái độ anh ta nói thì cực kỳ phản cảm.

Leda hít vào một hơi lo lắng, nhưng trước khi cô có thể lên tiếng, Ông Gerard đã đặt một bàn tay vững chãi lên khuỷu tay cô.

“Cô Etoile phải thu hồi vài vật dụng của cô ấy từ căn nhà thuê. Cô ấy đã lường trước sẽ có thể xảy ra chút tranh cãi với bà chủ nhà và trò ỨC HIẾP của bà ta đối với một vài món đáng giá. Tôi đáng lẽ sẽ không làm phiền anh đâu, nhưng như anh có thể thấy—tình trạng của tôi không cho phép tôi che chở cho cô ấy như tôi muốn. Tôi cần khoản liệu anh có thể bỏ chút thời gian và đi với chúng tôi không?”

Leda cảm giác sự đụng chạm của anh ta như một dấu sắt nung. Thái độ sở hữu rành rành đã xác nhận những giả định của Hạ sĩ MacDonald. Cô gần như đã nghĩ anh ta có thể nổi giận đến mức tấn công Ông Gerard.

Nhưng hai bàn tay của viên cảnh sát chỉ lướt lên và nắm lấy dây đai. “Tôi không biết nữa, thưa ông. Tôi sẽ phải có đôi lời với ông thanh tra.”

“Cám ơn anh,” Ông Gerard nói, như thể chuyện đã được dàn xếp.

Hạ sĩ không nhìn Leda khi anh ta quay đi. Anh ta thậm chí còn không nói lời nào với cô.

“Anh ta nghĩ tôi nói dối!” cô khốn khổ nói đầy ngượng ngập.

“Anh ta không biết rõ cô nhỉ?” Ông Gerard không thả tay cô.

“Nhưng anh ta nghĩ—”

“Như vậy tốt hơn. Cứ để anh ta nghĩ thế.”

“Ồ!” Leda kinh hãi nói, khi cô thấy Thanh tra Ruby bước qua cổng trụ sở. “Ồi, xin ngài—”

Ông Gerard ngay lập tức thả tay cô. Anh ta nhích ra sau, chừa ra một khoảng cách đúng mực.

“Cô Etoile!” Lời chào của viên thanh tra ấm lòng hơn; ông bắt tay Ông Gerard và chúc mừng việc làm mới của cô, cứ như đây là một buổi ghé thăm thường lệ, tặc lưỡi vì thương tích của Ông Gerard và trấn an họ rằng ông sẽ vui lòng cho MacDonald đi theo để tránh cho họ gặp rắc rối với Bà Dawkins; đây là phiên gác thường lệ của ông. Viên thanh tra không thể rời sở—nhưng ông giữ Leda lại một chốc và xiết hai bàn tay cô khi hai người kia rời đi.

“Thưa cô, cô biết cảnh này trông không đường hoàng mà,” ông nói vào tai cô. “Cô có chắc chắn về việc mình làm không?”

“Tôi đang làm việc với tư cách là thư ký của Ông Gerard,” cô nói một cách phòng thủ. “Ngài ấy đã rất tử tế với tôi.”

Viên thanh tra nhìn theo hai người họ. “Hiển nhiên là một gã ưà nhìn.” Ông lắc đầu. “MacDonald già đáng thương—tôi dám nói anh ta đáng phải chịu như thế vì đã ngồi yên như một kẻ đần độn và để mặc cho cô em phù thủy của anh ta ăn tươi nuốt sống cô, và tôi đã nói với anh ta điều đó. Anh ta đã vô cùng lo lắng kể từ khi cô biến mất.”

“Tôi dám chắc Hạ sĩ MacDonald không cần phải lo lắng cho tôi,” cô nói, trở nên khắc nghiệt khi Hạ sĩ MacDonald được nhắc đến.

“Chà, cô đã làm cho anh ta ân hận vì đã không lo lắng cho cô đấy. Giờ hãy bảo trọng, thưa cô. Tôi biết cô rất ưu tú. Đừng làm bất cứ điều gì ngu ngốc. Loại đàn ông nào lại thuê một quý cô làm thư ký và đi một mình với cô ấy trong một cỗ xe kín chứ?”

“Kiểu đàn ông vô cùng tử tế.” Cô đang trở nên khá bức bối với những mối ngờ vực này. “Một cỗ xe đẹp hơn sẽ khiến ngài ấy không thể ra vào được, đó là lí do có cỗ xe bốn bánh này. Ông Gerard đã có thể để tôi tự mình đến đây và lấy vật dụng của mình từ Bà Dawkins, phải không nào? Tôi ngờ có nhiều người chủ nào lại bận tâm đến vậy!”

“Đúng vậy,” ông nói, như thể điều đó chứng minh cho lập luận của ông. “Không nhiều người. Thứ lỗi cho cách nói thẳng đuột của tôi, thưa cô, tôi sẽ không bao giờ nói thế này nếu tôi không nghĩ nó quan trọng—nhưng đừng ngạc nhiên nếu anh ta đòi hậu tạ. Nếu anh ta còn chưa làm thì tôi không thể nghĩ ra chuyện gì có khả năng hơn nữa.”

Leda nổi đóa. “Chà, tôi có thể nói không có chuyện gì có khả năng hơn!” cô rít. “Thật đấy, Thanh tra—tôi không biết sao ngài có thể nói một điều cay độc như thế! Tôi có thể nói cho ngài biết ngài ấy là một người vô cùng tốt bụng, say đắm một nữ thừa kế có xuất thân quyền quý đã quen biết ngài ấy từ thuở nhỏ. Ngài ấy sắp cầu hôn cô ấy rồi. Tôi rất nghi ngờ ngài ấy bị những ý nghĩ hạ cấp ám ảnh như mọi người ở khu này!” Cô dậm bước đi, rồi quay lại và quát, “Hơn nữa, chi ngài ấy bị gãy!”

“Không nề hà gì đối với một người đàn ông cả quyết,” Thanh tra Ruby nói đầy hiểu biết.

“Chào buổi chiều,” cô cương quyết nói, và quay lại băng qua đường, nhấc váy lên để chạy theo ông chủ của cô.

Hai con mèo. Leda không biết cô sẽ phải làm gì. Cô không thể tin được Ông Gerard lại bạo gan đến mức yêu cầu cảnh sát tháp tùng họ đến hiện trường phạm tội của anh ta. Cô thật sự nghĩ có thể đầu óc anh ta có vấn đề, điều đó càng khiến cô sợ hãi vì cô đã tham dự quá sâu vào mưu đồ của anh ta đến mức không còn đường thối lui. Cô sẽ may mắn nếu không phải vào xà lim.

Cô nghĩ đây là hậu quả của việc dính dáng tới các quý ông. Họ quá phiêu lưu, và thích nghĩ mình là những con hổ, hay những con mèo hoang hay đại loại thế, trong khi họ nên ngồi ở nhà với cái chi gãy đặt trên ghế dài, nghỉ ngơi yên bình trong khi có người đọc sách báo cho. Leda có một giọng đọc rất êm ái và sẽ rất vui lòng góp phần vào nỗ lực đó.

Thay vì thế, cô nghe thấy giọng mình hơi run khi cô chào Bà Dawkins.

“Trở lại đấy à?” Bà chủ nhà lắc lư ra khỏi phòng khách khi có tiếng động ở cửa chính. “Tôi đã biết trước cô sẽ về lại mà, Quý Cô Kiêu Kỳ..lại còn mang theo quý ông của cô nữa. Chào buổi chiều, thưa ngài—” Vẻ thân thiện của bà ta chấm dứt đột ngột khi bà ta thấy Hạ sĩ MacDonald đẩy cửa bước vào. “Giờ thì chuyện gì đây?”

Viên cảnh sát trông còn cáu kỉnh hơn, liếc ngang sang Leda với một thái độ buộc tội. Cô làm ơn anh ta. Anh ta không hơn gì em gái mình, sẵn sàng nhảy đến bất cứ kết luận nhơ nhuốc nào vì một chứng cứ nhỏ nhặt nhất. Leda bụng bảo dạ rằng cô thật may mắn khi đã thấy bản chất thật của anh ta.

Nhưng dù sao tình thế này cũng thật đáng hổ thẹn. Bà Dawkins đã không nói rõ Ông Gerard đã vào phòng Leda, nhưng cô sợ rằng chi tiết đó đã phải rõ như ban ngày.

“Cô Etoile tới để thu hồi vật dụng của cô ấy.” Ông Gerard khiến cho thái độ suồng sã của bà chủ nhà như một sự xâm phạm tùy tiện. Thật thà mà nói, khi anh ta đưa mũ cho bà ta, anh ta có biểu hiện như bà ta là một thứ chướng mắt mà anh ta thấy trên vỉa hè, khiến Leda có một tâm trạng tốt hơn.

“Vật dụng của cô ta!” Bà Dawkins đặt một bàn tay lên ngực. “Sao chứ, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng Cô Etoile để lại đây một mớ lộn xộn mà không dặn dò một lời về vật dụng của cô ta. Cô

ta đã đem hết theo mình rồi.”

“Tôi không có!” Leda bật thốt. “Tôi chưa động tới một đồ vật nào!”

“Vậy sao căn phòng trống hoác như cái giá cửa sổ, còn tôi không nhận được tiền thuê hả? Tôi chắc chắn mình không động tới chúng.”

“Tôi đã trả tiền phòng,” Leda to tiếng. “Tôi đã trả đến ngày Thứ Sáu.”

“Cô có giấy biên nhận không?” Bà Dawkins hỏi.

“Bà có bao giờ đưa cho tôi đâu!”

“Không là phải rồi. Bởi vì cô chưa từng trả tiền thuê, Quý Cô Tự Phụ. Đáng ra tôi nên biết cô là một kẻ khố rách ngay từ đầu. Nếu còn lại thứ gì, tôi đoán mình có quyền bù đắp khoản thiếu hụt bằng cách bán bất cứ thứ rác rưởi nào cô bỏ quên khi lên đi. Đó chẳng phải là luật sao, Hạ sĩ?”

Viên cảnh sát nhún vai. “Còn tùy.”

“Nhưng bà đã bán chiếc gương và lược bằng bạc ư?” Leda lo lắng hỏi. “Tôi chỉ cần bộ trang điểm của Cô Myrtle thôi—nếu có thể...”

“Tôi đã bảo Jem Smollett lấy hết để xem bán được bao nhiêu, và chẳng có thứ nào đáng giá hai si-linh,” Bà Dawkins than thở. “Tôi không biết gì về bộ đồ bạc hết.”

“Bà biết nó làm bằng bạc,” Ông Gerard nói.

“Một bộ trang điểm ư—nó còn có thể làm bằng thứ gì khác nữa?” bà chủ nhà gặng hỏi bằng một giọng câu kính.

“Mai rùa. Sứ. Gỗ. Rất nhiều chất liệu,” anh ta nói đầy lý lẽ. “Cậu ta trộm nó lúc nào?”

Bà Dawkins phẩy tay. “Trộm! Đừng bàn đến chuyện đó! Tất cả những gì tôi biết là cô nàng này đã không trả tiền thuê phòng.”

“Nó có đủ bù cho khoản cô ấy nợ bà không?” Anh ta giữ thăng bằng trên một cây nạng và rút ví tiền từ dưới áo khoác. “Tôi sẽ trả cho bà phần còn thiếu. Bao nhiêu?”

Bà Dawkins lắc lư tới gần. “Hai mươi si-linh một tuần, đối với một cô nàng mua vui cho khách.”

“Tôi chưa từng mua vui cho khách!”

“Sao chứ cô, tôi đã tận mắt—”

Ông Gerard ngắt lời bà chủ nhà. “Vì bà đã bán bộ đồ trang điểm, tôi còn phải trả thêm bao

“nhiều đây?”

Cái cảm với cục nóng của bà Dawkins lắc lư khi bà ta mở miệng trả lời rồi do dự. Ai cũng có thể thấy bà ta muốn toàn bộ số tiền mà không phải khấu trừ khoản nào. Bà ta có vẻ mất đi chút nhuệ khí khi gặp ánh mắt của anh ta.

“Bà không nhớ nổi à?” anh ta hỏi, với một giọng được nhẹ nhàng kiềm chế.

“Không hơn hai si-linh, như tôi đã nói lúc nãy,” bà ta lầm bầm.

“Bà kém tính toán lắm sao, thưa Bà Dawkins?” Giọng anh ta quả thật như giọng một con hổ, một con hổ to lớn và ngái ngủ, tuy đang gặm gù nhả nhặn nhưng vẫn ngoắc đuôi.

“Hàng mạ thôi,” bà ta nói, quan sát anh ta đưa túi tiền ra xa như thể bị thôi miên. “Không phải bạc thật.”

Anh ta nhìn Leda. “Tôi ngờ đồ đạc đã bị dịch chuyển. Cô lên lầu xem thử đi.”

“Ồ không, cô không được.” Bà chủ nhà tỉnh táo ngay tức khắc. “Cô chưa trả tiền; cô không có quyền đặt chân lên lầu nhà tôi.”

“Tôi đã trả rồi! Chính bà đã lấy tiền trên bồn rửa mặt của tôi!”

Ông Gerard không can dự vào cuộc kinh cãi; anh ta chỉ nhắc cặp nạng lên bậc thang đầu tiên và bắt đầu lên lầu. Bà Dawkins chụp cánh tay anh ta nhưng không biết bằng cách nào anh ta đã tránh được, bà ta vấp và ngã ra sau, bật ngửa ra với một tiếng la ó.

“Ồi, đầu gối tôi! Đầu gối tôi tiêu rồi!”

Ông Gerard nhìn ra sau. “Thứ lỗi cho tôi. Tôi làm bà đau ư?”

“Ôi, bớ làng nước ơi! Giúp tôi ngồi xuống!” Bà ta níu lấy Leda và Hạ sĩ MacDonald. Họ cùng dìu bà ta đến một cái ghế trong phòng khách. Bà ta đổ sụp lên đó với một tiếng rên rĩ và một cái lắc của hai gò má thoa phấn.

Ông Gerard đi theo họ đến cửa. “Có thể thêm chút nước nóng chẳng,” anh ta gợi ý. “Bác sĩ đã khuyên tôi dùng nó.”

“Khỏi cần nước nóng,” Hạ sĩ MacDonald nói sống sượng. “Bà ta sẽ khỏe lại thôi. Đi thôi, thưa cô—Tôi không thể loanh quanh ở đây cả ngày được. Ông không cần lên với nẹp chân gãy các thứ.”

Leda ngơ ngác nhìn Ông Gerard, nhưng anh ta chỉ nhìn lại, để cho viên cảnh sát bước qua. Anh ta không nói cảm ơn, nhưng lời đề nghị của Hạ sĩ MacDonald cũng không hản lịch thiệp.

“Thưa cô,” Hạ sĩ MacDonald nói cụt ngủn, đứng lại chờ cô ở chân cầu thang, trong khi Leda

nhắc vấy và leo lên.

Cô lại nhìn ngoái ra sau qua hàng chấn song ở dãy cầu thang đầu tiên. Ông Gerard có vẻ vô cùng hứng thú với một miếng ga-rô trên quần anh ta, trong khi viên hạ sĩ leo cầu thang với cô.

Cô đến hành lang tầng áp mái. Hạ sĩ MacDonald đứng rất gần vai cô trong lúc cô loay hoay trong ánh đèn tù mù để tìm chìa khóa trong ví và khớp nó vào ổ, gần đến mức cô có thể cảm thấy hơi thở anh ta trên gáy cô.

Với một tiếng két và tiếng lanh canh, cánh cửa mở. Leda bước vào phòng, trống toang hoác như lời Bà Dawkins, chỉ có cái giường và bàn ghế là còn nguyên.

Giờ thì sao? Áo choàng của cô đã biến mất, chậu rửa của cô, giỏ đồ may—những thứ ấy chẳng quan trọng, nhưng mất đi chiếc gương và lược của Cô Myrtle...

Ông Gerard mong đợi cô làm gì chứ? Cô đang làm gì ở đây? Cô đã nghĩ anh ta có động cơ muốn vào phòng cô, nhưng anh ta chẳng có chút nỗ lực nào cả. Có thể, sau khi đã xử lý Bà Dawkins một cách gọn gàng, anh ta muốn Leda làm cho viên cảnh sát bận rộn trong khi anh ta lần theo mục tiêu bí hiểm của mình ở một nơi khác.

“Tôi không thể tin được,” Hạ sĩ MacDonald nói vẻ căng thẳng.

Cô quay ngoắc lại để đối diện với anh ta. “Tôi cũng không. Tất cả đồ đạc của tôi!”

“Tôi cóc quan—” Anh ta chụp lấy cánh tay cô. “Tôi không quan tâm gì đến đồ đạc của cô! Tôi không thể tin được em gái mình đã đứng về cô.”

“Em gái anh,” Leda nhắc lại, bước lùi.

“Tôi cứ tưởng cô tốt đẹp; tôi cứ tưởng cô là một người chất phác.” Gương mặt anh ta đỏ rần, giọng tha thiết. “Tôi đã chờ. Tôi đã đối xử với cô rất kính trọng. Tôi đã muốn *cưới* cô!”

Cô giằng tay ra. “Tôi vô cùng chất phác, Hạ sĩ. Và tôi mong anh không nói chuyện này với tôi!”

Anh ta nắm cả hai cánh tay cô; bàn tay anh ta nắm chặt đến mức gây đau. “Đây là lần đầu tiên sao? Cô đã trốn đi với trai trước đây chưa?”

“Thả tôi ra!” Máu dồn đến đầu ngón tay cô. Cô cố gắng vặn vẹo thoát ra nhưng không thể.

“Mary đã cảnh báo tôi. Nó đã cảnh báo tôi rằng cô không tốt đẹp gì hơn thân phận cô. Nhưng phải đến khi tôi tận mắt nhìn thấy—!” Anh ta bật ra một âm thanh cay đắng và kéo sầm cô vào ngực anh ta.

“Ngài để mình vượt giới hạn rồi đấy!” Leda thốt lên. Cô đẩy anh ta, nhưng anh ta chỉ càng nắm chặt hơn. Anh ta đưa mặt xuống gần mặt cô, và Leda ngửa người ra sau, hốt hoảng. Cô đã

có thể hét toáng lên; cô cảm thấy đó là việc nên làm, nhưng hầu như cô chỉ đẩy và đẩy và cố thoát thân, trong khi anh ta chỉ càng kéo cô gần hơn và giữ chặt hơn.

“Hạ sĩ!” Cô đang thở hồng hộc, đẩy lùi lại cách xa anh ta hết mức có thể. “Để tôi đi!”

“Để cô đi! Để cô có thể biến đi với hắn chỉ vì hắn đẹp trai như tội lỗi và cũng xấu xa không kém chứ gì. Tôi biết loại người như hắn. Và loại như cô! Tình cảm của một người tầm thường không có trọng lượng gì với loại như cô phải không?” Anh ta lắc cô thật mạnh. “Không có gì ngoài những thứ cô có thể kiếm lợi—như Mary đã nói.”

“Hạ sĩ MacDonald!” Leda vận người thoát được.

Cô thấy Ông Gerard ở khung cửa và bật ra một tiếng la nhẹ nhõm và xấu hổ.

Anh ta không nói gì—anh ta chỉ nhìn viên cảnh sát bằng một ánh mắt ước lượng. Anh ta so cặp nạng và gác chúng vào tường, chống tay lên khung cửa.

“Muốn một trận đấu chứ gì?” Hạ sĩ MacDonald man rợ hỏi. Anh ta bước một bước về phía Ông Gerard, nắm tay co lại. “Tao sẽ cho mày nếm mùi, Đồ Huênh Hoang, dù có cà thọt hay không. Mày muốn thế chứ gì?”

“Không hắn,” Ông Gerard thì thầm. Leda thấy rất rõ con hổ trong dáng đứng thoải mái, sẵn sàng của anh ta, khắp khiêng nhưng vẫn còn những cặp vuốt chết người.

Một nỗi lo lắng cho Hạ sĩ MacDonald lóe lên trong cô, anh ta không biết—anh ta thở phù phù và vung tay và không hề thấy được mỗi nguy hiểm. Cô hít một hơi đột ngột khi anh ta dồn cả người vào cú đâm.

Ông Gerard dường như chỉ bước qua anh ta. Trong một khắc họ cùng đứng ở khung cửa, và rồi Hạ sĩ MacDonald lao đảo phóng ra đầu cầu thang, chụp lấy thanh vịn để cứu mình khỏi rơi xuống, trong khi Ông Gerard xoay người trước mặt Leda và đứng đó, chắn giữa cô và viên cảnh sát.

Cô nghe thấy Hạ sĩ MacDonald quay lại, một tiếng thụp của giày boots và tiếng thở như vũ bão. Cô chà lòng bàn tay trên hai cánh tay đau nhức và ghé mắt nhìn qua Ông Gerard. Viên hạ sĩ đang đứng ở ngưỡng cửa. “Lẽ ra tôi đã cưới cô,” anh ta lầm bầm. “Chống đối Mary và tất cả! Hỏi xem hắn cho cô cái gì!”

Leda thấy miệng mình mếu máo, nỗi buồn và nước mắt và sự căng thẳng rồi như tơ vò. “Anh sẽ không làm điều đó,” cô nói trong một giọng thật nhỏ. “Anh thậm chí còn không lên tiếng cho tôi trước mặt em gái anh. Tôi ước gì anh đi đi!”

“Hắn là thằng cặn bã! Cô nhìn hắn đi! Cô có thể biết hắn là hạng người nào từ cách xa cả dặm. Nhìn hắn đi. Thứ bần tiện và đáng hổ thẹn, đó là hạng người như hắn. Cô nghĩ hắn điển trai lắm, nhưng hắn chỉ là rác rưởi. Cô sẽ biết hắn muốn gì ở cô.” Anh ta nắm chặt khung cửa và đẩy vào đó để đứng thẳng lại. “A, cô—quý bắt cô đi! Quý bắt lũ các người đi!” Anh ta xoay

người và bước xuống lầu.

Tiếng giày boots của anh ta vọng lại trong không gian im ắng khi anh ta đi khỏi. Ông Gerard đứng bất động, vẫn còn hướng về phía cửa khi tiếng chân viên cảnh sát xa dần. Khi âm thanh ra đến cửa chính văng vào với một sự rung động khe khẽ, anh ta xoay người lại. Anh ta có một vẻ mặt kỳ lạ, ngơ ngác, như thể trong một khắc anh ta không nhận ra cô.

Nét mặt đó biến mất chỉ trong chớp mắt. Anh ta dựa vào bàn và nhấc người lên đó, giữ thẳng bằng trên một đầu gối co lại và một bàn chân đặt trên mặt gỗ. Anh ta thẳng người, duỗi thẳng cái chân nép qua mép bàn, với tay tới thanh xà nhà. Bằng hai bàn tay, anh ta đu lên cao, cưỡi lên cái rầm, và trèo xuống ở bên kia, tất cả chỉ trong một chuỗi hành động nhanh nhẹn. Rồi anh ta lại đứng trên sàn, đem theo một cái túi có dải rút bao quanh một vật dài, hẹp vô cùng quen thuộc.

Cô nhìn chăm chăm vào cái túi, nhưng anh ta không cho cô thời gian nào để nghĩ về nó. “Giấu dưới váy cô,” anh ta nói khẽ, đưa vật đó cho cô.

“Gì kia?”

Anh ta không đáp lời, mà kéo cô về phía anh ta và sắp sửa quỳ xuống trên một chân, nhấc chân váy cô lên. Leda kêu rít lên, nhưng đã đưa tay đập lên miệng ngăn lại. Cô giật lấy cái túi, kéo váy khỏi tay anh ta. “Tôi có thể làm được,” cô rít. “Nếu ngài vui lòng, Ông Gerard!”

Anh ta thẳng người với một vẻ mặt mà cô không thể lí giải. Cô trừng mắt nhìn anh ta. Anh ta quay lưng lại, sử dụng mép bàn làm điểm tựa để tiến một bước đến lấy cặp nạng. Bà Dawkins rống lên điều gì đó ở bên dưới. Leda kéo váy lên bằng hai bàn tay run rẩy, cố gắng vừa giấu thanh kiếm vừa kiểm tra để đảm bảo Ông Gerard không nhìn cô.

Anh ta không nhìn. Anh ta chỉ vờ lấy cặp nạng và bắt đầu thong thả xuống lầu.

Không thể kiềm được lo lắng, Leda mở dải buộc túi. Bên trong, chuôi kiếm màu vàng bắt lấy một tia sáng.

Cô thở gấp vì khiếp đảm. Sao nó có thể ở đây, sau khi đã được cảnh sát tìm thấy?

Một người điên. Anh ta đúng thật là một người điên.

Vội vã, cô trượt cái túi qua khung thép nâng váy và lóng ngóng cột dây buộc vào cặp lưng váy. Cô cuối cùng phải tháo một cái găng tay để xử lý sợi dây. Trọng lượng của cái túi thật bất tiện, và cô cột gút sợi dây đến ba lần, trong cơn bồn loạn sợ nó sẽ lỏng ra. Khi cô bước một bước, thanh kiếm đập vào hai chân cô—cô đã phải kéo nó sang một bên và thả những cái váy lụa bên trong xuống trong khi Bà Dawkins hét toáng lên rằng bà ta sẽ không để cho trò vụng trộm nào diễn ra ngay trong nhà mình.

Leda nắm lấy váy và bước gấp xuống lầu. Ông Gerard đã đứng ở chân cầu thang, đang trò chuyện với bà chủ nhà nơi bà ta lò cò vào hành lang. Khi Leda đến tầng trệt, anh ta đang cúi

người về phía Bà Dawkins theo kiểu cách hăm dọa; bà chủ nhà đang hạ người vào một cái ghế trong khi đôi mắt dán chặt vào anh ta. Anh ta không ngừng nói khi Leda bước qua, nhưng cô không có tâm trạng nào mà nán lại và lắng nghe bất cứ điều gì anh ta đang nói bằng thứ giọng trầm và kinh khủng đó.

Cô bước ra khỏi cửa, mang găng tay, bước thoăn thoắt trên đường. “Chút nữa ông ấy sẽ ra,” cô bảo với người đánh xe đang chờ, và tự mở cửa, bước vào từ phía khuất sở cảnh sát. Cô ngồi vào cái ghế có mùi mốc với thanh kim loại ấn mạnh vào chân, và cuống cuống chỉnh sửa váy, cố gắng làm cho váy mình phủ lên đó một cách tự nhiên, nhưng đỉnh uốn cong của thanh kiếm cứ chĩa thẳng lên làm thành một chỗ cộm như đập vào mắt ở ngay tầm đầu gối cô.

Ông Gerard tới nơi. Người đánh xe đưa cặp nặng vào trong sau khi Ông Gerard tự nhấc mình vào cỗ xe. Anh ta chìm vào ghế đối diện cô khi cửa đóng lại.

Cỗ xe di chuyển về phía trước với một cái lắc lư. Leda tựa mặt vào một bàn tay, đột nhiên cảm thấy mềm rũ như một cái váy ướt sũng nước. Cô hít vào một vài hơi thở sâu, điều hòa, rồi ngược mặt lên. “Ôi thánh thần ơi.” Cô nuốt thêm một ngụm mùi xe cũ nữa và vội vàng đẩy nó ra khỏi phổi. “Ôi thánh thần ơi.”

Ông Gerard đang nhìn vào chỗ phòng trên váy cô. Leda phúi lên chỗ hờ hênh đó, cố gắng làm cho nó biến mất.

“Tôi tin cô đã đeo ngược nó,” anh ta dịu dàng nói.

“Làm sao mà tôi biết được?” Cô lại kéo váy. “Chúng ta sẽ làm gì với nó? Tôi cứ tưởng sở cảnh sát đã tìm thấy nó rồi!”

“Rõ ràng là họ chưa tìm ra.”

“Nhưng—trên báo—”

“Thật thú vị. Tôi nghĩ hẳn phải có một bản sao. Tại sao ư, tôi cũng không rõ. Nhưng có ai đó đã quyết định cứu một viên chức ngoại giao khỏi tình trạng xấu mặt, và dâng thanh kiếm giả cho Nữ hoàng.” Anh ta nhún vai. “Không có gì khác biệt. Tôi đã làm xong những gì tôi muốn.”

“Chuyện này quá mang phong cách phương Đông đối với tôi. Giờ chúng ta sẽ làm gì với nó đây?”

“Đưa nó lên phòng cô. Có chỗ nào cô có thể giấu mà không bị cô hầu nhìn thấy trước tối nay không?”

“Phòng tôi!”

“Trừ khi cô muốn đưa nó cho tôi ngay bây giờ. Tôi có thể thử giấu nó dọc theo miếng nẹp, nhưng tôi không nghĩ chuyện đó sẽ suôn sẻ.”

Leda có thể thấy điều đó, cô cũng không muốn giở váy lên và lui cui tháo cái bao ngay trong xe trong khi anh ta ngồi nhìn. Cô cau mày nhìn những ngôi nhà bên ngoài lướt qua. “Tôi cho là —nó sẽ an toàn dưới khăn trải bàn trang điểm. Nhưng chỗ đó sẽ được quét dọn vào buổi sáng.”

“Tôi sẽ lấy nó trước lúc đó.”

Cô liền nhìn anh ta. “Bằng cách nào?”

Anh ta chỉ khẽ cong môi, không hẳn là một nụ cười. Anh ta có vẻ lơ đãng, ở một nơi nào đó cách xa cô trong suy nghĩ của anh ta ngay cả khi anh ta đang nói chuyện với cô chỉ cách nửa thước.

Leda rên khẽ, bóp những ngón tay quanh sống mũi. Anh ta là một người đàn ông phiền phức, và một kẻ trộm, rồi giờ anh ta sẽ lẻn vào phòng cô trong đêm hôm khuya khoắt để lấy lại những của trộm cắp.

“Cô về phe tôi chứ?” anh ta hỏi.

Cô nắm những ngón tay mạnh hơn và gật đầu.

“Cô Etoile,” anh ta nói nhẹ, “cô là một người đáng nể.”

Tối đó cả gia đình đều ở phòng ăn, và Leda thấy mình có được một chỗ ở bàn. Ông Gerard ăn trong phòng riêng, bảo rằng chuyến đi bộ trong công viên đã làm anh ta mệt nhoài, một lời biện minh rất hợp lý đối với Leda.

Cô được xếp chỗ ở cuối bàn, bên cạnh Phu nhân Ashland. Bên phải bộ đồ ăn của bà, một cái chén màu đen sáng bóng được đặt giữa những đĩa pha lê và đĩa sứ trung quốc. Nó đựng một nhúm vỏ gỗ bào mỏng, trên đó là một mảnh lụa đen hình vuông. Một cái nhẫn trang sức bằng bạc được đặt giữa miếng vải.

Phu nhân Ashland không chạm đến cũng không ngắm nghía, nhưng Leda thấy ánh mắt bà chiếu vào đó nhiều lần khi cuộc trò chuyện mang chủ đề những rắc rối ở đảo của họ và chuyến ra đi của Ông Gerard. Khi cánh phụ nữ rời bàn, Phu nhân Ashland đem cái chén theo bên mình, ngừng lại trong hành lang để dặn con gái và Leda rằng bà sẽ xuống phòng khách sau một chốc.

“Đó là một trong những món quà của Samuel,” Tiểu thư Catherine rĩ tai. “Quà của anh ấy là thứ khiêu khích nhất đấy—chúng luôn có một ý nghĩa rất sâu sắc, và tôi thì chẳng bao giờ hiểu nổi. Nhưng anh ấy rất dễ thương. Hành động đó vô cùng có ý nghĩa với mẹ, cô biết đấy, kể cả khi nó chỉ là những cọng lông chim hay một mẫu vải. Tôi thích tặng cho bà những đồ vật thực tế hơn. Bà lúc nào cũng cần những cuốn sổ mới, giáng sinh năm ngoái tôi đã để dành tiền tiêu vật và đặt thợ mộc làm một cái tủ kính đựng mẫu vật cho bà. Kết quả rất tốt đẹp. Tôi phải nghĩ đến những việc mình sẽ làm trong năm nay, vì có thể chúng ta sẽ trải qua mùa giáng sinh ở Westpark. Có lẽ cô có thể giúp tôi.”

Leda vui lòng tham dự vào công việc dễ chịu đó cho đến khi cà phê được dọn ra và Phu nhân Ashland trở lại, sau đó là cánh đàn ông, khi cuộc trò chuyện lại chuyển sang vấn đề chính trị, đầy những cái tên không thể phát âm được và những chuyện phức tạp không nói nổi về đường, hiệp ước và khan hiếm lao động. Leda ngồi nghe trong im lặng. Cô rất sẵn lòng ngồi lại đến tối muộn, thầm hy vọng nếu Ông Gerard lên vào phòng cô, anh ta sẽ thực hiện trong lúc cô ở dưới lầu, nhưng cuối cùng cô không có lí do nấn ná lâu hơn Phu nhân Ashland và con gái bà khi họ đứng dậy về phòng vào lúc mười giờ.

Túi đựng kiếm vẫn còn ở dưới bàn trang điểm khi cô trở về phòng. Cô không thay y phục, định sẽ thức ngồi chờ anh ta đến, một việc có vẻ đáng hoàng hơn là ngủ thiếp đi trong lúc chờ một người đàn ông độc thân vào phòng.

Cô ngồi trong ghế nệm và nhắc lên cuốn sách duy nhất trong phòng, vuốt bàn tay lên những trang giấy mềm mại một cách kỳ lạ được trang trí bởi một mẫu ren hoa cúc phương Đông. Cuốn sách được viết bằng cả tiếng Anh và nét chân chim như tiếng Trung Quốc, với hình ảnh những ngôi đền nhỏ, những con thuyền và con người, có tựa đề *Nhận Dạng Những Mô Tả và những Nét Khác Lạ của Văn Hóa Nhật Bản cho Người Anh*.

Cuốn sách thật thú vị, nhưng không đủ giữ cho mí mắt cô không sụp xuống khi đêm dần trôi và ánh điện tỏa xuống từ trên trần, sáng và chói mắt hơn đèn dầu hay ánh nến. Cuối cùng, khi tháp đồng hồ Big Ben đổ ba tiếng chậm chạp trong đêm, cô đọc xong chương về ý nghĩa của *maru*, chỉ một vòng tròn, và sự hoàn thiện, và đôi khi là một tiếp tố tình cảm cho những vật như những thanh kiếm tốt.

Cô đảo mắt khi đọc tới đó và nghĩ, *đúng là đàn ông*, cô nhắm mi mắt lại cho chúng nghỉ ngơi một thoáng. Cô ngẫm nghĩ về từ diễn tả vòng tròn, và cái nhẫn bạc, và mơ màng nghĩ, *Mình biết cái vòng tròn có ý nghĩa gì. Sự hoàn thiện. Có nghĩa là ngài ấy sẽ trở lại*.

Cô giật mình ngồi thẳng lên, thấy căn phòng không có ánh đèn. Cô hơi bối rối một lúc, cho đến khi cô nhận ra mình đã ngủ ngay trên ghế, và lưng ê ẩm. Cô căng mắt trong cơn ngái ngủ.

Anh ta hẳn đã đến và đi rồi, và đã tắt đèn trước khi rời khỏi.

Cô có thể thấy rõ nhờ ánh đèn từ đường hắt vào cửa sổ, chiếu sáng tất cả màu kem và màu xanh biển trong phòng. Cô đứng lên, định sẽ cởi váy và mặc bộ váy ngủ mượn tạm để có được giấc ngủ nhẹ nhàng cho đêm nay.

“Cô thức rồi.”

Giọng anh ta nhẹ nhàng; nó đến từ bóng tối và lẽ ra phải khiến cô giật mình, nhưng thay vào đó nó lại trao sự tĩnh tâm, thật thân quen đối với cô.

“Ồ,” cô thì thầm, đặt bàn tay lên cổ. “Ngài vẫn còn ở đây.” Cô nhìn ra anh ta khi anh ta di chuyển; anh ta đã đứng rất gần ghế cô, nhưng anh ta yên lặng tiến đến cửa sổ nơi cô có thể thấy

gương mặt anh ta trong ánh sáng lạnh. Anh ta chỉ dùng một cái nạng, và đem theo cái túi có thanh kiếm trong tay kia.

Trong khi cô quan sát, anh ta tháo túi và lấy thanh kiếm ra, đưa nó lên cao để chuôi kiếm bằng vàng và cái vỏ bằng sơn mài sáng loáng lên, và những dây tua màu đồng phủ xuống cổ tay anh ta.

“Cô đến đây nhìn nó này,” anh ta bảo cô.

Leda bước đến cửa sổ, bị mê hoặc vì màn đêm và sự tĩnh lặng, và ánh mờ như ngọc trai của thanh kiếm. Miếng đệm tròn trên chuôi kiếm phản chiếu lớp khảm vàng: hình những đám mây bông bành, chính giữa là mặt của một con sư tử hay một con kỳ lân.

“Nó đẹp quá phải không?” anh ta hỏi nhỏ. “Cái khung cũng đã được ít nhất năm trăm năm.”

Nó đẹp thật.

Anh ta chạm vào chuôi kiếm. “Đây hẳn phải là thanh kiếm được rèn bởi một bậc thầy, với hình một con rồng cắn vào lưỡi kiếm, hay một vị thần chiến tranh, dành cho kiếm khí.”

Cô nhìn lên anh ta. Anh ta nắm lấy chuôi kiếm và cái vỏ và rút kiếm ra.

Chỉ có một mẫu thép thô, dài một bộ, được gắn lỏng lẻo vào chuôi kiếm như một cánh tay bị chặt đứt.

“Nó bị gì thế?” cô hỏi.

“Nó được chế tạo như vậy đấy. Đây là một thanh *kazaritachi*—một thanh kiếm nghi thức. Một món quà được tặng để vinh danh một ngôi đền nào đó, tôi đoán vậy. Không phải để sử dụng.” Anh ta tra kiếm vào vỏ và nhìn xuống con đường có ánh đèn. Bóng tối và ánh sáng đúc trên gương mặt anh ta thành những đường nét khổ hạnh. “Tất cả vàng này bọc bên ngoài. Thép được rèn đúc bên trong.” Anh ta vuốt ngón cái lên vỏ kiếm bằng sơn mài. “Cô có nghĩ viên hạ sĩ nói đúng không?”

“Đúng...về chuyện gì kia?”

Anh ta chỉ nhìn xuống đường.

“Hạ sĩ MacDonald thiếu lễ độ và xác xược,” Leda nói. “Và tôi nhất định sẽ không ngó ngang gì đến anh ta lần sau tôi gặp. Anh ta hoàn toàn nhầm lẫn trong nhìn nhận của anh ta về tôi.”

Hai hàng lông mi anh ta rũ xuống. “Thế còn nhìn nhận về tôi?”

“Tôi xin mạn phép nghi ngờ anh ta có cái nhìn đúng về bất cứ chuyện gì,” cô chua chát nói. “Anh ta rõ ràng là một người khá ngu ngốc.”

“Anh ta làm cô sợ. Tôi rất lấy làm tiếc vì chuyện đó.”

“À thì—tôi cho rằng chuyện đó đã làm chệch hướng một cách tuyệt hảo. Anh ta cứ mãi miết buộc tội tôi vì mấy chuyện linh tinh, tôi không nghĩ anh ta nghi ngờ gì đâu.”

Anh ta nhìn vào mắt cô. “Cô Etoile, tôi có thể làm gì cho cô trước khi tôi đi không?”

Sự sâu thẳm bất chợt trong ánh mắt của anh ta làm cô e thẹn. “Tôi dám chắc phải ngược lại mới đúng. Tôi là thư ký của ngài mà.”

“Cô có muốn tôi giải thích mọi chuyện với Hạ sĩ MacDonald không? Có nhiều cách tôi có thể chỉnh lại hiểu lầm của anh ta về—mối ban giao của cô và tôi.”

“Không!” Cô quả quyết lắc đầu. “Không, tôi không nghĩ ngài nên dính dáng đến cảnh sát hơn nữa. Hạ sĩ MacDonald là một sự thất vọng cùng cực đối với tôi. Nếu anh ta muốn tin vào những chuyện vớ vẩn thì đó là chuyện của anh ta.”

“Mặc dù không hoàn toàn là lỗi của anh ta.”

Leda khụt khịt. Cô không có tâm trạng nào để cảm động hay tha thứ cho Hạ sĩ MacDonald. “Ngài sẽ làm gì với thanh kiếm?” cô hỏi.

Anh ta vuốt cái túi dọc theo vỏ kiếm. “Tôi còn chưa nhất quyết. Tôi đã không định sẽ giữ nó lâu thế này. Và giờ họ nghĩ họ đã tìm được nó...”

Cái cau mày của anh ta khiến cô lo lắng. “Xin ngài hãy thận trọng.”

Khóe môi anh ta khẽ nhếch lên. Anh ta chỉnh lại cây nạng và tựa vào đó. “Thận trọng như một con mèo nhà già cỗi.”

“Một con mèo nhà *què già cỗi*. Tôi thấy ngài cần tránh xa những thanh xà nhà trong tình trạng hiện thời.”

Anh ta một lần nữa xoay mặt về phía cửa sổ mà chẳng hứa một lời. Bên dưới, một người đi dạ vũ muộn huýt sáo dọc theo con đường vắng. Leda bất chợt nhớ ra cô đang ở trong phòng ngủ giữa đêm khuya, cùng một vị khách có nhân phẩm đáng ngờ.

“Tôi sẽ nói lời tạm biệt tại đây,” anh ta thì thầm. “Cô có thể ngủ muộn vào sáng mai.”

Con tàu của anh ta sẽ rời ga lúc tám giờ, điều đó đã được Leda xác định bởi một dụng cụ khá đáng sợ và tuyệt vời là chiếc điện thoại, thứ mà, sau khi vượt qua nỗi sợ bị điện giật chết, và mặc cho ống nghe có tiếng như một cái tổ ong tò vò, đã giúp hoàn thành trong mười lăm phút những sắp xếp phải tốn cả một ngày đi lại, với những chiếc vé được một cảnh sát giao tận cửa trước bữa tối. Thế gian thật sự tuyệt vời hơn cho một thư ký ở thời buổi hiện đại ngày nay.

“Ồ, vâng, vậy thì—tạm biệt ngài. *Bon voyage*.” Cô đột ngột cảm giác hơi ủy mị. Thật khó mà

nói lời tạm biệt với một quý ông mà cô mới quen, mà lại còn là một người đàn ông. Cô bất giác đưa tay đặt lên tay anh ta trên thanh kiếm. “Cám ơn ngài! Ngài thân mến—cám ơn ngài vì tất cả.” (*Bon voyage: đi đường bình an*)

Không gian như trở nên tĩnh lặng hơn. Cô nhận ra tay mình chạm vào da anh ta; anh ta nhìn cô với một vẻ nghiêm túc và tập trung đập thẳng vào cô như ánh trăng phản chiếu trên nước và thép. Bàn tay anh ta cử động bên dưới tay cô, nắm chặt hơn quanh thanh kiếm. Không còn cử động nào khác.

Không còn cử động nào khác, vậy mà cô cảm thấy mọi thứ đã thay đổi, kết tinh thành hình thù và vật chất khiến trái tim cô đập rộn rã trong tai.

Cô sẽ biết hẳn muốn gì ở cô.

Cô không biết; cô không thể xác định—nhưng có một sức mạnh bị nén chặt trong anh ta, trong đôi mắt khi anh ta lần theo từng đường nét trên gương mặt cô, trong bàn tay không di chuyển của anh ta, trong sự bất động của anh ta...

Cô cúp mắt xuống. Cùng lúc anh ta nắm lấy tay cô, ấn vào đó một cuộn vải nhỏ.

“Chúc ngủ ngon, Cô Etoile.” Anh ta dịch ra khỏi cửa sổ, cách xa cô, và bước vào chỗ tối trong căn phòng. Cô không nghe thấy gì, thậm chí một tiếng tách của ổ khóa cũng không, nhưng cô biết anh ta đã đi rồi.

Cô ngồi vào bậu cửa sổ. Mảnh vải trong tay cô trải ra thành một mảnh lụa đen. Cô không thể biết chắc đó là màu đen vì ánh đèn đường bên ngoài, nhưng một đồng tiền lạ sáng lên ở giữa miếng vải.

Một đồng tiền.

Một đồng tiền, cũng như những cọng lông chim và một chiếc nhẫn bạc. Cô mò mẫm về ghế ngồi và quay trở lại cửa sổ, cúi người để cố gắng đọc cuốn sách bằng ánh đèn.

Nó đây rồi, giữa những hình phác họa đơn giản về tiền Nhật. Năm yên. Cô lật tới mục lễ hội và nghệ thuật tặng quà. *Một cuộn vải lụa là một dấu hiệu tôn kính, vẫn còn tồn tại trong những nghi thức long trọng*, cuốn sách viết. Và một vài trang sau: *Bằng cách chơi chữ đặc trưng về đồng goen, vừa có nghĩa là tiền vừa mang ý nghĩa một tình cảm thân thiết, đồng năm yên còn được xem là một biểu tượng của tình bạn.*

Cô bọc đồng tiền và mảnh lụa giữa những ngón tay, ấn nó lên môi cho đến khi nó trở nên ấm như hai bàn tay cô.

Chương 20

Biển nổi

1887

Anh muốn cô. Anh muốn chạm vào cô. Trên tàu Atlantic anh thức dậy đầy ham muốn, trên tàu lửa anh ngủ với âm thanh của gầm tàu và trong đục vọng; và mơ chạm vào cô—trong những giấc mơ, nơi không hề có sự hổ thẹn, và anh sẽ không làm tổn hại bất cứ ai. Ở San Francisco, trong căn buồng riêng trên con tàu của hãng anh sở hữu, anh giữ mình tách biệt, chào đón những giấc mơ, không mong muốn tỉnh dậy mỗi bình minh và nhìn vào mặt mình trong gương.

Honolulu mang màu xanh và đầy nắng và những bông hoa ngả rạp vì gió—và trống trải. Anh sống trong căn phòng nhỏ của mình ở văn phòng tại cảng thay vì ở nhà, nơi những cửa chớp trên cao bị đóng kín và những căn phòng mù tối và vang vọng.

Nhìn thấy anh trong cặp nạng, Dojun giới thiệu một người nắn xương Trung Quốc. Thanh nẹp kiểu phương Tây được tháo ra, một trụ đỡ kiểu phương Đông được lắp vào. Qua một đợt dùng thảo mộc khó ngủ và giác hơi, và ít lần viếng thăm bí mật đến một vị bác sĩ người Mỹ, cái chân từ từ lành lại; trong đau đớn, nhưng ít nhói hơn mỗi lần anh đi thử.

Trong khi Samuel ở xa, Dojun đã tìm được một cậu bé giúp việc nhà, con trai của một người Nhật trong đoàn nhập cư mới đến. Cậu bé quét vôi gỗ bào và không nói nhiều, thậm chí bằng tiếng Nhật. Cậu gọi Dojun là *Oyakata-sama* cùng một cái cúi rạp, trao cho ông một chức danh cao và nghi thức tôn kính vào bậc nhất. Cậu bé đối với Samuel cũng gần kính trọng như thế, gọi anh là *meijin*, một nhân vật tầm cỡ, vì lí do nào đó mà Samuel không thể đoán nổi ngoài những khuôn phép khắt khe của người Nhật.

Trong hai năm qua, kể từ khi nước Nhật đồng ý cho những công nhân đồn điền di cư đến Hawaii, Dojun không còn đơn độc và tách biệt trong ngôi nhà của ông trên sườn núi nữa. Thường khi Samuel tới luôn có khách Nhật đến uống trà hay *sake* và chơi một trận *go*. Những vị khách tỏ ra kiêng dè Samuel, lịch sự nhưng cảnh giác, xem anh như một con quái thú kỳ lạ chẳng phù hợp vào đâu: một tên *haole* giàu có sở hữu tàu bè, nói được tiếng của họ và đọc được kí tự *kanji* và chữ Nhật.

Dojun càng chan hòa với đời sống bên ngoài, ông có vẻ càng trở nên cộc cằn với Samuel. Họ hiếm khi luyện tập cùng nhau trong hai năm qua. Samuel không ngừng tự mình rèn luyện, nhưng anh vẫn lên núi gần như hàng ngày. Đôi lúc Dojun muốn nói chuyện về thuật của anh, đôi lúc chỉ chào anh và trở lại với cuộc trò chuyện hoặc ván *go* của ông, và thường ông chỉ ngồi yên lặng tập trung mà chẳng biểu lộ gì. Hoặc tấn công với sự thường xuyên không có chu kỳ không bao giờ cho Samuel một quãng nghỉ.

Chẳng có sự độ lượng nào cho thương tích, như Samuel đã biết trước. Con đường học hỏi sẽ

không kết thúc vì anh bị gãy chân; không có gì ngừng lại và chờ cho khiếm khuyết này của anh qua đi. *Bỏ đi, Dojun sẽ nói, bỏ những cái hạn hữu của cậu đi. Hãy toàn tâm toàn ý vào ngày này. Mỗi ngày. Hãy sống như có một thanh kiếm đang treo lơ lửng trên đầu cậu—vì sự thật đúng là như thế.*

Nó không chỉ mang nghĩ ẩn dụ. Thanh kiếm nghi thức anh đã trộm được giấu ở một nơi mà Samuel cầu Chúa rằng Dojun sẽ không tình cờ tìm ra. Về chuyện đó, anh chưa từng có ý cho sự phụ mình biết. Có những ngày anh thậm chí còn không đến thăm—tránh mỗi nguy hiểm hoàn toàn—và rồi phải thận trọng gấp đôi trên địa bàn của anh, bởi vì Dojun sẽ không do dự mà ra tay tấn công anh ở đó.

Chuyện sẽ không quá khó khăn đến thế nếu không có sự chênh mảng, định mệnh đã gọi đến tất cả năng lượng lãng vãng, hỗn độn của *shikijo* và hội tụ thành *cô*. Samuel nghĩ về cô với cái áo ngủ trắng kéo lên trên đôi chân để trần, đang uống trà và xoa bàn chân trong một cử chỉ thanh tao như một vũ nữ; anh nghĩ về hình ảnh đầu cô cúi xuống cùng suối tóc bóng mượt đó, bàn tay cô để sẵn sàng trên cuốn sổ và làn da mềm mại sau gáy nổi lên trên cổ áo bẻ kín đáo. Anh không thể giữ tâm của mình; anh cứ tiếp tục trượt khỏi đường đi, đánh mất *zanshin*, cái tâm tĩnh luôn ở trong trạng thái cảnh giác, và cùng với nó là hàng năm trời khổ công trau dồi và rèn luyện.

Để đối phó, anh dành hàng tiếng đồng hồ vào ban đêm để ngồi yên lặng, thử không ham muốn, cố gắng gạt đi mọi dự vọng của ý thức, vậy mà cô vẫn len vào tâm trí anh như một luồng gió nóng chậm chậm. Anh ngồi một cách thanh thản, mặt quay vào tường, để đầu óc trống rỗng...và không biết từ đâu tinh hoa của cô hình thành, hình ảnh cô đang chải mái tóc qua bờ vai trần, dáng cong của tấm lưng, sự tròn đầy trắng nõn của hông cô khi cô nghiêng người để xỏ chân vào váy.

Anh không thể đến chỗ Dojun với hình ảnh đó. Xu hướng chính trị, những hợp đồng, những kế hoạch và chiến lược của anh—họ có thể bàn bạc. Thậm chí khi anh không thể chắc chắn Dojun đứng về phía anh hay chống lại anh trong một mục đích riêng nào đó, vẫn thật tốt khi được trò chuyện và lắng nghe, được mở mang những triển vọng và cân nhắc kết quả và mục đích—như một ván *go*, một sự kết hợp vô cùng hùng mạnh trong những viên đá trắng và đen trên mặt bàn cờ.

Những tin đồn về cuộc phản cách mạng nổi lên rồi chìm rồi lại nổi lên. Samuel có nguồn tin từ cả hai phía; anh quan sát những nhà cải cách và những người trồng mía làm áp lực để nhượng lại cảng Trân Châu cho Hoa Kỳ, trong khi nhà vua chống trả để giữ chủ quyền cảng. Anh chứng kiến cuộc tổng tuyển cử Tháng Chín thông qua hiến pháp mới và vô hiệu hóa nhà vua. Anh chứng kiến những người đàn ông làm điệu bộ và la ó và ngập trong lòng hận thù nhỏ nhen, nhưng thời cuộc tất yếu hiện nay thiên về tiền bạc và quyền thế—Samuel không mấy may nghi ngờ rằng những nhà cải cách và mối giao hảo người Mỹ của họ sẽ thắng thế.

Đó có vẻ là một việc xấu xa, nhưng anh hiểu quyền lực và cuộc chiến phải có để giữ vững nó. Anh hiểu nỗi sợ. Anh hiểu sự bất bình của một bậc đế vương khôn ngoan, thân ái, vui tính

và tiêu hoang. Trong cả quãng đời trưởng thành của mình anh đã đối mặt với những tham vọng của người làm kinh doanh, từ phương Tây và phương Đông, và đã thấy những người dân bản địa ngơ ngác dần dần bị tước đi đất đai và của cải, bị xô đẩy vào một trò chơi với những quy tắc được lập ra bởi những kẻ máu lạnh hơn họ. Anh hiểu tất cả điều đó—việc anh có tán thành hay phản đối không quan trọng; điều quan trọng là phải hiểu, và dự kiến được, và biết khi nào phải hành động và hành động bằng cách nào.

Anh lập hãng tàu vì Kai, không phải vì tiền và vị thế, không phải để khiêu vũ ở cung điện hay để lật đổ chính quyền. Anh chẳng về phe nào mà giữ vững mục đích trong sáng. Một tương lai. Một nhiệm vụ. Để được toàn vẹn và bình an. Để khiến mình vượt trên cả thanh gươm trên giá, hơn cả sự thô nhám bên trong một vẻ ngoài đẹp đẽ. Để giữa con người anh trước kia khỏi bản thân anh hiện giờ, như một cái đe đánh bật tạp chất khỏi sắt và tạo cho được thép nguyên chất.

Để xứng đáng với những thứ anh muốn.

Để trở thành thứ đáng để cô yêu.

Tim anh là một lưỡi gươm...và sứt mẻ...không hoàn mỹ...

Khiếm khuyết này lôi anh về lại bóng tối, đã lẫn vẩn trong anh từ nhiều năm mà chưa từng được gột rửa. Giờ nó đã kết tinh, sụp đổ. Nó tạo thành một cực đối lập—một bên là Kai và danh dự và mọi thứ anh sẽ trở thành; bên kia là bóng tối ảm áp vấy gọi mà anh khinh bỉ và tha thiết được ngập chìm trong đó.

Hai năm trước, anh đã mua một khoảng đất rộng bốn mẫu nằm trên sườn đồi bên cạnh Thung Lũng Nuuanu. Với tình hình bất ổn hiện nay, anh đã có những bản vẽ cho ngôi nhà sẽ được xây ở đó. Anh đã mừng tượng cảnh Kai ở mỗi phòng: một phòng cho cây đàn piano của cô, một phòng cho bàn ăn mà anh sẽ làm cho cô, một sân *lanai* rộng vì cô yêu thích gió trời, một cái chuồng ngựa cho ngựa của cô. Anh đã hỏi han những người xây dựng và đặt mua gỗ tếch, me tây và paulownia. Ngay sau cuộc tổng tuyển cử Tháng Chín, nền đã được dọn sạch và khởi công.

Khi anh đứng trên lớp bùn giữa nền móng, anh chỉ phải tựa nhẹ vào một thanh nạng. Nơi đã từng có một bụi cây rậm rạp, giờ anh đã có thể nhìn ra tới biển. Anh nghĩ đến những cái tên, đến việc đặt tên cho ngôi nhà bằng tiếng Hawaii là *Hale Kai*—Nhà Biển—và quyết định cái tên quá lộ liễu.

Cô đã khuyên anh không nên hấp tấp, và anh tin cô trong chuyện đó.

Anh nghĩ đến gương mặt cô, đến cổ của cô, đôi bàn tay mềm mại và đường cong của ngực cô.

Anh dăm dăm nhìn đường chân trời.

Gạt nó sang bên, anh nghĩ. Gạt nó sang bên.

Cách xa chỗ anh đứng, qua khỏi con dốc nghiêng trên đảo, qua khỏi thành phố, qua khỏi những chóp nhọn và mái của nhà thờ đang ánh lên giữa màu xanh bạt ngàn, con sóng xô vào bờ, che khuất những tảng đá ngầm và cát biển.

Anh đã từng thực hiện việc đặt tên này một lần, nghĩ mình thật tài tình khi đăng ký hãng tàu là Kaiea—ghép những từ Hawaii mang nghĩa nước tràn lên đất liền—giờ lại nghĩ Dojun đã khiến anh thiên về xu hướng quá ẩn ý. Kai chưa từng hiểu ám chỉ của anh; chưa hề, theo như anh biết, thậm chí nhận thấy tên cô trong đó.

Anh sẽ thẳng thắn với cô hơn. Cô luôn thành thật và ngay thẳng; chính khuynh hướng che giấu bản thân mới cản trở anh. Có thể anh nên đặt tên ngôi nhà là Hale Kai. Có thể anh chỉ cần đến với Kai và hỏi thẳng cô thích tên nào.

Anh nên đặt tên ngôi nhà mình xây cho em là gì đây, Kai? Và nhân tiện, em sẽ làm vợ anh chứ?

Anh chẳng làm điều nào trong số đó. Anh ngấm mắt trời lặn xuống biển trong một vầng hào quang cam và vàng. Anh thậm chí không thể giữ mối lo về Kai rõ ràng trong tâm trí; anh cứ nhìn thấy cô, sự mềm mại đồ dài của mái tóc cô trong những áng mây, hương của cơ thể cô trong hơi đất sau cơn mưa—quỷ bắt cô đi, quỷ bắt anh đi, vì đã mù và điếc trong tưởng tượng của mình. Dojun đã có thể giết anh đến mười lần nếu ông ấy ở đây. Một đứa trẻ đồ kị cùng một trái dừa xanh cũng có thể làm được điều đó.

Con sóng xô đến, một sức mạnh từ tốn và vững chãi, vô phương cản trở. Kaiea, nước nhận chìm đất.

Anh đặt tên ngôi nhà bằng tiếng Anh. Biển Nổi.

Và anh không hiểu nổi bản thân, biết rằng đó là hành động đại dột nhất trên đời.

Chương 21

Leda được sinh ra ở phố thị. Nơi gần nhất mà cô từng đến miền quê Sussex là một chuyến tham quan đến Vườn Kew, khi cô tròn mười một tuổi. Westpark hoàn toàn có vẻ tuyệt vời đối với cô: ngôi nhà kiểu Georgian cổ kính, to lớn nhưng vẫn toát lên vẻ thân thiện, nhiều cây được trồng và mọc sum sê ngay giữa nhà, những bộ sưu tập kỳ lạ về mọi kiểu đồ vật khó tả, những con thú ăn kiến nhồi bông, những chiếc lá khô, hàng ngàn hộp bằng kính chứa vỏ sò và côn trùng và đá, những bức ảnh, những mẫu vật mà cô không muốn phải nhận dạng. Và khu công viên! Mặc dù có báo đốm, chúng thật sự không được phép thả rong như Ngài Robert nói, Leda

vô cùng vui sướng khi được đi dạo trong công viên, hít thở không khí thôn quê trong lành, hay chỉ đơn giản nhìn qua cửa sổ phòng cô mỗi sáng và chẳng thấy gì khác ngoài cỏ và cây títt tắp ở những ngọn đồi đằng xa.

Có một ngôi nhà kỳ lạ dùng để tinh chế hoa oải hương nằm ở cuối những khu vườn tươi đẹp đó, một cơ ngơi bằng thạch cao nhỏ hình bát giác, được trang trí bằng những dây leo màu đỏ mùa thu và lẩn khuất sau hàng rào bằng gỗ hoàng dương. Bị tổng khối phòng chung cất của khu bếp, Leda và Tiểu thư Kai đã chiếm ngôi nhà đó làm lãnh địa riêng, dẹp bỏ những cái phễu và lọ đựng dầu oải hương cũ đã bám bụi, chà rửa và trưng dụng những chiếc ghế dài và cái bàn đặt bên dưới cửa sổ lợp kính để dùng vào việc của họ.

Việc đó là rượu brandy anh đào đặc biệt của Cô Myrtle. Tháng Tám, khi họ mới đến Westpark, những vườn cây ăn quả sum sê những trái anh đào nhỏ có tên gọi brandy đen. Kỷ niệm của Leda về loại rượu đó, cùng với những miêu tả triu mến của cô về nghi thức đổ đầy vại và rót rượu brandy cho ngày Giáng Sinh khiến Tiểu thư Kai phấn khích đến mức bắt tay vào thực hiện. Họ nhất định phải tự tay hái quả anh đào và làm rượu brandy anh đào cho ngày lễ.

Công đoạn đầu tiên là cuộc đóng chiếm độc quyền của Leda và Tiểu thư Kai trong vòng một tuần. Mọi thứ đều được làm theo công thức mà Cô Myrtle để lại, như Leda còn nhớ: Những quả anh đào được chọn lọc và phân loại, được rửa thật cẩn thận, rồi tách hạt, những cái vại miệng rộng đúng chuẩn được rửa sạch, quả anh đào được xếp vào trong và đường được rắc lên cùng với các hương liệu đặc trưng của Cô Myrtle làm lớp phủ trên cùng—một nửa vại là quả anh đào, nửa còn lại là đường.

Ngài Ashland có mặt với một lời thỉnh cầu liên quan đến rượu brandy Pháp hảo hạng. Sau khi hứa rằng ông sẽ là người đầu tiên uống thử, không kể Leda và Tiểu thư Kai đã tự giành quyền kiểm nghiệm trong lúc làm rượu, ông đã đồng ý cung cấp rượu với chất lượng cần thiết. Trong khi đếm số lượng các vại, Leda và Tiểu thư Kai khám phá ra họ đã thử nghiệm quá nhiệt tình, và mười lăm ga-lông rượu brandy họa may mới đủ cho thành phẩm của họ.

Ngài Ashland đã nhướn cả hai hàng lông mày và đằng hắng, khá giống hành động mà Cô Myrtle thường làm khi bà nhấp ngụm đầu tiên. Nhưng rượu brandy được đem tới như đã hứa và công cuộc lao động lại tiếp tục đến khi nhà chung cất cuối cùng được khóa kỹ và không ai đụng đến trong đầu Tháng Chín, mọi mặt phẳng ngang trong đó chất đầy những vại màu đỏ-đen xen với vàng sậm.

Leda hài lòng với cách mùa hè và mùa thu trôi qua. Gia đình Ashland—gia đình Ashland của cô, cô triu mến khi nghĩ đến họ—đã xoay sở rất tốt ở Luân Đôn. Họ không hẳn nằm trong giới Nhà Marlborough, nhưng Leda cảm thấy trong bất kỳ tình huống nào, đạt đến mức độ được sung ái đó cũng là quá nhanh so với khuôn phép.

Hoàng tử xứ Wales thật ra đã công nhận Phu nhân Tess nhiều lần khi khiêu vũ với bà ở một vũ hội, một điều khiến bà rất kinh ngạc và bối rối, vì bà dường như không biết đến tính chuộng những phu nhân xinh đẹp của hoàng tử mà rất nhiều người đã biết. Leda không nói rõ chuyện

đó cho bà. Theo như lời kể lại, Hoàng tử đã bắt chuyện rất ân cần với Tiểu thư Kai, và hỏi Ngài Ashland liệu ông có hứng thú với trò đua ngựa.

Vì Ngài Ashland không có hứng thú, và cũng chưa được huấn luyện về kiểu cách giả vờ lịch sự, ngài chỉ nói không.

Leda nghĩ hẳn hành động hờ hênh đó là lí do họ không bị ngập trong những lời mời từ tầng lớp sang trọng quý phái nhất, nhưng vẫn có đủ các lời mời—còn hơn cả đủ—của một tầng lớp phù hợp hơn, và sự hoan nghênh nhiệt liệt khi họ đến các dạ tiệc tại gia ở Westpark, điều đó chứng tỏ không ai dám ngoảnh mặt với gia đình Ashland. Thậm chí đầu tháng Mười Hai còn có thêm những vị khách mới—bao gồm Ngài Scarsdale và con trai ngài George Curzon, người được chờ đón sẽ đến trên chuyến tàu trưa—Ngài và Phu nhân Whitberry vẫn lưu lại, và gia đình Goldborough với ba cô con gái, và tất nhiên, cả Ngài Hays.

Leda ngừng tay trong lúc đang phủ bụi các vại đựng rượu, lén nhìn sang Tiểu thư Kai. Bên dưới cái khăn choàng nặng nề để xua đi cái lạnh quang đãng của căn phòng, cô gái mặc một bộ váy đơn giản bằng len màu xanh hải quân với một cái tạp dề trắng mượn tạm từ nhà bếp, đang ngâm nga và lau rửa những cái phễu và đồ lọc, đặt chúng lên cái bàn dưới cửa sổ.

Ngài Hays khiến Leda cảm thấy tội lỗi.

Tiểu thư Kai mến ngài ấy. Cô gái rất mến ngài ấy. Lúc này hẳn họ đã cùng dùng trà trong phòng khách, trò chuyện về buổi săn cáo, nếu sáng nay ngài ấy và Ngài Robert đã không tham gia một đoàn mang súng săn gà lôi ở một điền trang gần đó.

Tiểu thư Kai đã trở thành một người dắt chó đi săn vô cùng hăng hái, miễn là chú cáo nhà ta thoát thân. Tháng Chín, lần đầu tiên Ngài Hays được mời đến Westpark, ngài đã có mặt tại cuộc đua đầu tiên của Tiểu thư Kai với những người dân địa phương. Sau khi tuyên bố cô là một người cưỡi ngựa thực mạng, ngài đã tự nhận lấy trách nhiệm giải thích cho cô tất cả quy ước của nơi thi thố, những lời khuyên mà cô ngoan ngoãn tiếp thu với một sự khôn ngoan đầy phần khởi. Ngài ấy nhanh chóng chấp nhận lời mời đến Westpark lần thứ hai, và đã đến đây được một tuần.

Các quý ông sẽ không trở lại cho đến tận chiều muộn, nên khi Leda tuyên bố đã đến lúc khui rượu brandy anh đào, Tiểu thư Kai nháy mắt lên vui sướng. Những cô gái nhà Goldborough, dù tình nguyện là người rót rượu, lại bị mẹ họ cắt đặt phải viết thư cho bà di thay vào đó. Giữa những lời phản đối thiếu não, họ lê bước về phòng riêng. Leda và Tiểu thư Kai đã bắt tay vào làm việc một mình trong nhà chung cất.

“Cái đó sẵn sàng rồi,” Tiểu thư Kai tuyên bố, dùng khăn phủ lần cuối lên cái chao bằng đất nung. “Giờ ta làm gì nữa?”

“Giờ chúng ta khui một vại trước, và nếm thử. Trước tiên chúng ta đổ nó qua cái chao vào cái tô kia.”

Cả hai người họ phải hợp sức mới có thể hoàn thành công việc đó một cách gọn gàng mà không làm dập trái anh đào bên trong. Hương brandy quen thuộc, mùi ngọt của cồn tràn vào mũi Leda. “Tôi tin mẻ rượu này sẽ tuyệt lắm đây,” cô nói đầy tự tin, như Cô Myrtle đã luôn thể hiện. “Mỗi người một quả anh đào từ cái vại này nhé.”

Nghiêm trang, họ tự tay chọn một quả anh đào từ cái chao, xăm chúng trên đầu muỗng. Trước khi Leda có thể lên tiếng cảnh báo, Tiểu thư Kai đã đưa nguyên quả anh đào vào miệng.

Cô gái ho sặc sụa.

Leda vỗ lưng cho cô, tay vẫn giữ quả anh đào của mình trên muỗng.

“Ôi trời ơi!” Tiểu thư Catherine thẳng người lên, xòe một bàn tay trên ngực. “Nó mạnh thật đấy.”

Mắt họ gặp nhau, và họ cùng cười khúc khích. Leda đưa lưỡi liếm quả anh đào trên cái muỗng, để miệng cô quen dần với vị nóng, kích thích của rượu. “Ăn nó theo cách này đi.”

Cô giữ quả anh đào giữa hai hàm răng và nhẹ nhàng cắn xuống, cắt đôi nó. Rồi cô để cho rượu brandy từ thứ quả ấy chảy xuống lưỡi, nuốt trái anh đào theo từng chút một.

Tiểu thư Kai lấy một quả anh đào thứ hai và làm theo cô. Lần này, cô gái chỉ phải hắng giọng và thối không khí qua lưỡi mình. “Chà,” cô gái nói. “Thành phẩm khá ổn, tôi nghĩ vậy.”

“Vại này đạt chuẩn. Chúng ta phải thử hết từng vại, để đảm bảo tất cả đã lên men. Đôi khi đường không được hòa tan hết.”

Họ lại nhìn nhau, rồi nhìn những hàng vại chất trên những chiếc bàn. Leda che tay lên miệng, vỗ nhẹ lên môi mình.

“Tôi cho là chúng ta nên bắt tay vào thôi,” Tiểu thư Kai nói.

Đến lúc họ đã khai xong hết nửa những vại còn lại, hai bàn tay và môi Leda rít đường. Chiếc khăn trắng trên mặt bàn rải rác những giọt màu đỏ. Tiểu thư Kai đã tháo khăn choàng, và mọi thứ có vẻ cực kỳ vui nhộn.

“Nhìn quả anh đào này xem,” Tiểu thư Kai nói, trưng ra một mẫu thử bị teo quắt lại. “Tôi tin nó trông giống Phu nhân Whitberry.”

Leda quyết tâm sẽ không cười vì một chuyện ngớ ngẩn như thế. Cô nhận lấy quả anh đào với một thái độ điềm đạm. “Quả Anh Đào Phu nhân Whitberry.”

Họ cùng bật cười khúc khích.

“Cô có biết không,” Leda nói, mở một cái nút đậy khác, “Tôi thật sự không tin Cô Myrtle đã

từng làm một lúc đến hơn một tá vại đâu.”

“Chúng ta đã làm mười hai *tá* vại,” Tiểu thư Kai đồng dạc nói, vung cái muỗng của cô vòng quanh phòng. “Giánh sinh năm nay sẽ làm nên huyền thoại.”

Leda đặt mạnh vại tiếp theo bên cạnh cái chao. “Phải có đủ cho tất cả mọi người ấy chứ.”

“Tất nhiên rồi. Đây là một căn nhà lớn mà.”

“Một căn nhà khổng lồ.”

“Một căn nhà cực kỳ *mênh mông*.”

Họ lú lười. Họ cùng ngã ra những chiếc bàn mà cười.

Tiểu thư Kai vòng tay quanh eo Leda, khua cái muỗng bằng tay kia. “Cô rất hài hước,” cô gái nói. “Tôi rất mừng vì cô đã đến với chúng tôi.”

“Cám ơn cô,” Leda nói. “Tôi cũng vậy. Tôi nghĩ—tôi nghĩ—” Cô ngừng lời, cố gắng tập trung những suy nghĩ cứ xoay xoay trong đầu. “Tôi tin chúng ta nên bắt đầu chặt rượu vào những cái lọ.” Cô cau mày, tập trung cao độ. “Gập đôi miếng vải thừa này lại.”

Tiểu thư Kai làm theo với vẻ nghiêm trang của một tu sĩ chuẩn bị cho lễ. Họ lột một cái phễu và đặt nó vào cổ lọ. Chất lỏng màu đỏ vàng chảy vào trong, sáng lấp lánh trong ánh mặt trời chiếu qua cửa sổ.

“Nhìn kìa.” Tiểu thư Kai mê mẩn thở dài. “Thật lộng lẫy.”

“Tráng lệ,” Leda cung kính nói.

“Ngoạn mục,” một giọng khác nói, nam tính và quen thuộc.

Tiểu thư Kai quay lại và reo. “*Mano!*”

Ông Gerard tháo mũ, vừa kịp lúc để bắt lấy cô gái khi cô lao vù đến chỗ anh. Anh bước lùi lại và nhắc cô như thể cô là một đứa trẻ, tung cô lên không trung và trao cho cô một nụ cười toe chào đón. Nắng lạnh rọi vào khung cửa hấp háy trên tóc anh.

Leda đã quên mất; trong năm tháng qua cô đã quên mất sức tác động của anh, quên mất anh đẹp mạnh mẽ, siêu thực đến dường nào. Trong sự hòa quyện của nắng và bóng tối từ hàng rào gỗ hoàng dương, anh tỏa sáng với ánh hào quang mộc mạc của riêng anh.

Cô cảm thấy choáng váng khi nhìn anh. Cô cảm thấy chóng mặt. Có một bài thơ thế này...

Hồ ơi, hồ ơi, bừng lên mãnh liệt...trong rừng sâu của đêm tàn bất tận...

Đó là thơ của Blake—hoang dại và ấn tượng chỉ trong hai dòng thơ giản dị. Như anh vậy. Cô không thể nhớ nổi phần còn lại của bài thơ. Tâm trí cô lúc này có vẻ không lạnh lẽo lắm.

Thật lạ khi thấy anh đứng thoải mái như thế. Cô cũng đã quên mất điều đó—rằng anh sẽ bình phục, tất nhiên. Không có một cây nạng, không một gậy chống, thậm chí là một cái chân cà nhấc khi anh bước vào phòng.

“Ôi, Mano!” Tiểu thư Kai đeo trên vai anh, gác đầu lên ngực anh và nghiêng từ bên này sang bên kia. “Em nhớ anh. Chúng em đã có một thời gian tuyệt vời.”

Leda nhấc váy lên trong một cái nhún gối, hơi loạng choạng khi cô thẳng người. “Chào mừng ngài trở lại.”

Anh nhìn lên cô qua Tiểu thư Kai. Leda đẩy lọn tóc đã rơi khỏi búi ra sau. Kiểu tóc đó dường như có nguy cơ sẽ buông xuống, nhưng cô không thể nghĩ ra phải làm gì về chuyện đó.

Anh mỉm cười. Leda cảm thấy một sự ấm áp và sung sướng ủa tới khiến cô gần như muốn khóc. Cô nhắm mắt, và căn phòng dường như xoay tít quanh cô.

“Bọn em đang làm rượu brandy anh đào của Cô Myrtle,” Tiểu thư Kai báo. “Anh phải ăn một trái anh đào mới được.”

Cô thả anh ra và múc một quả vào muỗng mình. Anh nắm cổ tay cô và giữ vững trước khi cô làm rơi quả anh đào. Với vẻ mê mẩn, Leda ngắm lúc anh nhìn xuống cái muỗng—cô thấy anh thật tài tình khi có thể tập trung vào đó để đến thế, trong khi mọi thứ dường như vượt ngoài khả năng điều khiển của cô.

Anh đưa cái muỗng tới cách miệng mình vài phân, hít một hơi, rồi nói, “Lạy Chúa.”

“Xin đừng báng bổ, Ông Gerard,” Leda xướng lên một cách quở trách. Rồi cô bắt đầu khúc khích.

Anh nhìn cô. Cô chụp hai bàn tay lên cái miệng vô phép tắc của mình. Rồi cô lấy lại lòng tự trọng và trí khôn đã tán loạn và sốt sắng nói, “Hãy thử một quả đi. Chỉ có một giọt brandy trong đó thôi. Tôi nghĩ nó sẽ cho ngài thêm sinh khí sau chuyến đi của ngài.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó,” anh nói.

Anh nuốt trọn quả anh đào. Tuy nhiên họ không thể khẩn khoản anh ăn thêm một trái nữa. Anh không muốn phá hỏng bữa tối, như anh trang trọng giải thích.

“Bữa tối! Mấy giờ rồi ạ?” Tiểu thư Kai thốt lên. “Sau ba giờ rồi ư?”

“Bốn giờ mười,” anh nói.

“Em phải đi đây.” Cô thả cái muỗng lên bàn. “Ôi, Cô Leda—nhìn chỗ này đi! Làm thế nào mà

chúng ta sẽ...Mano, anh sẽ giúp Cô Leda làm cho xong chứ? Cô ấy không thể làm hết một mình được, và em đã hứa—”

Cô không nói mình đã hứa gì mà chỉ chộp lấy khăn choàng quanh người và chạy ra cửa, va sầm vào rầm cửa và nảy ra trong khi cô đi.

Leda không quá nuối tiếc khi thấy cô gái ra đi. Một cách mơ hồ, cô biết mình nên cảm thấy như thế; biết rằng cô không nên ở lại một mình với Ông Gerard—nhưng cô lại rất vui sướng khi được đứng riêng với anh. Cô quá mừng vì anh đã trở lại. Cô không thể ngăn mình không mỉm cười khi cô nhìn anh.

Nhưng khi anh cứ đứng tại cửa vào, cô nhớ ra lí do mà anh tới đây. Không phải để chào cô, dĩ nhiên. Và Tiểu thư Kai đã chạy đi tìm Ngài Haye chỉ sau chưa tới năm phút chào hỏi.

Cô cảm thấy có chút tức giận Tiểu thư Kai. Ông Gerard đã đi xa đến thế; anh yêu cô; anh muốn kết hôn với cô—sao cô có thể vô tâm đến mức bỏ đi ngay lúc này?

Leda không muốn anh bị tổn thương. Cô nghĩ đến chuyện bảo anh đi theo Tiểu thư Kai... nhưng rồi anh sẽ chỉ thấy cô gái mơ mộng về Ngài Haye, một quý ông rất được hoan nghênh, nếu người hoan nghênh đó có sở thích dành cho chó săn cáo, nhưng vẫn chẳng là gì và chẳng là ai so với Ông Gerard.

Leda không thể hiểu nổi. Cô không tin mình đang suy nghĩ mạch lạc. Nhưng cô biết cô muốn Ông Gerard cười với cô lần nữa.

Trước cổ găng đó, một quả anh đào nữa có vẻ là một ý kiến xuất sắc. Cô cảm ngưỡng của mình và duyên dáng liếm quả anh đào xăm trên đầu muỗng. Ông Gerard quay người khỏi cửa. Cô nghiêng đầu và nhìn anh từ dưới hai hàng mi. Lưỡi đang nếm vị ngọt nóng của quả anh đào, cô trao cho anh một nụ cười khích lệ ngập ngừng của riêng mình.

Vẻ bận tâm rời bỏ gương mặt anh. Anh nhìn lại cô như thể anh chỉ vừa mới thấy cô đứng đó.

Leda ngậm quả anh đào vào miệng và để nó trôi xuống cổ. Cô liếm những ngón tay dính nước đường. “Ngài không cần phải giúp nếu ngài không muốn,” cô e thẹn nói. “Nhưng việc này rất vui.”

Anh không nói gì cả. Anh chỉ đứng đó, ngây người nhìn vào môi cô khi cô mút một chỗ còn dính trên đầu ngón tay út. Khi anh gặp ánh mắt cô, có một vẻ căng thẳng kỳ lạ trên nét mặt anh: hoàn toàn không phải một nụ cười.

“Sẽ vui hơn khi có hai người cùng rót,” cô mời. Cô chuyển cái phễu sang một cái lọ rỗng, chụp lấy cổ lọ khi nó không muốn đứng yên ngăn nắp trên bàn. Bằng hai tay, cô nhắc tô đựng rượu, nhưng không có ai giữ cái lọ, cô không thể tựa cái tô nặng lên miệng phễu. “Mà cũng không quá khó nữa,” cô nói, quay nhìn anh đầy hy vọng. “Ngài có phiền giữ cái lọ được không?”

Anh đi tới sau lưng cô và nhấc cái tô khỏi tay cô chỉ bằng một tay. “Giữ nó đi,” anh nói, gạt đầu về phía cái lọ bằng một thái độ cộc lốc.

Leda chụm hai bàn tay quanh cổ lọ trước mặt cô. Anh đang đứng rất gần khi anh nhấc cái tô bằng đất nung nặng chứa đầy rượu. Anh nghiêng tới gần cô hơn, điều chỉnh mức độ chảy thành một dòng rượu được rót đều đặn qua miệng tô. Leda ngấm mực rượu dâng lên trong lọ, và nói, “Được rồi. Thế là đủ.”

Cô đặt cái lọ đầy qua một bên và bỏ phễu vào một lọ khác. Có anh đứng gần bên như thế thật tuyệt. Cô hít vào một hơi rượu brandy nồng và thở dài. Anh lại tiếp tục rót. Khi chất lỏng chảy vào phễu anh chặn ngón cái lên miệng tô, thả tay kia ra và cúi người xuống sâu hơn trên vai cô để quan sát rượu brandy khi anh gập cái tô lên cao.

Nó đổ đầy cái lọ vừa đúng mực. Leda nhắm mắt với một cảm giác mãn nguyện. Cô dựa vào anh. Anh thật vững chãi một cách dễ chịu, trong khi mọi thứ khác lại có khuynh hướng xoay tròn quanh vị trí thường nhật của chúng.

Phu nhân Tess cũng đã đứng với Ngài Ashland giống như thế này. Nó thật sự dễ chịu; dù Ông Gerard không choàng hai cánh tay quanh cô. Anh đứng bất động. Cô có thể cảm thấy hơi thở anh trong tóc mình, dồn dập, sâu hơn thường ngày, cứ như anh vừa chạy một quãng xa.

“Cám ơn ngài,” cô thì thầm. Cô xoay đầu, để má cô phớt nhẹ lên áo vét của anh. Tóc cô cuối cùng cũng xõa xuống như nó đã có nguy cơ từ trước.

Cô thậm chí còn không để tâm. Cô không nghĩ mình từng thấy hài lòng với thế gian như thế trước đây.

Samuel cuống cuống nghĩ về sự cân bằng trong tâm tưởng. Về kỷ luật. *Tính chính trực*, anh nghĩ. *Sự quả cảm, danh dự, lòng trung thành.*

Anh không cảm thấy bất cứ điều nào trong số đó. Anh chỉ cảm thấy tóc cô dưới cằm anh, một cái bím tóc đã nói lỏng. Nó mê hoặc anh, bởi nó quá mềm mại; bởi vì anh đã từng thấy cô chải tóc và vắn nó lên cao và ghim lại. Anh không thể cử động. Nếu anh di chuyển anh sẽ vùi hai tay vào tóc cô, trải nó ra và chôn mặt anh vào đó. Anh sẽ kéo cô vào người anh, vào trong anh; anh sẽ chết với đôi chân đang quỳ, bị nhận chìm trong cơn lũ tối và nóng đó.

Cô ngửa đầu ra sau, rúc sâu hơn vào anh. *Đừng*, anh nghĩ. *Vì tình yêu Chúa.* Anh nhấc hai bàn tay, không hấn chạm vào cô. Cơ thể cô mềm như nhung, áp sát vào anh theo những đường cong và lối rẽ bí mật. Cơ thể anh cứng lại phản ứng. Máu anh đập dồn với sự kích động.

Hãy nhớ lấy điều này. Nhớ lấy điều này như một khiếm khuyết bên trong anh.

Anh nắm chặt khuỷu tay cô và kiên quyết đẩy cô tới trước, cách xa anh.

Cô quay lại. Anh những tưởng...một điều gì đó—sự tức giận hay phẫn nộ, vì anh đã không đầu hàng cảm dỗ của cô. Nhưng cô dựa vào mép bàn và cười rạng rỡ với anh, nghiêng đầu như một chú mèo nhỏ đang đuổi người sưởi nắng, cổ cô lộ ra, mái tóc xõa xuống sau vai, được thắp sáng bởi khung cửa sổ để sắc đỏ và vàng vui đùa giữa suối tóc màu gụ—cảnh tượng đó nổ bùng trong anh, đẩy sức mạnh và sự yếu đuối đến đầu ngón tay anh.

Trong khi anh đứng tê liệt trong ham muốn đen tối, cô đẩy tóc ra sau và đẩy nút hai cái lọ mới được đổ đầy. “Tôi cho rằng chúng ta có thể...hoàn tất vào ngày mai,” cô nói, với một giọng phấn khởi, chệnh choáng. Cô ngậy ra nhìn những hàng vại và lọ một lúc, rồi phì cười. “Thật đấy, tôi e có thể chúng tôi đã làm quá nhiều, ngài thấy sao?”

Anh nghe thấy sự ngậy thơ e thẹn, líu nhíu trong giọng cô, nhưng anh không muốn cô ngậy thơ. Anh muốn cô cũng như anh, muốn kéo cô xuống nền nhà không trải thảm cùng với anh—bên dưới anh, chiếc miệng cười mỉm của cô trên miệng anh, tiếng cười của cô và cơ thể cô như hơi ấm và lụa bao phủ anh. Anh muốn điều đó và kính tởm nó, và kính tởm bản thân anh, không mong ước nỗi đau, cũng không muốn sự tàn bạo, mà chỉ khát khao nụ cười và tiếng cười của cô và sự điều anh sẽ làm nếu anh buông xuôi.

Anh lấy một cái khăn và chùi mạnh lên tay, cố gắng gột sạch thứ chất lỏng rin rít. “Mong cô thứ lỗi,” anh nói một cách cứng nhắc, cúi mình chào mà không nhìn cô. Anh quăng miếng giẻ lên bàn, lấy mũ, và sải bước ra khỏi cửa, hít vào không khí lạnh, trong lành và mùi mốc của gỗ hoàng dương. Anh lấp đầy phổi mình với mùi hương đó, nhưng vẫn không thể thoát khỏi hương thơm còn sót lại của rượu brandy anh đào trên tay anh.

Anh thậm chí còn không đi theo Kai. Anh không thể làm được điều đó ngay lúc này. Anh muốn không người nào nhìn thấy mình; không phải Kai, không phải cha mẹ cô—không phải một người nào quan trọng với anh.

Chương 22

Đầu Leda nhúc như búa bổ lúc cô tỉnh dậy. Ruột gan cô cũng chẳng có cảm giác dễ chịu hơn là mấy, và có một ký ức cứ lớn vồn ở rìa nhận thức không có cảm giác như một điều mà cô muốn nhớ lại.

Cô lăn người nằm sấp, vùi sâu hơn vào gối khi tiếng cào cửa vang lên. Nhưng cô hầu vẫn bước vào, thì thầm, “Thưa cô! Tôi rất lấy làm tiếc; tôi biết là còn rất sớm nhưng chúng tôi không biết phải làm sao và Ông Gerard bảo cô phải xuống nhà cô ạ.”

Ông Gerard. Ký ức mà cô không muốn thừa nhận trôi dạt mạnh mẽ trong đầu.

Cô rên rĩ và chìm sâu hơn nữa vào gối, cảm thấy vô cùng khủng khiếp. “Tôi không thể.” Những từ đó thoát ra trong một tiếng lẩm bẩm. “Tôi e là tôi—phát ốm.”

“Ồ, thưa cô—tôi rất lấy làm tiếc—nhưng Ông Gerard bảo; ngài ấy bảo có thể cô không khỏe, nhưng cô vẫn phải xuống nhà. Ngài ấy bảo tôi nói với cô rằng sẽ có trà chờ sẵn.”

Trà nghe có vẻ...dễ chịu. Nhưng phải đối mặt với Ông Gerard, phải góp nhặt tri giác đã xây xẩm của mình và nuốt xuống cơn nhộn nhạo trong bụng và tự nguyện, trong khi không bị kéo lê bởi xích sắt và những con thú khỏe, xuất hiện trước mặt anh—cô không nghĩ mình có thể làm được điều đó.

Cô hầu tuyệt nhiên có vẻ tin rằng việc đó không những có thể làm được, mà còn phải làm gấp. Với những tiếng thì thầm quấy nhiễu và những nỗ lực điều khiển bằng tay, cô cũng dựng được Leda dậy và mặc trang phục cho cô. Thoáng mùi brandy anh đào từ cái tạp dề Leda đã mặc hôm qua suýt nữa khiến cô nôn mửa, nhưng cô hầu đã lục được một bộ váy sạch và một áo cánh với cổ cao thêu màu trắng.

Với mái tóc thắt đuôi sam thật chặt, Leda bước xuống một nhánh của lồng cầu thang đôi uốn cong từ ban công nhìn ra đỉnh trung tâm Westpark. Cây cối với kích thước đồ sộ như đại thụ mọc lên ngay trong nhà, xòe những u lá nhiệt đới trong ánh nắng sớm lọt qua những ô cửa sổ đầm nước mưa ở trần nhà, di sản của người cha theo trường phái tự nhiên của Phu nhân Tess. Trong những năm tháng cả gia đình không ở đây, ngôi nhà, nhà kính và khu vườn cùng những con báo ở Westpark được coi sóc bởi Ông Sydney, một quý ông cao tuổi nhưng vẫn nhanh nhẹn, người có thể kể vanh vách tên khoa học của bất cứ giống cây nào vào một lúc bất kỳ, và ông cũng thường làm thế dù không có ai yêu cầu.

Do hoàn cảnh bắt buộc, cô giữ chặt tay mình trên thành cầu thang làm điểm tựa. Đường như chưa có ai, trong gia đình hay các vị khách, đã thức, nhưng một người giữ cửa đứng chờ cô ở cuối cầu thang và hướng dẫn cô đến phòng khách nhỏ. Tới ngưỡng cửa, cô có một khoảnh khắc nổi loạn vô cùng bứt rứt ngay giữa ngực, nhưng người giữ cửa đã mở cánh cửa cao được đánh véc-ni với tay nắm mạ vàng và tráng đồng.

Ở Westpark chẳng có khí gas hay điện. Mọi thứ đều được thắp bằng nến và dầu. Trong ánh sáng nhòe, tù mù của ngày mới, một cây đèn bọc gương gần cửa sổ phóng hơi ấm màu đỏ lên tấm thảm trải sàn, một góc phòng mang màu sắc giữa khung cảnh ảm đạm đầu ngày. Ở mé vầng sáng đó, Ông Gerard đứng với cánh tay tựa lên cuối bệ lò sưởi. Một ngọn lửa nhỏ, mới được thắp, đẩy khói trắng lên ống khói.

Leda kéo khăn choàng dày của cô sát vào người. Cô ngạc nhiên nhìn về phía một phụ nữ đang đứng lên từ một chiếc ghế trong cảnh tranh tối tranh sáng, mặc một cái áo choàng không tay màu xanh hải quân cùng một áo vét đồng phục màu đỏ bên dưới. Một biểu tượng bằng vàng và dải ruy-băng đơn màu đỏ viền lên vành chiếc mũ đồng bộ. “Cô Etoile phải không?” Bà ta đưa tay ra, nhân từ nói trong một giọng êm dịu. “Tôi là Phụ trách Peterson, từ Đoàn Cứu Trợ.”

“Chào buổi sáng.” Leda giữ giọng mình cũng nhẹ nhàng như thế. Cô bắt tay, nuốt xuống một cơn khó ở nhẹ. Thậm chí hít thở cũng có vẻ khổ sở trong trường hợp của cô.

“Tôi đang trên đường đến một buổi họp mặt tại hội trường ở Portsmouth. Vì tôi sẽ tạt ngang qua đây, tôi cảm thấy tốt nhất mình nên trực tiếp đưa đứa bé đến chỗ cô.”

Leda chớp mắt nhìn bà. Phụ trách Peterson nhắc bàn tay lên, ra dấu về phía tối nhất của căn phòng. Leda đến lúc đó mới nhận thấy cái liễng lớn được đặt trên một cái bàn. Cô nhìn lại nhân viên của Đoàn Cứu Trợ, môi thì thào thốt lên, “Đứa bé?”

“Cô gái Pammy Hodgkins, cô đã để cậu bé lại cho cô ấy, giờ không đủ khả năng hoàn thành việc đó.” Có một âm vực đanh thép trong giọng nói trầm lặng. “Mặc dù cô gái đã làm khá tốt; nhờ ơn Chúa, cậu bé sống khỏe mạnh so với một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ mặc cho người trông hộ.”

“Pammy ư?” Leda nhìn cái liễng, và bà ta, rồi nhìn Ông Gerard, anh nhìn lại cô bằng đôi mắt xám băng giá. “Nhưng cậu bé không phải *con tôi!*” cô thở gấp. “Đứa bé không phải *con tôi!*”

“Cô Etoile, tôi kêu gọi bản năng làm mẹ cao cả của cô.” Cái liễng kêu sột soạt. Phụ trách Peterson nhìn nó, và hạ giọng xuống một tiếng thì thầm khắc nghiệt. “Chúng tôi được Cô Hodgkins báo lại cô ấy đã nhận tiền từ cô để chăm cho đứa bé. Cô ấy đã có mặt lúc lâm bồn, tôi hiểu có đúng không? Chúng tôi đã yêu cầu một bản sao ghi chép của cảnh sát gửi đến cho chúng tôi với các thông tin cần thiết.” Bà ta rút ra một tờ giấy được gấp lại từ trong áo khoác và đưa cho Leda. Bên trong, được đóng dấu và ký tắt bởi một người viết sổ sách, là một bản sao ngắn về thông tin liên quan đến việc chứng sinh ở sở cảnh sát của một cậu bé cho Cô Leda Etoile, ngụ tại nhà trọ của Bà Dawkins ở Đảo Jacob, được chứng bởi Bà Fullerton-Smith từ Hiệp Hội Vệ Sinh Phụ Nữ, và Bà Layton, y tá hộ sinh; Hạ sĩ MacDonald và Thanh tra Ruby được gọi ra ngoài trong quá trình điều tra đã được ghi chú lại.

“Bản sao này bị nhầm rồi!” Leda phản đối trong một giọng trầm mạnh mẽ. “Hiển nhiên tôi là người làm chứng—nhưng đó là con của Pammy. Hạ sĩ MacDonald hẳn đã ghi sai. Tất cả mọi thứ đã bị xáo trộn cả—nhưng Phụ trách Peterson, bà có thể tin rằng đứa trẻ này *không* phải con tôi.”

Bà phụ trách không tranh luận, mà chỉ điềm tĩnh giương mắt nhìn cô, cứ như bà ta có thể bắt ép sự thật bằng cách đó.

Leda đưa bàn tay lên cái đầu nhứt nhối của mình. “Chỉ một chi tiết về ngày tháng thôi cũng đã rõ.” Cô gặp khó khăn khi giữ cho giọng mình không dao động. “Bà không cần phải tin lời tôi. Ông Gerard—ngài hãy nhìn vào ngày tháng ghi trên tờ ghi chép đó. Đó là sau ngày Nữ Hoàng Hawaii và đoàn Nhật ghé qua cửa hàng của Bà Elise, có đúng không? Ngài phải thấy rằng điều đó là không thể xảy ra.”

Cô đưa tờ giấy cho anh, nhưng anh chẳng làm hành động nào để nhận lấy.

“Tôi tin Cô Etoile nói đúng.” Giọng điềm đạm của anh là một cứu cánh đáng hoan nghênh giúp họ trở lại với lý lẽ. “Có một nhầm lẫn trong bản ghi chép đó. Cô gái Pammy ra sao rồi?”

Bà phụ trách cụp mắt xuống. “Tôi rất lấy làm tiếc phải báo rằng Cô Hodgkins đã không thể chống chọi nổi bệnh thương hàn vào bốn ngày trước. Đó là sự kiện dẫn chúng tôi đến đây. Trong những lời cuối, cô gái yêu cầu nhân viên của chúng tôi đem đứa bé đến cho mẹ nó.” Bà ta vầu môi. “Tôi cho là—có thể trong lúc quẫn bách, cô gái có thể đã mong ngăn đứa trẻ bị quẳng vào nhà thờ.” Bà ta tính cả Ông Gerard vào cái nhìn thấu suốt của mình. “Chuyện đó là có thể, nhưng tôi vẫn không thấy nó khả năng xảy ra.”

“Nó không phải con tôi!” Leda thì thầm một cách kịch liệt. “Tôi rất lấy làm tiếc vì bà đã phải đích thân đến, nhưng nó không phải.”

Không hề có một cử động có thể nhận thấy, Phụ trách Peterson dường như rũ người xuống một chút. Bà ta cau mày nhìn cái liêng, rồi đưa lòng bàn tay về phía Leda. “Tôi muốn xin lại bản ghi chép. Nó phải được sửa lại.” Bà ta nhướn mày, và tấm huy hiệu trên mũ bà ta lấp loáng. “Hoặc nếu nó ghi chép đúng, thì vẫn có thể cân nhắc đến việc kiện ra trước tòa, để buộc cấp dưỡng từ cha mẹ.”

Leda chuyển tờ giấy cho bà ta với một cử chỉ cứng nhắc khó chịu. “Hẳn rồi. Việc điều tra thêm sẽ cung cấp cho bà sự thật về trường hợp này. Xin phiền bà bỏ chút công đến nói chuyện với Thanh tra Ruby, ông ấy đã có mặt ở sở vào tối hôm đó.”

“Thôi vậy.” Người phụ nữ nhìn lần lượt từ cô sang Ông Gerard, cứ như bà ta cảm giác mình bị qua mặt, nhưng không thể chứng minh được. “Tốt thôi! Tôi đành đưa cậu bé trở lại nhà thờ vậy.” Bà ta bước đến bàn và nhắc cái liêng to lên, cúi nhìn vào giữa những tấm chăn đơn sơ. “Ta e là chúng ta phải đưa cháu vào chỗ những đứa trẻ mồ côi thôi, Samuel Thomas.”

Ngọn lửa réo trong không gian yên lặng. Ông Gerard không cử động, anh nhìn xuống vỉ lò mà miệng không để lộ một biểu hiện.

“Samuel Thomas ư?” Leda lặp lại một cách nhút nhát.

Phụ trách Peterson nhìn lên, như thể bắt được sự lưỡng lự trong giọng Leda. “Có thể cô muốn nhìn thấy sinh vật bé nhỏ mà cô đang chối bỏ.” Bà ta đem cái liêng đến cho Leda.

Mặc dù không muốn, Leda cũng nhìn. Samuel Thomas nằm ngửa, đang say giấc trong cái nôi xấu xí, hai má phúng phính hồng và cái mũi hếch, một mảng tóc màu nâu nhạt. Gương mặt cậu bé nhả lại ở một bên trong khi cô nhìn, như một nụ cười nửa miệng hài hước, và rồi cậu thẳng mặt lại với một tiếng thở dài của trẻ nhỏ.

“Nó là một cậu bé nhỏ nhắn đáng yêu.” Phụ trách Peterson khẽ nâng đầu liêng lên, như để phô bày cậu bé bên trong được rõ hơn.

Đứa trẻ ngo nguẩy khi bà ta nói, đã hơi thức. Rồi cậu nhắm nghiền hai mắt, thở ra một hơi

dài khe khẽ nữa, và ngủ lại.

“Chúng ta nên cầu Chúa chăm lo cho cậu bé. Cô có biết ở trại trẻ mồ côi là thế nào không, cô gái?”

Đầu Leda nhúc nhúc. Cô cảm thấy thật khốn khổ. Cô che miệng bằng cả hai tay và nhìn lên Ông Gerard.

Ánh mắt dừng đọng của anh gặp ánh mắt cô. Cô chẳng đọc được gì ở đó, không một sự động viên, không lời buộc tội, không phủ nhận. Máng nước hứng mưa vọng lại một tiếng bùng bùng nhịp nhàng của nước chảy, hết lần này đến lần khác.

“Ngài có nghĩ...” Cô không thể nói trọn câu. “Ông Gerard...”

Ánh đèn rơi lên một bên mặt và tóc anh, tôn lên vẻ đẹp rạng rỡ, siêu phàm trong bóng tối. “Cứ giữ cậu bé, nếu cô muốn.” Anh gạt đầu với Phụ trách Peterson và bước ra khỏi phòng.

Samuel Thomas Hodgkins báo hiệu sự có mặt của mình với những người còn ngả lưng trên giường ngay sau khi viên chức của Đoàn Cứu Trợ vội vã bỏ về để bắt kịp chuyến tàu của mình. Lấp đầy căn phòng khách nhỏ trước tiên với những tiếng khụt khịt và tiếng khóc quấy, rồi sau đó, khi Leda cố vỗ về cậu bằng cách thử bế cậu lên, là những tiếng khóc ré dữ dội, cậu bé đem Sheppard, hai cô hầu, Phu nhân Tess, và cuối cùng là một Tiểu thư Kai trắng bệch và trông rất đáng thương vào phòng.

Trước khi Tiểu thư Kai đến, mẹ cô đã phần nào thu xếp ổn thỏa, đi thơ thẩn quanh phòng cùng gương mặt đỏ và khổ sở của Samuel Thomas lộ lên bờ vai của bà mỗi lần bà bước qua. Tiếng nức nở của cậu đã dịu lại đủ cho Leda lúng búng một lời giải thích lộn xộn về hoàn cảnh đưa đẩy cậu bé tới đây, lời giải thích có vẻ được Phu nhân Tess chấp nhận với chỉ một chút bối rối, vỗ lưng cậu bé và thủ thỉ giữa những câu giải thích bấn loạn và những quãng ngừng của Leda.

Nếu Ông Gerard tỏ ra chấp nhận một đứa trẻ mà không cần cân nhắc gì hơn khi nhận nuôi một chú chó lạc, bản thân Leda cũng không thể nói mình phản ứng khá hơn, toàn gia Ashland lại không quá lạc quan một cách ngây ngô như thế. Phu nhân Tess cho các cô hầu đi tìm thứ gì đó làm yếm cho cậu bé, cùng một chút cháo và sữa lạt. Khi khăn đã tới, chính Tiểu thư Kai, vừa mỉm cười một cách hào hiệp trong lúc mặt vẫn tái xanh, đỡ lấy cậu bé đang gào khóc và lau rửa và thay tã cho cậu bé một cách khéo léo, trong khi Leda nghĩ cái mùi bất chợt đó cuối cùng sẽ đánh bại quyết tâm của cô và khiến cô nôn mửa.

Cô nhìn Tiểu thư Kai non trẻ và phù phiếm bằng con mắt thán phục. Mọi người khác dường như đều biết phải làm gì, trong khi Leda đứng bên, cảm thấy vừa ngu ngốc vừa vô dụng vì sự ngu dốt của mình. Trong khi cô tiếp tục cố giải thích cho Tiểu thư Kai xuất thân của cậu bé, Phu nhân Tess lo lắng lên tiếng về những việc thực tế hơn: như cậu bé có thể chưa được ăn thức ăn đặc, hay sữa bò có thể khiến cậu bị sốt phát ban hay không, liệu có thể tìm thấy một vú em trong thời gian ngắn như thế không, và vô số những quan ngại khác mà Leda sẽ không nghĩ

ra được để mà cân nhắc.

Samuel Thomas có vẻ đón nhận phần cháo của cậu rất nhiệt tình. Khi cái muỗng va lạnh canh vào chén, cậu mở to mắt và há miệng như một chú chim non háu ăn. Có thể thấy được một cái răng hàm dưới của cậu khi cậu há miệng.

“Đó.” Tiểu thư Kai lau mặt cho cậu khi cậu đã ăn xong chén cháo và mút nước từ một mảnh vải sạch được nhúng vào ly. “Giờ cháu sao rồi, nhóc con tội nghiệp? Cháu cảm giác khá hơn chưa? Cháu tên gì nào?”

“Thomas.” Phu nhân Tess trả lời trước khi Leda có thể lên tiếng.

“Tommy! Tommy!” Tiểu thư Kai biến tên cậu thành một khúc nhạc, bế cậu ngồi trên đầu gối cô và ngửa cậu từ sau ra trước. “Tommy Be Bé Con Con!”

Đứa bé nhìn cô chăm chăm, rồi miệng cậu cong lên thành nụ cười xé một bên. Cậu giơ hai bàn tay mũm mĩm về phía mũi cô, bật cười to.

“Thằng nhóc ngốc nghếch.” Cô ấn mặt vào bụng cậu, vừa ấn vừa lắc đầu. “Thằng nhóc nhỏ con ngốc nghếch!”

Cậu cười sáng sặc, chụp lấy mái tóc lòa xòa của cô.

“Thằng nhóc đáng yêu!” Cô bế cậu lên và ôm cậu. “Cháu ghé qua thăm đấy à? Có phải cháu đến thăm cô Kai không, hửm? Cháu đã mất cả cha và mẹ à, Tommy bé bỏng tội nghiệp? Cháu sẽ ra sao đây?”

“Ông Gerard đã nói cậu bé có thể ở lại,” Leda ngập ngừng báo tin.

“Samuel đúng là người nhân hậu!” là câu tán thưởng thông minh của Tiểu thư Kai.

Leda thì rụt rè hơn khi nhìn lên mẹ cô gái. “Nếu bà và Ngài Ashland thấy ổn, thưa phu nhân? Tôi có thể tìm một phụ nữ trong làng muốn nhận cậu bé.”

“Gì kia?” Phu nhân Tess nhắc đầu lên từ vẻ trầm ngâm trong khi nghiên cứu tấm thảm sàn. “Không—tất nhiên là không rồi. Ta vừa nghĩ chúng ta cần gì để tân trang phòng trẻ.”

Để chân khỏe hơn, Samuel cuốc bộ. Anh dùng nó trong những cú đá chết người lên thân cây, đôi khi làm điểm chống để lộn ngược và rồi đứng bất động, một khoảng ngưng đọng của thời gian, hấp thu hơi thở dài, thỉnh lặng của những cây rừng quanh anh. Cơn mưa chảy dọc xuống mặt anh khi anh không cử động. Mùi của đất mùn bám vào tay và quần áo anh.

Anh nhận ra nỗi sợ trong chính bản thân mình. Anh nhận ra cái hố sâu hoắm đã xuất hiện trong mục đích của mình. Anh đứng trong cơn mưa và nghĩ đến những thứ cơ bản. Lửa. Nước.

Gió. Niềm tin. Ý chí không ngớt chuyển hóa thành hành động.

Có lúc anh cần được ẩn mình, cũng có lúc để bước đi mà không cần che giấu.

Leda cảm giác những cuộc chạm trán gần đây của cô và Ông Gerard không khiến cô hài lòng lắm. Cô có một thôi thúc mạnh mẽ phải gặp anh trong một tình huống mà cô là người làm chủ tình thế, để chứng tỏ mình là người tự chủ và biết kiềm chế, không phải là người có chiều hướng, như một thói quen, tự do nốc rượu anh đào và tựa vào những quý ông độc thân.

Tuy nhiên anh đã khiến cô ngạc nhiên khỏi trạng thái điềm đạm bằng cách xuất hiện—ướt đẫm, với một phần lá khô mắc trong mái tóc rực rỡ của anh—ngay khi cô vừa bước ra khỏi thư viện để báo lại với Sheppard việc sắp đặt chỗ ngồi ăn tối cho tuần mới.

“Tiểu thư Kai đâu?”

Chẳng chào hỏi, chỉ có câu gặng hỏi sống sượng đó, cứ như cô là một người giữ cửa. Đôi mắt xám của anh chỉ nhìn thẳng vào mắt cô trong một thoáng.

Leda ấn cuốn sổ vào ngực. “Trong phòng trẻ.”

“Phòng trẻ!” Miệng anh mím chặt lại. “Tại sao?”

“Cô ấy và Phu nhân Tess đang kiểm lại đồ nội thất, để xem đồ vật nào thích hợp cho đứa bé.”

Anh nhìn cô với một cái nheo mắt khe khẽ, lạnh lùng. “Cô Etoile, cô có vui lòng bước vào thư viện một lát được không?”

Cô ghì chặt cuốn sổ và cúi đầu, làm theo lời anh với một cảm giác e sợ khác xa với phong thái điềm tĩnh mà cô đã hy vọng sẽ thể hiện. Khi anh đóng cửa lại sau lưng họ, cô quay lại và mở nó. Anh chờ đến lúc cô đã đến ngồi tại ghế rồi mới vòng tay ra sau mà không quay lại nhìn, hất cánh cửa đóng với một tiếng rầm vang dội.

“Cô Etoile, tôi muốn nói rõ một cách chắc chắn cho cô hiểu đứa bé này thuộc trọng trách của cô. Không phải của Phu nhân Ashland. Không phải của Kai. Của cô, nếu cô muốn giữ nó lại đây.”

“Hiển nhiên là vậy.” Cô nuốt xuống cảm giác lo lắng. “Nhưng—”

Anh quay đi và nói với những tử sách. “Cô sẽ tìm một vú em, và thu xếp những thứ khác mà một đứa trẻ cần. Nếu phòng trẻ cần phải được tân trang, và nếu Phu nhân Tess đồng ý, cô sẽ lo việc đó. Dem tới cho tôi một danh sách những gì cô tin sẽ phải mua, và bất cứ hóa đơn nào cô phải gánh. Cô đã rõ chưa?”

Cô ngẩng đầu lên, phần nộ vì anh đã nghĩ cô tắc trách. “Rất rõ, thưa Ông Gerard.”

Vẻ nghiêm nghị bức dọc của cô có vẻ không được anh nhận thấy. Anh đứng nhìn hàng gáy sách bằng da thiếp vàng với những cái tên bằng tiếng La-tinh, như thể anh muốn nhìn chúng hơn là nhìn mặt Leda. “Nếu họ muốn vui đùa với đứa trẻ thì đó là quyền của họ.”

“Tên cậu bé là Samuel Thomas.”

“Cái tên là một vấn đề chẳng liên quan gì đến việc tôi đang nói với cô, Cô Etoile.”

“Tiểu thư Kai gọi cậu bé là Tommy.”

Anh cuối cùng cũng nhìn ra sau, một hàng lông mày nhướng cao. Anh có thể đang tức giận, nhưng anh không phải một người ngu ngốc.

“Cô ấy thích đứa trẻ à?” Có một sự ngạc nhiên nhỏ trong câu hỏi của anh.

“Ông Gerard, nếu ngài muốn có được sự ngưỡng mộ của Tiểu thư Kai thì ngài sẽ thấy mình đang sắp đạt được điều đó nhờ vào quyết định của ngài sáng nay. Ngài hiện đang mặc bộ giáp sáng ngời đấy.”

“Chỉ vì tôi nói cô có thể giữ nó lại?”

“ ‘Cậu bé,’ Ông Gerard. Tôi khuyên ngài đừng gọi Tommy là ‘nó’ khi có mặt Tiểu thư Kai.”

Anh bước về phía cửa sổ, đứng nhìn ra màn mưa. Tin tức nhỏ đó có vẻ làm anh bị xáo trộn hơn là khiến anh vui lòng. Sau một chốc, miệng anh cong lên với chút vẻ hài hước. “Thế thì sao? Tôi không hiểu làm thế nào mình có thể trao trẻ con cho cô ấy một cách thường xuyên được.”

Leda bất chợt nhiễm sự châm biếm chua cay của Cô Myrtle. “Tôi nghĩ đó sẽ là mục đích hàng đầu trong hôn nhân của ngài, phải không nào?”

Ông Gerard trở nên bất động. Một cái bóng cứng rắn khắc lên má anh. Anh nhắm mắt và chậm chậm ngửa đầu ra sau. Nụ cười trên gương mặt anh là bút vẽ khắc vào đá, lạnh lùng cay đắng.

“Dĩ nhiên. Dĩ nhiên cô nói đúng. Như mọi khi, Cô Etoile.”

Cô lúc đó đã đỏ mặt dữ dội trước khi anh lên tiếng. Cô Myrtle, dù đã có tuổi và tính khí lập dị, và được chấp nhận bởi có tiếng khéo trò chuyện—một vị trí danh dự của cộng đồng ở Phố South—Cô Myrtle có thể được bỏ quá cho một câu nhận xét suồng sã, khi bà nói với các quý bà quý cô, và đã che tay lên miệng. Việc Leda lại công nhiên đề cập đến một chuyện như thế là không thể bào chữa. Cô cúi đầu. “Tôi xác xược không thể lượng thứ được.”

“Thế ư?” Anh nói với cái trần nhà cùng một sự lãnh đạm dữ dội. “Chẳng là gì ngoài sự thật kia mà.” Anh hạ đầu và nhìn chăm chăm vào kính cửa sổ. Nổi trên hình ảnh mờ mờ bên ngoài, ảnh phản chiếu phẳng phất của gương mặt anh làm thành một bước chân dung trong ô cửa.

“Tôi đang bị cạnh tranh phải không, Cô Etoile?” anh hỏi một cách đột ngột. “Tên Haye này là sao?”

Leda thu cầm lại. Cô thấy góc cuốn sổ của mình vô cùng đáng chú ý. “Ý ngài là Ngài Haye?”

Anh bắt đầu đi quanh phòng, chạm tay vào một cái lưng ghế, một cái bàn mặt đá hoa cương. “Tôi đã dặn mình phải thẳng thắn hơn với cô ấy.” Anh ngừng lại, nhìn chéch sang Leda. “Ở New York, tôi đã đến cửa hiệu Tiffany. Tôi đã mua một sợi dây chuyền. Cô nghĩ sao?”

Leda không biết phải nghĩ gì. Ngọn lửa đốt bằng than trong vỉ lò có vẻ cực kỳ ấm: gia đình Ashland sử dụng chất đốt cứ như nó là nước biển, giữ lửa ở từng phòng và thuê một cậu bé làm toàn thời gian để lo việc đó.

“Tôi có nên đưa quà cho cô ấy không?” Một âm vực sốt ruột len vào giọng anh. “Vào ngày Giáng sinh ấy.”

“Ồ.” Cô hắng giọng, nhận ra mình được chờ đưa ý kiến.

Leda biết khá rõ về đồ nữ trang của Tiểu thư Kai. Cô gái yêu thích những kiểu đơn giản và thanh tao, rất hợp với tuổi của cô. Một món quà quá mang tính cá nhân không hẳn là đúng quy cách, nhưng nếu đó là một món quà giản dị—một mặt dây chuyền ngọc trai, hay một đồ trang sức nạm đá—Leda cho rằng sẽ không thiếu đứng đắn, vì Tiểu thư Kai và Ông Gerard đã quá thân thiết với nhau rồi còn gì.

Cô ngượng ngịu gật đầu. “Tôi tin điều đó còn tùy thuộc vào sợi dây chuyền. Kiểu dáng và phí tổn của nó.”

“Tôi sẽ cho cô xem. Tôi đã không chắc—” Anh nhún vai. “Tôi không phải người am hiểu thị hiếu của phụ nữ.”

“Tôi nghĩ mình biết thứ nào Tiểu thư Kai sẽ thích.” Cô giữ giọng mình nghiêm nghị, cố gắng bù đắp lại cho câu nói thô lỗ khi nãy.

“Vậy cô hãy vào đây trước bữa tối.” Anh đặt một bàn tay lên nắm cửa. “Tôi sẽ đem nó tới.”

Anh cảm thấy bồn chồn một cách ngớ ngẩn khi chờ cô giữ lời hẹn trong thư viện. Chiếc hộp bằng nhung từ Tiffany nằm trên mặt phẳng rộng của cái bàn được đánh bóng, được thắp sáng bởi một ngọn nến chập chờn với mỗi loạt mưa rào đập lên những ô cửa sổ u tối. Gỗ lót ván và những hàng giá sách chiếm hết chỗ sáng: chỉ có cái bàn viết gần tường ở đầu kia phòng với mặt trước gắn gương là phản chiếu ánh sáng.

Đóng gói trong chiếc hộp, món đồ do anh lựa chọn được đặt trên lớp xa-tanh màu xanh dương. Quan tâm đến ý kiến của cô là một kiểu khiếm khuyết, nhưng anh không chống lại. Tốt hơn là sử dụng lực trong cơn bốc đồng của anh, hướng dẫn và chất lọc nó, và nhờ đó biến nó thành sức mạnh bất ngờ. Có những thứ anh ước mình hiểu; cô là một nguồn sự thật ở một mức độ nhất định, một sự thật về phụ nữ gây bối rối, khó hiểu, và luôn thay đổi vượt quá những gì

Dojun đã dạy anh.

Cô đã hiểu điều mà Samuel không hiểu. Sự mù quáng của anh vô cùng lớn, nó đồ sộ đến mức anh ngập ngừng giữa nỗi hổ thẹn và tiếng cười ác nghiệt vì đã chối bỏ sự thật cho đến tận lúc này. Tất nhiên Kai yêu trẻ con, tất nhiên cô muốn có con; tất cả buổi chiều cô chẳng làm gì ngoài bế bồng Tommy, và nói chuyện với cậu bé trong khi cậu không thể bị tách ra khỏi Phụ nhân Tess. Và đó không phải sự hăng hái nhất thời: anh có thể nhìn lại những năm trước và thấy vô vàn dấu hiệu. Tất cả mối giao hảo, việc tình nguyện, sở thích của cô; tất cả đều liên quan đến trẻ em.

Anh đã biết từ lâu. Và anh chưa từng, cho đến hôm nay, đối mặt với ý nghĩa của điều đó.

Kai không biết, anh dám chắc. Cô không thể biết được. Cô sẽ có thái độ khác đi nếu cô biết, cô sẽ không quá dễ dãi và vui vẻ, cô sẽ không đối với anh hay bất cứ ai bằng một cung cách cởi mở như thế, với những cái ôm hôn giống y hệt những cái ôm hôn của con nít, ngây thơ và trong sạch.

Những đứa trẻ giống cô cũng thế. Anh không muốn những đứa trẻ giống anh có mặt trên đời. Anh ước, theo một cách nào đó, rằng mình chưa từng tồn tại. Anh luôn muốn, và chỉ muốn, bảo vệ Kai khỏi điều mà anh biết.

Khỏi bản thân anh. Khỏi sự khác biệt giữa tình yêu của anh dành cho cô và thứ đã chảy rần rạt khắp người anh hôm qua khi Cô Etoile tựa vào người anh. Trong tất cả những điều anh tin chắc, điều chắc chắn nhất chính là anh chưa từng muốn làm tổn hại Kai. Cô vô cùng an toàn với anh. Anh không muốn gì hơn những cái ôm hôn ngây ngô đó từ cô; chẳng cần gì hơn được làm tấm chắn và hàng rào phòng thủ cho sự trong sáng cởi mở của cô. Tổng kết của cuộc đời và mục đích của anh chỉ có thể: anh sẽ cưới cô, và họ sẽ an toàn. Họ sẽ được bảo vệ. Anh sẽ bình an vô sự.

Và cô muốn có con.

Anh cứ lật đi lật lại suy nghĩ đó trong đầu, tìm một con đường vòng quanh cái hố đó. Thậm chí gắng nghĩ đến Kai và phần bị giấu kín trong anh cùng một lúc cũng khiến anh có một cảm giác khó chịu trong cơ thể, như mùi độc dược trong trà của Dojun. Mọi bản năng, mỗi thớ thịt của anh phản ứng *không*.

Kai chẳng hiểu gì về chuyện đó, chuyện mà anh che giấu, nhưng có thể Cô Etoile thì hiểu. Kai đã nhào vào vòng tay anh: vẫn là Kai của ngày nào, vẫn là sự tin tưởng tự nguyện, dù tỉnh hay say. Cô Etoile thì đeo những khuôn phép của cô như đeo gai—ngoại trừ lúc cô say rượu brandy anh đào. Cô giữ mình xa cách...có thể cô hiểu...có thể cô cũng cảm nhận được điều mà anh cảm thấy và đấu tranh tìm quyền điều khiển.

Đó sẽ là một sự giải thoát, anh nghĩ. Sự giải thoát đen tối được chào đón, khi được nằm xuống cùng cô và thỏa mãn cơn đói khát.

Anh biết cái khoảnh khắc cô ngừng bên ngoài cánh cửa đóng. Cô lúc nào cũng hiện rõ đối với anh, một ý thức dễ nhận thấy về sức sống. Một hương thơm, một bước đi, một hơi thở nhẹ, một tiếng vải sột soạt—những đặc tính đó anh đã biết, tất nhiên, nhưng còn có những thứ vượt ngoài ngưỡng của những nhận biết thông thường, chúng thật rõ ràng, vô cùng rõ ràng đối với nhận thức sâu hơn bên trong anh. Kể từ cái đêm anh bắt đầu sử dụng phòng cô làm nơi giấu những của trộm được, anh đã biết cô, đã nhận ra cô ngay tại tiệm may vá, mặc dù anh chưa từng thấy gương mặt cô trong ánh sáng ban ngày.

Hương của cô thật nữ tính. Cô dường như phụ nữ hơn, đối lập hơn với anh, ẩn sâu bên trong màn sương mù hơn cả Kai và Phu nhân Tess. Phần nhu nhược bên trong anh khao khát vươn về phía cô.

Cậu phải mưu trí, Dojun thường nói. Phải thấy điểm yếu chỉ như một khiếm khuyết trong mục đích mang giới hạn. Hãy đối mặt với sự thật, rồi biến nó thành lợi thế của cậu.

Nhưng đây là một điểm yếu mà anh không dám thao túng. Để củng cố điểm yếu đó anh phải hiểu những chiều sâu giới hạn của nó, và điều đó anh không biết, hay muốn biết.

Còn có những người khác trong hành lang cùng cô, chẳng có ai mà anh quen. Anh nghe tiếng họ nói chuyện, và tiếng cô đáp lời bằng giọng cáo lổi vội vã, một lời hứa rằng cô sẽ không đi lâu. Cô không gõ cửa, cũng không mở hé nó cho đến khi tiếng bước chân tiếp tục đi về cuối hành lang.

Mùi tán lá tràn vào cùng với cô, một luồng không khí mát mẻ trong cái khô hanh của căn phòng. Cô nhanh chóng đóng cửa, chẳng màng cố gắng để mở nó.

Cô mặc một bộ váy xanh dương cổ khoét sâu, phần váy xếp li tằm trong nếp khuất của màu lục bảo, da cô và cái cổ không điểm tô như những nụ hoa trắng muốt của loài hoa nở vào ban đêm.

Anh cảm giác đánh mất trọng lượng, như thể anh vừa tự ý bước khỏi một bờ vực. Hàng tháng nay anh đã cộng tác với Dojun và những doanh nhân, chủ tiệm người Tàu, những kỹ sư và thợ mộc, thợ xây đường sắt, thuyền trưởng, thủy thủ. Anh cũng gần như một võ sĩ *yamabushi* tu hành trên đỉnh núi trong chuyện phụ nữ. Nếu sự lảng tránh đã rèn giữa những giác quan của anh đối với thứ mà anh chối bỏ, thì mọi nhận thức và khả năng trí tuệ của anh lúc này đều bị nhận chìm bởi cô.

Cô chỉ vận y phục cho bữa tối. Anh biết thế. Kai đã mặc những bộ váy cổ khoét sâu hơn thế nữa đến nhà hát opera. Vậy mà điều đó vẫn khiến anh mất bình tĩnh. Anh chưa từng thấy Cô Etoile mặc bộ váy nào ngoài những bộ kín cổ nhất, trừ ký ức ủa về với anh về ngực và lưng và vai cô lúc cô chải tóc trong phòng.

Mái tóc màu gụ đỏ, mái tóc đã trải lên quai hàm anh ngày hôm qua trong sự mịn màng như lông vũ; cô đã quấn nó lên thành một búi lỏng phức tạp, một kiểu thắt bím và cuộn không thể

giải đoán. Nét mặt cô không mang vẻ cổ điển như Kai; gương mặt Cô Etoile lúc khá nhất có thể được gọi là ưa nhìn, đôi mắt cô không hằn màu xanh, cằm nhọn trái xoan. Miệng cô có một dáng uốn cong đáng yêu ngay cả khi cô không cười. Anh biết mới rõ làm sao, từ những khoảnh khắc ngấm nhìn vụng trộm. Bên cạnh Kai, thật khó nói rằng cô thu hút ánh nhìn, vậy mà anh lại để ý.

Lúc này cô không nhìn anh. Cô đứng với hai bàn tay để sau lưng đặt trên tay nắm, thánh Joan d'Arc trên cây cọc thiêu.

“Tôi sẽ không làm cô lỡ tiếng chuông gọi ăn tối đâu,” anh nói, núp sau giọng điệu châm chọc, bực bội vì sự nao núng của cô và của chính anh. “Tôi chỉ muốn cô dành cho tôi một chốc thôi.”

“Hẳn rồi.” Cô nhìn lên anh và phác một cử chỉ không rõ ràng ra phía sau cô. “Đó là Cô Goldborough và mẹ cô ấy.”

Có vẻ cô nghĩ anh sẽ bình luận về điều đó. Anh không có.

“Họ sẽ không hiểu đâu.” Cô xòe hai bàn tay ra và di chuyển chúng trong một động tác run rẩy vì kích động. “Rằng tôi là thư ký *của ngài*, ngài thấy đó. Tôi e Bà Goldborough sẽ không thích chuyện đó. Họ tin tôi là bạn đồng hành của Tiểu thư Kai và phụ tá về các vấn đề xã hội cho Phu nhân Ashland.”

“Cô bảo với họ thế sao?”

“Không đâu!” Cô trưng ra dáng đứng của khuôn phép cứng nhắc và bị xúc phạm, nó thường khiến anh muốn mỉm cười. Tối nay dáng đứng đó khiến anh nhận thấy bờ vai trần nâng lên của cô và đường cong của eo cô. “Nói quanh co là không cần thiết. Tôi chỉ đơn thuần đảm trách công việc đã được giao phó và để cho những vị khách tự rút ra kết luận.”

“Có phải điều này có nghĩa là cô không thể giữ vai trò là người làm công riêng của tôi không?”

Cô cắn môi. Rõ ràng cô sẽ muốn như thế, nhưng cô bước qua anh và quay lại, vuốt váy ra phía sau. “Tôi hoàn toàn sẵn sàng phục vụ ngài, tất nhiên. Nhưng—tôi không muốn có ảnh hưởng xấu nào đến cả nhà.”

“Cũng như tôi.” Sự bực dọc phảng phất trong anh trở nên rõ ràng hơn. Anh đặt tay mình lên cái hộp nhung. “Cô sẽ xem qua sợi dây chuyền chứ?”

“Vâng. Tất nhiên. Chiều nay tôi đã liếc qua hộp nữ trang của Tiểu thư Kai. Cô ấy không có một món đồ bằng ngọc trai nào—nếu họa may đó là lựa chọn của ngài.”

“Không phải bằng ngọc trai.” Anh lật cái nắp lên và nghiêng cái hộp về phía cô.

Ánh nến chiếu lên những viên đá quý làm chúng sáng rực lên. Anh nhìn lên Cô Etoile.

Anh quan sát thấy hơi thở cô nghẽn lại, một tiếng hít vào và một khoảng ngừng lâu trong khi da cô hồng đượm lên. Cô nhắm mắt rồi mở chúng lần nữa, mở thật ro.

“Ôi tôi ời.” Cô nhả không khí trong một sự hối hả.

Sợi dây chuyền là một dây đeo sát chân cổ, được thiết kế như một sợi ruy-băng dải rộng, sắc sỡ làm toàn bằng kim cương, với những bông hoa và lá bằng kim cương leo dọc theo phần trung tâm. Ở mặt trước, sợi dây lớn dần, làm thành một cái nơ bướm, tâm nơ được thể hiện bằng một viên đá lớn, hai dây nơ sắc sỡ bên dưới uốn cong thành những dải tua hoa bé xíu lấp lánh được xếp như trên vòng hoa. Mỗi dây nơ được hoàn tất bằng ba viên kim cương hình giọt nước.

Anh chờ. Cuối cùng anh buộc phải hỏi thẳng. “Cô thích nó chứ?”

Cô đặt nắm tay lên miệng và lắc đầu.

Samuel hạ cái hộp xuống. Anh đặt nó lên bàn viết, chà ngón tay lên một dải tua kim cương. Một cách mập mờ nào đó anh cảm thấy như chính mình bị khước từ. Đó chỉ là một sợi dây chuyền thôi, vì Chúa; anh đã tưởng nó đẹp, nhưng nếu không thì nó không đẹp. “Tôi sẽ trả nó lại.” Anh giữ giọng mình dừng dừng, sợ cô sẽ nghe thấy sự thất vọng trong giọng anh.

“Không!” Cô bỏ tay xuống. “Không. Nó đẹp tuyệt vời. Tôi xin lỗi—tôi đã—quá ngỡ ngàng, trong một thoáng.”

Anh ngược nhìn cô.

Cô nghiêng đầu, và bật ra một tiếng cười nhỏ. “Tiểu thư Kai thật là có phước.” Cô chớp mắt hai lần. “Còn tôi thì ngớ ngẩn làm sao. Ngài đã khiến tôi rơi nước mắt đấy, Ông Gerard.” Cô làm một cử chỉ cứng nhắc với cái khăn tay khi này còn được giắt trong tay áo.

“Cô tán thưởng?”

Cô lại bật thêm một tiếng cười nhỏ và kỳ khôi. “Tôi đoán chắc với ngài, thị hiếu của ngài rất đáng được ca ngợi. Nhưng dù vậy—” Cô ngẩng mặt và hít một hơi thở sâu khi cô nhét miếng vải lụa trở lại trong tay áo rồi vuốt thẳng nó. “Tôi nghĩ có thể tốt hơn nó nên được để dành làm quà đính ước, trừ khi lời cầu hôn của ngài đã được chấp thuận trước ngày Giáng Sinh.”

Tuy giọng cô vững vàng, vẫn có một vẻ gì đó của ánh nến long lanh trong mắt cô, và một cái run rẩy sâu muộn mơ hồ trên miệng cô; trên khuôn miệng uốn cong ngọt ngào đó.

“Cô sẽ thử nó chứ?”

Anh nghe mình hỏi. Một lần nữa cảm giác mất trọng lượng đè lên anh; anh cảm giác được mang đi trên những ngọn sóng, bị cuốn đi bởi một cơn bão nổi.

“Ồ, không. Tôi không thể.”

“Tôi muốn thấy.” Anh thử sự hờ hững. Cái nhún vai không tự nhiên của anh khiến cổ áo lễ phục sột soạt. Anh cũng đã mặc y phục cho bữa tối, trong cái áo đuôi tôm màu đen và cà vạt trắng. “Ở tiệm kim hoàn chỉ toàn đàn ông.”

“Chúng ta nên đến phòng khách thôi. Họ sẽ tập hợp ở đó.”

Anh nhắc sợi dây chuyền ra khỏi cái đế bằng xa-tanh và di chuyển đến gần bàn viết có gương. “Lại đây đi, Cô Etoile. Tôi còn chưa bắt cô làm việc quá cật lực mà.”

Môi cô vầu ra. Cô cúi đầu và bước tới chỗ anh đang chờ. Anh kéo ghế ở bàn viết ra và cô ngồi với hai bàn tay khép lại trước mặt, lưng xoay về phía anh.

Anh trượt sợi dây quanh cổ cô mà không chạm vào cô. Nhưng sợi dây được chế tạo để khít quanh chân cổ, và cái chốt nhỏ tí, được thiết kế ẩn buộc anh phải vịn với những ngón tay kề ngay gáy cô.

Một dải tóc tơ ở dưới búi tóc của cô phớt lên ngón tay anh. Nó có cảm giác ấm, da cô mát lạnh. Anh ngược lên nhìn vào gương.

Cô đang ngậy người nhìn vào hình ảnh phản chiếu trong đó, nhìn những viên kim cương, nhìn anh.

Anh tính sẽ rút tay về. Anh thả cái chốt ra, đưa ngón tay lên quá vội. Một lọn tóc của cô rớt khỏi ghim cài lỏng lẻo. Sợi dây sáng lấp lánh trên ngực cô. Cô và những viên đá quý như ánh sáng, trong khi bóng tối vây quanh: anh là bóng tối...và anh rơi...rơi...

Lẽ ra anh không nên làm điều này. Sợi dây lẽ ra nên được yên vị trong cái hộp; anh đâu cần biết ý kiến của cô về nó, anh đã không biến điểm yếu của mình thành nội lực, đã chẳng làm gì ngoài để cho nó chiếm hữu anh.

Cây nến tìm thấy những chỗ sáng sẫm trong lọn tóc. Cô nhắc tay lên như thể để nhét nó trở lại chỗ cũ, nhưng trước khi cô có thể, anh đã chạm vào nó. Anh nhìn xuống tay mình, đang trải lọn tóc giữa những ngón tay, tựa nắm tay lên chỗ uốn cong của bờ vai trần. Cứ như những hành động đó không phải là của anh—vậy mà nó là của anh: anh cảm nhận được từng kết cấu, từng sợi tóc mềm mại, từng hơi thở nhẹ cô hít vào.

Anh trượt khớp ngón tay trong một cái phốt phẳng phất ngược lên cổ cô, vượt qua sợi dây chuyền, đến một chỗ dưới tai cô thật mềm mại với một cảm thụ mà anh chưa từng biết trong đời mình. Anh đứng lặng thinh, chạm vào cô. Nó vượt ngoài khả năng của anh, ngoài bản thân anh; anh không thể khiến mình quay đầu lại. *Ngăn tôi lại*, anh nghĩ. *Đừng cho phép tôi*. Anh không thể rời tay; không thể lên tiếng. Không một tiếng động nào bật ra khỏi miệng anh cho dù anh mấp máy môi.

Cô chỉ nhìn anh trong gương, đôi mắt mở to và xanh tối. Trong những tháng anh đi xa, cô

đã mất dần hai chỗ hõm thu hút dưới gò má; gương mặt cô đầy đặn hơn, mềm mại hơn. Anh biết cô đã phải chịu đói, đã sống bên giới hạn mong manh của sự túng quẫn; anh đã sử dụng cảnh thiếu thốn của cô để trói buộc cô vào anh, hết vòng này đến vòng khác để nắm giữ cô, khiến cô không thể bán đứng anh.

Nhưng cô chưa bao giờ phản bội anh. Ngay cả lúc ban đầu, khi anh suýt nữa đã giết chết cô. Sự mong manh của cô dường như thật to lớn, sự bất động của cô dưới bàn tay anh là một hành động của sự tin tưởng vô bờ bến.

Bằng những ngón tay, anh có thể đánh bật vỏ trên thân cây...và anh có thể cảm nhận được tim cô trong mạch đập mong manh ở cổ cô, thật nhẹ và gấp rút. Anh nhấc bàn tay kia lên và ôm lấy gương mặt cô.

Nhỏ nhắn. Thanh tao. Như mạng sống của một chú chim nhỏ trong lòng bàn tay anh. Ham muốn nhận chìm anh. Điều anh muốn...Lạy Chúa, điều mà anh muốn...

Anh nghĩ đến Kai, đến kế hoạch của anh, đến ngôi nhà anh đã cho xây. Tất cả dường như một miền không gian khác: ảo tưởng và mơ mộng, và anh chưa từng cảm thấy mình sống cho đến tận thời khắc này.

Anh xòe hai bàn tay, hai ngón cái chà lên làn da dưới trái tai cô, đầu ngón tay anh dừng ở hai thái dương, chỉ vừa ve vuốt lên má cô. Vậy nhưng cô chỉ đắm đắm nhìn anh trong gương. Cô có đôi mắt đẹp là thế, màu xanh huyền ảo của một đồng cỏ trong sương, màu xanh của khu rừng Anh quốc, hai hàng mi dài đến mức anh cảm nhận được sự phát phơ của nó trên ngón tay anh.

Anh đứng đó chạm vào cô, tưởng tượng mái tóc cô trải rộng xung quanh thành những đợt sóng; cơ thể cô: hương thơm khêu gợi, những âm thanh. Cổ họng anh thắt lại với một tiếng rên rỉ cố nén. Anh chỉ muốn ôm lấy cô, kéo cô lên và áp ủ cô vào người anh—và anh muốn khuất phục cô. Có một sự thô bạo khủng khiếp bên trong anh. Tất cả những gì anh biết, tất cả những gì anh từng trải nghiệm và làm chủ trong đời anh là sự hủy diệt. Ý chí và nổi hổ thẹn kìm hãm điều đó, nhưng ý chí của anh đã quy hàng.

Hãy nhớ lấy điều này, Dojun đã cảnh báo. Nhớ lấy đam mê đầy tràn trong cậu, trái tim cậu níu giữ vô cùng mãnh liệt sự xáo động của cơ thể và hoan hỉ vì điều đó, sẽ trở thành một rừng gươm chặt linh hồn cậu ra từng mảnh.

Hãy nhớ lấy điều này.

Chỉ có nổi hổ thẹn, nổi hổ thẹn vô cùng tận, cuối cùng đã buộc anh xòe hai bàn tay và thả cô ra, và bước đi mà tai không nghe, mắt không thấy ra khỏi phòng.

Chương 23

Leda ngồi tê cứng trước gương. Dường như từ rất xa, tiếng chuông điểm giờ ăn tối vang đến.

Cô nhận thức được cánh cửa sau lưng mình đang mở. Sợi dây chuyền lấp lánh trên cổ trong sự rực rỡ của những viên kim cương. Hình ảnh đó bắt đầu nhòe đi trước mắt cô.

Cô loay hoay tìm cái chốt nhưng không thể tìm thấy, và bật khóc tức tưởi.

Là vì mẹ mình là người Pháp, cô nghĩ. Mình là người nhẹ dạ. Mình là người phóng đãng. Mình hạnh phúc.

Mình không thể thấy hạnh phúc được.

Cô nhìn mình qua làn nước mắt. Cảm giác tủi hổ và niềm vui dần vật lộn lẫn lộn trong lồng ngực.

Cô không thể nào hạnh phúc được. Cảm thấy hạnh phúc trong lúc này là trái đạo nghĩa. Cô đã bị xúc phạm vô cùng sâu sắc. Anh đã hành xử một cách khiếm nhã. Một sự lãng mạ đối với Tiểu thư Kai, đối với toàn gia đình, đối với cả mái nhà đang che trên đầu họ. Điều đó thật không thể tha thứ.

Cô không thể được tha thứ. Vì những giọt nước mắt đang rơi không phải vì ân hận.

Sợi dây chuyền không chịu để bị tháo ra. Cô vật lộn với nó, nghe thấy tiếng bước chân và những giọng nói từ hành lang mái vòm bên ngoài, và trong cơn hốt hoảng cô giật cái khóa bung ra. Cô chộp lấy cái hộp từ bàn, chạy bổ đến chỗ tối trong phòng. Chỉ một thoáng nữa các vị khách sẽ rời khỏi phòng khách lớn, đi qua cánh cửa đôi đang mở trên đầu cầu thang, những quý ông đưa các quý phu nhân xuống dùng bữa tối theo thứ tự ưu tiên và Leda, sau khi cẩn thận tra cứu cuốn Danh sách quý tộc của Burke, đã đề ra cho Ngài Ashland đi đầu và Phu nhân Ashland xuống cuối.

Giờ sau nhiều tháng được sung sướng dùng bữa tối với gia đình, ý nghĩ ấy lại khiến cô kinh hãi. Cô đã thuộc nằm lòng thứ tự những cặp đôi ngồi ăn tối. Vì là một người làm công và xuất thân từ tầng lớp bình dân, cô sẽ là người xuống kế cuối, chỉ trước vị nữ chủ nhà, khoác tay quý ông có địa vị tương đương với cô.

Ông Gerard.

Và cô sẽ ngồi bên phải anh suốt buổi tối, trong khi Tiểu thư Kai ngồi đối diện anh.

Leda phát hoảng khi nhận ra chính mình đã sắp đặt như thế. Trong chùng mực của thông lệ, cô có thể ghép cặp một tiểu thư gia đình nào đó với Ông Gerard, còn cô thì đi cùng Ông Sydney luống tuổi, người cũng chẳng có phận sự gì hơn cô trong việc dùng bữa trong phòng ăn,

nếu người sắp xếp biết quan tâm đến việc tuân thủ tuyệt đối phép tắc hơn gia đình Ashland.

Nhưng trong lúc thảo ra việc sắp đặt ghế ngồi, cô đã tự nuông chiều bản thân, chỉ một ít thôi, chỉ trong tuần này thôi, nắm lấy điểm thuận lợi nhỏ nhoi trong tình cảnh mà cô có chung với Ông Gerard: họ đều là những kẻ vô danh trong xã hội, nếu không tính đến hãng tàu hơi nước, chức quản đốc của hãng, xưởng gỗ, khoản bảo hiểm ngân hàng và hàng hải và mười bảng mỗi tuần mà anh trả cho một thư ký hầu như chẳng động tay vào việc gì.

Tiếng trò chuyện ngày một to hơn, giọng Phu nhân Whitberry là một tiếng vọng run run dễ phân biệt trong thiết kế vòm rộng lớn của hành lang. Leda vội lấy khăn tay chạm mắt, cầu nguyện chúng không bị đỏ và sưng tấy. Không thể nghĩ đến việc nào có tác dụng hơn, cô rút xuống cuốn sách đầu tiên nằm trong tầm với và kẹp sợi dây chuyền vào mặt sau. Với một cái đăng hăng, một cái vuốt thẳng váy, và một hơi thở sâu, điều hòa chẳng có tác dụng giúp cô bình tĩnh hơn bao nhiêu, cô bước ra hành lang và đi dọc ban công có mái vòm về phía tiếng trò chuyện thì thầm.

Ngài Ashland và Phu nhân Whitberry đã bước xuống cầu thang trước. Những cặp đôi còn lại, mười lăm đôi cả thấy, ghép cặp trong phòng khách và theo sau. Ngay khi Leda vừa bước ra khỏi khung cửa hai cánh, cô thấy Phu nhân Tess nghiêng qua người hộ tống bà, Ngài Whitberry, và nói gì đó với Ông Gerard, anh đang đứng một mình.

Leda biết rất rõ Phu nhân Tess đang báo với anh người anh sẽ đưa xuống, đúng như Leda đã hướng dẫn bà phải làm với tất cả khách khứa. Cô nghĩ độ nhiệt của màu đỏ trên má mình phải nung nóng không khí xung quanh. Còn tệ hơn. Khi anh nhìn lên và gặp ánh mắt cô, anh cũng đổi khác: chỗ tối trên hàm anh căng ra và anh có vẻ quá cứng nhắc đến mức khó mà gạt đầu. Ngài Whitberry nhá lông mày với anh và nói rõ to, “Chúng ta đúng là những tên trùng mảnh, phải không Gerard? Toàn đi với những cô nàng đẹp nhất.”

Leda thấy màu đỏ rực lan lên từ cổ áo Ông Gerard. Bất kể anh trả lời ra sao, câu trả lời được đáp quá ngắn gọn khiến cô không thể nghe ra. Tiểu thư Kai, cao hơn Ông Sydney những ba phân, gửi cho Leda một nụ hôn gió khi người đàn ông nhỏ thó nhanh nhẹn kia dìu cô đi vút qua—rồi họ chẳng còn lựa chọn nào khác: Ông Gerard ngừng bước trước mặt cô và giương cánh tay ra.

Anh không lên tiếng. Anh thậm chí còn không nhìn cô. Cô nghe thấy những cuộc trò chuyện ở trước và ở sau họ, Phu nhân Tess và con gái bà đã rành câu châm ngôn của Leda rằng các vị khách không được bước vào phòng ăn mà không trò chuyện, họ nên ngay lập tức bắt đầu bằng một cuộc trao đổi vui vẻ với người đi cùng.

Tuy nhiên, Leda và Ông Gerard lại chìm trong sự im lặng ngọt ngào.

Cô giữ những ngón tay mình không chạm vào cánh tay anh, cúi mặt nhìn xuống bàn tay kia của mình, vờ như đang vô cùng tập trung vào việc giữ cho váy không phết lên bậc thang. Đến cuối cầu thang đáng vẻ đó phản tác dụng; cô đã làm bậc thang cuối là nền phòng và chúi về phía trước.

Cô không hề có nguy cơ bị ngã. Thế nhưng bàn tay cô vẫn nắm chặt lại theo phản xạ. Anh nhận lấy trọng lượng của cô mà không một chút nao núng, thế thăng bằng của anh chuyển vào thế đứng của cô. Và trong một khắc hồi tưởng về những ngón tay anh trên vai cô, hai bàn tay anh khum lấy gương mặt cô, dường như thật hơn bao giờ hết, không như lúc cô trải qua những cảm giác ấy. Mọi chi tiết trở nên vô cùng sống động: như sợi dây chuyền ấm áp trên da cô, đầu ngón tay anh xòe trên má cô, cái phớt nhẹ của ve áo viền xa-tanh lên sống lưng cô. Cô bước vào phòng ăn mà tấm trong sự thật khủng khiếp rằng người đàn ông đang đi bên cạnh cô đây, trông thật hoàn hảo và lạnh lùng, đầy sức mạnh và nhân cách tinh tế như một thần tượng đen và vàng óng trong bộ lễ phục của anh, đã chạm vào cô, một cách cố ý; hầu như đã ôm cô.

Anh đã ôm cô. Chỉ là chăm chú những chi tiết vật nếu nói anh đã không ôm cô, khi giả vờ anh chỉ chạm phớt qua tay cô. Vuốt tay anh lên cái cổ để trần của cô không hơn một điều vô đạo sai trái. Thế mà anh lại vuốt ve mặt cô!

Cô rút cánh tay lại trước khi vẫn còn trong vòng lễ độ. Anh giữ ghế cho cô, và cô tự hỏi có phải cái nhìn mà Ông Curzon trao cho họ có vẻ ranh mãnh như cô thấy hay không, hay chỉ vì một cái nhói trên cái lưng đau của anh ta. Bài văn tình quái mà một trong các Tiểu thư Goldborough đã ngâm tuần trước hiện lên một cách ngớ ngẩn trong đầu Leda. *Tôi tên George Nathaniel Curzon; một cá thể thuộc loài cấp cao, Má tôi hồng, tóc tôi bồng, tới Blenheim một tuần một lần.*

Ông Curzon hiển nhiên tỏ vẻ rất cao ngạo, và cha anh ta còn tệ hơn nữa. Cả hai không ai nói tiếng nào với Leda hay Ông Sydney từ khi họ được giới thiệu với nhau vào chiều nay, và Ngài Scarsdale đã hầu như ngó lơ họ, nhìn đi nơi khác trong khi Phu nhân Tess nhận vinh dự giới thiệu. Leda có thể hiểu được sự kiêu cách và tính câu nệ, nhưng cô đã quá quen với không khí xuề xòa trong gia đình Ashland đến mức thật khó mà không cảm thấy gia đình Curzon quá cứng nhắc.

Nhưng cô không thể buộc tâm trí mình chú tâm vào điều đó. Ông Gerard đã chạm vào cô. Ông Gerard, người yêu Tiểu thư Kai. Người đang ngồi ở bên trái cô. Người đã không nói một lời nào, cả với Leda hay Cô Golborough ngồi bên cạnh anh.

Leda thật sự cảm thấy quá quẩn trí để có thể ăn uống một cách bình thường. Cô vọc món súp của mình trong khi Ngài Whitberry oang oang một câu chuyện dông dài nào đó từ bên phải cô.

“Mano!” Tiểu thư Kai tấn công vào sự im lặng của Ông Gerard bằng một cái gõ muống lên ly uống nước. Cô gái bỏ ngoài tai chuyện cô không nên nói chuyện tới bên kia bàn trong khi có một lượng lớn người ăn tối. “Chúng em đã quyết định Tommy sẽ trở thành một nhà thực vật học khi lớn lên. Thằng bé đã cố ăn hai bông lan của mẹ rồi đấy. Nếu anh sẽ là người chu cấp cho thằng bé, như Cô Leda nói, thì anh phải lo liệu cho thằng bé vào học ở Oxford nhé.”

“Cambridge chứ, cô gái thân mến!” Ông Sydney xướng câu chỉnh lưng đầy uy quyền. “Cambridge là nơi dành cho một người đàn ông của khoa học.”

“Cambridge vậy. Tôi dám chắc ở Cambridge họ tiêu thụ hoa lan rất tài tình.” Cô xoay một gương mặt tươi cười về phía Ông Gerard. “Anh nghĩ sao?”

“Anh sẽ chu cấp bất cứ thứ gì Cô Etoile thấy phù hợp cho đứa trẻ.” Anh không nhìn Leda.

“Em e là Cô Etoile chỉ là một tay mơ trong lĩnh vực này.” Tiểu thư Kai lắc đầu. “Cô ấy nhìn Tommy cứ như thằng bé là một cái máy kỳ cục mà cô ấy không thể hiểu nổi.”

Leda gượng cười. “Tôi e mình chẳng có kinh nghiệm nào với trẻ em.”

“Vậy cô có thể sang cậu bé cho tôi. Đúng là một đứa trẻ đáng yêu. Tôi có thể nựng thằng bé suốt ngày! Cô có biết Tommy có thể tự nín vào nôi mà đứng dậy không? Và lại chỉ mới mọc một răng nữa chứ! Thằng bé sớm phát triển so với một đứa trẻ sáu tháng. Tôi rất mừng vì cô đã không để bọn họ đưa thằng bé vào trại mồ côi; tôi không thể chịu được ý nghĩ đó.” Cô ngay lập tức trở nên nghiêm túc hơn bất kỳ lúc nào Leda từng thấy. “Mano Kane, anh phải hứa sẽ không bao giờ, *không bao giờ* đưa thằng bé đến đó.”

Cô nhìn Ông Gerard chứ không nhìn Leda, như thể trách nhiệm của anh có vai trò hàng đầu đối với đứa trẻ. Anh không chối bỏ điều đó. Anh chỉ nói trong dáng vẻ điềm đạm, “Ừ, anh sẽ không làm thế.”

Với hầu hết mọi người, câu nói có thể thật vô tình, chỉ như một cử chỉ xoa dịu. Nhưng Ông Gerard có một khả năng bày tỏ khiến cho người khác phải tin.

Món súp được dọn đi. Khi món thứ hai được đem lên, anh lại nhìn sang Tiểu thư Kai. “Em có muốn anh chính thức nhận nuôi thằng bé không?”

“Anh sẽ làm thế ư?” Tiếng thở gấp của cô gái xen lẫn với tiếng mẹ cô thì thầm tên anh và tiếng hừm khó tin của Ngài Whitberry.

“Anh đang suy tính chuyện đó. Anh vẫn chưa biết hết thủ tục cho việc nhận con nuôi.”

Leda liếc nhìn anh dưới hai hàng mi. Ý tưởng đó cũng khiến cô sửng sốt; càng sửng sốt hơn vì cô dám chắc, hoàn toàn chắc chắn, rằng anh đề cập đến chuyện đó—và nhất định sẽ làm thật—chỉ để làm vui lòng Tiểu thư Kai. Trước phản ứng nồng nhiệt của Kai, một vẻ thư thái rõ ràng kéo giãn sự căng thẳng trên mặt anh.

“Nhưng chẳng phải anh kết hôn rồi mới được nhận con nuôi sao?” Tiểu thư Kai cau mày,

Anh nhấp một ngụm rượu vang và nhìn sang cô gái. “Có thể.”

Phu nhân Tess hết nhìn anh rồi lại nhìn con gái bà, và cặp ánh mắt bắn khoản của mình xuống đĩa.

“Và đám báo con thế nào rồi?” Leda hỏi Ông Sydney, giọng cô chỉ để lộ một thoáng tông

rướn cao. “Chú báo con to nhất vẫn là một kẻ chuyên đi bắt nạt phải không ạ?”

Người đàn ông nhỏ thó điềm nhiên xấn một miếng cá. “Tôi e là thế. Và chúng tôi vẫn còn một kẻ vô cùng bạo ngược là mẹ nó. Con báo mẹ đã tỏ ra rất bảo vệ đàn con—tôi e sẽ phải nhốt con mẹ cách xa những con khác trong bãi rào nhỏ hơn.”

Ông Curzon khiến Leda ngạc nhiên khi không hề kiểu cách nhắc đến dự định sắp tới đi du lịch đến Samarkand* và Trung Á, và anh ta bắn khoản liệu Ông Sydney có biết những loài thú lạ nào có thể có ở đó. Cuộc trò chuyện bên bàn ăn tối quay lại những chủ đề thích hợp hơn còn Leda trở về với thực tại. (**Samarkand: thành phố lớn của Uzbekistan, trung tâm của con đường tơ lụa nối Trung Quốc và phương Tây**)

Ông Gerard muốn lấy Tiểu thư Kai. Mẹ Leda là người Pháp, và các quý ông thường khó điều khiển bản năng động vật của họ khi ở cạnh phụ nữ Pháp. Cô Myrtle lúc nào cũng nói vậy, và lấy *kẻ tồi tệ kia* làm một ví dụ điển hình.

Mọi chuyện chỉ có thế mà thôi. Bản chất đàn ông của Ông Gerard đã đánh bại phép lịch sự của anh trong một khắc. Anh hiển nhiên ngượng ngùng vì sai lầm tai hại đó, và nhất định sẽ cáo lỗi ngay khi điều kiện cho phép.

Cô có thể nghe thấy Cô Myrtle bình luận về chuyện này. Đột nhiên cô có thể hiểu được lí do vì sao Cô Myrtle vô cùng thận trọng trong việc giáo dục cô phép cư xử đứng đắn, và rất thường đề cập đến sự dai dột của những cô gái trẻ, nhất là những cô gái trẻ người Pháp—vì Leda có cảm giác hắt hiu rằng cô đã ngớ ngẩn mà đem lòng yêu Ông Gerard mất rồi.

Và tình yêu, Cô Myrtle đã luôn nói, là một tác nhân kích thích liều mạnh lên những trí óc kém khôn ngoan, nó chỉ có thể được thỏa mãn trong chừng mực, nhấm nháp bằng những ngụm nhỏ và từ tốn, như rượu brandy anh đào đặc biệt của bà vậy.

Samuel cố gắng theo đuổi Kai. Anh đã cố. Anh nhìn Haye trên cô như anh đã từng làm, lúc cô bảy tuổi và anh thì đã khôn hơn và già dặn hơn. Lúc này anh không có cảm giác trưởng thành hơn mà chỉ như một người ngoài, không thể tìm được chỗ đứng chung trên những hàng rào nhảy ngựa, không biết được cách lèo lái giữa một hàng rào quây bò và rãnh. Thậm chí với Tommy, Haye cũng vượt xa anh. Là bác và anh họ của một lượng hứa hẹn những cháu nhỏ, hẳn ta hóa ra lại là kiểu đàn ông bò ra sàn và vác những đứa bé la hét inh ỏi trên đầu mỗi ngày trước bữa sáng.

Chẳng phải cô bỏ bê Samuel. Tình cảm của họ vẫn ấm áp như trước đến giờ, vẫn như bấy lâu nay. Anh có thể nói chuyện với cô, khiêu vũ với cô, cho cô lời khuyên mà cô sẽ nghe theo. Anh mô tả ngôi nhà mình đã đặt tên là Biển Nổi và cô thích thú lắng nghe, gợi ý về cách trang trí nhà, khen ngợi cái tên anh đã chọn. Nhưng anh không thể phá bỏ sự thoải mái thân thuộc xưa cũ của tình bạn; anh không thể buộc mình nói lời yêu cô, không thể bắt bản thân chạm vào cô theo kiểu có thể khiến cô sợ hãi hay bồn loạn.

Anh thấy gã Haye có dụng ý. Mỗi nguy cô có thể nhận lời một người khác trước khi anh thổ lộ khiến anh bất an và giận dữ. Anh cưỡng lại cảm xúc đó, vì sự tức giận không có chỗ trong mục đích của anh, nó chỉ có thể khiến anh mù quáng và cản trở anh mà thôi. Nhưng nếu anh có thể vượt cạn sự thù địch, anh lại không thể xua đi mối bận tâm, cái cảm giác rằng chuyện đã rồi chia cách anh, đẩy anh đi ngày càng xa khỏi những người mà anh yêu quý hơn cả cuộc sống.

Ngay cả Phu nhân Tess cũng dường như xa cách hơn. Đôi khi anh nhận biết sự chú ý thầm lặng của bà đối với anh, nhưng khi anh quay sang, bà luôn tìm ra một cái cớ để rút lui, hay nói chuyện với người khác. Và điều đó, hơn hết thảy, kết tụ mỗi bản khoản của anh thành cái rìa mỏng manh của nỗi lo sợ.

Anh phải hành động. Mọi chuyện đang biến đổi. Trong chính trị và kinh doanh anh có thể giữ sự cân bằng, nhưng trong chuyện này—anh cảm nhận được sự thiếu khéo léo của bản thân, khả năng phạm sai lầm.

Cậu để tâm quá nhiều, Dojun nói. Cậu muốn quá nhiều. Ta phải làm gì với cậu đây?

Anh đã tránh mặt Cô Etoile cả tuần—dù anh chẳng còn nghĩ đến cô là “Cô Etoile” nữa, thậm chí khi cô xuất hiện trong những chiếc váy cổ bẻ kín đáo. Cô, là điều mà anh nghĩ: hơi nóng và sự mềm mại và khao khát.

Cô và Kai loanh quanh khắp nhà tử tế đầy bí ẩn, đầu túm tụm vào nhau, cười khúc khích và suýt bảo nhau im lặng khi anh bất ngờ bắt gặp họ—lại thêm một lần cảm thấy bị gạt ra ngoài, dù anh biết chỉ do ngày Giáng sinh, và những món quà, và sự hào hứng của Kai đối với những trò bí mật của ngày lễ. Ngôi nhà có mùi hắc và tươi mới của những vòng hoa thường xanh: những đồ trang trí kiểu Anh, cái lạnh của nước Anh, trong khi nếu là ở nhà sẽ là mùi heo quay và hoa cỏ, và mùi của cát biển trong bánh dừa nướng ở bữa tiệc Giáng sinh Hawaii.

Anh ước họ ở đó chứ không ở đây.

Cậu muốn quá nhiều.

Tầm gửi được treo ở những vị trí thuận tiện, gắn vào đèn chùm và một vài khung cửa, dưới lệnh của ai thì không người nào chịu thừa nhận, nhưng Robert là đối tượng bị tình nghi nhiều nhất, đặc biệt là vì cậu ta và Cô Goldborough là cặp đầu tiên bị bắt gặp ở cửa phòng khách.

Cô Goldborough đỏ mặt và giữ tay sau lưng, chìa má ra—nhưng mẹ cô đang ngủ trưa, thế là Robert nắm lấy cánh tay cô và hôn thẳng lên môi cô. Hai em gái cô ré lên và múa may trong tiếng cười hời hợt. Curzon nhướng lông mày. Samuel thấy Kai len lén nhìn sang Ngài Haye.

Haye đang đứng với một quyển sách hé mở trong tay và mãi nhìn bước tiến mở đường của Robert, không tỏ vẻ đã nhận thấy. Trong khi Samuel nhìn cô, cô ngược mắt và gặp ánh mắt anh. Cô khẽ mỉm cười. Hai má chuyển sang màu hồng nụ.

Anh chết lặng bên trong. Đó là một ánh mắt mà anh không biết phải làm sao để đáp lại. Anh

bất chợt trở thành một kẻ hèn nhát, thấy con chó Trung Quốc bằng sứ trắng xanh trên bàn bên cạnh vô cùng thú vị. Khi anh nhắc nó lên và lật đi lật lại trong tay để xem xét cái mặt, Kai túm váy và lĩnh ra cửa, xoay người và tự giới thiệu bằng một cái nhún gối và một nụ cười nghịch ngợm.

Trong thế bị động, đứng nhìn mà không để tâm vào cái hiệu bằng men sứ, Samuel cảm giác hơn là thấy thay đổi rất nhỏ trong thế đứng của Haye. Sự căng thẳng cuộn lên trong anh. Thế nhưng anh vẫn bất động, không thể đứng dậy: ngồi đó và để cơ hội tuột khỏi tay, biết rằng Haye sẽ hành động.

Nhưng chính Robert là người chụp lấy em gái và xoay cô một vòng ở khung cửa, kết thúc bằng một cái cúi mình thật thấp trước bàn tay cô và một nụ hôn lên các ngón tay.

“Ôi đáng ghét!” Kai giật tay lại. “Đồ phá đám!”

Cậu ta đẩy cô khỏi ngưỡng cửa. “Chỉ cố giữ cho chúng ta không bị giẫm đạp bởi cuộc tấn công ồ ạt thôi. Em không thấy những con voi đang tụ tập để xông tới à?”

Curzon nhìn xuống chiếc mũi kiểu Anh của anh ta. Haye cười toét miệng và hạ người lên cánh tay vịn của ghế, lật giở các trang của cuốn tiểu thuyết anh ta đang cầm. “Người nào rồi cũng có phần, Orford à,” hắn nói với Robert.

“Orford!” Kai khịt mũi một cách tế nhị. “Làm như anh ấy là một đức ông không bằng. Không có ai gọi anh ấy như thế lúc ở nhà.”

Robert cười nhả nhỏ. “Một đức ông thực thụ như em là một tiểu thư đấy, em thân mến.”

“Trường hợp của anh chỉ là một tước hiệu do ưu đãi thôi. Cô Leda đã nói thế. Những đức ông thực thụ có thể ngồi trong Nghị viện. Cha có thể, nếu ông muốn.”

Haye giở cuốn tiểu thuyết của hắn ta lên. “Này hai người. Có ai đọc cuốn này chưa? Nó có vẻ là một câu chuyện hay vô cùng.” Sự chen ngang của hắn ta đã ngăn chặn một cách êm xuôi cuộc tranh cãi anh em có khả năng nổ ra. “*Chiếc nhẫn tình cờ**. Nghe này.” Hắn ta đằng hắng rồi hạ giọng thành một âm vực biểu cảm. “Trên gương mặt tàn nhẫn của hắn hiện rõ một sắc thái kinh hoàng, và, đối với tôi trông như sự thù hận...ngày càng lớn thêm bởi dáng vẻ quẫn quai, không bình thường của hắn. Tôi đã thấy cái chết dưới nhiều hình dạng, nhưng chưa từng thấy nó ở khía cạnh đáng sợ như thế trong căn phòng tối, cái ghệt đó, căn phòng nhìn ra một trong những đường giao thông chính của khu ngoại ô Luân Đôn.” (*nguyên tác: *A study in scarlet**)

Kai và những người khác ngay lập tức bị cuốn hút.

“Ồ, anh hãy đọc từ đầu đi!” Cô chìm vào ghế ngồi với đôi mắt mở to và trông đợi.

Trong khi Haye tiếp tục câu chuyện về Bác sĩ Watson và Ông Sherlock Holmes, Samuel lật đi lật lại bức tượng Trung Quốc trong tay. Anh nhìn lên dưới hai hàng mi, lắng tai nghe, quan sát những người còn lại ủng hộ màn suy luận dựa vào tình tiết và phân tích. Anh đã đọc cuốn

sách đỏ, và nhân vật Holmes đối với anh chỉ là một cái bóng mờ của Dojun—lóng ngóng và lộ liễu với cái kính phóng đại và lý lẽ tàn bạo, quá tự tin, kiêu ngạo trong kết luận. “Chẳng còn gì để nghiên cứu thêm ở đây nữa,” ông Holmes giả tưởng thường phát biểu. “Ý tôi đã quyết trong vụ án này.”

Một người đàn ông có thể đưa mình vào chỗ chết nếu tin tưởng điều đó. Dojun có thể giết hẳn bằng một ý nghĩ. Samuel biết, vì anh cũng có khả năng thực hiện điều đó.

Sự chú tâm là trực giác. Trực giác là hành động: như cách anh suýt tiêu diệt cô bằng *kiai*, tiếng hô trong tâm tưởng, trong khoảnh khắc then chốt ở căn phòng gác mái của cô. Đòn tấn công của anh quá mạnh vì anh đã không thể tách tâm trí mình khỏi cô. Ngay cả lúc đó, ở phía đối lập cô, anh đã muốn cô. Anh chỉ định tước vũ khí, làm cô tê liệt trong một lúc, nhưng lúc đó giữa cô và anh còn hơn là một mối liên kết tình cờ. Anh không phải một sự phụ như Dojun: anh không hiểu chính bản thân mình, anh phạm sai lầm. Anh không thể giữ cái tĩnh. Anh không yên bình. Anh thậm chí không thể đứng dậy và trao một nụ hôn dưới nhánh tầm gửi.

Ngồi không cử động, giữ tượng con chó trắng xanh trong tay, anh biết mình đang hốt hoảng trốn chạy bản thân. Và anh biết phải đến khi anh quay lại và đối mặt với thứ mà mình e sợ, nếu không mục tiêu của anh chẳng là gì ngoài khói và mộng tưởng.

Ngọn lửa trong phòng cô đã lụi, những tiếng nổ lách tách nhỏ và quầng sáng cam giữa nền đen không chiếu sáng được đến bên ngoài vỉa hè. Anh bước qua lò sưởi, dù biết cô đang ngủ và sẽ không thấy dáng người anh chắn trước ánh sáng.

Căn phòng như chìm trong hương và bóng dáng phụ nữ. Cô ngủ êm ái, hơi thở nhẹ nhàng, không bị xáo trộn bởi những giấc mơ. Sự yên bình của cô trong giấc ngủ xoa dịu một điều gì đó sâu thẳm trong anh. Cô cảm giác được an toàn ở đây; anh đã đưa cô tới đây; theo một cách tế nhị nào đó cô gắn bó với anh bởi sự yên bình cũng như trong khốn khó.

Anh đứng trong góc tối nhất của căn phòng. Anh ngấm, mặc dù chẳng có gì để nhìn. Anh lắng nghe, dù chẳng có gì vọng vào tai. Anh chờ mà chẳng trông đợi gì—không cử động, không suy nghĩ, không cảm xúc.

Thế mà cảm giác vẫn hiển hiện ở đó. Anh cảm nhận được mọi đường cong của cơ thể cô. Ký ức làm rung rinh bề mặt phẳng lặng của sự tập trung; làn da cô dưới ngón tay anh, hình dáng gương mặt cô giữa hai bàn tay anh.

Bỏ đi. Anh đến đây để đương đầu và rồi từ bỏ. Nhưng sự mâu thuẫn vẫn tồn tại, nghịch lý vẫn còn đó; cố gắng từ bỏ chính là càng giữ chặt hơn. Dojun đã chỉ dạy anh như thế. Sự đói khát mà anh muốn tháo gỡ đã ăn quá sâu vào tâm của anh đến mức nó dường như là chính anh. Nếu chia tách nó, sử dụng nó—sẽ chẳng còn lại gì của anh nữa.

Anh mừng tượng mình nằm xuống cạnh cô, nằm trên cô; những thứ anh đã biết và còn chưa biết, anh chưa từng biết chắc đâu là sự thật và đâu là trí tưởng tượng méo mó mình đã dựng nên. Anh từng mơ và từng nhớ, không thể phân biệt rõ cả hai, anh ghê tởm phải hỏi

những câu hỏi có thể hé lộ thứ mà anh che giấu.

Anh không thể hôn Kai. Thậm chí là một nụ hôn nhẹ, vui đùa như của Robert và Cô Goldborough, anh không phải là Robert. Có quá nhiều đau khổ trong những giấc mơ và ký ức đó, lẫn lộn và rối tung trong khoái cảm. Chỉ một lần tiếp xúc—và anh không biết điều gì sẽ xảy ra.

Nhưng Kai sẽ muốn có con. Con của cô. Của anh. Trong khi anh lại không thể bắt mình chạm vào cô.

Kai không phải là người mà anh khao khát.

Anh nhìn chăm chăm vào đêm tối. Anh siết chặt hai tay theo thể *kuji*, tạo thành những móc nối phức tạp lẽ ra phải có tác dụng dẫn lối và tích tụ ý chí của anh, chuyển ý thành hành động, rèn sức mạnh và tâm trí anh đến với mục tiêu của đời anh. Nhưng chẳng có sự tích tụ nào, không có sự thống nhất, không có sự tiêu tan của tự chủ. Cơ thể anh khao khát thứ mà trí óc anh ghê tởm. Ngoài điều đó ra, chẳng có thứ nào nằm trong vòng kiểm soát của anh.

Anh để cô ngủ yên lành và lui vào đêm tối bao la, lạnh lẽo. Bước trên mặt đất trong khi cả ngôi nhà chìm trong giấc ngủ, anh cảm thấy mình tách biệt với sự ấm áp sung sướng của họ, vẫn là một người xa lạ dù đã nhiều năm trôi qua, một bóng ma đen trong ánh trắng không tiếng động.

“Tôi đã mua một hộp đựng thiệp cho Mano.” Tiểu thư Kai tung Tommy trong lòng cô trong khi cậu bé thủ thỉ “a-a-a” với từng cái nảy, một hành động mà cậu có vẻ vô cùng hài lòng. Cô gái tra cái danh sách của cô bằng bàn tay kia. “Tôi đã mua nó ở Luân Đôn, nên nó rất đúng mốt—mà anh ấy chẳng quan tâm gì đến chuyện đó cả. Năm ngoái tôi tặng anh ấy một cái chén và gương để cạo râu, và anh ấy rất thích.”

Leda nghĩ đến sợi dây chuyền mà anh đã mua cho Tiểu thư Kai, cả một thác kim cương lấp lánh.

“Cô sẽ tặng anh ấy món quà gì đó chứ?” Tiểu thư Kai nhìn lên cô. “Có thể cô nên cân nhắc việc đó—anh ấy có trách nhiệm tặng quà cho cô mà.”

“Ồ không. Tôi không nghĩ vậy.” Leda cúi đầu trên đôi găng tay hở ngón hình mắt lưới mà cô đang đan cho Phu nhân Tess. “Tôi là thư ký của ngài ấy.”

“Chà, anh ấy sẽ tặng quà. Tôi sẽ ngạc nhiên lắm nếu anh ấy không mua cho mỗi người một món quà gì đó từ quê nhà; có thể là một thứ anh ấy tự tay làm cũng nên. Anh ấy làm ra những đồ gỗ dễ thương nhất đời, nếu cô thích phong cách Nhật. Người quản gia cũ của chúng tôi đã dạy anh ấy đấy. Tôi thì thích những thứ chạm khắc phức tạp hơn. Có vẻ thẩm mỹ hơn. Nhưng những đồ Mano làm ra rất đẹp, dù chúng có giản dị đi nữa. Anh ấy không bao giờ khắc hình chim chóc hay hoa hay bất cứ thứ gì như thế lên chúng.”

Leda đan một hàng trong im lặng. Cô còn phải làm nhiều món quà cho từng người trong gia đình Ashland, vì cô rất muốn được tỏ lòng cảm kích họ đã đối xử tốt với cô. Ngoài chuyện đó ra, Phu nhân Tess còn nhờ cô giấu những món quà bất ngờ trong phòng cô mà bà đang gom góp về cho gia đình mình. Chồng hộp và giấy kim tuyến ngày càng cao bên dưới giường khiến Leda cảm thấy nôn nức và được dự phần vào chuyện vui.

Cô đã nghĩ đến việc tặng quà cho Ông Gerard, nhưng không đủ can đảm. Cô đặt đồ đan xuống lòng và cuộn một vòng sợi màu xám bạc quanh ngón tay, kéo giãn và quấn nó vài lượt. “Cô cho là ngài ấy sẽ thích gì?”

“Quà gì à? Đây, bé bé con con, cháu xuống đi nào. Không, cháu không được ăn váy của cô Kai đâu. Ngậm cái muỗng đây này, bé cưng. Để tôi nghĩ xem. Thật sự không có thời gian để đi sắm ngoài làng nữa rồi phải không? Cô có thể đặt mua một cây bút mực, nếu chúng ta đã nghĩ ra từ trước. Cô có thể thêu chữ cái đầu trong tên anh ấy lên khăn tay.”

Theo cách nào đó, gợi ý của Tiểu thư Kai khiến Leda cảm thấy buồn man mác. Một cái chén cạo râu, một cái hộp đựng thiếp, một cây bút máy, chiếc khăn tay.

Tim cô đau vì anh.

Cô nhớ đến gương mặt anh trong ánh đèn đường lập lờ bên ngoài cửa sổ phòng cô, cái dúi tay ngăn ngủi của anh khi anh ấn một cuộn vải nhỏ vào tay cô. Cô vẫn còn giữ đồng năm yên, biểu tượng của tình bạn, trên một sợi ruy băng mảnh dưới áo choàng.

Anh đã không xin lỗi vì lối cư xử bừa bãi của mình, hay thậm chí nói chuyện với cô kể từ đó. Anh tránh mặt cô, cô dám chắc.

Có thể vì cô có nửa dòng máu Pháp nên anh thấy không cần phải xin lỗi. Có thể cô đã làm cho anh kinh tởm đức hạnh của cô từ cái ngày uống rượu brandy anh đào. Có thể họ đã chẳng còn là bạn.

Ý nghĩ đó càng khiến cô phiền muộn hơn nữa.

“Vâng, tất nhiên.” Cô để cho sợi lụa bung khỏi ngón tay mình, tiếp tục mũi đan còn dang dở, và thở dài, “Có thể tôi sẽ thêu vài cái khăn tay.”

Chương 24

Con báo ở công viên biển Samuel thành anh hùng lần thứ hai. Làm thế nào con thú hung dữ xông chuồng và chạy qua hàng rào được thì Ông Sydney bắn loạn không tài nào hiểu nổi, nhưng con báo mẹ và đàn con đã chạy rong lúc Kai quần kỹ Tommy, đặt cậu vào xe đẩy lấy xuống từ tầng áp mái, và đẩy cậu dọc theo hồ nước trong vắt.

Tất cả những vị khách trẻ cũng ra ngoài, vận áo và khăn choàng viền lông, tận dụng thời tiết nắng ráo trái mùa. Kai không ở một mình hay thiếu người bảo vệ khi cuộc đương đầu diễn ra, mặc dù Samuel nghĩ có lẽ đã tốt hơn nếu họ không ở đó. Kai có trí khôn, nhưng những cô gái nhà Goldborough thì rõ ràng là không: ngay khi nhìn thấy con báo lấy đà, đuôi phe phẩy bên dưới bóng hàng rào gỗ hoàng dương ở rìa đồng cỏ, họ hét loạn lên và phóng ra sau cánh đàn ông, những cái váy phần phật của họ trở thành mục tiêu khiêu khích. Samuel bị cô em út đeo cứng vào vai anh từ phía sau trong khi con báo căng thẳng hạ người, mắt long lên, bất an vì được tự do, nhìn đăm đăm một cách độc địa vào nhóm người đang hốt hoảng.

Lúc đầu không có động tĩnh nào từ phía con báo. Nhưng khi cánh phụ nữ tiếp tục những tiếng hét nửa như cười đùa và lấp ló bên tấm khiên của họ, con báo mẹ vồ lấy một con báo con đang té lăn quay, đẩy nó ra sau thân mình mà không hề từ bỏ thế thủ, không hề rời mắt khỏi những kẻ xâm phạm lãnh thổ của nó. Nó dựng tai ra sau và ngoác miệng, phô ra những cái răng nanh. Một bộ vuốt được nhấc lên, xòe ra đầy đe dọa. Đôi bàn tay trên vai Samuel đột ngột siết chặt. Những cô gái bất chợt trở nên yên lặng. Vào lúc Robert nói “đừng cử động,” cô chị lớn nhà Goldborough thả cậu ta và bỏ chạy, cầm đầu về phía ngôi nhà.

Cử động chớp nhoáng đó bẻ gãy sự chăm chú căng thẳng của con báo. Nó phóng vù tới trước một vài thước rồi dừng lại, ngoái nhìn đàn con. Nhưng cuộc rượt đuổi không thành khiến những cô gái khác hoảng vía. Nhóm người tản ra khắp các hướng—một cô chạy về phía những bậc thềm dẫn vào vườn, Robert gọi to và đuổi theo; cô còn lại buông Samuel, quay lại và vấp chân, ngã sòng soài xuống đất. Con báo đang bồn chồn phản ứng ngay lập tức trước cảnh hỗn loạn, rượt theo cô gái đang chạy; rồi quay lại và phóng theo Robert, sau đó lao về phía Kai và Tommy theo hình zigzag tán loạn.

Kai mất tinh thần và chộp lấy Tommy từ xe đẩy. Sự vụng về của cử chỉ đó, cái phẩy của gấu váy và tấm chắn lát phật đằng sau: Samuel thấy con báo tập trung vào mục tiêu đó, vươn người băng qua bãi cỏ, một vẻ đẹp mạnh mẽ, đen tối đang gia tăng tốc lực. Anh di chuyển, cắt ngang đường tấn công của con báo. Nó theo đà đâm sầm tới trước rồi trụ trên chân sau để xoay lại—anh lùi bước và tăng tốc chạy chéo sang bên để dẫn dụ nó về phía mình. Con báo xông tới trong ba cú sải, phóng đến bằng một cú tấn công không chạm đất, sức mạnh thuần túy chờ được điều khiển. Samuel vào thế lăn người. Một cái vuốt cào trúng áo khoác anh và xé rách nó khi con báo lộn nhào qua vai anh. Anh đứng dậy trong tiếng ùm thật to, nước bắn tung tóe lên

bờ hồ và lên quần anh.

Cái đầu đen của con báo trời lên trên mặt hồ sáng loang loáng. Nó chớp mắt và khua móng vuốt, đột ngột biến đổi từ một mối họa gầm gừ thành con thú ướm nhoe nhoét và ngơ ngác với đôi tai và lông dán chặt vào sọ. Nó bắt đầu thực hiện những cố gắng cuồng loạn để trở về với đàn con, dúi bộ móng trước lên rìa đá hoa cương trơn nhẵn, không thể tìm ra điểm tựa dưới hồ sâu để đẩy thân mình lên.

“Lạy Chúa.” Haye là người đầu tiên hoàn hồn. “Này, anh ổn chứ, Gerard?”

“Anh ấy chảy máu rồi!” Kai đột ngột trở nên linh hoạt. “Đi tìm Ông Sydney đi, Robert, với vài người giữ cửa để bắt con báo! Ngày Haye—” Cô đẩy Tommy vào tay anh ta.

“Hãy đưa cậu bé vào nhà nhanh lên, đề phòng trường hợp con báo tự xoay xở ra khỏi hồ. Cô Sophie—Cecilia—các cô cần muối ngửi chứ? Xin các cô đừng ngắt—đi cùng Ngài Haye trở vào nhà—và gọi mẹ tôi; bà sẽ biết phải làm gì.”

Samuel ấn tay lên cánh tay mình, giờ mới cảm thấy sự bỏng rát, và máu chảy từ vết rách. “Chúng ta sẽ cần đến một cái lưới, hoặc nhiều chăn.”

“Họ thì chắc rồi.” Kai quay sang anh. “*Anh* thì không. Anh sẽ vào nhà với em và băng bó vết thương đó trước khi nó nhiễm trùng. Vết mèo cào thường như thế. Ông Curzon, phiền anh ở lại đây và đảm bảo nó không trèo ra trước khi họ có thể bẫy nó lại. Tôi chắc chắn anh có thể—bất cứ ai sẵn sàng đến Samarkand hẳn phải vô cùng gan dạ.”

“Nhất định rồi, thưa cô.” Curzon vỗ cây ba-toong vào lòng bàn tay. “Nó sẽ không thích cây gậy này đập lên mũi nó đâu, nếu nó thử tháo chạy.”

“À thì, nó chỉ hoảng sợ thôi, nên đừng quá mạnh tay. Trông kìa—Robert đã trở lại giải cứu. Mano, đi với em và để họ lo liệu. Đừng để họ quên lửa đàn con lại, Ông Curzon.”

Samuel để cô đỡ anh vào nhà. Cô đưa anh lên phòng trẻ trống không, nơi có vải sạch, khăn bông và cồn sát vết thương, rồi tháo găng tay. Không hề do dự, cô bảo anh cởi áo khoác ngoài và sơ-mi dính máu.

Trong lúc anh ngồi để ngực trần trên ghế cạnh cửa sổ thấp, cô quỳ trước mặt anh và chậm lên những vết cào cửa sâu. Cái rát của cồn tấn công anh như một guồng lửa; anh hít sâu không khí vào phổi mà không phát ra tiếng động. Khi cô đã làm máu chảy chậm lại và các vết thương đã được rửa sạch theo đúng ý cô, cô băng bó cánh tay anh và cột lại. Cô không nói năng gì trong suốt lúc băng vết thương. Khi cô đã xong, cô ngồi ngã ra sau, nhắm mắt và thở ra một hơi dài, run run.

Cô mở mắt và nhìn anh. “Mano. Cám ơn anh.”

Họ chỉ có một mình trong phòng trẻ. Từ rất xa bên dưới cửa sổ đang đóng, những tiếng hò hét và tiếng bì bõm của cuộc vây bắt phá vỡ sự tĩnh lặng của căn phòng yên ắng.

Anh nghĩ: *Ngay lúc này.*

Lên tiếng ngay bây giờ.

“Em không bị thương chứ?” anh hỏi một cách ngớ ngẩn.

“Đương nhiên là không.” Cô đảo tròn mắt và mỉm cười. “Ngốc thật. Chỉ có anh mới hỏi thế thôi.” Cô đã tháo khăn choàng màu đỏ sinh động trước đó. Lốp lông trắng viền bên ngoài phớt lên tay anh khi cô tháo khuy và quăng nó sang bên.

Anh cố gắng nghĩ đến một lời khen, một cách nào đó để khởi đầu cho điều anh cần nói.

“Mano—” Cô đột ngột đặt hai tay lên tay anh. “Đôi lúc em quên mất—” Cô ngừng lời. “Không...không phải *em quên*, vì em không quên, chỉ là em quên nói thành lời. Em yêu anh. Anh là người bạn tốt nhất và đáng quý nhất. Anh luôn ở đây khi chúng em cần anh.”

Anh nghĩ mình nên nắm lấy tay cô. Anh nghĩ mình nên làm hàng trăm thứ.

“Anh cũng yêu em, Kai,” cuối cùng anh nói. Và quan sát cô với trái tim căng cứng trong lồng ngực.

“Em không xứng với điều đó, em dám chắc!” Cô nhón lên và hôn má anh.

Anh nên quay lại; anh đã có thể quay lại; cô chỉ cách anh một hơi thở. Nhưng sự tê liệt cầm tù anh. Anh cảm thấy cái ấm áp ngăn ngủi của gương mặt cô bên mặt mình, chỉ một khoảnh khắc, và cơ hội qua đi. Cô xiết tay anh rồi nhòe dầy.

“Xuống nhà ngay khi anh đã thay áo xong nhé. Em muốn anh có mặt ở đó khi em khoe anh là người gan dạ nhất ở bờ này của Trung Quốc.” Cô huơ lấy khăn choàng và dậm bước đến cửa.

“Kai.”

Cô nhìn lại, với áo choàng viền lông vắt qua vai.

Anh cảm thấy vô lực. “Em có chắc mình không sao chứ?”

“Mano, anh là kẻ ngốc đáng yêu nhất đời. Anh mới là người bị thương đấy. Cố mà nhớ, và phải trông nhọt nhọt tái mét cho thật anh dừng vì đám đông quần chúng xun xoe đấy nhé.”

Leda và Phu nhân Tess đã nhìn thấy gần như toàn bộ cuộc xô xát từ cửa sổ thư viện, nơi họ lật đật chạy tới bởi tiếng hét inh tai của những cô gái nhà Goldborough. Sau sự việc, những quý cô trẻ sẵn sàng tôn Ông Gerard làm anh hùng. Những quý ông có mặt ở đó, mặc dù không phản đối những lời ca tụng, lại ít bị ấn tượng hơn. Leda đã nghe Ông Curzon rỉ tai Ngài Haye rằng Gerard may mắn đến chết tiệt đi được vì đã không bị xé toạc cổ họng khi dám thử mưu mẹo đó.

Leda biết rõ hơn. Cô biết Ông Gerard. Từ vị trí thuận lợi ở tầng trệt cô đã thấy cạm bẫy và thể lẫn người đó, chính xác đến từng gang tấc, được tính toán chắc chắn để lái cái vỏ của con báo thẳng vào hồ nước.

Sự cố trên khiến Phu nhân Tess và Ông Sydney vô cùng lo lắng. Một khi con báo mẹ đã bị bắt và nhốt lại trong cũi, cả hai người đã đi tạ lỗi với bất cứ ai họ gặp. Phu nhân Tess bật khóc và hứa với Bà Goldborough rằng những con báo sẽ bị xử lý—bà nên biết sẽ có ngày chuyện này xảy ra mới phải; dưới sự chăm nom của Ông Sydney, Vicky độ ngũ luôn là con để bảo nhất, nhưng vẫn không được xem nhẹ một con thú hoang; bà lẽ ra đã không nên cho nuôi chúng ngay từ đầu.

Ngài Gryphon cuối cùng cũng đem bà đi để nói chuyện riêng, một sự việc có vẻ tạo ra chút an ủi và khuây khỏa. Khi họ trở lại phòng khách nơi mọi người đã tập trung lại, bà xoay xở nở nụ cười yếu ớt và thậm chí còn khẽ cười trước mô tả của Robert về vẻ kinh ngạc của con báo khi nó bay vèo qua Samuel thẳng vào hồ nước.

Ngài Gryphon thông báo sẽ ngay lập tức thuê thêm một người coi sóc làm việc toàn thời gian để canh những con báo, và sở thú nhỏ sẽ được mở rộng và được gia cố, một vành đai ngoài sẽ được xây thêm để ngăn bất cứ vụ xổng chuồng nào trước khi chúng có thể vào khu công viên trung tâm. Bà Goldborough trông như muốn tranh cãi về sự khôn ngoan của việc nuôi những con thú hoang trong phạm vi một bán cầu với ngôi nhà nơi con gái bà đang ngụ, nhưng cô con gái lớn vô cùng quyết tâm phải lấy Ngài Robert, và nóng lòng đặt dấu chấm hết cho lo lắng của mẹ mình, cô ngăn những lời phản đối của mẹ bằng một câu nhấn mạnh “xin mẹ đừng nghĩ gì về chuyện đó, mẹ à—nếu con chịu nghe lời Ngài Robert khi ngài ấy bảo đừng di chuyển chứ không kém cỏi mà thử bỏ chạy thì chuyện đã không đến nước này. Toàn bộ là lỗi của con.”

Mọi người đồng thanh phản đối, nhưng Leda lại cảm thấy cô gái nói đúng. Tuy nhiên cô không có quyền đề cập đến chuyện đó, và cô còn rất nhiều việc phải hoàn thành để chuẩn bị cho ngày lễ Giáng sinh chính thức được tổ chức sau bữa tối: một màn trao đổi quà nho nhỏ mà những cô cậu trẻ tuổi đã đòi cho bằng được trước khi những vị khách đi lo liệu những chuyến viếng thăm Giáng sinh của riêng từng người. Cô lẳng lặng rút lui ra hành lang.

Ông Gerard thấy cô khi anh lên đến lồng cầu thang. Mặt trời buổi chiều tà rọi qua khu rừng thu nhỏ trong ngôi nhà. Với hình thể dẻo dai trong chiếc áo khoác đen, mái tóc vàng, trông anh phảng phất dáng vẻ của con báo: chuyển động nhịp nhàng và thấp thoáng đôi mắt màu vàng từ rừng xanh. Lần đầu tiên sau hai tuần, anh ngừng lại để nói chuyện với cô, dừng ở bậc thang kế cuối, tay anh đặt lên thanh vịn đối diện trên cầu thang rộng.

“Cô Etoile.” Anh hơi nghiêng đầu.

Leda không muốn tỏ ra nhẹ dạ. Cô cảm thấy mình phải giữ bình tĩnh mặc cho những hồi trống ngực dồn dập bởi sự công nhận bất ngờ của anh. “Chào buổi chiều, Ông Gerard.” Cô gật đầu với một thái độ nghiêm trang. “Cho phép tôi được nói ngài rất đáng ngưỡng mộ vì sự can

đảm và hành động nhanh nhẹn. Tôi đã thấy sự cố từ cửa sổ. Tôi mong ngài bị thương không nghiêm trọng?”

Anh di chuyển bàn tay, như để bảo hãy bỏ qua chuyện đó. “Bữa tiệc tối nay—chúng ta sẽ trao đổi quà phải không?”

“Đúng vậy. Ngài chỉ cần đem đến một món quà thôi. Mọi người sẽ bốc thăm từ một cái chén. Tôi đang trên đường đi chuẩn bị đây.”

Trong một lúc anh nhìn đằng sau cô, vào những chồi non xanh được ánh mặt trời thấp sáng và những cái bóng màu xanh lục bảo của khu rừng trùng điệp đang vươn về phía bầu trời. Rồi, bằng một cử động khó nhận thấy, anh quét mắt về phía cô, kiểu ánh nhìn mà cô hình dung đến từ những vị thần bất tử kém cạnh—những á thần vô danh, khó lường của đời và những ngọn núi cô đơn, với cái chết và sự khoan hồng đặt trong tay họ. “Không bốc thăm.” Giọng anh quá nhẹ để vang vọng trong kiến trúc mái vòm. “Hãy chơi trò bịt mắt bắt dê, Cô Etoile. Chúng ta bắt được ai—người đó sẽ mở quà.”

Tay Leda nắm chặt quanh thanh vịn. “Ông Gerard—”

“Nếu cô không muốn đề nghị thì tôi sẽ làm. Tôi nghĩ họ sẽ thích ý tưởng này.”

“Tôi chắc chắn họ sẽ thích.” Cô chà ngón tay trên mặt gỗ được đánh bóng, rồi cau mày nhìn trực diện anh. “Nhưng nếu tôi hiểu đúng điều ngài định làm—Ông Gerard—tôi không thể không nghĩ chuyện đó thiếu sáng suốt.”

Ánh mắt mãnh liệt của anh nhìn thẳng cô. “Tại sao?”

“Vì không phù hợp.” Cô không thể nói rằng cô không muốn thấy anh đau lòng; rằng Tiểu thư Kai sẽ không hiểu ý định của anh; rằng có thể những hy vọng của anh sẽ gặp bất hạnh. “Còn quá sớm để tặng cho cô ấy một món quà như thế.”

Miệng anh mím thành một vẻ hao hao châm biếm của một nụ cười. “Không có quá sớm đâu. Về chuyện đó thì tôi dám bảo đảm, thưa cô.” Với một cái cúi mình vội vàng, anh bước qua cô, thậm chí còn không ban cho lời khuyên của cô một câu cảm kích.

Ý tưởng chơi bịt mắt bắt dê được hướng ứng nhiệt liệt, cũng như những ly rượu brandy anh đào được xếp trên khay với những nhánh cây nhựa ruồi. Leda không thoải mái với brandy anh đào, nhưng tất cả những người còn lại, ngoại trừ Phu nhân Whitberry nghĩ nó cản trở tiêu hóa, đều thấy thứ rượu này góp thêm một phần niềm vui sống vào buổi tiệc. Khi buổi tối tiếp diễn, những bước xoay lòng vòng và dò dẫm của người bị bịt mắt càng trở nên khôi hài, những câu đùa hóm hỉnh hơn, những bài hát mừng liên tục du dương hơn, tiếng cười—kể cả tiếng cười của gia đình Curzon—cũng trở nên ấm lòng hơn. Chỉ có Leda cảm thấy sự gượng gạo trong nụ cười của mình.

Chỉ có Leda, và Ông Gerard, anh đang đứng quan sát từ sau ghế Tiểu thư Kai. Nhất định

không ai có thể bảo rằng anh u ám—anh mỉm cười những lúc phù hợp, dù không cười thành tiếng. Khi cô nghĩ về chuyện đó, cô không tin mình từng thấy Ông Gerard cười to bao giờ. Tối nay sự cảnh giác âm ỉ trong anh, ý thức về một sự chăm chú không nao núng và bền bỉ trong dáng đứng thông thả của anh, đối với cô thật ấn tượng.

Sợi dây chuyền kim cương nằm giữa chồng quà. Cô đã thấy anh đặt nó ở đó, cô ngay lập tức nhận ra bởi kích thước và hình dáng hộp trong lớp giấy bọc. Cô nghĩ cái cái nơ vụng về thật không giống phong cách của anh, mâu thuẫn với sự thanh lịch giản dị và tinh tế của những món quà mà anh đã làm cho cô và Phu nhân Tess.

Biết anh leo lên xà nhà với một chi gậy và đi không tiếng động trong bóng tối qua những bức tường và ổ khóa, cô hoàn toàn tin anh có thể định vị một cô gái ưa nói trong khi bị bịt mắt. Nhưng Leda không hiểu vì sao anh lại không lo sợ một ai đó sẽ bắt được Tiểu thư Kai. Cô cứ nghĩ ít nhất anh cũng đòi là người bị bịt mắt đầu tiên.

Trong khi cô lén quan sát anh, cô có cảm giác kỳ lạ rằng anh điều khiển diễn biến trò chơi; rằng giữa những tiếng khúc khích và tiếng chuyện trò, tiếng xé giấy và những lời bình phẩm đầy ngưỡng mộ về từng món quà, cảm xúc mãnh liệt kín đáo của anh khi anh đứng sau Tiểu thư Kai tỏa ra một bức màn chắn vô hình đối với những người chơi khác. Nghĩ thế thật vô lý, tất nhiên...thế nhưng mặc dù những vị khách tỏa ra khắp các hướng, và lại rất thường đi về hướng Tiểu thư Kai, không ai chạm vào cô cho đến khi những món quà nhỏ đã có chủ ngoại trừ chiếc hộp gói giấy.

Leda tự làm mình lu mờ trong suốt trò chơi, và đoán Ngài Ashland đã ăn gian một chút khi ông bắt trúng tay áo cô trong lượt chơi gần cuối của ông—nhìn lên dưới miếng bịt mắt để tìm ra cô, một hành động rất tử tế về phía ông. Cô rất thích tập album hình mà cô khai ra từ hộp quà, mặc dù cô chẳng có tấm hình nào để bỏ vào.

Cô căng thẳng gõ ngón tay lên cuốn album nhỏ. Ông Gerard không bịt mắt nữa—chẳng có lý do phải làm thế. Quà của anh là cái cuối cùng, Tiểu thư Kai là người duy nhất chưa có quà. Anh chỉ rời vị trí và đem nó lại cho cô, thế mà có một dáng vẻ gì đó ở anh khiến người khác chú ý. Tất cả tiếng bàn tán, tiếng giấy sột soạt và quá trình ngắm nghía những món quà ngừng lại; mọi người đều nhìn Tiểu thư Kai và Ông Gerard đang đứng trước mặt cô, đặt chiếc hộp vào bàn tay cô đang đưa ra.

“Chẳng vui chút nào!” Cô chu môi hờn dỗi rồi bất chợt nở nụ cười. “Mặc dù em cho rằng mình là người chiến thắng trò chơi, vì người bị bịt mắt không bắt được em. Cái nơ ngớ ngẩn làm sao, Mano.” Cô nâng nó lên, lúc lắc sợi ruy băng đỏ được buộc một bên để mọi người cùng thấy, rồi hăng hái xé giấy như một đứa trẻ.

Leda nhắm mắt một thoáng khi cô thấy chiếc hộp nhưng. Cho đến tận lúc đó, cô vẫn còn hy vọng sẽ là món quà khác. Cô mở mắt lần nữa, vô cùng lo lắng.

Ông Gerard đứng bên Tiểu thư Kai khi cô mở nắp hộp. Cô nhìn vào bên trong. Trong khi mọi người chờ cô xoay hộp lại, một vẻ bực bội hài hước thoáng hiện trên gương mặt đáng yêu

của cô. “Mano! Gì thế này!” Cô nghiêng đầu ra sau và thông vai xuống. “Thứ ngớ ngẩn nhất ấy! Anh đúng là vô vọng trong chuyện chọn quà, tội nghiệp anh. Giờ em hỏi anh nhé: nếu Ông Curzon—hay... hay *Robert* là người được nhận món quà *này* thì sao?” Cô giơ chiếc hộp lên để trưng món quà bên trong cho cả phòng cùng thấy.

Nhiều quý bà quý cô hít vào với những tiếng thì thầm đủ to để có thể nghe được. Một ai đó nói, “Rực rỡ thật!”

Và rồi một sự im lặng như tờ đồng thanh rơi xuống.

Còn tệ hơn, Leda nghĩ. *Thậm chí còn tệ hơn mình lo ngại*. Hầu hết trong số họ đã biết, hay đã đoán ra ngay ý định của Ông Gerard: Leda có thể thấy điều đó trong những ánh mắt sừng sốt và dò hỏi.

“Mano thân mến.” Tiểu thư Kai ôm anh. “Anh đúng là không biết gì phải không? Anh đáng lẽ phải gói một thứ gì đó như một cuốn sách hay. Em lẽ ra phải biết—Cô Leda và em đã có thể giúp anh chọn một món đồ khác nếu em đã nghĩ đến chuyện này.”

Ông Gerard đứng mà không lên tiếng, không một dấu hiệu nào lộ ra ngoài, nhưng khi cô đến chỗ mẹ cô, đem sợi dây chuyền ướm lên cổ Phu nhân Tess với một lời bình phẩm sợi dây sẽ rất hợp với mẹ, ánh mắt lặng im của anh rời khỏi cả hai người.

“Sợi dây sẽ hợp với bất cứ quý bà quý cô nào có mặt ở đây,” Ngài Ashland hào hiệp nói. “Cha ngài Samuel sẽ để món quà vào tay cánh đàn ông.”

“Không đời nào.” Ông Gerard mỉm cười. Anh che giấu thật giỏi, rất nhẹ nhàng, không để lộ một dấu hiệu nào của cái giá anh phải trả cho sự điềm tĩnh. Anh di chuyển đến sau lưng Phu nhân Tess, trượt sợi dây ra khỏi tay con gái bà để đặt quanh cổ bà. Bà nhìn lên và xiết tay anh, với một vẻ mặt rất giống với vẻ mặt khi bà gắng diễn đạt lời cáo lỗi với Bà Goldborough vì sự cố nguy hiểm cho các con gái bà ta.

“Tôi có thể rót cho phu nhân thêm chút brandy anh đào chứ, thưa phu nhân?” Leda quay sang Phu nhân Whitberry, sẵn lòng làm bất cứ việc gì để cắt đứt sự chú ý.

Như một guồng quay đồng hồ đáng tin cậy, Phu nhân Whitberry lao vào một bài diễn thuyết về thứ rượu ngâm trái cây độc hại, những cơn khó tiêu, và đặc biệt là hậu quả không tốt của rượu brandy anh đào. Phu nhân Tess ngồi tại ghế với sợi dây chuyền sáng lấp lánh quanh cổ. Ngài Ashland bắt chuyện với Ông Gerard về những thay đổi mới của thành phố New York, một chủ đề mang tính chất trung lập được lựa chọn cẩn thận để khuyến khích nhóm người trở lại với câu chuyện trước đó của họ.

Leda đã nghĩ trong thoáng chốc rằng Ông Gerard sẽ tìm một lí do để cáo lui, nhưng cuối cùng chính cô mới là người không thể giữ được vẻ vô tư thông thường. Cô có một thôi thúc rầy rà là bật khóc—vì ai, cô không biết. Nhưng khi có lý do để cáo từ và lui về phòng, cô chộp ngay lấy nó với sự hối hả thiếu nhã nhặn.

Cô ngồi trong phòng đến khuya, đọc đi đọc lại cuốn *Miêu tả và Những nét khác lạ của Văn hóa Nhật*, một lần nữa cố gắng tìm một món đồ đặc biệt để tặng anh nhân dịp Giáng sinh. Một món quà đơn giản, ý nhị, nhiều tầng nghĩa. Nó không nhất thiết phải đắt tiền. Không có món quà truyền thống nào như đồng năm yên mà cuốn sách đã đề cập là đắt tiền, nhưng không hiểu sao ý tưởng tặng anh một vỏ bào ngư còn muối lại không hấp dẫn cô, cũng như một miếng táo biển khô như một biểu tượng của niềm vui và hạnh phúc, ngay cả khi nó được bọc trong cái quạt giấy nhỏ màu trắng đỏ như cuốn sách đã minh họa. Cô thật sự không thể hình dung ra cảnh tặng anh sò hay táo, kể cả khi giả sử cô có thể tìm được chúng.

Tuyệt hơn sẽ là một cặp cá chép Nhật đuôi dài như trong hình, nhưng món quà này lại không có cách nào tìm được. Cô cuối cùng cũng từ bỏ việc lật dở từng trang và vào giường, dù cô trần trọc rất lâu, gối ôm sát dưới cằm.

Một lúc nào đó trong đêm, rất lâu sau khi căn nhà đã yên ắng, cô cảm nhận được anh. Không có một âm thanh nào để minh chứng, không có bóng dáng một cử động nào mà cô có thể thấy. Cô chỉ tự huyền hoặc rằng anh đang ở đó.

“Ông Gerard.” Cô ngồi dậy.

Không có ai đáp lại.

Cảm giác chút lạ lẫm khi nói chuyện với căn phòng hầu như trống không, nhưng vì không có ai để nghe cô nói, nên cô lại lên tiếng. “Tôi hy vọng ngài không quá thất vọng với Tiểu thư Kai.”

Cũng không có ai trả lời. Cô vỗ gối phồng lên chỗ đầu giường, dựa vào đó. Căn phòng hoàn toàn tối tăm.

“Tôi ước mình có thể tặng ngài cá chép.” Cảm giác thật khoan khoái khi nói chuyện với bóng đêm trong khi hình dung anh đang ở đây. Khi nói những điều mà cô sẽ không có can đảm để thổ lộ trực diện. “Tôi không tin Tiểu thư Kai sẽ nghĩ đến chuyện tặng ngài cá chép đuôi dài. Tôi cho rằng chúng không thực tế như những chiếc khăn tay. Nhưng tôi nghĩ chúng hẳn rất đáng yêu. Tôi muốn được nhìn thấy một con cá chép đuôi dài, vào một ngày nào đó.”

Cô co chân lên và vòng cánh tay xung quanh, tựa má lên đầu gối, xây những tòa lâu đài trong mộng.

“Thật sự, tôi muốn một khu vườn riêng, với một hồ cá có cầu bắc qua, đầy cá chép với những chiếc đuôi như lụa. Ngài có bao giờ nghĩ đến những thứ như thế không, Ông Gerard? Tôi thắc mắc các quý ông thì nghĩ về chuyện gì?” Cô nghiêng ngả câu hỏi, rồi tự trả lời. “Những khó khăn chính trị, tôi nghĩ vậy. Làm một người đàn ông hẳn phải rất mệt và chán.”

Cô nhìn đắm đắm vào bóng tối mịt mù. Cô biết phái nam cũng có ích trong vài trường hợp, nhất là khi xách giùm bưu phẩm, hoặc khi khám phá ra đột mái nhà hay nghẹt ống khói, nhưng tất cả quý bà quý cô ở Phố South đã khuyên không nên cho một người đàn ông ở trong

nhà. Hãy cứ biết rằng anh ta lúc nào cũng sẽ để lại dấu vết vì quên tháo bột mặc cho mọi cố gắng dạy bảo.

Đàn ông là một bí ẩn: vừa dữ dội vừa đem lại cảm giác yên bình, vừa hay lảng tránh vừa thẳng thắn, đầy những đam mê kỳ lạ và những thay đổi.

“Ông Gerard...” Cô thì thầm—e sợ, thậm chí khi chỉ có một mình trong đêm tối, phải hỏi điều đó. “Sao ngài lại chạm vào tôi? Sao ngài lại nhìn tôi như thế trong gương?”

Cô nghĩ đến những điều mà các quý bà quý cô ở Phố South đã cảnh báo. Cô không nghĩ họ có bao giờ gặp được một người như Ông Gerard. Cô áp hai bàn tay vào nhau và thú nhận với con người tưởng tượng trong bóng tối điều mà cô thậm chí còn không thừa nhận với bản thân.

“Tôi ước ngài làm thế lần nữa.”

Cô lấy ngón tay che miệng, sững sốt. Nhưng điều ước là thật lòng, rất thật, một khi cô đã đặt tên cho sự khắc khoải và nỗi đau trong cô, cho cảm xúc dường như đã giữ nước mắt và tiếng cười rất gần đến mức bộc lộ mà cô không biết thứ nào sẽ bật ra khi gặp một khủng hoảng dù rất nhỏ. Cô không chỉ ngốc nghếch mà đem lòng yêu Ông Gerard, cô còn mong anh chạm vào cô.

Đó có vẻ là một tình huống thật ngu ngốc và mất phẩm giá đến mức cô ôm một cái gối vào người, cảm thấy nước mắt nóng nóng ngấn lên và chảy dọc xuống má ngay lúc đó. Cuộc đời hóa ra thật cô đơn làm sao, đối với một phụ nữ nhã nhặn và tinh tế và không thân thể, một phụ nữ mà thật ra chẳng thuộc về bất cứ đâu.

Chương 25

Tôi ước ngài làm thế lần nữa.

Samuel đứng yên lặng, bất động, cảm dỗ vây quanh anh như một áp lực hữu hình. Anh thấy trong bóng tối bằng mắt và bằng tâm; anh có thể nhắm mắt mà vẫn cảm nhận được nước mắt của cô.

Anh không hiểu vì sao cô lại khóc. Trong lúc đó anh nghĩ mình không biết bất cứ điều gì ngoài thôi thúc đáp lại cô. *Tôi ước...* cô đã nói thế, và mặt đất vững chãi rời bỏ anh; đất dưới chân anh tan rã.

Cô bất chợt ngồi dậy, giật mình, một tiếng sột soạt vội vàng của khăn trải giường. “Ông Gerard phải không?”

Anh ngửa đầu ra sau. Làm sao anh có thể nghĩ cô sẽ không cảm thấy anh ở đây? Anh tỏa ra dục vọng. Anh bị nó thiêu đốt như một cuộn lửa phừng phừng, một ngọn đuốc vô hình trong căn phòng lúc nửa đêm.

Cô nhanh chóng khụt khịt, một âm thanh bị đè nén khi cô cố gắng che giấu. “Tôi biết ngài ở đây.”

“Tôi ở đây,” anh nói.

Cô bật ra một tiếng la nhỏ, rớt lại vẫn ngạc nhiên vì giọng anh. Anh nghe tiếng cô thở, nhanh và nhẹ.

Một khắc dài trôi qua. Chẳng có gì suy suyển.

“Vì sao?” Cô nói rất khẽ. Câu hỏi lơ lửng, thì thầm trong không khí ngưng đọng.

Samuel khép mắt. “Tôi không biết.”

Nhưng anh biết.

“Ôi trời ơi.” Giọng cô hơi run rẩy. “Tôi cho là ngài đã ở đây được một lúc rồi. Ngài đã nghe tôi nói. Thật vô cùng xấu hổ làm sao.”

Ở đó trong bóng tối, cô gần như có thể khiến anh mỉm cười.

Cô khiến anh khát khao với tay chạm vào cô, cuốn tóc cô vào tay anh.

A, không...nhưng anh không được làm thế. Anh sẽ dẫn lại ngọn lửa đen cháy trong mạch anh, ngọn lửa làm anh ô nhục và cháy sém.

Từ giường vang lên tiếng di chuyển. Chân cô chạm sàn, một sự rung động mà anh cảm nhận hơn là nghe thấy. “Tôi thật sự nên tìm áo khoác ngoài, nếu ngài muốn trò chuyện.”

Cô đứng lên, mái tóc bông bênh và hương thơm nồng ngái ngủ, sự ấm áp của cơ thể nữ giới bên dưới tấm chăn. Anh có thể đã tránh đường cho cô. Nhưng ý chí và hành động của anh đã tách ra thành hai miền khác biệt. Anh đứng như bị cắm vào đất, với một đời đau thương rạn nứt, và để cho cô va thẳng vào anh.

Mặc cho bàn tay cô giương ra để tìm đường trong bóng tối, cô vẫn tới sát lồng ngực anh như đụng phải một bức tường. Anh nắm lấy cánh tay cô, truyền cho cô sự thăng bằng. “Tôi không muốn trò chuyện.”

Giọng anh trầm và thô ráp. Trong anh là sự hỗn loạn.

“Ồ.” Cô đứng yên trong tay anh. “Vậy thì là gì?”

“Điều mà cô muốn. Cô đã nói.”

Cô ngẩng mặt lên. “Cá chép ạ?”

“Ôi, lạy Chúa.” Anh khum lấy hai má cô, nghiêng đầu về phía miệng cô. “Cái này. Tôi muốn cái này.”

Môi anh chạm phốt lên môi cô. Một sức nặng trĩu anh xuống, một áp lực khôn cưỡng. Kai— còn Kai; còn phần mà anh đã tôi luyện trí tuệ và cơ thể anh. Anh không thể làm thế này. Đây là sự hủy diệt.

Anh không biết làm thế nào để hôn một phụ nữ. Anh nghĩ mình nên áp chiếc môi đóng kín vào môi cô, nhưng sự tiếp xúc đó tước đi khả năng chống cự của anh, sự mềm mại của má cô truyền những luồng run rẩy không tiếng động dọc xuống người anh. Anh mở miệng, hít vào, hấp thụ hương của cô vào sâu trong anh khi anh nếm khoe môi cô.

Cơ thể cô run rẩy. Anh nhận thấy màu đỏ trong cô, một hơi ấm vượt ngoài ngưỡng của thị giác trong bóng tối. Cô đưa hai bàn tay lên giữa hai người. “Tôi cho là—tôi cho là ngài hẳn rất đau khổ vì cách sợi dây chuyền được đón nhận?”

Anh chẳng có lòng dạ nào để tâm đến sợi dây chuyền. Đường như chỉ còn một bước nữa trên con đường xô đẩy anh.

“Tôi dám nói—rằng đó là lí do ngài ở đây.” Giọng cô nghe hỗn hển và yếu. “Tôi đã có thể ước—ngài đã không quá háo hức tặng món quà đó. Tôi đã khuyên—rằng—ôi trời ời. Ông Gerard.”

Sao cô có thể tưởng đó là lí do anh ở đây? Anh đứng ôm cô, nếm cô, cảm thấy sự bối rối của cô, biết rằng anh là một phần của bóng tối trong bộ y phục màu xám đen. Anh ngờ cô có thể thấy anh—và đột nhiên anh buông cô ra, vuốt một tay lên tay kia trong màn ảo thuật quen thuộc, và tạo ra ánh sáng trong lòng bàn tay đang mở, màu xanh không hơi ấm, như lân tinh đại dương thắp lên vẻ hoang mang trên gương mặt cô, hai tay áo phồng và những chỗ xếp nếp trên chiếc váy ngủ trắng.

Anh cảm giác lơ lửng khi dâng tặng bản thân mà không che giấu, không có bóng tối để che chắn anh.

Cô ngậy người nhìn hòn đá tròn trong tay anh một lúc, rồi nhìn lên anh. Trong ánh sáng siêu linh cô có vẻ ngạc nhiên, và còn đáng yêu hơn anh có thể tưởng tượng, vẻ đẹp lộng lẫy của mái tóc buông dài và sự mượt mà của đường cong trên khuôn mặt, cô là tất cả những giấc mộng bị ngăn cấm của anh hóa thân thành hiện thực. Anh hối tiếc ánh sáng lúc đó; anh sẽ làm cô sợ, một dũng sĩ đen được gọi lên từ đêm tối: điều mà anh khao khát quá hiển nhiên, không ngượng ngùng mà cũng không nhẹ nhàng.

“Ồ,” cô nói trong một giọng khẽ khàng, ai oán. “Ngài không nên ở đây. Tôi e chuyện này vô

cùng ngu ngốc, Ông Gerard. Đây hẳn là hành động hết sức khờ dại.”

Anh nhắm mắt, nắm tay xiết chặt quanh hòn đá. “Hãy cho tôi ngủ với cô,” anh thì thầm.

“Tôi không tin...điều đó có vẻ không...nó thật sự sẽ không—” Cô nghe như đang ngơ ngác. “Với tôi ư?”

Anh với tay, vuốt ve gò má cô bằng lưng bàn tay đang khép chặt, ánh sáng chỉ lơ mờ tỏa ra từ kẽ ngón tay anh. “Ngay tại đây. Ngay bây giờ.”

Cô do dự, như thể cô không hoàn toàn hiểu ý anh. “Tôi dám nói ngài đang mệt vì thức khuya thế này, nhưng—”

Anh ôm lấy cằm cô và nâng nó trên nắm tay. “Tôi không mệt.”

“Ồ.” Cô nhìn lên mắt anh. “Ồ...ngài thân mến, có phải là ngài cô đơn không? Nếu không phải lúc này là giờ bất tiện thì tôi đã cho gọi trà.”

Cô đơn. Chúa ơi. Quá nóng và mãnh liệt và đơn độc.

Anh xòe bàn tay, và ánh sáng nhọt nhọt tô màu cô trong một thoáng khi anh quét môi lên cổ cô. Hương thơm của cô là hương tinh khôi của nữ giới, của phấn và hoa, và hơi nóng bên trong cơ thể cô: sâu hơn, khiêu khích, một ngọn lửa bập bùng bắt cháy và đượm lên trong anh.

“Ồ—ngài không nên.” Giọng cô lặp lại điều anh đã biết; hai bàn tay cô khẽ run khi cô đẩy nhẹ một cách vô ích lên vai anh. “Thế này thật không—đứng đắn.”

Nó không đứng đắn. Nó điên rồ. Nhưng anh không trả tự do cho cô. Anh khép cánh tay quanh eo lưng cô, kéo cô vào anh. Cổ áo lụa quét qua thái dương anh. Anh để viên đá phát sáng rơi xuống sàn khi tóc cô đung đưa ra sau như một bức màn nặng trĩu lên tay anh. Sự kích động nhận chìm anh. Anh đã mừng tượng tóc cô như thế khi lần đầu anh thấy cô trong ánh sáng ban ngày ở tiệm may váy; khi anh cúi xuống và nhặt một tin nhắn có vòng hoa gửi cho cô và hiểu ra ý nghĩa đằng sau nó.

Anh ấn vào một lực khó nhận thấy, buộc cô đi lùi về phía giường. Cô không phản kháng, lưỡng lự và dễ điều khiển, sự khuất phục của cô nói cho anh biết cô thậm chí còn không nhận thấy lực đẩy.

Tới mép giường, sự thành thạo của anh chấm dứt. Không phải khao khát của anh, không phải thị lực của anh, không phải cảm giác có cô áp vào giữa cơ thể anh và chiếc giường khi chân anh tấn mạnh vào khung gỗ. Anh thở sâu, thiếu điều hòa, thiếu kiểm chế trong hành động, ở bờ vực của một khoảng không hung tợn đe dọa nuốt chửng tất cả. Anh kiểm soát bản thân vô cùng nghiêm khắc, tựa trán lên đường cong ở cổ cô.

“Tôi sẽ không làm cô đau,” anh thì thầm.

Trung thực tuyệt đối, Dojun đã nói thế.

“Vâng,” cô nói. “Tất nhiên ngài sẽ không làm tôi đau.”

Sự tin tưởng hồn nhiên của cô đập tan sức lực của anh. Cô không thể tin anh được; anh đang nói dối, anh biết điều đó, nhưng anh vẫn sẽ không buông cô. Anh từ bỏ mười sáu năm thương tích cùng mồ hôi và mơ ước, chậm chậm khuyyu gối khi anh kéo cô vào người mình. Anh áp khuôn miệng để ngỏ lên cơ thể cô, chạm vào đường cong dưới ngực cô. Vải lạnh còn lưu hương và hơi nóng của cô, trượt lên làn da cô bên dưới lưỡi anh, hứa hẹn sự mượt mà đằng sau.

“Ôi...Ông Gerard.” Câu phản kháng không hơn một hơi ấm trong không khí đêm.

“Cô đã nói là cô muốn.” Anh trượt hai bàn tay xuống dưới, ôm chặt quanh eo cô. Anh đã mơ về điều này; mơ về nó suốt cả ngàn năm.

Giọng cô chứa đựng sự ngạc nhiên u ẩn. “Tôi cho rằng...vì mẹ tôi là người Pháp...”

Bàn tay cô đặt trên tóc anh. Anh xoay đầu và hôn lên lòng bàn tay cô. Cô nắm nó lại, và anh hôn lên mặt sau những ngón tay.

Anh cảm nhận được sự tĩnh lặng trong cô. Và rồi: thật nhẹ...âu yếm, cô kéo một lọn tóc của anh qua kẽ ngón tay.

Anh phải dùng tất cả sức lực mình có để kiềm nén sự dữ dội trong anh. Anh chạm vào cô như thể cô sẽ tan biến trong tay anh, một sự tiếp xúc thoáng qua trong khi điều anh muốn lại là ôm xiết cô, một cái phớt của tay anh lần theo dáng hình cô, những đường cong bên dưới đôi gò bồng đảo, chỗ nở nang của hông cô. Anh cảm thấy mình quá nóng và mãnh liệt đến mức anh sợ sẽ làm cô kinh hãi nếu anh không dẫn lại hành động của mình.

Từ khi anh đủ khôn lớn để ghi nhớ, anh chưa từng chạm vào một phụ nữ lâu đến thế. Cuộc đời của anh đã là những cái ôm chầm mau mắn rồi buông của Kai, hay vòng tay ngăn ngủi mà dịu dàng của Phu nhân Tess. Sự ngọt ngào của vòng ôm này khiến anh ngỡ ngàng; một cách ngỡ ngàng anh cảm thấy gần rơi nước mắt vì sự ấm áp của cô tựa vào mặt và dưới hai tay anh.

Anh muốn nói với cô, nhưng anh không có từ nào để diễn tả. Anh muốn bảo *Ấm áp, mỏng manh, mềm mại; tóc em, mái tóc đẹp của em buông lơ lửng, tay em, eo của em...em có hiểu không? Tôi sẽ không làm em đau. Tôi không muốn làm em đau. Tôi không còn sức sống nữa.*

Bàn tay cô ôm quanh gáy anh. Anh cảm nhận được nhịp thở của cô, sự nâng lên và hạ xuống của ngực cô bên má anh.

“Tôi e chúng ta đang hành xử vô cùng sai trái.” Bàn tay cô hơi thất lại. Cô nhắc một lọn tóc của anh, trượt nó qua những ngón tay mình, rồi vuốt nó ra sau. “Nhưng...ngài thân mến...tôi cũng có chút cô đơn.”

“Leda.” Anh chỉ có một tiếng thì thầm khản đặc để đáp lời cô. Từ từ, thật chậm để không làm cô sợ, anh đứng lên. Một sợi dây nơ trên áo ngủ của cô thắt lại ở cổ; anh quấn sợi dây quanh ngón trỏ và tháo nơ. Bàn tay anh trượt xuống dưới—anh những tưởng sẽ có những khuôn nết như sơ mi của đàn ông, nhưng chẳng hề có: ngón tay anh vướng phải những móc gài lỏng lẻo bằng sa-tanh bung khỏi những hạt nút ngọc trai tí hon mà không hề bị cản trở, mở ra đến gần eo cô.

Cơ thể cô cứng lại khi anh tháo móc gài. Phần cuối đường xẻ ngăn tay anh lại; anh nắm chặt tay vào lớp vải.

“Đừng sợ tôi,” anh nói một cách dữ dội. Những cơ bắp của anh căng thẳng; cơ thể anh cảm giác thật xa lạ, như thể anh đang di chuyển trong một bộ giáp nặng nề.

Cô nhìn đăm đăm lên anh. Anh có thể thấy cô đang dần mất can đảm, thấy—Chúa ơi—rằng cho đến tận khoảnh khắc đó cô đã không thật sự hiểu ý anh—rằng không biết bằng cách nào cô lại không nghĩ đến điều đó, cô sẽ yêu cầu anh ngừng lại; câu từ chối anh đã dâng đến môi cô.

Anh sẽ không để cô làm thế. Anh bao phủ miệng cô bằng miệng mình, một nụ hôn không có quãng ngừng để ngăn câu nói đó, kéo cô vào anh bằng bàn tay xòe ra trong tóc cô. Anh phá vỡ lời hứa của mình nhanh thế đấy; nụ hôn làm cô đau—anh biết, bởi vì sự dữ dội của nó đủ sức làm môi anh thâm tím. Anh biến mình thành chất xúc tác, tạo ra sự chi phối, một lực được điều khiển để khiến cô mất thăng bằng và đưa cô nằm xuống giường cùng với anh.

Mái tóc cô xõa ra khắp mặt. Cô đẩy hai tay lên vai anh. Anh lơ lửng phía trên cô, thở hào hển, bản năng và ký ức và ham muốn thúc đẩy anh. Cơ thể anh áp sát vào cô, cảm giác tinh tế, thật gần, rất gần đến mức bùng nổ, hai chân cô xếp dọc theo chân anh với chỉ những lớp vải mỏng chắn giữa hai người.

Viên đá mang ánh sáng mờ khó nhận thấy hắt lên đường nét căn bản của căn phòng. Cô nằm mà mắt mở to trong bóng của anh, ngăn anh lại.

Sức mạnh của cô anh có thể chinh phục chỉ trong một khắc, và họ đều biết điều đó. Nhưng cô nhìn lên anh với vẻ nghiêm nghị tuyệt vọng, xộc xệch mà vẫn đoan trang. “Tôi dám chắc—thưa Ông Gerard—ngài sẽ ân hận vì cư xử đáng hổ thẹn.”

Anh đã có thể cười vào lời khấn khoản danh dự của anh trong lúc đó. Nhưng gương mặt cô...trên gương mặt cô anh thấy sự nghi ngại cùng lòng tin và tác phong đứng đắn, một lòng trông cậy vào anh...và sự can đảm thuần khiết: cử chỉ anh dũng của những sinh vật nhỏ vô phương tự vệ trong khi đối mặt hiểm nguy.

Trong cơn yếu đuối của mình, cô khuất phục anh. Anh không thể tiếp tục, mà cũng không thể thả cô ra.

Anh hạ người xuống với hai cánh tay choàng quanh cô, run lấy bầy, mặt vui bên tai cô.

Leda nằm không hề phản kháng trong vòng tay anh. Anh rất nặng, và ôm cô thật chặt, nhưng điều đó không hiểu sao lại có vẻ đầy chở che chứ không hề gây khó chịu. Sau một lúc lâu, cô cảm nhận được sự căng thẳng trong hai cánh tay anh giảm dần; anh di chuyển, nằm sang bên cạnh cô, vẫn còn ôm cô nhưng không quá chặt nữa. Cả hai không ai lên tiếng.

Cuối cùng cô trôi dạt rồi thao thức trong một giấc ngủ kỳ lạ, lúc nào cũng giật mình khi thấy anh ở đó, lúc nào cũng thấy hài lòng và rồi lại bối rối. Cảm giác thật khác thường. Thật ra thì còn khá là tuyệt vời.

Theo một cách mơ màng nào đó thì cô hiểu; anh đã yêu cầu được ngủ với cô, và ai lại nghĩ điều đó còn hơn là một giấc mơ lạ lùng? Ai lại nghĩ nó có thể hả dạ đến thế? Cô nằm ở một góc không quen ngang qua giường mà không có gối—thức dậy để thấy mình vùi trong hơi ấm, rùng mình vì lực ấn cứng rắn của cánh tay anh dưới đầu cô. Bất cứ khi nào cô giật mình thức giấc như thế, anh lại di chuyển tay mình, vuốt tóc cô ra sau trong một cử chỉ vỗ về, và dường như điều tự nhiên phải làm là rúc sâu hơn vào vòng tay và cơ thể anh để trở lại với giấc ngủ.

Viên đá lạ đã mất đi ánh sáng từ lâu—tất cả như một giấc mơ vào lúc tia sáng le lói nhất của bình minh rọi vào phòng.

Thức tỉnh từ một giấc ngủ sâu, ấn tượng đầu tiên của cô khi còn ngái ngủ là khối đen bên cạnh cô, quá tối để có thể nhận biết hình dáng hay chi tiết. Rồi cô phân biệt được, biết đó là đường nét của chân anh, bề dài của lồng ngực, cánh tay anh cong lại quanh cô. Cô chớp mắt mở mắt.

Anh quan sát cô. Từ cách cô sáu phân, cô có thể thấy hàng lông mi đen của anh rồi lại ở đuôi mắt. Đôi mắt anh màu xám mờ, như vành đai xa nhất của bình minh mùa đông, nơi ánh sáng sao chuyển sang ngày.

Từ sự tỉnh táo của anh, cách cô được che chắn khỏi cái lạnh bởi cơ thể anh—mà cô biết, bằng cách nào đó, rằng anh đã không hề chớp mắt.

Cơn hốt hoảng bất chợt tóm lấy cô. Cô nhớ lại một chuyện đã xảy ra rất lâu từ những ngày cô còn đi học—một cô hầu và người tình vụng trộm—câu chuyện mà bác bếp đã thì thầm với người đưa than. *Áng ngủ với hắn*, bác bếp nói thì thầm. *Đừng nghĩ con đàn bà lẳng lơ đó chưa làm.* Và không lâu sau đó cô hầu bị đuổi trong cảnh rầy rà mà Cô Myrtle nhất quyết không giải thích.

Leda nhìn chăm chăm vào đôi mắt xám sẫm của anh.

Cô đã ngủ với anh.

Lạy Chúa.

Trong đêm qua cô đã cảm giác mình được cứu rồi—tảng sáng cô biết mình mất mát còn nhiều hơn những gì Cô Myrtle từng dặn cô đề phòng. Anh ở trong phòng cô. Anh đã chạm vào

cô. Cởi áo ngủ của cô. Anh đã hôn cô theo cách chẳng người đàn ông nào hôn một phụ nữ đáng kính. Cô đã ngủ với anh.

Cô run lên dữ dội. Cánh tay anh đặt trên vai cô; anh ôm chặt bàn tay lên cổ cô trong một khắc, rồi xòe tay và trượt những ngón tay vào tóc cô. Những lọn tóc màu gụ rời khỏi tay anh. Anh nhóm dậy trên một cánh tay.

Thánh thần ơ. Thế là đã xong—thế mà thật ít ỏi! Cô đã ngủ với anh. Và cô không cảm thấy khác lạ; không tệ hơn, không tốt hơn—hay thậm chí là hổ thẹn vì điều đó, không trong trái tim cô.

Muộn màng, trong khi anh đang di chuyển ra xa, cô nhận ra anh định bỏ đi. Chẳng vì lí do gì, chẳng với một ý nghĩ thực tế nào trong đầu, cô với tay và nắm lấy cổ tay anh.

Anh quay lại nhìn cô với một sự chăm chú đến giật thót tim, trở nên bất động trong ánh sáng nhẹ của ngày mới. Cô lại nghĩ đến những á thần, những thượng đế cô độc được sinh ra từ núi, trời và biển.

Cô ngồi lên, bàn tay đặt trên cánh tay cứng rắn của anh, không biết nên nói gì.

“Tôi đã không nên ở lại.” Giọng anh gay gắt. “Tôi xin lỗi. Cô đã ngủ quên.”

Dây thắt giữ áo ngoài màu đen của anh đã lỏng ra. Cô thấy phần cuối chân cổ anh và lồng ngực cong. Một vật gì đó lấp lánh bên trong những nếp gấp của lớp vải đen. Một thứ vũ khí... mãnh lực và sự thanh tao; anh là bậc thầy ở cả hai phương diện—và không hiểu sao cô lại muốn với tới, kéo anh vào vòng tay và ôm anh vào sát tim cô.

“Ngài đã không chộp mắt,” cô nói.

Anh bật ra một tiếng cười chua chát và nhìn tránh đi chỗ khác. “Không.”

Cô không muốn anh đi. Ngày mới đang tới; cô không muốn nó đến. Điều mà cô sẽ làm, điều mà cô sẽ nói, cuộc đời sẽ thay đổi biết bao...nó vẫn có vẻ như một chuyện không tưởng. Cô đã ngủ với một người đàn ông. Anh đã hôn cô.

Cô không hề cảm thấy tội lỗi một cách đúng mực. Cô cảm thấy—thật nữ tính. Một chút e thẹn và xáo động. “Ngài phải đi ư?”

Mắt anh ngược lên. “Sao tôi nên ở lại chứ?”

Sự gay gắt trong giọng anh khiến cô bối rối. Cứ như anh đang đổ lỗi cho cô vì một việc gì đó. Cô thăm ướm môi và xòe bàn tay khắp bắp tay anh, trượt những ngón tay lên lần vải, cảm nhận được sức mạnh bên dưới.

Cơ bắp anh co giãn dưới lòng bàn tay cô. “Hãy nói được hay không.”

“Được,” cô nói. “Hãy ở lại.”

Anh không di chuyển lại gần cô, cũng không nhích ra xa. “Tối qua...cô nói được. Cô nói cô muốn thế. Rồi—Chúa ơi.” Anh thở phà ra gay gắt.

Cô đỏ mặt vì câu đề cập trần trụi đến tối hôm trước. Tay anh đặt trên người cô, miệng anh. Cô nên thấy hổ thẹn, thế mà cô lại cảm thấy...hãnh diện. Kích động.

Ôi, thế này là cảm giác khi là một phụ nữ lãng loãn? Một kẻ buông thả? Khi thật ích kỷ vì vui mừng khi anh đã đến với cô trong lúc cô đơn chứ không phải Tiểu thư Kai?

Cô không thể khiến mình bạo dạn một cách thiếu tế nhị được, ngay cả khi đã bị xếp vào hàng ngũ hư hỏng. Thật sự, cô dường như không thể nghĩ về bản thân theo cách đó: như một trong những cô gái bán hàng nhếch nhác đá lông nheo với tài xế lái xe và hét to, “không có nụ hôn nào cho em sao, ông tướng?”

Hai điều đó chỉ cảm giác không giống nhau, cảm giác khi cô ước Ông Gerard hôn cô lần nữa.

Cái lạnh trong phòng thấm qua áo ngủ của cô, giờ khi cô không còn được che chắn bởi sự kề cận của anh. Cô nhích người, kéo khăn phủ giường nhồi lông đắp quanh vai, và nhìn sang anh đầy hy vọng. “Trời lạnh quá, ngài không nghĩ vậy ư?”

Cô áp khăn phủ giường lên miệng, hé mắt nhìn bên trên để xem anh có hiểu gợi ý của cô.

Anh ngồi không động đậy, tựa lên một tay. Nhưng anh cũng không nhích đi.

Cô trở nên liều lĩnh rồi đại trước khuyến khích ít ỏi đó. Ngập ngừng, cô với tay chạm vào tóc anh. Cô vuốt ngón tay xuống gò má anh, mê mẩn bởi những sợi râu ngắn sam sảm. Đêm qua—đêm qua có như thế không nhỉ? Thật là khác thường; hóa ra đàn ông có thể trở nên lôi cuốn đến lạ lùng như thế. Cô nhớ lại Bà Wrotham đã bảo quản rất cẩn thận dao và chổi cạo râu của người chồng quá cố trong một cái hộp bằng gỗ hồng sắc. Những đồ vật cá nhân, chẳng có ý nghĩa đặc biệt nào, chẳng có chút thực tế rõ ràng nào đối với Leda cho đến tận lúc này.

Cô đã luôn có chút thắc mắc lí do vì sao quý bà luống tuổi hòa nhã ấy lại trân quý một con dao cạo, trong khi lại sử dụng cuốn sách về mẫu tự được nhiều người đánh giá cao mà Ông Wrotham đã viết để làm cái chặn cửa. *Bởi vì điều này*, giờ đây cô nghĩ. Bởi vì trong chỉ một vài giờ đồng hồ ngắn ngủi, gương mặt người đàn ông sẽ có cảm giác khác đi.

Cô cắn môi, bất chợt dâng trào cảm xúc: cảm thông với Bà Wrotham dịu dàng hay xúc động đã trân trọng con dao cạo của chồng bà; một tình cảm âu yếm khó giải thích dành cho người đàn ông đã không cử động dưới cử chỉ vuốt ve do dự của cô, người mà phản ứng duy nhất là một sự run rẩy tận sâu bên trong, một chuyển động bên trong sự tĩnh lặng.

Cô cúi người tới trước, chạm môi lên khóe miệng anh, như anh đã làm với cô. Nam tính: lưỡi cô nhận thấy anh vừa trơn láng vừa nham nhám, với một mùi hương ấm nóng. Cô mở miệng để thưởng thức nhiều hơn nữa, và đưa hai bàn tay lên để khám phá tóc anh.

Chấn động trong anh lớn dần thành sự cứng rắn. Anh bóp chặt vai cô với một âm thanh thô bạo. Anh xoay mặt về phía cô, tước đoạt môi cô.

Trong một thoáng cô chẳng cảm thấy gì khác ngoài một sự phấn khích đang lớn dần. Rồi sức mạnh của anh chế ngự cô, buộc cô ngã ra sau và rơi xuống gối. Anh tìm trong những khăn trải giường lộn xộn, kéo váy cô lên; nắm tay anh rối tung trong tóc cô, ôm ghì cô khi anh hôn lên mặt cô: tất cả mọi nơi trên gương mặt cô, cổ họng, dọc theo áo ngủ của cô.

Anh khiến cô sửng sốt. Cô không có lấy một khắc để phản kháng trước khi cả sức nặng của anh đè lên cô, đẩy cô lọt thỏm xuống giường. Chân anh ấn mạnh vào giữa hai chân cô, cơ thể anh ép sát vào đùi và bụng cô, bàn tay anh giật và kéo lớp vải ở giữa họ—rồi hơi nóng của làn da trần chạm vào nhau ở nơi sâu kín đáng kinh hoàng nhất—và một thứ gì đó—thứ gì đó nữa—gì thế nhỉ?

Anh hành xử như thể anh sẽ dùng cơ thể mình để áp đảo cô, nhịp thở của anh hoang dã và hỗn hển trong tai cô, những cử động của anh khơi lên cơn sóng của một kích thích trêu ngươi, lạ thường từ chỗ đáng xấu hổ nơi anh ấn vào cô. Cảm giác rần rật xộc vào cô: một khoái cảm dâng trào, tích tụ lại, kéo căng những cơ bắp của cô, khiến cơ thể cô uốn cong về phía anh thay vì theo hướng ngược lại.

Anh nhắc mình trên hai bàn tay. Trong một lúc cô nhìn lên anh, môi há ra thất vọng—và rồi điều anh làm tiếp theo khiến cô kinh ngạc. Khoái cảm khác thường từ cử chỉ ép vào của anh bắt đầu gây đau—cô bật lùi xuống giường trong sự lẩn tránh theo bản năng, nhưng anh dường như không nhận ra; mắt nhắm; anh thúc sát vào cô—*trong* cô!—bằng một cử động mạnh, một cú đâm hung hãn vào một nơi mà cô thậm chí còn không biết gọi tên thế nào.

Và nó đau. Nó khiến cả hai đều đau, vì khi cô bật ra tiếng thở gấp chói tai, anh ngửa đầu ra sau và toàn bộ cơ thể anh giật mạnh và run bắn lên. Một âm thanh như tiếng rên rỉ đau đớn rung trong cổ anh. Anh giữ mình phía trên cô, đẩy vào trong cô, những múi cơ trên vai và cánh tay và ngực anh căng cứng.

Leda nhận ra mình đang bật lên những tiếng động nhỏ sợ hãi với mỗi nhịp thở, những tiếng thút thít hoảng hốt, nén lại sự bàng hoàng và hoang mang. Khoảnh khắc của sự thô bạo tê liệt như kéo dài mãi mãi.

Anh thở ra một hơi hào hển. Cơ thể anh dịu lại khỏi sự căng thẳng cứng rắn trước đó. Anh nuốt không khí cứ như đang chạy hết tốc lực, hạ người lên trên cô với những đợt run rẩy mà cô có thể cảm thấy đang chạy khắp cánh tay anh, với những cái giật mạnh nhịp nhàng ấn anh vào trong cô với những co thắt nhỏ hơn.

Nó vẫn còn đau. Vô cùng khó chịu và bỏng rát tại nơi bí mật đó, nơi nối với anh. Anh không nhìn mặt cô, cũng không giải phóng cô khỏi trọng lượng của anh. Nhưng anh gác đầu lên gối bên cạnh tai cô, vuốt tóc cô, hết lần này đến lần này. “Leda,” anh thì thầm. “Ôi Chúa ơi, Leda.”

Và rồi cô hoảng loạn nghĩ: *Mình mới khờ dại làm sao.*

Đây mới là điều đó. Đây.

Giờ...giờ mình là một phụ nữ hư hỏng.

Anh biết cô đang khóc. Qua tiếng đập rầm rập của nhịp tim, anh cảm thấy hơn là nghe co giật nhỏ của từng tiếng thở rấm rứt.

Nỗi hổ thẹn và đam mê nuốt chửng anh. Trong tâm trí, anh đứng dậy và để cô lại, chấm dứt hành động xúc phạm này—ít nhất cũng kết thúc nó, khi mà anh không thể thay đổi nó được. Nhưng cơ thể anh chỉ khép lại quanh cô, hai cánh tay vòng ôm cô; chưa gì anh lại muốn di chuyển trong cô lần nữa.

Thay vào đó anh hôn cô và nói với cô, cố gắng an ủi cô khi anh thậm chí còn không biết mình đang nói gì. Anh hôn lên mắt cô và những giọt nước mắt trên má; anh hôn lên bờ vai trần nơi váy cô bị kéo xuống ôm chặt quanh cánh tay. Anh gọi tên cô, và thử nói rằng anh xin lỗi, để phân trần trong khi chẳng có lời giải thích nào ngoài bản thân anh. Anh không thể kiểm soát bản thân; anh không thể.

Cảm giác về cô thật...tuyệt vời. Mơn mớn và gợi tình bên dưới anh. Anh biết từ nước mắt của cô rằng anh làm cô đau, và anh hoang mang vì mình lại cảm thấy khoái cảm thấm thía đến thế.

“Ô!” cô thì thầm, như thể ngạc nhiên khi anh lại ấn vào cô lần nữa.

Anh nhóm dậy trên hai khuỷu tay, rúc môi vào má cô, lau khô nước mắt có vị mặn bằng lưỡi anh. Cô nhắm mắt khi anh hôn lên lông mi và lông mày của cô.

Hình ảnh cô với cái cổ để trần: làn da trắng và mái tóc xõa tung quanh gối...khêu gợi, kích thích, đầy say mê...khơi lại ngọn lửa đã cháy khắp mạch anh. Anh cố gắng dỗ dành cô, nhưng cử chỉ an ủi dần theo hướng nhục thể, những nụ hôn của anh mãnh liệt hơn và sâu hơn, ở những nơi anh khao khát được nếm.

Anh đưa tay xuống dưới ngực cô, đẩy lên, cúi đầu để thưởng thức sự mềm mại tròn trịa bên dưới áo ngủ. Một hồi tưởng sống động về cảm nhận của cô dưới lưỡi anh đêm qua khiến anh mở miệng lần nữa, liếm lớp vải lạnh trên da cô.

Cô bật ra một âm thanh khe khẽ, nửa như một tiếng phản kháng mơ hồ, nhích người bên dưới anh. Và rồi—anh cảm thấy một phần của cảm giác cứng nhắc rời khỏi cô, và một sự căng thẳng mới mẻ, mềm mại thế chỗ.

Lưỡi anh tìm thấy đỉnh ngực cô, xoáy tròn, thấm ướt vải lạnh. Cô làm một cử chỉ bất chợt hơn, một tiếng nức nở chóng vánh và một cái run rẩy bên dưới anh. Bộ váy mở hẳn ra, phơi bày đỉnh ngực cô trước anh: tròn và đẹp lộng lẫy, màu hồng đậm nổi trên nền trắng.

Ngọn lửa nồng trong anh bùng lên. Anh áp môi vào ngực cô trong khi đẩy mạnh hơn vào trong cô. Miệng anh mở, anh nồng cháy quét lưỡi lên cái nú nhỏ căng phồng. Anh cuốn nó vào giữa răng mình, và cô phát ra một âm thanh đáng yêu nhất mà anh từng nghe—một tiếng hỗn hển không phải vì đau.

Bàn tay kia của anh nâng lên để ôm lấy ngực còn lại, để mơn trớn và nắn nhéo cả hai, trong khi cô giữ mắt nhắm và bật ra những tiếng động nhỏ, thít nghẹn.

Anh biết điều gì làm cô đau: đó là sự xâm nhập của anh—và trong một nơi nào đó sâu kín và đòi bại trong anh, anh biết cử chỉ vuốt ve kia có thể xoa dịu cái đau. Những bài học xưa cũ, nửa quên lãng, từ một nơi bên trong mà anh căm ghét.

Nhưng cô đang uốn cong người bên dưới anh, đẹp vô cùng trong vẻ ấm áp hồng hào đến mức nổi hổ thẹn và cơn giận bị thiêu rụi, tan thành tro khi so với thực tại là cô trong ánh sáng màu bạc. Anh ôm cô và thúc sâu một lần nữa, với khoái cảm đổ tràn đến và khao khát dồn dập trong anh, đẩy anh lên đỉnh điểm.

Anh bắt đầu di chuyển mạnh hơn, mắt nhắm, bị kiềm giữ trong cảm giác càng lúc càng choáng ngợp. Lần này lâu hơn, nồng nhiệt hơn; mỗi cú đâm thêm vào đỉnh cao và hơi nóng đầy khoái cảm, cho đến khi anh quên cả thở...quên cả nhìn hay nghe hay nghĩ...quên tất cả ngoại trừ đam mê đang nhận chìm anh và bung ra trong cô như va chạm của bột thuốc súng bắt lửa.

Khi đã chấm dứt, hương và cảm xúc dường như gói trọn anh trong một giấc ngủ mê man kỳ lạ. Anh thấy cô nhìn lên anh bằng đôi mắt xanh khói đáng yêu đó, cứ như cô không thể tìm ra lời nào để nói.

Cảm xúc hỗn độn trong anh, sự thư thái và sung sướng và tình tri kỷ và những thứ không thể diễn tả được bằng ngôn từ.

Suy nghĩ sáng suốt không đến với anh. Anh chẳng muốn gì hơn được ngủ trong vòng tay cô.

Không ngủ được lâu. Anh không thể ở lại lâu. Một ý nghĩ le lói về Kai nổi lên trong đầu anh, nhưng anh thậm chí còn không thể bầu víu vào nó. Anh cảm thấy rã rời vì hạnh phúc, bởi sự hoàn thiện.

“Cô có ổn không?” Câu nói dường như bật ra một cách uể oải khi anh cúi đầu bên trên cô, môi gần chạm môi cô.

“Tôi không biết nữa.” Cô tỏ vẻ than vãn, như một đứa trẻ.

Anh thử nghĩ đến điều gì anh có thể làm để vỗ về cô, và biết mình nên đầu hàng trạng thái mê mẩn này thì hơn. Anh nhắc người đi. Cô khẽ nhăn mặt khi cơ thể còn cứng của anh trượt khỏi cô.

Anh hôn cô thật dịu dàng, hết đi từ niềm vui phấn khởi đến sự ăn năn rồi trở lại. Anh cảm

thấy nhu cầu cấp bách phải ngủ, và phải ôm cô sát vào anh. Tấm khăn phủ giường mà cô đã cuộn quanh mình lúc trước nhàu nhĩ quanh chân họ; khi anh di chuyển sang một bên, anh kéo nó lên người cô và một nửa lên người anh để chống lại cái se lạnh của rặng đông.

Anh nằm nghiêng, ôm lấy cô, một cánh tay vòng quanh eo cô, bàn tay đặt giữa ngực cô, tay kia bên dưới gối. Cô nằm im trong vòng tay anh một lúc, rồi nắm lấy tay anh. “Ngài thân mến,” cô nói, rồi bỏ lửng câu.

Đó là tất cả. Cảm giác mê muội chầm chậm trườn lên anh. Anh chìm vào bóng tối êm dịu mà không đáp lại lời cô, không biết liệu đó là một lời âu yếm hay buộc tội.

Anh mơ có ai đó đang gõ cửa.

Anh mở choàng mắt.

Ánh sáng chói lòa tràn ngập trong phòng, chiếu sáng mọi thứ: giường, Cô Etoile, mái tóc dày màu nâu mịn của cô và gấu tay áo đen của anh phủ lên khăn trải giường màu kem, như một phần của màn đêm đã bị bỏ lại phía sau.

Qua mái tóc xõa tung của cô, anh nhìn thấy cánh cửa. Anh thấy Phu nhân Tess đang đứng ở đó. Bà đang cầm một món quà được gói bằng giấy màu xanh trắng, thắt nơ đỏ.

Và anh biết cho đến suốt cuộc đời anh sẽ vẫn nhớ chiếc nơ đỏ. Màu đỏ đặc biệt đó, sắc xanh đó, kích thích và hình dáng chính xác của hộp giấy trong tay bà.

Một cú chột dạ muộn màng nảy lên trong anh, từ bụng lên đến đầu ngón tay, một cú sốc tâm lạnh, bất động được kiểm soát bởi mười sáu năm rèn luyện. Anh không di chuyển. Phía trên dáng người say ngủ của Cô Etoile, mắt anh bắt gặp mắt bà.

Bà đứng yên trong một khắc, bàn tay đặt trên tay vịn của cánh cửa mở giữa chừng. Từ một khoảng cách xa xa nào đó trong hành lang bên ngoài, giọng những người đàn ông nổi lên và hạ xuống trong một cuộc tranh luận thân tình.

Phu nhân Tess nhìn xuống món quà, như thể bà không biết phải làm gì với nó, rồi nhìn lên anh.

Bà cắn môi như một cô gái trẻ non nớt, và lùi ra khỏi phòng mà không phát ra tiếng động, kéo cửa đóng lại cùng với bà.

Chương 26

Leda nén lại những giọt nước mắt kinh hãi, trở dậy đột ngột trên giường khi cô hầu cào lên cánh cửa. Cô kéo chăn và khăn trải giường lên tận cằm. Chỉ vài phút trước đó, cô đã đẩy những tấm chăn ra và khám phá những vết màu đỏ đậm dường như làm ố bẩn mọi thứ: cô, váy ngủ và áo choàng ngoài, thậm chí cả khăn trải trường cũng lấm tẩm.

Nhiều thế ư! Cô đã không cảm thấy bị chảy máu nặng đến thế. Con đau nhoi nhói đã dịu đi ngay khi anh—ngay khi anh...

Cô thậm chí còn không thể nghĩ về điều đó một cách mạch lạc. Ngoại trừ những vệt lấm bẩn, mùi hương và sự ẩm ướt bí hiểm, nó đã có thể là một giấc mơ điên rồ. Cô đã tìm nhanh viên đá phát sáng mà anh thả rơi, nhưng ngay cả nó cũng đã biến mất.

Cô hầu vào phòng mà không đợi được mời, chỉ có tiếng cào cửa báo hiệu như thường lệ. Cô gái thậm chí còn không nhìn lên Leda mà chỉ nhún gối chào nhanh và đem một khay đến bàn cạnh giường. “Phu nhân dặn vì cô không khỏe và ngủ muộn nên có thể cô muốn bữa sáng được dọn lên tận giường.”

“Vâng. Phiền cô.” Giọng Leda thấp và khản, như thể cô đã không mở miệng nói trong nhiều ngày. Sự quan tâm trong sáng của Phu nhân Tess khiến cô muốn bật khóc.

Có một cái cốc và đĩa dư trên khay. Cô hầu không đề cập đến chuyện đó, chỉ đặt khay lên lòng Leda rồi đi nhen lửa. Thường thì việc đó được hoàn tất sớm hơn; tiếng cạo than khe khẽ là thứ đánh thức Leda dậy mỗi sáng. Tình cờ đến khó tin, hôm nay việc đó được dời lại.

Cô có một ý nghĩ khủng khiếp.

Nếu đã không có gì được dời lại thì sao? Nếu cô gái đã nhìn vào và thấy...

Mùi bánh mì nướng và bơ bắt chột khiến cô buồn nôn. Nhất định, nhất định tiếng cửa mở lẽ ra đã phải đánh thức cô như thường ngày. Cô đã nghĩ mình sẽ không bao giờ ngủ lại được, mới sáng nay, sau khi...

Cô nhắm mắt, vẫn không thể tìm ra cách diễn đạt những gì đã xảy ra.

Cô hầu quét lò sưởi, nhún gối chào thêm lần nữa, rồi lui ra. Leda cố nhớ xem liệu cô gái có cười mở và vui tính hơn vào hôm qua. Cô hầu không hay nói nhiều, và Leda hài lòng giao thiệp với gia nhân ở bất cứ mức độ xa cách nào họ muốn giữ, nhưng chẳng phải cô hầu này thường mỉm cười e dè và nói, “Chào cô buổi sáng” khi cô bước vào và lúc rời đi hay sao?

Leda đặt khay sang bên. Cô cảm giác bồn loạn. Cô cảm thấy như thể mình nên đi tắm, nhưng cô quá hổ thẹn để có thể rung chuông gọi. Còn những vết ố bẩn thì sao? Cô có thể nói gì đây? Cô nghĩ đến chuyện lấy cờ chu kỳ hàng tháng, nhưng nó chỉ mới tuần trước thôi, và nhóm lo việc giặt là hẳn phải biết điều đó rất rõ. Cô tung khăn trải giường ra và chạy chân trần qua phòng, giặt mở ngăn tủ, cuống cuồng lục tung những đồ vật được xếp ngăn nắp, tìm cây kéo để cắt mình.

Một tiếng gõ cửa nhẹ vang lên ở cửa. Leda đông cứng lại.

Phu nhân Tess lách vào trong, đóng cửa lại sau lưng bà. Cơ thể Leda giật nảy lên với khởi đầu của hành động lao về phía giường và ẩn nấp, nhưng khi người phụ nữ luống tuổi ngược cặp mắt lên, cô biết điều đó cũng vô dụng mà thôi.

Phu nhân Tess đã biết.

Leda đứng chết trân giữa sàn phòng trong bộ váy ngủ lấm bẩn, túm chặt nó vào cổ.

Bà biết, bà biết, bà *biết*.

Vị phu nhân nhân từ nhất, tốt bụng nhất, hào phóng nhất; mẹ của cô gái mà anh định kết hôn; gia đình đã cho Leda mái nhà che trên đầu—còn hơn thế nữa—tình bằng hữu hào phóng, thậm chí là một tình cảm mến...

Nhịp thở bất ổn của Leda bắt đầu trở thành những tiếng thở gấp. Cô nhắm mắt, chắp hai bàn tay vào nhau và giữ chúng trên miệng. Chân cô nhũn đi. Những giọt nước mắt trào ra khi cô gục xuống sàn, những giọt nước mắt của sự bế bång và tủi nhục và kinh hãi về hậu quả sẽ đến.

“Suyt. Suyt.” Hai cánh tay của Phu nhân Tess choàng quanh cô khi cô phủ phục trên tấm thảm, co giật vì những tiếng nức nở hãi hùng. Bà kéo đầu Leda lên ngực, vuốt tóc cô, đung đưa cô. “Yên nào. Sẽ ổn cả thôi. Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi.”

“Tôi quá—” Leda không thể nói được bởi một tiếng nức nở không rõ nghĩa khác. “Ôi, thưa phu nhân!”

“Suyt, cháu yêu.” Phu nhân Tess áp má lên đỉnh đầu Leda. “Đừng cố gắng nói với ta bây giờ.”

Leda dường như không thể ngẩng mặt lên, mà cũng không thể ghìm lại tiếng khóc âm ỉ. Cô xoay mặt vào áo khoác lụa đẹp của Phu nhân Tess mà khóc. Sự nâng đỡ thầm lặng, bàn tay dịu dàng vuốt lên mái tóc ẩm của cô chỉ càng khiến cho cô khóc nhiều hơn; cô không thể hiểu làm sao Phu nhân Tess có thể chạm vào cô.

Cuối cùng cô cũng nguôi chỉ còn những tiếng nấc và sụt sùi, lau mặt bằng khăn tay mà Phu nhân Tess đưa cho.

“Tôi vô cùng xin lỗi!” Cô xoay xở nặn ra, rồi gương mặt lại nhăn nhúm và cô khóc. “Tôi chưa từng có ý—tôi sẽ không bao giờ làm—tôi đã không *hiểu*!” Giọng cô kết thúc bằng một thang âm chói tai.

“Vào phòng thay đồ nào.” Phu nhân Tess kéo cô đứng lên. “Ta đã bảo họ đun nước và để bồn tắm ở đó. Chúng ta hãy cởi thứ này ra thôi.”

Leda nhìn xuống áo ngủ của mình, và không thể giữ nổi những giọt nước mắt long lanh. “Cái giường. Mọi người ở dưới lầu sẽ biết, phải không ạ?”

“Chuyện đó không quan trọng. Ta sẽ lo liệu chuyện đó.”

Một điều gì đó trong giọng bà khiến Leda kinh hãi nhìn lên. “Họ biết rồi ạ?”

Phu nhân Tess nắm tay cô và xiết chặt. Leda cảm thấy những giọt nước mắt khủng khiếp lại đầy lên trong mắt. “Cô hầu! Cô hầu dọn phòng đã đến lúc sớm.”

“Chúng ta sẽ nói về chuyện này sau khi cháu đã mặc áo.” Giọng Phu nhân Tess dỗ dành, như thể bà đang nói với một đứa trẻ quấy.

Một cảm giác tê liệt hoàn toàn trùm lên Leda. Nếu người hầu đã biết...một dấu ấn đóng lên lưng cũng không thể tuyên bố nỗi hổ thẹn của cô rõ hơn nữa.

Ngẩn ngơ, cô để Phu nhân Tess dẫn vào phòng thay áo nối liền, để cái váy được kéo qua khỏi đầu mình, đứng khỏa thân trước mặt một người khác lần đầu tiên trong trí nhớ. Dấu vết của những gì đã xảy ra vạch lên đùi cô thành những vết lem sậm xấu xí, nhưng Phu nhân Tess dường như chẳng nghĩ gì đến chuyện đó: bà chỉ rót nước nóng cứ như bà là một cô hầu thấp kém, đưa Leda một khăn tắm và xả phòng thơm sau khi cô bước vào.

Leda ước mình có thể chìm trong bồn tắm bốc hơi và ở đó suốt đời. Cô ước có thể tự dìm chết mình.

Cô không thể. Phu nhân Tess chuẩn bị một bộ váy và dải khăn lạnh sạch cho cô, với một miếng băng để phòng những vết ố bẩn khác. “Cháu không cần mặc áo cooc-xê hôm nay đâu. Cháu có muốn mặc bộ váy này, hay bộ váy sọc?” bà điềm nhiên hỏi Leda.

Sự quan tâm lạnh lẽ của bà khiến Leda sụt sùi trở lại. Cô không thể ngưng được; cô đứng trong bộ váy mà khóc. Phu nhân Tess choàng hai cánh tay quanh cô trong khi Leda nước mắt ngấn dài trên vai bà. Khi những giọt nước mắt đã vơi, bà thủ thỉ đưa Leda đến ngồi tại chiếc ghế trước lò sưởi trong phòng cô.

“Ôi, thưa phu nhân—tôi không biết làm sao...làm sao phu nhân có thể tốt với tôi như thế?”

Phu nhân Tess mỉm nụ cười gượng. “Ta nghĩ—là vì ta muốn làm điều này cho Samuel. Nhưng ta không thể. Nên ta làm cho cháu vậy.”

Trong giọng bà không hề có sự khiển trách. Leda chùi mắt. “Phu nhân không ghét tôi sao?”

Bà mỉm cười thân ái hơn và cầm áo khoác cho Leda. “Không, ta không ghét cháu. Ta thích cháu. Và ta nghĩ Samuel cũng có tâm trạng như cháu sáng nay.”

Leda bật ra một tiếng cười nửa ghen ngào. “Vậy ngài ấy hẳn phải bồn loạn lắm.”

“Có thể, nhưng cháu sẽ không biết khi nhìn cậu ấy đâu.”

“Phu nhân đã gặp ngài ấy rồi ư?”

Phu nhân Tess ngừng tay trong khi đang cài nút áo sau lưng Leda. Bà không đáp lại.

“Phu nhân?” Leda hỏi mà run rẩy. “Có phải...là...có phải cô hầu nói với phu nhân?”

Những ngón tay sau lưng cô trở lại với công việc của chúng. “Ta đã đem một món quà đến giấu dưới giường cháu sáng nay. Ta e là mình đã không chờ cháu đáp lại tiếng gõ cửa của ta.”

Tim Leda ngừng đập. “Ôi, thưa phu nhân. Ôi phu nhân.”

“Ta có hơi sốc một chút.” Trong một lúc lâu, Leda không lên tiếng. Cô cảm thấy buồn nôn. Khi Phu nhân Tess trưng cái váy ra, Leda xỏ chân vào một cách không tự nhiên, di chuyển như một cái máy. Phu nhân Tess bắt đầu cài hàng nút dài trên vùng eo thắt cao.

Thậm chí trong tình trạng đáng hổ thẹn, cô vẫn không thể tách tia hy vọng le lói khỏi giọng mình. “Có phải nó có nghĩa là...chỉ có mình phu nhân biết không?”

“Đến đây ngồi nào.”

Leda nhắm mắt, hiểu ý nghĩa của câu trả lời. Cô hít vào sâu và đến ngồi tại ghế bên cạnh lò sưởi. Phu nhân Tess rót một tách trà trên khay, mang đến cho cô; bà tự rót một tách và ngồi ở bàn trang điểm.

“Ta e chuyện này sẽ không dễ dàng cho cháu đâu, Leda ạ. Cháu phải biết là—cô hầu dọn phòng đã đến vào giờ thường nhật. Ít nhất cũng một tiếng trước khi ta đến. Giờ thì cũng đã gần trưa.”

Tách trà khẽ tròn trành trong tay Leda. Cô đặt nó xuống và khép hai bàn tay trong lòng. “Mọi người đều biết rồi.”

“Gryf đã nói với ta điều đó vào bữa sáng, họ đồn Tommy là con của cháu và Samuel, được thụ thai khi Samuel đến đây lo chuyện làm ăn vào năm ngoái.”

Cô bật dậy. “Phu nhân!”

“Leda—mọi người cũng đã thấy chuyện đó kỳ lạ—Ta đã không nhận thấy đến mức độ nào cho đến tận lúc này—vì Samuel đem cháu đến chỗ chúng ta. Còn Tommy...”

“Không phải con tôi đâu ạ! Tôi thề với phu nhân! Điều đó không đúng; phu nhân có thể hỏi Thanh tra Ruby và Hạ sĩ MacDonald!”

Phu nhân Tess khẽ mỉm cười rầu rĩ về phía váy ngủ bẩn được trải trên giường. “Không. Ta dám chắc tối qua là lần đầu tiên của cháu với một người đàn ông.”

Leda nhìn bà bằng đôi mắt mở to, xấu hổ, rồi vội vã quay đi. “Phu nhân sẽ muốn tôi rời khỏi đây. Tôi không biết mình đã nghĩ gì nữa—lẽ ra tôi nên thu xếp đồ đạc rồi mới phải.”

“Ta không muốn cháu đi.”

“Ôi thưa phu nhân! Còn có Tiểu thư Kai, và Bà Goldborough và con gái của bà ấy—phu nhân không thể để tôi ở đây được. Không phải—như tình trạng của tôi hiện nay.”

“A...bởi vì cháu có thể sẽ làm vậy bản sự ngây thơ thiếu nữ của chúng nó ư? Ta cho là mình cũng phải đuổi Samuel đi nữa—và có thể cả Robert và Ngài Haye, mặc dù Ông Curzon có thể vẫn còn là một đóa phù dung trong trắng.” Bà nghịch với một cái ghim cài mũ trên bàn trang điểm. “Người ta sẽ khó mà nói chắc được chuyện đó.”

“Phu nhân!” Mặc dù không muốn, Leda vẫn sùng sốt.

“Ta không muốn cháu ra đi, mặc dù cháu có thể nếu đó là điều cháu quyết định.” Bà nhìn trực diện Leda, mái tóc sậm bóng và ánh mắt chăm chú. “Nếu cháu để tâm đến những gì ta muốn..thì ta muốn cháu phải dũng cảm, Leda thân mến ạ, và ở đây đối mặt với họ.” Đối mặt với họ. Ngài Ashland, Ngài Robert, Ông Curzon, tất cả khách khứa...Tiểu thư Kai.

“Tôi không nghĩ—mình có thể làm được.” Giọng nói gần như đã rời bỏ cô. Cô túm chặt hai tay trong những nếp váy.

Phu nhân Tess dùng ngón tay chà lên hạt ngọc trai ở cuối ghim cài. Bà lại nhìn lên. “Nếu cháu rời khỏi đây, cháu sẽ đi đâu?”

Leda bắt gặp hình ảnh phản chiếu của mình trong tấm gương dài giữa hai cửa sổ. Cô sợ mình thậm chí trông cũng khác, mái tóc xoã tung lên vai, vẫn chưa được chải, da đỏ sần vì khóc, đôi mắt quá to trên gương mặt tái nhợt. Cô có vẻ lẳng lơ không? Liệu có ai nhìn ra được cô không còn trong trắng nữa không?

Cô xòe rộng những ngón tay trong nếp váy, quay lưng lại với hình ảnh của bản thân. “Tôi muốn làm một người đánh máy. Tôi đã dành dụm tiền lương—và nếu tôi có thêm một thư...”

Phu nhân Tess không đáp lại lời thỉnh cầu chưa trọn vẹn. Bà ấn mũi ghim lên ngón trỏ, như thể hành động cần mẫn đó rất quan trọng. “Cháu nghĩ Samuel không nợ cháu gì cả ư?” bà nhẹ nhàng hỏi.

Chùng lòng, Leda cảm thấy những giọt nước mắt trào lên. Cô cắn môi, cố gắng ngăn chúng khỏi rơi. “Không, thưa phu nhân,” cô thì thầm.

Phu nhân Tess đặt ghim cài mũ sang bên và ngẩng đầu. “Thật sao? Ta cho rằng đúng là dĩ nhiên ta tin tưởng cậu ấy hơn cháu. Ta muốn nghĩ chúng ta hãy cảnh tỉnh cậu ấy để cậu ấy biết phải trái.”

“Tôi không phải—trách nhiệm của ngài ấy.”

“Ôi, Leda. Leda.”

“Ngài ấy sẽ kết hôn với Tiểu thư Kai.” Cô nói thật nhanh, nếu không cô sẽ không thể nói được điều đó.

Phu nhân Tess xoay tách trà của bà quanh đĩa. “Ta không biết là một lễ đính ước đã được tuyên bố.”

Leda bắt chợt nhớ lại Phu nhân Tess phản đối cuộc hôn nhân đó, bà đã rất xúc động khi Ngài Gryphon nói với bà ý định của Ông Gerard. Leda bắt đầu thở sâu hơn. “Phu nhân—chuyện đó sẽ rất ngu ngốc—phu nhân không thể ép ngài ấy—ngài ấy sẽ không muốn lấy tôi đâu!”

“Ta e điều đó đúng. Và cháu được tự do ra đi nếu cháu quyết định như thế, cháu yêu ạ, vì ở lại thì sẽ rất khó cho cháu đấy. Cậu ấy sẽ không dễ dàng nhường bước đâu.”

“Phu nhân muốn—muốn tôi ngăn hôn lễ của họ ư? Phu nhân ghét phối ngẫu đó đến vậy sao?”

Người phụ nữ lớn tuổi cau mày, nhìn ra cửa sổ qua tấm gương trang điểm. “Ta yêu con gái mình. Ta cũng yêu Samuel. Ta không muốn cháu hiểu lầm ý ta, nhưng theo một cách nào đó ta—có một mối liên kết mật thiết hơn với Samuel. Kai và Robert—ta ước sẽ chẳng có điều gì làm hai đứa nó tổn thương. Hai đứa nó là con ta. Ta ước cho chúng được hạnh phúc suốt đời. Nhưng Samuel thì...Samuel là người mạnh mẽ nhất...mạnh mẽ hơn rất, rất nhiều so với những gì ta có thể nói với cháu—” Bà mỉm cười buồn, và lắc đầu, “—và là người mà ta thành tâm nguyện cầu cho được hạnh phúc hơn cả.” Nụ cười của bà cong lên ở khóe môi. “Ta đảm bảo với cháu Vicky và đàn báo con chẳng phải là con ta như cháu nghĩ.”

Leda nhìn xuống tấm thảm đỏ và xanh dưới chân.

“Ta không biết nữa.” Phu nhân Tess tựa má lên bàn tay. “Ta chắc khi còn trẻ, ta đã tưởng đến lúc bọn trẻ đến tuổi này, ta sẽ bớt lo cho chúng hơn. Ta thắc mắc tại sao mình lại băn khoăn cho bọn trẻ nhiều hơn nhỉ?”

“Phu nhân,” Leda e thẹn nói, “Tôi nghĩ sẽ rất tuyệt vời khi có một người mẹ như phu nhân.”

“Chà.” Bà ngồi thẳng lên, linh hoạt hơn. “Nếu mọi việc theo ý ta, Samuel rất có thể sẽ ước ta đến Jericho*, và cả cháu nữa. Cháu sẽ ở lại, và cho cậu ấy cơ hội làm điều phải đạo chứ?”
(*Jericho: thuộc vùng lãnh thổ Palestine, thấp hơn mặt nước biển, là nơi thấp nhất thế giới*)

Ý nghĩ Ông Gerard sẽ muốn cô đến Jericho—hay còn tệ hơn—không có tác dụng an ủi. Ý nghĩ anh có thể thật sự “làm điều phải làm” dường như quá thiếu thực tế, và buồn nản đến đau đớn, khiến vai Leda rũ xuống. “Tôi nghĩ mình nên đi thôi, thưa phu nhân.”

“Leda...cháu không có ý gì với cậu ấy ư?”

Cô quay đi để giấu gương mặt mình. “Ngài ấy yêu con gái phu nhân.”

“Chuyện đó đã xong rồi.”

“Chuyện đó chỉ mới hôm qua—sợi dây chuyền—”

“Đừng làm ta bực mình với cháu vì đánh giá thấp Kai. Con gái ta là bạn cháu, Leda à—ngay cả khi nó có muốn đi chẳng nữa, cháu nghĩ nó sẽ đính hôn với cậu ấy trong khi biết rằng cậu ấy ruồng rẫy cháu sao? Nếu nó yêu cậu ấy, điều đầu tiên nó trông chờ ở cậu ấy cũng là điều mà ta mong đợi—rằng cậu ấy sẽ làm tròn nghĩa vụ của mình đối với cháu. Tin tưởng ít hơn ở cậu ấy sẽ là một sự xúc phạm.”

“Làm tròn nghĩa vụ.” Giọng Leda buồn bã.

“Ừ. Ta cho rằng cách nói đó không dễ lọt tai.” Bà thở dài. “Nhưng đây không phải là một cuộc đời màu hồng, cháu ạ. Không nhất thiết cháu làm điều ấy ngây ngô đến mức nào, cháu đã làm một việc có hậu quả thật sự. Có thể sẽ có một đứa bé. Cháu đã nghĩ đến chuyện đó chưa?”

Leda đứng như trời trồng. Cô nhìn đăm đăm Phu nhân Tess. Một âm thanh chói bỏ thoát khỏi cổ cô.

“Đây là nơi dẫn tới những đứa bé.” Phu nhân Tess gạt đầu về phía giường. “Ta e con cò và lá cải chỉ là tưởng tượng thôi.”

Leda xòe rộng những ngón tay, cứ như cô có thể đẩy cái ý nghĩ ấy ra xa. “Phu nhân chắc chứ?”

“Về con cò thì có.” Bà mỉm cười ngắn ngủi. “Rất chắc. Còn về chuyện cháu sẽ có con hay không do tối qua—thì không, ta không thể chắc chắn được. Đó chỉ là một khả năng.”

“Ôi, thưa phu nhân!” Cả thế gian mịt mờ hẳn đi. “Làm sao tôi biết được?”

“Sẽ phải mất vài tuần nữa. Nếu cháu không có chu kỳ, đó là một dấu hiệu rõ ràng.”

Leda bắt đầu thở thật gấp. Một mảng tối trùm lên tầm nhìn của cô.

“Leda!” Giọng nói lạnh lạnh của Phu nhân Tess và bàn tay nâng đỡ của bà chụp lấy cô trước khi khối sương đen nuốt chửng cô. Leda thấy mình ngồi trên ghế, cúi gập qua lòng bà. “Nào nào...” Phu nhân Tess thì thầm vào tai cô. “Đừng hoảng. Đừng tự làm mình khiếp hãi. Suyt, cô gái can đảm...yên nào...đừng khóc. Cậu ấy sẽ chăm sóc cháu, Leda ạ; cháu không cô độc đâu.”

Samuel nhìn không chớp vào gương. Lẽ ra anh phải thấy gương mặt mình theo hình khối và đường nét; mang tiềm lực; có thể hóa thân vào bất cứ vai diễn nào được yêu cầu. Sự giả dối và ảo ảnh là những dụng cụ phục vụ cho công cuộc rèn luyện của anh. Anh lẽ ra không nên đánh mất bản thân giữa điều có thật và hư ảo.

Seishin. Một trái tim toàn vẹn. Anh giữ seishin-seii.

Anh nhắm mắt rồi mở. Anh chẳng thấy sự thật nào cả. Không có sự toàn vẹn nào. Anh chẳng thấy gì ngoài bản thân mình, khuôn miệng thắt lại vì giận dữ, hàm rắn đanh, mắt lấp lánh trong tia sáng rọi vào từ cửa sổ phòng thay áo.

Trong quá khứ, bọn họ đã bảo anh đẹp. Một món hàng mua vui đẹp mắt. Một thằng bé điển trai, khiêu khích.

Sau quá trình huấn luyện khắt khe của Dojun, không một vết thương nào để lại sẹo. Không một vết bầm nào còn lưu lại. Chẳng có gì để lại dấu ấn của nó lên anh.

Anh căm ghét gương mặt của chính mình.

Với một cử động bất chợt, anh quay đi, vợ lấy những cổ tay áo từ tủ. Những thứ bí mật anh luôn mang theo mình đã được luồn vào áo khoác ngoài; bộ đồ kiểu phương đông của anh đã được cởi ra và quăng thành một nhúm tối đen—bộ “đồ luyện công” của anh, như những cô hầu gọi nó ở dưới lầu.

Mùi hương của cô, và của anh, vẫn còn lưu lại đó. Anh đứng phía trên bộ đồ trong một lúc, hít thở mùi hương trầm. Cơ thể anh thắt lại.

Giờ còn tệ hơn khi mà anh đã biết. Giờ còn có kỷ ức, mới mẻ và sống động, như đổ thêm dầu vào lửa. Dục vọng có sự sống và ý chí của riêng nó: ý nghĩ về cô lấp đầy anh với niềm hân hoan.

Anh sẽ trả tiền cho cô để cô rời khỏi đây. Điều đó, ít nhất, là điều mà anh biết mình phải làm. Một khoản *douceur* hào phóng, anh đã nghe nó được gọi như thế. Đúng là sự mĩa mai rẻ tiền, khi dán mác cho một khoản tiền là sự “xoa dịu”. Thật đúng là phong cách Pháp vô tâm.

Anh nắm lấy chồng vải màu xám đêm, quăng nó lên lưng ghế. Bàn tay anh mắc lại trong lớp vải. *Leda*, anh nghĩ, nhưng trí óc anh không thể nghĩ gì khác hơn ngoài tên cô.

Khoái cảm như cơn đau trong anh, như một sự tra tấn ở cổ họng.

Anh phải kiểm soát nó. Anh phải nói chuyện với cô, sắp xếp mọi thứ, tìm ra thứ tương tự như sự kiểm soát đối với tình thế này. Làm sao anh có thể ngủ cứ như anh đã bị bỏ thuốc, như thể anh mù và điếc, làm sao mà anh lại có thể không nghe thấy gì, không cảm thấy một mối nguy hiểm nào, để cho...

Phu nhân Tess...

Cả cơ thể anh chuyển sang màu đỏ hổ thẹn.

Anh nghe một tiếng rắc đủ sức làm giật mình. Anh nhận ra mình cử động—và nhìn xuống để thấy khung ghế gãy lìa dưới sàn cùng một khúc gỗ thô nhám. Anh thả nó ra như thể nó làm

bỏ tay anh. Chiếc ghế nghiêng ngã trên ba chân.

“*Chisuko.*” Anh khẽ chửi thề, gọi mình là một con thú.

Và anh đúng là như thế. Chúa ơi. Anh đúng là như thế.

Những vị khách đang thu xếp ra về, dù không có ai trong số họ có vẻ vội. Trong sảnh ở mặt tiền ngôi nhà, ba bộ hành lý và một cái rương được gom lại trong một góc. Một bữa ăn tự phục vụ đã được dọn ra trong phòng ăn sáng. Dù đã quá hai giờ trưa, những ngọn đèn vẫn tỏa sáng bên dưới những đĩa bạc bày thịt xông khói và gà gô, tỏa ra mùi ngay ngáy khi Samuel bước vào. Haye cùng Robert đang lang thang giữa những đĩa thức ăn, gấp đồ vào đĩa của mình.

“Gerard.” Ngài Haye khẽ gật đầu với anh.

Robert thì chỉ giữ đĩa ăn được chất đầy một nửa mà nhìn Samuel, như thể cậu ta không thể xác định anh là ai. Rồi cậu ta nhìn xuống và dứt một mẩu pho mát vào miệng. “Có chuyện phải nói với anh,” cậu ta nói. “Nói riêng.”

Samuel di chuyển một cách cẩn thận. Robert chưa bao giờ muốn nói chuyện riêng với anh.

Tiếng những vị khách và gia nhân tụ họp trong sảnh lớn tạo cho anh một cái có để quay đi. Gia đình Whitberry đang chào cáo từ; Robert nhả nhó, bỏ đĩa xuống, và ra ngoài để tiễn họ.

Samuel lấy thức ăn và ngồi xuống cái bàn lớn. Anh và Haye ăn trong yên lặng, với cả cái bàn phủ vải trắng chắn giữa họ. Giữa họ chưa từng có gì hơn sự xã giao—sáng nay, Samuel thậm chí còn không thể xoay sở những nghi thức tối thiểu của phép lịch sự.

Cô gái lớn tuổi nhất nhà Goldborough đứng trong khung cửa phòng ăn, cúi gập người và lộ đầu nhìn vào. “Chúng tôi đến để chào tạm biệt, và chúc giáng sinh vui vẻ.”

Haye và Samuel đứng lên. Trong khi người đàn ông kia trò chuyện duyên dáng về thời tiết và chuyển hành trình đến ga, Samuel thì thầm lời chào chung quy nhất trong khả năng của anh. Anh ước họ xuống địa ngục hết đi.

Robert muốn nói gì với anh chứ?

Hai cô em nhà Goldborough đến, bọc trong áo choàng dày, đem theo bao tay da thỏ. Anh cúi mình chào họ, hôn lên những bàn tay mà họ đưa ra trông đợi, khiến anh không còn lựa chọn nào khác. Cả hai nhìn anh với đôi mắt to tròn của sự ngưỡng mộ khúc khích như biểu hiện của họ kể từ lúc anh được giới thiệu với họ.

Haye rời phòng cùng hai cô gái. Samuel đứng đó một chốc, rồi bỏ lại đĩa thức ăn còn dang dở, đi qua cánh cửa vào phòng khách trống thay vì ra sảnh. Anh đi thò thẩn vào phòng chơi bi-da. Nó trống không. Anh đi lên cầu thang sau nhà và ngừng ở hành lang bên ngoài phòng Cô Etoile.

Không có ai đáp lại tiếng gõ cửa nhẹ của anh. Anh không thể đánh liều mà nán lại đây được. Khi anh quay đi và bước tiếp, Kai gặp anh trên đường xuống từ phòng trẻ.

Cô bế Tommy trên vai. Đứa bé mắt đỏ và quấy, như thể nó thà ngủ còn hơn bị dúi vào tay Samuel, như cô đã làm mà không có sự nương nhẹ nào.

“Kai—” Samuel nói, và bị ngắt lời bởi một tiếng khóc ré.

“Đó—chẳng phải anh ấy không muốn cháu sao, bé con?” Cô thủ thỉ. “Vậy thì về lại với cô nào. Về lại với cô. Nào nào.” Cô bồng đứa bé. Khi tiếng khóc ré nhỏ dần thành tiếng nức nở khe khẽ, cô bấn sang Samuel một cái liếc ngang. “Có thật không?”

Mọi thứ trong anh đóng băng.

Cô vỗ lên lưng Tommy, nhìn Samuel với hai hàng lông mày nhướng cao.

“Chuyện gì có thật?” Anh không biết làm sao mình tìm ra sức để lên tiếng.

Cô ôm lấy Tommy. “Mọi người đều nói anh với Cô Leda—”

Cô thao thao, nhưng anh không nghe thấy lời cô. Anh chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng tim anh đập thành thạch trong tai; âm thanh câm lặng của cuộc đời anh đang rạn nứt.

“Không.” Anh chối. Anh sẽ không để cô tin điều đó. Âm thanh của ngữ âm đơn mạnh bạo tan biến trong hành lang; anh nghe tiếng vang, như thể ai đó đã nói chứ không phải anh.

Tommy sụt sịt, vòng nắm tay quanh cổ áo cô, áp mặt vào vai cô. Tiếng chim lao xao nhỏ từ tán lá vang trong sảnh chính.

Cô cắn môi, gương mặt bối rối. “Em cứ tưởng đó là một lời đồn khủng khiếp—em đã bảo với Cô Goldborough như thế. Nhưng Mano, anh sẽ không...anh sẽ nói với *em* sự thật, nếu đúng như thế chứ?”

Anh nhìn cô dăm dăm.

“Mano—anh sẽ không nói dối em phải không?”

Ánh mắt anh rơi xuống. Anh nhìn đi nơi khác.

“Ồ...” Sự thất vọng len vào giọng cô. “Mano.”

“Kai—nó chẳng có nghĩa lý gì cả. Nó—” Hàm anh căng ra. “Chúa ơi, em không *hiểu* đâu!” anh nói một cách dữ dội. “Em không hiểu được đâu.”

“Nó không có nghĩa lý gì ư?” Cô nhìn anh không chớp.

“Không.”

Tiếng cô lớn dần. “Có phải anh nói đó là sự thật, nhưng nó không có *ý nghĩa* nào hết?” Gương mặt cô thay đổi. “Còn Tommy thì sao? Cô Leda thì sao? Anh không thể nào—sao chứ, em không tin anh lại như thế! Anh không thể nói nó không có ý nghĩa gì được!” Tommy lại quấy, những tiếng khóc the thé của cậu bé át cả giọng nói dữ dội của cô, nhưng cô vẫn không ngừng. “Anh sẽ bỏ họ ngoài đường sao? Bỏ rơi họ như thế? Hay là—hay là—” Mắt cô mở to và cầm cô hất lên. “Em hiểu rồi! Anh không quá nhẫn tâm đến thế. Anh đem họ đến đây, và để chúng em che đậy chuyện xấu xa của anh trong khi anh thậm chí còn không thừa nhận chuyện đó!”

Anh đứng một cách cứng nhắc, với toàn bộ tai họa giáng xuống đầu anh trong khi cô nói. “Chẳng có gì để mà thừa nhận,” anh nghiêng.

“Không ư!” Hăng say, cô đẩy Tommy vào người anh. “Thằng bé có giống như không là gì không?”

Samuel buộc phải bế đứa bé hoặc là để nó ngã; Tommy lóng ngóng ưỡn người và la hét vì cái chuyền tay vụng về, hết tràng này đến tràng khác.

“Sao chứ, thằng bé có đôi mắt giống anh như đúc!” cô day nghiêng. “Em không biết tại sao mình chưa từng nhận thấy điều đó!”

“Em chưa từng nhận thấy vì nó chỉ là tưởng tượng của em.” Điều đó thì anh có thể xoay xở thốt ra, rít từng từ. Anh không thể nói lí lẽ với cô bây giờ được. Con giận đã thắt chặt mọi cử động của anh; sự phẫn nộ đối với số phận và đối với bản thân. Anh bước qua cô về phía phòng trẻ với đứa bé đang gào khóc.

Cô đi theo anh; anh cảm thấy tay cô đặt trên cánh tay anh và quay lại—nhưng mắt cô đầy nước mắt giận dữ. Cô giật Tommy khỏi tay anh và quay đi, vùng vằng hất gấu váy với lực sải chân khi cô phóng về phía tầng trẻ.

“Samuel.” Giọng Ngài Gryphon khiến anh đứng sững lại ở cửa. Chiều chạng vạng buông thành một màn sương giá trên con đường và đồng cỏ, nuốt chửng cỗ xe cuối cùng hướng về nhà ga.

“Vâng, thưa ngài.” Samuel không quay lại.

“Ra ngoài đấy à?” Câu hỏi thật nhẹ, gần như uể oải, với ẩn ý rất rõ.

Samuel nhắm mắt trong thoáng chốc. “Vâng thưa ngài.”

“Ta sẽ đi với cậu.”

“Vâng.” Anh đeo găng tay. “Nếu ngài muốn thế.”

Họ cùng ra ngoài. Ngài Gryphon bước yên lặng bên cạnh Samuel, hai bàn tay rút túi quần, thở ra khói. Con đường lát đá hướng ra xa căn nhà, để lại hơi ấm và ánh sáng phía sau.

Samuel đã muốn sự tách biệt. Anh không muốn đương đầu với bất cứ ai, không sau cuộc chạm trán với Kai. Anh tự tách mình ra trong khi những vị khách còn lại cuối cùng cũng rời đi, anh nhìn từ cửa sổ khi Kai bước xuống bậc thềm để tiễn Haye. Cô đứng trên con đường và vẫy tay cho đến khi cỗ xe khuất dạng.

Hai bàn tay Samuel nắm chặt trong đôi găng da khi anh nhớ lại. Anh chẳng có sự tự chủ nào đối với bản thân, chẳng thể tìm thấy bất cứ điều gì ngoài cơn ghen và sự giận dữ trong tim mình.

Cây cối trở những hình thù màu đen trong màn sương. Chúng dường như lơ lửng trôi qua, trong khi tiếng bước chân lạo xạo của anh và Ngài Gryphon lấp đầy sự tĩnh lặng. Bộ bậc thềm dẫn vào khu vườn trang trọng lù lù hiện ra, nổi màu bạc sẫm vì sương ẩm.

“Cậu định làm gì tiếp theo?” Ngài Gryphon hỏi.

Ông đặt câu hỏi mà không có bối cảnh. Samuel ngừng bước. Anh hít sâu. “Tôi không hiểu ngài muốn nói gì.”

“Chết tiệt cái không của cậu.” Câu nói được phát ra thật nhẹ. Ngài Gryphon đá một viên sỏi dạt vào lề đường. Ông nhìn ra màn sương và mỉm nụ cười tàn nhẫn.

Sự chịu đựng câm lặng của Samuel tan vỡ. “Tôi sẽ bảo cô ấy đi nơi khác,” anh quát lên. “Tôi sẽ không bao giờ tìm gặp cô ấy nữa. Tôi sẽ cho cô ấy tiền đủ để sống như một công chúa đến suốt đời. Tôi sẽ cắt cổ mình—thế đã đủ tốt chưa?” Anh ngửa đầu ra sau để nhìn bầu trời trống rỗng với một âm thanh dần vật không rõ nghĩa. “Phải làm gì mới đủ tốt chứ?”

Ngài Gryphon dựa vào một cột đá, khoanh hai cánh tay. “Đủ tốt với điều gì?”

Samuel gặp ánh nhìn đăm đăm điềm tĩnh của ông.

“Ta không yêu cầu cậu phải giữ đức hạnh.” Ngài Gryphon bình tĩnh quan sát anh. “Ta cũng không phải là một vị thánh, nhưng khi ta tìm được người phụ nữ ta yêu, ta không vụng trộm với một người khác.”

Cổ họng Samuel khô khốc, không khí lạnh ngập trong phổi anh.

“Cậu hiểu ý ta không?” Ngài Gryphon hỏi một cách nhẹ nhàng.

Đừng. Samuel nhắm mắt để chối bỏ nó. *Đừng làm thế này với cháu.*

Giọng nói lạnh lẽ vẫn tiếp tục không suy suyển. “Ta rút lại câu đồng tình. Ta sẽ không để cậu làm tổn thương con gái ta. Hay vợ ta.”

Samuel quay khỏi ông, bước đi. Anh ngừng lại và ngoái nhìn qua làn hơi nước. “Tôi thà giết mình trước.”

“Phải đó.” Ngài Gryphon buông hai cánh tay đang khoanh lại và bước khỏi cột đá. “Ta cũng tưởng thế.”

Người giữ cửa đưa một mẫu tin nhắn đến trên cái khay bạc. Samuel nhận ra nét chữ trước cả khi đụng tới nó. Anh tháo găng, viện đến những cái cớ nhỏ nhặt và vô ích chỉ để hoãn lại điều không thể tránh.

Phu nhân Tess đợi gặp anh tại phòng nhạc.

Tin nhắn chỉ truyền đạt bấy nhiêu. Samuel đã từng bị đánh đập, bị tấn vào lưng bởi một cái ghế đẩu, trong những ngày anh biết được thế nào là bị đánh. Trận đòn đã ghìm nhịp thở của anh lại, tập trung mọi ý thức của anh vào cơn đau buốt nhói, hủy diệt anh—và anh vẫn phải bước tiếp, phải tiếp tục chiến đấu, phải cử động trong khi cơ thể anh tê liệt.

Giờ anh cũng như thế. Anh hoạt động chỉ bằng ý chí và kỷ luật. Anh gõ lên cửa, mở ra khi nghe tiếng bà trả lời, và đóng nó lại sau lưng.

Những nụ hoa lan trắng và hồng nhẹ buông xuống từ bệ lò sưởi và phản chiếu lên mặt gỗ đen của cây piano lớn. Bà ngồi trên băng ghế, vuốt ngón tay lên tập giấy nhạc. Khi anh bước vào, bà đặt lại nó lên giá.

“Ta chưa bao giờ là một nghệ sĩ,” bà nói. “Kai có thể chơi—” Bà ngừng lời, và trông bối rối. “Đừng để ý chuyện đó, Samuel, ta...”

Giọng bà lại tan đi. Bà nhìn lên, vuốt thẳng váy một cách ngượng ngịu, để bàn tay lên nắp đàn rồi rút tay đi.

“Ngài Gryphon đã có lời với cháu,” anh nói.

Bà ngẩng lên khỏi những phím đàn.

“Phu nhân không cần phải bận tâm chuyện đó. Nếu gặp cháu khiến phu nhân mất tự nhiên.”

Bà mím môi. “Ta rất lấy làm tiếc vì—mọi người đều đã biết chuyện. Ta đã không nói với ai. Kể cả Gryf.”

Một cây nến cháy lung linh trong quầng sáng mờ trên cây đàn. Anh quan sát nó, không thể nhìn đi đâu khác. “Phu nhân không có gì phải lấy làm tiếc.” Anh khóa chặt hai bàn tay sau lưng. “Không có gì cả. Ngoài việc đem cháu về nhà phu nhân. Cháu chưa bao giờ—có đủ dũng khí để nói với phu nhân. Cháu đã cố nói...ý cháu là...” Anh đánh mất kiểm soát với giọng nói. Cuối cùng, công khai, anh nhìn lên gương mặt bà và bảo, “Cháu sẽ không sống nổi.”

“Ôi, Samuel.” Bà trở lại với những phím đàn. Anh nhìn mái đầu cúi xuống của bà, đôi bàn tay gầy, rám nắng. Lồng ngực anh dường như quá cứng để hít thở.

“Chết tiệt,” anh đột ngột nói, biết rằng mình đã làm bà khóc.

“Ừ.” Bà quệt lên mắt. “Ta cũng cảm thấy thế.”

Anh muốn mọi chuyện cho xong đi và dẫn thân tới trước, nói trong những câu gầy gọn chẳng biểu lộ những gì anh đang cảm thấy. “Cháu sẽ rời đi vào ngày mai. Cháu sẽ không gặp Kai. Cháu chỉ nhờ—ai đó nói với cô ấy rằng đứa bé không phải con cháu. Đó là sự thật. Cháu chưa từng nhìn thấy...Cô Etoile—trước ngày ở tiệm may váy. Cháu chưa từng—trước tối qua—”

Những từ ngữ lại đan xen rối rắm vào nhau. Bà đứng ngậy người nhìn những phím đàn.

Anh ước bà nhìn lên anh. Anh nghĩ những gì anh không thể nói ra hẳn đã khắc rõ ràng trên gương mặt mình. Nhưng bà không làm thế. Bà chạm lên một phím đen, vuốt ngón trở dọc theo chiều dài của nó.

“Cháu sẽ đợi Kai suốt cuộc đời,” bất chợt anh bật ra, “nếu phu nhân nghĩ sẽ có lúc mình quên được ngày hôm nay.”

Ngón tay bà lần theo hình dạng của một phím màu sứ. “Nó không phải là của ta để mà quên.”

“Kai không hiểu. Cô ấy chỉ nghe những gì họ nói về đứa bé. Cô ấy không hiểu—chuyện kia.”

“Đó cũng không phải là chuyện của Kai để mà quên,” bà lặng lẽ nói. Bà quay lại và nhìn lên anh. “Cháu không nghĩ chút nào tới cô gái cháu đã hủy hoại sao?”

Lưng và vai anh cứng còng. “Hủy hoại.”

“Phải, ta nghĩ có thể sử dụng từ đó.”

“Cô Etoile sẽ được chăm lo tốt. Cháu không nghĩ cô ấy sẽ hối tiếc sự ‘hủy hoại’ này đâu.”

Phu nhân Tess nhướn hai hàng lông mày thanh tú. “Đó không phải là điều cô ấy đã nói với ta.”

Anh chửi thề. “Cô ấy lẽ ra không nên nói chuyện với phu nhân về việc đó. Cô ấy đã nói gì?”

“Gần giống như những gì cháu nói. Rằng cô ấy đã phản bội tình bạn của chúng ta. Rằng cô ấy sẽ rời khỏi đây. Rằng cháu yêu Kai.”

“Cô ấy có yêu cầu gì không?”

“Không hề. Cô ấy bảo với ta rằng cô ấy không phải trách nhiệm của cháu. Ta tin cô ấy gần

như đã hỏi xin ta một thư giới thiệu, để cô ấy có thể trở thành nhân viên đánh máy.” Bà gõ móng tay lên phím đàn. “Nhưng cuối cùng, cô ấy đã không hỏi.”

“Cháu sẽ nói chuyện với cô ấy.” Với một cử động đột ngột, anh quay về phía lò sưởi. Anh nhặt thanh còi và xiên nó vào ụ than. “Cô ấy sẽ không phải trở thành một nhân viên đánh máy chết tiệt.”

“Cháu sẽ biến cô ấy trở thành gì đây, Samuel?”

Anh thả thanh còi và gác cả hai tay lên bệ lò. “Cháu sẽ cho cô ấy một căn nhà và năm nghìn đô. Cô ấy sẽ không phải trở thành nhân viên đánh máy.”

“Không,” Phu nhân Tess nói nhẹ. “Cô ấy sẽ trở thành gì thay vào đó?”

Anh cau có nhìn ngọn lửa, thấy những lưỡi lửa xanh liếm lên than.

“Ta đã ước cháu quên đi xuất thân của cháu,” bà nói. “Ta đã luôn ước cháu quên. Nhưng giờ—ta không thể tin cháu lại không nhớ.”

Tận sâu bên trong, anh bắt đầu run rẩy. “Cháu nhớ.”

“Mà cháu không để tâm dù cô ấy—”

Với một cái đẩy dúi mạnh bạo, anh quay khỏi ngọn lửa. “Cháu nhớ!” anh gào to. “Nếu phu nhân nghĩ hai chuyện đó giống nhau—rằng cháu sẽ biến cô ấy thành thứ như cháu trong quá khứ—rằng cháu có thể—” Anh thối ra một hơi tức giận, kiềm chế bản thân, đặt cây piano đen ở giữa họ. “Cháu chưa quên nơi xuất thân của cháu.”

Môi dưới của bà run run. Bà nhìn xuống. “Ta xin lỗi. Lẽ ra ta không nên nói một điều như thế.”

“Đừng khóc!” Anh nói qua những kẽ răng. “Chúa giúp cháu, đừng khóc. Nếu không cháu sẽ chết.”

Bà ngồi phịch xuống ghế. Cây piano vang lên một nốt lạc lõng khi khuỷu tay bà đập vào phím đàn.

Anh chưa từng nói điều gì như thế với bà trước đây. Chưa từng lên giọng, chưa từng đòi hỏi bất cứ điều gì.

Bàn tay anh nắm quanh cái chặn giấy bằng thủy tinh trên mặt gỗ mun, nắm tay anh in bóng trong mặt phẳng nhẵn. Với sự điều khiển giọng nói thật cẩn trọng, anh lên tiếng, “Cô ấy sẽ mong cháu trao cho cô ấy một khoản tiền rộng rãi. Cộng thêm một căn nhà là...còn hơn cả hào phóng. Cô ấy sẽ không phải bán thân nữa. Trừ khi cô ấy muốn.”

Phu nhân Tess ngẩng đầu. “Nữa?”

“Cô ấy bây giờ còn tốt hơn nhiều khi xưa. Quý Ngài Quảng Tiền Như Rác gửi bức thư cho cô ấy ở tiệm may vá đã để cô ấy sống ở một gác xép.”

“Samuel—” Gương mặt bà tái đi. “Cháu đã làm rồi.”

“Cháu không làm,” anh nói một cách dũ tợn. “Cháu biết chỗ đó.”

“Nhưng tối qua...chẳng lẽ cháu không—” Bà liếm môi. “Ôi, Samuel.”

Một âm điệu trong giọng bà kéo anh nhìn vào đôi mắt mở to, ái ngại của bà. Bàn tay anh nắm chặt quanh cái chặn giấy.

Bà nói thật chậm, như thể phát ra mỗi từ thật vô cùng khó khăn. “Samuel...cháu không nhận ra cô ấy là trinh nữ sao?”

Anh nhìn xuống tay mình. Bên trong hình bầu dục trong vắt, những dải màu và những chấm tròn của những bông hoa tí hon tạo thành một hoa văn rực rỡ. “Cô ấy nói với phu nhân điều đó?”

“Cô ấy không cần phải nói với ta. Ta đã gặp cô ấy. Một phụ nữ kinh nghiệm sẽ không khóc dử dội đến thế, hay chảy máu.”

Anh nhớ đến một cậu bé đã làm cả hai: nước mắt và máu mà cả một đời quyết tâm cũng không thể gột sạch. Nước mắt và máu là tất cả những gì anh biết, là mối liên kết duy nhất giữa những gì anh còn nhớ trong quá khứ và khoái cảm thể xác của đêm qua. Nhưng anh không thể thú nhận mình đã biết trước những chuyện đó, vậy mà vẫn để cho điều đó xảy ra...đã muốn nó xảy ra, muốn nó.

Cái chặn giấy nằm trong bàn tay anh, nặng và lạnh. Trong khung thủy tinh hình bầu dục, cơ thể anh nhận biết một thứ vũ khí tiềm tàng: cơ bắp anh ước lượng nó một cách máy móc; bàn tay anh đánh giá và lần theo đường nét của nó để tìm ra những khả năng. Anh đặt nó xuống thật cẩn thận.

Anh đã muốn kết hôn với Kai, để cố gắng rèn luyện bản thân cho thật xứng đáng, đã khao khát sự trong sáng của cô để xóa tội cho con người quá khứ của anh. Anh cảm thấy những bức tường dồn đến quanh mình.

“Ta đã hứa với cô ấy...rằng cháu sẽ làm điều đúng đắn.”

Nếu anh nhìn lên, anh sẽ thấy Phu nhân Tess đang cầu khẩn, và hình ảnh con gái bà, và tất cả mọi thứ anh đã đấu tranh để trở thành.

“Samuel—” Lời khẩn nài chuyển thành ngạc nhiên. “Ta đã rất chắc chắn mình hiểu cháu.”

Anh cử động bàn tay, khép những ngón tay quanh đồ chặn giấy.

“Ta chưa từng nghĩ...cháu sẽ không nhìn thẳng vào mặt ta,” bà thì thầm. “Ta chưa từng nghĩ cháu sẽ làm ta thất vọng.”

Đồ thủy tinh va vào lò sưởi bằng đá với một âm thanh như tiếng súng nổ. Anh thấy những mảnh màu lóe lên trước khi biết mình đã quăng nó đi. Những mảnh vỡ cong rơi vào lửa, khiến những tia lửa bùng lên cao.

Ngọn lửa dịu lại. Phu nhân Tess đứng với hai bàn tay áp lên môi, nhìn chết trân vào điều anh vừa làm.

Tất cả cơn cuồng nộ của anh, tất cả sự thất vọng—sáng lấp lánh trong những mảnh thủy tinh giữa đám than hồng. *Điều đúng đắn. Làm điều đúng đắn.*

Kai! Anh không thể tin được. Anh không thể tin mọi thứ đã tuột khỏi tay anh.

Anh xoay người, bước ra trong trạng thái ngơ ngác, để lại Phu nhân Tess một mình cùng những mảnh vỡ sắc nhọn của ước vọng đời anh.

Chương 27

Phu nhân Tess bảo cô đợi một mình trong phòng cạnh phòng trẻ. Leda không thể ngồi yên; cô đi thò thẩn trong phòng nồng hương hoa hồng xưa cũ cùng những bông hoa đã phai trên những xô-pha bọc vải. Nơi đây từng là khuê phòng của một tiểu thư, ở trên tầng nhìn ra con đường và hệ thống khu vườn trước nhà, với những rèm trướng vải hoa kéo lên những khung cửa sổ rộng.

Cô ngừng một thoáng khi nghe tiếng chuyện trò từ phòng trẻ—nhưng đó chỉ là vú nuôi và một cô hầu, thì thầm về Tommy khi họ cho cậu bé đi ngủ. Chị vú đến cánh cửa đang mở hé và ghé nhìn vào, thấy Leda, mỉm cười rồi vừa đóng vừa vừa chúc cô ngủ ngon.

Một sự im lặng như tờ rơi xuống. Leda cảm giác như một hồn ma trong khuê phòng đầy những gối êm và ghế đã mòn. Cô nghĩ một căn phòng như thế này hẳn đã chứng kiến những khung cảnh hạnh phúc; gia đình ngồi quây quần và cười vui trên những chỗ ngồi mời gọi; những đứa trẻ đã từng chơi đùa trên tấm thảm mềm; một bà nội mạng lại chỗ thảm rách dưới ghế đu cũ. Leda chỉ là một khách viếng thăm thoáng qua, một sự hiện diện xa lạ đến rồi đi và nhanh chóng bị lãng quên.

Ông Gerard bước vào mà không gây tiếng động; cô quay khỏi những giá sách, những ấn phẩm truyện *Alice ở xứ sở Thần tiên*, *Truyện cổ tích của anh em nhà Grimm*, và thấy anh đứng ở đó, một thiên thần băng giá và uy lực trong y phục của một con người.

Cô đã chuẩn bị trước một bài tuyên bố ngắn, nhưng cô không nhớ nổi. Sự thân ái đúng quy ước dường như không thể xoay sở với—một người mà cô vừa trò chuyện ngay trong phòng ngủ—ngay trong giường—chia sẻ một vòng ôm vô cùng thiếu đứng đắn. Cô đỏ mặt và đứng yên lặng nhìn anh, cố tin rằng những gì cô còn nhớ là sự thật. Người đàn ông này, tóc vàng lạnh lùng, đã hôn và ôm cô, đi vào trong cô, ngủ với cánh tay choàng quanh cô.

“Cô Etoile.” Anh cũng không màng đến phép lịch sự. “Chúng ta sẽ kết hôn sau Giáng sinh, nếu thời gian đó hợp ý cô.”

Cô nhìn tránh đi trước câu nói dừng đọng. Cô nắm hai bàn tay vào nhau và ngồi xuống cái ghế đu, nhìn không chớp vào những ngón tay mình. “Ông Gerard—xin ngài đừng cảm thấy mình phải—rằng ngài buộc phải đưa ra—một quyết định không thể thay đổi. Có thể—ngài sẽ cần thêm thời gian cân nhắc.”

“Tôi sẽ cân nhắc gì đây?” Sự chua xót lộ ra dưới vẻ thờ ơ của anh. “Quyết định đã được hoàn thành vào tối qua. Và nó không thể thay đổi được, thưa Cô Etoile.”

“Nhưng...Tiểu thư Kai...”

“Tôi không còn được sự chấp thuận của cha mẹ cô ấy nữa. Hay tình cảm của cô ấy.”

Leda vịn vịn ngón tay. “Tôi rất tiếc,” cô thì thầm. “Tôi rất lấy làm tiếc.”

“Nói cho tôi biết một chuyện. Hãy nói sự thật.” Gương mặt anh căng thẳng. “Có phải tôi là người đầu tiên?”

Trong một lúc cô không hiểu ý anh. Rồi cô cảm thấy màu đỏ dâng lên ngực, cổ và mặt mình. Cô tấn chân xuống sàn, ngã ra ghế đu, một cố gắng vô vọng để núp trong ghế. “Vâng.”

Mắt anh gặp mắt cô với một cái chớp nóng bỏng. Gương mặt cô đỏ dừ. Người đầu tiên. Chẳng lẽ anh nghĩ sẽ còn có người thứ hai hay sao? Anh nghĩ cô có thể chịu được cảm giác bị chạm vào như thế bởi ai khác ngoài anh ư?

“Tôi đã không biết.” Anh quay đi. Những lời nói nhát gừng của anh hàm chứa sự giận dữ và thất vọng. “Tôi không—kinh nghiệm lắm ở lĩnh vực đó.”

Leda bật khỏi cái ghế đu, đứng thẳng một cách cứng nhắc. “Ông Gerard, tôi sẽ không bao giờ dính líu đến các quý ông theo kiểu gần gũi thô lỗ như thế.”

“Không ư?” Anh ném một ánh nhìn chằm biếm về phía cô.

Leda bất chợt nhớ rõ như ban ngày về cơ thể anh nằm trên cô, hai bàn tay anh trong tóc cô, cảm giác làn da trần áp vào da cô. “Lẽ ra tôi không nên để như thế!” cô thốt lên. “Tôi đã quá sai trái!”

“Tôi ước gì cô đã nhớ những nguyên tắc đó vào tối qua.”

“Tôi đã tưởng ngài cô đơn! Tôi không biết—ngài có ý—như ngài định.”

Ánh mắt anh nhìn bao quát cô. Cô nắm chặt hai bàn tay.

“Tôi bảo đảm, thưa ngài, rằng tôi chưa từng biết một chuyện như thế *có thể* xảy ra! Tôi chắc chắn chưa từng có ai bảo với tôi chuyện đó!” Cô phẫn nộ hếch cằm lên. “Mà tôi cũng sẽ không tin họ nếu họ bảo!”

Một nụ cười kỳ lạ lần theo đường nét của môi anh. “Tôi đã được bảo sẽ thấy cô khóc lóc thảm thiết, và tái nhợt vì mất máu.”

“Tôi dám chắc bất cứ ai cũng sẽ khóc. Dù chỉ vì quá ngạc nhiên. Đó là trải nghiệm lạ thường nhất trong đời tôi.”

“Phải.” anh nói. “Cả của tôi nữa.”

Cô ngồi xuống, và bắt đầu nhún ghế liên hồi. “Và giờ họ đều nghĩ—” Cô cắn môi. “Thật là mất thể diện! Mọi người đều nhìn tôi! Chúng ta có phải kết hôn trong khi ngài sẽ ác cảm với tôi vì chuyện đó không? Phu nhân Tess nói đó là cách mà—đó là—những đứa bé, ngài hiểu mà. Và tôi phải đợi nhiều tuần mới biết chắc được!” Cô bật khỏi ghế ngồi và quay mặt đi, nhắm nghiền mắt, hai tay ôm ghì lấy thân. “Tôi sợ!”

Anh không đáp lại. Khi cô mở mắt, anh đang đứng bên cô, gần đến đến choáng váng.

“Ô!” Cô thở hắt ra, giật mình. “Làm thế nào ngài làm được thế, trong khi chỗ nào trên sàn cũng kêu ken két?”

Anh đỡ cằm cô, giữ lấy cô trong khi anh nhìn xuống mắt cô. “Cô sợ chết khiếp.”

“Không, tôi không có. Tôi không được dạy dỗ để thể hiện những cảm xúc tầm thường. Nhưng nếu tôi có sợ, thì tôi chắc bị nhìn chăm chú, bị người này thì thầm sau lưng, bị người nọ chỉ trỏ, và kết hôn với một quý ông sẽ ghét tôi, cho tôi đủ lý do! Và ngài không cần nhắc tôi phải thờ đâu, Ông Gerard. Tôi chắc chắn ngài sẽ hài lòng nếu tôi không thờ nổi, rồi ngài sẽ không phải vương bận vì tôi nữa.”

“Không. Cô sẽ chỉ tái xanh rồi ngất, rồi sau đó cô vẫn sống như thường. Và tôi vẫn phải kết hôn với cô.”

“Ngài sẽ không phải làm thế nếu ngài không muốn! Tôi đã cố nói với Phu nhân Tess, chỉ cần tôi có một thư giới thiệu—”

Những ngón tay anh nắm chặt quanh cằm cô. “Cô sẽ không cần thư,” anh nói. “Chúng ta sẽ kết hôn trong vòng ba tuần. Tôi sẽ chăm lo cho cô.”

Cô nuốt xuống. “Phu nhân Tess đã bảo ngài sẽ chăm sóc tôi.”

“Thế ư?” Anh thả cô ra. “Bà hiểu tôi.” Môi anh cong lên trong vẻ hài hước ử ử. “Bà biết tôi sẽ không làm bà thất vọng.”

Lễ cưới diễn ra vào một ngày mây gió của tháng Một, trong nhà thờ kín ở Westpark, với Tiểu thư Kai làm phù dâu cho Leda. Tất cả đều mang vẻ hư ảo và không thực như bộ váy xatanh màu trắng và mạng che mặt tinh khôi bằng vải tuyen mà Leda mang, được làm vội vàng bởi Bà Elise và gửi đến từ Luân Đôn chỉ mới hôm qua, cùng với một tin nhắn chúc mừng cá nhân từ người đàn bà có tâm hồn kinh doanh này, bà ta mong Cô Etoile sẽ vui lòng cho bà ta vinh hạnh được cung cấp những bộ váy thời trang và gu thẩm mỹ cần thiết để hoàn tất đồ đạc xuất giá.

Leda không chắc ai đã trả tiền cho bộ váy, hay bộ váy lụa ni lông màu mơ của Tiểu thư Kai với cái nơ lớn ở sau lưng, và cả những nụ hoa cam đã quá mùa sức nức trong không khí. Cô e đó là Ngài Gryphon, ông đã vô cùng tao nhã khi chờ cô ở góc giáo đường, và đã bóp nhẹ cánh tay cô một cách trấn an khi họ dợm bước dọc theo lối đi. Nếu ông không ở đó để nâng đỡ cô, Leda biết đầu gối mình sẽ khụy xuống và cô sẽ phủ phục xuống nền đá trong nỗi thống khổ và lo sợ.

Nhà thờ nhỏ sáng rực và được quét vôi trắng, thậm chí vào một ngày u ám, một khung cảnh ngây ngất thế kỷ mười tám của nghệ thuật điêu khắc và sự hài hòa. Leda biết cô không thuộc về nơi đó—chẳng có vị tổ tiên quý tộc nào của cô từng sáng tạo ra một nơi chốn thần tiên như thế này.

Tuy vậy, Ông Gerard lại hợp với khung cảnh trang nhã còn hơn cả phù rể là Ngài Robert, anh ta loay hoay với lỗ khuyên khi âm nhạc vang trong giáo đường. Ông Gerard đứng bất động, mặc một áo khoác buổi sáng màu đen, vừa khít, quan sát trong khi giáo đoàn thừa thốt đứng dậy, từng hàng từng hàng một, lúc cô bước qua—và cô nghĩ không ai, dù trong tưởng tượng hay ngoài đời thực, có thể tạo tác đúng đến từng chi tiết hình ảnh của vẻ hoàn hảo lạnh lùng, rực rỡ, tàn nhẫn đến thế.

Rồi qua mạng che mặt, cô thoáng thấy Phu nhân Cove—Phu nhân Cove! Hai mắt cô cay; cô phải cắn môi cưỡng lại cảm xúc ứa tới. Họ từ Phố South đến: Phu nhân Cove đứng lên với gương mặt chăm chú và khăn tay để sẵn, đội một chiếc mũ nặng trĩu với một thứ dường như là con gà gô nhồi bông—quá mới mẻ và thời trang đến mức gần như thiếu nhã nhặn—và kia là Bà Wrotham, đội cái mũ chớp đẹp nhất của bà, được mua tại Paris từ hai mươi năm trước. Nhưng chính Cô Lovatt trang nghiêm, những giọt nước mắt đối với bà là sự yếu đuối của tầng lớp bình dân, làm mặt lạnh rồi giật khăn tay của Phu nhân Cove để chạm mắt với một cái nhìn mặt bực bội và miệng mếu máo, là người bẻ gãy sự bình tĩnh của Leda. Mọi thứ hoàn toàn trở nên mờ ảo. Cô nắm chặt cánh tay Ngài Gryphon, bước đi mà không nhìn thấy gì phía trước, với những giọt nước mắt nóng hổi tuôn rơi sau tấm mạng.

Họ tưởng nó là thật. Họ đã đến từ tận Luân Đôn, hẳn là bắt tàu, ngay cả khi Bà Wrotham bị

sự rung lắc của xe hơi làm say xe dữ dội. Họ là bạn cô; họ mừng cho cô—và tất cả chỉ là một màn kịch, kể cả bộ váy trắng tượng trưng cho sự trong trắng.

Ngài Gryphon thả cánh tay Leda. Tiểu thư Kai cầm lấy bó hoa từ tay cô, mỉm cười phấn khích. Rồi chẳng còn lựa chọn nào khác—Leda phải quay sang và đối mặt với anh.

Qua tấm mạng và màn nước mờ ảo, cô chỉ thấy hình dáng anh, màu đen và vàng. Cô nghe giọng anh, và nó vững vàng, không cảm xúc. Tình yêu thương, sự nương tựa, niềm trân trọng. Làm sao anh có thể nói ra điều đó? Cô không nghĩ mình có thể thốt ra một âm thanh nào.

Vậy mà khi đến lượt cô, những lời nói tuôn ra, rõ ràng và kiên quyết. Cô thật lòng yêu anh. Yêu thật sự. Đó là khoảnh khắc thật duy nhất trong suốt trò đùa của nghi lễ.

Khi ốm đau cũng như khi khỏe mạnh, cho đến khi cái chết chia lìa chúng ta.

Anh giở mạng che mặt của cô lên. Cô chớp mắt, và thấy anh thật rõ ràng. Mắt anh, mi đen, màu xám của tia sáng đầu tiên; gương mặt anh hoàn hảo đến siêu thực; khuôn miệng đã từng nếm môi cô. Cô thấy anh nhận ra những giọt nước mắt. Một sự căng thẳng vô cùng khó nhận thấy thắt lấy quai hàm anh khi anh cúi đầu và phớt môi lên gò má ướt của cô.

Phu nhân Tess di chuyển quanh căn phòng. Bà lật khăn trải giường xuống, giật gối, kéo những tấm rèm đã đóng, rồi vuốt thẳng bộ váy trắng mà cô hầu đã treo trong ngăn tủ trống. “Đây là phòng ngủ của bà nội ta. Cháu có thể trang trí nó nếu cháu thích. Ta e nó đã quá lỗi thời rồi.”

“Căn phòng đẹp mắt lắm, thưa phu nhân,” Leda nói.

“Cứ gọi ta là Tess.” Bà chỉnh lại cái khung hình bầu dục được gắn trên sợi dây treo hình, một tấm hình có cậu bé đang câu cá. Cử chỉ bồn chồn của bà khiến Leda thậm chí còn căng thẳng hơn hiện tại.

“Ồ, cháu không thể—”

“Ta xin cháu đấy.” Bà nhìn lên. “Tess. Cách gọi ngắn của Terese ấy mà, ta phải thú nhận là ta vô cùng ghét cái tên đó.”

“Vâng, thưa phu nhân—Tess.”

Một cái hộp sứ nằm trên bàn trang điểm màu trắng và vàng. “Cái này là Samuel gửi. Cậu ấy nhờ ta đem nó đến cho cháu.”

Leda nhận lấy món quà không điểm xuyết. Cô ngáp ngừng một thoáng, nhưng Phu nhân Tess—Tess, mặc dù Leda ngờ cô có thể thiếu lễ phép đến mức gọi bà như thế—quan sát cô đầy trông đợi, nên cô ngồi xuống một cái ghế bành và mở nắp hộp. Bên trong, trên lớp xa-tanh màu hồng, là một cái lược và gương, vô cùng thân thuộc đến tận hình lõm đốm trên mặt gương

cũ mà Leda luôn nghĩ trông như mặt một con yêu tinh ló ra từ mép gương.

“Ông Gerard đã tìm thấy cái này ạ?” Cô cảm thấy sự ghen ngào dâng lên cổ.

“Leda.” Phu nhân Tess nghe có vẻ bức mình. “Ta ước gì cháu đừng khóc nữa!”

“Vâng, thưa phu nhân.” Leda sụt sịt và cúi đầu. Rồi cô nhìn lên và bật ra một tiếng cười nghèn nghẹn. “Đó chính xác là điều Cô Myrtle sẽ nói với cháu.” Cô chạm vào gương, vuốt tay theo hoa văn trong khung bạc. “Cháu không hề nghĩ sẽ được nhìn thấy nó lần nữa.”

“Cháu có muốn ta chải tóc cho cháu không?” Không chờ đồng ý, Phu nhân Tess nhấc cái lược lên và bắt đầu tháo ghim và kẹp khỏi tóc Leda.

Tóc cô buông xõa, cong cong, cuộn quanh vai cô. Phu nhân Tess làm việc một cách thăm lặng, và không quá nhẹ tay, trong một lúc. Leda cố không nhăn mặt.

“Chà, ta sẽ lại lo chuyện bao đồng lần nữa.” Giọng Phu nhân Tess thoáng vẻ bức bối mà Leda đã quen hiểu nó có nghĩa là bà đang lo lắng, hoặc băn khoăn. “Ta cũng không có mẹ vào lúc ta kết hôn, nhưng ta có một người bạn. Ta muốn làm bạn cháu, Leda ạ. Cháu có phiền lắm không nếu ta ngồi xuống và bảo cho cháu vài điều mà ta nghĩ cháu nên biết?”

“Cháu không phiền đâu thưa phu nhân. Tất nhiên là không rồi ạ.”

“Gọi Tess đi, ta xin cháu đấy.”

“Ôi thưa phu nhân—cháu không thể. Cháu rất lấy làm tiếc! Làm thế sẽ có vẻ quá bất kính ạ.”

Phu nhân Tess ngồi xuống mép chiếc giường cao, bàn chân gác lên ghế nhỏ bên cạnh, tay cầm lược của Cô Myrtle. “Chà, Samuel cũng chưa bao giờ dám gọi ta như thế, nên ta cho rằng cũng không sao cả. Mặc dù bị gọi như thế khiến ta cảm thấy già và lèm còm quá. Chẳng có ai gọi ta là “Phu nhân” trong suốt hai mươi năm đầu đời của ta, và ta nghĩ sẽ thiếu tử tế và không đáng hoan nghênh khi mọi người cứ gọi ta là phu nhân cho đến ngày ta mất.”

Leda ngay lập tức quay sang bà. “Phu nhân không hề già chút nào. Ý cháu là Tess! Cháu sẽ cố!”

“Cám ơn cháu. Ta đã cảm thấy trẻ trung hơn rồi đây.” Bà nghiêng đầu. “Giờ, ta sẽ bảo cho cháu biết những gì ta học được từ bạn ta, và cháu không được hoảng vía đâu đấy.” Bà mỉm cười. “Chà, cháu có thể hoảng vía nếu cháu muốn—ta cho rằng hy vọng cháu không bị sốc sẽ là yêu cầu quá nhiều—nhưng sau đó cháu phải hứa quên Cô Myrtle và lễ giáo các thứ đi, và nghĩ về những gì ta nói.”

Leda cảm giác mình đỏ hồng lên. “Là về chuyện...”

“Phải, về chuyện đó đấy. Cháu và Samuel. Không sao đâu, Leda—đừng nhìn tránh đi nơi khác. Cháu giờ là một phụ nữ đã có gia đình. Cháu nắm trong tay khả năng ban cho chồng cháu

khoái cảm, hoặc có thể khiến cậu ấy khốn khổ. Đó sẽ là sự lựa chọn của cháu, nhưng ta không muốn cháu lựa chọn trong khi thiếu kiến thức.”

“Không đâu, thừa phụ nhân. Ý cháu là Tess.”

“Bạn ta tên là Mahina Fraser. Bà ấy đến từ Tahiti. Và ta có thể bảo đảm với cháu, Leda à, chẳng có ai lại cời mở trò chuyện về tình yêu thể xác giữa nam và nữ hơn một người Tahiti đâu.”

“Ồ,” Leda hồ nghi nói.

“Cháu đã bao giờ nghe đến Tahiti chưa? Đó là một hòn đảo. Mahina đã nói với ta những điều này trên bờ biển. Lúc đó chúng ta có cát nóng rơi vào chân, và tóc xõa, như tóc cháu hiện giờ ấy. Đàn ông thì khác hơn chúng ta một chút, nhưng ta nghĩ một phụ nữ đòi hỏi phải thư giãn mới có thể làm tình đàn ông được. Tóc không thắt không buộc, và không e sợ.” Đôi mắt đẹp của bà nheo lại trên chóc. “Đấy—ta đã làm cháu sướng rồi, mà chúng ta còn chưa vào đề cơ mà. Cháu có sợ Samuel không Leda?”

Câu hỏi được đặt ra quá đột ngột khiến Leda chỉ biết chớp mắt.

“Cậu ấy có làm cháu đau không?” Tess dịu dàng hỏi.

Leda nhìn xuống lòng mình, chà ngón tay cái lên tay cầm bằng bạc của chiếc gương. “Có ạ.”

“Tin ta, xin hãy tin ta—rằng chuyện đó chỉ tạm thời thôi. Nó sẽ không còn đau nữa sau một thời gian; mà nếu có thì có nghĩa là có gì đó không ổn. Đừng quên điều đó. Và đừng—*đừng*—để cho Samuel tin điều ngược lại. Bởi vì ta e cậu ấy đã tin như thế rồi cháu ạ. Ta sẽ kể cháu nghe về Samuel ngay bây giờ, nhưng ở điểm này thì ta đứng. Ta già hơn và cổ lỗ sĩ và ta hiểu chuyện đó nhiều hơn hai cháu. Cơ thể một cô gái cần một chút thời gian để thích ứng, và đó là lí do bị đau hay chảy máu. Cháu có hiểu không?”

Leda nuốt trôi. Cô gật đầu.

“Mỉm cười cho ta nào. Nó không kinh khủng đâu. Nó rất dễ chịu. Cháu có bao giờ bị cát ầm lọt vào kẽ chân chưa?”

“Chưa thừa phụ nhân.”

“Vậy cháu hãy nghĩ đến thứ gì ấm và cảm giác dễ chịu. Một cái chăn nhồi lông. Một cái khăn choàng bằng ca-sơ-mia chẳng hạn.”

Ánh mắt Leda thoáng đến chiếc giường phủ trướng. Ánh mắt lạnh lẽo của Tess gặp ánh mắt cô. Leda đỏ bừng mặt.

“Cháu đang nghĩ về Samuel đó à?” Tess nhún nhảy cứ như bà là một đứa trẻ háo hức và nghiêng người tới trước. “Tuyệt vời. Giờ ta sẽ nói cho cháu tất cả những gì Mahina nói với ta

về đàn ông...và tất cả đều đúng.”

Đến lúc Tess nói xong, Leda biết những cái tên bằng tiếng Tahiti cho những thứ mà cô chưa bao giờ nghĩ có tồn tại, và cho những nơi mà cô chỉ nghĩ mơ hồ là “ở đó”. Nếu là Cô Myrtle thì bà đã chết ngất từ trước khi Tess đưa sang Leda một cái nhìn trêu chọc và nói, đến lần thứ hai mươi, “Giờ ta đã làm cháu sướng rồi. Đừng cười nhé. Nó nghe có vẻ ngớ ngẩn hơn sự thật đấy.”

“Ôi trời ơi,” Leda nói qua kẽ ngón tay. “Nếu nó chỉ ngớ ngẩn bằng một nửa những gì cháu nghe thì cháu không biết làm sao người ta xoay xở được.”

“Cháu sẽ xoay xở được. Và đừng có bật cười vào những lúc không thích hợp, nếu không cháu sẽ làm tổn thương cậu ấy. Đàn ông rất nhạy cảm. Và Samuel thì...” Bà trở nên trầm tư, dùng đưa cây lược trong tay. “Ta nghĩ mình nên nói với cháu về cậu ấy, Leda ạ. Cậu ấy sẽ không muốn ta xen vào, nhưng—” Môi dưới của bà mím lại một cách ngoan cố. “Nhưng ta là một bà già thích xen vào chuyện người khác cứ nghĩ mình biết điều gì là tốt nhất.”

Có điều gì đó trong dáng vẻ cẩn trọng mà bà đặt cây lược lên giường và nhóm dậy, tay bám vào trụ giường, khiến tim Leda đập nhanh hơn.

“Tất cả những thứ ta đã nói với cháu lúc nãy—” Tess nói, “—ta tin chúng đúng đắn và tốt đẹp cho những người quan tâm đến nhau. Trong hôn nhân. Ta nên bảo với cháu là ta đã từng kết hôn một lần trước đây, rất lâu rồi, khi ta còn rất trẻ và cực kỳ ngu ngốc. Hôn nhân bị hủy sau một thời gian ngắn.”

Leda tìm lại sự ngạc nhiên của bản thân, không biết phải lên tiếng thế nào.

“Người đàn ông đó là—Ông Eliot. Ông ta đã—rất đáng sợ. Chuyện đó đôi khi vẫn còn khiến ta lo lắng, vì ta không hiểu được tại sao ông ấy lại như thế. Sao ông ta lại làm với ta—những gì ông ta đã làm.” Ngón tay bà trở nên trắng bệch ngay chỗ bà bám vào trụ giường. “Có những người làm rối loạn những chuyện đó, Leda ạ, và lật ngược chúng lại, và biến tình yêu thành một thứ gì đó khủng khiếp. Và ta không biết tại sao—ta thật sự không thể giải thích được phần đó, ngay cả khi ta đã già và khôn ngoan hơn.” Bà mỉm cười châm biếm và hít vào, như thể vũ trang cho bản thân để tiếp tục. “Có những người đàn ông sẽ trả tiền cho phụ nữ để làm những gì ta vừa nói, và hầu hết họ đều nên được thương hại, vì chẳng có chút tình yêu nào trong đó. Có những người đàn ông sẽ trả tiền cho những người đàn ông khác. Có những người đàn ông sẽ trả tiền mua những đứa trẻ.”

Sống lưng Leda thẳng lại. Cô nhìn về phía người phụ nữ mảnh khảnh đang tựa vào trụ giường.

“Đêm đầu tiên ta vào nhà Ông Eliot, một cậu bé bước vào phòng ta. Cậu bé ấy—khoảng năm—hay sáu tuổi. Ta không biết rõ. Đó là Samuel.” Bà nói đều đều, nhưng giọng bà thoáng run. “Cậu bé ấy rất biết nghe lời. Không hề nói một tiếng nào. Ông Eliot trói tay cậu và đánh cậu. Và đánh rất mạnh—ta không thể hiểu được điều đó, hay cắt nghĩa được, hay thậm chí là

nói về nó—nhưng đó là một phần cách lấy khoáicảm của Ông Eliot. Và khi ta phản đối—quyết liệt—ông ta nhốt ta vào một căn phòng, và không mở cửa cho ta suốt gần một năm.”

Vẻ run nhẹ trong giọng bà đã trở thành tiếng run rẩy có thể nghe thấy được. Bà đứng không động đậy, mắt nhìn xa xăm vào một góc phòng.

“Khi cháu nghĩ mình an toàn,” bà nói, “khi cháu nghĩ mọi thứ đều dễ hiểu và hợp lý và mọi người đều có vẻ như họ thể hiện, và một điều như thế xảy đến với cháu...cháu sẽ không bao giờ quên được. Không bao giờ. *Không bao giờ* ta quên—”

Giọng bà cuối cùng vỡ òa. Leda đứng lên, không biết phải làm gì hay giúp đỡ bà thế nào. Tess quay lại, và gặp ánh mắt ngẩn ngại của cô. Bà mỉm cười, nhưng chẳng có ánh hài hước nào trong mắt bà.

“Nó thay đổi ta. Thế giới không bao giờ còn như cũ nữa. Và ta thật may mắn—ta có những người bạn đã giải thoát ta và đem ta đi và dàn xếp vụ hủy hôn, và rồi ta có Gryf—nhưng ta không thể quên được cậu bé đó. Chúng ta đã thuê thám tử tìm kiếm trong gần ba năm. Cậu ấy được tìm thấy ở nơi mà trẻ em bị bán cho đàn ông.”

Leda vẫn đang đứng. Cô ngồi thụp xuống ghế.

“Ta không—ta không muốn làm cháu phiền lòng đâu, Leda. Ta chỉ muốn cháu có thể hiểu được cậu ấy một chút. Cháu nói cậu ấy làm cháu đau lần đầu tiên—và cũng khiến cháu sợ, ta nghĩ vậy. Cháu thử tưởng tượng xem sẽ như thế nào, khi chưa đến tám tuổi đầu, và một mình trong một nơi như thế.”

Leda kéo đầu gối lên ghế và tựa mặt lên đó. Cô nghĩ đến tất cả những món quà nho nhỏ đầy tình cảm của anh dành cho Tess, được lựa chọn thật tỉ mỉ; đến đồng tiền trên sợi dây cô đeo quanh cổ; đến cây lược và chiếc gương bạc. Và cô nghĩ, với sự chắc chắn đột ngột, về sự rập khuôn kỳ lạ của những vụ trộm bí ẩn của anh trong phố.

Cô nghĩ: *Anh định xóa sổ những nơi đó.*

Thay vì những cuộc diễu hành, những lời ca tụng và những cuộc vận động, anh chỉ đơn giản, một mình và thầm lặng, khiến cho những nơi đó không thể tồn tại được trước búa rìu dư luận.

“Ngài ấy thật đáng nể,” cô nói, giọng bị khóa lấp bởi váy ngủ.

“Cháu nghĩ thế ư?” Tess có vẻ tràn trề hy vọng.

Leda gật đầu vào đầu gối.

“Tạ ơn Chúa.” Tess thở dài, một tiếng thở dài và sâu. “Ta đã rất sợ phải nói với cháu. Ta sợ—ta biết mình nên nói với cháu, nhưng ta sợ cháu sẽ không muốn kết hôn với cậu ấy nữa.”

“Cháu luôn muốn điều đó,” Leda thú nhận mà không ngẩng mặt lên. “Cháu chỉ sợ—rằng

ngài ấy không muốn.”

“Nhưng cậu ấy đã làm đấy thôi.”

Leda quặp những ngón tay vào váy. “Bởi vì ngài ấy không còn lựa chọn nào khác.”

“Không còn lựa chọn nào khác ư?” Giọng Tess có một thanh âm cứng rắn của ngò vức. “Ta e như thế thì cảm thông cho cậu ấy nhiều hơn cậu ấy xứng đáng. Chẳng có ai bắt cậu ấy làm tình với cháu. Chẳng có ai dụ dỗ cậu ấy ngủ lại với cháu như cậu ấy đã làm, trong khi cậu ấy cũng biết rõ như cháu và ta rằng gia nhân sẽ bắt đầu làm việc lúc sáu giờ. Chẳng có ai thuyết phục cậu ấy rằng sẽ không có hậu quả. Cậu ấy là một người đàn ông trưởng thành; cậu ấy chẳng làm một điều gì mà cậu ấy không có toàn quyền không làm.”

Leda không thể nhìn lên. “Cháu vẫn sợ ạ,” cô thì thầm.

Tess đến chỗ cô, và chạm vào tóc cô. “Ừ. Tất nhiên cháu sợ. Bất cứ ai cũng sẽ sợ, khi họ phải đối mặt với tương lai và băn khoăn chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng ta sẽ nói cho cháu một điều đem lại cho ta rất nhiều hy vọng. Cháu đã nói—cậu ấy đáng nể. Nếu ta mà nói với Kai, nó sẽ không thấy cậu ấy đáng nể. Nó sẽ băn khoăn, rồi nó sẽ thương hại cậu ấy, và cậu ấy sẽ chết trước khi cậu ấy chịu đựng điều đó. Cậu ấy rất kiêu hãnh, mà cũng vô cùng hổ thẹn.”

“Ngài ấy không nên thấy hổ thẹn.” Leda ngẩng đầu lên. “Chuyện xảy ra không phải lỗi của ngài ấy.”

“Ôi Leda.” Tess mỉm cười. “Ta hóa ra là một bà già khôn ngoan làm sao chứ, khi tin cháu sẽ hiểu được điều đó.”

“Tất nhiên cháu hiểu, thừa phu nhân. Ai lại không chứ?”

“Samuel đấy,” Tess nói đơn giản. Bà nắm cả hai tay Leda. “Và giờ ta đã can thiệp đủ với cháu và tương lai của cháu rồi. Ngay cả những bà già phiền phức như ta cũng phải biết kiềm chế. Ta sẽ bảo với Samuel là cậu ấy có thể lên lầu. Hãy sống hạnh phúc nhé, Leda.” Bà xiết tay cô, rồi đến cửa. “Cháu cũng rất đáng nể đấy, cháu biết không.”

Cánh cửa đóng lại sau lưng bà. Leda ngồi bó gối.

Cô cầm gương của Cô Myrtle trong tay và nhìn xuống bản thân trong gương. Mái tóc cô cong lại quanh vai và gò má. Cô đã nghĩ đó là một gương mặt chẳng có gì đáng nể—chẳng thông minh, tự tin mà cũng chẳng khôn ngoan gì cả.

Samuel diễn vai trò đã được sắm cho anh. Anh nhận những lời chúc tụng, mỉm cười khi được trông mong phải mỉm cười, ngồi xuống và đứng lên và làm những gì phải làm suốt một ngài dài như không bao giờ kết thúc. Hầu hết những vị khách—đoàn lãnh sự Hawaii, một vài cộng tác kinh doanh của anh, và ba quý phu nhân lớn tuổi bên Cô Etoile—đều chẳng biết gì về tình cảnh tai tiếng của họ, mặc dù anh ngờ còn lâu nữa họ mới biết. Viễn cảnh đó khiến anh không yên; anh không muốn cô là chủ đề của những cái nhìn và lời thì thầm dày vò cô.

Nên anh đảm bảo mình tỏ vẻ thật vinh dự được ban cho Cô Etoile làm vợ, như một trong những quý bà nhỏ người với giọng nói dịu dàng, thoang thoảng với một con chim chết gắn trên mũ đã nói. Nụ cười của anh không hẳn là giả vờ; những quý phu nhân nhan sắc đã phai này, với những mùi hương nồng của hoa violet và xà phòng, sự hứng thú mạnh mẽ của họ với những thứ sẽ được dọn lên để phục vụ tiệc cưới, những mưu mẹo phức tạp của họ để thỏa mãn tính hiếu kỳ về sự chuẩn bị của những người trong nhà—mọi thứ từ gia nhân đến lượng than được tiêu thụ để sưởi ấm những căn phòng lớn như thế—mà không hề để lộ tính tò mò thiếu tôn trọng, niềm tự hào đối với Cô Etoile “của họ” và sự quan tâm thành thật mà họ dành cho hạnh phúc của cô—anh thấy họ có một sức ảnh hưởng kỳ lạ. Họ chỉ đưa ra những yêu cầu đơn giản nhất: một câu ước lượng về số nến trên cây đèn chùm trong phòng ăn cũng đủ dỗ dành họ, một lời hứa cho đầu bếp gửi công thức làm nước chanh cho họ cũng làm họ vừa lòng, một tách trà do chú rể đích thân đem đến đẩy họ vào một tình trạng bối rối duyên dáng của sự phấn khích ngượng ngáp.

Anh trải qua hầu hết cả buổi chiều bên cạnh họ, lảng tránh những cuộc chuyện trò đào sâu, như anh đã tránh chúng kể từ Giáng sinh bằng cách đi đến Luân Đôn và Newcastle, nghiên cứu tiềm năng của tua bin hơi nước của Charles Parsons. Trong lúc Samuel không ở nhà, Ngài Haye đã trở lại Westpark—with một động cơ rõ đến mức Samuel tự hỏi với sự khinh thường lãnh đạm tại sao lễ đính hôn vẫn còn chưa được tuyên bố.

Anh sẽ không ở đây để thấy điều đó xảy ra. Ngắm sự hào hứng của Kai trong buổi tiệc chúc mừng hôn lễ, nghe thấy Phu nhân Tess nói về những thứ có thể được trồng trong vườn vào mùa xuân, anh nghĩ: *Mình sẽ không ở đây.*

Nó như một cái hang bất ngờ dưới chân anh. Anh cảm thấy bàng hoàng vì nó.

Nhưng anh đã luôn là người ngoài cuộc. Anh chỉ đơn giản là chứng minh điều đó, khi cuối cùng cũng đầu hàng phần tăm tối chưa bao giờ từ bỏ anh.

Anh đã cố, cố quay lưng và ngoảnh mặt đi. Nhưng phần kia vẫn cứ ở đó. Giờ nó đang ở đây, ngay bên trong anh, dột thành sự sống mãnh liệt khi Phu nhân Tess đưa Cô Etoile—vợ anh, lạ Chúa...vợ anh—lên lầu cùng bà.

Robert cười toe và nháy mắt với anh. Anh đáp lại bằng một cái nhìn khắc khổ không chớp. Những người khác vẫn tiếp tục trò chuyện, như thể đấy là chuyện bình thường nhất. Nhưng anh cảm nhận được dấu hiệu của sự phân tâm bên dưới vẻ điềm nhiên bề ngoài. Chẳng có ai khác nhìn thẳng vào anh nữa. Họ mỉm cười với thứ gì đó sau lưng anh hoặc ở quanh anh, như thể anh khiến họ ngượng ngịu chỉ vì anh đang đứng đó.

Anh cảm thấy mình trở nên tê dại. Chẳng lẽ điều đó rõ ràng đến thế ư, điều mà anh muốn? Ngay cả bây giờ, khi nó đã hủy hoại cuộc đời anh, khi nó đã khiến anh lao đao đến mức này, anh vẫn khao khát được nằm xuống cùng cô và được bao phủ trong ngọn lửa bí mật, cảm dỗ đó ư?

Ngay cả Kai cũng tránh né anh, viện đến một cơn mệt mỏi bất chợt, làm một cử động như thể để nắm tay anh, rồi, hai má đỏ hồng, rút tay lại mà không chạm vào anh. “Chúc buổi tối tốt đẹp, Mano. Chúc mừng anh.”

Cứ như đó là một tín hiệu, tất cả mọi người bắt đầu cáo từ. Trong khi mẹ cô không có mặt, Kai dẫn đoàn khách nghỉ lại qua đêm về phòng họ, trong khi Robert và Haye thả bộ ra ngoài cùng nhau. Samuel bị bỏ lại một mình trong phòng khách, giữa những bông hoa mà Kai đã cột lại bằng dây xa-tanh màu trắng, bàn để quà, tấm mạng che mặt bị bỏ lại trên tấm nệm thêu ở chỗ ngồi bên cửa sổ.

Vợ anh, anh nghĩ.

Ngay cả từ đó cũng có vẻ xa lạ. Nhưng sự thiêu đốt chầm chậm của khát vọng—thì anh biết: đó là cái bóng của nửa còn lại của anh, kẻ thù bên trong anh.

Chương 28

Anh đến với cô vì nếu không sẽ là một thất bại. Đó sẽ là một lời thú nhận rằng anh chẳng có chút kiểm soát nào đối với bản thân.

Cô ngồi cuộn tròn trong một cái ghế khi anh bước vào, tay bó gối, như một bức tranh mà anh từng thấy về một cô bé suy tư nép mình trong một góc phòng, tóc xõa tung, phủ xuống cùng những dải nơ trên váy. Nắm cửa kêu đánh tách khi anh thả nó ra. Đầu cô xoay ngay lại. Cô nhìn về hướng anh rồi ngay lập tức đứng lên, chụp lấy cái áo choàng ngoài được máng lên lưng ghế.

Bàn chân trần của cô, cái phất của mái tóc khi cô vượt nó qua cổ áo, đường cong của má cô khi cô e thẹn nhìn tránh đi nơi khác...Anh chỉ đứng đó, cảm lạnh vì cường độ phản ứng trong anh.

Anh không thể mở miệng để nói điều anh dự định. Anh đã định sẽ lập lời thề, để hứa sẽ không chạm vào cô, nhưng anh không thể.

Không phải bây giờ—chưa phải bây giờ.

“Em để cái này dưới lầu.” Anh đưa tấm mạng che mặt trong tay phải, những tắc lùa gấp lại giữa những ngón tay.

“Ồ! Ngài không nên cầm nó như thế.” Cô đón lấy chồng bông trắng và cẩn thận vuốt phẳng nó. “Cầm như thế có thể làm rách vòng hoa. Nó là kiểu Ai-len—những bà xơ đã đặc biệt làm từ hàng trăm suốt chỉ. Em có một công thức để giặt nó bằng sữa và cà phê để có màu tự nhiên.

Không nên hồ bột nó, ngài biết không, hay ừi.” Cô liếc nhanh anh rồi đem nó đến tủ gương. Áo choàng màu xanh lam của cô lất phất trên tấm thảm. Khi cô quay lại, rụt rè, cô chăm chú nhìn vào một điểm nào đó gần khuỷu tay anh. “Một bộ váy hoang phí làm sao! Và khoản phụ cho việc làm gấp trong mùa Giáng sinh—nó hẳn phải rất cao giá! Em chưa bao giờ kinh ngạc như lúc rương đựng đồ được đem tới. Em sợ Ngài và Phu nhân Ashland đã quá tốt bụng. Làm sao em có thể tìm ra cách để cảm ơn họ đây, em không biết nữa!”

“Em có thích nó không?”

Cô hít vào, vẫn không nhìn anh. “Em không thể hình dung ra bất cứ thứ gì đẹp hơn.”

“Thế là được rồi,” anh nói. “Em không cần phải cảm ơn ai cả.”

Anh thấy cô hiểu ra. Cô nhìn thẳng vào mắt anh. “Ô, thưa ngài—có phải ngài đặt mua nó không?”

Anh giấu hai bàn tay ra sau lưng, tựa lên cửa. “Bà Elise bảo với tôi em cần một tủ quần áo với số lượng chưa thể ước định được. Tôi đã mở một tài khoản ngân hàng cho em—em chỉ cần bảo tôi khi em cần ngân phiếu. Khoản tiền có ban đầu là mười nghìn bảng.”

“Mười nghìn!” Cô há hốc miệng nhìn anh. “Thật là điên rồ!”

“Em không cần phải tiêu hết ngay lập tức.”

“Em không thể tiêu hết nó đến cuối đời! Ngài thân mến!”

“Em là vợ tôi.” Anh bắt đầu vào bài diễn văn đã chuẩn bị trước. “Em có quyền hợp pháp yêu cầu tôi chu cấp cho em. Những thứ tôi sở hữu là của em.”

Cô không lên tiếng, mà đi tha thẩn một vài bước, lướt ngón tay lên bàn trang điểm và những lớp vải viền tua bằng một thái độ hoang mang, cuối cùng cô ngồi phịch xuống ghế bên bàn trang điểm. “Chà! Em thấy phật ý.” Cô kéo áo choàng màu xanh lam sát hơn quanh người. “Ngài tìm ra bộ gương lược trang điểm của Cô Myrtle, và còn tử tế chuyển mười nghìn bảng cho em, thế mà em chẳng có gì để tặng ngài.”

Anh cố không nhìn vào đường nét dáng người cô bên dưới lớp vải mềm. “Không quan trọng.”

Cô vuốt hai ngón cái vào nhau, nhìn chăm chăm vào tay mình. “Em đã nghĩ đến dao cạo râu, nhưng em không biết nữa; em nghe nói các quý ông rất kén chọn những thứ như thế.”

“Tôi có dao cạo rồi,” anh nói.

“Em có thể làm cho ngài một áo sơ-mi, hoặc tặng ngài một cái mũ lụa mới.”

“Tôi cũng có một thợ may riêng.”

Cô nhìn vào lòng mình, chà lòng bàn tay lên lớp vải xanh sáng loang loáng. “Có thể,” cô khẽ nói, “ngài sẽ muốn em xoa bóp lưng cho ngài?”

Samuel tựa nhiều hơn vào cửa. Anh nhìn không chớp vào mái đầu cúi xuống của cô. Với một cảm giác như trượt khỏi một con dốc cao, anh cảm thấy hình ảnh đó mê hoặc anh.

“Em không có nhiều kinh nghiệm với chuyện xoa bóp.” Cô cài rồi tháo một cái nút trên áo choàng. “Thật ra mà nói, em chưa từng được yêu cầu thực hiện nghi thức đó. Nhưng khi em mười hai tuổi, và bị cúm đến nhức mỗi, Cô Myrtle đã xoa long não cho em, và cho em cảm giác an lành. Phu nhân Tess nói những quý ông đã kết hôn thích được xoa bóp—mà không có long não, tất nhiên. Em sẽ rất vinh dự được thử.”

“Không.” Anh đặt hết cả trọng lượng vào cánh cửa, ấn sát vào nó. “Tôi không nghĩ làm thế là khôn ngoan.”

“Ngài sẽ không thích ư?” Cô nhìn lên anh.

Cơ thể anh đã trở nên cứng và kích động: anh yêu gương mặt ngẩng lên của cô, giọng nói Anh của cô, áo choàng xanh lam, những ngón chân của cô lấp ló dưới nếp váy trắng. Cô thật đáng yêu. Trong trắng. Sự tươi mới của cô khiến anh kích thích, khơi dậy phần xấu xa trong anh.

Anh đẩy người khỏi cánh cửa, xoay thân về phía lò sưởi để che giấu mình. “Tôi muốn nói chuyện với em về hôn nhân này. Tôi đã nghĩ hoàn cảnh của chúng ta sẽ khiến em sợ tôi không nhìn nhận hôn nhân như một nghĩa vụ nghiêm túc. Tôi nghiêm túc. Em có thể trông cậy tôi sẽ chu cấp cho em bất cứ thứ gì em yêu cầu.”

Anh nghe tiếng sột soạt của áo choàng khi cô đứng lên. “Cám ơn ngài. Em cũng muốn nhân dịp này để nói—như ngài đề cập, hoàn cảnh của chúng ta hơi bất tiện—và hôn nhân là một chuyện rất nghiêm túc, không thể xem nhẹ—và em—không kể đến chuyện bối rối, theo lẽ thường, còn những chuyện em nên làm—nhưng trong trường hợp hiện tại—ý em là, đối với những điều một quý ông yêu cầu và yêu thích—những việc mà em thấy buộc phải nói thêm là em sẽ không muốn—mặc dù em biết một người đàn ông là rắc rối trong nhà—” Cô hít vào giữa mớ bòng bong những câu thiếu tự nhiên. “Em không muốn ngài tin em không hạnh phúc được làm vợ ngài.”

Anh nhìn đắm đắm vào bức tranh vẽ những quý phụ thoa phấn và những kẻ tán tỉnh màu mè trên bức màn. *Vợ tôi, anh nghĩ. Vợ tôi, vợ tôi.*

Anh thấy mình di chuyển về phía cô thay vì ra xa, bắt lấy hai cổ tay cô thật chặt trong tay anh. Nhìn xuống gương mặt ngạc nhiên, vào đôi mắt mở to và xanh và dễ tổn thương của cô, anh cảm nhận được mình to lớn hơn cô biết bao; anh có thể làm đau cô; chỉ bằng một động tác dễ dàng anh có thể bóp nát cô, vậy mà cùng lúc anh muốn bảo vệ và làm cô hài lòng và tôn thờ

cô với cơ thể anh.

Anh muốn nói gì đó, nhưng lại không biết nên nói gì. Ngay cả khi anh chịu thua, anh vẫn muốn hứa với cô rằng anh sẽ không bao giờ đầu hàng thứ đang cuộn lên trong tim và cơ thể anh. Anh chậm chậm đẩy hai tay cô ra sau áp vào lưng cô—như thể anh đang đẩy cô đi mà cũng đem cô lại gần cùng một lúc.

Cử động đó khiến ngực cô uốn cong về phía anh. Anh không thể cảm nhận được chúng qua áo khoác của mình; anh chỉ có thể thấy áo choàng ngoài của cô mở ra và bộ váy trắng bên dưới căng hơn, ôm sát vào đường cong nhô lên thật rõ. Lồng ngực anh thắt lại.

Anh giữ cô kẹp vào bên người mình, nắm cả hai tay cô bằng một bàn tay. Anh đã không định như thế. Anh chỉ định ghé qua, nói với cô rằng cô an toàn khỏi bất cứ đòi hỏi nào từ anh, lúc này hay tương lai cũng thế, rồi bỏ đi.

Nhưng anh nghĩ: *Chúa ơi, chỉ xin Người để con...*

Cô không phản kháng. Cô chỉ e lệ cup mắt, nhìn về phía trước vào cổ áo và cà vạt trắng trong bộ lễ phục của anh. Anh nhìn đắm đắm xuống lông mi cô, đường cong mịn màng của gương mặt cô; anh cảm nhận được cô chấp thuận vòng ôm của anh và biết mình không thể quay đầu lại được nữa.

“Leda,” anh thì thầm. Anh hạ thấp đầu và từ từ, nhẹ nhàng hôn lên tai cô, làn da dưới tai, vuốt tóc cô ra sau bằng bàn tay kia. “Tôi sẽ không làm em đau. Tôi sẽ không bao giờ làm em đau.” Anh muốn cho cô biết anh cảm thấy thế nào, nhưng thật khó, khó đến đau đớn để tìm lại đam mê đang khuấy động trong anh.

Cơ thể cô vẫn giữ thế nghiêng mềm mại. Anh trượt những ngón tay dọc xuống đường cong của cổ cô, kính cẩn vì sự thanh tú của nó, nếm làn da cô nơi những ngón tay anh đã lướt qua. Hai bàn tay anh biết làm thế nào, như thư pháp, như đũa gõ theo tâm năng: di chuyển cùng với sức sống trong cô, mang nó vào trong anh và trao lại cho cô.

Cô có cùng hương thơm tuyệt vời như trước, hơi nóng của phụ nữ, còn khuấy động hơn mùi hương trong trí nhớ của anh, không còn quá trong trắng, không còn quá ngây thơ nữa...một cú chấn động của dục vọng thuần túy đánh thẳng vào anh khi anh nhận ra thứ anh đã cảm nhận được: sự đáp ứng của cơ thể cô đối với anh.

Phải chi anh có thể chỉ cho cô thấy rằng anh đã không định làm tổn thương cô, rằng tất cả những gì anh cảm thấy là sự âu yếm tha thiết này; anh chỉ muốn chạm vào mọi nơi trên người cô, nếm sự sống rạng rỡ, đáng yêu ướp hương trên da cô với một hơi nóng gợi cảm. Anh nắn ngực cô trong lòng bàn tay, quét ngón cái lên núm vú.

Cô phát ra một tiếng động nhỏ, chống cự tay anh, đẩy để giải thoát hai cổ tay mình.

“Không—xin em đừng ngăn tôi.” Giọng anh vô cùng nhẹ, run rẩy vì những gì anh đang cố

nén lại. Sự đụng chạm của anh thật sùng kính khi anh ve vuốt cô. “Tôi muốn cho em thấy đối với tôi em đẹp đến dường nào. Tôi sẽ không làm hại em. Tôi thề với em.”

“Em không sợ,” cô thì thầm. “Ngài thân mến. Em chỉ cảm thấy...như mình uống phải brandy anh đào.”

Anh cảm thấy sự rung động của lời thì thầm dưới môi mình. Cô đang run rẩy trong vòng tay anh. Nơi tay anh nắm cổ tay cô đẩy hông cô ép vào anh, phần bị khuấy động của anh ấn mạnh vào cô.

Anh hạ thấp bàn tay kia, trượt dọc theo lưng cô đang uốn cong. Những ngón tay anh xò ra trên đường cong bên dưới, cảm nhận hiện thực mềm mại của hình dáng một phụ nữ mà không có váy hay miếng đệm hay một sự che đậy nào, chỉ có làn vải váy ngủ mỏng và áo choàng giữa bàn tay và cơ thể trần truồng của cô.

Anh thả cổ tay cô và ôm sát cô vào người anh trong một chốc—chỉ một chốc thôi—đó là tất cả thời gian anh có thể chịu đựng cảm giác bùng nổ của mông cô trong tay anh, bộ phận cương cứng của anh bị ép chặt bởi áp lực. Anh để thoát ra một hơi thở chói tai và buông cô ra, đẩy cô tựa vào mép bàn trang điểm đằng sau, dặng hai chân để kiểm soát cô.

Anh hôn sùng cô, vuốt ve, mơn trớn và hôn, mọi nơi anh có thể với tới, hai má và lông mi cô, bờ vai, ngực cô. Cô bắt đầu những tiếng thở dài nhỏ trong cổ họng, đầu ngửa ra sau, hai bàn tay nắm lấy mép bàn được mạ vàng. Đỉnh ngực cô thay đổi, cứng lại; anh có thể cảm thấy điều đó qua lớp vải váy.

“Leda. Cho tôi thấy em.” Anh đưa môi đến gần môi cô, nếm cô bằng lưỡi anh, giữ đôi núm vú săn lại của cô trong đường cong giữa ngón cái và những ngón còn lại. “Tôi phải nhìn thấy em.”

Cô nâng đôi hàng mi. Anh không chờ câu trả lời; anh thả một bàn tay xuống và từ từ, thật cẩn thận, mở những hạt ngọc trai từ eo tới cổ cô. Làn da trắng sáng lên trong bóng tối, những đường cong quyến rũ, những chỗ phồng lên căng tràn nhựa sống.

Dịu dàng, anh kéo cái váy mở ra. Đôi gò bồng đảo của cô tròn và trắng, điểm tuyết bằng hai hạt nhỏ màu hồng mận, nâng lên và hạ xuống với mỗi nhịp thở. Anh trượt cả áo choàng và áo ngủ khỏi vai cô, để chúng rơi xuống bàn trang điểm ở hông cô.

Leda nhìn anh. Cảm giác mơ màng bao phủ lấy cô. Cô không còn là mình nữa, không còn là Cô Leda Etoile, đang đứng một cách hờ hênh, thiếu vải trước một người đàn ông...cô là một người khác. Nàng Leda trong truyền thuyết, người phụ nữ có tình nhân là một vị thần—câu chuyện mà Cô Myrtle chưa bao giờ kể cô nghe, nhưng Leda đã bí mật đọc, và giữ quyển sách ngay dưới giường cô, không hiểu hoàn toàn, nhưng biết đó là một câu chuyện ngoại đạo và bí ẩn bị cấm kỵ.

Một người tình. Không phải Zeus, không phải một con thiên nga to lớn và đẹp lộng lẫy, mà một người đàn ông, nhìn cô như thể cô là một nữ thần, nhìn cơ thể cô như thể nó vô cùng quý giá.

Nhẹ nhàng, anh chạm vào ngực cô, thật nhẹ và dịu dàng đến mức cô nhắm mắt trước nỗi hổ thẹn và thích thú mà nó mang lại. Anh di chuyển lại gần hơn, cô cảm thấy anh trượt dần xuống, quỳ gối, hai chân dang rộng, cơ thể anh giữ cô tựa bên mép bàn cứng.

Hai ngón tay cái chà sát đỉnh ngực cô. Cô ngửa đầu ra sau. Và rồi anh chạm vào cô bằng miệng anh, và cô cảm thấy năng tỏa trong cô. Hơi thở anh thổi ra ấm nóng; anh đùa với cô, tìm kiếm và trêu chọc; răng và lưỡi anh khép lại với một cái kéo nhẹ đẩy một cú giạt của cảm giác xuống bụng cô.

“Ô!” Cô chống hai cánh tay xuống, nâng cơ thể về phía anh.

Anh mút mạnh hơn, kéo váy cô khi cô di chuyển hông, giạt nó xuống dưới eo cô.

Anh đặt má lên cô, trượt hai bàn tay lên xuống thân mình cô. “Em thật đáng yêu.” Anh quay gương mặt vào trong cô và cười, một tiếng cười âm trầm, kinh ngạc, phả hơi thở của anh lên da cô. “Ngực em thật đáng yêu, đáng người em đáng yêu, da em đẹp vô cùng.”

Leda choàng cánh tay quanh đầu anh, nâng đỡ anh, vừa hổ thẹn vừa hồ hởi vì cảm giác nhồn nhột êm mượt của tóc anh lên da trần của cô, gò má và thái dương anh áp chặt vào cô. Anh lại nắm lấy hai cổ tay cô, giang hai cánh tay cô rộng ra, giữ cô bằng hai bàn tay trên mép bàn. Anh liếm chỗ trũng giữa ngực cô, di chuyển xuống phía dưới.

Với hai cánh tay cô bị kèm chặt lên bàn, Samuel mơn trớn cô bằng lưỡi anh. Anh muốn chỉ cho cô thấy đối với anh cô đẹp đến mức nào; anh muốn hôn cô ở khắp mọi nơi. Anh có thể nếm được vị của khoái lạc trên người cô; anh tận hưởng mùi hương phụ nữ ấm nóng khi anh lùi dần xuống bụng cô. Hai bắp chân cô nhích đi và co giật giữa hai chân anh đang dang rộng.

Cô khẽ rên rỉ. Anh dụi mặt vào chỗ rậm thơm mềm, hít thở hương cơ thể cô. Hai cánh tay cô cưỡng lại sức mạnh của anh, run rẩy vì gắng sức, nhưng anh sẽ không buông cô. Trong đời anh chưa từng có điều gì thôi thúc anh đến thế. Chưa từng có điều gì cảm giác như thế. Chân cô đẩy vào anh nơi tất cả cảm giác tụ lại. Hương thơm của cô khơi lên ngọn lửa.

Anh hôn cô. Nhẹ nhàng. Thật nhẹ nhàng. Anh hé môi trên nơi bí mật, mượt mà đó, đưa lưỡi vào nơi tinh tế ấy.

Cô giật nảy người với một lời phản đối không rõ nghĩa.

“Suyt.” Anh thổi một lời thì thầm. Anh sẽ không ngừng. Không có sức lực nào trên quả đất này đủ mạnh để bắt anh kìm lại khoái cảm được mơn trớn cô. Anh hôn lên chỗ phồng lên nơi da cô mất hút dưới những lọn xoắn nhẹ. Nghiêng đầu, anh đưa lưỡi vào sâu, rồi lên trên, và đến làn da mềm mại xung quanh. Cô run cả người mỗi lần lưỡi anh đẩy ngược lên, cô rùng mình và

thở hổn hển, hai bàn tay ngọ nguậy dưới tay anh.

Anh tằm trong âm thanh sự kích động của cô. Anh tìm thấy nơi khiến cô kích động mãnh liệt nhất và đánh dấu nó với lưỡi anh, hết lần này đến lần khác, đến khi cô đẩy như cách anh muốn đẩy vào trong cô.

Anh giải phóng đôi tay cô một cách đột ngột. Anh đứng lên trong cùng một cử động, hôn lên đùi cô, bụng và ngực cô. Cô choàng cánh ta quanh vai anh và cúi đầu vào ngực anh khi anh thẳng người lên.

“Ôi, ngài! Ôi ngài!” Cô nghe như yếu lả đi. Mỗi hơi thở là một tiếng hổn hển. Cô gục vào người anh, má tựa lên tim anh. Anh giữ cô ở đó, rạo rức ở tứ chi, cảm nhận tấm lưng trần của cô bên dưới tay áo anh, hình dáng mỏng manh của cô trong vòng tay anh.

Sau một thoáng, anh lần bàn tay xuống hông cô. Anh xòe những ngón tay, chạm vào nơi anh vừa hôn. Nơi đó trơn mịn, ẩm ướt; anh cúi đầu và khép răng trên cổ cô khi anh đẩy hai ngón tay vào trong.

Cô rên rỉ lần nữa, cứng người trước sự xâm nhập của anh. Anh thu tay về và tháo nút quần. Những sợi lông giữa chân cô chạm vào anh; kêu gọi, trêu đùa; anh nhắm mắt trong sự phấn khích, chậm chậm đẩy vào.

Sự ẩm ướt dồi dào đón nhận anh. Chân cô dang ra. Cô ghì chặt lấy anh, mạnh mẽ, nóng rẫy, trơn mượt những vằn thật chặt. Đầu cô ngửa ra; anh mở mắt bắt gặp cảnh tượng sống động của ngực cô dâng lên, mái tóc đổ ra sau qua bờ vai trần. Anh ôm cô bằng một cánh tay và bắt lấy núm vú đỏ hồng của cô giữa những ngón tay anh. Cô thét lên, một âm thanh nữ giới, rụt rè và kinh ngạc khi hông cô xoắn mạnh vào anh, những ngón tay cô bấu chặt, cơ thể thít lại quanh anh trong một cái rùng mình lâu, dữ dội, và rồi những co giật nhanh đầy khoái lạc.

Nó khiến anh đạt đỉnh mà không cần cử động—những giác quan của anh bùng nổ đáp lại; cơ bắp anh co duỗi; khoái cảm vượt ngoài sức chịu đựng xô vào anh khi anh ôm cô, run lấy bầy và thở hào hển và siết chặt cô vào bên ngực anh.

Không có bất cứ điều gì Phu nhân Tess đã nói chuẩn bị cô cho điều này.

Leda cảm thấy mình được ôm thật trọn vẹn, áp ủ trong hai cánh tay và cơ thể anh. Nơi duy nhất bị đau là chỗ cô bị ấn vào mép bàn cứng và một cảm giác kéo giãn bên trong cô, không tệ hơn một cái găng tay quá chặt so với tay cô.

Cô đã dự tính “dễ chịu”—sự ấm áp thoải mái của một viên gạch nóng trong giường, có thể; đó là điều Phu nhân Tess để cô tin. Leda không hề nhớ lấy một từ báo trước nào. Không một lời nào đề cập đến trạng thái thăng hoa bão táp, tràn ngập cảm xúc đã chiếm hữu cô.

Nhưng cô có nhớ ánh mắt trêu chọc của Phu nhân Tess, và cô nghĩ: *Bà biết chuyện này.*

Bà đã không cố diễn tả nó; ai lại có thể chứ? Làm sao người ta có thể nói được cảm giác thể

nào khi được ôm như thế này, da trần áp vào lụa trắng và đen, vừa ngượng ngịu vừa không ngượng ngịu, và vẫn còn cảm nhận được những đợt run rẩy của đam mê tuôn trào trong anh.

Cô cảm thấy anh hít sâu vào. Anh thở một hơi dài gay gắt, như thể không khí đã bị nén lại và cuối cùng bùng thoát ra. Anh nghiêng đầu bên đầu cô. “Tôi không thể làm khác được,” anh thì thầm, giọng cục cằn. “Tôi không thể—ngăn bản thân.”

Leda cắn môi dưới, giấu mặt vào áo khoác của anh. Cô rà những ngón tay dọc theo ve áo. “Ngài thân mến,” cô nói. “Chuyện đó không xấu. Giờ thì không nữa.”

Một cái rùng mình dữ dội chạy khắp người anh. Nhịp thở anh trở nên sâu hơn. Chậm hơn. Đầu anh gục về phía tai cô, rồi anh giật nảy lên và thẳng người, như một người ngủ gục trong lúc đứng.

Leda không hề thấy buồn ngủ. Giờ khi nhịp tim cô đã dịu lại, cô cảm thấy nhẹ hẫng và mình mẫn lần đầu tiên trong suốt nhiều tuần. “Chúng ta nên đưa ngài vào giường thôi,” cô nói, ban cho cổ áo của anh một cái giật nhanh gọn.

Anh nâng ánh mắt lên. Leda nhìn lên sự chăm chú màu xám ngái ngủ đó và mím cười, vỗ lên lần vải đen trên vai anh.

“Ngài chỉ cần đứng lùi lại, nếu ngài vui lòng, và để chuyện này cho em.”

Anh không lùi lại ngay. Anh chống hai tay lên bàn và hôn cô. Ở anh có một mùi vị không giống với bất cứ thứ gì cô từng nếm, như mùi đất một ngày đầy hơi ẩm, thủy triều trên dòng Thames, sệt và mặn nhưng không gây phản cảm. Thật ra nó còn khá hấp dẫn theo một cách kỳ khôi nào đó; cô cứ muốn kề mũi thật gần vào da anh và hít mùi hương dồi dào vào phổi.

Bất chợt anh di chuyển, ôm cô vào người anh, nâng cô như thể cô chẳng có ký lô nào. Cô nói, “Ô!” khi phần xâm nhập của anh trượt ra và anh đặt cô đứng lên sàn. Cô nhìn nhanh xuống, và lại nói, “ô,” lần nữa.

Đó dường như là tất cả những gì phải nói. Cô cảm giác được chất lỏng giữa chân mình, nhưng lần này không phải máu. Và anh...nhưng anh đã che một bàn tay lên trước chỗ mở phanh của quần và quay đi, chuyện đó khiến cô khá phật ý. Phu nhân Tess đã giảng giải mọi chuyện, bằng lời, nhưng người ta sẽ không ngại thấy tận mắt để biết những việc như thế có hoàn toàn đúng hay không.

Cô quỳ xuống và nhặt áo choàng lên, khoác nó quanh người. Khi đã mặc áo—dù ít hay nhiều—cô cảm thấy mình tự chủ hơn, và bắt đầu đưa ra những mệnh lệnh phù hợp.

“Ngài thân mến, em chắc chắn khi ngài nghĩ đến, ngài sẽ thấy đây đúng là một ngày rất mệt mỏi. Em không hề mệt; thật ra em còn cảm thấy khỏe khoắn nữa. Ngài sẽ cho phép em giúp ngài chuyện y phục, và nhận lấy áo khoác và chải nó trước khi trả nó ra.”

Anh đứng yên. Với tấm thảm dưới chân trần, cô đi đến chỗ anh, với tay lên để tìm ra cái

mẫu cứng của cà vạt và tháo nó. Cô đặt đoạn dây dài bằng sợi bông đó lên một chiếc ghế và vuốt dọc bàn tay xuống lồng ngực anh, tìm những nút áo trên gi-lê.

“Em không cần phải động tay vào,” anh nói.

“Vậy ai sẽ làm chứ? Em dám nói ngài nghĩ em không biết gì về y phục các quý ông—điều đó là thật, theo nghĩa tuyệt đối, nhưng em bảo đảm là em hiểu tầm quan trọng của việc giữ gìn những loại vải đắt tiền.” Cô ngừng lời. “Nhưng em không—em e mình không biết cách tháo chúng ra. Ngài sẽ đưa em áo khoác của ngài chứ?”

Trong một lúc, cô không chắc anh sẽ hợp tác. Rồi anh lật áo khoác khỏi vai trong một cử động thoả mái. Cô nhận lấy nó từ tay anh và đem đến tủ để trải nó ra thật cẩn thận trong ngăn tủ dưới.

Khi cô quay lại, anh đã cởi áo gi-lê và đang đứng ở bàn trang điểm, tháo nút trên cùng ở cổ áo. Leda ngừng lại một thoáng, ngưỡng mộ anh. Thật sự, anh đúng là người đàn ông tuấn tú nhất mà cô từng gặp, không chỉ riêng gương mặt anh, mà còn cả trong vẻ duyên dáng mà anh di chuyển, sự cân đối đáng ái mộ của vai và tứ chi anh.

Anh thả những nút ngọc trai từ áo sơ-mi vào một chén thủy tinh trên bàn trang điểm với tiếng lanh canh. Cô Myrtle sẽ chê nước da rám nắng của anh là bình dân, nhưng Leda thấy nó ưa nhìn, nhất là khi anh tháo cổ tay áo, kéo hai dải dây trắng khỏi vai, và cởi áo sơ-mi.

Anh không thấy cô đang ngắm anh. Anh gác giày lên góc nhọn của băng ghế—đấy, đàn ông là thế—để tháo dây giày. Da anh rám nắng khắp cả lưng và ngực, những cơ bắp trên người anh giống như những bức tượng cổ điển, chỉ khác là sống động và dịch chuyển, vô cùng mê hoặc đối với người nhìn.

Anh ngoái nhìn cô sau lưng anh. Leda vội viện ra một lí do cho hứng thú của cô. Cô gật đầu về phía những sợi dây rũ xuống thành những cuộn trắng nhạt từ eo anh. “Những thứ đó là gì ạ?”

Hai bàn tay anh ngừng cử động. “Cái gì?” anh hỏi một cách sống sượng.

“Những sợi dây trắng đó. Em muốn bắt đầu học hỏi tên gọi những vật dụng trên y phục các quý ông.”

Một sự căng thẳng gần như không thể nhận thấy ở lưng anh thả lỏng. Nếu Leda đã không chú tâm đến thể tới từng đường cong của cơ bắp và xương thì cô sẽ không thể nhận thấy điều đó. “Những cái này ư?” Anh thấy một sợi dây lên và tiếp tục tháo giày. “là dây đeo quần.”

“Ồ.” Cô vội lấy áo gi-lê trên lưng ghế mà anh quẳng lên và cất nó vào tủ, rồi tới áo sơ-mi của anh. Hương của anh còn lưu lại trong đó. Len lén, cô đưa nó lên mũi, hít sâu một thoáng, trước khi đặt nó sang bên để giặt.

Một khoảng ngưng nghịu trôi qua, họ dường như đều không biết nói gì. Anh vẫn mặc quần

ống và tất; Leda không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ một cái áo ngủ đã được lấy ra cho anh—ai nên làm việc đó nhỉ? Anh không có áo ngủ nào ư? Nhất định các quý ông phải có áo ngủ chứ.

“Em có muốn tôi đi chỗ nào khác không?” anh bất chợt hỏi. Anh bước tới một cánh cửa bên hông tủ quần áo và mở cửa, nhìn vào đó. “Có một cái giường ngủ trong này.”

Tất nhiên là có rồi. Leda thậm chí còn không để ý có phòng thay quần áo; hẳn đó là nơi đặt áo ngủ và tất cả y phục của anh. Khi người họ hàng của Ngài Cove quá cố và vợ ông ta đến thăm Phu nhân Cove, Leda còn nhớ họ đã sắp xếp như thế—và đó là một quá trình lao động vất vả và rắc rối, cuộc trò chuyện không ngừng và những câu hỏi và bối rối vì phải cung cấp lược chải áo khoác ngoài và giày mang trong nhà để trang bị cho phòng thay quần áo và trưng ra một cái giường tạm cho quý ông này, người chẳng hề sử dụng bất cứ thứ nào trong số đó.

Thậm chí cái giường tạm cũng không, khi cô nghĩ lại.

Từ chuyện này, Leda làm một suy luận có lý lẽ. Có thể những quý ông đã kết hôn không thật sự muốn ngủ trong căn phòng thay quần áo nhỏ của họ. Có thể những đức lang quân thiếu may mắn buộc phải đưa ra câu hỏi đó mỗi buổi tối, thầm hy vọng vợ họ sẽ cho phép họ ngủ trên một chiếc giường tiện nghi, nhưng phải chấp nhận cái giường tạm bợ nếu không được chấp thuận.

“Hẳn nhiên em không muốn ngài đi đâu cả.” Leda trao cho anh một nụ cười rạng rỡ và hào hiệp. “Ngài cứ tự nhiên ngủ trong phòng này. Ngài không cần phải hỏi em điều đó mỗi tối đâu, Ông Gerard.”

“Samuel.” Anh nghe có vẻ bực bội khi anh nhắc cái chụp đèn bằng bạc lên. “Chúng ta đã kết hôn rồi, vì lòng kính Chúa. Tên tôi là Samuel.” Anh bước tới mặt lò sưởi và nhắc cánh tay để đập nền ở chân nền trên tường có gắn gương. Ánh sáng phản chiếu trong gương tụ lại ở tay anh.

Cô đã mở miệng để trách anh vì ăn nói lỗ mãng, rồi cô đóng miệng lại.

Nếu Phu nhân Tess đã không nói với cô, Leda sẽ không nhận ra ngay tức thì vết sẹo mờ trên cổ tay anh. Cô thậm chí sẽ không nhận thấy nó. Nhưng độ sáng của ánh nến làm nổi bật lên sự tương phản, lộ ra một mảng da trắng hơn không thể nhầm lẫn được trên cổ tay anh. Khi cô nhìn xuống tay kia, cô cũng có thể thấy nó ở đó, chỉ vừa đủ để có thể phân biệt.

“Ngài không nên báng bổ, Samuel,” cô nói, bằng một giọng nhẹ nhàng hơn cô định dùng. Cô đã gần như sẽ chẳng nói gì, nhưng điều đó dường như không tốt—như thế, như một sinh vật được nuôi lớn trong rừng, người ta thậm chí còn không thể trông mong anh cư xử một cách văn minh.

“Tôi xin thứ lỗi.” Anh đưa sang cô một ánh mắt chằm chằm.

Để thể hiện tinh thần giảng hòa, Leda mỉm cười. “Em rất vinh dự vì ngài thích cách gọi bớt trang trọng đó. Em sẽ rất hài lòng nếu ngài cũng—” Một sự e thẹn bất chợt đến với cô mà không báo trước. Cô đan hai bàn tay vào nhau và hơi quay đi. “Nếu ngài cũng thấy thoải mái mà—làm điều tương tự—và gọi em là Leda.”

Anh dập tắt cây nến cuối cùng. Căn phòng chìm vào bóng tối và ánh lửa, điểm xuyết với mùi khói hăng hắc. “Tôi đã gọi rồi không phải sao? Vào những lúc tôi quên mất bản thân.” Giọng nói kỳ quái của anh vẫn có vẻ tức giận lạ lùng.

Leda kéo áo choàng quanh người và đến giường, dùng ngón chân trần để tìm bậc thang trong bóng tối lạnh lẽo. Cổ áo choàng thít vào cô khi cô thử nằm xuống, nhưng cô không có ý định cởi nó ra. Cô kéo chăn lên, vỗ vỗ rồi sắp xếp, và cẩn thận nằm gần mép giường.

Cô nhìn chăm chăm lên ánh sáng cam của ngọn lửa trên mặt đáy của nóc giường. Rồi cô nhắm mắt.

Dường như phải một lúc lâu sau anh mới vào giường. Sự dịch chuyển trên giường khiến cô ngạc nhiên, sự đụng chạm của anh còn khiến cô ngạc nhiên hơn nữa. Anh kéo cô vào vòng tay, tựa sát vào cô suốt chiều dài cơ thể anh. Anh không mặc gì cả; cô nhấc tay đi—rồi chẳng có chỗ nào để đặt nó.

Anh dụi mặt vào chỗ trống giữa vai và cổ cô. Cô chớp mắt nhìn lên tấm màn.

“Chúc ngài ngủ ngon, ngài thân mến.” Cô thì thầm chỉ vừa đủ nghe.

“Leda,” anh lẩm bẩm. Anh cuộn nắm tay trong tóc cô. Cánh tay anh vắt ngang qua cô, lúc đầu thật chặt, rồi từ từ, dần dần nới lỏng. Cô cảm nhận được mỗi sự thư giãn nho nhỏ trong cơ thể anh và hơi thở anh dịu lại khi anh chìm vào giấc ngủ. “Ngài thân mến,” cô lại thì thầm, và đặt tay lên bắp tay anh. “Chúc ngài có những giấc mơ đẹp.”

Chương 29

Tiểu thư Kai, với cung cách thân thiện của cô, muốn đi cùng Leda đến tiễn các quý bà Phố South tại nhà ga. Chuyện này dẫn đến một thu xếp nho nhỏ vì cỗ xe không đủ rộng cho năm người, và trong khi mọi người đều biết Bà Wrotham phải được ngồi gần cửa sổ để bớt say xe, và những quý phụ trẻ hơn tất nhiên đã xung phong ngồi ghế ngược hướng xe chạy, Cô Lovatt lại nằng nặc đòi ngồi vị trí chính giữa để đỡ cho Phu nhân Cove, người cảm thấy không đúng lễ nghĩa khi chị gái lại phải nhường chỗ ngồi thoải mái hơn cho mình.

Phu nhân Cove định vào xe trước chị bà để ngồi chỗ ít tiện nghi hơn, làm khơi lên một câu nhận xét về việc sau bốn mươi hai năm làm quý tộc, thiết nghĩ tư tưởng mà ai cũng biết như ưu tiên thứ bậc cũng phải in vào trí một vài người, như những người vẫn ngán ngạo về vị trí của mình là phu nhân nam tước. Phu nhân Cove không tài nào đối lại được tính dung dị tốt bụng của người chị, thế là bà ngoan ngoãn bước sang bên.

Cô Lovatt ngồi vào giữa ghế, bảo đảm mình có vẻ bị chèn ép bằng cách thu vai cho phù hợp, một cung cách sẽ rất có tác dụng nếu bà có thể giữ tư thế đó suốt đường đến ga. Tuy nhiên, ngay khi cỗ xe bắt đầu lăn bánh và Bà Wrotham than phiền vì cảm giác khó ở, Cô Lovatt đã quên mất phải gò mình lại vì mãi bận đưa muối ngửi mà Bà Wrotham đã quên chuẩn bị, lo liệu cho tấm chăn đắp được đặt đúng chỗ trong lòng Bà Wrotham và cửa sổ được chỉnh cho vừa ý bà, để nhớ phải tỏ vẻ bị ép vào chỗ ngồi chật hẹp.

Sau khi Bà Wrotham đã yên vị trở lại, Cô Lovatt ngồi tựa ra sau và nói, “Leda này. Ta đã muốn có cơ hội nói với cháu rằng ta rất mừng khi thấy cháu yên bề gia thất. Ta phải thừa nhận mình đã có chút lo ngại khi nghe tin. Nhưng quý ông trẻ của cháu vô cùng tử tế. Cậu ấy đã đích thân hứa với ta sẽ cho đầu bếp chuyển công thức pha nước chanh đến Phố South.”

Trước khi Leda có thể cảm ơn lời khen của bà, Cô Lovatt đã hồi tưởng lại trường hợp một quý ông cũng đàn ông như thế, rất đáng kính, đã cưới một người quen với họ hàng ba đời của bà, rồi sau đó bủa riu vào người làm vườn và bị treo cổ. Câu chuyện bất hạnh nhắc bà nhớ tiếp đến một ví dụ về một đấng mày râu khác, người này không phải là người mà bà quen, nhưng là tin từ một nguồn tin đáng tin cậy, vợ của người làm bánh. Thì ra một quý cô trẻ nề nếp đã kết hôn với một bác sĩ giàu có và đáng được trọng vọng, chỉ để kinh hãi phát hiện ra ông chồng không phải là một bác sĩ thật sự, mà một kẻ nhập cư bất hợp pháp từ Úc và đóng giả làm một nhà y học thành công đến mức đã nhận chữa cho hơn ba trăm bệnh nhân, và giết chết nửa số đó vì không có kiến thức chuyên môn trước khi ông ta bị phát hiện.

Những câu chuyện tương tự được kể lại suốt chuyến hành trình đến ga. Khi cỗ xe ngừng, Cô Lovatt kết luận, “ta e hôn nhân là một vấn đề đầy rủi ro. Ta không chắc mình sẽ có can đảm như cháu, Leda ạ, nếu một quý ông để mắt đến ta.”

“Bà đúng là có cách nhìn u ám,” Tiểu thư Kai phản đối. “Samuel đâu phải là người dùng vẻ ngoài để lừa gạt người khác!”

“Tất nhiên rồi, Tiểu thư Catherine!” Lòng mảy Cô Lovatt nhướn lên. “Ta sẽ không đời nào ngờ ý một điều như thế!”

“Tôi thấy như bà đang ngờ ý thế đấy. Tôi sẽ phó thác mạng sống cho Samuel, và cả Cô Leda nữa! Đúng hơn là Bà Gerard.”

“Hẳn nhiên rồi!” Cô Lovatt cứng người lại đến mức Bà Wrotham và Phu nhân Cove phải khom người để chừa chỗ cho sự tức giận của bà. “Ta thấy cậu ấy rất đáng ngưỡng mộ, đối với một người Mĩ.”

Thật may là người giữ cửa mở cửa ngay lúc đó, và không lời đáp nào được yêu cầu, vì Leda e hai gò má đỏ hồng của Tiểu thư Kai thể hiện thái độ hăng say đối với chủ đề này. Trong khi Cô Lovatt trông nom việc dỡ hành lý mà người giữ cửa đang làm, Phu nhân Cove đặt găng tay lên cánh tay Leda và mỉm cười với Tiểu thư Kai.

“Đừng để chị gái ta làm các cháu lo lắng,” bà nói khẽ. “Rebecca thường tự thấy có trách nhiệm phải cảnh báo các bạn trẻ trong chuyện hôn nhân, để họ không đâm đầu vào rắc rối, nhưng ta mong cháu sẽ thấy một chút ngây thơ và lòng tin là một điều rất tốt cho hôn nhân.”

“Phu nhân nghĩ vậy ư?” Tiểu thư Kai hỏi, tha thiết hơn Leda tưởng.

Mỗi tay bà nắm lấy tay của Leda và Tiểu thư Kai. “Chà, ta chẳng bao giờ quả quyết được như Rebecca, nhưng ta sẽ nói với các cháu một điều về hôn nhân. Ta nghĩ nếu những người đã kết hôn, nam cũng như nữ, luôn nghĩ đến nhau lúc yêu thương cũng như lúc đau buồn, và tìm thấy niềm vui ở nhau trong những lúc tốt đẹp hơn, thì cuộc sống sẽ diễn tiến vô cùng suôn sẻ.” Bà có một nụ cười và một tia sáng lấp lánh trong mắt khi bà nói. “Đó là điều ta hy vọng cho cháu, Leda ạ. Và cho cô nữa, Tiểu thư Catherine.”

Một sự im lặng ngột ngạt trong cỗ xe khi họ quay về Westpark qua những con phố nhỏ, đến khi Tiểu thư Kai nói, “Cô có những người bạn tốt bụng làm sao. Tôi đặc biệt thích Phu nhân Cove.”

Leda cảm giác mình phải lên tiếng bênh vực cho Cô Lovatt, nhưng chỉ tiến xa được đến mức mô tả bà luôn đảm bảo người mang than đem đến đúng khối lượng, thì Tiểu thư Kai bất chợt ngắt lời.

“Leda—em có thể gọi chị là ‘Leda’ khi chúng ta cũng như chị em rồi không? Em phải nói chuyện riêng với chị!”

Sự phấn khích được kiềm nén trong giọng cô khiến Leda cảnh giác nhìn sang. “Dĩ nhiên rồi,” cô thì thầm.

“Em hy vọng...em cho là chị đã nghĩ em không...không cởi mở với chị trong mấy tuần qua!”

Em hy vọng chị tha thứ cho em!”

Leda nhìn xuống tay mình, rồi nhìn ra cửa sổ. “Tiểu thư không cần phải xin lỗi. Tôi không hề nhận thấy điều gì cả.”

“Bởi vì chị đã như người mất hồn!”

“Vâng. Mọi chuyện—diễn ra quá nhanh.”

“Leda...thật sự rất khó nói, nhưng—em muốn giải thích...có một tin đồn xấu ngay khi chị và Samuel tuyên bố đính hôn, và em—em tin chuyện đó, trong một thời gian. Em biết điều đó không đúng! Giờ thì em hiểu rồi. Mẹ đã giải thích cho em, và em rất hổ thẹn vì thậm chí còn để tai nghe một chuyện xấu xa như vậy, em sẽ không bao giờ nói chuyện với Cô Goldborough nữa! Em hy vọng Robert không quá ngu ngốc đến mức lấy cô gái ngốc nghếch đó, nhưng em không nghĩ anh ấy thích cô ấy lắm.”

Leda không nói gì. Cô chỉ ngồi trong nỗi hổ thẹn đầy thống khổ.

“Em nghĩ mình đã đổ kị,” Tiểu thư Kai nói một cách điềm nhiên. “Em đã rất sợ chị và Samuel sẽ đưa Tommy đi mất.”

Leda nhìn lên. “Tommy?”

“Em muốn nuôi cậu bé, chị Leda! Em thật tâm muốn điều đó. Và nếu đúng là chị không phải mẹ cậu bé—vậy thì cậu bé thật sự là trẻ mồ côi, và em nghĩ em cũng có quyền nuôi cậu bé như chị và Samuel! Nhất là vì—”

“Tôi không phải mẹ cậu bé!” Leda to tiếng. “Sao ai cũng phải *tin* như thế chứ?”

“Không—không, mẹ đã nói với em chuyện đó không thể xảy ra, cho dù chúng em có nghĩ như thế đi nữa. Chỉ tại em buồn quá, nên mới tin một xúu thôi. Vì Samuel đã nói anh ấy muốn nhận nuôi cậu bé, và lúc đó em lại không nghĩ, mọi chuyện sẽ...trở nên...thế này...” Cô chà hai lòng bàn tay mang găng vào nhau và hướng ánh mắt khẩn khoản sang Leda. “Ngài Haye đã cầu hôn em. Và em đã đồng ý. Anh ấy có cảm tình với Tommy, và bảo sẽ vui sướng được làm cha cậu bé. Nên chị thấy đó—”

“Tiểu thư đính hôn rồi ư?” Leda hít nhanh vào. Ý nghĩ đầu tiên của cô là về Samuel.

“Vâng. Hôn ước sẽ được tuyên bố trong tối nay. Cha và mẹ đã bảo chúng em chờ đến khi hai anh chị kết hôn rồi mới nói.”

“Ồ.”

“Chị có phiền lòng lắm không, Leda?”

“Không! Đương nhiên là không. Không phải cho tôi. Tôi chúc tiểu thư thật hạnh phúc!”

“Chị có nghĩ Samuel muốn nhận nuôi cậu bé lắm không?” Tiểu thư Kai xiết chặt hai bàn tay vào nhau. “Trừ cái lần anh ấy nói sẽ nhận nuôi cậu bé, em không thật sự nghĩ anh ấy có biểu hiện gắn bó với Tommy. Nhưng dạo gần đây—em cho là dạo gần đây chị hiểu anh ấy rõ hơn em.”

Leda không thể nhìn thẳng vào mặt cô. “Tôi không chắc dạo gần đây mình hiểu rõ ai. Kể cả bản thân mình.”

“Em biết mà,” Tiểu thư Kai nói. “Em hiểu đích xác ý của chị!”

Nhưng Leda thấy mình hiểu anh đủ rõ. Ngay lúc nhìn thấy anh đứng bên lò sưởi trong phòng khách khi cô và tiểu thư Kai bước vào, cô biết anh đã được báo tin.

Anh trò chuyện với cùng thái độ trầm tĩnh như anh đã biểu hiện suốt hôn lễ. Tiểu thư Kai ngay lập tức tấn công anh với vấn đề của Tommy. Anh không dễ dàng bị thuyết phục như Leda tưởng, mà chỉ bảo anh sẽ nói chuyện với cha mẹ cô và Ngài Haye. Leda nghĩ như thế là rất sáng suốt, nhưng Tiểu thư Kai lại giận dữ và cam đoan tình thương của cô dành cho đứa trẻ.

“Em mười tám tuổi,” anh nói.

“Hai tuần nữa em sẽ mười chín. Mà chuyện đó thì có liên quan gì chứ?” cô hỏi gặng.

“Mọi thứ,” anh nói một cách thiếu ý nhị.

“Em cho là anh nghĩ em quá trẻ để biết mình muốn gì. Em đảm bảo với anh, nếu em đủ tuổi để kết hôn, thì em cũng đủ lớn để biết mình muốn có con. Có Tommy cũng chỉ sớm hơn một chút thôi.”

Anh quay đi. “Anh sẽ nói chuyện với Phu nhân Tess,” anh lặp lại.

“Còn chị Leda thì sao?” Tiểu thư Kai không chịu từ bỏ dễ dàng. Cô khoát tay về phía Leda đang ngồi và vờ có hứng thú với một cuốn sách chuyên khảo khoa học. “Chị ấy còn không biết cách thay tã. Nếu em không thể chăm sóc cho Tommy thì anh mong chị Leda làm sao? Con của hai anh chị cũng quá đủ cho chị ấy—”

Anh chớp sang cô một ánh mắt có vẻ khiến cô chột dạ. Cô bặm môi.

“Mano,” cô nói bằng một giọng tổn thương. “Anh đang giận em đấy à?”

Anh ngập ngừng, rồi nói, “không.”

“Anh đang giận! Trong khi ngày này đáng lẽ phải là ngày hạnh phúc nhất đời em!” Cô túm váy và quay ngoắt đi, bước đến cửa. Cô ngừng lại đầy kịch tính. “Em đã hy vọng anh, hơn bất cứ ai, người bạn tốt nhất của em, sẽ chúc em mọi điều tốt đẹp.”

Anh không đáp lại. Anh chỉ đứng yên vị, hai bàn tay khóa lại sau lưng, và Leda tự hỏi sao Tiểu thư Kai lại không thể nhận thấy biểu hiện trên gương mặt anh.

“Ôi!” Tiểu thư Kai làm ầm lên. “Cả hai người đều khó chịu! Em muốn anh cười đùa, và xoay em vòng vòng và hạnh phúc cho em! Vậy mà anh cứ xử cứ như—cứ như bà cố của ai đó vừa mất ấy! *Làm ơn đi...*Mano! Ngay cả ít nhất mỉm cười cũng không được ư?”

Anh nhìn chéch sang bên. Rồi anh cúi mình thật sâu. “Nhất định rồi, thưa tiểu thư.” Anh thẳng người lên với nụ cười trên gương mặt. “Mong ước nhỏ nhất của cô—!”

Tiểu thư Kai vỗ tay với một tiếng la mãn nguyện. Cô chạy đến ôm chầm lấy anh. “Đấy! Thế mới là Mano của em chứ. Em biết anh không thật sự bức mình mà. Và anh sẽ bảo với cha mẹ là em hoàn toàn, tuyệt đối đủ khả năng nuôi Tommy chứ?”

“Ừ.”

Cô hôn lên má anh thật kêu. “Tốt. Giờ—em phải đi tìm Ngài Haye. Anh ấy sẽ rất vui cho xem.”

Căn phòng im lặng như tờ khi cô đã đi, chỉ có tiếng tí tách của ngọn lửa và tiếng trang giấy sột soạt khi Leda lật sách, nhìn chăm chăm những cái tên la-tinh và hình ảnh màu về những con vật sống động. Cô không nhìn lên khi anh bước tới cửa sổ, đứng sau ghế cô.

Em rất lấy làm tiếc, cô muốn nói, *Em rất lấy làm tiếc*—ngay cả khi cô nghĩ nếu anh có bao giờ hỏi cưới Tiểu thư Kai thì sẽ là một điều khủng khiếp nhất trên đời.

“Chúng ta sẽ rời đi vào ngày mai,” anh nói. “Có việc quan trọng ở Honolulu.” Sự châm biếm trong giọng anh cũng ngang ngửa với cái cúi mình mà anh dành cho Tiểu thư Kai.

Honolulu. Ngay cả cái tên xa lạ cũng khiến cô lo ngại. Xa xôi đến không thể tưởng tượng được, tách biệt hoàn toàn, một hạt bụi nhỏ xíu đến mức cô khó mà thấy được trên quả địa cầu.

Cô thở sâu. “Em sẽ vinh hạnh tháp tùng ngài đến bất cứ đâu ngài muốn, ngài thân mến.”

Cô cảm thấy anh đến gần hơn. Anh chạm lên gáy cô. Ngón tay anh quét một đường dưới tai dọc theo góc cạnh của quai hàm cô. Anh xòe bàn tay: hơi nóng tỏa ra lơ lửng trên da cô, như những việc anh đã làm với cô tối qua cứ lớn vồn trong đầu cô khi cô làm việc gì hay suy nghĩ.

“Cảm ơn em,” anh nói.

Anh để cô lại. Đến tận bữa tối cô vẫn không thấy anh, câu chuyện hướng về Tommy, nào là một chuyến đi dài đến Hawaii sẽ không tốt cho cậu bé ở tuổi đó, nào là sẽ rất thỏa đáng cho Phu nhân Tess giữ cậu bé ở Westpark cho đến khi mọi chuyện đã được dàn xếp ổn thỏa, và về thời gian mà lễ cưới sẽ diễn ra. Tiểu thư Kai vui vẻ nài nỉ dù Samuel và Leda có phải đi công chuyện gì đi nữa, họ vẫn phải quay về để dự lễ vào tháng Bảy.

Nhưng trong đêm khuya, sau cà phê và những lời chúc mừng hôn ước, rất lâu sau khi các quý ông đã đi để hút thuốc và những quý bà quý cô về giường, anh vào phòng mà không gây tiếng động. Anh chạm vào cô như trước đó, đầy cảm xúc và sở hữu nồng nhiệt—rồi sau đó ôm cô thật chặt và trôi vào giấc ngủ với gương mặt nép vào vai cô.

Còn cô nằm thao thức một hồi lâu, đăm đăm nhìn ánh lửa đang lụi dần phản chiếu trên nóc giường, nghĩ về điều Phu nhân Cove nói về hôn nhân, và nuôi hy vọng.

Samuel nói dối—“một câu quanh co vô hại,” như Leda tử mỉa gọi—về lịch trình của họ, cung cấp một con tàu hơi nước khởi hành giữa tuần đi từ Liverpool. Nhưng một khi họ rời Westpark và đến Luân Đôn, anh thấy không có lí do gì phải vội. Anh không thấy có lí do phải làm bất cứ việc gì. Anh nằm trên giường trong căn phòng khách sạn vào buổi sáng đầu tiên đến thành phố, ngủ mơ màng—lần duy nhất trong đời anh từng làm thế trong khi hoàn toàn khỏe mạnh.

Nhưng không hẳn là ngủ. Tiếng xe cộ lóc cóc và ken két văng vẳng từ những tấm rèm đã khép lẩn với tiếng lanh canh của đồ bạc khi cô đem khay trà vào phòng khách. Cô mặc một bộ váy màu kem, tóc búi lên theo kiểu nặng nề và phức tạp hằng ngày, vòng eo thon nhỏ của cô nép trong những nếp váy hoa văn quanh thân áo. Anh ngắm cô qua hàng mi rũ xuống, như anh ngắm cô khi cô rời giường, một nữ thần mờ ảo trong cảnh tranh tối tranh sáng, và nhật áo khoác nơi anh đã thả nó trên sàn tối hôm trước.

Cô đặt khay lên mặt bàn bằng đá. Anh thấy cô nhìn anh, đầu hơi nghiêng về một bên. Rồi cô đến bên cửa sổ và kéo rèm, chỉ để lọt một tia sáng mơ hồ.

Cô chờ. Sau một lúc, cô kéo tấm rèm rộng hơn.

“Chắc đã đến lúc dậy rồi,” anh nói.

Cô giật nảy mình, và thả tấm rèm khép lại. “Em xin lỗi—em đã không nhận ra—em nghĩ có thể...nên có chút ánh sáng nhẹ.”

Anh nhồm dậy. Cảm giác lạ lùng khi không có vũ khí và quần áo, khi chìm sâu giữa gối chăn êm ái; khi dễ tổn thương hơn anh từng cho phép bản thân sau một thời gian rất, rất dài.

“Chào ngài buổi sáng,” cô nói. “Ngài dùng trà chứ? Em hy vọng mình không làm ngài thức giấc. Em e mình đang cảm thấy quá phấn khởi để ngủ.”

Cô vừa rót trà vừa nói, rồi đem tách đến chỗ anh cứ như cô trông chờ anh ngồi dậy và uống trà ngay tại giường. Anh thấy mình không có lựa chọn nào khác, ngoài việc lệnh cho cô ra khỏi phòng để anh có thể lấy quần. Thế là anh tựa vai vào đầu giường và nhận lấy tách và đĩa lót. Mùi gắt của trà hòa với hương trầm thoang thoảng của cuộc mây mưa đêm qua, một mùi hương như đang lấp đầy căn phòng và toàn bộ trí óc anh.

Cô mỉm cười với anh, một biểu hiện then thừng và mãn nguyện, rồi nâng váy và trở lại bàn.

Rót trà cho mình, cô ngồi xuống và nhìn anh khi cô nhấp trà.

Anh nuốt xuống vị thơm đắng của trà đen. “Em nên nghĩ đến những thứ em thích mua. Ly tách và các thứ. Em cứ đặt mua ngay tại đây, trừ khi em muốn chờ đến khi chúng ta tới San Francisco.”

“Ly tách?” Cô đặt tách xuống.

“Ly tách. Hình treo tường. Đồ nội thất. Ngôi nhà đã hoàn tất, chỉ trừ đồ đạc bên trong. Tôi đã có bản vẽ và kích cỡ để mua thảm trải sàn và cửa sổ và những thứ tương tự. Tôi đoán chúng ta cần mọi thứ.”

“Ngài muốn em trang trí cả ngôi nhà của ngài ư?” Cô nghe có vẻ thần thờ.

“Nhà của *chúng ta*.”

Cô đỏ bừng mặt. “Ngài vô cùng hào phóng.”

Anh đặt tách trà đã uống hết sang bên. Anh thấy bức vì cô quá cung kính đến khiêm nhường như thế. Với một cảm giác bất chấp, anh tung chăn và đứng dậy, mặc dù anh cũng bảo đảm mình ra khỏi giường ở phía cách xa cô. “Đó không phải là tôi hào phóng, chệt tiệt nó đi. Em là vợ tôi.”

Anh đã trông chờ một câu phản đối khiếp hãi vì tình trạng thiếu quần áo của anh; nhưng thay vào đó trong im lặng, anh thấy quần áo mới đã được lấy cho anh, được đặt trên một chiếc ghế cạnh giường. Anh bắt đầu mặc quần áo.

“Xin ngài đừng vắng tục,” cô nói.

“Mong em lượng thứ.” Anh ngồi xuống khi đã mặc quần trong và bắt đầu xỏ tất. “Xin đừng hành xử như em là hầu bếp của tôi.”

Khi anh nhìn lên, cô đang cúi đầu và hai bàn tay khép lại trong lòng. Trong một khắc anh nghĩ—nhưng không...khi cô lén nhìn lên anh, cô đang gắng không mỉm cười. Anh cảm thấy một thứ gì đó sâu bên trong anh trở nên thư thái.

“Tôi tưởng các quý cô thích đi mua sắm,” anh nói một cách cộc cằn.

“Ồ vâng ạ. Khá thích.”

Anh nghiêng đầu đồng ý. “Tốt.”

“Ngôi nhà có to lắm không ạ?”

Anh nghĩ một lúc, vừa nghĩ vừa cài nút quần. “Hai mươi tư phòng.”

Cô đặt một tay lên ngực và đằng hắng. “Chà. Vậy phải cần đến một cuộc tấn công đáng kể

đến Phố Mount.”

“Bản vẽ nằm trong tập tài liệu nhỏ hơn ấy—cặp giấy ở dưới cùng.”

Khi cô lấy cặp giấy bằng da, anh không mặc áo mà đi đến phòng thay đồ và kéo cái chuông được gắn biển “Nước nóng trong vòng 1 phút.” Và nội trong bốn mươi lăm giây, cửa sổ nhỏ trên giá đưa đồ hiện màu trắng. Anh mở cửa và tìm thấy một bình bọc đồng đang bốc hơi.

Khi anh trở lại phòng ngủ, cô đang xem xét bản vẽ căn nhà. Anh hòa xà phòng cạo râu và ngửa gương trên bàn trang điểm thấp khi anh rửa mặt và phết xà phòng.

Cô lật những trang bản vẽ. “Em sẽ rung chuông gọi bữa sáng, rồi chúng ta có thể chuẩn bị chiến dịch của mình trong lúc ăn.”

“Tôi sẽ để chuyện chuẩn bị chiến dịch cho em.” Anh nâng cằm, gác một tay lên bàn khi anh nghiêng người tới trước, cố gắng để thấy mình trong gương.

“Em e mình không thể ưng thuận tính nhất gan đó. Em sẽ cần đến đánh giá chuyên gia của ngài trong mảng địa hình địa thế. Ví dụ như căn phòng nhỏ ở góc này dùng để làm gì?”

Anh buộc phải tới chỗ cô với gương mặt xát xà phòng một nửa. “Nó là phòng dành cho cây phát điện.”

“Ồ. Thế điện phát ra từ cây cối ạ?” cô ngây ngô hỏi. “Còn đây—a—đây là căn nhà ư?” Cô rút một tấm hình từ tập tài liệu để vào lòng.

Samuel quan sát cô khi cô nghiêng đầu nhìn bức hình, ngôi nhà hai tầng với khoảng sân lanai rộng và những khung cửa sổ cao. Những người thợ lấm lem bùn đứng đầy tự hào trên cầu thang lớn dẫn xuống nơi sẽ là bãi cỏ, họ cầm cưa và búa trong tay, dụng cụ xây dựng đặt dưới chân. “Lúc này nhà còn chưa được sơn,” cuối cùng anh nói, khi cô không lên tiếng.

“Ôi trời ơi,” cô thì thầm, như thể cô không nghe thấy lời anh. “Ôi, thánh thần ơi.” Cô khẽ lắc đầu. “Đó sẽ là...nhà của chúng ta ư?”

Anh muốn hỏi cô có thích ngôi nhà không. Anh muốn hỏi, nhưng lại bước tránh chỗ khác, nhắc chổi cạo râu và nghiêng người trên tấm gương. “Còn có lý do gì mà chụp hình một ngôi nhà khác chứ.”

Trong gương anh thấy cô lắc đầu lần nữa khi cô giương bức hình ra xa. “Em xin hứa sẽ cố gắng không cư xử như một cô hầu rửa bát, nhưng thật đấy, ngài thân mến—em bái phục!”

Một cảm giác thỏa mãn dần dần xâm chiếm anh. Anh bắt tay vào cạo râu.

Suốt ba ngày Samuel tham gia vào nghiên cứu xô-pha và xem hoa văn trung quốc. Anh lên

danh sách và đo đạc bàn. Anh góp phần chỉnh những người bán hàng có thái độ thiếu tôn trọng Ông và Bà Gerard đến từ Honolulu, vương quốc Hawaii, vừa rời ngôi nhà thôn quê xinh xắn của Đức ngài và Phu nhân Ashland, được chính Phu nhân Ashland rỉ tai rằng tiệm Coote ở Phố Bond có những tủ đồ chạm trổ tốt nhất, hay tiệm Mackay và Pelham rất đáng tin cậy ở chất lượng tuyệt hảo của lụa và vải hoa; những câu bỏ nhỏ tương tự mà cô bảo với Samuel bằng một vẻ vô cùng ngây thơ rất tự nhiên, và anh phải thừa nhận, luôn có tác dụng tạo được sự hăng hái của những người bán hàng. Mưu mẹo đó mang lại hiệu quả ngay cả khi anh không thể không mỉm cười châm biếm với cô khi cô lên tiếng, một việc khiến anh bị phê bình một trận ngay khi họ bước ra phố.

Mặc cho có những lúc cười mỉm làm lộ mánh, anh vẫn thấy mình có ích trong vài việc; nhất là lên danh sách, và thỉnh thoảng là chỗ chứa tiện lợi của những gói đồ nhỏ, và ít thường xuyên hơn là người cố vấn gu thẩm mỹ, vì anh nghĩ hầu hết những đồ nội thất họ xem đều xấu đau xấu đớn. Rồi tất nhiên anh phải xin lỗi vì báng bổ, thế là tự chung anh ngậm miệng lại. Cô xem những món đồ tồi và u ám đến mức cả tâm hồn anh ghê tởm, nhưng cuối cùng, những thứ cô chọn mua lại là những thứ anh thích—một cái tủ theo kiểu cổ với nhiều ngăn kéo, vách ngăn và ngăn chứa bí mật, và một bộ đĩa với hình thù chim chóc. Anh không quá ngây ngô đến mức tin họ có sở thích giống nhau: đến lúc cô chọn xong bộ đĩa ăn, anh thấy cách cô bí mật và chu đáo đánh giá anh, và biến phản ứng của anh thành phản ứng của cô.

Anh không chắc mình cảm thấy thế nào về việc đó. Đó là một trải nghiệm mới mẻ; chỉ có Dojun từng chú ý anh kỹ đến thế, nhưng là vì những lí do hoàn toàn khác. Dojun thúc đẩy anh, đòi hỏi ở anh, quan sát những thiếu sót và khuyết điểm. Còn *cô*...anh không thể hiểu được vì sao cô lại quan tâm đến những gì anh nghĩ về đồ đạc và rèm cửa.

Một phần trong anh dường như bị cuốn hút vì điều đó, như một dây leo bí mật đâm chồi bên dưới tường đá và ngôi nhà, vươn lên và với tới ánh sáng. Nhưng mãnh lực của niềm vui sướng đó khiến anh không yên; nó như khao khát của anh dành cho cơ thể cô; cảm giác như thể nó sẽ chộp lấy anh với cùng sự mãnh liệt đó nếu anh không cưỡng lại.

Anh bước trên những con phố trong cảm giác mơ hồ, lưng chừng giữa hiện thực và ảo mộng là cô. Anh bị khuấy động chỉ bởi đường cong thẳng thớm, ngay ngắn của lưng cô, từ chiếc cổ áo bẻ kín đáo đến đôi hông cong. Biết rõ hình dáng thật sự bên dưới những lớp vải và khung lót khiến anh bị kích thích; một hương thơm phảng phất hay hình ảnh những lọn tóc nhỏ xoắn ở gáy cô khi cô cúi đầu trên bàn tính tác động đến anh như điện giật.

Và giấc ngủ sâu không mộng mị đến với anh sau khi anh có cô; nó khiến anh sợ. Theo một kiểu rất riêng, nó còn có quyền lực và sức hấp dẫn hơn cả hành động làm tình. Được ôm cô gần bên và thiếp đi trong khi cô dùng giọng nói khẽ để bàn về những thứ họ đã xem và mua vào ngày hôm đó, cô nói, vì lòng kính Chúa, trong khi giấc ngủ mê man bắt lấy anh như một tấm chăn bông cuộn lại, và anh không thể đáp lời cô, mà cũng không thể ngăn bản thân: thả lỏng hoàn toàn, không hề đề phòng và vô cùng hạnh phúc—anh cảm giác hẳn phải là người khác đang nằm đó. Đó không thể là anh được.

Chỉ sau ba ngày họ đã tạo thành thói quen. Anh dậy sau cô; anh cạo râu và mặc quần áo khi có cô ở đó, trừ lúc anh vào phòng thay đồ một mình cho nghi thức chóng vánh về vũ khí và nguy trang, những khoảnh khắc duy nhất sự khắc nghiệt tan đi trong màn sương của những điều mà anh không thể hiểu thấu. Rồi anh ra ngoài và đi mua sắm—một sự phi lý vừa khiến anh buồn cười vừa cảm thấy bất an vì tính nghịch lý của nó.

Sau bữa tối trong căn phòng riêng—không lời thuyết phục nào có thể khiến cô chịu ăn tối trong một căn phòng công cộng và bị dán nhãn là “thiếu đứng đắn”—cô để anh lại và lên lầu. Anh đoán cô tưởng anh sẽ ngồi trong sự huy hoàng cô độc, hút xì gà và uống rượu. Thay vào đó, anh ra ngoài và cuốc bộ dọc theo đường Piccadilly, nơi những tiếng huýt của người giữ cửa vang inh ỏi giữa dòng xe cộ. Một cô gái, phục trang màu hồng, bước ra từ bóng tối và khoác cánh tay một người đàn ông. “Đi với em nào,” cô ta nói, “rồi em sẽ giết cho ông.”

Chẳng có ai trong số những phụ nữ đó lại gần Samuel, mặc dù anh cảm thấy họ nhìn khi anh đi qua. Họ khiến anh bức bối bởi những cái nhìn chăm chăm không che giấu; sự tồn tại của họ khiến anh phát ngượng. Nếu một trong số họ mạo muội đến nắm tay anh kiểu đó, chạm vào anh, anh sẽ giết *cô ta*—ra xa năm mét, anh cau có nghĩ.

Sự ngượng ngùng nán lại. Cuối cùng anh đến một cửa hàng sách còn mở, nơi anh thoải mái đi quanh quẩn mà không bị ai quan sát. Anh cảm thấy nóng rẫy và đứng ngồi không yên trong khi nghĩ về Leda. Anh ước giờ mình đang nằm bên cô, nhưng đó dường như là một thứ mà anh không xứng đáng có; như anh là một kẻ mạo danh: điều anh phải làm là cứ bước tiếp cho đến khi màn đêm nuốt chửng anh.

Anh cúi xuống quyển sách đang cầm trong tay, lật giở các trang giấy dịch thuật triết học Đức, đứng giữa những cuốn sách và bụi. Tiểu thuyết, sách chế biến thức ăn, sách du lịch. Từ điển. Đồng hồ ở cuối cửa hàng điểm mười tiếng.

Thế đã đủ muộn chưa? Đêm qua anh đã chờ đến mười một giờ. Nhưng anh không nghĩ mình nên đến với cô sớm thế này. Anh nên ở lại đây. Lẽ ra anh nên đi lâu hơn nữa. Lẽ ra anh nên đi tiếp, đi mãi không ngừng.

Anh đang hít thở quá sâu. Anh đặt một cuốn sách miêu tả nghề chăn cừu ở New Zealand lên kệ, đút tay vào túi quần, và bước ra khỏi tiệm sách, gật đầu đáp lại người đàn ông sau quầy hàng.

Anh đứng trên đường. Rồi anh quay lại và trở về khách sạn.

Đèn chưa tắt khi anh đến gian phòng họ ở; anh có thể thấy ánh sáng hắt ra dưới cửa. Căn phòng khách được trang hoàng vắng không, nhưng cô gọi tên anh bằng một giọng có ý hỏi. Anh nhận là mình và ngập ngừng, không chắc liệu anh có nên băng qua phòng ngủ.

Cô xuất hiện ở ngưỡng cửa ngay lập tức, đầy sức sống trong bộ váy màu xanh ngọc, mái tóc để xõa. “Xin chào.”

Cách cô đứng nấn ná ở cửa, không lại gần mà cũng không lùi lại, ngay lập tức cảnh báo anh rằng có một điều gì đó đã thay đổi. Cô đứng với hai bàn tay đan vào nhau. Anh muốn chiếm lấy cô. Nhưng anh chỉ gỡ mũ và tháo găng.

Cô lấy chúng từ nơi anh thả lên ghế, lật một găng tay vàng lên. “Ngài đã làm chúng bẩn rồi.”

“Một sách đấy,” anh nói.

“Ồ, ngài đã đến tiệm Hatchard ạ? Em đã có thể đặt mua nếu em biết. Ngài có đọc truyện hư cấu không?”

“Một chút.”

“Em thích truyện của Ông Verne,” cô hào hứng tiếp tục. “Ông ấy viết về những nơi lạ. Nhưng ngài đã tận mắt thấy tất cả những thứ đó rồi. Em cho rằng nó chẳng có ý nghĩa gì đối với ngài.”

“Tất nhiên. Mục ống khổng lồ. Kẻ ăn thịt người. Hàng ngày ấy chứ.”

“Ý em thật sự là—” Cô mỉm cười, nhìn xuống mũ anh. “Chà, em không biết ý mình là sao nữa. Dù vậy em vẫn thấy những câu chuyện của ông ấy vô cùng lý thú.”

Anh nhìn cô và nghĩ, *Sách ư? Chúng ta sẽ nói về sách sao?*

Cô cầm đôi găng tay và chực bước qua anh. Anh nắm lấy cánh tay cô. Cả người cô cứng lại; cô ngừng chân.

Anh không biết phải làm gì, phải nói gì. Tất cả sự nhân nhượng ở cô đã không còn nữa, không còn sự chấp thuận dịu dàng đã khiến mọi chuyện có thể khoan thứ. Khao khát của anh vẫn thiêu đốt như lúc nào.

Lẽ ra anh không nên quay về. Anh nên cứ đi tiếp, đi mãi, cho đến khi anh bước khỏi rìa quả đất.

Anh thả cô ra. Anh đến cửa sổ và đẩy rèm, tựa vào khung cửa và nhắm chặt mắt. Ngón tay anh nắm chặt vào vải nhung và gỗ.

Cô nói một cách âm đạm, “em nên nói với ngài—rằng em bị bệnh.”

Anh thả rèm và quay lại.

“Ồi, không phải đâu—ngài thân mến—đừng trông như thế!” Cô phác một cử chỉ phe phẩy. “Đừng trông như thế! Đó chỉ là...ngài thấy đó...mỗi tháng...một vài ngày...thật là xấu hổ quá mà!” Cô bắt lực nhìn anh.

Tiếng sôi sục trong tai anh dần lắng lại. “Lạy Chúa,” anh lầm bầm.

“Em xin lỗi!” cô nói nhỏ. “Em không định làm ngài hết hoảng đầu.”

Anh thở phà ra. Phải mất một lúc để anh có thể suy nghĩ sau cơn hết hoảng ủa tới. Anh chỉ biết mù mờ về những việc bí ẩn đó của phụ nữ, nhưng rõ ràng cô không muốn anh chạm vào cô trong lúc khó ở này. “Tôi sẽ ngủ trong phòng thay quần áo,” anh nói.

“Ồ.” Cô trong khá ử rữ.

Anh cau có. “Em muốn tôi làm gì?”

“Em không muốn để ngài cảm thấy không thoải mái,” cô rụt rè nói.

Sự dao động của cô cũng đủ khiến anh phát điên. Anh sai bước tới chỗ cô và ôm lấy vai cô và hôn cô mãnh liệt. Sự cứng nhắc ở cột sống cô dịu lại; cô ngửa đầu ra sau, mở ra cho anh khi anh choàng hai cánh tay quanh cô. Khi cô ưng thuận, cơn khủng hoảng bị chối bỏ trong anh tàn lụi. Anh trở nên dịu dàng hơn, khám phá môi cô. “Nói cho tôi biết điều em muốn,” anh thì thầm.

“À, em nghĩ...có thể ngài sẽ...nằm xuống. Trong giường chúng ta. Và em có thể—biết đâu ngài sẽ thấy dễ chịu khi em—xoa bóp lưng cho ngài.”

“Không.” Anh buông cô ra.

Cô cúi đầu.

“Được rồi.” Anh gồng quai hàm. “Được rồi. Nếu em muốn điều đó.” Anh cảm nhận được sự run rẩy từ sâu bên trong anh, ở nơi bất an đó, nhưng anh gạt nó đi, buộc nó tránh khỏi nhận thức của mình.

Cô nhìn lên anh. Rồi nắm hai bàn tay anh. “Ngài thân mến, nếu ngài không muốn điều đó, thì em cũng không.”

Sự nhẹ nhõm ngập trong anh. Anh có một khao khát vô lý là cảm ơn cô. “Chỉ cần—cho tôi ôm em. Thế thôi. Ôm em và ngủ.” Anh chà ngón cái lên lưng bàn tay cô. “Em có thể chỉ giáo cho tôi mọi thứ về bộ đồ ăn.”

Cô im lặng một thoáng, nhìn chăm chú vào tay họ. Rồi cô nói, “Ngài có muốn biết về bát đĩa hay dao nĩa không?”

“Dao nĩa. Tự nhiên phải là dao nĩa.”

“Em nhất định sẽ làm ngài ngủ thiếp đi. Em dám nói đến lúc em nói về nĩa thìa ngài sẽ ngáy cho xem.”

“Lạy Chúa tôi. Tôi có ngáy ư?”

“Ngài nhất định đã ngáy vào tối qua, trong lúc em đang truyền đạt cho ngài về bản chất và cách sắp xếp tủ bát đĩa. Em gần như là một người sành sỏi về tủ bát đĩa, nhưng em cho là không phải ai cũng có cùng sở thích như em. Xin ngài vui lòng đừng báng bổ.”

“Tôi xin lỗi.” Anh hôn lên mũi cô, và trượt bàn tay dọc xuống hông cô. “Em có chắc mình bị bệnh không?”

“Rất chắc ạ.”

“Chết tiệt,” anh nói. Và bao phủ môi cô bằng môi anh trước khi cô có thể mở miệng.

Chương 30

Anh muốn chỉ cho Leda thấy châu Mỹ với tất cả vẻ huy hoàng khắc nghiệt của những rừng núi và trời—thay vào đó hầu như cô chỉ thấy vẻ khắc nghiệt và rất ít vẻ huy hoàng, và anh mừng tượng nước Mỹ phải trông như một vùng đất mênh mông hiu quạnh và ảm đạm của mưa và tuyết và lại mưa; nửa đóng băng, những trụ băng rỏ nước từ mái hiên của những trạm dừng xập xệ nhỏ với cặp ngựa và một con chó vàng xấu xí là những khách ở trọ duy nhất.

Anh thậm chí còn không ở cùng một khoang với cô trên tàu hơi nước. Những chiếc thuyền buồm đã bị giảm số lượng vì mùa đông: trừ khi họ chờ thêm ba tuần, nếu không thì chẳng có phòng riêng tốt nào trống cho hai người—ít nhất cũng không phải trên bất cứ con tàu hơi nước nào anh bằng lòng thuê. Thế là anh đặt cho cô một phòng riêng được trang bị đầy đủ dành cho các quý bà ở khoang hạng nhất, và bí mật tự hào về cô, về cách cô không thừa nhận sự rung lắc của con tàu khiến cô kinh hãi. Cô có may mắn không bị say sóng, và cố gắng rất nhiều để tỏ ra điềm tĩnh, nhưng thời tiết quá xấu đến mức Samuel cuối cùng phải khuyên cô nên ăn trong phòng khách dành cho các quý bà thay vì cố gắng lặn lội đến phòng ăn.

Anh rất ít khi gặp cô cho đến lúc họ đến New York, và tại đó anh cũng ít thấy cô, nơi cô bị cuốn vào hội Phụ nữ ở Broadway với vợ và con gái của những người đàn ông ngồi đối diện anh bên những chiếc bàn gỗ gụ để nói về vàng và tiền cho vay, kho gỗ và dầu—và luôn luôn là đường. Anh để họ nói, và lắng nghe, chỉ đưa ra những nhận định đủ để cho cuộc trò chuyện tiếp tục. Anh không đề cập đến kỹ sư Parsons ở Newcastle định chế tạo động cơ hơi nước, và phát triển một thiết kế để lái tàu với vận tốc ba mươi hải lý.

Samuel dễ dàng trở lại với nhịp sống đó; nhưng kỳ tích chính là nụ cười dường như đến thật tự nhiên khi anh đi bộ với một doanh nhân đến ăn tối tại ngôi nhà trên Xa lộ số 5 và nghe một giọng Anh nhẹ nhàng giữa những tiếng phụ nữ Mỹ âm ỉ. Leda nói đủ—đối với anh là như thế—nhưng cô không suồng sã. Giọng cô không chói tai, cũng không the thé khi hăng hái. Đó là một giọng nói dễ đưa người ta vào giấc ngủ—và chính ý nghĩ đó khiến anh mỉm cười.

Buổi tối, anh nghe tất thấy những chủ đề tầm thường vô vị của hàng hóa Pháp, với đồ mạ vàng và khảm và vòng xoắn đồ sộ mà bạn bè mới người Mỹ truyền đạt cho cô. Mọi người đối với cô đều tử tế, nhưng thật buồn khi thấy họ được dạy cách đánh giá một đồ vật bởi giá cả của nó thay vì giá trị và chất lượng, mặc dù cô phải thừa nhận ở New York mọi thứ thường vô cùng đắt giá. Khách sạn này hẳn phải đốt cả trăm ký than, cô nghĩ thế, vì những căn phòng được giữ cho vô cùng ấm. Và còn có đồ hàn chì trong bồn tắm nữa!

Còn tệ hơn, những—họ gọi chúng thế nào ấy nhỉ? ống nhổ. Một từ nghe chướng tai làm sao; lẽ ra nên dùng một từ ý nhị hơn. Cô chắc chắn anh sẽ có thói quen đó; xì gà là thứ đáng chê trách nhất đối với một người cao quý thực thụ, và vô cùng khó chịu nữa.

Đến Denver cô mới nhắc đến ống nhổ. Cô nhìn anh với đôi chút bất an, xoay đầu trên gối. Anh cuốn một lọn tóc của cô quanh ngón tay và hứa sẽ không nhiễm thói quen nhai xì gà—đó không phải lời hứa khó khăn nhất trong đời anh, nhưng thỏa mãn, theo một kiểu riêng nhỏ nhỏ. Anh ngủ vô cùng ngon giấc vào đêm đó.

Ở San Francisco, ngẫu hứng, anh đưa cô đến Phố Tàu vào buổi tối mù sương mà họ tới nơi—đúng ngay ngày Tết Tàu. Anh đã không báo trước với cô; biểu hiện trên mặt cô khi họ bước vào nơi đầy màu đỏ và vàng xứng đáng với điều đó. Cô bước bên cạnh anh không nói nên lời nào qua những dải lụa Tàu đẹp lộng lẫy, bám vào cánh tay anh và khẽ giật thót lên vì tiếng pháo nổ giòn giã.

Khắp nơi giấy màu cam và đỏ bay phấp phới; mùi chất đốt và đồ ăn nồng nặc. Những hàng đèn lồng tao nhã đung đưa từ những ban công trên đầu. Tất cả mọi cửa hàng đều dán những ký hiệu trong màu đỏ tươi vui, được vẽ bằng những nét chữ Tàu và phủ vải màu đỏ đậm.

Anh dừng lại trước một cái bàn bày nào là dải dây treo và những đĩa ăn hình hoa thủy tiên đang khoe sắc, bao quanh là những giỏ trái cây. Một người bán hàng đội mũ nhồi đen và thắt con sam dài đến thắt lưng cúi chào với vẻ hăng hái đơn đả. Samuel chào ông ta với một câu chúc mừng năm mới bằng tiếng Quảng Đông bồi, đưa vẻ hăng hái lên tầm nồng nhiệt. Với những cử động nhanh nhẹn, năng động, người bán hàng nhảy lên một cái ghế đẩu và lấy xuống hai cuộn giấy màu mà Samuel lựa từ những đồ trưng bày.

“Chúng ta sẽ treo hai cuộn này lên cửa.” Samuel đưa hai tấm giấy lên trước ánh sáng vàng nghệ của lồng đèn trung quốc và chỉ vào những chữ trên một tấm giấy. “Đây là năm phúc lành. Sức khỏe, phú quý, tuổi thọ, đức hạnh, và lìa đời trong an lành.”

“Ngài có thể đọc được ư?” Cô nhìn anh như cứ như anh rất đáng nể.

Người bán hàng dúm một quả cam về phía cô. “*Kun Hee Fat Choy!*”

Samuel thấy hai hàng lông mày của cô nhướng lên đầy sững sốt. “Đó là một món quà mừng năm mới,” anh nói. “Trái cam biểu trưng cho phúc lành.”

“Ồ!” Với một nụ cười vui sướng nhưng có phần bất ngờ, cô cảm ơn người bán hàng. Ông ta

đưa tiếp cho cô một bó hoa thủy tiên. Ông ta chắp hai bàn tay giấu trong ống tay áo và cúi mình lần nữa, sâu hơn. Cô cầm trái cam và những bông hoa và khẽ nhún gối. “Cám ơn ông!” cô nói. “Cám ơn rất nhiều. Chúc mừng năm mới.”

Người bán hàng giương lên một dây những gói nhỏ màu đỏ cho Samuel. “Đốt pháo không quý ông? Phần tư đô la.”

Anh lắc đầu. “Tôi không đốt. Chỉ đi xem thôi.”

“A! Đi xem đốt pháo, tốt. Tiếng to a! Quý cô thích này.”

“Tấm còn lại ý gì ạ?” Leda gật đầu về phía tấm giấy thứ hai.

Anh ngập ngừng, bất chợt do dự không muốn nói với cô. Cô đưa mũi vào giữa những đóa hoa và nhìn lên anh trông đợi, môi hơi hé mở, khẽ cong lên thành một nụ cười. Người bán hàng đọc bằng tiếng Trung, gật đầu đầy tháo vát.

Samuel biết chút tiếng Quảng Đông, đủ để hiểu ý ông ta. Anh cũng hiểu cả chữ viết trên giấy. Anh chỉ cảm thấy ngớ ngẩn khi đọc to nó lên. Anh thà cứ để cô không hiểu mà treo nó lên sau một cánh cửa nào đó nơi chỉ có mình anh thấy.

“Ngài không thể đọc câu đó ạ?” cô hỏi.

“Chỉ là một ngạn ngữ mừng năm mới thôi.”

Cô nhìn cuộn giấy, với màu sơn thiếp vàng và nâu. “Nó đẹp quá. Em ước gì mình hiểu ý nghĩa của nó.”

Anh cuộn nó lại. “Nó có nghĩa là ‘yêu thương nhau.’ “

Hàng mi cô chớp lên.

“Chỉ là một câu nói thôi.” Anh nhìn lên những khẩu hiệu khác và đọc. “ ‘Thọ, Lộc, Phúc, và Hậu Đãi. ‘Cầu chúng ta luôn có khách hàng giàu có.’ Những thứ đại loại như thế.”

“Ồ.” Cô gục đầu vào hoa thủy tiên lần nữa và lén nhìn lên anh, mắt sáng long lanh. “Em hiểu rồi.”

Anh cảm giác như đang đi trên dây mà bị bịt mắt. Trượt chân khỏi một vách đá...và không biết vì sao, không hiểu thế nào, anh vẫn đang bước trên không khí, với một vực sâu không thể tưởng tượng nổi bên dưới.

Thời tiết vẫn xấu, Leda viết thư gửi đến Phố South, nhưng cháu không thể buồn phiền vì điều đó, khi cảnh đón tiếp diễn ra vô cùng nhộn nhịp ở bến đỗ cuối cùng của chúng cháu tại Đảo quốc Sandwich. Lúc này chúng cháu đang ra khơi trên con tàu đồ đốc danh dự của chồng cháu, con tàu Kaiea. Con tàu đáng ca tụng này có—lúc này cô xem lại tin nhắn mà Samuel đã viết ra cho

cô—trọng tải đăng ký lên đến tám nghìn sáu trăm tấn, và được đóng bằng thép với chân vịt đôi và động cơ 17000 mã lực giãn nở gấp ba lần, đầy đủ những đặc tính tối tân nhất của tàu hơi nước. Các cô sẽ hài lòng khi biết những thuộc tính này dẫn đến vận tốc chuyên chở tới hai mươi một hải lý, tốc độ đáng ca ngợi này còn vượt cả con tàu Oregon hiện giữ Thanh Nẹp Xanh của Đại Tây dương để vinh danh chuyến hành trình nhanh nhất giữa Liverpool và New York. Có vẻ như không có Thanh Nẹp Xanh nào dành cho Thái Bình dương, cháu cảm thấy đó là một việc thiếu công bằng, vì nhất định tàu Kaiea sẽ nhận lấy danh hiệu đó. Cháu có thể viết dài dòng hơn nữa về những đặc trưng của con tàu hơi nước đáng ngưỡng mộ này, tuy nhiên Ông Gerard đã khuyên không nên trút vào thư của cháu những “thuật ngữ” hàng hải.”

Leda ngẩng đầu lên khỏi bàn viết và nhìn quanh. Chúng cháu ở trong khoang chủ trên boong tàu trên cùng, cô viết tiếp, nó gồm ba phòng rộng, một phòng ăn, một phòng khách, và một khoang ngủ có bồn tắm và toilet nối liền. Đồ trang trí rất đẹp, làm từ đồng thau cao cấp được đánh bóng, gỗ tếch Á châu và những loại gỗ từ phương xa. Một tấm gương mạ vàng to được treo trên bệ lò sưởi. Tường được dán giấy với những hình chim chóc và hoa rất đẹp vẽ theo phong cách trung quốc, trên nền màu đỏ đậm vui mắt, cháu được biết đó là màu may mắn theo người phương Đông, họ tin rằng nó sẽ có tác dụng đuổi ma quỷ. Những chiếc lọ đẹp luôn đầy hoa tươi, đặt trên bàn và những chân đế ốp tường, hay những vách ngăn, như chúng được gọi, đón chào chúng cháu khi chúng cháu đến đây. Toàn bộ khung cảnh khiến cho người ta khó mà tưởng tượng mình đang ra khơi trên tàu. Ông Gerard và cháu có một quản lý có nhiệm vụ chính là phục vụ chúng cháu chỉ bằng một cái nhấn nút điện.

Cháu phải gác bút thôi, vì tàu liên lạc sẽ mang những bức thư này và chuyển trở lại San Francisco đang chuẩn bị rời bến, và chúng cháu sẽ sớm vượt qua Cổng Vàng đón tiếp, một trải nghiệm, như cháu được bảo lại, sẽ không bị hủy ngay cả khi gặp thời tiết khắc nghiệt nhất. Như các cô có thể để ý thấy chữ viết của cháu, khoang của chúng cháu là một nơi rút lui tuyệt vời khỏi sự rung lắc của con tàu, vì nó được xây để tận dụng một thiết kế đặc trưng, một thiết kế mà cháu phải thừa nhận là mình không hiểu rõ lắm. Tuy vậy, thật sự những va đập mạnh của thời tiết xấu được giảm xuống chỉ còn những cái rung nhẹ trong phòng.

Cháu luôn là người bạn kính cẩn và tận tụy của các cô...Leda Gerard.

Cô ngắm nghía tên mình một lúc, rồi dán thư, thêm vào chồng thư hồi đáp phút chót những lá thư được gửi đến chỗ họ ở San Francisco, một từ Phu nhân Tess, một từ Tiểu thư Kai, và lá cuối cùng là từ Cô Lovatt, viết thay mặt cho các quý bà ở Phố South. Cô rung chuông gọi người quản lý, ông ta xuất hiện ngay tức thì: một người đàn ông dong dỏng tên Ông Vidal, vô cùng bất thiệp và kính cẩn. Ông ta nhận lấy thư và giúp cô mặc áo đi mưa và mũ mềm đã được cấp cho cô khi lên tàu Kaiea trong trận mưa như trút nước.

Bên cạnh một cánh cửa dẫn vào lối đi, căn phòng khách mở ra một ban công riêng nhìn ra đuôi tàu, nhưng vì nó không có chỗ trú mưa, Ông Vidal đề nghị cô—bằng cách nâng giọng lên thành một tiếng rống dưới cơn mưa xối xả—đi xuống từ ban công để gặp Ông Gerard ở boong thuyền trưởng. Cô rất mừng vì có bàn tay vững vàng của người quản lý giúp cô xuống cầu thang ngoài trời dẫn đến khu điều khiển ở boong dưới.

Con mưa không ngớt, và đúng là cảnh tượng Cổng Vàng bị lu mờ đi. Bằng cách nào đó, cô cảm thấy tuyệt đối an toàn khi đi trên con tàu mà chồng cô đã cho đóng, không như lần cô vượt Đại Tây dương, mặc dù cô nghĩ có thể sự bình tĩnh này là do cô đã trở thành một thủy thủ thông thạo hơn. Thành thật mà nói, cô cảm thấy như mình đã có thể nhận được danh hiệu “tinh nhuệ” mà không quá khó khăn.

Cô thấy vô cùng thú vị khi nép trong một góc boong chống bão với tấm gương chắn dày, hai bàn tay ấp quanh một cốc ca-cao nóng, trong khi thuyền trưởng ban lệnh và kỹ thuật viên hò hét vào loa phóng thanh, con tàu đón những ngọn sóng khổng lồ của Thái Bình dương... “Thái Bình” nhất định là một cái tên đặt nhằm do lạc quan, như cô bảo với Samuel khi một con sóng đánh bật cô khỏi ghế ngồi và đâm sầm vào anh.

Anh cười toe và choàng ôm cô, tựa vào vách ngăn. Cô nghĩ đó là một thế đứng thiếu đứng đắn, nhưng chẳng có ai để ý tới họ, mọi người đều đang bận rộn với công cuộc đi biển.

Một khi còn tàu kéo đã được hạ thủy và tiến trình được ấn định, boong tàu đi vào nề nếp êm ả hơn. Vì Samuel còn bàn chuyện với thuyền trưởng, Leda quyết định sẽ tận dụng đề nghị tháp tùng của Ông Vidal để đến phòng khách ở khoang hạng nhất. Từ vị trí an toàn trong vòng tay Samuel, cô bắt tay thuyền trưởng và khen ngợi thành quả của ông, và ông đáp lại, “Bà là một thủy thủ, thưa bà! Một thủy thủ đích thực.”

Đỏ mặt trước lời khen, cô tự mình đi xuống cầu thang thiếu chắc chắn bên ngoài, và khi vào đến phòng khách mới biết được câu nói đó đúng đến mức nào. Tất cả hơn một trăm hành khách đều đóng cửa sổ mình trong buồng. Chẳng có ai ở đó ngoài một cậu bé bị say sóng, đang ngồi trong một ghế rung với đôi vai gò xuống và miệng mím lại thành một đường thẳng khó khăn.

Ông Vidal hỏi cậu bé có phải cậu không muốn về phòng với cha mẹ, thì được nghe một lời thì thầm khốn khổ rằng cậu đi một mình, và cậu đã nôn vào bồn rửa mặt trong phòng cậu, và nó hôi đến mức cậu không chịu nổi. Rồi cậu bắt đầu khóc.

Leda nắm tay cậu. “Lên phòng cô này,” cô nói. “Trên đó không lắc nhiều. Cháu có thể nằm nghỉ, và chỉ trong chốc lát sẽ thấy khỏe hơn.”

Những ngón tay cậu nắm lấy tay cô đầy biết ơn. Được Ông Vidal dẫn đường, họ vào đến cầu thang của phòng chính, tay cậu bé nắm chặt tay cô, khuôn mặt đầm nước mắt của cậu càng lúc càng trắng bệch. Ngay khi cậu đến phòng khách của khoang cô ở, và Leda đưa cậu đến ngồi lên ghế xô-pha, cậu cúi xuống và nôn vào quần mình.

“Ôi thôi!” Leda nhăn mũi. “Chúng ta hãy cởi nó ra ngay rồi cháu có thể nằm nghỉ.”

Nhưng cậu bé khóc thảm thiết và đẩy tay cô ra. “Cháu không thể—không thể...cô là một quý cô!”

“Được rồi, cháu thân mến. Đừng lo gì cả. Ông Vidal!” Cô đứng lên và quay lại. “Xin ông lo cho cậu ấy. Tôi sẽ chờ ngoài hành lang—đưa quần cậu ấy cho tôi rồi tôi sẽ dọn nó.”

“Vâng thưa bà. Cứ bỏ quần cậu ấy ở cầu thang đã. Tôi sẽ lấy cho cậu ấy một cái chăn.”

Leda bước vào hành lang và nhận lấy cái quần khi ông ta đưa nó qua cửa. Cô chụp lấy lan can và đi xuống cầu thang. Cô không nỡ quăng cái quần đi, nên cô chỉ cuộn nó lại và nhét vào bậc thang đầu tiên trước khi quay lại phòng.

Bên ngoài cửa, cô giật mình khi nghe tiếng Samuel lạnh lạnh bên trong—không rõ nghĩa—với một sự tàn bạo đến cô cũng phải chung hưởng. Cô đưa tay định mở cửa, vừa đúng lúc một vật gì đó tung đánh sầm vào phía bên kia. Leda nắm lấy lan can; cánh cửa tung ra với Ông Vidal đang bám vào đó. Ông ta loạng choạng lùi lại, chụp lấy nắm cửa để giữ thăng bằng.

Samuel đứng trong bộ đồ đi mưa đang rỏ nước, trong khung cửa, nhìn chăm chăm viên quản lý. “Buông hai bàn tay thôi tha của mày khỏi cậu bé.” Cậu nói chói tai, như tiếng gầm cảnh cáo của một con thú. Cái lạnh thổi qua anh từ khung cửa mở. “Biến ngay khỏi đây. Trước khi tao giết mày.”

Một luồng gió mạnh đóng sầm cửa lại. Leda chớp mắt nhìn anh, rồi nhìn Ông Vidal. Áo khoác xanh của viên quản lý bị xé toạc ở cổ. Cậu bé nằm lệt thốt trong hốc ghế, mắt mở to, miệng há ra và nắm chặt tấm chăn trên hai đầu gối trần. Cậu nhìn như thể Samuel là một thứ quái dị bất chợt đến từ vực sâu.

“Samuel! Sao lại—” Leda bám vào khung cửa khi con thuyền tròn trĩnh. Cổ áo bị xé rách của viên quản lý và vẻ mặt của Samuel khiến cô sợ.

“Tôi đã làm gì?” Ông Vidal đứng xoa vai, cực kỳ bối rối. “Thưa ông, tôi—tôi đã làm gì chứ?”

Samuel không cử động. Cô có thể thấy mạch đập đang phập phồng ở cổ anh từ nơi cô đứng.

Và rồi cô hiểu ra, với một sự chấp nối chậm chạp của những suy nghĩ liên tiếp nhau—cậu bé không mặc quần và đang khóc, người đàn ông kia, gương mặt cứng như đá tạc của Samuel...

“Ôi Samuel! Không phải như ngài nghĩ đâu,” cô thốt lên. “Em đã nhờ ông ấy vào đây. Em đã gọi cả hai vào. Cậu bé bị say sòng; nôn vào quần cậu ấy. Ông Vidal đang giúp em.”

Con thuyền lắc lư. Trên xô-pha, cậu bé ngồi thẳng dậy, kéo tấm chăn che hai đầu gối trần đang co lại. Cô thấy lí trí kết tinh trong mắt Samuel: một khoảnh khắc của sự nhận biết, và rồi một màu đỏ lan nhanh lên cổ anh. Anh nhìn cậu bé, rồi nhìn Ông Vidal.

Anh nhìn Leda. Và rồi: xa cách. Tất cả mọi dấu vết của cảm xúc rời bỏ anh.

Với một cử chỉ cẩn thận, anh bắt đầu cởi áo đi mưa. Như chưa hề có chuyện gì xảy ra, anh đưa nó cho Ông Vidal. Viên quản lý do dự.

“Anh có bị thương không?” Samuel hỏi, trong một giọng khẽ khàng.

Hàm Ông Vidal co giật. “Không thưa ông.”

“Anh chấp nhận lời xin lỗi của tôi chứ?”

“Thưa ông.” Người đàn ông kia đứng thẳng lên hết chiều cao mảnh khảnh. “Tôi đã làm gì?”

“Không gì cả.” Gương mặt Samuel lạnh lùng chai đá. “Tôi sẽ nói với thuyền trưởng bồi thường cho anh, nếu anh muốn.”

“Nếu tôi đã làm gì đáng phải—”

“Cám ơn ông, Ông Vidal,” Leda thì thầm. “Không có gì để ông phải lo nữa, ngoại trừ ông có thể đem một cái quần sạch đến cho cậu bé. Cháu tên gì, buồng của cháu số mấy?”

“Dickie, thưa bà. Buồng B-5.” Giọng cậu bé nhỏ và khản. “Thưa bà? Cháu có thể ngủ bằng gối của mình được không? Nó ở trên giường cháu.”

“Và gối cho cậu bé,” Leda nói. Cô quay lại với cậu bé. “Cháu cảm thấy khá hơn chưa?”

Cậu co ro bên dưới tấm chăn, vẫn nhìn chăm chú Samuel. “Đỡ đỡ ạ. Nhưng miệng cháu có vị ghê quá. Và mũi cháu hăng hắc. Cháu khát nước. Làm sao ông ấy lại quăng ông này ra cửa, nếu ông này không làm gì sai ạ?”

“Chỉ là một sự hiểu lầm thôi,” Leda nói.

“Tôi sẽ đem đến một bình nước chanh, thưa bà,” Ông Vidal nói. Ông ta cúi chào một cách cứng nhắc, chỉ hơn một cái gật đầu, và rời phòng.

“Một cú tấn ra trò,” cậu bé nói. “Ông ấy bay từ đây ra tới đó.”

Leda hít vào. “Cô rất tiếc vì cháu phát hoảng, nhưng chỉ là một chuyện không may thôi cháu ạ.”

“Cháu không nghĩ thế đâu. Ông này chỉ bước vào đây và chụp ông kia rồi ông kia bay vù ra! Và ông này nói sẽ giết ông kia. Bà có nghe thấy không?”

Cô mím môi.

Samuel không lên tiếng. Anh bám lấy tay nắm cửa và mở nó trong cơn gió. Guồng gió điều khiển và đóng sầm cửa lại sau lưng anh—ngăn cách anh bên ngoài, để lại Leda và Dickie một mình trong phòng khách.

Cơn mưa ép dẹp áo choàng vào gáy anh. Anh chỉ nghĩ đến những bậc thang bên dưới chân

mình, cơn gió sau lưng, cái tròng trành của con thuyền khi nó vượt qua cơn sóng kế tiếp. Boong tàu vắng không trải dài trước mặt anh trong khi cơn mưa rào rào tràn qua, màu trắng xào xạc lên mặt gỗ bạc.

Tại một ô cửa, anh đứng trú mưa. Anh tựa vào mặt thép, xiết chặt tay vịn ở hai bên cửa, những ngón tay anh nhứt buốt trong cái ướt và lạnh.

Một lúc lâu, thời gian dường như vô tận, anh đứng ngắm mặt biển trời sục lướt qua. Anh bắt đầu run lấy bầy mà không kiềm chế được.

Đó là do lạnh, anh dặn mình đang run vì lạnh.

“Ôi, khốn kiếp,” anh lầm bầm, “khốn kiếp.”

Anh đập mạnh đầu ra sau cửa, chấp nhận cơn đau. Anh nghiêng rặng và lại tọng đầu ra sau lần nữa. Nó đau; nó đau buốt đến tận ngực và tay và chân anh.

Làm sao mà cô biết được?

Anh đã nhìn thẳng vào mắt cô và thấy điều đó. Không ai bình thường mà lại phản ứng như anh; không ai đủ tỉnh táo mà lại làm thế. Lạy chúa, Vidal thậm chí còn không biết; Samuel đã nắm cổ áo quảng anh ta đến đầu kia phòng, thế mà viên quản lý vẫn không hiểu ra lí do.

Leda thì có.

Chikusho. Đồ thú vật. Súc sinh! Anh thậm chí còn không có lý trí. Sao anh không ngừng lại một khắc để nhận ra chẳng có gì sai trái? Sao anh có thể để lộ bản thân như thế?

Ôi, Leda, Leda, em không nên biết, em không thể biết, không thể.

Con thuyền dâng lên rồi hạ xuống, một sự dao động chậm chạp đối lại cơn gió. Ba phần tư của một triệu đô cho động cơ và thép; anh sở hữu từng centimet của nó: tên anh được ghi rõ trên giấy tờ. Sáu trăm người được trả công hằng tháng bằng séc rút từ tài khoản của anh; lợi nhuận bốn trăm ngàn đô một năm đổ vào ngân hàng với tên anh trên cửa của văn phòng to lớn nhất.

Tên anh—cái tên mà anh đã phải chọn từ một quyển sách.

Nguồn gốc của những họ tộc Nooc-măng. Anh còn nhớ; đó là tất cả những gì anh có thể tìm thấy trong thư viện trường. Thế là anh biến mình thành một người Nooc-măng, nhìn vào gương và tự quyết định mình có một cái mũi của dân tộc Tơ-tông, đôi mắt xám có nguồn gốc Na-uy; anh đã mừng tượng một họ tộc và một quá khứ, những tổ tiên của anh đã đến cùng cuộc Chinh Phục, người ông ruột của anh đã bị giết trong cuộc tấn công Light Brigade thế nào, đã sống trong một lâu đài cổ kính và trang nghiêm, nhưng bị một kẻ quản lý đất lừa gạt chiếm hết tiền của, và một ngày nào đó, một ngày nào đó, một lá thư sẽ được gửi tới bảo rằng tất cả chỉ là một sai lầm; những gì Samuel nhớ chỉ là tưởng tượng, chẳng có việc nào trong số đó đã

xảy ra; rằng Phu nhân Tess và Ngài Gryphon trông nom anh cho đến ngày cha mẹ ruột của anh có thể tìm ra anh.

Ảo tưởng. Mơ mộng. Leda! Trong tim anh cảm giác đang lơ lửng giữa lưng chừng, sau lưng anh là những tắc đất an toàn. Cũng như ở tuổi mười bốn, mười lăm, hay mười ba mà anh biết—ai biết anh bao nhiêu tuổi chứ?—chẳng có gia đình nào tìm kiếm anh.

Hai cánh tay anh run dữ dội, các bắp cơ cứng vì gồng. Hai bàn tay anh và tay vịn cảm giác như đã trở thành một.

Cô không nên biết.

Cô không nên biết! Anh nhìn đắm đắm ra mặt biển, cái ẩm ướt lạnh lẽo chảy giọt xuống trong cổ áo. Cô không thể nào tự biết được, không thể từ kinh nghiệm bản thân mà cô có thể hiểu. Cô đã kết hôn với anh, thề gắn bó với anh, để anh chạm vào cô. Cô đã không thể biết.

Chúa ơi—trên đài chỉ huy của thuyền trưởng, anh đã cảm thấy điều đó mà không biết—cách cô cứng người khi cánh tay anh choàng quanh cô.

Ôi, lạy Chúa. Leda. Anh ngửa đầu ra sau, bạnh quai hàm.

Và một trực giác đến với anh. Suy đoán trở thành linh tính...rồi một cảm giác chắc như đinh đóng cột vô cùng kinh khủng đến mức anh muốn gào lên vì thống khổ. Cô đã không biết.

Cô đã nghe kể lại.

Những lá thư đó. Tess đã viết thư và nói với cô.

Trong một khắc, điều đó có vẻ như một sự phản bội quá tàn nhẫn. Nhưng rồi anh nhận ra. Là do anh, lỗi của anh; Phu nhân Tess sẽ không bao giờ bán đứng anh nếu anh đã không đầu hàng bản thân mình. Nếu anh đã không quên mọi thứ mà Dojun dạy và đến với Leda để ngủ với cô và để cho bóng tối chiếm hữu anh.

Lỗi của anh.

Anh đã chính tay hại mình, như anh đã mất Kai, và mất mọi thứ mà anh đã dày công rèn luyện.

Cái cách đưa trẻ đó nhìn anh trong khoang. Nhìn *anh*, cứ như anh là một kẻ đáng sợ.

Anh đập đầu vào thép. Cơn đau nhói nổ ra trong mắt anh.

Anh phải gộp nhặt những mảnh vụn của tâm hồn lại. Anh đã không thừa nhận với bản thân rằng mình đã đầu hàng nhiều đến mức nào, đã loạn choạng trong đại dương cảm xúc. Dojun sẽ nhận thấy điều đó ngay tức khắc. Samuel không thể đến Hawaii trong tình cảnh này.

Người là một võ sĩ, anh nghĩ. Tâm người là kiếm.

Anh ấn đầu ra sau cửa, lạnh thấu xương, thở khó nhọc, run rẩy và cười ha hả.

Dojun. Samuel phải tìm thấy sự cân bằng trong anh. Cơn gió lạnh cắt vào anh—sạch và đơn giản và thanh khiết. Trong cơn bão và những ngọn sóng là chân lý công bình của thiên hạ. Dojun đã cho anh đôi mắt để nhìn thấy điều đó, cho anh quyết tâm để chịu đựng, cho anh sức mạnh để làm chủ nó. Bền bỉ, nhẫn nại, kiên trì—và một ngàn phương cách để trốn trong bóng tối.

Chương 31

Leda.

Giọng nói nhẹ gọi tên cô, và trong giấc mơ cô cảm thấy một sự vui sướng và thư thái lâng lâng—anh đã trở lại, rồi mọi chuyện sẽ đầu vào đó.

Anh lại gọi tên cô. Cô mở mắt, tỉnh giấc trong sự rung lắc không ngừng của con tàu. Một cơn gió tối mát thổi qua cô, một sự giải thoát khỏi cái ẩm áp ngọt ngào của áo ngủ. Cô có thể thấy bóng dáng anh khi anh đứng bên giường; anh mặc đồ trắng, một bóng ma ẩn hiện trong khoảng tối.

“Lại đây,” anh thì thầm, và cô nhớ ra Dickie đang ngủ ở giường tầng trên, nhớ lại rằng Samuel đã không đến gần cô suốt bảy ngày nay, nhớ lại điều nào là thật và tại sao âm thanh giọng nói của anh lại có tác động vỗ về cô đến thế trong giấc mơ.

Cô nhận ra tiếng rờ rờ thường nhật của động cơ đã ngừng. Tiếng gió gào đã không còn nữa. Căn phòng dường như tĩnh lặng, chỉ văng vẳng tiếng con tàu lướt qua những ngọn sóng đánh dấu một khoảng thời gian ngưng trệ.

“Samuel.” Cô ngồi lên, với tay ra.

“Đi với tôi,” anh thì thầm. “Tôi muốn chỉ cho em một thứ.”

Anh lùi lại ngoài tầm với. Căng mắt, Leda đẩy chăn và đặt chân lên thảm, tìm dép đi trong nhà trong vải màn ở đuôi giường. Cô đứng dậy và mò mẫm tìm ra phòng khách, đóng cửa thật nhẹ để không đánh thức Dickie đáng thương khi cuối cùng cậu cũng ngon giấc sau bảy ngày đằng đẳng khổ sở vì thời tiết xấu và cơn say sóng.

Samuel là một đường nét mờ ảo trong bóng chập choạng ở khung cửa mở. Cơn gió nhẹ đến từ đó, mang theo một hương tươi mát. Khi cô đi theo anh, anh cầm sẵn áo khoác cho cô. Cô không thể thấy rõ nét mặt anh, nhưng hai bàn tay anh thật dừng dừng khi anh khoác áo quanh

vai cô.

Cô cúi đầu và bước ra vòng bán nguyệt của boong tàu kín. Gió ở đây mạnh hơn, thổi tung tóc cô quanh mặt. Trên đầu, những cột buồm trống đã căng buồm. Vòm trời rộng lớn chuyển từ đêm sang một màu xanh sáng tại thiên đỉnh, một màu mà cô chưa từng thấy trước đó, vừa rực rỡ vừa trong suốt, đổ xuống thành một màu sứ pha xa-phia ở đẳng đông.

Cô ôm chặt áo choàng quanh mình và tựa vào lan can bằng gỗ tếch. Trước mặt họ, làn nước tối sáng màu trời, như những tấm gương vô tận hình thành rồi bể ra rồi tụ lại lần nữa, trong khi làn tàu lẩn khuất trong những hàng lân quang mờ ảo.

Độ cao của boong tàu và chỗ cong của cánh buồm nhỏ che khuất mọi thứ trừ vòm tàu. Cô cảm giác như họ đang một mình trôi dạt trong thế giới bằng pha lê, nơi mặt dưới màu bạc của những đám mây trên đường chân trời cuộn cuộn thành những đụn lũy màu hồng—một màu hồng sáng đến mức gần giống màu cam, một màu cũng nhẹ như cơn gió ấm lùa vào tóc và váy cô.

“Xem kìa.” Anh đứng gần sau cô, mái tóc vàng rối tung trong gió. Anh gật đầu về khung cảnh trước mặt.

Leda nhìn theo. Ở cuối những đám mây, ánh sáng lóng lánh để lộ một bóng dáng mờ ảo trên biển, một hình hài tối, vững chãi ở đường chân trời.

“Oahu,” anh nói. Rồi anh chỉ về phía tay trái đằng xa, nơi Leda chỉ có thể thấy một gò đất xám bên dưới một tháp mây cuộn cuộn điểm vàng. “Đó là Molokai.”

Cô nhìn đăm đăm. Cô cắn môi. “Chúng nhỏ quá.”

“Chúng sẽ to hơn. Chúng ta vẫn còn cách hai mươi dặm.”

Leda cứ tưởng hai hòn đảo chỉ cách họ không quá vài dặm, vì cô đã có thể nhìn ra những chỗ lồi lõm khi bình minh ló dạng. Cô nắm tay trên lan can, chờ anh lên tiếng, sợ phá vỡ khoảnh khắc của sự kết nối giản dị. Nhưng một lúc lâu sau anh không nói gì. Anh chọn đứng ngoài rìa của sự giao tiếp, một bàn tay đặt trên lan can cong ngoặt quanh boong.

“Tôi chỉ nghĩ em sẽ thích thấy nó,” cuối cùng anh nói, một cách thiếu tự nhiên.

“Cảnh đẹp lắm ạ.”

Anh không đáp lời, nhưng cũng không bỏ đi.

Leda muốn nói rất nhiều điều với anh, nhưng chúng không thể diễn tả được bằng lời. Thậm chí khi tất cả có diễn ra suôn sẻ và thuận lợi đi nữa, cô vẫn không thể tìm ra từ ngữ để nói cho anh biết cô quý trọng sự bầu bạn thầm lặng của anh đến mức nào, cô trân trọng cách anh ôm cô ngủ vào mỗi đêm biết bao. Và cảm xúc của cô về những thứ diễn ra trước giấc ngủ—cô không thể nói về điều đó cũng như cô không thể khép cánh và bay từ đây đến những gò đá xa

xăm ở rìa chân trời.

Cô nhớ anh. Dickie đáng thương như đã chuyển hẳn vào khoang chính bởi một sự đồng tình ngầm, gối và quần áo của cậu dần dần tìm đến căn buồng ngủ trong khi cậu có một chỗ ở giường tầng trên. Cậu bé khốn khổ và cả tin và trông cậy vào sự chăm sóc của cô đến mức cô không thể ước mình làm khác đi, nhưng cô cũng ước điều đó không đồng nghĩa với việc cô sẽ không gặp Samuel suốt cả hành trình.

Cô nhớ lại gương mặt anh khi anh nhận ra sai lầm của mình với viên quản lý—và bằng khuâng nghĩ, có thể Samuel cũng cần đến cô, một chút thôi.

“Em đã không nhận ra bầu trời cao đến thế.” Cô nhìn lên những bóng mây. “Nó chưa từng có vẻ như thế ở—” Cô suyt nữa đã nói “nhà.” Nhưng nơi đây sẽ là nhà cô, tại những gờ đá tắm tối ở chân trời kia. “Ở Luân Đôn,” cô nói hết câu, đẩy tóc ra khỏi mắt.

Anh vẫn không lên tiếng, cũng không đi khỏi. Cô ngắm một đám mây nhỏ và bông bành trôi qua, sáng rực cứ như nó mang trong mình ánh sáng hồng.

“Ngài có cho rằng thời tiết hôm nay sẽ vẫn tốt không?” cô hỏi.

“Tôi không biết chắc.” Anh nói bằng một giọng câu nệ, cứ như cô là một người mà anh chỉ vừa được giới thiệu tại một bữa tiệc tối.

“Nhưng ngài có dự đoán nào không?”

“Trời mưa rồi tạnh vào khoảng thời gian này trong năm.”

Leda bắt đầu cảm thấy mất can đảm bởi thái độ cứng nhắc của anh. “Sao lại căng buồm ạ?”

“Chúng ta có gió tốt. Chúng ta đi bằng buồm.”

“Ồ. Em cứ tưởng có thể động cơ đã bị hư.”

“Nó không bị hư.”

Hạt mầm của nỗi lo lớn dần. Anh quá lạnh nhạt, cứ như cô đã làm một điều gì đó mà anh không thích. Ngập ngừng, chỉ để giữ cuộc trò chuyện tiếp tục, cô nhận xét, “Em nghĩ sẽ nhanh hơn nếu đi bằng cả động cơ và buồm.”

“Em có vội lắm không?” anh hỏi một cách châm biếm.

“Không. Không hẳn. Nhưng có vẻ những người khác đều vội. Em cứ tưởng tốc độ là đặc điểm tuyệt vời nhất của tàu hơi nước.”

Anh ngừng để suy nghĩ. “Tôi đã yêu cầu họ tắt lò đốt nhiên liệu. Trong một lúc. Tôi tưởng—em có thể thích ngắm quang cảnh này.”

Anh vẫn đang đứng sau cô trong lúc anh nói; cô không thể nhìn thấy mặt anh. Cô cảm thấy e thẹn, và bối rối, và ước gì cô có thể nghĩ ra một điều gì đó để nói và làm thay vì nhìn xuống hai tay mình và thì thầm, “Cám ơn ngài. Ngài thật tử tế.”

Cô thấy những ngón tay rám nắng của anh gõ nhanh lên tay vịn. Anh thả tay.

“Tôi có vài việc giấy tờ,” anh đột ngột nói. “Chúc em buổi sáng tốt lành.”

Leda quay lại nhưng anh đã đi khỏi, biến mất vào cánh cửa buồng đang bung nhẹ với cú đập của những con sóng.

Không hiểu vì sao Leda cứ tưởng Hawaii sẽ trông khá giống Scotland. Cô chưa từng đến Scotland, nhưng cô biết đó là một vùng đất hoang vắng với những ngọn núi khô cằn và những ngôi làng nhỏ—và những bức ảnh trắng đen về Honolulu, với hàng cột buồm đen trên những con thuyền ở cảng, những ngôi nhà xám xịt và xa xa là những ngọn núi mù sương, có vẻ phù hợp với miêu tả đó. Cô đã không ngờ sẽ có màu sắc.

Nó còn sặc sỡ hơn cả tưởng tượng. Cứ như có ai đó đã đổ một hộp màu khổng lồ lên biển: màu chàm chuyển sang xanh coban, đến xanh da trời, xanh ngọc lam, xanh màu ngọc bích, rồi pha lẫn thành những màu sáng rực đến tận bờ. Sau mặt đất dốc đen và đỏ của Mũi Kim Cương, những đám mây quần quýt trên sườn núi xanh, sáng lộng lẫy và tan biến khi họ đi qua. Một miệng núi lửa, khoác trên mình màu đỏ nham thạch dữ tợn và màu son, sừng sững ở chân rặng núi, nhô lên từ một vành đai rừng và cọ.

Ngay cả không khí cũng có vẻ sống động, dịu và đầy ngọt ngào. Khi họ đi dọc con kênh hẹp quanh co vào Cảng Honolulu, nơi có thể thấy rõ rìa của rừng san hô, tiếng vỗ ầm ì của sóng hòa vào tiếng nhạc. Trên vũng tàu đậu, giữa hàng trăm—hàng ngàn—người, một nhóm nhạc mặc áo đỏ và cầu vai vàng chơi những giai điệu hoan hỉ.

Leda đứng cùng Dickie, cũng kinh ngạc và bị thôi miên như cậu bé mười hai tuổi bởi mảnh đất thần tiên, trong khi đám đông ở vũng tàu đậu đổ ra boong tàu *Kaiea* theo những tốp mười hai, gồm mọi sắc màu quốc tịch, những bộ váy rộng lá lướt, màu đỏ và vàng, xanh lá, trắng, hồng—và tất cả, từng người, nam và nữ, phục sức bằng những vòng hoa lá.

Leda phải gắng lắm mới giữ được Dickie không chạy vù xuống cầu thang và hòa vào đám đông sống động, hay nhảy qua lan can để tham gia cùng những tiên nữ da nâu đang bơi và tạt nước bên dưới. Ông Vidal đã bảo họ chờ trên boong kín, trong khi ông ta tìm cha mẹ cậu bé. Leda có thể hiểu được lí do. Dickie kéo tay và nài nỉ “chỉ đi xuống xem—”, tíu tít tả lại bất cứ thứ gì đập vào mắt cậu, cho đến khi cuối cùng cậu nhảy căng lên và reo hò, “Họ *kia* rồi! *Cha! Mẹ!*”

Cậu giật tay khỏi tay cô và lao xuống cầu thang, vấp chân nhào vào vòng tay đầy hoa của hai vợ chồng mặc toàn màu trắng. Trong một khắc, cậu bị quấn trong những nụ hoa, và khắc sau, cậu đã biến mất trong đám đông đang đổ xô và tràn lên boong tàu bên dưới.

Leda quan sát những cuộc chào đón. Cô thật sự không có lí do nào để cảm thấy tủi thân, cô nghĩ. Cô thật sự có mọi lí do để cảm thấy vui vẻ. Thành phố này dường như không hơn một thị trấn say ngủ, những con đường bụi, một vài chóp nhọn và mái lợp của nhà thờ giữa nhà kính, nhưng nó có một diện mạo thật tươi vui. Cô thấy mình tìm kiếm trong số những người đàn ông mặc đồ trắng đội mũ rơm và nghĩ: *Phải chi...*

Đó là một suy nghĩ vô cùng ngu ngốc. Đó nhất định là một dấu hiệu của tính thiếu kỷ luật. Cô đã xây một lâu đài cát thật lớn suốt một tháng qua; sẽ chẳng có kết quả nếu cứ sống trong đó. Cô Myrtle đã luôn nói những thứ có được quá dễ dàng thì không đáng tin cậy.

Đây là nhà mới của cô. Cô là vợ của chủ nhân con tàu lỗi lạc này. Cô sẽ không bơ vơ bật khóc vì sợ anh đang thấy hối tiếc hôn nhân của họ, hay vì anh đã không tìm đến cô—vì anh tránh mặt cô—trong những vấn đề vô cùng khó khăn đối với anh. Ta phải chứng tỏ mình xứng với lòng tin cậy. Ta ngẩng cao đầu và nhìn ra con thuyền với một nụ cười và hoàn toàn, thật lòng tự hào và mãn nguyện được làm Bà Samuel Gerard.

Cô thấy Ông Vidal ở cuối cầu thang và nhắc váy lên để đi theo ông ta. Nhưng trước khi cô có thể, ông ta đã đi hết nửa đường lên thang, dẫn đầu một nhóm quý bà quý ông lũ lượt kéo đến boong tàu riêng và vào phòng khách chính.

“Aloha!” Một vòng hoa thơm được tròng qua đầu và hạ cánh trên vai cô. Một câu “Aloha! Chào mừng đến Hawaii, Bà Gerard!” nữa và thêm một vòng hoa, rồi vòng hoa nữa trong khi những người không hề quen biết chào cô và trao những dải hoa và nắm tay cô, báo tên họ và cười giữa tiếng ồn. Những bông hoa nhiệt đới đủ hình dáng và hương lạ chồng lên nhau, cao đến tận cổ áo cô, rồi đến cằm. Ít nhất cô cũng đang đứng nhón chân, cố gắng đáp lại lời chào qua những bông hoa tươi phớt lên môi. Một phu nhân đang cười khúc khích, không quá lớn tuổi, nhưng cũng đủ tuổi để phải nghiêm trang hơn, cuộn một vòng hoa quanh mũ Leda, và một quý ông trẻ với hàm râu quai nón cúi một bó cẩm chướng vào tay cô.

“Aloha! Chúc bình an, thưa bà! Tôi là Walter Richards, tổng quản lý của bà. Tôi đã điện đến khách sạn và lấy được gian phòng của đức vua cho bà. Bà Richards và tôi sẽ lo liệu chỗ nghỉ ngơi cho bà.”

Bà Richards là quý bà cười khúc khích khi này. Những người khác tụ tập lại, kéo Leda xuống cầu thang ngập trong hoa như thể cô là một người chơi bịt mắt bắt dê. Khi cô đến ván cầu, cả đám đông đang xếp hàng dọc theo boong. Thuyền trưởng đang chờ cô. Ông ta gỡ mũ; Leda bắt tay ông ta và nồng hậu nói lời cảm ơn vì một chuyến đi bình an và dễ chịu. Trong lúc bước xuống, thủy thủ đoàn vẫy mũ và reo hò, tiếng hoan hô được đáp lại bởi đám đông bên dưới.

Samuel đứng ở cuối bờ dốc. Giữa những khuôn mặt tươi cười và thân ái chỉ duy nhất gương mặt anh là không có biểu cảm. Anh cầm một vòng hoa trên cánh tay: tím, đỏ và trắng.

Leda ngập ngừng, thoái chí một phút vì vẻ xa cách của anh. Rồi cô nghĩ: Mình sẽ không làm anh mất mặt. Sẽ không có ai ở đây nghĩ mình không hạnh phúc.

Cô mỉm cười, và vẫy tay với đám đông, cảm giác như chính Nữ hoàng khi cô bước xuống và lần đầu tiên đặt chân lên Hawaii. Cô chớp mắt và nuốt xuống, ngạc nhiên khi thấy đất liền không vững chãi như cô tưởng.

Samuel vói tay nắm lấy cánh tay cô. Cô thấy anh cau mày nhìn cô, nhưng khi cảm giác dập dềnh qua đi, tay anh nới lỏng. “Run chân à?” anh hỏi.

Cô đã quên; cảm giác này cũng như những khắc chong mặt hành hạ cô khi cô cập bến New York. Cô vịn lấy tay anh. “Ôi không. Em thật không muốn té ngã trước mặt các bạn ngài.”

Anh chồng vòng hoa của mình lên những vòng hoa cô đeo trên cổ, lên ngang tầm mắt cô, đến mức cô không thể thấy gì ngoài những bông hoa. Những người xem quanh đó hò reo lần nữa, như thể đó là một lễ hội.

“Mọi người thật hăm hở,” cô nhận xét.

Anh ôm hai vai cô. Dù chỉ có thể thấy anh qua những kẽ hoa và lá, cô vẫn cảm giác được anh nghiêng tới gần tai mình. “Aloha, Leda.” Anh nói khẽ. “Chào mừng em—” Anh ngừng lời như thể để lạc mất về cuối câu. Rồi anh bước lùi lại. “Chào mừng em đến Hawaii.”

Leda có một khoảnh khắc bộc phát. Cô chụp tay vào vòng hoa cuốn quanh mũ, kéo nó ra và nâng lên cao. Tìm thấy một lỗ trống giữa chùm hoa, cô vói tay và ném vòng hoa màu hồng tím lên đầu anh. Vòng hoa kẹt lại ở mũ anh, rồi rơi xuống vai.

Những người đứng quanh thấy hành động đó vô cùng hài hước, vì những người đàn ông la ó và huyết sáo đầy hăng hái, còn phụ nữ thì cười ồ. Samuel chuyển sang màu đỏ sẫm bên dưới màu da vàng óng ở cổ áo lụa.

“Aloha, ngài thân mến,” cô nói, dù cô ngờ có ai có thể nghe được tiếng cô trong khi cô bị vùi dưới chõng hoa.

Bà Richards và Leda ngồi trong hai ghế đu bằng liễu gai ở hiên nhà rộng, nơi màu đỏ rực của dàn hoa giấy rũ che khuất họ khỏi khu vực thượng lưu của Khách sạn Hawaii. Khách sạn này là một nơi tiện nghi, sầm uất, thoáng đãng bởi những hành lang rộng, nhìn ra một bãi cỏ phủ bóng và bầu trời xanh trong và những dãy núi xa xa.

Nhan nhản những giới chức hàng hải của nước Anh và Mỹ trong bộ đồng phục cứng mùa hè, cùng những khách du lịch và quản lý đồn điền và thuyền trưởng, thấy chuyện gì cũng hài hước, giống như hầu hết mọi người ở đây. Thật vậy, không thể nào thấy phật ý với nếp sống ở một nơi như thế này; khó mà cảm thấy lo lắng; cô không thể nào chìm trong suy nghĩ tối tăm được. Mà cô cũng không muốn như thế, nhưng cô đã không thấy mặt Samuel kể từ hôm qua, khi ông bà Richard đưa cô về khách sạn.

Anh đã điện nhắn cho cô rằng anh bị giữ chân ở văn phòng tại cảng. Bị trì hoãn đến mức anh chẳng hề tới chỗ cô.

Leda tự dặn lòng cô đã quá lo nghĩ. Anh đã đi xa nhiều tháng; tất nhiên anh sẽ bận rất nhiều việc. Và anh không hề lơ là cô chút nào; anh đã dặn Ông và Bà Richard tiếp đãi cô, như họ đã làm với một hiệu quả đáng khâm phục. Khi cô thấy mình nhìn ra những thân trụ to lớn sừng sững của hàng cọ, tầng tầng lớp lớp cây ông lão và cây lạc tiên, những gương mặt cười đùa quanh đó, và lại nghĩ: *Phải chi...* cô bắt mình phải tỉnh táo.

Bà Richards nếm kem trái cây. “Tôi biết mình đã nói đến cả trăm lần, nhưng bà không thể hình dung được chúng tôi sung sướng đến mức nào—một ngạc nhiên đáng mừng!—khi Ông Gerard kết hôn. Bà không biết những cô gái ở đây đã rầu rĩ đến chết vì ông ấy thế nào đâu, thế mà ông ấy chưa từng nhìn đến bất cứ ai trong số họ đến lần thứ hai!”

Đúng là bà ta đã nói đến cả trăm lần. Leda không biết phải trả lời thế nào, và cuối cùng chỉ mỉm cười và gật đầu một cách hòa nhã nhất có thể mỗi lần kỳ tích không bao giờ cũ này được đề cập.

“Đúng là một kỷ niệm ngọt ngào, khi bà trao *lei* cho ngài ấy. Mọi người đều nói hẳn bà phải là một người Hawaii từ trong máu. Và bà nói với tôi Tiểu thư Kai đã hứa hôn. Với một người có tước vị! Cô ấy còn quá trẻ, bà có nghĩ vậy không? Chưa đủ hai mươi cơ mà. Tất nhiên, tôi đã lấy Ông Richard khi vừa mười bảy, nhưng chuyện đó khác.”

Bà ta không giải thích vì sao lại khác. Tâm hồn hiếu kỳ đầy hảo ý dường như là một nguồn lực dẫn đường cho những phụ nữ châu Âu và châu Mỹ—và các quý ông—ở Hawaii, khi chuyện của mọi người đều được nghiên cứu một cách cẩn trọng, được truyền miệng, và tự do bàn tán. Leda đã được sáu phụ nữ và bảy quý ông ghé thăm, có cả cha mẹ Dickie, họ muốn cảm ơn cô đã chăm sóc cho cậu bé.

Lúc này đây cô không bị phỏng vấn mọi thông tin mà cô có đối với bất cứ chủ đề nào là vì Samuel lại gọi điện tới. Anh đang trên đường đến đưa cô đi tham quan nhà mới của họ, và trong khi họ chờ, Bà Richards đã tìm điểm trú ẩn này cho cô sau giàn hoa giấy.

“Ở đây,” bà ta nói, “bà sẽ rút lui nhanh hơn khi ngài ấy đến, vì nếu có ai đó đến thăm bà ở đây, bà sẽ không thể nào di chuyển trước một hay hai tiếng đâu, và tôi biết bà hiểu rõ điều đó. Nó nằm ở sườn đồi—chúng tôi gọi nó là sau ba trận mưa, vì nhất định bà sẽ bị mắc mưa chừng đó lần trước khi tới nơi. Nhưng bà không cần bận tâm—bà sẽ khô ráo trước cả khi bà nhận biết ấy chứ. A! Ngài ấy tới rồi!” Bà ta ngồi tựa ra sau với một tiếng thở dài khi Samuel bước ra từ tiền sảnh, mũ rơm kẹp dưới cánh tay. “Ngài ấy là người đàn ông bảnh bao lãng mạn nhất! Nhất định phải khiếm nhã khi tốt mã đến thế. Chẳng có ai đổ lỗi cho ngài ấy; ngài ấy chưa từng khuyến khích bất cứ cô gái nào, tôi đảm bảo với bà, nhưng bà không thể hình dung ngài ấy đã làm tan vỡ bao nhiêu trái tim rồi đâu, Bà Gerard.”

Leda nửa tin rằng tim Bà Richard hẳn phải là một trong số đó, nhưng cô chỉ mỉm cười và gật đầu.

Anh chào cô thật dịu dàng khiến tinh thần cô phấn chấn ngay lập tức. Không có ai mang gánh tay vì khí hậu nhiệt đới, và thật lạ và cũng thật quen thuộc khi cảm giác bàn tay trần của

anh dưới tay cô khi cô đứng lên. Trong khoảng thời gian đi cùng anh xuống cầu thang uốn cong đến bãi cỏ và cỗ xe viên tua ở nóc đang chờ, được trông bởi một người Hawaii đi chân đất tương phản với bộ y phục không chêm vào đâu được mà anh ta mặc, Leda bước đi mà lòng lâng lâng.

Nhưng khi Samuel đánh xe đưa họ ra khỏi khuôn viên khách sạn, một sự im lặng tế nhị chế ngự cả hai. Leda giương mắt nhìn lâu đài của vua ở bên kia đường, một cơ ngơi tráng lệ, hiện đại với những tháp cao ở mỗi góc và những hàng hiên bằng đá. Họ tiến vào bóng mát của những thân cây uốn lượn, với ánh nắng rọi xuống qua những tán lá.

“Đó là cây gì ạ?” Leda hỏi, nhìn chăm chăm một cái cây trông như thể hàng tá kèn trumpet màu trắng đang treo lơ lửng trên cành.

“Cây trumpet,” anh nói.

“Ồ.” Cô bứt bứt cây dù xếp của mình, rồi chỉ vào một cái cây ngập trong những chùm hoa màu vàng đẹp lộng lẫy. “Còn cây đó ạ?”

“Nó được gọi là cây vàng.”

“Ồ.” Bằng cách nào đó, những cái tên quá hiển nhiên khiến cô cảm thấy ngốc nghếch vì phải hỏi mới biết. Anh không đưa thêm thông tin nào. Rõ ràng sự thân tình lúc trước của anh chỉ là khi có mặt bà Richard—hẳn nhiên anh sẽ không muốn cho vợ viên quản lý biết có điều gì đó bất thường về hôn nhân của anh.

Giờ anh sẽ nghĩ lẽ ra anh phải đưa Tiểu thư Kai đi tham quan ngôi nhà mới của cô ấy. Anh sẽ nghĩ về những dự định và ước ao của anh. Anh sẽ ước người ngồi chung xe với anh không phải là Leda.

Không gian sực nức hương hoa dành dành và lưu ly và hoa hồng. Sau những hàng rào trắng hơi nghiêng ngả, những ngôi nhà khuất trong bóng mát, dưới những chùm dây leo. Cô thoáng thấy những căn phòng để ngỏ sau những hàng hiên rộng mà hầu như ở đâu cũng có.

“Mọi thứ đều vừa ý em chứ?” anh bất chợt hỏi. “Khách sạn ổn cả chứ?”

“Ồ vâng ạ.”

“Em có một gian phòng dành hoàng chứ?”

“Gian phòng rất tuyệt vời. Hoàn hảo ạ.”

“Bà Richard đã chăm lo cho em chu đáo.”

“Vâng ạ, bà ấy vô cùng tử tế. Tất cả mọi thứ đều dễ chịu!”

Anh tặc lưỡi với con ngựa. Nó phi nhanh hơn, ào ào qua một vũng bùn. Leda vờ ngẩng ngửa

những giọt mưa bất chợt chẳng biết từ đâu rơi xuống từ bầu trời trong, những giọt mưa sáng loáng trong ánh nắng hắt qua chúng.

Dễ chịu, cô u sầu nghĩ. Hoàn hảo.

Chính cơn mưa rào là nguyên nhân cho màn nước mờ trong tầm nhìn của cô. Cô không thiếu tự chủ. *Không* phải cô đang khóc.

“Đây là phòng khách tầng trên,” Samuel nói. Anh nhìn ra sau để thấy Leda đã lên đến đầu cầu thang. Tiếng bước chân anh vang vọng trên mặt gỗ bóng của khu sảnh chính.

“Ôi không.” Cô lắc đầu khi đi ngang qua anh, tại khung cửa nơi anh ngừng chân. Ánh sáng chiếu vào qua hai cánh cửa có cửa chớp, in những thanh sáng trắng lên sàn phòng. “Không, trong kế hoạch ngài đã nói với em đây sẽ là thư phòng của ngài. Ngài nhớ chúng ta đã đo bàn để nó không bị vướng ở cửa mà.”

“Tôi có thể đem bàn đó về văn phòng trong phố.”

Anh nhìn cô dừng chân, bộ váy màu xanh dương nhạt cô mặc lết phết theo sau cô trên sàn gỗ. Cô đã bỏ khung nâng váy. Ở đây hiếm có ai mặc thứ đó—vì trời nóng, anh đoán thế. Cô gác mũi dù lên sàn gỗ. Với mũ rộng vành và ánh mắt nhìn xuống trầm ngâm, cô như bước ra từ một bức tranh tao nhã.

Anh cảm thấy cần phải tỏ vẻ kiên quyết, để cô không thể thấy được quyết định đó khó khăn đối với anh đến mức nào. “Cái bàn là tất cả những gì em đặt cho tôi phải không? Cứ trang hoàng căn phòng thành một phòng khách. Tôi sẽ không—cần đến nó. Em không cần phải biến nó thành phòng làm việc.”

Cô vẫn nhìn xa xăm ở một điểm nào đó trên sàn một lúc, rồi nâng cây dù và chậm chậm bước đến cửa đối diện. Anh không thể biết cô đang nghĩ gì, liệu cô có hiểu điều anh đang cố trao cho cô hay không.

“Việc tôi lưu lại đây lâu là không cần thiết,” anh nói.

Cô bước vào phòng tiếp theo. Anh nghe tiếng bước chân nhẹ nhàng của cô.

Anh đi theo cô, và thấy cô đang đứng trước một cánh cửa, cửa chớp đang mở để lộ sân *lanai* ở tầng hai. Cô đứng nhìn quanh cảnh bên ngoài.

Anh bước đến sau lưng cô, ngừng lại giữa căn phòng trống. Qua dáng người cô, anh thấy những ngọn cây ở con dốc bên dưới, rồi khoảng không bao la của hòn đảo và biển. Con tàu *Kaiea* đang ở chỗ neo, boong tàu màu trắng trông như đồ chơi từ khoảng cách xa thế này. Một cây bán cầu vồng uốn cong trên những con dốc bên dưới và miệng núi lửa đỏ ở Punchbowl.

“Em thích nó chứ?” anh hỏi.

Cô không lên tiếng một lúc lâu. Rồi cô nói mà không quay lại, “đây là nơi đẹp nhất mà em từng thấy.”

Anh thấy nhẹ cả người—và cảm giác được nổi đau, chậm chạp và tận sâu bên trong anh. Anh không thể nào nhìn cô mà không nghĩ đến chạm vào cô.

Căn phòng ở góc nhà này, với cơn gió thổi xuống từ những sườn đồi xanh và thác nước sau nhà—được đánh dấu trên bản vẽ là phòng ngủ của Kai. Khi họ xây căn nhà, anh chưa từng mừng tượng bản thân sống trong đó mà chỉ nghĩ đến cách làm cho Kai thấy thoải mái.

Nhưng giờ—giờ tất cả những gì anh nghĩ là cảm giác thế nào khi ngủ ở đây với Leda trong chiếc giường rộng, với không khí mát lạnh của những rặng núi trên lưng anh và cơ thể ấm áp của cô bên dưới.

“Có thể em sẽ muốn trồng cây ăn quả,” anh nói. “Xoài hay thứ gì đó.”

“Em đã ăn xoài tối qua.” Cô bật ra một âm thanh nhỏ gần như tiếng cười. “Nó rườm rà lắm ạ.”

“Vậy thì đủ đủ. Hoặc có thể một cây có hoa.” Anh mong cô đặt lòng tận tụy vào một cái cây, như một dấu hiệu rằng cô thấy ở đây có tương lai. “Cây sứ mọc rất nhanh.”

“Ngài có thích chúng không?”

“Chúng rất hay nở hoa. Hoa cũng có mùi thơm dễ chịu.”

Cô nhìn anh qua vai. “Vâng, nhưng ngài có *thích* chúng không?”

Anh cóc để tâm đến chúng. Anh tự hỏi—nếu anh đến gần cô, cô có tránh đi không? Giờ họ đang ở riêng, chẳng có ai để mà giữ thể diện. Chẳng có gì ngăn cô không lẩn tránh anh.

Anh cảm giác cơn tê liệt bắt đầu từ chân anh và lan đến khắp người: hai cánh tay và bàn tay, cổ họng anh.

Và cùng lúc đó là một khát vọng mãnh liệt.

Cô vẫn đang nhìn anh qua vai, một sự thăm dò về một chủ đề mà anh đã quên mất. Màu xanh phấn và trắng, với màu trời đậm hơn phía sau cô. Loáng thoáng, vô cùng mờ ảo đến mức anh không biết đó có phải là do anh tưởng tượng, anh thấy đường nét mượt mà của chân cô bên dưới vải muslin. Và ngực cô, hai đầu vú hồng—anh biết đó chỉ là tưởng tượng—

“Ngài?” cô thì thầm.

Anh không thể di chuyển. Anh thấy cô với mái tóc đổ dài, hai vai trần và cổ không che đậy. Cô quay về phía anh—một dao động tinh tế, nữ tính của hông cô bên dưới váy.

Anh không thể cử động. Anh không thể cử động; sẽ không cử động. Cơ thể anh đã trở nên rắn như đá.

Và rồi anh di chuyển; anh nắm lấy vai cô; anh đẩy cô vào bức tường quét vôi trắng. Cô không có cơ hội nào để từ chối anh; anh đã không cho cô thời gian mà từ chối. Cái mũ, với những dải nơ và lông vũ, rơi ngang giữa vai cô và bức tường.

Anh hôn cô. Anh cầm tù cô bên bức tường. Anh không thể nhìn cô khi hôn. Anh vùi mặt vào cổ cô, kéo váy cô lên, cắn ghét bản thân mình, yêu cô, yêu cái cảm giác của cô, sự mềm mại.

Bị đẩy dúi vào tường bởi sự cấp bách của anh, cô bật ra một tiếng thở nhỏ, như một tiếng nước nở không nên lời. Những lớp váy lót, lụa, những thứ bí ẩn, đối với anh cô là tất cả những thứ đó: vải muslin mát lạnh, làn da trần mềm mại bên dưới, hai bàn tay anh tìm thấy hình dáng tròn duyên dáng của mông cô, mấu chốt nhỏ để tháo những y phục rối rắm bên dưới. Ngọn lửa nuốt trọn anh như một suối nước khi anh chạm vào đôi hông mịn màng, eo lưng, lớp vải mỏng bị bóp nát trong những ngón tay anh.

Anh không ngừng tay để mơn trớn cô. Anh sợ; sợ cô sẽ xòe tay trên vai anh và đẩy anh ra. Anh hôn cô một cách thô bạo: không một lời nào, anh sẽ không để cô nói điều đó. Anh bắt lấy hai bàn tay cô, đẩy chúng ra. Giữa những sớ vải bông anh giật những hạt nút bị kéo căng; anh nhắc cô lên áp vào mặt gỗ, chìm vào giữa hai đùi cô, ghì chặt cô trong hai bàn tay, miệng và lưỡi anh nhấp nháp ở cổ cô. Cô hít vào đột ngột khi anh đi vào trong cô.

Anh không mở mắt ra được. Anh vừa làm điều đó, ép buộc cô trong khi hông cô ép vào tường và cơ thể cô bị lèn chặt vào người anh. Thế đứng khiến anh đi vào thật sâu. Anh dẫn vào trong cô bằng những cú đâm mạnh. Cô không gây ra một tiếng động nào; chẳng có âm thanh nào ngoài nhịp thở hào hển của anh và sự tiếp xúc với bức tường cứng và sự kích động ngày một tăng.

Anh tới đỉnh với một tiếng rên rỉ bản năng vang vọng trong căn phòng trống.

Khoái cảm đi cùng với tội lỗi, cảm giác giải thoát.

Sự hủy hoại.

Anh biết điều đó ngay khi anh lấy lại ý thức. Lần đầu tiên sự thư thái đến choáng váng không chảy khắp mạch anh. Thay vào đó là cảm giác ghê tởm.

Anh tựa vào cô, trán gác lên tường, uống không khí và mùi sơn mới và vị mặn của mồ hôi bên dưới tai cô. Từ từ, anh thả hai bàn tay, vừa đúng lúc nhận ra cô cũng đang giữ vai anh chặt như thế, cứ như cô sợ mình sẽ ngã.

Chân cô chạm sàn. Nhúm váy và váy lót vẫn kẹp giữa những ngón tay anh, vải lạnh mượt mà trượt khỏi tay anh trong trạng thái nhàu nhĩ.

Anh vùng quay đi. Anh không nhìn gương mặt cô. Cây dù trắng nằm xõa thành hình tam

giác trên sàn.

Anh nhặt nó lên, dùng nó và áo khoác để che chắn khi anh chỉnh lại quần áo, che giấu bản thân, quay lưng lại với cô.

Anh nhìn đăm đăm ra khung cảnh bên ngoài.

Sau một thoáng, anh nghe tiếng sột soạt khe khẽ sau lưng. Anh tưởng tượng cảnh cô đang chỉnh lại váy và váy lót, vuốt thẳng và phui, cố gắng xóa đi vết tích mà anh để lại. Anh nhắm mắt, thở ra một hơi dài.

“Tôi xin lỗi.” Lời nói bật ra một cách gay gắt, không chứa đựng những gì anh đang cảm thấy, sự tuyệt vọng, nỗi sợ phải quay lại và thấy biểu hiện trên gương mặt cô.

Cô không lên tiếng. Anh nghe một tiếng bước chân. Anh nghĩ cô đang bỏ đi; cuối cùng anh cũng phải quay lại, nhưng cô chỉ đang đứng tựa vào tường, giữ mũ trên nếp váy thẳng như một cô bé, gương mặt cúi xuống. Cô bút bút vành mũ.

“Tôi sẽ đưa em trở lại khách sạn.” Anh cúi xuống và nhặt mũ của mình. “Có thể em muốn biết—chiều mai tàu *Kaiea* sẽ trở lại San Francisco.”

Cô nhìn lên, vói vẻ sững sốt hiển hiện trên mặt.

Anh nhún vai. “Tàu rất năng suất. Chuyển trở lại này chỉ mất năm mươi hai giờ.”

Cô vẫn nhìn anh, như thể ý nghĩ đó khiến cô thất thần.

“Tôi đã hứa với em là em sẽ có sự chu cấp của tôi. Nếu em muốn rời đi, em vẫn có nó. Tài khoản của em được mở tại Luân Đôn. Em chỉ cần báo với tôi thứ em cần nếu không đủ.”

Cái mũ rơi khỏi những ngón tay cô. Nó dừng ở gấu váy, những chiếc lông vũ phát phơ. “Ngài muốn em quay lại ư?”

“Tôi không muốn gì cả.” Anh bước tới một cánh cửa khác, mở then cài, đẩy cửa. Một cơn gió mát đem theo mùi nước biển thổi qua gương mặt nóng bừng của anh. Quanh rìa của sân *lanai*, sườn dốc của ngọn núi để lộ một dải sương mù trên nền xanh. “Đó là tùy em quyết định. Nếu em thà muốn ở lại, và sống trong ngôi nhà này, và—tiếp tục giữ một vẻ bề ngoài theo thông lệ thì tôi hứa với em tôi sẽ không—đòi hỏi gì ở em.” Miệng anh cong lên. “Tôi đã cố nói với em điều đó, nhưng—” Một tiếng cười cộc lốc bật ra. “Chúa ơi! Tôi cho rằng bây giờ mình khó mà thuyết phục được em.”

“Ngài không nên báng bổ,” cô nói trong một giọng rất khẽ.

“Tôi rất lấy làm tiếc.” Anh tựa tay lên khung cửa.

Rồi anh ngược mặt lên những rặng núi. “Tiếc đến chết tiệt đi được,” anh nói qua những kẽ

rằng.

Khi anh nhìn cô lần nữa, cô đang đứng thẳng. Cô đã nhặt mũ lên. Cô bước hai bước, đến giữa căn phòng trống.

“Tùy em quyết định phải không ạ?”

Anh có thể nghe thấy nước mắt đang sau câu nói run run của cô. Nước mắt. Một cảm giác thiêu đốt mắc trong cổ họng và lồng ngực dường như thít nghẹn anh. “Nhất định rồi,” anh nói bằng một giọng cố nén.

“Vậy em muốn ở lại đây,” cô nói. “Và sống trong ngôi nhà này. Và giữ một vẻ bề ngoài theo thông lệ.”

Chương 32

Khi cậu cúi chào, Dojun đã dạy anh, cậu không được cúi chào một cách khinh suất, như đó là một cử chỉ không có mục đích. Vẻ đẹp của nó phải được hoàn tất, hành động phải trọn vẹn: hai bàn tay, lòng bàn tay để mở, đặt sát vào nhau thật gọn gàng và chậm rãi, đầu ngón tay phải duỗi thẳng đúng cực điểm. Toàn bộ cơ thể cúi gập ở eo, dứt khoát: tư thế và sức mạnh—tâm tĩnh, lưng thẳng, trọng lượng cân bằng và vững chãi trên mặt đất—rồi thẳng người với hai bàn tay vẫn chắp vào nhau và đứng thật tự nhiên.

Bằng cách đó, Dojun đã bảo, cậu thể hiện lòng tôn trọng. Đối với sự phụ của cậu, đối với đối thủ, đối với đời.

Trong ánh sáng từ một ngọn đèn dầu ở thư phòng, đúng ba giờ sáng, Samuel cúi chào Dojun. Anh tránh không để bóng mình hắt lên cửa sổ. Cuộc gặp mặt này trái thông lệ ở cả địa điểm và thời gian—chuyện Dojun tìm đến anh, tại địa bàn của Samuel, trước giờ chưa từng xảy ra.

Dojun mặc bộ quần áo sồn cũ như bất cứ nhân công trồng rừng nào, chẳng đem theo đồ vật nào để nhận thấy đối với một kẻ nhìn thoáng non kinh nghiệm. Ông đáp lại cái cúi chào của Samuel bằng một tư thế chào qua loa, và nói bằng tiếng Nhật, “Cậu đã ngủ với phụ nữ.”

Thế là bao nhiêu tắm rửa, bao nhiêu kỳ cọ, trở nên công cốc cả.

“Đệ tử đã kết hôn,” anh nói.

Sự yên lặng trầm mặc, chỉ có duy nhất âm thanh mơ hồ không dứt của tiếng sóng vỗ vào rặng đá ngầm ngoài vịnh. Samuel thậm chí còn không thể nhìn thẳng đôi mắt đen của Dojun, mà chỉ chăm chú vào những cái bóng lơ lửng ở góc phòng bên bàn làm việc.

“À. Cô tiểu thư Catherine chịu lấy cậu ư?”

Tất nhiên. Tất nhiên Dojun biết kế hoạch anh đã dự tính từ nhiều năm trước, dù Samuel chưa từng đề cập đến nó. Chính cảm giác mơ hồ về sự ngạc nhiên không vừa lòng trong giọng Dojun, cái nhướn mày không thể nhận thấy bởi việc Kai sẽ chấp nhận lời cầu hôn của anh, mới khiến máu dồn lên mặt Samuel.

“Đệ tử chưa từng ngỏ lời với Kai.” Anh cảm giác bị vạch trần một cách sỗ sàng, anh không thể giữ tâm hồn đủ thanh thản và chăm chú để đối phó nếu Dojun tấn công. “Đệ tử đã kết hôn với một người không danh phận. Cô ấy là người Anh.” Anh cử động để thay đổi bầu không khí, gạt đầu về phía cái lọ thơm ngát trên lò sưởi. “Đệ tử đã hâm nóng *sake* cho sự phụ. Nó không có gì đặc biệt, nhưng xin sự phụ hãy nhận lấy.”

Anh nói như thế, một cách lịch sự, ngay cả khi đó là loại *tokubetsuna* hảo hạng nhất, và cả anh cùng Dojun đều biết điều đó.

“*Itadakimatsu.*” Dojun nhận lấy tách khi Samuel rót rượu từ bình sứ nhỏ. Họ ngồi trên sàn, nhấp rượu từ những hộp gỗ nhỏ mà anh đã chuẩn bị bằng cách phết muối quanh rìa.

“Cậu biết có người hỏi han về cậu,” Dojun nói.

“Vâng.” Samuel đã nghe báo lại. Sau nhiều tuần, rõ ràng đã có những cuộc điều tra đặc biệt về thân phận và địa vị của anh tại Honolulu và San Francisco. Nguồn tin khá mập mờ, đến nay vẫn chưa có đầu mối nào khác ngoài chuyện đàm tiếu ở phố Tàu. “Đệ tử không biết là ai.”

“*Nihonjin desu,*” Dojun nói, nhìn anh qua làn hơi nước bốc lên từ rượu của ông.

Người Nhật. Người Nhật đang điều tra anh. Samuel nghĩ ngay đến thanh gươm trên giá đang được khóa kín dưới lò sưởi.

“Sao bọn họ lại thăm dò cậu, Samua-san?” Giọng Dojun chứa đựng sự lãnh đạm. Samuel biết phần dính líu của anh đã bị lần ra—Dojun tài tình thế đấy, ông có thể còn đọc được tâm trí Samuel nếu anh để điều đó xảy ra. Đã quá trễ để nói anh không biết vì sao người Nhật lại chú ý đến mình. Quá trễ để tỏ vẻ như không có điều gì phải che giấu.

Anh đứng lên, đem bình rượu nhỏ đến cho Dojun và dâng nó, cúi mình thật sâu một lần nữa. Sau khi Dojun nâng cốc để nhận rượu, Samuel nói bằng tiếng Anh. “Xin thứ lỗi, Dojun-san. Đó là vấn đề của đệ tử.”

Dojun nhìn anh. Ông chậm rãi nhấp *sake*. “Cậu nghĩ quá nhiều. Ta là một lão già, thế mà cậu nghĩ cách làm vừa lòng ta. Nhưng chúng ta sẽ cùng chia sẻ vấn đề này, *ne?*” Ông vẫn nói tiếng của mình mặc cho thay đổi của Samuel, ngụ ý nhiều điều—vị thế của ông, rằng ông sẽ là người dẫn dắt cuộc trò chuyện, rằng điều ông muốn nói mang tính tế nhị và không được hiểu sai. “Nói cho ta biết lí do những kẻ này lần theo cậu.”

“Đệ tử đã trộm một vật.” Samuel giữ lưng thẳng lúc anh ngồi xếp bằng. “Tòa đại sứ Nhật ở Luân Đôn. Có thể bọn họ đang tìm nó.”

Dojun nhìn anh không chớp. Ánh mắt không thể nào hiểu thấu.

“Đệ tử sẽ thu xếp để nó về đúng vị trí,” Samuel nói thêm.

Gương mặt Dojun thay đổi một cách khó nhận thấy. Mắt ông tối và đầy uy lực. “Cậu đang giữ thứ gì, tên *baka* này?”

Samuel không để bản thân cứng người vì bị gọi là tên ngốc. “Một thanh *kazaritachi*.”

Dojun phát ra một âm thanh như tiếng cơn bão lớn bị kiềm hãm. Không phải sự giận dữ, mà là âm thanh của sinh lực thuần túy. Ông nhìn Samuel đăm đăm. “Nó ở đâu?”

Không cần phải nói thẳng với ông. Samuel chỉ cần nghĩ đến nơi giấu, và Dojun ngay lập tức nhìn vào dấu niêm phong bằng lông ngựa còn nguyên vẹn trên chốt bí mật bên dưới lò sưởi.

“Cậu đã có thể gây ra hậu quả lớn hơn.” Dojun lắc đầu, mỉm cười một cách lạ lùng. “Cậu không biết mình đang đối đầu với thứ gì đâu.”

Samuel chờ. Anh sẽ không nhận được lời giải thích dù anh có hỏi. Hay dù anh không hỏi cũng vậy. Chỉ khi Dojun muốn giải thích thì lúc đó anh sẽ biết.

“Nói cho ta biết tên của năm thanh kiếm báu,” Dojun ra lệnh.

“Thanh Juzu-maru,” Samuel nói. “Dojigiri, Doji-thanh cắt. Mikazuki, Trăng Khuyết. O-Tenta, Kiệt Tác của Mitsuyo. Ichigo Hitofuri, còn được gọi là Chỉ một lần trong Đời.”

“Theo truyền thống, năm là con số tối thượng. Sách *Meibutsucho* có ghi lại rằng còn một thanh gươm khác có cái tên kết hợp cả năm.”

“Không thể có cái khác được. Chỉ có năm cái tên, và năm thanh kiếm.”

“Nhưng cậu đã đọc nó phải không? Rằng trong *meito*, có năm thanh kiếm báu, và một thanh kiếm nữa nằm trong số đó?”

“Đệ tử đã đọc. Và không thể hiểu được. Đệ tử thường như thế khi thử giải đoán văn phong Nhật.”

Dojun hơi mỉm cười. “Thế đấy, đó dù sao cũng chỉ là một bài toán đồ ngu ngốc. Những nhà sư có thể đã khiến nó có vẻ triết lý, nhưng sự thật là có một thanh gươm báu thứ sáu, và những nhà thẩm định thảo cuốn *Meibutsucho* e ngại không ghi lại tên của nó.”

Ông nhắc bình đựng *sake*, nghiêng nó trên *masu* bằng gỗ của Samuel. Ông rót rượu bằng một cử chỉ thanh tao, và đặt bình đựng xuống.

“Sẽ tốt hơn,” ông nói, “nếu họ ém nhẹm hoàn toàn, thay vì kín miệng với người chẳng biết gì, mà lại không giấu giếm đối với người có biết.”

Samuel nhấp thứ rượu ấm.

Dojun quan sát anh. Một dấu ấn của sự hài hước còn lưu lại trên môi. “Kiên nhẫn đi!” ông nói. “Cậu hỏi quá nhiều.”

Samuel chờ. Cảm giác tĩnh tâm ngày trước ùa về trong khi anh lắng nghe, không phải nghe lời nói của Dojun mà là sự vững tin của ông. Samuel cảm nhận được giá trị của bản thân trong niềm tin đó, biết rằng không một điều gì Dojun nói với anh mà không có mục đích.

“*Gokuakuma*. Nếu thanh kiếm có trên đời, nó sẽ mang tên đó. Thượng Quỷ. Có người nói với ta họ đến trường học cơ đốc giáo và nghe chuyện thiên thần biến thành ác quỷ. Đó là hồn của thanh kiếm này.”

“Nếu nó tồn tại.”

“Thanh kiếm dài hai *shaku* và năm *sun*. Sáu inch tính theo thước Mĩ. Lưỡi gươm to bản, để cân bằng độ dài, hai mặt của sống kiếm có những đường rãnh. Dưới chuôi kiếm khắc hình con quỷ gọi là *tengu*, móng vuốt dài, có cánh và một cái mỏ man rợ. Chuôi kiếm không có dấu ấn của người tạo ra nó. Nó chỉ được ký hiệu bằng những chữ—*Goku, aku, ma*. Trong lịch sử không có người rèn kiếm nào có tên như thế.”

Samuel nhận ra lời tóm tắt những thuộc tính đó là điển hình cho những miêu tả trong cuốn *Meibutsucho*, bản danh mục những thanh kiếm lấy lòng ở Nhật. Nó chỉ cần có thêm một lịch sử các thời kỳ sở hữu và những chiến tích táo bạo là hoàn tất, mặc dù chẳng có ghi chép nào như thế, chẳng có thanh gươm nào như đã đề cập, được ghi lại trong những đoạn anh đã đọc. “Nó bị thất lạc?”

“Không. Nó không thất lạc. Nó...khả dĩ tồn tại.”

Trong ánh sáng đèn, gương mặt Dojun trông như không phải chịu dấu ấn thời gian, không già hơn cũng không trẻ hơn đối với Samuel. Chỉ có mái tóc đen của ông là thay đổi, đã được cắt ngắn theo kiểu phương tây từ nhiều năm trước. Trong khi mọi người và mọi thứ quanh ông đều thay đổi, Dojun vẫn như xưa.

Ông nâng tay lên, nắm chặt bàn tay. “Không có cán, một thanh kiếm tốt chỉ nguy hiểm mà thôi. Cậu sẽ làm đứt tay nếu cậu không cẩn thận khi sử dụng nó. Nếu may mắn, cậu có thể giết người bằng một thanh kiếm không lắp chuôi. Cậu cũng có thể tự làm mình chết dễ dàng như thế. Nhưng khi đã được lắp, cùng một cán kiếm làm tay cầm, một vật bảo hộ cho người cầm gươm, và một vỏ kiếm—tiềm năng lúc này sẽ trở thành thực năng. Tâm kiếm khi đó sẽ trở thành tâm của người cầm.”

Samuel nghĩ về thanh gươm nghi lễ mà anh đã trộm, lưỡi thép cùn bên trong bộ khung

tuyệt đẹp. Anh bắt đầu nhận thức được điều gì sắp xảy ra.

“Gokuakuma là một thanh kiếm đẹp, và ghê gớm. Nó xuất hiện từ thuở xa xưa đến mức chẳng ai biết khi nào. Ghi chép đáng tin cậy đầu tiên là từ bảy trăm năm trước, một thanh kiếm cán vàng xuất hiện trong tay Minamoto Yoritomo khi ông ta xóa sổ gia tộc Taira ở thủ đô và tiêu diệt tiểu đế vương. Nhưng nắm được quyền hành còn chưa đủ—thanh Gokuakuma còn muốn nhiều hơn nữa. Yoritomo trừ khử em trai và sát phạt những người trong gia đình cản đường ông ta. Khi ông ta chết, gia đình vợ ông ta, dòng họ Ho-jo, sở hữu thanh kiếm này—và dạn quở trong kiếm kiểm soát họ. Họ giết những người kế vị của Yoritomo, ám sát cả gia tộc đến khi chỉ còn một dòng chính thống, rồi giành lấy quyền trị. Khi đó sự nguy hiểm của thanh kiếm còn chưa được ghi nhận, người ta chỉ chú ý đến quyền năng của nó. Một samurai vô chủ âm mưu chiếm giữ thanh kiếm, đã trộm nó và để lại thanh kiếm khác trên giá. *Ronin* này, tên của ông ta đã bị xóa khỏi sách sử, lúc đầu có vẻ thành công, thu phục thêm nhiều *ronin* dưới trướng, và thuyết phục được những chư hầu triều Ho-jo về phe mình, nhưng khi ông ta thử dùng nó để đọ chiến, thanh kiếm không sánh được với mong đợi của ông ta, nó bay khỏi cán kiếm mà ông ta gắn vào, khiến ông ta ngã ngựa và tự đâm chính mình.”

Dojun ngừng lời. Samuel nhìn ông chăm chú.

“Thanh Gokuakuma chỉ khít duy nhất với một giá: một cán và một bao kiếm—chỉ có thanh kiếm thật sự mới vừa vặn với cán vàng.” Giọng Dojun trở nên mơ màng, ngợi ca. “Chính Ashikaga Takauji là người hợp nhất khung giá thật với thanh kiếm khi tấn công gia tộc Ho-jo, và buộc họ phải mổ bụng bằng nghi thức *seppuku*. Từ đó xảy ra cuộc chiến kéo dài sáu mươi năm, cho đến khi cháu trai của Takauji sở hữu thanh Gokuakuma cùng với sức mạnh của nó. Nhưng ông ta là người khôn ngoan, và đã tách rời thanh kiếm khỏi cán lần nữa. Ông ta đặt khung giá ở Đền Vàng, nơi nó có thể được chiêm ngưỡng bởi vẻ tinh xảo, còn thanh kiếm được giao cho những tăng lữ ở núi Iga gìn giữ. Khi nào điều đó còn được bảo toàn, đất nước còn được hưởng hòa bình, đó là thời đại vàng son của Ashikaga, nhưng thanh Gokuakuma cũng có lí lẽ riêng của nó. Thanh kiếm đòi hỏi phải được hợp nhất, và nó có tác dụng mạnh mẽ nhất đối với những người... ‘chưa đủ’—những người có quyền lực trong tay nhưng chưa đạt đến đỉnh cao. Người em của vị shogun Yoshimasa thiêu trụi ngôi đền để cướp kiếm, ghép với chuôi, làm bùng lên cuộc nội chiến. Từ đó hàng thế kỷ thanh kiếm qua tay hết người này đến người khác, giữa những trận chiến và chính biến, đến khi Nobunaga nắm giữ nó, thế là thanh kiếm vào tay một nhà quân sự lỗi lạc.”

“Nobunaga chinh phục vùng trung nước Nhật, nhưng bị sát hại ở giai đoạn sung mãn nhất bởi chư hầu mưu toan quyền lực của ông ta. Tướng Hideyoshi, cùng sự sáng suốt và thanh Gokuakuma, thanh trừng những kẻ đối đầu, thống nhất đất nước, tuyên bố chiến tranh với xứ Trung và Hàn. Ông ta lệnh tịch thu tất cả kiếm, hoặc là chúng phải được đăng ký, khi đó samurai mới được đem theo bên mình. Người kế vị Ieyasu rút kinh nghiệm từ kết cục của những người kế vị của Nobunaga và Hideyoshi, ra một tuyên dụ nghiêm ngặt buộc phải phân lìa thanh Gokuakuma. Ông ta yêu cầu bậc thánh tôn dâng vinh dự bảo vệ thanh kiếm cho một gia tộc mà trách nhiệm là phải giấu và gìn giữ nó. Và trong suốt hai trăm bảy mươi ba năm, thanh Gokuakuma được giữ không cho hợp nhất.”

“Đệ tử có giá của thanh Gokuakuma.” Đó thậm chí không phải là một vấn đề còn phải bàn cãi. Samuel biết mà không cần nghe qua mô tả, không một lời giải thích làm thế nào chuyện đó lại có thể xảy ra.

“Cậu có giá.” Dojun nghiêng cả đầu và vai. “Còn ta có kiếm.”

Vẻ châm biếm trớ trêu trên gương mặt ông dần in vào nhận thức của Samuel. “Sự phụ!”

“Ta đã gìn giữ nó suốt hai mươi một năm. Ta đã giấu nó, và giữ nó tránh xa khung giá sẽ khiến nó hoàn thiện. Khi ta lìa đời, trách nhiệm này sẽ được phó thác lại cho cậu.”

Samuel nhìn ông, những gì anh tin tưởng đang vượt ngoài tầm vờ.

“Cậu được đào tạo để thực hiện nhiệm vụ đó,” Dojun nói đơn giản.

Cốc *masu* trống nằm giữa hai tay Samuel, một khối nhỏ hình vuông. Tĩnh lặng, sự tĩnh lặng...anh cảm thấy bàng hoàng.

“Tri thức như dòng suối chảy từ đời này sang đời khác. Trách nhiệm đặt lên vai ta bởi gia tộc ruột thịt của ta; khi ta còn là một đứa trẻ ta đã được trau dồi cũng như cậu, về thuật mà ta đã dạy cậu, và còn hơn nữa. Thời hòa bình, chúng ta đều tỉnh táo và sẵn sàng; nhưng đến thời điểm chuyển giao thanh Gokuakuma trở nên nguy hiểm nhất, khi đó nắm thanh kiếm trong tay làm phát sinh sự xâm nhập vào tâm; đó là thời điểm thanh kiếm bị sẵn lòng ráo riết vì quyền lực mà nó mang lại. Ta đã được giao trọng trách này khi giới samurai nổi dậy chống Shogun—trọng trách đó buộc ta phải bỏ trốn cùng thanh Gokuakuma, giấu nó và chờ đợi. Trong những ngày đó nước Nhật bế quan tỏa cảng; rời bỏ đất nước mà không được phép là phạm vào tội chết, và những người tìm thanh Gokuakuma là những kẻ căm ghét bọn phương tây man rợ dữ dội nhất. Trong cuộc biến động, ta là một cá thể trong cả con thuyền chở người ký hợp đồng đến đây làm lao dịch. Bọn ta đã đặt chân lên tàu lúc vương triều sụp đổ dưới tay phiến loạn, bọn họ cai trị đất nước nghiêm ngặt hơn. Giấy thông hành của bọn ta bị hủy. Nhưng những người Mĩ vẫn tôn trọng hợp đồng—” Ông bắt chợt mỉm cười, một tâm trạng hóm hỉnh không báo trước xuất phát từ lời tường thuật điềm nhiên của ông, “—và người Mĩ thật sự không màng đến đế vương hay shogun hay kiếm quý. Họ trả nhiều tiền cho con tàu và những lao công này, và thế là họ cùng bọn ta rời Vịnh Yokohama trước bình minh, không một tia sáng.” Ông nhìn xuống hai bàn tay chấp lại của mình, môi cong lên, như thể ký ức đó vẫn còn khiến ông thấy buồn cười.

Samuel không cử động. Anh ngồi nhìn không chớp người đã chiếm trọn ba phần tư cuộc đời anh.

Anh cảm giác như thể cái chân ghế cuối cùng đã bị đá bật ra bên dưới mình.

“Vì thanh kiếm này?” anh nói. “Mọi thứ sự phụ dạy con; tất cả—chỉ vì một thanh kiếm?”

Dojun quan sát anh. Samuel nghe thấy sự hoài nghi trong giọng mình.

“Trong gia tộc của ta,” Dojun nói, “một người thực thi nhiệm vụ phải làm được gọi là *katsura-man*. Ta như một cây *katsura* được gieo trên vàng nguyệt, tách lìa khỏi những người đã phái ta đến. Ở đây ta đã phải trồng hạt giống của mình, chăm bón nó, để nó tự vươn mình khi ta không còn nữa. Ta đã chọn cậu khi ta mới đến. Shoji, cậu bé làm việc nhà—cậu ta là người kế tiếp.”

Điều đó, không hiểu sao, lại là cú sốc lớn nhất—Dojun đã bắt đầu huấn luyện một người khác để thế chỗ Samuel, thế mà anh còn không biết điều đó. Không hề nghi ngờ. Chưa từng nhìn Shoji mà nghĩ cậu bé ấy còn hơn là một người học việc rụt rè.

Sau một khoảng lặng, Dojun nói, “Đạo gần đây ta nhận được tin rằng khung giá đã được gửi tới nữ hoàng Anh, trong một cố gắng để vĩnh viễn loại bỏ nó khỏi tầm với của những kẻ muốn quân phiệt hóa nước Nhật vì những tham vọng của chính họ.” Ông gặp ánh mắt Samuel. “Thiên mệnh dường như đã không chịu hợp tác.”

Samuel hít vào và đứng lên, đến lò sưởi để hâm thêm rượu. Trong hành động mang tính ước lệ đó, anh tìm kiếm cái tâm bình thản. Sự cân bằng. Ngay lúc này anh không thể nghĩ gì hơn điều đó.

Dojun ngồi yên lặng.

“Thứ lỗi cho đệ tử!” Samuel ngắt quãng nghi thức, nói bằng một giọng cực kỳ kiềm chế. “Đệ tử ngu muội, Dojun-san. Đệ tử không phải người Nhật. Đệ tử không tin vào ma quỷ.” Anh quay lại đối diện Dojun, vẫn đứng bên lò sưởi.

“Không ư?”

“Thưa không.”

“A. Vậy ta đoán thiên thần ám ảnh cậu à. Thiên thần khiến cậu dành cả đời cố gắng trở nên mạnh mẽ, và nhanh nhẹn, và thông minh, và an toàn.”

Samuel cụp mắt xuống. Anh rót *sake* đã hâm nóng vào bình.

“Cái gì khiến cậu cố gắng bảo vệ bản thân vậy, Samua-san, nếu cậu không tin vào ma quỷ?”

Anh không có câu trả lời. Anh đã nghĩ...Chúa ơi, điều anh nghĩ xúc phạm đến lòng tự trọng của anh.

Biết bao cố gắng, lòng tận tụy không nguôi—thế mà Samuel chưa từng thắc mắc tại sao.

Cậu muốn quá nhiều. Dojun đã từng nói như thế với anh, để cảnh giác anh, hết lần này đến lần khác. Vậy mà anh không nghe.

Không muốn nghe. Chỉ bắt bản thân phải đi đến tận cùng giới hạn của sức mạnh và ý chí để

có được sự thừa nhận của Dojun, sự quý trọng của Dojun, tình bằng hữu của Dojun.

“Cũng có lúc ta đã tự hỏi bản thân về thanh Gokuakuma,” Dojun nói. “Ta đã nghi ngờ. Ta đã nghĩ—ta sống cuộc đời lưu đày, vì cái gì? Có thể vì trò đùa của một kẻ nào đó, và vì hấn chạm dòng chữ ‘quỷ’ vào chuôi một thanh kiếm báu. Nếu ta sống cả đời ở Nhật thì một ý nghĩ như thế sẽ không bao giờ nảy ra trong đầu ta, nhưng ở đây mọi thứ lại khác.” Ông nâng cốc *masu* để nhận thêm rượu, và Samuel rót. “Ở phương tây này, người ta thắc mắc mọi thứ. Và chuyện đó chẳng dẫn đến đâu cả, Samua-san. Cậu có thể nghĩ cho đến khi tâm trí cậu như một con quay mà vẫn không tìm thấy câu trả lời. Cuối cùng, cũng không có gì khác biệt dù có hồn quỷ thật sự trong thanh gươm hay không. Sử viết một gia tộc sẽ thống trị dưới ảnh hưởng của thanh Gokuakuma. Con người ta đọc sách sử, và họ chém giết vì quyền năng đó. Điều đó thì ta biết là thật, vì ta đã thấy cả gia tộc mình chết để ngăn cản lưỡi kiếm hợp nhất với khung giá.” Ông chậm rãi uống rượu. “Có thể bản chất thật sự của quỷ là ngủ yên trong tâm con người, cho đến khi một thanh kiếm phản chiếu ánh sáng đến đánh thức chúng.”

Samuel cau mày nhìn xuống hai tay mình. “Vậy thì hủy thanh kiếm đi.”

“Cậu có biết câu chuyện sao biển tiêu diệt rặng đá của những con hào không? Thời xưa, khi một ngư dân bắt được một con sao biển, ông ta đã chặt đôi nó và quẳng trở lại lòng biển.” Dojun đặt cốc xuống sàn. “Và dưới rặng đá ngầm, khi không ai để ý, hai nửa phát triển thành hai con sao biển.”

Samuel đứng lên, cơ thể anh cứng nhắc. “Vậy là đây sao? Đây là lí do sư phụ dạy con mọi thứ sao? Tất cả thời gian qua—Chúa ơi-quá lâu rồi!” Hai bàn tay nắm chặt của anh nhứt buốt; anh buộc chúng mở ra. “Nói cho đệ tử biết sao sư phụ chưa bao giờ nói đến chuyện này!”

Một lưỡi dao phóng mỏng như bút chì xuất hiện trong tay Dojun. Samuel khẽ bước tránh; cơ thể anh nhận diện hướng đi của đòn tấn công trước cả tâm trí; cây *bo shurukin* cắm sâu vào tường gỗ cùng một tiếng phập.

“Khi thể và lực đã hoàn thiện, cử động sau đó cũng sẽ hoàn thiện.” Ánh nhìn của Dojun không nao núng, không chớp. “Kéo dây cung, nghĩ mà không nghĩ, nhắm thật chính xác, rồi thả dây.” Ông nhấc ly rượu bằng cả hai tay và gật đầu. “Đó là điều ta đã làm. Cậu là mũi tên của ta. Ta đã thả dây.”

Với một tiếng thở hắt, Samuel quay lại. Anh quỳ và phá vỡ dấu phong ấn, đẩy bếp lò sang bên một chút mặc cho hơi nóng thấm vào lòng bàn tay. Khoảng không anh để lộ ra tối đen. Anh vực tay sâu vào trong.

Nó trống không. Rỗng tuếch. Khung giá của thanh Gokuakuma đã biến mất.

Leda đã nhận thấy khá khá những phu nhân đáng kính dùng bữa trong phòng ăn của khách sạn, nó dường như không hề giống một phòng ăn, mà như một hàng hiên với nhiều cửa sổ mở

nhìn ra một bên là núi và bên kia là đỉnh những ngọn cây miền nhiệt đới. Mọi thứ đều trông thật thanh bình—cô xác định có thể sẽ không thiếu lễ độ khi dùng bữa sáng ở đó, và thật thế, viên quản lý người Hawaii chào đón cô nồng nhiệt, và những người phục vụ Trung Quốc tóc thắt bím và mang tạp dề trắng tinh mỉm cười vui vẻ và vô cùng ân cần, dù không thông thạo tiếng Anh, vẫn khiến cô quên cảm thấy lúng túng. Không có ai nhìn cô, nhưng một số viên chức hải quân và khách thuê phòng mà cô đã gặp hôm qua ngừng lại nói chuyện thật tử tế trước khi họ về bàn mình để đặt xuống những đồ trang trí bằng những chõng chuối, chanh lá cam, cam, và ổi.

Ngoài trời, chim kêu ra rả trên cây. Một cơn gió nhẹ thổi vào cửa sổ ngay bên cạnh cô. Cô hồ nghi nhìn món cá chiên—nó có vẻ là một con cá vàng lớn thuộc giống cá thường được nuôi trong hồ cá tại gia—anh hầu bàn người Trung quốc đã đem đến cho cô thay vì món bánh mì nướng mà cô đã gọi. Cô đang cố gắng giải thích nhầm lẫn đó với người hầu bàn sốt sắng nhưng đang bối rối, thì Samuel bước đến từ phía sau anh ta.

Anh trông thật cao lớn bên cạnh người Trung Quốc thấp bé. “Đem đĩa vào đi.” Anh nói cộc lốc với người hầu bàn. “Bảo đầu bếp nướng bánh mì ‘ula ‘ula cho kỹ. Cà phê cho tôi.”

“À!” Người hầu bàn dọn đĩa cá vàng cùng một cái cúi mình cáo lỗi.

Tim Leda đập thành thịch vì bất khoan. Anh ngồi xuống đối diện cô, không nhìn cô, chỉ giương mắt nhìn ra cửa sổ mà không nói năng. Cô cuộn khăn ăn trong lòng, vặn nó quanh ngón tay dưới bàn.

“Chào buổi sáng,” cuối cùng cô mạo muội nói.

Cà phê của anh được dọn ra. Họ cùng nhìn người hầu bàn rút. Mùi hương dễ chịu phảng phất tới chỗ Leda khi cô ngược mắt khỏi ống tay áo trắng tinh của người hầu bàn để nhìn lên mặt Samuel.

Anh đang nhìn xuống chất lỏng màu đen, miệng anh mím lại dăm chiêu. Khi người hầu bàn lui gót, anh gặp ánh mắt cô với một vẻ mặt nguội lạnh vô cảm. “Tôi muốn em rời đi,” anh nói.

Đó không phải là một gợi ý như hôm qua nữa, gợi ý mà đã cứa sâu vào tim cô. Đây là một chỉ thị.

“Tôi sẽ cho một người tới đây nhận rương hòm của em lúc mười hai giờ.” Anh lại nhìn đi nơi khác, xuống hàng cây trở đầy bông bên ngoài. “Tàu ra khơi đúng hai giờ chiều.”

Một con chim nhỏ bay vào cửa sổ và đậu trên mép bàn họ. Người hầu bàn đến cùng bánh mì nướng của cô, đặt nó xuống và khua tay. “Cút đi! Cút đi con chim kia!”

Con chim vô tư trộm một mẩu vụn từ đĩa Leda, rồi nhảy qua khăn bàn và bay mất, băng qua cửa sổ.

Leda chẳng còn lòng dạ nào ăn bánh mì nướng. Cô cảm thấy buồn nôn. Cô thậm chí không

thể tìm thấy hơi để nói. Cô ngồi, quan sát bơ trên bánh mì đông lại.

Cô rất muốn hỏi có phải mình đã làm gì sai. Nhưng dù có đi nữa, cô lại không muốn nghe, vì lỗi lầm đó quá nghiêm trọng đến mức cô bị trục xuất. Và trong tim, cô biết mình chẳng làm gì sai. Anh không muốn có cô ở đây. Anh đã làm rõ điều đó vào hôm qua. Anh chạm vào cô thật thô bạo, như thể cô làm anh ghê tởm, cứ như anh có thể xua đuổi cô bằng cách biến một điều thật riêng tư và đặc biệt đối với họ thành một hành động khiếm nhã.

Trong một căn phòng trống. Bên một bức tường.

Cô cắn môi, ấn khăn ăn và những ngón tay mình lên miệng. Lần này còn tệ hơn—bị báo tin tại một chỗ công cộng, nơi cô sẽ bẽ mặt cùng cực nếu bật khóc.

Giọng anh hoàn toàn không cảm xúc. “Thuyền trưởng sẽ lo liệu bất cứ chuẩn bị nào em cần. Ông ấy sẽ rút séc cho em ở San Francisco cho đến suốt hành trình. Cứ tự nhiên đi bất cứ đâu em thích, nhưng tôi muốn được... thông tin về nơi em đến. Em chỉ cần gửi điện tín đến văn phòng của tôi ở San Francisco hàng tuần, để tôi yên tâm rằng em—” Anh cau mày nhìn ra cửa sổ. “Rằng em bình an.”

Con chim trở lại. Nó có màu nâu cam và một vầng màu trắng quanh một bên mắt trong. Nó có vẻ gần như đã được thuần hóa khi dạn đến mức nhảy lên bàn để rửa bánh mì của Leda.

“Em sẽ làm điều đó vì tôi chứ?” anh hỏi.

“Vâng.”

Cô chỉ nói được có thể, chỉ một âm.

“Tôi sẽ chúc em *bon voyage* tại đây. Tôi không nghĩ—mình có thể ra tàu tiễn em.”

Cô nuốt xuống khó nhọc và vội đứng dậy. “Đương nhiên ạ. Không cần thiết.”

Anh đứng lên. Trong một khắc cô để bản thân nhìn anh, để in vào trí nhớ những đường nét đã vượt ra ngoài phạm vi của ký ức. Một khi anh đi, cô sẽ không thể nào tạo ra một hình ảnh đủ rực rỡ, hay đủ hoàn hảo, bởi vì khi nhìn anh cô không thể thấy người đàn ông mà Bà Richards đã gọi là tuần tú đến sổ sàng. Cô không thể thấy vẻ quyến rũ của thiên thần Gabriel đầy quyền năng, không một khiếm khuyết đã khiến những quý cô ở bàn bên kia liếc nhìn anh qua những tờ thực đơn. Cô biết nó hiển hiện ở ngay đó, trước mắt cô, nhưng trong tim mình cô chỉ thấy Samuel—thấy sự bất hạnh trong anh, thấy vẻ mặt điềm tĩnh của anh chỉ là một cái mặt nạ.

“Tôi có thể làm gì khác không?” anh hỏi.

Cô cúi xuống rồi lắc đầu, không nói nên lời.

“Tạm biệt, Leda,” anh nói. “Tạm biệt.”

Cô không thể nói được lời tạm biệt. Cổ họng cô không hết nghẹn ngào cho câu nói được thoát ra. Không ngược đầu lên, cô quay nhanh người và băng qua những dãy bàn, bước ra khỏi phòng.

Chương 33

Dojun dạo quanh nhà Samuel, xem xét kỹ lưỡng. Samuel đứng trên sân lanai ở tầng trên, dựa vào lan can, nhìn ra khung cửa mở trong khi Dojun thăm dò và nghiên cứu, đánh giá khả năng phòng thủ.

Samuel cảm thấy sự thỏa mãn cay đắng mỗi lần Dojun bỏ sót một chỗ nào đó, mặc dù không thường xuyên. Cửa sập và cửa sổ chỉ mở được nhờ một mẫu giấy được nhét vào đúng chỗ—đó là những thứ mà Dojun tìm thấy. Đường ống dung nham tự nhiên tạo thành lối ra vào dưới lòng đất dẫn đến ngọn núi sau nhà thì anh đã biết. Đó là lí do Samuel chọn ngôi nhà này. Nhưng Dojun cuối cùng cũng phải hỏi cách rút bức ván dẫn đến đường hầm đó.

Samuel bước trong căn nhà vang vọng, mở và khóa phức hợp cửa ở tầng trên cho phép bức ván dịch chuyển.

Rồi anh lại bước ra lanai. Anh đứng đó, nhìn dõi theo con tàu *Kaiea* khi nó đốt lò ra khơi. Cô đồng ý ra đi không chút khó khăn. Không do dự, không một câu hỏi. Cô thậm chí còn không nói lời tạm biệt.

Anh đoán sau một đêm suy nghĩ, cô đã quyết định mình không muốn duy trì bề ngoài theo thông lệ. Anh cho rằng nếu anh có thể kiềm chế bản thân. Anh nhắm mắt, quai hàm thắt lại.

Cô rời đi thì tốt hơn. Cô sẽ làm anh phân tâm. Cô sẽ là một mục tiêu dễ nhắm. Những kẻ đã lấy khung giá của thanh Gokuakuma, lẻn vào thư phòng của anh, tìm ra và tháo được thanh *kazaritachi* mà không làm kinh động đến bất cứ khóa niêm phong nào—những kẻ đó cũng sẽ xuất hiện ở nhà này. Anh phải chấp nhận rằng họ sẽ tìm thấy mọi thứ Dojun có thể tìm ra. Anh phải chấp nhận rằng họ sẽ đánh vào bất cứ nhược điểm nào—và Leda là điểm yếu của anh.

Cô là nhược điểm của anh trong khi anh đứng đó, nhìn dõi theo.

Bên dưới anh, anh có thể nghe thấy những giọng nói nhỏ nhẹ của ba “người làm vườn,” được lựa chọn gắt gao từ nhóm của anh và Dojun. Để biến ngôi nhà thành một pháo đài thật nhanh chóng, mà không lộ liễu, cần phải có sự chọn lựa. Samuel biết người của anh, những *kanaka* bản địa, người Trung hoa, và một số *haole*—đủ các hạng người Mĩ và Âu châu; anh chọn họ vì lòng trung thành và năng lực, và vì họ không có quan hệ nào với người Nhật, để giảm nguy cơ tay trong.

Dojun có bè phái riêng. Samuel vẫn còn cảm thấy sự bàng hoàng khi biết quan hệ giữa

Dojun và những người mới nhập cư thật ra là quan hệ họ tộc—lâu đời và bền vững hơn bất cứ tình cảm nào anh có với sư phụ. Shoji, với cây chổi và thái độ kính cẩn, hóa ra là cháu của Dojun, được đặc cách gửi tới đây để lãnh hội, để trau dồi và rèn luyện và cống hiến cho công cuộc gìn giữ thanh Gokuakuma.

Trong những năm Dojun sống một mình, khi nước Nhật không cho phép di cư, ông thích ứng với những gì ông tìm thấy. Ông đã dạy dỗ Samuel. Và Samuel cảm thấy như một kẻ ngu đần vì đã để tâm, vì phần uất với một cậu bé quét nhà.

Anh tựa vai vào cột trụ trắng, nhìn lướt qua thành phố vây quanh là hàng cây rậm rạp; Cảng Honolulu, và nét huy hoàng của Cảng Trân Châu xa xa ở phía tây, ở giữa là những ao cá và thửa khoai nước. Bọn họ đang ở đâu đó ngoài kia—không biết được số lượng—bên ngoài lãnh thổ của họ, và trên địa phận của anh. Dojun sẽ bảo vệ thanh kiếm; trang bị ngôi nhà để đảm bảo an toàn, rút lui và thích ứng: sức mạnh trong *in*. Samuel sẽ bước ra, xoay chuyển cục diện và tìm những kẻ săn kiếm: năng lượng của *yo*.

Đó là tất cả những gì anh biết trong mưu đồ của Dojun. Tất cả những gì Dojun tiết lộ cho anh.

Một thanh kiếm “quý”. Anh muốn đảo mắt. Anh có chỉ thị của riêng mình, anh sẽ làm bất cứ việc gì Dojun yêu cầu như từ trước đến nay. Nhưng lần này, lần đầu tiên, có một bức tường, một không gian lạnh và ảm đạm; một sự dè dặt trong tim anh.

Anh đã không nói ra điều hiển nhiên: rằng nếu anh được biết, nếu anh được tin cẩn sẽ thấu hiểu, anh sẽ không nông nổi để xảy ra tình trạng này. Anh sẽ không trộm thanh *kazaritachi* vì ngu dốt, đem đến hậu quả khôn lường cho bản thân anh, và đem nó đến thật gần thanh kiếm—và có Chúa biết, anh sẽ không bao giờ để Leda đến gần nó.

Nhưng anh nhớ lại ngăn lưu trữ trống bên dưới lò sưởi, và khung giá giống hệt đã thật tiện lợi “được tìm thấy” để thay thế cho thanh gươm anh trộm ở Luân Đôn. Đối thủ của Dojun đã tìm kiếm khung giá của thanh Gokuakuma trước cả khi Samuel chạm vào nó; chẳng còn lời giải thích nào khác cho bản sao mà họ tìm thấy. Nó hẳn phải được chế tác để thay thế cho khung giá thật trước khi tặng cho Nữ hoàng. Vụ trộm của Samuel đã làm gián đoạn việc đánh tráo, và khơi mào cuộc lúng lúng. Và những kẻ săn đuổi này đã phải mất hàng tháng, nhưng bọn họ đã làm được việc mà phân nửa lực lượng Scotland Yard không thể—xác định và lần theo dấu anh.

Bất kể những kẻ săn đuổi thanh Gokuakuma là ai bọn họ cũng đã được đào tạo như anh, còn bài bản hơn nữa. Nếu họ tin, thì như Dojun đã nói—con quỷ là có thật cũng như những kẻ săn đuổi này, và bất cứ thứ gì họ có khả năng thực hiện.

Anh rà soát khu đất. Ba năm trước chuyện đó sẽ rất dễ dàng—khi đó rất hiếm người Nhật ở đảo. Samuel biết tên họ của tất cả mọi người ở Honolulu. Nhưng giờ có tới hàng ngàn đồng bào của Dojun, ở khu đồn điền và đang trên đà mở rộng kinh doanh ở thành phố. Có tới hàng ngàn khuôn mặt để ẩn mình.

Có thể việc anh không tin vào thanh Gokuakuma như Dojun và những kẻ đối đầu ông là một lợi thế.

Để thắng, Dojun từng nói, mấu chốt là không muốn được thắng.

Samuel ngẩng nhìn tàu *Kaiea* oai vệ di chuyển chậm chậm sau Mũi Kim Cương, những ống khói cao để lại những vạch dài khi nó hướng đến Đỉnh Makapu'u—vượt ngoài tầm mắt, ra khỏi phạm vi của đèn hiệu sẽ gọi nó trở lại.

Trên vũng tàu đậu nó có vẻ là một dự định hợp lý. Một quyết định có vẻ vô cùng rõ ràng và chính xác. Leda dám chắc khi thời khắc đặt chân lên ván cầu đến mà cô không làm điều đó, trong đầu cô đã hình thành một chuỗi những suy nghĩ hoàn toàn thuyết phục và đúng đắn hỗ trợ cho quyết định của mình.

Nó có liên quan đến sự phục tùng và nghĩa vụ của người làm vợ, cô cam đoan như thế, nhưng giờ khi cô đã về lại Khách sạn Hawaii, khi tiếng còi ra khơi của tàu *Kaiea* đã tan biến từ lâu, cô dường như không thể dựng lại lý lẽ đòi hỏi cô phải chống lại mong muốn của chồng để xuất hiện với một dáng vẻ ngoan hiền, kính trọng và tươi tắn.

Manalo, viên tài xế người Hawaii mà Samuel đã gửi đến để đưa cô ra tàu, giúp cô vào xe độc mã. Anh ta là một người trẻ tuổi vạm vỡ, trông ghê gớm với chiều cao và dáng hình lực sĩ, nhưng anh ta có vẻ vô cùng vui lòng đeo gần hết những vòng hoa mà anh ta đem đến để chất qua đầu Leda, mặc dù vẫn khẳng khẳng điểm tô cho cô bằng ít nhất một dây leo dâm bụt và dành dành. “Về phần bà—đến ở lại đi. Haku-nui, người vô địch, ông ấy sẽ vui vì bà không xuống California. May mà bà ở lại Hawaii.” Manalo cười toe. “Tôi đem rương hòm lên cả rồi, tôi sẽ đưa bà lên nhà, *wiki-wiki*.”

Anh ta quất ngựa, để nó lao về phía trước trong nhịp nước kiệu điên cuồng ra khỏi khuôn viên khách sạn, trượt khỏi xe lừa kéo trong đường tơ kẽ tóc và ôm cua trên hai bánh về phía rặng núi.

Leda không quá háo hức lên đồi như Manalo. Cô cũng không hoàn toàn lạc quan về “Haku-nui” và sự tiếp nhận cái tin cô đã không lên thuyền. Cô đã hy vọng có thể chuẩn bị một bài nói ngắn để bào chữa cho quyết định của mình, nhưng giữa bộn bề những nhập nhằng khi đem rương hòm của cô xuống boong vào phút cuối, và rồi sự ngạc nhiên phù hợp khi cô quay về khách sạn mà không báo trước, và một khoản phụ kéo dài thời gian—có thể là cố ý về phần cô—những cuộc trò chuyện và chào hỏi đông dài những người mà cô đã chào tạm biệt chỉ mới một hai giờ trước, và giờ, phải bám chặt vào tay vịn của xe khi họ vượt qua những con đường bùn đất của Honolulu với tốc độ bạt mạng—cô thật sự không biết mình sẽ nói gì với Samuel, và không hoàn toàn mong đợi đến lúc đó.

Con ngựa đáng thương đổ mồ hôi rũ rượi khi họ đến độ cao sương mù. Nhà của Samuel—nhà của ngài ấy và mình, cô ương ngạnh nghĩ—sừng sững trong vẻ thanh tao trắng xóa nổi bật

trên nền núi đá, với vạch đất đỏ trần trụi vây quanh. Khi Manalo thắng cương ngựa trên bờ dốc đầy bọt đá, hai người làm vườn bước ra từ nơi họ đang phát quang cây bụi. Họ có phong thái trầm tư, đứng trong im lặng cùng cuộc và liềm cho đến khi Manalo rống bằng tiếng Hawaii và ra dấu về phía Leda. Rồi những khuôn mặt đen nở nụ cười toe toét. Họ nhặt những cái mũ mềm và cúi chào cô khi cỗ xe chạy qua.

Cô nghiêng đầu với thái độ thành khẩn. Con ngựa rẽ ngoặt lên đồi dốc cuối cùng. Cỗ xe lắc lư dừng lại ở cuối bậc thềm, nơi những lao công khác còn đang dựng những khối đá màu kem để hoàn tất khoả sân.

Leda bám chặt vào thành xe một lúc. Chẳng thấy bóng dáng Samuel đâu cả. Một người đàn ông phương đông ăn mặc giản dị, nghiêm trang xuất hiện ở khung cửa mở và bước xuống thềm.

“Aloha!” Manalo nhảy khỏi xe. “Dojun-san! *Phu nhân-Wahine* không muốn đi—bà ấy không lên tàu *Kaiea*. Haku-nui số một đâu rồi?”

Người đàn ông kia cúi mình thật sâu, hai bàn tay áp lên đùi. “A, Bà Samua-san. Aloha!” Câu chào của ông mang một phong thái trang trọng. Trong lúc Manalo giúp cô xuống xe, ông ta lại cúi chào và nâng một bàn tay lên cao. “Samua-san ở trên kia.”

Leda nhìn theo cử chỉ của ông. Ở lan can trên lầu, tựa vào một cột trụ cao xẻ rãnh, với hai bàn tay khoanh lại, Samuel quan sát họ. Câu *aloha* khẽ khàng của anh trôi xuống trên một âm vực chầm biểm. “Em đang làm cái quái gì ở đây?”

“Sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng,” cô vào đề, “và suy nghĩ nghiêm túc, em nhận thấy trong lúc chuẩn bị bước lên ván cầu của tàu *Kaiea* lỗi lạc, rằng...a...sẽ không phù hợp nếu em đi.” Cô nhận thấy ánh mắt của tất cả người làm chiếu vào mình. “Quá nhanh như thế. Mà không có lí do chính đáng. Mọi người sẽ nghĩ chuyện đó không bình thường. Có thể, nếu ngài đồng ý—chúng ta có thể bàn chuyện này ở một nơi kín đáo hơn.”

“Chẳng còn gì để bàn nữa. Tàu đã ra khơi rồi.”

“Vâng, em...em nghĩ chắc là vậy.”

“Tôi tính đến lúc này phải qua Đỉnh Makapu’u đến mười bảy dặm.”

“Lẽ ra em đã đến sớm hơn, và đem chuyện—thay đổi kế hoạch nói với ngài, nhưng Manalo và em thấy—đưa rương về lại khách sạn là thích hợp hơn cả.”

“Chẳng có con tàu nào ra khơi trong hai tuần nữa.”

“Không ạ?” Cô nhìn xuống, hương hoa dành dành phủ trùm lên cô. “Thật không may!”

Thậm chí từ chỗ cô đứng bên dưới anh, cô vẫn có thể nghe tiếng thở dài chậm rãi của anh. Tiếng bước chân trên gỗ từ xa vang lại.

Cô hé mắt nhìn lên cửa chính, nơi người đàn ông phương đông đang quan sát cô với thái độ thông cảm.

“Ê, số-một làm *huhu* rồi.” Manalo vờ nhăn nhó đáng sợ, rồi cười toe và lắc đầu một cách rầu rĩ. “*Pilikia! Đồ Ho’opilikia!*”

Leda đã từng nghe từ pilikia, một từ địa phương dường như có thể áp dụng cho mọi loại phiền toái. Cô cau mày kiểm điểm với gương mặt cười cợt của Manalo, thế nhưng anh ta chỉ lùi vào hậu cảnh—mờ nhạt nhất có thể đối với một thân hình cao trên mét tám—khi Samuel bước dọc theo hành lang và xuống lan can tầng dưới.

Anh dừng lại trên đầu bậc thềm. Leda có thể thấy dấu hiệu của cơn giận quanh mắt anh, nhưng anh chẳng nói gì ngoài: “Giờ em định làm gì?”

“À thì, em...nghĩ mình nên bắt tay vào việc.”

“Việc gì?”

Cô thu hết can đảm. “Vị trí của em là giúp ngài có được căn nhà tiện nghi.”

Anh im lặng nhìn cô.

Vẻ thiếu phản ứng của anh càng khiến cô nói nhanh hơn. “Em có thể thấy những gì chúng ta làm ở Luân Đôn là chưa đủ. Chúng ta chỉ đặt đồ nội thất đủ cho một phòng, và có thể nó sẽ không tới nơi trong một thời gian nữa. Bà Richards bảo em có thể mua đồ nội thất tại Honolulu, và đồ trang trí nữa.”

“Làm đồ nội thất,” người đàn ông phương đông nói, nhún gối đầy háo hức. “Tôi làm, Bà Samua-san! Ngày mai bà quay lại đây, đi khắp nhà xem cần thứ gì. Tôi sẽ ghé qua—đồ đạc. Bàn. Ghế. Những thứ bà thích.”

“Không,” Samuel nói. “Cháu không muốn cô ấy ở đây.”

Leda đỏ bừng mặt. Cô thấm ướt môi và lùi một bước.

Người đàn ông nhỏ thó rầu rĩ nhìn anh. “Samua-san có vợ rồi. Đương nhiên sẽ cần đồ nội thất. Ghế, giường các thứ.”

Quai hàm Samuel co giãn. “Không.” Anh nhìn qua cô. “Em có thể trở lại khách sạn và ở yên đó.” Anh đưa ánh mắt lạnh lùng về phía Manalo. “Tôi sẽ đưa cô ấy đi. Vì có vẻ như tôi không thể tin được ai khác để nhận một mệnh lệnh đơn giản.”

Anh chàng người Hawaii, cùng những bông hoa vàng và đỏ và những chiếc lá rũ, ra vẻ vừa bị tổn thương vừa bi thảm. “Này, tôi có thể làm gì chứ? Bà ấy không muốn đi tàu. Anh đâu có bảo tôi, ‘Ê, Manalo, cứ quảng cô ta lên!’ đâu.”

“Đương nhiên là không rồi,” Leda nói. “Đó đâu phải lỗi của Manalo.”

“Bà thích có ghế ở đây chứ, Bà Samua-san?” Người đàn ông phương đông xòe hai bàn tay, ra hiệu về phía một góc của lan can. “Chỗ tốt. Đẹp để ngồi. Nhìn ra biển, núi, mọi thứ. Tôi có đủ các loại gỗ, koa, ohia, paulownia. Bà muốn loại nào?”

Samuel nói cộc lốc bằng tiếng của ông ta. Người làm công cúi mình khiêm tốn, và đáp lời. Miệng Samuel càng rắn lại, những cái cúi mình càng sâu và sâu hơn nữa và danh xưng được thì thầm càng dài hơn.

Bất chợt Samuel bật ra một tiếng cảm thán xa lạ và quay đi. “Đưa đồ vào nhà đi! Xin mời! Cứ thông thả mà làm!” Anh hiên ngang vào nhà, như thể tất cả họ đều không tồn tại.

“Được! Được, Samua-san.” Người đàn ông phương đông cúi mình sau lưng anh, rồi cúi chào Leda. Ông chỉ vào mũi mình. “Tôi tên Dojun. Làm thợ mộc. Tạo ra bàn tốt, ghế tốt. Bà chỉ việc liệt kê những thứ mình muốn.”

Cô đã liệu trước một cuộc nói chuyện dài hơn với Samuel, nhưng Ông Dojun nhìn cô chờ đợi, như thể cô sắp sửa đưa cho ông một bản danh sách ngay lập tức. “À—tôi cho là—cần phải có một cái bàn. Cho phòng ăn. Và ghế. Thật ra, chỉ cần hai ghế là được rồi, khởi đầu như thế đi đã. Sẽ mất bao lâu?”

“Tôi có sẵn bàn. Sẵn ghế ăn. Sẵn—” Ông giơ tay lên và gập ngón cái và ngón trỏ lại, rồi từng ngón còn lại cho đến khi chỉ còn ngón út. “Một-hai-ba-bốn. Bốn ghế ăn sẵn tay. Tôi sẽ đem tới. Nếu bà muốn—không mất thời gian đâu.”

“Ý ông là mọi thứ đã được làm xong?”

“*Hai!* Đã xong.”

“Tôi hiểu. Ông còn đồ dùng sẵn nào không, Ông Dojun?”

“Tủ.” Ông vẽ ra một hình vuông lớn trong không khí, cao hơn ông nhiều. “Giá sách. Ghế trung quốc dài. Ghế bật. Bàn nhỏ. Bàn lớn. Mọi loại đồ đạc tôi đều có. Dojun tạo ra tủ *tansu* mà không ai làm được. Tốt hơn rất nhiều. Tiếng Nhật gọi là *shibui*—không xấu tí nào, cũng không quá lòe loẹt. Đẹp thì có. Ngông cuồng thì không. Bà hiểu chứ? Tôi sẽ đem hết mọi thứ cho căn nhà này, bà xem rồi lựa thứ bà thích.”

“Ồ, ông không cần phải mất công như thế. Tôi có thể đến cửa hàng mà lựa.”

“Không, không! Tôi sẽ đem tới! Bà chỉ cần nói với tôi, đặt ở đây, ở kia, chọn, nếu bà không thích, tôi đưa về lại.”

“À, ông thật tử tế. Tôi nghĩ mình sẽ muốn xem chúng trông thế nào khi xếp vào vị trí.”

Ông Dojun nhún gối. “Ngày mai, *ne?* Bà đến nhà này. Tôi đem đồ tới.”

Leda do dự. Với kho đồ nội thất phong phú bất chợt này, chẳng phải là có thể...

Cô sẽ trang trí mọi thứ cho thật bắt mắt—và Samuel thích đồ dùng kiểu Nhật; cô nhớ Tiểu thư Kai đã nói anh tự mình đẽo gỗ theo phong cách Nhật. Nhưng cô đã không biết—cô thừa nhận mình vô cùng kém cỏi trong lĩnh vực những tiện nghi đủ cảm dỗ để cầm chân một người đàn ông trong nhà.

Theo lẽ thường, cung cách tế nhị của phụ nữ không phải cam chịu một cuộc bàn bạc với người lạ về một điều riêng tư như sở thích của chồng. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy một người hầu cận trong gia đình, một cô hầu hay thậm chí đầu bếp, thường sẽ ưa bàn chuyện riêng tư với bà chủ hơn cả họ hàng gần gũi nhất. Có vẻ điều đó cũng có thể áp dụng với cánh đàn ông. Cô e thẹn nhìn Ông Dojun và Manalo. “Tôi tự hỏi—nếu ông không nghĩ tôi khinh suất—có phải ông và Ông Manalo đã biết Ông Gerard được một thời gian không?”

“Thời gian?” Ông Dojun lặp lại.

“Vài năm? Ông, và Ông Manalo, làm việc cho Ông Gerard một thời gian dài?”

“A. Nhiều năm. Mười sáu, mười tám năm. Trước đó thì hai mươi năm, tôi làm việc cho phu nhân Ashlan’, bà ấy chăm Samua-san.”

“A, Phu nhân Ashland!” Những điều cô còn e dè về Ông Dojun tan biến. Nếu phu nhân Tess đã thuê ông, Leda cảm thấy cô có thể yên tâm về nhân cách của ông.

“Manalo-kun, cậu ấy trẻ hơn nhiều. Chưa đến ba mươi phải không?” Ông Dojun hơi cúi mình về phía người đàn ông Hawaii. “Có thể đã làm cho Samua-san sáu, bảy năm.”

Manalo cười toe đôn hậu. “Quá lâu ấy chứ. Không bơi, không cưỡi ngựa, không hát. *Auwe!* Toàn làm việc!” Anh ta vuốt tay qua trán.

“Có thể...nếu hai người biết rõ ngài ấy—” Cô hạ giọng. “Tôi đang gặp phải một tình thế khó xử, trong chuyện một quý ông muốn căn nhà được trang bị thế nào. Tôi tự hỏi liệu hai người có thể gợi ý gì đối với những đồ vật quan trọng.”

Họ cùng ngẩng ra nhìn cô.

“Những đồ đạc nào trong nhà mà một người đàn ông muốn—” Cô thấy ra mình không có tiến triển nào. “Một người đàn ông thích đồ nội thất nào,” cuối cùng cô bật ra. “Những thứ gì đàn ông thích trong nhà?”

“Giường,” Manalo nói. Và hầu như nháy mắt với cô.

“A!” Ông Dojun gật đầu. “Số một là khung giường. Những ông chồng thích nó!”

Leda cảm thấy mình đổ mặt đến mang tai. Trong khi Manalo cười ha hả trước vẻ bối rối của cô, Ông Dojun bắt đầu một miêu tả phức tạp và không thể hiểu được về một khung giường mà ông “sẵn tay”.

Mặc cho thói ăn nói thô tục của Manalo—và cô sẽ ngạc nhiên nếu anh ta không ăn hành sống trong phòng khách chính—anh ta có vẻ hoàn toàn thành thật. Anh ta cho rằng bàn, ghế, và ngăn kéo tủ chẳng hề quan trọng. Thảm bằng cỏ hay kết lông vũ, một chiếc giường là đồ nội thất mà một đức lang quân yêu cầu trước tiên.

“Tôi cho là,” cô nói với Ông Dojun, “ông nhất định sẽ đem theo khung giường.”

“Đem giường.” Ông Dojun cúi chào. “Có giường là có nhà.”

“À, vâng,” Leda đồng ý. “Hy vọng như thế.”

“Và Ông Dojun bảo em ông ấy có một khung giường rất đẹp bằng gỗ cây vĩ,” cô nói, dùng muống khuấy nhẹ món kem cô đang dùng. “Em không hoàn toàn chắc đó là loại gỗ gì nữa.”

“Gỗ cây vĩ. Đó là một loại gỗ koa hảo hạng.” Samuel ngắt cô. Cô không nhìn lên anh; cô không gặp ánh mắt anh lấy một lần kể từ khi anh đưa cô vào cỗ xe để trở về khách sạn. “Xa hoa.”

Chiếc muống ngừng lại. “Ngài nghĩ nó quá phung phí ạ?”

“Cứ việc tiêu bao nhiêu em thích.”

Chiếc muống trở lại với những vòng xoay chậm rãi. Cô cắn một miếng nhỏ. Anh không biết vì sao mình lại ngồi đây. Anh còn có việc phải làm, việc của Dojun và của anh, nhưng anh cứ ngồi đó, giương mắt nhìn hai bàn tay cô, mái tóc rẽ ngôi tươm tất, bộ váy trắng sọc hồng: hấp thu sự hiện hữu của cô.

“Em đã nghĩ, có thể, một phong cách phương đông sẽ rất bắt mắt,” cô nói. “Ngài sẽ thích thế chứ?”

“Bất cứ thứ gì em muốn, tôi không quan tâm.”

Anh biết câu trả lời có vẻ cẩu kính. Nhưng vì cô lại xuất hiện lúc này, trước một mối nguy mà anh không thể ước đoán, không dám chắc và không thể xem nhẹ—anh không muốn điều đó. Anh không muốn cô có mặt ở nhà. Bản năng hét bảo anh phải khóa cô trong một căn phòng và cắt đặt mười vệ sĩ ở cửa; lí lẽ và những điều anh học được đồng ý với lời cố vấn ngắn gọn của Dojun: sẽ là sai lầm nếu cắt đặt một vệ sĩ, bất cứ dấu hiệu nào chứng tỏ cô quan trọng và có giá trị.

Anh không muốn cô ở đây, thế mà anh ngồi đắm chìm trong âm thanh của giọng cô, trong dòng những câu chuyện vụn vặt ngọt ngào: màn cửa màu nào anh nghĩ sẽ đẹp, có thể nào tìm được một đầu bếp có kinh nghiệm với tiền công hợp lý, anh có biết liệu giấy dán tường bị nhũn

vì thời tiết, như Bà Richards đã dặn cô?

Anh cảm thấy sức hấp dẫn của nó. Cảm dỗ dịu dàng của sự quan tâm cô dành cho ý kiến của anh. Sự khuây khỏa ý nhị, mỗi đồng cảm giản đơn. Cô ở lại. Tất cả những gì cô nói là về tương lai, trong nhà anh, với tư cách là vợ anh.

Món kem trong đĩa cô đã tan hết. Ngoài phòng ăn, ánh hoàng hôn sáng huy hoàng rồi tắt dần trong không khí dịu lưu thông qua cửa sổ để mở. Cô vẫn ngồi nghịch chiếc muỗng, cuộc trò chuyện dần tắt, cho đến khi họ ngồi im lặng giữa tiếng lanh canh của thủy tinh và tiếng thì thầm của những giọng nói khác.

“Có thể, nếu tối nay ngài không bận gì—” Cô nhìn anh từ dưới hai hàng mi, “—có thể ngài sẽ muốn dùng trà trong gian phòng của chúng ta?”

Anh nghĩ rất ít có khả năng cô đang gặp nguy hiểm. Rồi anh nghĩ: nếu anh ở lại, anh sẽ biết cô được an toàn. Anh gạt đầu ngăn gọn rồi đứng lên, kéo ghế ra cho cô.

Gian phòng này rộng nhất khách sạn, với trần nhà cao và một phòng khách xứng đáng với một buổi đón tiếp hoàng gia. Những bó hoa khổng lồ trong vai tàu tô điểm từng chiếc bàn. Cà phê đã được bí ẩn dọn đến trên một khay bạc trước khi họ vào—bồi bàn rót và đưa cho họ, rồi rút lui.

Samuel rảo bước dọc theo những cửa sổ dài chạm sàn mở ra lanai. Bất cứ ai cũng có thể bước vào đây mà chẳng tốn tí công sức nào. Cũng chẳng cần phải rón rén.

Leda ngồi cùng ly cà phê của cô, được thắp sáng chỉ bởi ngọn đèn bọc giấy đỏ rọi qua những cửa chớp nửa khép. Nó hắt ánh sáng hồng lên vòng hoa dành dành màu kem mà cô đeo, và bỏ lại váy cô trong bóng tối.

“Tại sao em quay lại?” anh hỏi.

Cô khuấy đường trong tách. “Vì sẽ không đúng nếu em bỏ đi.”

“Tôi đã bảo em được tự do ra đi.”

Miệng cô hơi cong lên một cách ngang bướng. “Điều đó cũng không khiến cho việc em ra đi đúng hay phù hợp.”

“Em nên đi rồi mới phải.” Cửa chớp kêu phần phật khi anh giật chúng đóng lại rồi mở ra. “Khốn kiếp, tôi không—tôi không thể hứa—” Anh nghiêng đầu ra sau. “Chúa ơi, em đã thấy sống ở đây sẽ ra sao rồi! Ra khỏi đây, đi đi, em không cần phải ở lại với tôi.”

“Hôn nhân là một lời thề trang nghiêm,” cô nói, với chút bất chấp. “Em không biết làm sao mình có thể sát cánh, trân trọng, và chăm sóc cho ngài lúc khỏe mạnh cũng như khi đau ốm nếu em không ở gần.”

“Đó là một tấn trò hề!” Anh quay ngoắt lại đối mặt với cô. “Liệu em có lập lời thề không nếu em biết trước?”

Cô đứng lên. “Đó không phải một trò hề. Em không để ngài nói thế đâu!”

“Em cao thượng quá nhỉ! Một vị thánh sống.”

“Em dám nói ngài định ra về mả mai. Em dám nói ngài đã quên sự thân ái thông thường vì ngài ân hận em không phải là người ngài muốn kết hôn.”

“Tôi không ân hận chuyện đó,” anh lẩm bẩm.

“Không ư? Em nghĩ mình nên tin ngài chỉ đang dối xử với em bằng một mô phỏng xuất sắc. Đó,” cô thốt lên, quay mặt đi, “ngài đã khiến em cũng mất bình tĩnh và nhiễm thói chế nhạo. Em hy vọng ngài thấy mãn nguyện!”

Anh nhìn không chớp vào hình ảnh phản chiếu méo mó của mình trong tấm gương đá. Anh có thể thấy hình ảnh bị biến dạng của cô sau lưng mình. “Tôi không hối tiếc,” anh lặp lại. Anh nhìn đắm đắm vào những mảng màu trong gương cho đến khi hình ảnh trước mắt anh trở nên tối sầm. “Tôi không hối tiếc điều đó. Tôi yêu em.”

Máu bắt chợt chảy dồn dập khắp cơ thể anh. Anh cảm thấy bản thân lơ lửng trong không trung, cách mười bộ trên miệng dốc không đáy, không một vật chống đỡ bên dưới anh.

“Tôi biết điều đó chẳng thay đổi gì cả,” anh nhấn mạnh, quảng mình trở lại mặt đất vững chãi. “Tôi không muốn em có mặt trên đảo. Tôi không muốn em có mặt trong nhà tôi. Em hiểu chưa? *Thế đã rõ chưa?*”

Mặt gương phản chiếu sự bất động. Không thể nào thấy được vẻ mặt cô. Những cây cọ trong vườn ngoài kia xào xạc trong cơn gió lén qua cửa sổ con và cửa chớp.

Cô dịu dàng nói. “Ngài thân mến—em chưa từng nghĩ ngài là một người chậm hiểu, nhưng đó có vẻ là một câu nói rất tối dạ.”

“Quên nó đi,” anh nói. “Quên nó đi.” Anh băng qua phòng ngủ, định kiểm tra những chỗ có thể dùng làm lối đột nhập.

Trong lúc anh đứng trong những tia sáng mù tối của ngọn đèn, cau có nhìn chiếc giường vát màn chống muỗi và những khung cửa sổ dài chạm sàn hờ hênh, cô đi đến sau lưng anh. “Em thật sự không nghĩ mình có khả năng hứa điều đó.”

“Quên nó đi! Cứ ở lại. Hay đi. Cứ làm bất cứ điều gì em thích.”

“Em chưa hề muốn ra đi bao giờ. Ngài thấy đó, em cũng yêu ngài rất nhiều.”

Anh liếc nhìn cô. “Lạy Chúa tôi, phép lịch sự của em không chê vào đâu được phải không?”

‘Khi một quý ông bày tỏ tình cảm,’ ” anh bắt chước cách ngôn của cô một cách tàn nhẫn, “ ‘một quý cô phải ngay lập tức đáp lại bằng một lời nói dối—thứ lỗi cho tôi—một “câu quanh co vô hại” phù hợp, để tránh cho anh ta trông như một thằng đàn.’ ”

Cô ngậy ra nhìn anh, rồi cúi đầu. “Ngài nghĩ—rằng những gì em nói—không phải sự thật?”

“Tôi nghĩ với những thứ em biết về tôi, điều đó là không thể.”

Cô vẫn đứng nhìn xuống thảm sàn. “Mọi thứ em biết về ngài đều đáng khâm phục.”

Anh cười to, gay gắt. “Phải rồi.”

“Mọi thứ,” cô nói.

“Em biết, phải không? Bà ấy đã nói với em.”

Cô ngước mắt lên. Anh chờ cho cô nói gì đó, chuẩn bị bản thân cho điều đó, nhưng cô chỉ nhìn anh với một vẻ nghiêm nghị âu yếm, đầy kiên nhẫn.

Chấn động đang ở đó trong dạ anh, cận kề mép vực của cảm xúc. Anh đứng yên, khừ nó ra khỏi cơ bắp mình, chống lại nó. Cổ họng anh kiềm nén từ ngữ.

“Em yêu ngài, ngài thân mến.”

“Điều đó là không thể.”

“Nó không phải là không thể.”

Không khí dường như quá khó thở, như thể anh phải nghĩ, phải nhớ hít từng hơi vào lồng ngực. “Em không cần phải nói thế. Tôi đã bảo em rồi; tôi đã bảo em không cần phải nói điều đó.”

Cầm cô hất lên. “Dù thế đi chăng nữa, em vẫn nói.”

Anh điên tiết bước tránh xa cô. “Em sai rồi. Em đang nói dối. Em—không thể.”

“Em không muốn tranh cãi vấn đề đó với ngài đâu.” Cô vẫn nghenh cảm đầy ngoan cố. “Vào đêm tân hôn của chúng ta, phu nhân Tess đã nói với em một số chuyện mà bà nghĩ có liên quan đến—sự hòa hợp của em và ngài. Bà nói ngài sẽ không thích như thế, và em thấy đúng là như vậy. Em rất lấy làm tiếc nếu ngài cảm thấy đó là một khiếm khuyết của em, nhưng lúc đó em đã cảm thấy, và vẫn cảm thấy, không có điều gì mà bà đã nói—và không có điều gì mà em biết kể từ khi quen ngài—không có bất cứ điều gì, ngài thân mến!—có thể khiến em có bất cứ cảm xúc nào khác ngoài—” Giọng cô bắt đầu mất đi vẻ bình tĩnh. “Ngoài một sự quý trọng sâu sắc dành cho ngài. Ngài thân mến của em!”

Sự run rẩy bên trong anh có nguy cơ bùng nổ một cách mãnh liệt; để dập tắt nó anh chộp

lấy cô. Anh lôi cô đến gần. “Ngay cả thế này?” Anh hạ môi xuống môi cô, hôn cô thật mạnh, ghì chặt hai cánh tay cô với một lực mà anh biết sẽ gây đau.

Những bông hoa dành dành trong vòng hoa của cô bị đè dập tủa vào không khí một mùi thơm nồng khi anh ôm chặt cô vào người. Anh trượt tay xuống và nắm bóp cơ thể cô. Những ngón tay anh tìm thấy vùng thung lũng khiêu khích ở cuối sống lưng cô. Anh chà ngón tay mình lên xuống, ấn sâu qua lớp vải sọc trắng hồng của váy cô, tham lam kéo cô vào phần cương cứng của mình.

Sự thô bạo có chủ ý gặp đam mê khẩn cấp, lưỡi anh ấn vào sâu..anh đẩy cô ra cũng bất chợt như khi anh ghì lấy cô.

Trong bóng tối màu hồng, cô trông xộc xệch và đáng yêu, đôi mắt mở to.

“Vâng.” Cô quay mặt đi và vuốt thẳng cổ tay áo. “Thậm chí như thế. Vì—em có nửa dòng máu Pháp.” Cô cúi đầu trên tay mình. “Và em biết ngài sẽ đau lòng vì cố tình làm đau em.”

Nó khiến anh đau. Khiến anh ghê tởm. Anh chỉ muốn đem cô vào vòng tay và vuốt tóc cô, nhưng anh không dám chạm vào cô. Cô sẽ không muốn điều đó; cô không thể nào muốn điều đó; việc cô có nửa dòng máu Pháp liên quan gì đến chuyện đó thì anh không mong được biết. Chỉ vì cô là Leda, cô sẽ nói những điều như thế, vừa vô nghĩa vừa ngây thơ—ngoan cố, dịu dàng, cương quyết, ngây ngô, khi biết thứ gì ở trong anh, con người anh trước kia và con người anh hiện tại, mà vẫn gọi anh là đáng khâm phục.

Mà vẫn nói lời yêu anh.

Anh cảm thấy sợ khi nghĩ đến điều đó.

Nếu cháu sợ thì sao? Trước đây anh đã từng hỏi Dojun, rất lâu rồi. Và Dojun đã nói: *Sợ ư? Như thế ông không biết đến từ đó. Sợ đi cùng với việc chiến đấu* chống lại. *Hãy luôn thuận theo, đừng chống lại.*

Và từ rất lâu rồi, anh đã hiểu. Trong một cuộc đấu, hãy trở thành nó; thuận theo đối thủ.

Nhưng giờ anh chẳng hiểu nữa. Anh nhìn Leda và cảm thấy mọi thứ bên trong anh bắt lửa và nóng chảy và trôi tuột đi, rỉ ra từ những chỗ nứt trong anh, cho đến khi chẳng còn lại bất cứ thứ gì.

Cô nhìn anh qua vai. “Em mong ngài sẽ ở lại đây với em đêm nay.”

Vô phương tự vệ, căn phòng này quá dễ bị đột nhập. Anh quắc mắt, với cửa chớp trên cửa sổ. “Tôi sẽ chờ trong phòng khách trong khi em thay y phục.”

Một nụ cười sung sướng nở trên môi cô. Cô cụp mắt xuống. “Tất nhiên. Em sẽ không—ngài không cần—em chỉ đi một chốc thôi!”

Anh bước vào phòng khách. Ở cửa, anh bước ra ngoài trong ánh đèn. Những ngọn đèn bọc giấy nhẹ đu đưa xen kẽ, tạo thành những vòng sáng dọc theo sân lanai rộng. Ở cuối đầu bên kia, một cặp đôi đứng nhìn ra những mảng sáng thần tiên trên mặt đất. Samuel ước định họ: *haole* và vô hại, từ đảo khác đến nghỉ lễ. Những vầng sáng mới rọi lên lanai khi đèn điện trong phòng ngủ của Leda bật sáng.

Anh quan sát những người bồi bàn mặc đồ trắng qua lại trên sân cỏ, tìm một cử động nhất định, một thế thẳng bằng làm lộ chân tướng, như sự duyên dáng của con thú trong thế đứng tự nhiên của Dojun. Anh chẳng thấy gì ngoài một người bồi bàn tàu bị mắng vì dọn lên nước lạnh thay vì nước chanh.

Đôi lúc anh nghĩ giữ *zanshin* cũng như chết một cách êm ả. Như chết để từ bỏ dục vọng, sự hồ nghi, và bản ngã. Để trở thành một cái bóng, và di chuyển tự do trong đêm tối.

Đêm nay, nó như việc tự nhận chìm trong một đại dương băng giá. Cái bóng lạnh của băng, chạy từ đầu ngón tay đến tứ chi đến não, cho đến khi cảm giác tắt lịm. Cho đến khi anh không còn cảm giác được gì nữa.

Ngọn đèn ngủ tắt ngấm, chỉ để lại những vòng tròn đu đưa của đèn lồng.

Anh trở lại gian phòng và đóng cửa, không bận tâm khóa chốt. Anh âm thầm đi vào phòng ngủ. Cô đã kéo màn chống muỗi quanh giường, một tấm màn trướng sáng mờ đổ xuống từ trần nhà.

Anh dùng nó để ngụy trang cho vải lạnh màu trắng đang mặc. Anh tựa vào bức tường nơi quần áo của anh lẫn vào bức màn từ góc nhìn ở cửa ra vào và cửa sổ.

“Ngài ạ?” Giọng cô nhẹ vọng ra từ giường.

“Em ngủ đi. Tôi sẽ ở lại. Tôi sẽ không rời khỏi đây.”

Một dáng người tối tăm ngồi lên trong túp lều mỏng như sa. “Vậy ngài không...ngài sẽ không vào giường sao?”

“Ngủ đi, Leda. Cứ ngủ đi.”

Một lúc lâu sau, cô vẫn ngồi đó. Mắt anh đã quen với bóng tối, nhưng anh không thể nào thấy rõ nét mặt cô. Cuối cùng, cô nằm xuống giữa đồng gối. Phải hai giờ sau, khi tiếng cười và tiếng chuyện trò nhẹ từ sân cỏ và hàng hiên đã tắt, thay bằng ánh trắng bàng bạc đổ thành những nấc thang trên sàn, nhịp thở đều đặn của cô mới bảo cho anh biết rằng cô đã ngủ.

Chương 34

Leda tỉnh dậy trong tiếng sóng vỗ, nghe thật rõ trong buổi sáng sớm lúc không có gió lay những hàng cây. Không khí trong ngọt của Hawaii hôn lên da cô; bên ngoài những cửa chớp để mở, đầu cành màu đỏ sáng của một cây phượng nhẹ nhàng đung đưa trên nền một màu xanh thẫm. Cô cảm thấy hạnh phúc và bối rối, có chút sững sốt, ngậy người nhìn lên đỉnh màn trên đầu.

Căn phòng ngủ không có ai, nhưng cô nghe tiếng có người di chuyển trong phòng khách, và tiếng lanh canh văng vẳng của đồ sứ. Không bận tâm vấn tóc hay thậm chí tìm giày đi trong nhà, cô vén màn và đến cửa.

“Chào buổi sáng!” cô nồng nhiệt nói, trước khi nhận ra đó không phải Samuel,

“Aloha.” Giọng nói vui vẻ của Manalo chào cô. Anh ta đứng lên, một người khổng lồ bình thân bên cạnh người tàu thắt đai sam đang dọn khay bữa sáng. “Aloha! Bà ăn đi, rồi tôi đưa bà lên nhà. Haku-nui dẫn bà đến.”

“Ồ. Ôi trời!” Leda nhận ra mình đang đứng ở ngưỡng cửa với hai chân trần và chưa thay xiêm y—mặc dù y phục thường nhật của những quý phụ Hawaii cũng tương tự với bộ váy ngủ cô mặc, chỉ khác là màu sắc hơn. Cô đẩy cửa đóng lại và đi chân trần vào phòng tắm. Cô bắt đầu rửa mặt, như thể hôm nay là một ngày bình thường như mọi ngày.

Như thế, khi cô nhìn vào gương, cô có thể ngăn mình mỉm cười, hai má cô hồng vì kì cọ và sung sướng. Như thể hôm nay không phải là ngày sau cái đêm anh nói anh yêu cô.

Anh yêu cô. Anh đã nói thế, rất rõ ràng. Cô dám chắc mình không nghe nhầm.

Và rồi, ngay sau đó, cũng chắc như đinh đóng cột, bảo anh không muốn cô ở đây. Kiêu hãnh và cay đắng, tổn thương.

Cô nhìn chăm chăm hình ảnh của mình trong gương.

Cô Lovatt có thể đã đúng khi dặn dò cô. Không cần bàn cãi, hôn nhân là một kết hợp liều lĩnh. Một kết hợp đầy đau đớn, niềm vui và cũng phức tạp nhất trên đời.

Để tìm kẻ địch, Samuel lần ngược theo dấu vết, sử dụng tối đa người do thám: anh không quá nóng lòng hay sốt sắng, chỉ tỏ ra có đôi chút quan tâm đến những kẻ để ý đến mình. Đó chỉ là việc mà anh sẽ làm trong bất cứ trường hợp nào. Trong thế giới vàng son ở phố Tàu, sẽ bị xem là lạ lùng—và ngu ngốc—nếu anh xem như không có gì xảy ra.

Chỉ mất vài ngày dấu vết dẫn anh đến con thuyền rồng có sống to được neo ở một hòn đảo

nhỏ um tùm tại cảng mở rộng trên sông Trân Châu. Việc đầu mối không dẫn anh đến khu đồn điền, nơi anh có thể để mất dấu giữa muôn vàn lao công mới, là một may mắn và chứng tỏ những kẻ này không có liên hệ với những người Nhật đến làm công thực hiện hợp đồng để nuôi gia đình họ ở quê nhà. Bọn họ có liên hệ với một tầng lớp khác hẳn, với những người không cần và cũng không có ý định rời nước Nhật.

Sự tĩnh lặng là một yếu tố hữu hình trên dòng Trân Châu; sự tĩnh lặng, màu ngọc lam và màu bạc trong ánh nắng chiếu xuống mặt nước êm ả. Người đi cùng Samuel, một ngư dân mang nửa dòng máu Hawaii, nửa Bồ đào nha đáng tin cậy có thể cho thuê chiếc thuyền nhỏ của ông ta mà không hé răng, ngồi với hai bàn chân trần giương lên và mũ kéo xuống che mắt, cứ vài phút lại bật ra một tiếng ngáy khê.

Ngoài nhưng âm thanh đó, tiếng động duy nhất là điệu chuông thi thoảng vang lên từ những hộp thiếc cũ trên một cái lưới nhiều mắt trên ruộng lúa, được giăng bởi một cậu bé được cắt cử ở một chòi canh để dọa những con quạ ăn cắp. Samuel giữ cho mặt khuất dưới mũ, cần mẫn câu cá, ít khi nhìn vào con thuyền rỗng mà nhìn thẳng vào tình thế; những góc độ và lối tiếp cận.

Những đối thủ của anh đã không cố hết sức mà nguy trang—nhưng dù sao điều đó cũng không cần thiết. Đây là một vị trí thuận lợi, một chỗ canh nhìn được mọi phía, khó mà đột nhập dù là ban đêm. Có bốn người trong con thuyền rỗng; anh biết còn có ba người nữa còn ở trong phố; ngoài số đó ra—khó mà ước đoán số lượng của bọn họ. Những người đàn ông trên bờ lên thuyền trình diện với một gã “Ikeno”. Chẳng có lí do gì phải nghiên cứu xem đó có phải tên thật của hắn hay không. Dù sao đi nữa người Nhật cũng có xu hướng thay đổi tên họ với mức độ thường xuyên khiến những người ngoại quốc bối rối, họ tự đặt cho mình một nhân dạng khác vì bất cứ nguyên do nào từ nhận một việc làm mới đến thực hiện mục đích của đời mình.

Nhất định Ikeno đã nghĩ ra tên mới cho thời điểm hắn ta hợp nhất thành Gokuakuma. Và hắn ta, hay chỉ huy của hắn, có bụi nhùi để nhóm lửa ở Nhật: đề xuất những thay đổi trong hiệp ước nhượng thêm quyền cho Tây phương và khiến lòng dân phần nộ, trong khi chính phủ loay hoay tranh luận về ý tưởng một hiến pháp từ trước đến nay chưa từng có.

Một ván cược liều lĩnh, và một con át chủ bài trong thanh kiếm quý.

Những lối rời khỏi thuyền dễ nhận thấy đều đã bị người của Ikeno che đậy; vì Dojun mà rời khỏi hòn đảo cùng thanh kiếm như ý định thì sẽ phải cần đến lối thoát xuyên núi và đi xuống của dân chài đến một bờ biển hẻo lánh; sau đó dùng một con thuyền lớn hơn. May mắn và mưu chước phức tạp.

Mối bận tâm của Dojun, anh nghĩ. Samuel không biết nơi giấu thanh kiếm; thời điểm hay cách thức Dojun định di chuyển nó. Anh chỉ cung cấp vỏ bọc và biện pháp bảo vệ, và một lối thoát kín bên dưới căn nhà anh đến núi.

Nhà anh, nơi Leda đang ra vào, trang hoàng nhà cửa, trong khi Dojun đóng vai người làm thuê.

Mọi thứ thật yên ắng. Ở thế bất động. Nó có thể kéo dài tới một ngày. Hay một năm. Một lúc nào đó, bằng cách nào đó, Dojun sẽ đi nước cờ của ông; chuyển thanh kiếm từ nơi che giấu vào Biển Nổi—rồi đào tẩu.

Samuel nhìn đắm đắm vào con thuyền lớn dưới vành mũ. Sự oán giận vẫn còn khuấy động trong anh, phá vỡ mặt phẳng tĩnh lặng của *zanshin*. Anh cóc quan tâm đến sự bình an của thiên hạ; trong đầu anh chỉ có ý nghĩ những kẻ săn đuổi có mọi lí do để tin anh cũng như Dojun biết nơi giấu thanh kiếm: đối với họ vụ trộm của anh ở Luân Đôn chỉ có thể là một mưu chước kích động để sở hữu khung giá.

Anh không nên lấy trộm khung giá. Hành động đem lại hậu quả không lường trước được, như con sao biển của Dojun. Hai mối đe dọa lớn lên từ một mối nguy bị phân đôi. Những đối thủ của họ sẽ tìm điểm yếu, là lực của đòn bẩy. Dojun không hề có. Samuel thì có. Sự tồn tại của Leda trao cho họ điểm yếu của anh. Mọi thứ anh làm để bảo vệ cô sẽ chỉ càng làm công khai tầm quan trọng của cô đối với anh. Căn nhà không thật sự an toàn; khách sạn còn nguy hiểm hơn nữa. Và nếu Dojun trốn thoát cùng thanh kiếm một cách bí mật—thì đâu là điểm dừng của chuyện này đây? Những tên săn kiếm có biết chắc được thanh kiếm đã biến mất thật rồi không? Bọn họ có bao giờ thật sự biết chắc để rời hẳn nơi này, để tin Samuel không biết gì về nó, để ngừng mối đe dọa đối với mối tơ vò trong tâm anh không?

Những suy nghĩ kiểu Mỹ, Dojun sẽ bảo như thế. Nỗi sợ phương Tây. Cuộc sống của cậu không hơn gì một ảo ảnh. Khi cậu nằm trong lòng đất, không ai sẽ đi cùng cậu, không ai yêu cậu. Cái chết đến giữa thời khắc này và thời khắc tiếp theo; cậu phải sống mỗi ngày như thể cậu sẽ chết trong tối nay.

Anh không muốn chết trong tối nay. Anh đã có đủ ảo ảnh trong suốt cuộc đời mình, nhưng Leda không phải một trong số chúng.

Vì cô, anh nuôi một ý tưởng còn liều lĩnh hơn tất cả. Anh nghĩ nếu những kẻ săn lùng có thanh kiếm cùng khung giá thì phần dính dáng của anh—và cả của Leda—sẽ chấm dứt.

Bội phản. Anh lật đi lật lại ý nghĩ đó trong đầu. Và trong khi anh nghĩ về nó, anh biết Dojun cũng sẽ nghĩ đến điều đó. Và anh biết vì sao Dojun không tin tưởng bảo cho anh biết chỗ đặt thanh Gokuakuma.

Mười bảy năm.

Người Nhật có câu, *Okage sama de*—Nhờ những gì thầy đã làm cho con, con mới trở thành người như con hiện nay.

Con nợ thầy.

Dojun, anh nghĩ, nhắm mắt lại trong đau đớn.

Leda sẽ không thể nào tạo ra nhiều biến đổi nhanh như thế mà không có sự giúp đỡ của Ông Dojun và Manalo. Người đánh xe Hawaii đưa cô đến mọi nơi, vác ghế và cây trong chậu, chở cô đến những buổi uống trà và ăn trưa mà cô được mời hầu như hằng ngày. Sau một tuần, cô thậm chí còn thuyết phục và mắng để anh ta giữ cỗ xe độc mã ở một tốc độ vừa phải.

Và Ông Dojun đã rất tháo vát trong việc trang hoàng Biển Nổi. Bản thân Leda sẽ không nghĩ rằng đồ nội thất đơn giản vẫn có thể bắt mắt một cách đáng ngạc nhiên, nhưng khi cô đưa mắt ngắm thư phòng và phòng ngủ, cô cảm thấy không thứ gì có thể trông đẹp hơn kiểu dệt chéo giản dị của tấm thảm lauhala thay vì những tấm thảm sàn dày, chiếc ghế đu lưng mây hay thõng gỗ đẹp mắt trên chiếc *tansu* không tô điểm, một chiếc tủ với những cánh cửa trượt bên trên và những ngăn tủ trơn láng bên dưới phát ra một tiếng nhạc nhẹ mỗi lần chúng được kéo ra—một sự cách tân mà Ông Dojun có vẻ vô cùng tự hào.

“Tủ cho vợ mới,” ông nói. “Ở Nhật tất cả cô vợ mới đều đem tủ về nhà chồng. Bà thích chứ, Bà Samua-san?”

“Ồ vâng. Nó rất đẹp. Và khung giường thì tuyệt vời.”

Ông ta nghiêng người qua và vẽ một ngón tay chai sần trên đầu giường, viền theo hình một con chim thanh mảnh đang xoải cánh được khảm trên đó. “Nguyện cầu may mắn. Ở Nhật, chúng tôi gọi là *Tsuru wa sennen*. Hạc sống tới ngàn năm.”

“Đó là ý nghĩa của nó ạ? Một biểu tượng cho ước lành ư?”

“Ước lành. Sống thọ. *Tsuru wa sennen; kame wa mannen*. Hạc sống ngàn năm, rùa mười ngàn. Khi đến mùa cưới, sinh nhật, lễ tiệc—bạn bè làm ngàn con hạc giấy, treo tất cả lên, để ước hạnh phúc hàng ngàn ngàn năm, *ne?*”

Leda nhìn ông, khẽ mỉm cười. “Một phong tục hay làm sao.” Cô chạm vào một trụ giường trơn láng được vuốt thon và thõng dài. “Tôi ước mình biết điều đó vào Giáng sinh vừa rồi. Ý tưởng duy nhất tôi tìm ra trong sách cho Ông Samua-san là một món quà cá khô.”

“Cá khô, *hai*. Hạc. Rùa. Bánh gạo. Tre cũng là biểu tượng may mắn. Tre uốn cong, nhưng không gãy, nói lên sự tận tụy trước sau như một. Tôi đã ộp tre vào *tansu*, làm ngăn tủ phát ra tiếng nhạc.”

“Ông có nghĩ ngài ấy sẽ hiểu những điều này không? Hiểu những con hạc và tre và những con rùa ấy?”

“Samua-san? *Hai*, hiểu chứ.”

“Ông có nghĩ—ngài ấy sẽ thích nếu tôi treo vài con hạc giấy trong nhà chứ?”

“Thích nhiều chứ. Có thể cậu ấy sẽ về nhà nhiều hơn, *ne?*”

Đây không phải lần đầu tiên Leda thấy chút sùng sốt vì khả năng quan sát của Ông Dojun. “À, ngài ấy rất bận, ông biết đó. Việc kinh doanh của ngài ấy đòi hỏi phải vô cùng tập trung.”

“A.” Ông Dojun cúi chào, như thể cô vừa đưa ra lời đáp cho một câu hỏi còn khúc mắc.

“Dù sao chuyện đó cũng sẽ rất tốt đẹp. Nếu ngài ấy...” Cô tựa má vào trụ giường mát lạnh. “Tôi muốn ngài ấy cảm thấy hạnh phúc và thoải mái ở đây.”

“Tôi biết một người làm hạc giấy. Bà mua chứ?”

“Ồ vâng. Vâng, tôi sẽ mua. Một ngàn con phải không?”

“Một ngàn, *hai*. Tất cả đều treo lên, bằng dây, thế nào? Đẹp lắm. Rùa, có thể một vài con. Tôi sẽ viết thư, bảo Obasan làm.” Ông rút một cuốn sổ và bút chì từ một cái túi khó thấy nào đó và viết những kí hiệu phương Đông lên một tờ giấy. Ông xé nó ra, cẩn thận gấp lại, rồi đưa cho cô. “Tốt.”

“Vâng, và có thể một số cây tre trong chậu tại nhà kính.”

Ông nhún gối đồng tình. “Manalo sẽ đưa Bà Samua-san xuống phố, đến chỗ Obasan, bà ấy đọc thư, mua giấy gấp hạc và mọi thứ. Chậu trồng tre, tôi vào nhà kính.”

“Cảm ơn ông.”

Với một cử động khéo léo, ông cất cuốn sổ và giật chuông gọi Manalo. Trong khi Leda trượt tờ giấy vào túi, ông nói, “Nói với bà một bí mật nhé, Bà Samua-san. Tôi mừng. Bà là một người vợ tốt cho cậu ấy.” Ông cúi chào cô. “Giường hạc là một món quà—cho bà, cho cậu ấy. Tôi tặng.”

“Ồ,” Leda khẽ nói. “Cảm ơn ông!” Cô trở nên bẽn lễn trước ánh mắt phương Đông của ông. “Tôi thật sự đang cố gắng để làm một người vợ tốt. Nhưng tôi còn chưa thành thạo lắm.”

“Đã có giường. Có *tansu*. Chỉ cần *hanayome-taku* nữa thôi.”

“Đó là gì ạ?”

Ông làm vẽ một hình tròn bằng hai bàn tay. “Một chiếc bàn nho nhỏ. Do con trai làm tặng mẹ. Samua-san đã làm *hanayome-taku* từ lâu. Từ hồi cậu ấy còn nhỏ. Tặng cho phu nhân Ashlan’. Vợ mới—bà dùng từ gì nhỉ? Vợ mới ấy?”

“Cô dâu.”

“À. Cô dâu đến nhà mẹ đem tử *hanayome-taku* về nhà chồng. Hôn nhân hạnh phúc, sau khi khớp nhà.”

Leda nghiêng đầu vì háo hức. “Ông Samua-san đã làm một cái bàn—gì gì ấy ư?”

“*Hanayome-taku*. Bàn cô dâu. Tôi đã giúp cậu ấy làm. Nó đã được làm, ồ, phải mười lăm năm rồi. Bà Samua-san đến nhà phu nhân Ashlan’, bà sẽ thấy cái bàn đó.” Ông nhướn hai hàng lông mày. “A! Bà xuống núi, đem bàn cô dâu của Samua-san về nhà này, *ne*? Tất cả sẽ đâu ra đó thôi. Giúp hôn nhân tốt đẹp. Samua-san sẽ về nhà.”

Cô mỉm cười. “Tôi dám chắc đó là một ý hay, nhưng—”

“Tốt! Tôi vẽ cho.” Ông rút cuốn sổ ra lần nữa và phác họa một hình mà thoạt trông như bản sao thật lớn của ký tự Nhật trong mẫu giấy ông đưa cô. Khi đã nhìn kỹ, cô có thể thấy nó hẳn là một cái đế của chậu cây, với ba chân chia ra, một mặt vuông trên đỉnh, và một ngăn kệ hình tròn gần chân đế. “Bà đến nhà Ashlan’, đưa bàn về.”

“Tôi không nghĩ mình—”

“Suốt mười lăm năm nó nằm trong phòng ngủ của phu nhân Ashlan’. Bà tìm trong phòng ngủ của phu nhân, sẽ thấy *hanayome-taku*. Rồi đem nó về đây.”

“Ông Dojun, tôi e mình không thể ngang nhiên lấy một đồ vật từ nhà của họ được.”

“Không, không. Nó thuộc về bà!” Ông chìa bàn tay ra một cách dứt khoát. “Bà là vợ Samua-san. Phu nhân Ashlan’ sẽ không giữ nó lại đâu, bà ấy hiểu mà.”

“Dù vậy tôi vẫn—”

“Samua-san, cậu ấy thích nhìn thấy *hanayome-taku*. Cậu ấy thấy nó, sẽ biết bà tôn trọng cậu ấy.”

Leda cắn môi.

Ông cúi mình. “Cậu ấy thấy, cậu ấy sẽ hiểu. Không cần nói.”

Nghe có vẻ là một thành tựu lớn đối với một cái bàn nhỏ. Nhưng Leda rầu rĩ nhìn quanh căn phòng mới trang hoàng, Samuel đã không bày tỏ mong muốn xem quanh trong những lần anh cùng cô dùng bữa tối, và cô thấy mình sẵn sàng thử bất cứ việc gì. “Hay là ông có thể đem nó từ nhà Ashland đến. Tôi sẽ cảm thấy như một kẻ đột nhập.”

Ông Dojun phẩy lòng bàn tay trước mặt mình với thái độ cự tuyệt. “Không ai có thể làm thay được. Vợ mới phải đem tới. Cô ấy không tự tay mang tới—sẽ không may mắn, không có hôn nhân tốt đẹp. Nó nhỏ thôi. Không nặng đâu, thế nào?”

Leda thở dài. “Tôi sẽ cân nhắc.”

Và cô thật sự đã cân nhắc. Tối đó khi cô nằm trên chiếc giường hạc mới, lắng nghe tiếng sột soạt của những con hạc giấy treo trên những sợi dây dài làm từ gỗ tre từ trần đổ xuống, cô cân nhắc. Đó là lần đầu tiên cô qua đêm ở Biển Nổi, và cô chỉ có một mình.

Không hẳn là một mình. Một số người làm vườn ăn ở tại đây: thi thoảng, qua những cánh cửa chớp để mở, cô nghe tiếng họ rì rầm nói chuyện với nhau từ sân bên dưới, Ông Dojun ngủ trong phòng của quản gia dưới lầu.

Nhưng Samuel không ở đây.

Lúc còn ở khách sạn, ít nhất anh cũng đến vào buổi tối, mặc dù anh luôn ngồi rất lâu sau khi cô đã ngủ và rời đi trước khi cô dậy. Tối qua, anh không tới dù đã cho phép cô—nhấn qua Manalo—dọn vào nhà ở.

Buổi sáng hôm sau, cô quyết định đến nhà Ashland để mang chiếc bàn cô dâu về, và hy vọng mình không bị bắt vì tội trộm cắp. Manalo có vẻ không nghĩ cô sẽ làm chuyện đó. Anh ta có vẻ không suy nghĩ gì lúc anh ta đến cùng cỗ xe, ngồi thiếu náo vì vợ anh ta đã đi cùng một người đàn ông rời khỏi Wahiawa.

Leda đã cố giấu sự sững sốt của mình khi nghe câu chuyện của anh ta, nó được tự nhiên thú nhận và kể rành mạch đến từng chi tiết. Cô có cuộc hẹn ăn sáng trong vườn ở nhà Tướng Miller; suốt đường đi, Manalo chia sẻ với cô thông tin của cuộc chia ly và âu sầu xin cô lời khuyên. Thật sự, cô cảm thấy mình chẳng có lời khuyên nào cho anh ta, nhưng những gợi ý ít ỏi của cô dường như không lọt vào tai của người đàn ông Hawaii đáng ngồi rũ rượi. Anh ta thậm chí còn không đánh xe với tốc độ bạt mạng như thường lệ, và họ tới bữa sáng trễ mất mười lăm phút.

Vào lúc cô ra về, Manalo chuyển từ tính cách ba hoa thường ngày sang tâm trạng u ám kỳ lạ. Anh ta đội một vòng hoa râu bột vàng và những quả mọng tí hon màu đỏ len giữa những chiếc lá thơm. Leda đeo một vòng hoa cẩm chướng trắng mà Bà Miller đã tặng cô, nhưng mặc cho mùi hương của những bông hoa, cô vẫn nhận thấy một mùi ngọt rất lạ phát ra từ Manalo.

Cách đánh xe của anh ta đã trở lại với vận tốc và sự liều lĩnh như thường ngày. Leda vài lần phải đeo cứng vào thành xe và gọi anh ta đi chậm lại, và anh ta lạc mất đường đến nhà Ashland, đánh xe quanh khu đất đến ba lần. Nhưng cuối cùng anh ta cũng rẽ vào một cánh cổng râm mát, nơi một ngôi nhà hai tầng màu trắng xinh, vây quanh là hàng hiên như Biển Nổi, sừng sững giữa đồng cỏ bắt mắt, màu xanh tươi lốm đốm những cái bóng xanh thẫm từ những cây tán xòe và những cây cọ cao.

Hoa lan đổ xuống vô khối từ những cây trồng trong nhà kính: tím, trắng, hồng. Nơi này tuyệt vời một cách đáng sợ, đẹp nhưng thật vắng lặng, vẫn được chăm chút như thể cả gia đình sẽ bước ra vườn ngay lúc đó. Manalo không nhảy xuống để giúp cô ra khỏi xe mà ngồi ủ rũ trên ghế. Leda đưa mắt nhìn biểu hiện rầu rĩ đưa đám của anh ta, rồi túm váy và tự bước xuống xe.

Ông Dojun và Manalo đã bảo ngôi nhà không bị khóa. Ở đây dường như chẳng có ai khóa bất cứ thứ gì. Dù vậy, Leda cũng sẽ không ngại có Manalo đi cùng khi cô rón rén vào căn nhà tối.

Đồ đạc đều được phủ khăn trắng, sàn nhà không trải thảm. Cô rón rén đi qua đại sảnh rộng

và lên lầu, tìm thấy phòng ngủ của đức ngài và phu nhân Ashland nhờ hộp ộp kính mà tiểu thư Kai tặng cho mẹ và đã tả cho Leda nghe.

Bên cạnh giường, cô cẩn thận nhấc khăn phủ từ một cái giá cao và hẹp. Ngay lúc nhìn thấy chiếc bàn bên dưới, cô biết ngay nó là *hanayome-taku* của Samuel. Đường cong mộc mạc của chân bàn chẳng hề giống phong cách Anh; nó hoàn toàn mang tính *shibui*, như Dojun sẽ bảo, thanh tao một cách giản dị, và mang dáng dấp Nhật bởi vẻ đơn giản của nó, nước gỗ ấn tượng từ màu đen đến vàng đỏ, như thể một nghệ nhân đã tô mực lên đó.

Một khóm nhỏ những đồ kỷ niệm được đặt trên mặt bàn đánh bóng: một hòn đá nâu thô kệch trong chén đen, một quả bí bằng gỗ và một chiếc hộp có hương thơm dịu mà cô nhận ra là gỗ đàn hương. Nhìn chúng, cô có cảm giác mình không nên đem chiếc bàn đi, hành động đó vô cùng khó tha thứ.

Nhưng cô vẫn cẩn thận đặt những đồ vật bên dưới tấm phủ lên bàn trang điểm, thầm hy vọng Ông Dojun đã đúng, và phu nhân Tess sẽ hiểu cho cô. Cô gấp tấm vải và đặt nó lên giường. Chiếc bàn nặng hơn Leda tưởng, và khó di chuyển vì nó cao đến eo cô, với khuynh hướng nghiêng theo một góc bất tiện khi cô nhấc lên.

Cô chăm chút đưa nó xuống lầu. Đi qua cửa chính phải cần đến một nỗ lực phi thường, trong khi Manalo chỉ ngồi đó, rõ ràng đã gần ngủ gục trên xe. Anh ta không đáp lại tiếng gọi nhỏ của cô, còn cô lại không muốn nói to và đánh động hàng xóm. Cô chịu khó khiêng chiếc bàn ra xe, nhưng không dám một mình nhấc lên xe vì sợ sẽ làm trầy bàn.

“Manalo!” cô khẽ gọi. “Tĩnh lại và hãy quên những vấn đề của anh một khắc thôi!”

Anh ta quay đầu và gà gật nhìn cô. Rồi anh ta dựng đầu dậy, trông đầy cương quyết quanh trụ xe mặc dù con ngựa đáng thương trông không có tâm trạng nào mà lên đường, rồi thông thả vòng qua phía cô đứng.

“Phiền anh nhấc nó lên cho tôi, sau khi tôi đã giữ nó—”

Trước khi cô hướng dẫn xong, anh ta đã nhấc chiếc bàn khỏi tay cô và đứng lắc lư với một vẻ rất lạ. Vừa lúc cô nhận dạng được thứ mùi lạ toát ra từ anh ta, không phải hương hoa mà là mùi rượu mạnh, con ngựa quyết định đến nhìn kỹ hơn đám cỏ. Một chân bàn chìa ra khua vào bản lề xe. Manalo vấp chân ngã tới trước.

Leda thất thần la lên khi cái bàn bật khỏi cỗ xe và va vào con đường lát gạch với một tiếng rắc thật kinh.

“Ôi *xem kia!* Sao anh có thể?” Cô đẩy tay vào ngực anh ta. Anh ta loạng choạng về phía sau, ngồi lên đám cỏ với một tiếng ậm ừ, nhưng Leda không có thời gian lo cho sự bình an của anh ta—cô quá mãi miết nhìn sững sốt cái chân bàn bị nứt và treo lủng lẳng từ mặt bàn. “Ôi không!” cô thì thầm. “Ôi thánh thần ơi, ôi không!”

Thận trọng, cô cúi xuống và xoay nhẹ cái bàn lại. Một khúc kim loại dẹt có khắc thư pháp phương Đông nhô ra từ cuối chân bàn như một dạng mấu nối. Khi cô nghiêng nó nhiều hơn, cả chân bàn rơi ra. Cô khẽ rên rỉ trong lúc nâng chân bàn lên.

Với một tiếng xoẹt lạt, thanh kim loại bắt đầu trượt ra. Cô hít vào và cố khớp chân bàn lại, nhưng không thể gắn thanh kim loại lại nữa. Leda nhảy lùi, cứu chân mình khỏi một tấm thép cong dài cả thước, sáng loáng, có đầu nhọn hoặc bắt ánh nắng xuyên qua tán cây và chiếu một tia sáng nhiều màu vào không khí khi rơi.

Trong một khắc, cô nghĩ: *cái chốt này quá lạ đối với một cái bàn*. Nhưng ý nghĩ đó chưa kịp in vào óc thì cô đã biết nó không phải một mấu nối, cũng không phải một cái mộng ghép. Nó chẳng có liên quan nào đến chiếc bàn. Cô đang nhìn vào một lưỡi gươm, một thanh kiếm đẹp và bén ngót, với hình phức tạp của một con quái vật khó coi được khắc dọc suốt chiều dài của kiếm.

“Ôi lạy Chúa lòng lành, trông kìa!” cô thốt lên, rồi lấy tay bịt miệng khi cô nhận thấy cách nói năng của mình. Cô liếc qua vai nhìn Manalo. Anh ta nằm yên trên cỏ. Với một tiếng cảm thán khác, cô quỳ bên cạnh anh ta, nhưng anh ta chỉ mở mắt rồi nhắm lại, và bắt đầu ngáy, hơi thở nồng nặc mùi như brandy anh đào. Cô thả bàn tay mềm oặt của anh ta lên ngực anh ta. “Pilikia!” cô chán ghét nói. “Giờ tôi phải làm gì đây chứ?”

Cô quay lại với chiếc bàn, cẩn thận nhắc kiếm nhò vào đầu vuông không bén. Cô thử đẩy nó trở lại vào chân bàn, và thả rơi cả hai với một tiếng thõng gấp, ấn chặt những ngón tay để cầm máu ở vết cắt trong khi mắt cô ngấn nước. Đặt chân bàn xuống đất, cô dùng chân hất thanh kiếm về phía đó, nhắm phần mũi nhọn vào chỗ gãy ở khe nứt trống. Khi cuối cùng cô cũng đưa thanh kiếm vào vị trí, cô thử gắn cái chân lại vào bàn, thăm cầu mong có thể khắc phục vết gãy.

Một lưỡi kiếm có vai trò gì trong cái bàn của Samuel, có vẻ thật vô ích khi cân nhắc điều đó. Hẳn nó là một thứ gì đó liên quan đến truyền thống Nhật. Có thể mọi chiếc bàn cô dâu đều có chúng, và đúng là vận may tàn tệ nhất cho một cô dâu khi làm gãy nó, và để lộ thanh kiếm—nhất định chuyện đó đồng nghĩa với điều bất hạnh với mức độ không thể ngờ được trong tương lai.

Tai họa hiện tại đã đủ tồi tệ rồi. Làm sao cô có thể ăn nói với Samuel đây? Hay Ông Dojun? Hay phu nhân Tess?

Cô không nhận ra mình đang tự lằm nhảm một mình khi cố gắng gắn chân bàn vào vị trí, cho đến khi một ai đó đáp lại lời cô. Rồi cô nhảy dựng lên cả tắc, và nhìn lên nụ cười không răng của một người đàn ông phương đông chân trần đội mũ rơm dường như không biết từ đâu hiện ra, với một đòn gánh trên vai trĩu xuống bởi hai giỏ to đầy trái cây treo ở hai đầu.

“Cô cần giúp đỡ không?” ông ta hỏi với một vẻ ân cần. “Làm gãy bàn hả?”

“*Anh ta* làm gãy nó,” cô bực tức nói. “Nhưng là do lỗi của tôi. Tôi lẽ ra không nên đụng vào nó. Ôi, tôi phải *làm* gì đây? Tôi không đời nào để nó bị trầy, thế mà giờ nó bị hư không thể sửa

được nữa!”

“Muốn sửa hả cô? Tôi có thằng cháu giỏi sửa. Sửa được tất, không ai biết từng bị gãy.”

Leda nhìn lên, hy vọng lai láng trong cô, rồi nhìn xuống bàn. “Tôi không biết làm sao mà sửa được.”

“Sửa chứ! Được, được! Cháu tôi, Ikeno, nó là người làm tủ giỏi nhất đảo. Đó là một cái bàn đặc biệt phải không? Không phải ai cũng biết cách sửa đâu. Cháu tôi biết.”

“Thật ư?”

“Bàn kiểm đặc biệt. Của Nhật phải không? Cháu tôi là người duy nhất có thể sửa. Nó sống ngoài biển, Ewa, Aiea, gần đồn điền.”

“Ngoài?” Leda cảm giác vừa hồ nghi vừa tuyệt vọng. “Bao xa ạ?”

“Đi xe ngựa, khoảng một giờ.”

“Không có nơi nào gần hơn sao? Trong thành phố? Nhất định tiệm làm gỗ tốt hơn phải ở đây chứ?”

“Hừ. Quá nhiều *haole*, người Tàu. Chả biết gì về bàn kiểm Nhật. Cháu tôi đến từ năm ngoái.”

“Ông nghĩ cháu ông có thể sửa nó ngay tại chỗ không? Ngay lập tức, để tôi có thể chờ rồi đem nó về lại nhà?”

“Có, có! Tôi đưa cô đi, nó sẽ sửa. Bảng hiệu đề, ‘Trong Lúc Khách Chờ,’. Sửa trong khi cô chờ.”

Leda quay sang Manalo. Cô cúi xuống và lay vai anh ta. “Anh dậy đi! Tỉnh lại! Chúng ta phải đi thôi!”

Anh ta mở mắt và lăm bầm. Phải thuyết phục dỗ dành ghê gớm cô mới dựng được anh ta dậy. Anh ta lơ lơ nhìn từ cô sang người bán trái cây.

“Chúng ta phải đi ngay, Manalo. Tôi lấy làm tiếc vì anh không khỏe, nhưng ông ấy sẽ giúp sửa bàn, và tôi muốn nó được sửa cho xong. Đi thôi. Đi thôi!” Lời thỉnh cầu cuối cùng bật ra khi anh ta lắc đầu và đẩy cô ra, nằm lại trên cỏ. Một hủ rượu nâu nhỏ trượt khỏi túi áo anh ta. Cô đứng lên và dậm chân, tuyệt vọng quay sang người bán hàng. “Ông có thể đánh xe không ạ? Ông có thể đưa tôi đến đó và quay lại được không? Tôi sẵn sàng trả công cho ông.”

“Không cần trả, không cần trả! Tôi đánh xe.” Ông ta nâng hai túi hoa quả lên cuối cổ xe và đến chỗ con ngựa đang nhăm nháp cỏ bên vệ đường. “Cô đi với tôi. Không khóc! Chúng ta sẽ sửa bàn. Không khóc, không khóc!”

Năm ngày cẩn thận sắp đặt, không quá nhiệt tình mà chỉ biểu lộ chút sốt ruột hơn trong những liên lạc cẩn trọng mà anh thực hiện với người của Ikeno, và Samuel lên boong của thuyền rồng trong Cảng Trân Châu. Anh ở đó làm một kẻ phản bội lại người của anh—làm *gyaku fukuro* của Dojun, một cái túi bị lộn ngược ra ngoài.

Fukurogaeshi no justsu—trà trộn, tỏ ra đã hoàn toàn đổi chủ—một cách thức đem lại hiệu quả cũng tương xứng với hiểm họa của nó. Mưu kế này sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu lai lịch tiện lợi là tên trộm Luân Đôn của Samuel. Anh không thể nhìn ra sự nghi ngờ của Ikeno khi hắn ngồi xếp bằng trên sàn thuyền, gấp gạo từ chén bằng chiếc *hashi* mỏng được tô nhiều màu, những cử động tỉ mỉ và tao nhã như phụ nữ, nhưng mang một sức mạnh ẩn chứa cũng như sự đa nghi của hắn.

Nhưng Samuel cũng có thể sử dụng đũa với thủ pháp tinh tế. Anh quỳ chân trần trong bộ y phục phương Đông và ăn một ít, ăn nhanh, đủ để thỏa mãn phép lịch sự và sự tính toán để cùng lúc đó thể hiện khả năng kiềm chế của bản thân. Ăn, cũng như ngủ, là một khoái lạc để thưởng thức một cách nhàn nhã vào lúc nghỉ ngơi. Đây không phải lúc thanh thoi; anh muốn Ikeno thấy anh hiểu điều đó.

Anh muốn giữ cho Ikeno bối rối vì những gì hắn biết và những thứ hắn không biết. Hắn nói thứ tiếng Anh vụng về và được dạy dỗ ở trường, nhấn âm một cách khó khăn; Samuel cố tình gọi hắn là bề trên, không dùng tiếng Anh, nhất mực đáp lời hắn bằng thể thức khiêm tốn của người Nhật đối với bất cứ câu hỏi tiếng Anh nào. Anh biết mình ở ngoài phạm vi của những gì bọn họ từng nắm trái: một con voi được dạy nhảy điệu van-xơ, không ai trông đợi gì ở nó hơn cung cách phương Tây và sự vụng về, thế nhưng đã được chỉ dạy bài bản mà chỉ cần nhìn qua là thấy cũng như sự bài bản của bọn họ đối với anh.

Anh sẽ phạm sai lầm, anh biết điều đó. Dojun đã khiển trách anh nhiều lần vì vượt quá giới hạn mong manh của cách hành xử đúng mực, vì khiến bản thân hổ thẹn cùng sự dốt nát Tây phương. Nhưng có thể những sai lầm của anh sẽ có lợi hơn là cư xử đúng mực. Một con chó biết nói rành mạch được huấn luyện có thể làm dấy lên nghi ngờ; một con chó vụng về nhưng hăng hái là một cơ hội sẽ khiến người xem rủ lòng thương cảm.

“Người muốn thề trung thành với ta hửm?” Ikeno có một gương mặt bầu, đôi mắt mềm mại, lông mi như lông mi của phụ nữ, nhưng một chỗ gồ quý tộc trên mũi và đôi lông mày xéch cao tỏ ra sự tàn bạo của những bức tranh Nhật về những võ sĩ xưa. Hắn trông còn trẻ, không già hơn Samuel là bao đối với con mắt của người *haole*. Điều đó có nghĩa hắn khoảng bốn mươi trở lên. “Ta không hiểu ý người.”

Hắn cuối cùng cũng buộc phải nói tiếng Nhật, nhưng giọng hắn tỏ ra khiếm nhã. Samuel cúi chào thật sâu, vờ không để ý đến điều đó. “Cùng lòng kính sợ, kẻ hèn mọn này cầu xin Ikeno-sama ban cho một chút sự chú ý của ngài. Tại hạ không có vật phẩm dâng tặng nào mà ngài cần, một sự nghiệp kinh doanh không mấy to tát và ít ỏi thuyền rò rỉ, nhưng có thể ngài sẽ hạ cố tin dùng những gì tại hạ học được dưới sự dẫn dắt của Tanabe Dojun Harutake.”

“Và có thể ta nên cắt đầu người, nếu Tanabe bảo người tới đây.”

Samuel lại cúi mình, rồi ngẩng đầu và nhìn không chớp vào mắt Ikeno. “Xin thứ lỗi cho hành động vô phép của tại hạ, nhưng tại hạ không được phái tới. Tại họ không còn nợ Tanabe Dojun *giri* nữa.”

“Không ư? Đó không phải điều ta nghe về người. Ta đã nghe người đến nhà hăn, uống *sake* với hăn. Ta đã nghe hăn như một người cha đối với người. Thậm chí lúc này đây hăn sống trong nhà mới của người, và đóng vai người hầu cho vợ người.”

“Với lòng kính trọng, ông ta không phải cha tại hạ. Tại hạ không cùng tên họ hay dòng máu với ông ta.” Samuel nhắc một ngón cái chỉ về phía tóc anh, một cử chỉ chóng vánh của sự nhạo báng. “Cũng như Ikeno-sama có thể thấy bằng mắt ngài đây.”

Ikeno hơi mỉm cười. “Thế mà hăn vẫn thu nhận người. Hăn có thể đã bảo người thủ pháp gọi là *fukurogaeshi*, và phái người tới đây để che mắt bọn ta. Hăn không làm phước cho người rồi. Khi ta gửi thủ cấp của người về lại cho hăn, ta sẽ lộn cái túi từ trong ra ngoài. Có thể đến lúc đó hăn sẽ nhận ra bọn ta không phải *baka*.”

Samuel hạ ánh nhìn xuống. “Ông ta có nhắc đến thuật *fukurogaeshi no jutsu* này với tại hạ. Ông ta không yêu cầu tại hạ thực hành ở đây. Ông ta đã không yêu cầu gì ở tại hạ nữa, ngoài mái che là căn nhà tồi tàn của tại hạ. Có thể—” Anh để một âm vực cay đắng len vào giọng mình. “—Ông ta không nghĩ tại hạ có khả năng hoàn thành nhiệm vụ.”

Ikeno không nói gì. Samuel cảm giác một trong số những người đàn ông khác bước lại gần sau lưng anh.

“Xin cứ độ lượng ra lệnh cho thuộc hạ của ngài vung kiếm,” Samuel khẽ nói, “nếu lời nói vô phép mong được hỗ trợ ngài khiến ngài phật ý.”

“Người sẵn sàng chết rồi chưa?”

“Nếu Ikeno-sama không nghĩ tại hạ xứng đáng làm thủ hạ của ngài, vậy thì tại hạ đã sẵn sàng.”

“Nói dối! Xứng đáng!” hăn gầm gừ. “Ta nghĩ Tanabe phái người tới đây để lừa ta!”

Hăn hất hàm với kẻ cầm kiếm. Trong tiếng rít của lưỡi kiếm, cơ thể Samuel nhận biết ý định của nó; anh nghe tiếng kẻ hành hình thở ra với nỗ lực của cú vung; thanh kiếm chớp lên ở khóe mắt anh, tia sáng chớp lên chạy dọc theo một mặt phẳng ngang.

Anh không di chuyển.

Mọi thứ thật và tế bào trong anh biết, cũng như biết hít thở—sự khác biệt giữa một đòn tấn công với ý định giết người và cú đánh sẽ dừng trong gang tấc. Anh quỳ, thả lỏng khi lưỡi kiếm vung ra, cắt qua cổ áo anh: cái rạt bất chợt của một vết cắt nông và mùi máu để lộ mức độ cận

kề sự hoàn thiện của cú chém.

Khuôn mặt Ikeno không lộ cảm xúc. Hơi quá lạnh nhạt. Sự yên lặng dài sau đó có thể xem là sự thờ ơ, nhưng Samuel lại nghĩ đó là do ngạc nhiên.

Anh cúi chào đến tận sàn, chạm trán lên lưng bàn tay mình. “Lời cảm ơn tôn kính vì đã tha cho mạng sống vô giá trị của tại hạ.”

“Người muốn phản lại sự phụ người.” Giọng Ikeno là một cú tấn công bất chợt. “Ngay cả một con chó còn không phản lại chủ.”

Hàm Samuel rần rại. “Tại hạ đã trung thành.” Với thế quý cứng nhắc, anh tỏ vẻ như thể sắp nói, rồi lại ngừng lời. Rồi với một giọng trầm, sang sảng, anh nói, “Tanabe Dojun đã thử thách tại hạ ở mọi lĩnh vực. Tại hạ không hề làm ông ta thất vọng.”

“Người ở đây.”

“Ông ta biến tại hạ thành trò hề. Ông ta coi khinh năng lực của tại hạ.”

Tiếng vang câu nói của Samuel tắt đi trong căn buồng yên ắng. Có sự giận dữ ẩn sâu bên dưới lớp băng trong anh; anh để bản thân cảm nhận nó; để Ikeno thấy điều đó trong tâm anh. *Giri*—bổn phận đạo đức. Một người đàn ông nợ bổn phận bằng máu đối với sự phụ của mình; nhưng anh ta nợ một *giri* vô cùng mạnh mẽ đối với tên họ của bản thân. Trong hàng trăm huyền thoại xưa của Nhật, những võ sĩ anh hùng lẽ ra phải thực hiện nghi thức *seppuku*—tự rạch bụng theo lệnh của bề trên—quay lại dành cả đời báo thù vì một xúc phạm còn ít ỏi hơn sự khinh miệt và nhục mạ. Đó là thái độ cư xử đúng. Đó là một điều mà Ikeno sẽ hiểu.

“Cơ thể tại hạ vẫn cúi mình trước Tanabe Dojun Harutake,” Samuel nói. “Nhưng trong tâm, tại hạ không có sự phụ. Tại hạ đến với Ikeno-sama mong muốn góp chút sức mọn vào công cuộc đánh ca tụng của ngài. Tại hạ đã trộm khung giá của thanh Gokuakuma ở Luân Đôn, nhưng tại hạ vẫn chưa thể nào tiếp cận thanh kiếm.” Anh bật ra một tiếng cười ngắn, chế giễu. “Ikeno-sama đáng trọng không cần phải đột nhập vào phòng làm việc của tại hạ—tại hạ sẵn sàng dâng khung giá nếu tại hạ biết ngài muốn nó. Đây là *giri* tại hạ nợ tên họ của mình.”

“*Giri* này dưới dạng nào?”

Samuel không nói ngay. Anh nhìn từng người trong số ba gã đứng trong buồng. Ikeno không có hành động nào bảo họ rời đi. Bằng tiếng Anh, Samuel nói chậm rãi, “Dojun-san huấn luyện tôi vì thanh Gokuakuma. Tôi đã yêu thương ông ta. Tôi đã trân trọng ông ta. Tôi đã không thất bại trước bất kỳ thử thách nào. Chưa từng! Vậy mà ông ta quăng tôi sang bên, chỉ vì —” Miệng anh cong lên khinh miệt. “—Bản thân tôi. Không phải *Nihonjin*. Da trắng. Tôi không được trao lòng tin. Ông ta đã nhận một thằng bé—một thằng bé mười bốn tuổi!—thế chỗ tôi, giờ khi đã được phép nhập cư.” Từ từ, anh xoay đầu sang bên và nhổ nước bọt lên sàn. “Tôi sẽ không nhận sự sỉ nhục mà ông ta quăng lên tên họ tôi.”

Một trong số ba người đàn ông gầm gừ, nhưng Ikeno di chuyển bàn tay trong một cử chỉ trấn an. Bằng tiếng Nhật, hắn nói, “Người xác nhận có một vết nhơ trên danh dự của người ư? Ta tưởng đối với một kẻ man rợ thì chẳng có gì quan trọng hơn tiền bạc.”

Samuel đứng lên. Kẻ cầm kiếm đứng sau lưng anh động thủ. Trong một cú đánh về phía sau và thế khóa tay, Samuel kẹp hắn vào thanh kiếm của hắn. Họ đứng khóa chặt tại đó, trong khi Samuel cố tình không di chuyển, chỉ giữ gã đàn ông để nếu hắn nhích người theo bất cứ hướng nào, hắn sẽ bị cứa.

“Ikeno-sama đáng kính.” Samuel thả gã đàn ông, đẩy hắn lùi lại, và quay người với một cái cúi mình đến tận eo. “Thứ lỗi cho đôi tai ngễnh ngãng và đôi mắt không thấy Thái Sơn của tại hạ. Tại hạ đã không nghe thấy câu nói uyên thâm và quân tử vừa được thốt ra.”

Anh thẳng lưng lên. Ikeno trầm ngâm nhìn anh dăm dăm. Samuel nhìn đáp lại từ dưới hai hàng mi rũ xuống của mình, giữ thế đứng cung kính với một thái độ bất chấp có thể nhận thấy.

“Chuyện trợ giúp,” Ikeno hỏi một cách chậm rãi, “mà kẻ man rợ Jurada-san muốn cống hiến đây là gì?”

Samuel nhận thấy tên anh đã được nâng lên hàng kính cẩn. “Ikeno-san đáng kính đang sở hữu khung giá của thanh Gokuakuma. Thứ cần có là thanh kiếm.”

Ikeno nghiêng đầu, thừa nhận sự thật hiển nhiên.

“Dojun biết về vụ trộm khung giá. Ông ta nghĩ những kẻ đi tìm thanh Gokuakuma đang giữ khung giá; ông ta không hề nghi ngờ chính tại hạ đã trộm nó. Ông ta biết ngài hiện diện ở đây, và đoán khung giá đang ở trong tay ngài. Nên ông ta đề nghị đưa thanh kiếm ra khỏi đảo; đến chỗ trú ẩn nào đó.” Samuel nhún vai. “Tại hạ không biết kiếm được giấu ở đây hay ông ta định đi đâu, nhưng tại hạ sẽ biết khi ông ta hành động, và cách thức thực hiện của ông ta.”

“Tanabe tin cẩn người trong chuyện này sao?”

“Ông ta không tin cẩn tại hạ trong bất cứ việc quan trọng nào. Nhưng ông ta lệ thuộc vào lòng sùng kính của tại hạ. Tại hạ hiểu rõ ông ta. Và tại hạ biết đường đi nước bước trên đảo. Tại hạ có thể nói là làm.”

“Có gì đáp lại cho sự góp phần danh dự này?”

“Chỉ việc được thấy thanh Gokuakuma hợp nhất, Ikeno-sama. Được tận mắt chứng kiến điều đó, và biết rằng nó đã thoát khỏi tay Tanabe Dojun, người đã dành cả đời giữ cho thanh kiếm không được hợp nhất—như tại hạ đã dành cả đời để chuẩn bị thế chỗ ông ta...cho đến khi ông ta quyết định thay thế tại hạ.”

“Có thể, trong lúc háo hức trả đũa, người cũng muốn Tanabe thấy điều đó?”

“Không nhất thiết phải như thế. Sẽ rất nguy hiểm. Chỉ cần tại hạ thấy điều đó, biết rõ danh

dự bị vẫn đục của tại hạ đã được khôi phục tương xứng—như vậy là đủ.”

Ikeno gật đầu. “Ta có lời khen ngươi. Khi vũ trụ xoay chuyển, nó phải được cân bằng trở lại. Mưu đồ của ngươi có vẻ là một cách thức trả đũa chính đáng đối với sự sỉ nhục mà ngươi phải chịu.”

Samuel trở lại với cách cư xử trang trọng nhất. “Ikeno-sama đáng kính quá khen khiến tại hạ đội ơn sâu sắc.”

Kẻ thù của anh nhìn anh bằng đôi mắt nghiêm nghị, thông minh. “Lòng biết ơn sâu sắc này thì sao? Sự phụ ngươi đã rèn luyện ngươi thành một người đàn ông. Ngươi nợ ông ta.”

“Tại hạ nợ ông ta. Và ông ta đã tước đi điều kiện báo đáp của tại hạ.”

“*Giri* khó lãnh ngộ nhất là khi hai con đường đều nặng nợ chính nghĩa. Ngươi sẽ làm gì để báo đáp ông ta, Jurada-san?”

Samuel đáp lại cái nhìn không thể dò được của hắn, mắt không hề chớp. “Phản lại Dojun-san là nổi hổ thẹn quá sức chịu đựng. Khi mọi chuyện xong xuôi, khi tại hạ đã trao ngài thanh Gokuakuma...bốn phận của tại hạ là thực hiện những gì danh dự đòi hỏi.”

Ikeno nghiêng người trong cái cúi mình thể hiện sự bình đẳng. “Nếu phải như thế. Đem kiếm về cho ta—rồi ngươi có thể vinh dự dùng thanh Gokuakuma rửa nhục.”

Chương 35

Leda trở nên vô cùng nghi ngại bồn chồn khi họ đến bến tàu nhỏ trải dài như một dải ruy băng xiêu vẹo trên bến cảng im ắng. “Ông có chắc chúng ta đi đúng hướng không? Nó có vẻ xa quá. Chẳng có nhà cửa nào trong tầm mắt cả.”

Đó ít nhất cũng là lần thứ hai mươi cô đưa ra giả thiết họ đã phạm sai lầm nào đó. Không khí ở đây có vẻ bụi hơn, nóng hơn, hàng cây xanh và tỏa bóng râm của thành phố đã nhường chỗ cho lúa nước và những bụi cây khô từ lâu, thi thoảng đây đó xuất hiện cây cọ trông mời gọi như những cái giẻ lau rách nát.

Người đàn ông nhỏ thó nháy khỏi xe và nhắc chiếc bàn từ đuôi xe. “Sửa được ngay! Chỉ phải lên thuyền thôi. Đi thuyền, đến nhanh thoăn thoắt.”

“Thuyền ư?” Leda hồ nghi nhìn con xuồng nhỏ được cột không xa cầu tàu, chỉ ở ngoài khu bùn đọng. Cô xua một con muỗi. “Tôi thật sự không nghĩ mình sẽ muốn đi thuyền đâu.”

“Cách duy nhất đến đó! Đi thôi, Ikeno sửa bàn, cô muốn mà đúng không?”

“Không,” cô nói, chớp lấy quyết định đã len lỏi vào đầu cô trong suốt nửa giờ qua. Cô cầm cương ngựa lên. “Không, tôi nhất định không muốn đi thêm nữa.”

“Không muốn đi à?” Ông ta lắc đầu, rồi toét miệng ra cười. “Vậy tôi đem cái bàn đi vậy. Sửa nó, rồi đem về lại nhà cô tối nay, được chưa?”

Trước khi cô có thể phản đối, ông ta đã nhấc chiếc bàn gãy xuống cầu tàu và cẩn thận đặt nó vào xuống. Leda cau mày. Mới đây cô đã đi đến kết luận mình bị bắt cóc, và tình thế trước mắt có vẻ rất thuận lợi cho cô trốn thoát. Thế nhưng khi người đàn ông có vẻ tử tế thật lòng, theo cung cách của tất cả những người gốc đảo này, và lại hứng thú với cái bàn hơn là cô, thì chuyện nghi ngờ bắt cóc có vẻ có chút cường điệu. Chiếc bàn vô cùng có ý nghĩa đối với cô, tất nhiên, nhưng cô không thể hiểu được nó có khả năng đổi lấy một khoản tiền chuộc đáng kể nào.

Cô cũng nhận ra, khi con ngựa bắt đầu kiên quyết di chuyển đến bụi cỏ gần nhất, rằng cô không giỏi đánh xe. Thật ra, cô chưa từng chạm vào dây cương trước đây nữa. Cô kéo dây, cố gắng ngăn cản công cuộc gặm cỏ, rồi nhận ra cỗ xe đang lùi nhanh về phía mặt nước.

“Này!” cô la to. “Này, này—ngừng lại đi! Ngừng lại!”

Người đàn ông phương Đông nhảy lên cầu tàu. Ông ta chụp lấy yên ngựa ngay khi bánh xe sau chìm vào những gợn sóng vỗ lên váng bùn. Sau khi Leda đã tin chắc muốn ngăn ngựa đi lùi thì nắm chặt dây cương sẽ phản tác dụng, ông ta đã đỡ được con ngựa trở lại bờ.

“Cô tự lái xe về phố à?” ông ta ngờ vực hỏi. “Có thể tốt hơn cô nên đợi ở đây đi.”

Cô gom váy lại. “Nhờ ông cột ngựa lại. Tôi sẽ đi với ông.”

“Tốt đó cô!” Ông ta nhanh nhẹn tháo ngựa khỏi xe và thả nó. Con ngựa ngay lập tức phát đuôi và bắt đầu thông thả quay lại đường họ đã đi.

“Nó sẽ không đi lạc mất chứ?” Leda hoảng hốt hỏi.

“Không, không. Không lạc. Ở lại đó—có cỏ, cô thấy không? Ngựa lúc nào cũng thích cỏ. Cô lên thuyền đi.”

Leda chẳng thấy cỏ đâu cả. Một khắc sau, cô thậm chí còn chẳng thấy con ngựa nào. Chẳng có gì trong tầm mắt ngoài những bụi cây và thân mía cao và hai vết bánh xe dừng lại ở cầu tàu. Mọi thứ đều im ắng, trừ tiếng lách cách loạn nhịp nghe như một trăm đứa trẻ đang đập chảo từ xa. Nó đến cùng cơn gió và vang xa dần, để lại khoảng lặng phía sau.

“Cô lên thuyền đi. Ikeno sửa bàn cho.”

Cô bậm môi. Nhưng người đàn ông phương Đông không ép buộc cô, hay làm bất cứ việc gì sỗ sàng, như những tên bắt cóc hẳn sẽ làm. Ông ta chỉ nghiêng người qua cầu tàu, giữ thuyền

lại gần, cười hăng hái với cô khi ông ta bảo cô cẩn thận bước chân.

Ra khơi được khoảng trăm bộ thì mối nghi ngại của cô trời dậy mạnh mẽ. Cô đã nghĩ người đàn ông này sẽ chèo thuyền đến dải đất liền gần nhất, dễ dàng thấy được ngay bên trái. Thay vào đó, ông ta có vẻ hướng thẳng đến hòn đảo thấp, tách biệt và trông hoang vắng ở ngay giữa hồ. “Chúng ta đang đi đâu đây?” cô gắng hỏi. “Nhất định ông phải nói cho tôi biết ông đang đưa tôi đi đâu!”

Ông ta cứ thoăn thoắt chèo thuyền, không đáp lời cô. Leda ngễnh cổ để nhìn qua sau vai ông ta. Khi họ vượt qua một mũi đất, cột buồm của một con tàu đánh cá xuất hiện, và cô sững sốt nhận ra ông ta đang đi về hướng đó.

“Tôi sẽ nhảy khỏi thuyền cho xem!” cô tuyên bố. “Trừ khi ông quay thuyền lại ngay lập tức!”

“Có cá mập,” ông ta nói ngắn gọn.

Leda hít vào và nhắm mắt. Cô nắm chặt thành xuồng, rồi rút tay lại và để chúng trong lòng. “Ông sẽ không nhận được tiền đâu. Chồng tôi sẽ không trả cho ông một xu nào hết.”

“Nơi này có bà chúa cá mập,” ông ta nói như đang trò chuyện. “Bà ấy tên là Kaahupahau. Dân *kanaka* nói bà ấy sống ở bến cảng này.”

“Kỳ quặc thật,” cô thì thầm.

Cử xử dàng hoàng đi, cô nhủ thầm. Mà không được hoảng sợ. Cô giữ chiếc bàn ngay đầu gối và nghĩ nếu ông ta cố tấn công cô, cô có thể dùng thanh kiếm đẩy lùi ông ta.

Ông ta vẫn tiếp tục tỏ ra hiền hòa, và khi họ đến con thuyền lớn, ông ta gọi to, và có vẻ quan tâm đến việc đưa chiếc bàn lên thuyền an toàn hơn là để mắt đến cô. Cô ngồi trong con xuồng lắc lư trong khi ông ta trao bàn, quá gần với mặt nước có cá mập màu xanh ngọc bích trong đến mức có thể nhìn thấu tận đáy qua thân khảm của con thuyền đánh cá.

Một tiếng hô ngạc nhiên và hoan hỉ vang lên phía trên đầu, rồi ngay lập tức tiếng một cuộc xô đẩy và tràng tiếng nước ngoài bật ra.

Con thuyền lắc lư, cô lo lắng nhìn quanh tìm những vây lưng báo hiệu.

“Leda!”

Giọng Samuel dường như không biết từ đâu vang lên. Cô ngửa đầu lên. Anh đang nghiêng người qua thành tàu, nhìn xuống cô.

“Cảm tạ thượng đế!” Cô gần như nhảy khỏi chỗ ngồi trong con thuyền nhỏ, nhưng sự tròng trành dữ dội khiến cô vội ngồi lại. “Samuel!” Cô để tay lên cổ vì nhẹ nhõm. “Ồ, Samuel—cái gì—có phải đây là một buổi tiệc bất ngờ không ạ? Trời đất ơi, ngài gần như—”

“Ở yên đó,” anh rít bằng giọng nói gần như khó mà hiểu được.

“Có cá mập ở dưới này,” cô phản đối, nhưng anh đã biến mất khỏi thành tàu. Cô nghe anh nói tiếng Nhật, giọng nói lạnh lạnh và khẩn cấp, rồi một câu trả lời từ ai đó.

Hai người đàn ông phương Đông xuất hiện ở thành tàu và hạ một dây thang nhỏ xuống. Họ nhìn cô trông đợi. Khi cô do dự, một người lên tiếng nói với cô, rồi ra hiệu cho cô leo lên.

“Samuel?” cô hỏi một cách ngập ngừng.

Một người đàn ông thứ ba nhìn xuống. “Vợ Jurada-san, bà hãy lên đây. Chúng tôi rất biết ơn bà.”

Leda cảm thấy khá bối rối. “Biết ơn?”

“Đây là Ikeno,” người đàn ông phương Đông nói, giữ con thuyền gần với dây thang. “Cô lên đi.”

“Tôi rất lấy làm tiếc. Ông Gerard bảo tôi ngồi lại trong thuyền.”

Người đàn ông quay lại nói ra sau lưng. Sau một lúc, cô nghe tiếng Samuel. “Cứ làm như ông ấy bảo. Mọi thứ ổn cả.”

Giọng anh—không giống thường ngày. Cô tóm váy và nhẹ nhàng, ngập ngừng nắm lấy dây thang, nhắc người lên. Với sự giúp đỡ của người đàn ông nhỏ thó và những người bên trên, và chỉ có duy nhất một khắc kinh khủng khi cô mắc chân vào váy và con thuyền trông tránh nghiêng ngả, cô lên tới boong và hít sâu đầy nhẹ nhõm. Người đàn ông bên dưới đập mạnh hai lần vào thân tàu, gọi với lên “Aloha,” rồi đẩy thuyền ra xa, khua mái chèo.

Samuel đứng chân trần trong bộ đồ trắng, với một vết máu đáng sợ sứt trên cổ áo. Cô gần như vấp lên chiếc bàn vì nhẹ nhõm khi cô đi về phía anh. Một người đàn ông phương Đông đang cầm thanh kiếm nằm bên trong chân bàn. Một người khác cầm một thanh kiếm hoàn tất, đủ cả chuôi. Dường như không có một phu nhân nào hiện diện.

Cô ngừng chân. Cô cắn môi. Giọng thật nhỏ, cô nói, “Có phải—lẽ nào—là một buổi tiệc hóa trang?”

“Em làm tốt lắm, Leda. Hành động đúng đắn. Tôi cảm ơn em.” Samuel nói một cách kỳ lạ, nhấn mạnh và chậm. Rồi anh nói thêm, không một cảm xúc. “Đây là chuyện kinh doanh, Leda, hãy làm những gì tôi bảo. Ngay lập tức. Đừng cãi lời. Người kia biết chút tiếng Anh nhưng khi chúng ta ghép từ ông ta sẽ không hiểu. Vì lòng kính Chúa, hãy làm những gì tôi bảo.”

Thật kỳ quặc khi nghe anh nói rõ cô đã làm tốt, rồi những điều nhấn mạnh như thế bằng một giọng hoàn toàn lạnh đậm. Cô nuốt xuống, rồi cúi đầu. “Ồ vâng. Tất nhiên. Em đã khá sợ đây không phải một buổi tiệc hóa trang.” Cô nhìn lên anh. “Ngài có bị thương không?”

“Không.” Anh mỉm cười, rồi gật đầu như thể đang khen ngợi cô. “Nói cho tôi biết làm thế nào em đến được đây với thanh kiếm đó.”

“Ồ, thanh kiếm ạ? Thanh kiếm này ư? Samuel, em vô cùng lấy làm tiếc vì đã làm gãy chiếc bàn cô dâu của ngài! Em chỉ muốn làm như Ông Dojun khuyên, và đem nó từ nhà phu nhân Ashland về nhà chúng ta như truyền thống của người Nhật—để chúng ta có một hôn nhân tốt đẹp, và ngài sẽ biết em tôn kính và trân trọng ngài, nhưng rồi vợ Manalo bỏ anh ta, và anh ta say bí tỉ, và anh ta làm gãy nó, rồi ngủ gật, rồi mọi chuyện hỏng hết!”

“Bàn cô dâu?” anh lặp lại một cách kỳ lạ.

“Vâng, ngài biết đó—là chiếc bàn này mà ngài đã làm cho phu nhân Tess, chiếc bàn mà một cô dâu sẽ tự tay đem về nhà mới—ngài đã quên rồi sao? Hano—hana—gì đó. Nó bắt đầu bằng chữ ‘h’ trong tiếng Nhật. Nhưng nó bị gãy! Điều đó có phải là bất hạnh không ạ? Em định sửa nó—em đang định tìm người sửa nó. Người đàn ông nhỏ thó đó đột nhiên xuất hiện—ông ấy có phải là bạn của ngài không? Ông ấy nói ông Ikeno có thể sửa và không có ai thấy được sự khác biệt. Ông Dojun bảo em rằng ngài sẽ vui lòng khi thấy em đem chiếc bàn về Biển Nổi, nên em đã làm. Hay đúng hơn là em đã cố—”

“Chúa ơi.” Câu đó là một tiếng gầm gừ. “*Dojun* lôi em vào chuyện này?”

Leda liếm môi, nhận thấy không ai cử động, thế mà mọi người lại nhìn cô với một vẻ căng thẳng. “À thì, ông ấy gợi ý em đi lấy bàn về. Nếu không thì em đã không biết.”

Samuel nhắm mắt. Trong một khắc sự phẫn nộ như điện giật hiển hiện trong anh, nó gần như phóng xuyên qua cô như một con sóng của hơi nóng và băng lạnh. Anh mở mắt, khuôn mặt không để lộ cảm xúc, và quay khỏi cô. Cúi mình về phía ông Ikeno, anh nói tiếng Anh một cách từ tốn. “Tanabe Dojun lại xem tôi là một gã khờ lần nữa,” anh nói, sự căm phẫn nhấn mạnh ở từng từ. “Vợ tôi là một người khờ khạo và thấp kém, chỉ có ý nghĩa với tôi mà thôi. Còn về hành động đem thanh kiếm đến, không việc gì có thể đáng ngạc nhiên hơn. Hành động đúng là không ra gì, nhưng xin hãy nhận lấy lợi ích mà nó đem lại.”

Dù câu vu khống của Samuel có vẻ hơi quá lời, nhưng Leda cho rằng vì cô làm gãy chiếc bàn, lúc này anh không đánh giá cao cô. Cô nhìn sang ông Ikeno, và thấy ông ta đang nhìn mình.

Ông ta cúi mình. “Vợ Jurada-san.”

Đôi mắt lạ của ông ta, đen và không chớp, khiến cô thấy không thoải mái hơn hẳn ông Dojun. Cô hơi mỉm cười và gật đầu. “Chào buổi chiều. Tôi rất vui được gặp ông.”

“Chúc mọi sự tốt lành,” ông ta nói. Rồi bất chợt ban một mệnh lệnh, và một trong số đoàn tùy tùng của ông ta cúi đầu bước vào cửa thấp của buồng đơn trên boong. Một lúc sau, người đàn ông trở lại cùng một cái hộp dẹt tráng men và một cái túi có hình dạng và kích thước trông vô cùng quen thuộc với Leda. Ông Ikeno nhận lấy túi và rút ra món vũ khí bên trong—thanh

kiếm nghi lễ có cán hình chim vàng và ngọc trai khảm vào sơn mài đỏ, một thanh gươm mà Leda sẽ nhận ra dù có không nhìn thấy nó qua nhiều thập kỷ.

Cô nhìn lên Samuel, nhưng anh chỉ nhìn ông Ikeno và thanh kiếm. Những lo ngại hốt hoảng rộn lên trong đầu cô: rằng anh đã trộm món quà lễ Jubilee để bán cho ông Ikeno, rằng anh là một gián điệp hay một kẻ phản quốc hay một tên trộm hèn hạ.

“Làm sao vợ Jurada có được?” Ông Ikeno gật đầu về phía thanh kiếm từ chiếc bàn gãy và nhìn cô.

“Nó nằm trong—cái chi.” Cô thấy mình vẫn không thể nói ra bất cứ điều gì lố mãng như “chân”, dù là với một người nước ngoài.

“Thứ lỗi, phu nhân-san. Cái tri?”

“Chi. Chân! Phần này đây. Nó ở trong phần này, như ông có thể thấy.”

“Thấy, vâng. Bà có biết là bên trong không, phu nhân-san?”

“Tôi không biết. Nó gãy, và tôi thấy thanh kiếm.” Cô chống lại thôi thúc cắn môi. Với những người ngoại quốc trông nguy hiểm này, cô không biết nên nói gì, “Nên—nó đây!”

Ông Ikeno nhìn sang Samuel. “Ông không ngu, hy vọng qua mặt tôi bằng một thanh kiếm giả, phải không?”

Samuel nhìn ông ta dăm dăm, không nhúc nhích.

Ông Ikeno ra hiệu về phía boong tàu, và một cái chiếu bện được trải ra dưới chân ông ta, cái hộp được đặt đúng trung tâm, bên trong là miếng vải gấp lại, những hũ có nắp đậy, và những dụng cụ nhỏ được đặt ra theo một thứ tự ngay ngắn. Với vẻ nghiêm trọng, ông Ikeno quỳ xuống và đặt khung kiếm vàng lên chiếu. Ông ta hơi rút chuôi kiếm ra. Chọn một đồ vật trông như một cái cuốc gỗ từ chiếc hộp, ông ta gõ nhẹ vào một chỗ trên chuôi. Một cái ghim nhỏ rơi xuống chỗ vải gấp.

Rồi ông ta rút hẳn thanh kiếm cùn ra khỏi vỏ và dăm nhẹ nắm tay vào bắp tay mình. Lưỡi kiếm vốn dĩ đã lỏng lẻo rời hẳn ra. Ông ta rút nó khỏi chuôi và quăng miếng thép cùn đó qua thành thuyền.

Khi tiếng tùm tan đi, người đàn ông cầm thanh kiếm khắc hình bước tới trước, dăng nó với một cái cúi mình sâu. Ông Ikeno nhận lấy thanh kiếm, cầm tay ở phần trên mép lưỡi cắt. Ông ta dựng đứng nó lên và khớp chuôi với thanh kiếm. Nó có vẻ không phù hợp. Lưỡi kiếm chỉ vào được nửa chừng, không vừa với chuôi kiếm.

Ông Ikeno nhìn lên Samuel.

Leda chưa từng nhìn thấy sự bất động trên mặt chồng cô như sự bất động không thể hiểu

được lúc này.

Người đàn ông Nhật lại nhìn xuống thanh kiếm. Ông ta nắm chặt chuôi và đập phần cuối chuôi vào lòng bàn tay để mở. Thanh kiếm rung rinh, rồi khốp vừa vặn vào vị trí.

“Iza!” Tiếng la nhẹ của ông Ikeno dường như phá vỡ không khí nặng nề. Những người đàn ông quanh đó di chuyển và thì thầm, cười toét miệng.

Ông Ikeno nghiêng người trên chuôi kiếm và gắn cái ghim trở lại vị trí. Ông ta nhắc thanh kiếm lên cao trong ánh nắng. “*Banzai!*”

“*Banzai!*” Tiếng hô của những người khác vọng lại trên vịnh vắng.

“Giờ chúng ta về nhà được chưa?” Leda hỏi.

Samuel mỉm cười. “Nghe tôi này, Leda,” anh nói vẻ hài lòng, cùng tràng tiếng Anh trôi chảy mà anh đã bảo ông Ikeno sẽ không hiểu, “không nhất thiết chuyện gì xảy ra, em hãy làm như tôi bảo. Em hãy cúi chào người đàn ông này, rồi cúi chào tôi.”

Cô do dự, rồi làm theo lời anh, bắt chước động tác mà cô đã thấy anh và ông Dojun làm hàng trăm lần.

Ông Ikeno không để tâm đến cô. Ông ta nhìn Samuel và gật đầu, thanh kiếm cầm ngang ngực, vai gồng cứng. “Đây phu nhân Jurada, cầu Kwannon phù hộ. Có thỉnh cầu gì cứ nói, Ikeno sẽ thực hiện. Tương lai, phu nhân-san không một mình chùng nào Ikeno còn sống.”

“*Sumimasen,*” Samuel nói. “Vì điều này, món nợ của tôi sẽ không thể nào trả nổi.” Anh nhìn Leda, và cô nhớ lại phải cúi chào anh. Nhẹ nhàng, trước khi cô ngẩng đầu lên, anh nói trong một giọng líu nhíu và âu yếm, “Leda, khi tôi bảo em, ngay khi tôi bảo em, em rời khỏi thuyền này ngay. Xuống nước.”

Cô lập tức thẳng người. “Ngài nói gì ạ?”

“Cứ làm như tôi bảo. Dù có chuyện gì xảy ra.” Miệng anh rắn lại. “Dù có chuyện gì xảy ra.”

“Nhưng—”

“Im lặng!” Anh đột ngột sai bước đến chỗ cô, đẩy dúi vai cô vào thành tàu, xoay lưng lại với những người khác. “Nghe tôi đây,” anh nói một cách dữ dằn qua hàm răng nghiến chặt, “Tôi đang bảo em rằng nếu em không làm như tôi bảo, em sẽ không còn mạng để về nhà, và tôi cũng thế. Đây không phải tiệc hóa trang. Nếu tôi bảo em nhảy qua thành thuyền, em sẽ làm. Hiểu chưa?” Anh nắm cổ áo và lắc cô. “Giờ—em khóc đi. Làm ngay đi!”

Leda đã sắp sửa nức nở vì sững sốt. Cô không hiểu; những gì anh nói chẳng có ý nghĩa gì cả. Cô nhắm nghiền mắt rồi mở chúng ra. “Samuel—”

“Bọn họ không thể rời đi được cho đến khi thủy triều lên lại. Bốn tiếng. Không nhất thiết có chuyện gì xảy ra, Leda. Nhảy ngay vào nước khi tôi bảo em. Hãy làm như tôi bảo không nhất thiết có chuyện gì xảy ra.”

Nước mắt của sự hoảng sợ thật sự bắt đầu ngập trong mắt cô. “Chuyện gì sẽ xảy ra?”

Anh làm một âm thanh thô lỗ rồi quay đi. Anh đối diện ông Ikeno, lưng thẳng, vết máu trên cổ áo thấm lại trên vải lạnh mịn. “*Yoi shiyo.*”

Người đàn ông Nhật đáp lại cũng bằng thứ tiếng ấy, phác một cử chỉ về phía thanh kiếm và bản thân ông ta. Samuel ngập ngừng, rồi nghiêng đầu, như thể đồng ý với một quyết định.

Ông Ikeno ra lệnh cho người của ông ta. Thái độ của mọi người đã trở nên nghiêm trọng, mọi cử động đều có mục đích. Một cái chiếu khác được đặt trước cái chiếu khi nãy, một thanh kiếm thứ hai, ngắn hơn với chuôi không trang trí được đặt lên đó. Samuel quỳ ngay mũi của thanh kiếm thứ hai, một động tác gập người thanh thoát. Anh chạm trán lên lưng bàn tay trên chiếu rồi thẳng người.

Ông Ikeno cũng quỳ. Ông ta ngồi đối mặt với Samuel, và cầm thanh kiếm ngắn hơn. Với sự cân nhắc theo nghi thức, ông ta rút lớp vỏ và để lộ thanh kiếm từ cái cán như ông ta đã làm với thanh kiếm kia. Ông ta lau lưỡi kiếm bằng một miếng vải, chậm chạp, trong yên lặng, âm thanh duy nhất là tiếng vỗ nhẹ, chan hòa của những con sóng lăn tăn lên bờ cát.

Leda không chắc mình thích thấy cảnh này. Cô quan sát ông Ikeno phủ một lớp áo như bột lên thanh kiếm, để lại một cuộn bụi mỏng. Với một miếng vải khác, ông ta lau lớp bột đi, thậm chí còn chậm rãi hơn, cẩn trọng hơn.

Thanh thép đã được lau sạch sáng loang loáng. Ông Ikeno lật đi lật lại nó trong tay ông ta, ngắm nghía. Rồi ông ta đưa nó ra, chuôi hướng về phía Samuel.

Leda bám vào thanh chắn thép của con thuyền đánh cá. Hai má cô cảm giác nóng. Chiếc mũ rơm mùa hè không đem lại chút bóng râm nào từ mặt trời giữa trưa. Samuel không đội mũ; tóc anh bắt lấy màu nắng, tập trung ánh sáng lại khi thanh kiếm trong tay anh phản chiếu ánh mặt trời dọc theo chiều dài của nó. Anh ngắm nghía nó, quan sát lưỡi kiếm, và rồi đưa lại cho ông Ikeno.

Samuel ngồi bất động trong khi người đàn ông Nhật đổ dầu vào một miếng vải và thấm lên thanh kiếm một cách cẩn thận như lúc ông ta lau nó. Ông ta tra kiếm lại vào chuôi và đặt lại lên chiếu mà không đút vào bao, điểm nhọn hướng về phía Samuel.

Rồi ông ta nhắc thanh kiếm có chuôi vàng và lặp lại cùng một nghi thức.

Leda hít vào. Họ sẽ có một trận đấu kiếm. Cô có thể thấy đây là một kiểu nghi thức chuẩn bị. Tim cô đập thành thịch trong cổ họng. “Samuel,” cô nói trong một giọng run rẩy. “Em muốn chúng ta về nhà.”

Ông Ikeno nhìn lên cô, như thể một con mòng biển vừa lên tiếng. Ông ta ngừng lau kiếm.

Trong một lúc, Samuel chỉ im lặng. Rồi anh nói với ông Ikeno, “*Gomen nasai.*”

Ông Ikeno cầm thanh kiếm dài. Ông ta gật đầu, “*So.*”

Samuel tra thanh kiếm ngắn hơn vào bao, đặt nó xuống, đứng lên và bước lại chỗ cô. Anh chạm vào cánh tay cô và nghiêng tới gần tai cô. “Chúng ta không thể về nhà. Nghe tôi đây, hãy làm những gì tôi bảo em; đó là tất cả những gì tôi yêu cầu.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra?”

Anh đặt đầu ngón tay lên má cô. “Xin em đấy, Leda.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra?”

Anh chỉ nhìn vào mắt cô. Leda nuốt khan, cổ họng khô đắng, hoảng sợ. Cô nắm lấy áo khoác của anh.

“Samuel—em không đồng ý đâu! Em không chịu đâu.”

“Em có yêu tôi không?”

Môi cô há ra. “Có!”

“Vậy thì trông cậy vào tôi. Làm những gì tôi bảo. Khóc nếu em muốn, hét lên nếu em muốn. Chỉ cần lắng nghe những gì tôi bảo và làm theo.”

“Đây đúng là ác mộng.”

Anh vuốt ngón tay xuống quai hàm cô. “Tôi yêu em, Leda. Đừng quên.”

Cô nhìn không chớp lên cổ áo thấm máu của anh. Cổ họng thít nghẹn vì sợ. Miệng cô mở ra trong câu phản đối không thốt lên được.

Anh thoáng mỉm cười. “Và đừng quên hít thở nhé.”

“Samuel! Nếu có chuyện gì xảy ra cho ngài—!”

“Đừng quên,” anh thì thầm.

Samuel bỏ cô lại. Anh đối diện với Ikeno và thanh *harakiri-gatana* ngắn, không một điểm nhấn, với lưỡi đôi và chuôi kiếm như đũa bằng tay được bọc trong dải lụa đen. Anh quỳ xuống, một cái cúi chào đúng thể thức, rồi tập trung chú ý vào thanh Gokuakuma.

Ikeno trao anh một vinh dự lập lòe: *kaishaku*, khi nhận làm người trợ lực cho anh, đóng vai người thân cận, kết thúc nghi thức rạch bụng bằng thanh kiếm quý. Để miễn cho Samuel sự

đầu đòn của hành động tự sát, và bảo toàn nguyên tắc cao thượng—khi anh nắm lấy thanh kiếm và đâm thẳng nó vào người, Ikeno sẽ chặt đầu anh.

Đó là một hành động nhân đạo, và một giả định ngầm rằng một người phương Tây sẽ không thể đi đến tận cùng của nghi thức; sẽ không có được kỷ luật để rạch bụng từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, rồi đâm kiếm thẳng vào cổ họng mình, như một kiếm sĩ thực thụ.

Samuel nhìn hai bàn tay đang lau thanh Gokuakuma. Hai bàn tay âu yếm, như một người mẹ vuốt ve con mình, chà miếng vải để trả lại sự thanh khiết cho lưỡi kiếm. Ikeno không vội. Một thanh kiếm Nhật được đánh giá bằng cách đếm số lượng thân thể quân thù mà nó có thể chặt chỉ bằng một cú vung. Thanh kiếm này, đã không được sử dụng trong hàng thế kỷ, sẽ được kiếm chứng trên người Samuel.

Ikeno ra soát thanh Gokuakuma đến từng gang tấc. Hắn ta trưng lưỡi kiếm cho Samuel, để anh được nhìn nó mà không được chạm vào nó, được đánh giá lưỡi kiếm bén ngọt và mặt thép bóng loáng không bị gỉ, sáng không vết rạn trong một vầng hào quang khiến hình *tengu* khắc trên đó như sống dậy, khiến cái mỏ và vuốt của con quỷ như quần quai khi thanh kiếm rung.

Samuel cúi mình cảm tạ. Ikeno đặt thanh kiếm vào chuôi vàng và đẩy thanh ghim vào vị trí. Ông ta tra thanh Gokuakuma vào bao và đứng lên, đứng vào vị trí sau lưng Samuel.

Trong đầu anh, Samuel niệm *kuji*, và gọi lên sức mạnh của chín biểu tượng mà tay anh không xếp thành hình. Anh lắng nghe mà tai không nhận thấy động tĩnh, cảm nhận mà chẳng hấp thụ một yếu tố nào, và hít thở trong khoảng không, cho đến khi chẳng còn điều gì ngoài đất, nước, lửa, gió, và thanh kiếm tầm thường trước mặt anh.

Thời gian, và thanh kiếm. Thời gian vô tận.

Trăng rọi lên mặt nước, và làn nước trôi qua, cứ trôi, trong khi hình ảnh mặt trăng không hề di chuyển.

Thuyền dập dềnh trên con sóng đổ tới, rồi gặp chỗ ngoặt, đường chân trời dần lướt qua.

Anh nghĩ, rồi chẳng nghĩ, về Leda. Về Dojun.

Cứ như đang khép mắt lìa đời, *zanshin*.

Bài ca xưa cũ đến với anh, bài ca đầu tiên, bài ca của cá mập.

Và vào một lúc nào đó trong khoảng thời gian vô tận, anh nghe tiếng chuông không có nhạc điệu. Một hồi. Hai. Ba.

Leda, anh nghĩ. *Leda*!

Anh đưa tay ra và nhắc kiếm.

Chương 36

Leda cảm thấy một giọt mồ hôi trượt từ gáy xuống cổ áo mình. Đã qua hàng giờ—cô biết đã qua hàng giờ, vì cô quan sát ông Ikeno đứng sau lưng Samuel, hai tay nắm chuôi và vỏ thanh kiếm màu đỏ vàng, bóng ông ta kéo dài ra, trườn qua boong tàu với sự chậm chạp không thể ước đoán khi con thuyền xoay đầu.

Mọi người đều chờ đợi. Nó như một giấc mộng. Tất cả sự im lặng, sự im lặng không có điểm dừng, nơi này, những người đàn ông này; Samuel, với cổ áo thấm máu và hai thanh kiếm phản chiếu ánh nắng và trở thành màu vàng và bạc và màu thép.

Vì đây là một giấc mộng nên cô không di chuyển khi cô để ý thấy cái bóng lượn lờ bên dưới thanh chắn và con thuyền. Rồi cô hơi xoay đầu lại, không muốn rời mắt khỏi Samuel. Cái bóng lại lượn lờ trôi qua.

Cô giật người.

Cơ thể cô như đã đánh mất từng li can đảm, sự can đảm đã giữ cô yên vị. Cô co giật một lần, khắp cả người, rồi đóng băng. Tầm mắt cô tối lại.

Thở đi.

Cô hấp tấp hít không khí. Rồi cô quay thẳng lại đằng sau và nhìn xuống—và nó hẳn phải là một giấc mơ. Nó là một giấc mơ gợn guốc, không hình dung nổi, một cơn ác mộng đen tối dài gần bằng con thuyền đánh cá, di chuyển theo dòng nước và chậm lại, lúc thì húc mũi vào thân thuyền, lúc thì lặn xuống dưới, và giờ đang biến mất dưới đáy nước bằng một cái quẫy đuôi đột ngột.

Cô mở miệng. Không một âm thanh nào bật ra. Cô bắt đầu khóc lặng lẽ, nhìn lại những người khác dường như chẳng để tâm đến việc gì ngoài Samuel và ông Ikeno.

Qua sự tĩnh lặng, cô nghe tiếng chuông nhỏ, tiếng leng keng không một giai điệu từ bờ trồng lúa—một âm thanh thể tục dường như chẳng phù hợp vào đâu. Cô có cảm giác như đang mơ, như thể cô đang cố gào lên mà không thể cử động, mọi chuyện xảy ra như mật ong chậm chậm đổ ra từ một cái hũ.

Cô thấy Samuel cúi mình trước thanh kiếm trên chiếu. Với một tiếng gió rít, của một tiếng niệm thì thầm, ông Ikeno rút kiếm.

Ông ta dạn chân và nhắc chuôi kiếm vàng, nắm chặt trong hai bàn tay. Thanh kiếm nuốt lấy ánh mặt trời, sinh ra một giọt lửa ở đỉnh nhọn.

Hình ảnh đó bất động trong mắt cô. Cô nhìn không chớp vào hình ảnh chói lòa của thanh thép lơ lửng trên đầu Samuel.

Không, cô nghĩ. Không!

Cô nghe một tiếng thét: cảm thấy những bàn tay mạnh mẽ nắm cánh tay cô, giữ cô lại; cô thấy Samuel nhắc thanh kiếm khỏi chiếu. Anh nâng nó lên bằng một bàn tay.

Khi anh đâm nó về phía mình, thanh kiếm trên đầu chém thẳng xuống.

Và tiếng thét là tiếng của cô: *không, không, không!*

Cơ thể Samuel ngã rạp như một hình nộm không xương, như một con ngựa cô từng thấy bị chết trên đường. Ông Ikeno rơi mạnh lên người anh, và Samuel đã chết, bị giết hại, đổ xuống boong tàu cùng kẻ ra tay hạ sát anh, nhưng anh đang hét lên bảo cô, *đi ngay, nhảy xuống nước ngay!*

Xuống nước.

Samuel lăn người thoát ra cùng hai thanh gươm trong tay. Anh xoay người, đá bàn chân vào cằm Ikeno với một lực mạnh đến mức người đàn ông kia bay lùi ra sau, đầu đập mạnh vào tường buồng đơn. Thủ hạ của ông ta thả tay cô, nhảy bổ tới một ngọn giáo có móc nằm trên boong.

“Leda!” Samuel hét lên. “*Đi đi!*”

Giọng anh là một tác nhân hữu hình, một lực đẩy cô đi. Cô nắm lấy thanh chắn rồi nhìn xuống, và ở kia là con cá mập đang bơi ra từ bên dưới thân tàu, trời lên khỏi mặt nước là một cái vây lưng khủng khiếp.

Khi cô quay lại, Samuel đã tránh được mũi nhọn của ngọn giáo bởi một bước xiên, vượt khỏi tầm với của cái móc. Anh dùng chiếc cán kiếm giản dị đập lên bàn tay của kẻ tấn công anh và thúc khuỷu tay ngược lên từ dưới cánh tay hắn, tấn gối vào xương bánh chè với một lực mạnh đến mức Leda nghe tiếng xương gãy. Người đàn ông chịu đau mà không phát ra một tiếng, tạt ngang cái móc trong khi đổ rạp xuống. Cú vung dữ tợn đó phát ra một tiếng rít gió trong không trung. Nó xé rách má Samuel, một đường màu đỏ nổi lên ngay tức khắc.

Anh nhanh nhẹn lùi lại, như một con mèo té khỏi cây. Thanh kiếm ngắn của anh di chuyển chớp nhoáng, cắt những ngón tay rớt khỏi ngọn giáo khi người đàn ông bị thương lật người tránh, bắn máu vương vãi khi Samuel đá ngọn giáo qua thành tàu.

“*He mano!*” Một tiếng la khác vang vọng qua mặt nước. Một người Nhật chắn đường Samuel, trong khi kẻ khác tung một cái lưới đánh cá. Ông Ikeno nhòe dậy, loạng choạng tựa vào tường cabin. Ở đằng xa Leda thấy một chiếc xuồng bản địa, mái chèo đang khua, hướng về phía thuyền đánh cá với một đường lằn lan rộng phía sau trên mặt nước yên tĩnh. Vây lưng của con cá mập biến mất, để lại vệt nước của riêng nó, một đường lượn cong rồi biến mất tăm khi con cá mập quay sang hướng khác.

Samuel lùi lại tránh xa những kẻ người Nhật và móc một chân qua thanh chắn. Leda hét lên

khi anh nhào người ra ngoài, nhưng anh không nhảy; anh tránh cái lưới quăng về phía mình, đu lên thanh chắn bằng tay và chân. Cái lưới trượt qua mà không bắt được gì, những quả cân va lách cách vào thanh chắn bằng kim loại. Khi anh xoay lại, anh thả một cánh tay và chém mạnh thanh kiếm dài lên cổ chân và khuỷu chân của người đàn ông gần nhất, phơi bày cả thịt và xương. Người đàn ông loạng choạng và đứng lại, nhưng chân hắn khuỵu xuống khi cố gắng bước tới.

Samuel bật người lên, cưỡi lên thanh chắn cùng chuôi kiếm vàng trong tay. Máu loang khắp nửa mặt anh, vẫn còn ứa ra từ vết rạch; máu của những kẻ tấn công anh lổm đổm trên hai chiếc chiếu và dậy mùi trong không khí. Anh hét bằng tiếng Nhật, và người đàn ông cuối cùng bất chợt khựng lại, người cuối cùng còn chưa bị thương.

“*He mano! He mano!*” Tiếng quát tháo của câu cảnh báo hốt hoảng đến từ chiếc xuồng. “*Auwe, Haku-nui! Đứng! Đứng nhảy!*”

Leda nhận ra Manalo và ông Dojun trong chiếc xuồng, nhưng cô không có thời gian để nghĩ về chuyện đó. Ông Ikeno phóng về phía cô. Cô bật lùi lại tránh, nhưng ông ta bắt được cánh tay cô, kéo cô lại. Thanh chắn va mạnh vào hông cô. Mũ rơm của cô bay mất. Chân cô rời khỏi boong tàu.

Ông ta đẩy dúi cô, và cô ngã ngửa trên thanh chắn đến mức cô thoáng thấy mũ của mình xoay xoay rơi xuống nước.

Ông Ikeno giữ cô như thế bằng một cánh tay, ngón tay cô trượt trên thanh kim loại tròn, một tiếng thét nghẹt lại trong cổ. Rồi ông ta kéo cô thẳng lại chỉ vừa đủ để hai bàn chân vung vẩy điên cuồng của cô không chạm được boong tàu.

Samuel đang nhìn họ không chớp, thở hào hển. Con xuồng va vào thân thuyền bên dưới anh.

Ông Ikeno lên tiếng. Giọng ông ta nhẹ nhàng, nhưng Leda thở hổn hển khi nắm tay ông ta xiết chặt lại. Cô không thể ngọ nguậy chút nào khỏi nắm tay thô bạo đó. Và ông ta lại đẩy cô lần nữa; ngã cô ra sau để nếu ông ta thả cô ra, cô sẽ ngã lộn đầu qua thanh chắn xuống nước.

Cô cố quặp tay vào ống tay áo của ông ta, quanh cánh tay ông ta, móng tay cô bấu vào bất cứ thứ gì cô có thể với tới. Chân cô chạm được vào boong tàu nhưng trượt không cầm lại được, rồi đánh mất cả sự tiếp xúc đó. Chỉ có nắm tay của ông Ikeno giữ cô thăng bằng.

“*Fuka!*” Samuel rống lên. “*Same!* Người có thấy không Ikeno? Đó là cá mập của ta.” Anh đâm thanh kiếm qua thắt lưng của mình và nhảy khỏi thanh chắn. “Ta đã gọi nó!” Anh nghe như đã mất trí, hét thật to bằng cả tiếng Nhật và tiếng Anh. Anh đâm lên ngực mình bằng nắm tay. “*Boku-no, Ikeno, wakarimasu ka?*”

Bất chợt anh vung thanh kiếm chuôi vàng vào thủ hạ của Ikeno. Mục tiêu của anh nhảy lên cao, một cú phóng người xuất sắc lẽ ra đã tránh được thanh kiếm, nhưng Samuel đã ngừng lực

chém ngay giữa chừng, và người đàn ông kia đáp xuống mặt đất với thanh kiếm chĩa thẳng vào cổ họng. Khi hắn ngã người ra sau nhờ lực đỡ của thanh chắn, Samuel gạt chân hắn, để hắn loạng choạng trên thanh chắn một lúc như Leda khi nãy.

Gã đàn ông nâng hai chân lên cao rồi hạ xuống, bật qua thanh chắn như một người diễn xiếc. Hắn nắm lấy thanh chắn bằng hai tay, chân đu đưa trên mặt nước.

“*Onaka ga sukimashita ka!* Có đói không cá mập?” Samuel bỏ lưỡi kiếm thẳng lên thanh chắn thép. Nó vang vọng như tiếng chuông. Leda cảm nhận được sự rung động dưới ngón tay cô. Anh lại đập lên đó lần nữa. “Lại đây, *fuka!* Ta sẽ đưa thức ăn cho!”

“Ông *lolo* rồi hả?” Manalo hét lên từ cái xuồng. “Đừng gọi cá mập!”

“Nó sẽ không hại tôi. Hay những gì là của tôi.” Anh phất ngang thanh kiếm trên hai bàn tay của gã đàn ông đang treo lơ lửng, suýt nữa là cắt vào chúng. “Nó có thể ăn cái này nếu tôi quăng cho nó.”

Ông Ikeno gào lên, vội vã và trầm đục bằng ngôn ngữ của ông ta. Leda khẽ ré lên và vùng vẫy tìm điểm tựa khi ông ta đẩy cô nghiêng hơn nữa qua thanh chắn.

Samuel lùi lại, để cho gã đàn ông kia trèo lên khỏi thanh chắn. Cùng lúc đó, ông Dojun từ chiếc xuồng nhảy lên boong.

Ông Ikeno giữ cô nghiêng ở một góc đầy nguy hiểm, gọi to bằng tiếng Nhật.

Samuel đứng yên giữa boong thuyền và chiếc chiếu thấm máu. Anh cúi xuống nhặt vỏ bao màu đỏ và soạt thanh kiếm vào bao.

“Ikeno-san! Dojun-san!” Anh đưa thanh kiếm lên cao, hét lên. “Ai muốn nó nào?”

Không có ai cử động; không một ai lên tiếng.

“Dojun-san! Người thầy, sư phụ, người bạn của tôi! *Bạn* của tôi!” Giọng nói điên tiết của anh vọng lại từ hòn đảo và mặt nước. “Đây là kiếm của thầy, Dojun-san!” Anh cúi rạp thật sâu và đưa kiếm ra, vỏ bao sáng lên màu đỏ và vàng.

Ông Ikeno hăm hừ một câu cảnh báo và ngã Leda ra sau thêm một chút nữa. Cô hét lên, vùng vẫy để nắm lấy tay của ông ta, nắm lấy thanh chắn trơn trượt, bất cứ thứ gì cô có thể với.

“Sao nào, Dojun-san!” Samuel nói với vẻ giễu cợt hằn học. “Xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi đưa thanh Gokuakuma lại cho vị chủ nhân vinh dự của nó.”

Ông Dojun nhìn anh không chớp.

Samuel nhún vai, hạ thanh kiếm xuống. “*So.* Cưới một người vợ khác, *tie?* Đồ khốn nạn. Đồ khốn nạn, ông không quan tâm; ông lừa tôi; ông chơi tôi; ông lợi dụng tôi suốt mười bảy năm,

khốn nạn, *sao cô ấy lại ở đây?*” Anh thở hồng hộc, một âm thanh to qua những kẽ răng. “*Nhìn cô ấy đi!*” anh rống lên, nâng thanh gươm lên đầu. “*Ông có biết tôi sẽ giết cả hai người nhanh đến mức nào không?*”

“Cậu có điểm yếu, Samua-san,” Ông Dojun nói khẽ. “Muốn quá nhiều.”

Samuel nhìn ông đăm đăm. Anh hạ kiếm xuống. “Muốn quá nhiều,” anh lặp lại, trong một giọng kinh ngạc. “*Tôi muốn quá nhiều!*”

Vết máu khô trên mặt anh như mực sơn khi ra trận. Anh lắc đầu, như thể ý tưởng đó khiến anh ngơ ngác, như thể ông Dojun khiến anh chết lặng.

Anh quay lại đột ngột, đập kiếm lên thanh chắn lần nữa. “*Có nghe ông ấy không, cá mập? Ta muốn quá nhiều!*”

Leda nuốt không khí khi cô nhìn chéo qua và thấy bóng hình dữ tợn trời lên từ dưới con thuyền, đầu dẹt và khổng lồ, to đến mức khi đầu nó ngang tầm với đuôi thuyền, vây lưng hình tam giác nằm ngay bên dưới cô. Nó va vào thân thuyền, và cả con thuyền rung rinh.

Samuel nói, “tôi không muốn quá nhiều.” Anh quay lại phía Leda và ông Ikeno cùng thanh kiếm.

Ông Dojun bật ra một tiếng. Nó bắt đầu là một tiếng hô kéo dài, gầm gừ rồi to dần lên. Nó chạy dọc khắp người cô với một cú sốc gây tê liệt; cô cảm thấy nắm tay của kẻ bắt giữ mình thất lại.

Samuel dừng sững lại như thể một bức tường mọc lên trước mặt anh. Leda điên cuồng nắm chặt bàn tay còn lại của mình, cố gắng du vào thanh chắn, vùng vẫy, cảm thấy sự thăng bằng dần mất đi khi ông Ikeno nghiêng cô.

“Samuel!” cô rên rỉ.

Anh di chuyển. Với một âm thanh không phải là tiếng động, một sự bùng nổ của khí và lực đưa tất cả mọi thứ khác vào yên lặng, anh quăng thanh kiếm vào không trung.

Ông Ikeno vùng khỏi cô, phóng lên để chặn đứng thanh kiếm trong cú bay lên theo hình vòng cung. Leda hét lên và quờ quạng tìm thăng bằng, nửa người cô ngửa ra ngoài, nước và con thuyền nghiêng ngả trong tầm mắt cô. Một thứ gì đó bắt lấy cánh tay cô, giật mạnh cô thăng lại. Samuel lôi cô vào ngực anh, loạn choạng lùi lại cùng lực kéo. Ông Ikeno thậm chí còn không nhìn họ; ông ta đang ngậy người nhìn lên thanh kiếm xoay xoay trong một hình vòng cung trên cao rồi rơi thật nhanh xuống.

Nó đâm thẳng xuống mặt nước, cách xa con tàu mười bộ. Không to hơn một tiếng tồm, và dường như bắt lấy ánh nắng dọc theo chiều dài của nó từ dưới làn nước trong. Từ một khoảng cách xa, con cá mập quay đầu với sự nhanh nhạy của loài mèo. Thanh kiếm chìm như một chiếc lá rơi, nhõn nhơ, chuôi vàng tối rồi lại sáng loáng lên. Khi con cá mập phóng đến thanh

kiểm, cái đầu to lớn của nó như phình ra. Thân mình lặn ngửa, khoe ra chiếc bụng trắng và cái miệng há lớn, một cảnh tượng khủng khiếp của hàm răng ác mộng và rồi thanh kiếm trượt vào như thể bị hút bởi một ống dẫn.

“*Iya!*” ông Ikeno thì thầm.

Vây lưng màu xám trời lên khỏi mặt nước. Con cá mập bơi qua thuyền đánh cá khiến con thuyền nghiêng ngả bởi lực sóng xô khi nó đi ngang.

“*He mano,*” Manalo gọi từ con xuồng, giọng đầy thần phục. “*Ka waha o Kaahupahau!*”

Không một ai khác lên tiếng. Con cá mập quay về phía cửa cảng. Vây lưng của nó chìm xuống dưới nước. Bóng dáng đáng sợ đó trở nên mập mờ, rồi biến mất khỏi tầm nhìn vào lòng đại dương.

Samuel ôm Leda vào người, lưng tựa vào buồng đơn thấp trên boong. Anh cảm thấy những đợt rung mình chạy dọc khắp người cô, hết đợt này đến đợt khác, mỗi lần cô thử nói hay cử động. Tóc cô xõa ra và quất vào mắt cô; anh vuốt nó ra sau, nhìn qua đầu cô về phía những người còn lại.

Ikeno đứng bất động, nhìn theo con cá mập. “*Aiya!*” hắn ta lầm bầm. “Xin Phật tổ bảo vệ chúng ta. Ông Tanabe đã làm gì thế này?”

“Tôi không biết,” Dojun nói khẽ.

Ikeno không quay lại. “Gã ta là một người điên hay đáng gờm đây? Ông đã làm gì hả Tanabe-san? Ông đã tạo ra cái gì thế hả?”

“Tôi không có câu trả lời. Chuyện xảy ra thế thôi.”

Ikeno rút ra một cái bùa *omamori* từ dưới áo và nắm chặt trong tay. “Thần chiến tranh lên tiếng, *ne?*” ông ta bắn khoả. “Có thể thần Hachiman của cung và tên đã thấy vương bạn, và lên khỏi đền thờ bằng đá của ông ta để bay ra ngoài. *Namuamidabutsu; namuamidabutsu.*” Hắn ta khẽ tụng.

“Ông sẽ làm gì?” Giọng Dojun không hề dao động.

Ikeno thả mảnh bùa. Mắt nheo lại, rồi hắn nhún vai, như thể để giữ bỏ nỗi lo dị đoan. “Câu cá mập,” hắn nói, với một cái hất hàm. Nhưng bên dưới vẻ bất cần là một gánh nặng u ám.

“Vô vọng,” Dojun nói. “*Roto* của ông thương tích rồi.”

Ikeno nhìn qua vai, nơi tên duy nhất không bị thương đang băng bó cho những kẻ khác. “Chúng tôi đều thương tích từ cơn đau bụng. *Kuso!* Lẽ ra tôi nên nhảy theo nó.”

“Một cái chết của con chó. Một cái chết vô nghĩa.”

“Người là một kẻ phản quốc! Người phản bội đất nước. Dân ta đang cần thanh Gokuakuma. Chúng ta đang quỳ gối dập đầu trước phương Tây.”

“Vậy thì hãy để chúng ta đứng thẳng, và không trao lòng tin vào quỷ dữ!” Dojun đối lại. “Tôi không tin thần chiến tranh sống dưới một đền thờ bằng đá. Tôi đã ở phương Tây quá lâu rồi. Hachiman sống ở đâu đó khác, Ikeno-san—trong lòng những chính trị gia, thầy tế và những người như ông và tôi.”

Ikeno khịt mũi. “*Nihonjin no kuse ni!* Tanabe hẳn sống lưu vong quá lâu rồi. Hẳn không phải người Nhật nữa rồi.”

Dojun quay phắt lại chỗ hẳn, với một vẻ mặt đầy cảm xúc hơn bao giờ hết. Ikeno đứng với hai chân dang rộng, đầu ngẩng cao, sẵn sàng cho một trận đấu.

Một giọng nói bồi vang lên trên tiếng thì thầm của những kẻ trọng thương trên boong. Manalo đã lên tàu; với bản tính chất phác của người ở đảo, anh ta phụ băng bó, giúp những người đàn ông mà mười lăm phút trước sẽ giết anh ta không mấy may xúc động.

Dojun xoay đầu. Ông quan sát họ. Sau một lúc ông gặp ánh mắt Samuel. Với một nụ cười châm biếm, ông nói, “Có thể Ikeno-san đáng kính mở miệng mà không biết mình đang nói gì.”

Samuel không thể giải nghĩa ánh nhìn đó. Anh nhận ra mình chưa bao giờ thật sự hiểu bất cứ điều gì về cảm xúc của Dojun. Anh không biết thậm chí ngay lúc này, khi đã kinh qua cái rây của khát vọng, của sự tức giận và tổn thương của bản thân. Luôn luôn—như mọi khi—Dojun ngừng cú đánh lại, chỉ trừ bài sát hạch ở Kaleakala, thậm chí ngay cả lúc đó—thậm chí hồi đó... Samuel cũng đã đôi khi băn khoăn.

Dojun là một sư phụ. Ông ấy đã luôn như thế. Ông ấy sẽ luôn như thế.

Nhưng lần này, Samuel đã thách thức bức tường rắn như kim cương của ý chí và đã tự mình phá vỡ nó.

Dojun cúi mình về phía anh với lòng tự hào. “Tình bạn với phương Tây là một thứ đầy sức mạnh mà cũng vô cùng khó khăn. Nhưng có những thứ ta không thể tránh khỏi trong vòng đời này.”

Samuel nghe thấy sự trách móc—và sự công nhận. Anh giữ ánh mắt đó một cách ngang tàng. “Hẳn không có được thanh kiếm quý của ông phải không?”

“Không.” Dojun nhìn ra Cánh Trăn Châu. “Ông ta không có được.” Ông khẽ mỉm cười. “Nhưng hãy nhớ lấy chuyện con sao biển, Samua-san.”

Samuel ôm cơ thể Leda vào người và dụi mặt vào cổ cô. Cô nắm chặt tay anh. Một cái rùng

mình kéo dài chạy khắp người cô.

“Nếu ngài vui lòng,” cô nói, một giọng Anh nhỏ và giản dị, “chúng ta về nhà được chưa?”

Samuel gọi Manalo, anh ta ngay lập tức đưa tay lên báo hiệu đã nghe và nhảy xuống xuống. Khi Leda thấy thế, cô cứng người trong vòng tay Samuel.

“Chúng ta có nhất thiết phải đi bằng cái xuống nhỏ đó không?”

Anh khép chặt vòng tay quanh cô. “Cá mập đã đi rồi.”

Cô rùng mình. Cô hít sâu. “Chà. Vâng! Em dám chắc ngài nói đúng.” Với một cái đẩy nhẹ, cô đứng thẳng lên. Không nhìn Ikeno, hay Dojun, hay bãi chiến trường trên boong, cô đánh mặt lại trong một biểu hiện cam chịu của kẻ tử vì đạo và cẩn trọng bước qua hai tấm chiếu vấy máu. Đến thanh vịn, cô ngừng lại. “Tôi muốn đem theo bàn cô dâu, ông Dojun. Nếu ông tốt bụng đem nó tới. Có thể sẽ sửa được bàn, và một thanh kiếm khác có thể tìm thấy để thay cho thanh kiếm đã bị—nuốt.”

Dojun không chớp mắt. Ông cúi mình và nói, “*Sayo*. Tôi sửa được, Bà Samua-san. Mọi điều tốt lành.”

“Tuyệt vời. Và tôi phải cảm ơn ông và ông Manalo vì đến cứu giúp. Như ông thấy đó, ông Gerard đã làm chủ được tình hình, nhưng lòng quả cảm và sự tương trợ của ông rất đáng trân trọng.”

“*Kin doku*. Rất vinh dự.” Dojun cúi chào, một cái nghiêng người thật sâu đầy kính trọng. “Vợ tốt. Vợ tốt đấy, Samua-san. *Kanshin, kanshin*.” Ông đổi sang tiếng Nhật. “Đưa cô ấy đi đi. Ta có ý như ta nói. Cô ấy đáng ngưỡng mộ. Ta quý trọng cô ấy. Cô ấy rất muốn có được sự tin cậy của cậu.”

Samuel do dự. Đó là lời khen hơn bất cứ thứ gì anh từng nghe từ Dojun. “Ông không đi sao?”

“Đưa Manalo lại đón ta.” Ông mỉm cười một cách chế giễu. “Ta sẽ đem bàn cô dâu về cho.”

Samuel liếc nhìn Ikeno và những người còn lại.

“Ta muốn thuyết phục kẻ hủ lậu này vì đã khờ dại nghĩ ta không phải người Nhật,” Dojun nói một cách nhẹ nhàng.

Ikeno thẳng người từ vị trí nhìn ra thanh chắn và hự một tiếng. Vẻ cau có của hắn như một trong những võ sĩ mặt quỷ khắc trên tranh mộc bản, như thể hắn sẽ hả dạ mà giết ai đó.

Sự phẫn nộ đối với Dojun vẫn còn sôi sục trong máu Samuel, nhưng một ý chí ngoan cố nào đó của lòng trung thành và thói quen và nghĩa vụ khiến anh nói, “Cần giúp đỡ chứ?”

Dojun phẩy tay trước mặt, một cử chỉ từ chối. “*Chigaimasu*. Nghĩ sao hả, thằng *baka* này?”

Samuel nhìn xéo qua thể đứng sẵn sàng của Ikeno. Anh mỉm cười chua cay. “Được rồi,” anh nói tiếng Anh. “Chúc vui.”

Leda ngồi trước mặt anh trong chiếc xuồng, một cách cứng nhắc, hai bàn tay và khuỷu tay kéo sát vào người. Họ đến bờ biển mà không có một dấu hiệu đe dọa nào từ cá mập. Cậu bé Shoji, người đã dùng lon đóng gạo để giao tiếp với Samuel trong khi anh đang ở thuyền đánh cá—một tiếng leng keng duy nhất để báo hiệu cho anh biết một người của Ikeno đang đến, hai tiếng là một kẻ lạ mặt, ba tiếng là Dojun—đứng đợi. Anh nhảy xuống để giúp kéo xuồng vào chỗ bùn. Samuel, quần lanh thấm sát vào đầu gối, lội lên chỗ đất khô để giúp cô xuống xuồng. Cô túm váy lại như thể cô đang bước khỏi một cỗ xe trong khu Park Lane.

Shoji cột ngựa vào thân xe. Leda chờ trong khi họ thắng cương ngựa. Cô trông như một người lang thang bơ vơ, tóc bay quanh mặt và mũ thì đã mất.

Samuel muốn đến bên cô và kéo cô vào vòng tay và ôm cô, ôm cô thật chặt và thật gần. Nhưng thay vào đó anh làm việc cùng Manalo và cậu bé, giấu đi sự ngượng ngịu đã đến với anh. Anh cột xong mấu khóa và đứng nhìn nó trăn trăn.

Shoji lo lắng nhìn anh, và anh nhận ra cậu bé lo cho Dojun. “Ông ấy không sao,” Samuel nói ngắn gọn. “Cứ đứng canh thôi.”

Shoji yên lặng len vào con đường giữa bụi rậm và biến mất.

Manalo trở lại chiếc xuồng. Khi Leda hùng hồn phản đối vì quá nguy hiểm, anh ta chỉ nhún vai. “Phải quay lại đón Dojun-san đó mới được.”

“Nhưng cá mập—”

Anh ta cười toe. “Manalo dở lắm. Cá mập không thích đâu.”

“Có thể nó thích mùi whiskey, *blad*?” Samuel lầm bầm. “Lần sau anh mà say, tôi sẽ gọi cá mập tới đây, xé *laho* anh ra.”

Nụ cười toe của Manalo mất đi vẻ hào nhoáng của nó. Anh ta nhìn Samuel với một vẻ lo lắng.

“*Mahope aku*,” Samuel nói, với một cái hất đầu. “Lát nữa, người anh em. Chúng ta sẽ nói chuyện.”

Anh chàng người Hawaii làm một bộ mặt nhăn nhó và cúi người trên mái chèo, lội nước trong khi đẩy xuồng ra khơi. “Có thể Manalo sẽ đi câu cá vài ngày.” Anh ta nhảy lên xuồng, nâng mái chèo lên cao. “*Aloha nui*.”

Leda đứng và nhìn dõi theo cho đến khi con xuống bị hòn đảo trong cảng che khuất. “Chà!” cô nói. “Em hy vọng anh ta biết mình nói gì về chuyện cá mập.”

Samuel tựa tay lên hông ngựa. Anh thấy cô run rẩy, nhưng cô không nhìn anh. Cô vòng tay quanh mình và nhìn xuống mặt nước, chớp mắt thật nhanh.

“Leda—”

Cô quay đầu lại, với đôi mắt long lanh, trống rỗng. Rồi ánh mắt cô lướt qua vết máu trên cổ và ve áo anh. Hơi thở cô trở thành một tiếng nức nở. Cô ôm mình chặt hơn và nuốt xuống, thở khó nhọc, phát ra những âm thanh quẩn bách trong cổ họng. “Em không muốn khóc! Em sẽ không khóc!”

Anh bước một bước, rồi ngừng lại. “Không sao cả.” Anh đứng gồng mình, nắm chặt trụ xe. “Em có thể khóc mà.”

Cô lắc mạnh đầu. “Em sẽ không khóc! Nó quá—thiếu đúng—” Một tiếng nức nở to, lạnh lạnh, nấc cụt ngắt lời cô. “Thiếu đúng đấy!” Tóc cô xõa tung và lật phất trên vai khi sự run rẩy trong cô vỡ òa, trở thành những tiếng nấc khan làm cơ thể cô co giật, những tiếng khóc trầm và rầm rức với sự kích động được kiềm nén. “Em không—*thích*...cá mập! Em không *muốn* bị treo lơ lửng trên cá mập!”

“Không có cá mập nữa,” anh nói. “Không có kiếm nữa.” Anh giữ bàn tay nắm chặt trên trụ xe, xiết lấy nó.

“Và đó—và đó là một ch-chuy—chuyện khác nữa! Đó là trận đấu kiếm thiếu—trung thực nhất em từng thấy!” Cô ghi chặt cánh tay quanh người. “Dù cho em chưa từng thấy trận đấu kiếm nào!” cô hần học nói thêm. “Nó thật vô lý! Sao ngài lại phải bắt đầu bằng việc ngồi xuống? Ông Ikeno có hết mọi lợi thế! Và với thanh kiếm—g—gơ-huh...góm guốc—mà họ đưa cho ngài! Ngài đã có thể—ngài đã—có thể—” Cô mất tiếng bởi những cái thở gấp. “Ôi—Samuel!”

Anh thả cây trụ. Anh lôi cô thật mạnh vào vòng tay mình. Cô đang run rẩy dữ dội đến mức đầu gối cô cứ sụm xuống. Cô nắm chặt tay áo anh, vùi mặt vào lồng ngực anh. Anh vuốt tóc cô và ôm cô, dùng đưa cô, với một tiếng cười lạ lùng sôi lên trong anh. “Phu nhân can đảm của tôi. Ổn cả rồi. Cô gái dũng cảm của tôi. Phu nhân ngọt ngào, can đảm của tôi.”

Cô khóc bên người anh. Anh ấp ủ cô, đỡ hết sức nặng của cô lên người anh. Anh gác gò má bị rạch lên tóc cô, đón chào sự bỏng rát mà nó mang lại.

“Ôi Chúa ơi—Leda,” anh thì thầm, tay anh trong tóc cô, cơ thể cô áp sát vào anh.

Sự run rẩy của cô dịu lại. Cô đứng tựa vào anh, tiếng khóc nhỏ dần. “Em ước—em ước mình đã nghĩ ra một câu nói sắc sảo và gay gắt nào đó để nói với những kẻ đó!” Cô hít vào và thở phà ra. “Nhất định ngày mai em sẽ nghĩ ra, khi mọi chuyện đã quá muộn! Em không hiểu có gì để cho ngài cười cơ chứ.”

“Đừng rời bỏ tôi.” Anh lắc cô. “Leda! Đừng bao giờ ra đi và bỏ tôi lại.”

Cô vùng khỏi anh. “Chà, một điều vô lý làm sao! Trong khi ngài cố hết sức buộc em đi!” Bất chợt cô quay ngoắt đi và bước đến cỗ xe. Cô ngừng lại đó, môi run run, váy và tóc xộc xệch. “Em dám nói nếu em là một người thiếu nghị lực hơn thì em đã đi rồi!”

Anh hít sâu. Tất cả không khí bên dưới anh, toàn bộ cú rơi dài dằng dặc đó—nhưng anh sẽ không yêu cầu, hy vọng, và gầy dựng, rồi chảy máu, rồi tự băm vằm tim mình ra từng mảnh nữa. Anh muốn điều này; anh sẽ chớp lấy nó. “Em đã mất cơ hội ra đi rồi.”

Cầm cô hất lên. “Em chưa từng muốn có một cơ hội, ngài đúng là không thể chịu được! Em cho là ngài sẽ không thể nào hiểu được, vì là một người đàn ông, khi em nói với ngài rằng em đã yêu ngài từ giây phút ngài nhật ký cho em khi em còn là một cô gái bán hàng! Điều đó sẽ chẳng có ý nghĩa gì với ngài; em dám nói ngài đã quên hẳn chuyện đó rồi, nhưng đàn ông thường là những kẻ vô vọng nhất đời khi dính dáng đến những chuyện quan trọng. Và em phải nói đúng là không đáng với tính nhạy cảm của phụ nữ khi cứ phải tiếp tục khẳng định tình cảm của mình một cách sỗ sàng như thế!”

“*Phải không?* Nếu tôi muốn nghe thì sao?”

Cô hạ cằm và chớp mắt trước sự mãnh liệt đột ngột của anh.

“Nếu tôi muốn nghe thì sao?” anh hỏi một cách dửng dưng. “Nếu tôi cần thức dậy mỗi buổi sáng chết tiệt của cuộc đời tôi và nghe em nói yêu tôi thì sao?” Giọng anh bắt đầu to hơn. “Nếu đó là tất cả những gì có ý nghĩa chó chết nào với tôi thì sao?”

Cô hít vào sừng sốt. “Đó là một từ bậy bạ có phải không? Đó là thứ ngôn ngữ bất lịch sự nhất!”

“Thế thì sao?” anh rống lên. “Nếu tôi muốn điều đó đến chết tiệt đi được thì sao Leda? Mỗi buổi sáng! Em yêu tôi. *Nếu tôi muốn nghe nó thì sao?*”

Cô nhìn anh trân trối. Anh đang thở khó nhọc, như thể anh đã đánh nhau. Tiếng vọng của những lời anh nói vang trên mặt nước và trở đi trở lại.

Cô thấm ướt môi. Rồi cô tóm váy lại và quệt tay lên hai gò má ướt. Váy lót của cô sột soạt khi cô bước vào xe. Cô rút ghim cài trên đầu và cuộn tóc rồi vắn nó cho có vẻ ngăn nắp.

“Vậy thì thưa ngài.” Cô trao cho anh một ánh nhìn đứng đắn bên dưới hai hàng mi. “Nhất định ngài sẽ được nghe!”

Leda vô cùng bền lễn, và Samuel thì chẳng giúp được gì cả. Ông Dojun thậm chí còn không có mặt để xoa dịu sự tế nhị của tình huống này bằng một cuộc trò chuyện vu vơ. Những người làm vườn đều chẳng thấy đâu. Biển Nổi vắng lặng, với những cột trụ cao màu trắng hút lấy ánh nắng chiều và đổ những cái bóng lên sân lanai.

Cô ngo nguậy những ngón chân trần lên lớp gỗ bóng, vì đã học được cách bỏ giày và tắt ở cửa sau khi ông Dojun khuyên cô rằng sẽ là bất lịch sự khi mang giày vào nhà. Cô chờ trong đại sảnh, ngay sau khung cửa chính, trong khi Samuel đem ngựa ra sau nhà để dắt vào chuồng.

Căn nhà có vẻ ảm đạm và trang nghiêm và cô đơn, những bức tường trắng nổi trên màu đỏ vàng sáng của gỗ koa ở khung cửa và cửa chớp cao. Chẳng có đồ đạc nào trong sảnh, hay bất cứ nơi nào khác trừ phòng ngủ và phòng làm việc trên tầng, nơi cô đã chú mục từng cố gắng nhỏ nhất.

Cô hy vọng anh sẽ thích nó. Cô hy vọng mãnh liệt đến mức không thể nghe thấy tiếng gì khác ngoài nhịp tim cô đập trong tai. Anh làm cô giật mình khi xuất hiện, di chuyển khẽ khàng trên đôi chân trần. Cô đã gợi ý anh thả áo khoác và sơ-mi vấy bẩn ở tàu ngựa cho đến khi chị thợ giặt có thể đến gom đồ; anh rõ ràng đã rửa mặt, vì tóc anh ướt và những vết máu đã trôi, chỉ để lại một đường sưng đỏ từ quai hàm lên đến thái dương.

Cô cau mày. “Gương mặt tội nghiệp của ngài! Em vẫn tin chúng ta nên báo cảnh sát.”

“Có thể tôi sẽ có một vết sẹo ngang tàng cũng nên.” Một khóe môi anh cong lên. “Chuyện đó chưa từng xảy ra.”

“Nên có một bác sĩ khám xem thế nào.”

“Không phải tối nay.” Anh tựa vào khung cửa, khoanh tay ngang ngực. Để chân trần, mặc quần lằm bằm và không áo sơ-mi, anh trông rám nắng và bất hảo như Manalo, chỉ khác là không có hoa.

Cô chấp tay lại, cảm thấy ngượng ngùng. Anh không nói nhiều trên đường về nhà, chỉ bảo cô rằng cảnh sát sẽ không giúp ích được gì nhiều; rằng đây không phải một vụ bắt cóc tổng tiền, mà chỉ là một công chuyện làm ăn không được suôn sẻ. Cô tự nhủ sẽ làm một bài thuyết giảng về việc lựa chọn đối tác kinh doanh một cách khôn ngoan trong một khoảng thời gian không xa.

Nhưng không phải bây giờ. Những quý ông thường có xu hướng bực tức khi bị ám chỉ họ không phải người làm chủ hoàn hảo công việc kinh doanh của họ. Cô không muốn bàn chuyện đó với anh lúc này.

“Chà!” Cô trao anh một nụ cười bầu bạn tươi tắn. “Em sẽ mời ngài ngồi trong phòng khách, nhưng em e là chẳng có đồ đạc nào cả.”

“Tôi cứ tưởng em chẳng làm gì ngoài khiêng đồ đạc lên đây suốt tuần rồi.”

“Em đã làm. Em đã bắt đầu với những phòng trên lầu.” Cô cảm thấy mình đỏ mặt. “Em đã nghĩ—”

Samuel nhìn cô.

“Manalo...và ông Dojun gợi ý—”

Anh hơi kéo vai ra sau, dấu hiệu của tính hiếu chiến trong dáng vẻ thoải mái. “Em hãy nghe lời tôi, không phải hai người đó.”

“Em sẽ rất vui lòng làm thế. Đạo gần đây chuyện đó hơi khó, vì ngài không có ở đây để chỉ bảo em.”

Anh im lặng một thoáng. “Giờ tôi ở đây.”

Mời thẳng anh lên phòng ngủ thì có vẻ quá sốt sắng. Cô cân nhắc những cách khác nhau để đưa nó vào cuộc trò chuyện, nhưng vì chẳng có cuộc trò chuyện nào, hoặc giả vì trò chuyện quá ít, và chỉ là một cuộc trò chuyện lễ độ, cô cảm thấy không biết xoay sở ra sao và còn có chút bất công nữa. Anh đúng là người đàn ông khiến người khác bức bối nhất mà cô biết.

“Em có yêu tôi không, Leda?” anh gặng hỏi.

“Nhất định rồi.”

“Tôi muốn—” Anh thở ra và xoay đầu. Vết cắt trên mặt anh trắng bệch ở hai đầu.

Muộn màng, cô hiểu ra điều anh định nói—và điều gì đang xảy đến với anh. Anh lầm bầm gì đó quá nhỏ mà cô không thể nghe thấy. Cô cắn môi, hai khóe miệng cong lên, nhưng sự bất chợt khi anh thẳng người khỏi khung cửa và bước đến chỗ cô khiến cô quay người và áp lưng vào tường.

Anh ngừng ngay lập tức. Gương mặt rần lại.

Rồi anh quay ngoắt đi, bước qua cô lên cầu thang. “Vậy là. Tôi muốn lên xem đồ nội thất chết tiệt của em.”

Anh bước lên cầu thang hai bậc một, qua chỗ uốn cong tạo nhả nơi cầu thang xoay lại. Anh ngừng ở đó. Cô không thể thấy mặt anh, nhưng cô thấy anh nắm chặt tay vịn.

“Leda!” Tiếng gọi của anh vang vọng trong căn nhà trống. “Chết tiệt nó đi! Em nói là em yêu anh. *Và đó là anh!* Anh không thể ngừng được; anh không thể ngăn được; anh muốn chạm vào em; anh muốn ngủ với em; anh muốn ở trong em. Lạy Chúa, ngay khi anh giúp em thoát khỏi tay tên khốn kiếp đó anh đã muốn thế! Trên boong tàu, trong xe, bên một bức tường. Anh không cần biết! Nó không có chút khác biệt chết tiệt nào với anh cả!”

Cô nhìn xuống chân mình lộ ra dưới gấu váy dính cát. “Em thích một cái giường.”

“Tốt thôi! Anh hiểu là có một cái ở trên này.”

“À vâng—em đã tự hỏi không biết làm cách nào có thể tế nhị đề cập đến chủ đề đó.”

Giọng cô vang vọng trong một tiếng thì thầm nhỏ rồi tan đi.

Bàn tay anh không di chuyển trên thanh vịn.

“Thật sao?” anh chậm chậm hỏi.

“Vâng.”

Một sự im lặng kéo dài trôi qua. Cơn gió nhẹ thổi qua đại sảnh làm mát khuôn mặt và cổ cô.

“Vậy tại sao em còn ở dưới đó?” anh hỏi trong một giọng khổ sở.

Cô chà hai chân lên nhau. “Bởi vì—em không muốn có mặt ở đó khi ngài thấy—mọi thứ được trang hoàng. Trong trường hợp ngài không thích.”

“Vì lòng kính Chúa. Dù sao cũng chỉ là đồ đạc.”

“Còn có...một vài thứ khác nữa.”

Anh không nói gì. Leda căng thẳng gõ ngón tay lên tường. Sau một lúc, bàn tay trên thanh vịn biến mất.

Cô biết anh di chuyển êm ái. Cô biết mình nên bắt đầu quen với điều đó rồi mới phải. Nhưng cái cách anh biến mất, và không có tiếng động nào vang lên từ sàn phòng tầng trên một lúc lâu sau, khiến cô lo lắng.

Cuối cùng cô cũng lên lầu. Cô đi thật chậm. Trên sảnh tầng hai chẳng có ai, chẳng có âm thanh nào. Cô thong thả bước qua phòng làm việc đến phòng ngủ.

Anh đang đứng ở đó, giữa mười ngàn con hạc giấy đỏ cầu sự trường thọ và hạnh phúc.

Chúng treo lơ lửng từ những cung tre thành tầng tầng lớp lớp, những băng giấy hai mươi và ba mươi và năm mươi, chậm chậm rũ xuống từ trần nhà cao mười hai bộ. Một số chúng dài gần chấm đất, chỉ cách một hay hai tấc trong cơn gió từ khung cửa mở. Một số dây đủ cao để cô và ông Dojun có thể đi bên dưới một cách dễ dàng. Cô đã quên mất Samuel cao hơn họ đến mức nào; chúng phất lên mặt anh và đập trên tóc anh, lơ lửng trên vai, di chuyển cùng nhịp thở của anh, như một tấm màn trướng bằng liễu đỏ.

Anh nâng hai cánh tay lên cao và tới trước, lùa một chùm sột soạt về phía anh. Anh nhắm mắt và thả cho chúng tản ra trên gương mặt ngược lên của mình.

Leda nấn ná ở khung cửa. Cô không biết liệu anh có nhận ra cô đang ở đó không nữa.

“Em làm đó à?”

Anh hỏi mà không mở mắt, gương mặt vẫn ngửa lên trần.

“Đó là—ý tưởng của em. Vị phu nhân—Bà Obasan—bà ấy làm chúng. Ông Dojun nói phong tục là một ngàn con hạc, nhưng em nghĩ—có thể, vì bà ấy đã làm sẵn hết, thì mười ngàn con sẽ là một đầu tư có lợi.”

“Một đầu tư có lợi,” anh lặp lại.

“Cầu may mắn và hạnh phúc. Như cách tính tiền vốn, lợi tức ngân hàng và đại loại thế. Em tin những con hạc cũng có tác dụng tương tự. Em không hiểu làm sao lại không. Và còn có ưu thế được giảm giá khi mua nhiều nữa. Ngài đã thấy con rùa chưa?”

“Chưa,” anh nói trong một giọng là lạ. “Anh chưa thấy con rùa.”

“Nó ở trong phòng làm việc của ngài. Trên bàn viết, trong một cái chén đen đẹp mắt, với vài hòn đá trắng và một chút nước. Đó chỉ là một con rùa hồ thôi. Dickie đã cho chúng ta mượn nó, cho đến khi con rùa của chúng ta được nhập sang.”

“Em nhập sang một con rùa sao?”

“Ông Richards sẽ lo chuyện đó. Ông ấy nghĩ nó sẽ đến nơi nội trong tháng này.”

“Tại sao?”

“Nó là một món quà. Món quà cưới em tặng ngài. Ông Dojun nói ngài sẽ hiểu.”

Anh chỉ nhìn cô.

“Và còn một thứ khác nữa em đã chuẩn bị. Nhưng em—lát nữa em sẽ chỉ cho ngài xem. Trước tiên em phải nói với ngài là ông Dojun đã tặng chiếc giường này cho chúng ta, với hình con hạc trên đó. Và những ngăn kéo trên tủ vang lên nốt nhạc khi mở. Ông ấy cũng đã làm nó.”

Samuel chạm vào một trong hai cây tre ở cuối chân giường.

“Và cây tre là một loại cây mang lại may mắn,” cô nói thêm. “Kiên định, tận tụy, linh hoạt.”

Anh kéo một chiếc lá xuống rồi thả tay. “ ‘Hãy như lá tre bị uốn cong bởi giọt sương’ “ Anh lắc đầu. “Dojun luôn nói những câu như thế.”

“Thật sao ạ? Em phải lắng nghe ông ấy nhiều hơn mới được.”

“Đừng nghe lời ông ấy. Đừng đụng vào bất cứ ‘bàn cô dâu’ nào vì ông ấy nữa.”

“Em rất lấy làm tiếc vì cái bàn!”

“Quên cái bàn đi. Nó không là gì cả. Một trăm phần trăm không là gì. Ông ấy đã bịa ra chuyện cô dâu vớ vẩn đó.” Anh ngược mặt lên. “Nhưng cái này—” Anh lắc đầu lần nữa, với một nụ cười mơ màng. “Anh không thể tin được em đã làm điều này. Và một con rùa nữa, vì Chúa. Em làm anh phải nể. Anh—bái phục.”

“Thật à?”

Anh nâng bàn tay và để một dải hạc giấy trượt lên đó. Anh cười toét miệng.

“Ồ, em mừng quá. Vậy có thể ngài sẽ thích con cá.”

Anh bật cười. “Lạy Chúa—không phải cá khô chứ? Leda!”

“Không không. Em nghĩ cá khô sẽ có mùi, ngài có nghĩ vậy không? Ngài lại đây.” Cô nắm tay anh, kéo anh đi qua cửa vào phòng tắm. Nó được thiết kế theo phong cách hiện đại nhất, với vòi nước nóng lạnh và bồn tắm bằng đá trắng sâu hai bộ dài sáu bộ, cư dân hiện thời là hai chú cá màu vàng và sứa, vương giả và chậm rãi bơi vòng quanh, lả lướt chiếc đuôi và vây trong vắt. “Đây mới là món quà thật sự của em. Đây là thứ em đã lên kế hoạch từ khi—” Cô chạm lưỡi lên môi trên. “Đó là, từ khi—đêm đầu tiên—khi ngài đến để—khi ngài đến...đó là khi chúng ta...” Giọng nói ngượng ngùng của cô rơi vào im lặng. “Ngài còn nhớ không?”

Anh rút tay khỏi tay cô.

“Đôi cá này phải ở đây cho đến khi xây được một chỗ trong vườn. Ông Dojun bảo chúng phải được phơi nắng một tiếng mỗi ngày để giữ màu. Em hy vọng ngài không phiền. Em hy vọng—”

Anh trượt ngón tay lên một bên cổ cô, buộc cô quay lại, ngẩng mặt cô lên. Anh hôn cô thật mãnh liệt. Lưỡi anh tìm kiếm miệng cô. Anh ôm cô thật sát vào người mình.

“Em hy vọng ngài thích chúng!” cô hỗn hển nói, khi cô có cơ hội.

“Ngày mai—” Anh nếm khước môi cô. “Ngày mai anh sẽ thích chúng. Còn tối nay...Leda...”

Anh bắt đầu tháo nút váy cô.

Cô duyên dáng quy phục. Một sự thật mà ai cũng biết đó là các quý ông phải được khuyến khích trong những tình huống như thế này, để không làm tổn thương họ. Khi váy cô rơi xuống, Leda nhắm mắt, choàng tay quanh vai anh và nâng môi lên môi anh, và bắt đầu khuyến khích bằng một thái độ đúng đắn và phần khởi nhất.

(Hết)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>